

**BỘ NỘI VỤ**  
**BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ**

---

**TÀI LIỆU**

**BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ THÔNG TIN,  
TUYÊN TRUYỀN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG,  
TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THEO  
QUYẾT ĐỊNH SỐ 219/QĐ-TTG NGÀY 21/02/2019  
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TGCP ngày / 9/2021  
của Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ)*

**Hà Nội, NĂM 2021**

## LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về dân tộc và tôn giáo; các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; những giá trị của tôn giáo đối với đời sống xã hội, góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nhận thức đúng đắn của xã hội về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và các chính sách, pháp luật về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời phát huy những giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2019 phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo.

Thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ đã được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin Truyền thông và các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng ***“Chương trình, Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo”***. Đây là một phần trong Chương trình, tài liệu bồi dưỡng tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình, Tài liệu gồm **03** Phần, với tổng số **16** chuyên đề giảng dạy, cụ thể:

### **Phần 1. Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam**

Chuyên đề 1. Đặc điểm tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Chuyên đề 2. Khái quát về Phật giáo ở Việt Nam.

Chuyên đề 3. Khái quát về Công giáo ở Việt Nam.

Chuyên đề 4. Khái quát về Tin lành ở Việt Nam.

Chuyên đề 5. Khái quát về đạo Cao Đài ở Việt Nam.

Chuyên đề 6. Khái quát về Phật giáo Hòa Hảo ở Việt Nam.

Chuyên đề 7. Khái quát về Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam.

Chuyên đề 8. Khái quát về Các tôn giáo khác ở Việt Nam hiện nay.

Chuyên đề 9. Tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay.

Chuyên đề 10. Hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay.

## **Phần 2. Chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam**

Chuyên đề 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo.

Chuyên đề 2. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Chuyên đề 3. Hoạt động đối ngoại tôn giáo ở Việt Nam góp phần thúc đẩy ngoại giao nhân dân và đấu tranh nhân quyền.

## **Phần 3. Kỹ năng thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo**

Chuyên đề 1. Kỹ năng định hướng, tiếp cận và xử lý thông tin trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Chuyên đề 2. Kỹ năng vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo.

Chuyên đề 3. Kỹ năng nhận diện và đấu tranh đối với hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật.

Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức biên soạn “Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo” một cách công phu, bài bản, với sự tham gia biên soạn, góp ý, thẩm định của nhiều chuyên gia, nhà khoa học, các nhà quản lý am hiểu sâu sắc về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức biên soạn, tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện bản thảo, song do nhiều lý do chủ quan và khách quan, Tài liệu chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, cần được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa và cập nhật. Ban Tôn giáo Chính phủ rất mong nhận được các ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các nhà quản lý và các học viên.

Ý kiến góp ý xin gửi về: Ban Tôn giáo Chính phủ, đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn./.

*Tháng 9 năm 2021*

**BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ**

# PHẦN THỨ NHẤT

## TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

### Chuyên đề 1

#### ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

##### 1.1. Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo

Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Đông Nam Á, ba mặt giáp biển, Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu, tiếp biến của nhiều luồng tư tưởng, văn hóa khu vực và thế giới. Về dân cư, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng cư trú ở nhiều khu vực với điều kiện tự nhiên, khí hậu, lối sống, phong tục, tập quán khác nhau và mỗi dân tộc đều lưu giữ những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo riêng của mình, tạo nên sự phong phú, đa dạng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn phải tự bảo vệ mình chống lại các thế lực xâm lược ngoại bang và các điều kiện khí hậu, tự nhiên không thuận lợi (mưa gió, bão lụt, thiên tai...). Điều kiện tự nhiên, lịch sử đã tạo nên cho người Việt Nam tinh thần dân tộc, tính cộng đồng cao và nhiều khả năng tiếp biến văn hóa ngoại sinh.

Nếu như ở nhiều quốc gia hiện nay vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống chính trị - xã hội ở các quốc gia đó thì tại Việt Nam hiện nay có nhiều tôn giáo cùng tồn tại và bình đẳng với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo. Các tôn giáo ở Việt Nam gồm cả những tôn giáo có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo; Công giáo, Tin lành; Hồi giáo...; có cả những tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Bửu Sơn Kỳ Hương; Phật đường Nam tông Minh Sư đạo... cùng rất nhiều hiện tượng tôn giáo mới. Cùng với sự đa dạng về tôn giáo, tại Việt Nam còn có sự đa dạng của các loại hình tổ chức tôn giáo, trong đó, có những tôn giáo chỉ có một tổ chức duy nhất (Phật giáo, Công giáo) và cũng có những tôn giáo có rất nhiều tổ chức khác nhau (đạo Tin lành, đạo Cao Đài...). Có tôn giáo đông tín đồ (Công giáo, Phật giáo, đạo Tin lành...) và cũng có tôn giáo có ít tín đồ, chức sắc (Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa...); có tôn giáo với đầy đủ hệ thống chức

sắc, chức việc (Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao Đài,...) nhưng cũng có những tôn giáo không có chức sắc, chỉ có chức việc (Phật giáo Hòa Hảo),...

Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, Việt Nam có 41 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo thuộc 16 tôn giáo khác nhau; với trên 26,5 triệu tín đồ (chiếm khoảng 27% dân số cả nước); trên 58 ngàn chức sắc; 148 ngàn chức việc và gần 29,8 ngàn cơ sở tôn giáo<sup>1</sup>.

## **1.2. Các tôn giáo ở Việt Nam tồn tại đan xen, hòa đồng và không có xung đột tôn giáo**

Là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo nhưng ở Việt Nam không có tôn giáo nào giữ vị trí độc tôn trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc; hầu hết các tôn giáo đều có những đóng góp nhất định cho dân tộc trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Qua mỗi giai đoạn lịch sử, các tôn giáo có vai trò và vị trí khác nhau trong đời sống xã hội nhưng ở Việt Nam chưa từng xảy ra xung đột tôn giáo. Khác với nhiều quốc gia hiện nay, vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo với số lượng tín đồ chiếm đa phần dân số (thường gọi là quốc đạo hay quốc giáo), các tôn giáo ở Việt Nam dù ít hay nhiều tín đồ thì đều tồn tại đan xen với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo và các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Tính đan xen, hòa đồng của tôn giáo ở Việt Nam được thể hiện rõ nét trên một số phương diện cơ bản sau đây:

***Thứ nhất, theo dòng lịch sử, trên lãnh thổ Việt Nam, số lượng tôn giáo tăng theo xu thế hòa quyện, không đối đầu.***

Người dân Việt Nam dường như có tính khoan dung, độ lượng trong quan hệ đa tôn giáo. Các tín ngưỡng truyền thống phản ánh đời sống tâm linh phong phú, đa dạng, sự khoan dung, độ lượng, nhân ái của người Việt Nam và tinh thần đoàn kết toàn dân tộc. Đây là những yếu tố để người Việt Nam dễ hòa đồng với nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc ta, ở những giai đoạn nhất định, bên cạnh những tôn giáo lớn, chủ lưu thì luôn có những loại hình tôn giáo khác cùng tồn tại và phát triển song song. Sau khi du nhập vào Việt Nam, các tôn giáo đều trải qua quá trình bản địa hóa và có sự tiếp biến với các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo bản địa khác nên các tôn giáo luôn có xu hướng tác động, ảnh hưởng lẫn nhau và chung sống một cách hòa

<sup>1</sup> Ban Tôn giáo Chính phủ (2020), *Báo cáo Tổng kết tình hình, công tác năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021 của ngành quản lý nhà nước về tôn giáo*, Hà Nội.

bình, hữu hảo bên nhau. Thậm chí bản thân các tôn giáo lớn, giữ vai trò gần như là chủ đạo của xã hội trong những thời kỳ lịch sử nhất định thì ngay trong nó đã có sự dung hòa với giá trị của các tôn giáo khác. Điều này được thể hiện ngay trong diện thờ của các loại hình tôn giáo khác nhau: Trong các chùa Phật giáo (nhất là ở các tỉnh, thành phố phía Bắc), ngoài thờ Phật còn thờ cả các vị Thánh, Tiên của Nho giáo, Lão giáo; các vị thần của tín ngưỡng dân gian Việt Nam như Thổ công, Thổ địa, Thành hoàng, các Mẫu... Trong Thánh thất của đạo Cao Đài có sự hội tụ cả các giá trị văn minh phương Tây và văn minh phương Đông. Với Công giáo, sau một thời gian dài tồn tại ở Việt Nam, Giáo hội Công giáo đã cho phép tín đồ được kính nhớ tổ tiên, được lập bàn thờ tổ tiên dưới bàn thờ Chúa...

***Thứ hai, người Việt Nam có sự linh hoạt trong tiếp nhận các tôn giáo***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định “*Người dân An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của người châu Âu*”<sup>2</sup>. Đối với người Việt Nam, không ít người sẵn sàng chấp nhận thờ cúng cả thần, thánh, tiên, Phật, lẫn thổ công, hà bá... Họ có thể đều đặn đến chùa mà vẫn say sưa hầu bóng; có thể vừa chịu đủ những phép bí tích mà vẫn ham bói toán, tử vi; vừa tham gia các nghi lễ tôn giáo lớn mà vẫn chăm chỉ thờ cúng tổ tiên, tổ chức hội làng. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, người Việt Nam “*tắm mình trong tâm thức tôn giáo nhưng lại khó có thể tìm thấy trong họ một niềm tin rõ rệt*”. Qua đây cho thấy, người Việt Nam sẵn sàng tiếp nhận và thực hiện các nghi thức sinh hoạt của nhiều tôn giáo khác nhau, miễn là đáp ứng được những nhu cầu nhất định của cá nhân họ.

Một bộ phận người Việt Nam có xu hướng chuyển đổi hoặc đa dạng niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo: Họ đang tin thờ một đối tượng thiêng này lại từ bỏ niềm tin đó và chuyển sang tin thờ một đối tượng thiêng khác. Điển hình như trường hợp người Mông, người Dao và một số dân tộc thiểu số khác từ bỏ tín ngưỡng truyền thống của mình để chuyển sang theo Công giáo và Tin lành; một số người chuyển từ hệ phái Tin lành này sang hệ phái Tin lành khác; nhiều người Kinh theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nhưng khi về già lại quy y theo Phật giáo, họ không từ bỏ tín ngưỡng truyền thống mà họ vừa thờ cúng ông bà tổ tiên, đồng thời cũng là Phật tử...

***Thứ ba, có sự tương đồng, dung hợp nhất định trong tư tưởng và cả trong hình thức thực hành của các tôn giáo ở Việt Nam***

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1 (tái bản), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.463.

Thực tế, mỗi tôn giáo đều mang trong mình một hay nhiều tín ngưỡng; các tín ngưỡng này đã có sự giao thoa với văn hóa Việt Nam và đều hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, chịu ảnh hưởng của truyền thống dân tộc, góp phần tạo nên những nét đẹp trong nền văn hóa đa dạng, phong phú về bản sắc của dân tộc. Hệ thống giáo lý của các tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam,...) hầu hết đều chịu ảnh hưởng từ các tôn giáo có trước.

***Thứ tư, tín đồ của các tôn giáo khác nhau có thể là người trong cùng một gia đình, một dòng họ, chung sống trong cùng một làng, một xã...***

Trong nhiều cộng đồng dân cư có sự xen kẽ giữa người có tôn giáo và người không có tôn giáo. Ở nhiều nơi, trong cùng một làng, xã, có nhóm tín đồ của tôn giáo này sống đan xen với nhóm tín đồ của tôn giáo khác hoặc với những người không theo tôn giáo và họ sống hòa hợp với nhau trên nền tảng làng, xóm, dòng họ. Vì vậy, trong một làng có thể có nhà thờ của Công giáo bên cạnh ngôi chùa thờ Phật cùng rất nhiều đình, đền, miếu, phủ của hệ thống tín ngưỡng dân gian. Chức sắc các tôn giáo cũng luôn có sự giao lưu, học hỏi lẫn nhau; trong những năm gần đây, trong các dịp lễ trọng của các tôn giáo, chúng ta không khó để thấy được hình ảnh những đoàn chức sắc của tôn giáo này tới chúc mừng ngày lễ trọng của tôn giáo khác (như chức sắc Công giáo chúc mừng lễ Phật đản trong Phật giáo; chức sắc Phật giáo chúc mừng lễ Giáng sinh trong Công giáo...).

### **1.3. Các tôn giáo ở Việt Nam có mối quan hệ quốc tế rộng rãi**

Một trong những đặc điểm quan trọng của các tôn giáo ở Việt Nam là có mối quan hệ quốc tế rộng rãi và đa dạng. Phần lớn các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đều có nguồn gốc du nhập từ nước ngoài từ nhiều thế kỷ trước đây như: Công giáo, Phật giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Tôn giáo Baha'i...; bản thân các tôn giáo này đã chứa đựng các yếu tố của mối quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên một số tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo...) cũng có một bộ phận chức sắc, chức việc, tín đồ đang sinh sống ở nước ngoài, tạo nên mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo nội sinh. Theo thống kê của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao), hiện có khoảng 5,3 triệu người Việt Nam đang sinh sống, học tập, lao động tại 109 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có khoảng 80% là người có tín ngưỡng, tôn giáo

(với khoảng 2,5 triệu người là tín đồ của các tôn giáo). Như vậy, có thể khẳng định hầu hết các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đều có mối quan hệ quốc tế rộng rãi. Các mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam được thiết lập từ khá lâu (mang tính truyền thống) và ngày càng được tăng cường mở rộng. Về cơ bản, quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam bao gồm: hoạt động thuần túy theo giáo lý giáo luật của tôn giáo; hoạt động từ thiện xã hội của các cá nhân, tổ chức tôn giáo; các đoàn tôn giáo ra nước ngoài tham gia các hội nghị, diễn đàn quốc tế, khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài; tham gia việc giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành của người nước ngoài tại Việt Nam...

Quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam được thể hiện ở nhiều góc độ khác nhau, như: (1) *Quan hệ phụ thuộc về cơ cấu tổ chức, hành đạo*: Điển hình là quan hệ phụ thuộc của Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa thánh Vatican; quan hệ giữa các dòng tu quốc tế của Công giáo ở Việt Nam với các dòng Mẹ ở bên ngoài; quan hệ phụ thuộc của các tổ chức Cao Đài ở bên ngoài với các tổ chức, hệ phái Cao Đài ở trong nước; Tin lành Mỹ có quan hệ chi phối và đa chiều nhất đối với Tin lành Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 22 chi hội và Hội Phật tử ở nước ngoài. (2) *Quan hệ truyền giáo*: Nhiều tôn giáo ở Việt Nam có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài, được các giáo sỹ, các nhà truyền giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động và truyền giáo. Trong quá trình chủ động hội nhập nền kinh tế quốc tế, nhất là việc mở rộng liên doanh với Hàn Quốc, không ít tổ chức Tin lành Hàn Quốc đến Việt Nam để truyền đạo, phát triển tín đồ. (3) *Quan hệ đồng đạo*: nhiều tôn giáo ở Việt Nam có quan hệ đồng đạo với các tôn giáo ở nước ngoài. Phật giáo Việt Nam có quan hệ giao lưu, thân hữu với rất nhiều nước có Phật giáo như: Srilanca; Thái Lan; Myanmar; Campuchia; Lào; Ấn Độ; Pháp; Đức; nhiều Tăng Ni sinh Việt Nam được gửi đi đào tạo tại các trường Đại học ở Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc, Myanmar. Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam còn có các quan hệ cá nhân hoặc trong nội bộ sơn môn, pháp phái với tăng ni, Phật tử người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài với khoảng trên 400 ngôi chùa Việt Nam đặt tại gần 30 nước. Đạo Tin lành Việt Nam có quan hệ ở tầm Châu lục, đặc biệt là các trung tâm Tin lành lớn Tây Âu, Bắc Âu và Bắc Mỹ; với Tin lành trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương mà trước hết là Tin lành Hàn Quốc (40% dân số Hàn Quốc theo đạo Tin lành với khoảng 46 triệu tín đồ). (4) *Quan hệ bình đẳng trong các tổ chức quốc tế*: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia thành lập Tổ chức Phật giáo Châu Á vì hòa



bình (Asian Buddhist Conference for Peace - ABCP); thành viên của Ủy ban tổ chức Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (Vesak)...

Như vậy, có thể thấy rằng hầu hết các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ quốc tế rộng rãi và đa dạng; ngày càng có rất nhiều hoạt động quốc tế của các tổ chức tôn giáo diễn ra trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chức sắc tôn giáo, tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam ngày một nhiều tham dự các hoạt động hội thảo, hội nghị tôn giáo, các dịp lễ của các tổ chức tôn giáo tại được tổ chức tại Việt Nam. Có thể khái quát một số quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam hiện nay như sau: *Quan hệ dựa trên những hoạt động có tính chất thuần túy tôn giáo* (đây là các hoạt động mang tính giao lưu giữa các tôn giáo ở trong và ngoài nước như: thăm viếng lẫn nhau, tham gia các cuộc hội thảo, diễn đàn khu vực và quốc tế trao đổi về giáo lý, giáo luật, lễ nghi phụng tự, sinh hoạt tôn giáo, trao đổi về thần học, kinh sách...); *Quan hệ dựa trên những hoạt động xã hội của các cá nhân, tổ chức tôn giáo* (có thể coi đó là những hoạt động thể tục mà bất cứ tôn giáo nào cũng thực hiện, như: những hoạt động xã hội, bác ái, từ thiện, viện trợ, văn hoá,... hoạt động tại các diễn đàn quốc tế với chủ đề hoà bình, phát triển, tiến bộ xã hội, chống chiến tranh, xóa đói, giảm nghèo, dịch bệnh AIDS... do các tổ chức quốc tế hoặc Liên hợp quốc đứng ra tổ chức; Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc - Vesak Day; đối thoại liên tín ngưỡng “Hòa bình, hòa hợp và cùng tồn tại”...); *Quan hệ thông qua các Hội thảo, hội nghị, tọa đàm về tôn giáo* được tổ chức trong và ngoài nước, có sự tham gia của chức sắc, nhà học giả, nghiên cứu về tôn giáo ở nước ngoài (như: Hội nghị “Tôn giáo và pháp quyền”, Lễ kỷ niệm 100 năm Tin lành vào Việt Nam...).

#### **1.4. Đặc điểm về tín đồ tôn giáo ở Việt Nam**

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: “*Tín đồ* là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận”<sup>3</sup>. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, cả nước có trên trên 26,5 triệu tín đồ các tôn giáo. Đặc điểm chức sắc, tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam thể hiện trên các mặt sau đây:

***Một là, tín đồ tôn giáo ở Việt Nam có niềm tin tôn giáo sâu sắc và giữ vững đời sống đạo; luôn tin và thực hành theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo***

Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam là những người có đức tin, coi niềm tin tôn giáo như là một định hướng giá trị và rất thiêng liêng. Trong đời sống của tín đồ,

<sup>3</sup> Quốc hội (2016), *Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016 (Luật tín ngưỡng, tôn giáo)*, Hà Nội.

niềm tin tôn giáo gắn bó với họ một cách tự nguyện; việc thực hành các nghi lễ tôn giáo và sinh hoạt tín ngưỡng được các tín đồ tôn giáo tham gia một cách nhiệt thành. Tín đồ tôn giáo coi việc tham gia sinh hoạt tôn giáo như là một nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của họ; đức tin tôn giáo và sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo đã thành lẽ tự nhiên trong cuộc sống hàng ngày của mỗi tín đồ, mà nếu thiếu vắng sinh hoạt đó người tín đồ sẽ không an tâm, luôn cảm thấy như bị mất mát, không hoàn thành trách nhiệm, bổn phận của tín đồ và như “mắc tội” với đấng thiêng liêng của tôn giáo. Như vậy, việc thực hiện các lễ nghi tôn giáo và những quy định của tổ chức tôn giáo đối với tín đồ, chức sắc tôn giáo được coi như nếp sinh hoạt văn hóa thường ngày của họ. Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, nhất là những sinh hoạt tôn giáo cộng đồng mang tính chất lễ hội. Điều này khác với tín đồ tôn giáo ở một số nước phương Tây hoặc các nước tiên tiến, các sinh hoạt tôn giáo đi theo hướng cá nhân, ở gia đình. Đây là đặc điểm cần quan tâm trong công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động tôn giáo của tín đồ, chức sắc theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước chấp thuận và theo quy định của pháp luật.

Trên thực tế, tín đồ tôn giáo là công dân của một nước, gắn bó với dân tộc, với cộng đồng xã hội, mang bản sắc văn hóa của quốc gia, dân tộc. Ngoài tư cách là công dân, tín đồ tôn giáo còn thuộc về một tổ chức giáo hội nhất định và chịu sự chi phối của thần quyền, giáo lý, giáo luật và lễ nghi của tôn giáo mà họ tin theo. Trong cuộc sống hàng ngày, tín đồ còn phải thực hiện các nghi lễ tôn giáo và tham gia các hoạt động đóng góp cho giáo hội, như chăm sóc nơi thờ tự, làm việc theo phân công của giáo hội, coi trọng và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng tôn giáo; gắn bó, thông thạo các hoạt động từ thiện, cứu trợ xã hội... Ngoài “việc đời” tín đồ tôn giáo còn tham gia “việc đạo”. Mỗi tôn giáo đều có hệ thống giáo lý, giáo luật, nghi lễ và tổ chức riêng, tín đồ theo tổ chức tôn giáo nào đều phải tuân thủ những quy định của tổ chức tôn giáo đó. Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, tín đồ các tôn giáo Việt Nam đều hăng hái tham gia đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, đại đa số tín đồ các tôn giáo đều thực hiện phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó, đồng hành với dân tộc, tích cực cùng toàn dân xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

***Hai là, tín đồ tôn giáo ở Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có tinh thần yêu nước, luôn gắn bó với dân tộc***

Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam gồm nhiều thành phần xã hội, nhưng phần lớn là nhân dân lao động; có tính cần cù lao động, giản dị trong sinh hoạt, có tinh thần yêu thương gắn bó và tính cố kết cộng đồng lớn. Tuyệt đại bộ phận đồng bào các tôn giáo có lòng yêu nước, gắn bó với dân tộc. Phẩm chất này càng được nâng lên gấp nhiều lần kể từ khi có Đảng và đồng bào các tôn giáo được Đảng lãnh đạo, dìu dắt, hướng dẫn và tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc để cùng thực hiện mục tiêu độc lập cho dân tộc, ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Đây là tiền đề quan trọng và là yếu tố đưa tới thành công trong công tác vận động, đoàn kết đồng bào các tôn giáo nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước hiện nay. Trong công tác thông tin, tuyên truyền, cần phải chú ý phát huy lòng yêu nước và tinh thần lao động cần cù của tín đồ các tôn giáo; đồng thời, phê phán những biểu hiện mê tín dị đoan, lệch chuẩn tâm linh trong sinh hoạt tôn giáo của tín đồ các tôn giáo.

**1.5. Đặc điểm chức sắc, chức việc tôn giáo ở Việt Nam**

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định “*Chức sắc*” là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức”; “*Chức việc* là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức”<sup>4</sup>. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong cả nước có khoảng trên 58 ngàn chức sắc và khoảng trên 148 ngàn chức việc của các tôn giáo.

Chức sắc của mỗi một tôn giáo lại có những tên gọi khác nhau được quy định bởi giáo lý, giáo luật, hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đó, có thứ bậc, phẩm cấp, tên gọi khác nhau, ví dụ: Phật giáo là các tăng, ni - tính từ phẩm thượng tọa, hòa thượng (đối với tăng), phẩm ni sư, ni trưởng (đối với ni) trở lên; Công giáo bao gồm các phẩm: linh mục, giám mục, tổng giám mục, hồng y; đạo Cao Đài từ phẩm lễ sanh trở lên đến phẩm giáo tông và các phẩm khác tương đương (chức sắc cửu trùng đài gồm: lễ sanh, giáo hữu, giáo sư, phối sư, chánh phối sư, đầu sư, thượng phẩm - thượng sanh, giáo tông); đạo Tin lành là mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo...

<sup>4</sup> Quốc hội (2016), *Luật số 02/2016/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2016 (Luật tín ngưỡng, tôn giáo)*, Hà Nội.

Chức sắc, chức việc các tôn giáo đều sinh hoạt trong các hệ thống tổ chức chặt chẽ của giáo hội các tôn giáo. Hầu hết các chức sắc, chức việc tôn giáo ở Việt Nam được tuyển chọn công phu từ cộng đồng tôn giáo; được đào tạo quy mô, bài bản trong các cơ sở tôn giáo ở trong và ngoài nước nên nhiều người có trình độ văn hóa, có sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý, luật lệ, lễ nghi tôn giáo. Hiện nay, chức sắc tôn giáo ở nước ta đang có sự gia tăng về số lượng, chất lượng và hiện đại hóa mạnh mẽ từ việc nâng cao trình độ thần học, giáo lý, đến trình độ văn hóa nói chung. Do đó, chức sắc, chức việc các tôn giáo là lực lượng nòng cốt của giáo hội, quyết định hiện tại và tương lai của tôn giáo; là lực lượng quan trọng trong mối quan hệ giữa giáo hội của các tôn giáo với nhà nước và là đầu mối trong việc hướng dẫn, quản lý về hoạt động tôn giáo.

Đội ngũ chức sắc, chức việc các tôn giáo ở Việt Nam đông đảo về số lượng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ. Đây là những người hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo cho các tín đồ và có ảnh hưởng lớn tới quần chúng tín đồ; ở một số tôn giáo, chức sắc còn có có thần quyền (chức sắc Công giáo). Chức sắc, chức việc tôn giáo không chỉ có ảnh hưởng quan trọng đối với tín đồ trong đời sống tinh thần mà còn có ảnh hưởng cả trong đời sống văn hóa, xã hội. Đa số chức sắc, chức việc sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

## **2. TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.1. Đời sống tôn giáo ở Việt Nam ngày càng sôi động**

Nói đến đời sống tôn giáo là nói đến các mặt sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, hoạt động của chức sắc, chức việc, tính pháp lý và những hoạt động của các tổ chức tôn giáo, như: việc đăng ký, công nhận tổ chức tôn giáo, việc đào tạo, phong chức, phong phẩm, việc chuyển chức sắc, việc in ấn xuất bản kinh sách, việc sửa chữa nơi thờ tự, việc tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, việc thực hiện các mối quan hệ với các tổ chức tôn giáo quốc tế...

#### **2.1.1. Về sinh hoạt tôn giáo của tín đồ**

Sự sôi động của đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay được thể hiện trước hết ở sự gia tăng số tín đồ tôn giáo. Theo báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2004, cả nước có 20,6 triệu tín đồ (chiếm 21,8% dân số cả nước) thuộc 06 tôn giáo được Nhà nước công nhận (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo), trong đó có trên 34 ngàn chức sắc, gần 79 ngàn chức việc. Tính đến tháng 12 năm 2020, đã có 16 tôn giáo được Nhà nước công

nhận với khoảng trên 26,5 triệu tín đồ (chiếm 27% dân số cả nước), trong đó có trên 58 ngàn chức sắc, trên 148 ngàn chức việc. So với năm 2004, tăng 10 tôn giáo được công nhận; số chức sắc tăng gần 24 ngàn người (tăng 70,5%), số chức việc tăng gần 69 ngàn người (tăng 87,3%), số tín đồ tăng gần 6 triệu người (tăng 28,8%).

Sinh hoạt tôn giáo của tín đồ là một trong những yếu tố quan trọng khi tiếp cận đời sống tôn giáo vì nó thể hiện niềm tin tôn giáo, đồng thời, cũng thể hiện sự tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhà nước. Từ khi nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, với sự cởi mở của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, các tín đồ tôn giáo đều thực hiện các sinh hoạt tôn giáo bình thường tại gia đình và nơi thờ tự theo nghi lễ truyền thống của tôn giáo mình. Thời gian gần đây, nhiều sinh hoạt tôn giáo diễn ra với quy mô lớn, kéo dài thời gian - điều mà trước đây hầu như không thực hiện được. Điển hình là Hội thánh Cao Đài Tây Ninh trong dịp được công nhận tư cách pháp nhân, tại Hội Yến Diêu Trì Cung (Rằm tháng 8 năm Đinh Sửu - 1997) có đến hơn 200 nghìn lượt người tham dự; Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo được công nhận và ra mắt trong dịp lễ Khai đạo Phật giáo Hòa Hảo (18/5 Âm lịch năm Kỷ Mão - 1999) có khoảng gần 500 nghìn lượt người tham dự; Lễ hội Hành hương Thánh địa La Vang của Công giáo hàng năm đều thu hút hàng trăm nghìn lượt người tham gia; Lễ khai mạc Năm Thánh 2010 của Giáo hội Công giáo Việt Nam tại Sở Kiện, Hà Nam là nơi gặp gỡ của gần 100 nghìn tín đồ, chức sắc đến từ mọi miền Tổ quốc và khách quốc tế; lễ Kỷ niệm 100 năm đạo Tin lành truyền đến Việt Nam (2011) tại Đà Nẵng, Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh thu hút hàng vài chục nghìn lượt tín đồ, chức sắc và khách quốc tế tới tham dự; Đại lễ Vesak năm 2008 tại Hà Nội có gần 10 nghìn tăng, ni, phật tử và khoảng 4 nghìn khách quốc tế từ 74 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự; Đại lễ Vesak năm 2014 tại Bái Đính, Ninh Bình (từ ngày 07 đến ngày 11 tháng 5 năm 2014) có hơn 10 nghìn tăng, ni, phật tử tham dự, trong đó có 1.150 khách quốc tế đến từ 95 quốc gia và vùng lãnh thổ; gần đây nhất, Đại lễ Vesak năm 2019 tổ chức tại chùa Tam Chúc, Hà Nam (từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 5 năm 2019) với sự tham dự của khoảng 30 nghìn tăng, ni, phật tử cả nước, 250 tăng, ni, phật tử là Kiều bào Việt Nam đang ở nước ngoài, 1.650 khách quốc tế đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 04 lãnh đạo quốc gia (Tổng thống Nepal; Thủ tướng Myanmar; Phó Tổng

thống Ấn Độ; Chủ tịch Thượng viện Butan) và Phó Tổng Thư ký Liên hợp quốc, 28 vị đại sứ và đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam...

### **2.1.2. Về công nhận tổ chức tôn giáo**

Cùng với bình thường và mở rộng sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, một nội dung đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện chính sách tôn giáo ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay là việc công nhận các tổ chức tôn giáo. Năm 2004, cả nước có 16 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận thuộc 06 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo). Ngoài 03 tổ chức tôn giáo được công nhận từ trước, như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), đã có thêm nhiều tổ chức tôn giáo mới được Nhà nước công nhận. Đó là: Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP. Hồ Chí Minh được công nhận năm 1992; Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được công nhận năm 1995; Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo được công nhận năm 1996; Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu được công nhận năm 1996; Hội thánh Truyền giáo Cao Đài được công nhận năm 1996; Hội thánh Cao Đài Tây Ninh được công nhận năm 1997; Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo được công nhận năm 1997; Hội thánh Cao Đài Bạch y được công nhận năm 1998; Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo được công nhận năm 1999 và Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo được chính thức công nhận năm 2004; Hội thánh Cao Đài Chơn lý được công nhận năm 2000; Hội thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan được công nhận năm 2000; Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được công nhận năm 2001; Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang được công nhận năm 2004 (sau đổi tên thành Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang vào năm 2020). Điều cần quan tâm là các lần công nhận tổ chức tôn giáo nói trên, các văn bản của Nhà nước đều nói rõ là “công nhận tư cách pháp nhân” như với các tổ chức Cao Đài, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)... Riêng trường hợp Phật giáo Hòa Hảo, việc thành lập Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo năm 1999 là quá độ để tiến tới thành lập Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo năm 2004.

Tính đến hết tháng 12 năm 2020, Nhà nước đã công nhận và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 41 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo (trong đó có 36 tổ chức tôn giáo được công nhận; 04 tổ chức tôn giáo và 01 pháp môn tu hành được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo). Ngoài ra, còn có tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương với một số chùa tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn

giáo, công nhận Ban Trị sự, Ban Quản trị chùa; 01 Thánh đường của Hội giáo tại số 12 Hàng Lược được công nhận Ban Quản trị thánh đường. Từ khi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời năm 2016, mới sử dụng cụm từ “pháp nhân phi thương mại” với việc công nhận tổ chức tôn giáo. Theo thời gian, lần lượt các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trong giai đoạn này gồm: Hội đồng Sư cả Hội giáo Bà - ni tỉnh Ninh Thuận (2007); Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam (2007); Minh lý đạo - Tam tông miếu (2008); Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo (2008); Tổng hội Báp-tít Việt Nam - Ân điển Nam Phương (2008); Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam (2008); Hội thánh Báp-tít Việt Nam - Nam Phương (2008); Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam (2008); Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam (2008); Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam (2008); Hội thánh Mennonite Việt Nam (2009); Bửu Sơn Kỳ Hương (2009); Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam thanh Vô vi (2010); Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam (2010); Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa (2010); Ban Đại diện Cộng đồng Hội giáo tỉnh Tây Ninh (2010); Hội thánh Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) được công nhận năm 2011; Ban Đại diện Cộng đồng Hội giáo tỉnh Ninh Thuận (được công nhận năm 2012); Hội đồng Sư cả Hội giáo Bà - ni tỉnh Bình Thuận (được công nhận năm 2012); Ban Quản trị Thánh đường Al Noor Hà Nội (được công nhận năm 2013); Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lon (2016); Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam (2018); Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam (2018); Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giê - su Ky - tô Việt Nam (Mormon hay Mặc Môn) được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo (2019) dựa trên Ban Đại diện Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giê - su Ky - tô Việt Nam được chấp thuận năm 2016. Riêng Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam được công nhận pháp nhân năm 2019 sau 10 năm được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo (2009). Quản chúng tín đồ, chức sắc các tổ chức tôn giáo được công nhận rất phấn khởi, mối quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với chính quyền được cải thiện rõ rệt theo hướng ngày càng tích cực; các hoạt động tôn giáo liên quan đến tổ chức tôn giáo đều được triển khai để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ và hoạt động của chức sắc.

Bên cạnh những tôn giáo hoạt động ổn định, có đủ điều kiện theo luật định và đã được Nhà nước chấp thuận, cấp đăng ký hoạt động, công nhận tổ chức thì còn khá nhiều các hiện tượng tôn giáo mới tồn tại và hoạt động tại Việt

Nam. Hầu hết các hiện tượng tôn giáo mới nặng tính mê tín dị đoan, không có giáo lý, giáo luật hoặc vay mượn từ các tôn giáo khác hoặc thể hiện lối sống lệch lạc trái với các giá trị đạo đức, văn hóa của dân tộc.

### ***2.1.3. Về mở trường đào tạo chức sắc tôn giáo***

Tính đến tháng 02 năm 2021, các tôn giáo ở Việt Nam có 62 cơ sở đào tạo chức sắc với trên dưới 10.000 học viên đang theo học. Cụ thể:

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 47 cơ sở đào tạo, trong đó có 04 Học viện Phật giáo (Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Cần Thơ); 01 trường Trung, Cao đẳng Phật học; 34 trường Trung cấp Phật học; 08 lớp Cao đẳng Phật học.

- Giáo hội Công giáo Việt Nam có 12 cơ sở đào tạo, gồm: 01 Học viện Công giáo Việt Nam; 01 Học viện Thần học Thánh Phêrô Lê Tuy tại Tổng Giáo phận Hà Nội và 10 Đại Chủng viện (Đại Chủng viện Thánh Giuse Hà Nội; Đại Chủng viện Thánh tâm Thái Bình; Đại Chủng viện Đức Mẹ Vô nhiễm Bùi Chu (Nam Định); Đại Chủng viện Vinh Thanh (Nghệ An); Đại Chủng viện Huế (Thừa Thiên - Huế); Đại Chủng viện Sao Biển Nha Trang (Khánh Hòa); Đại Chủng viện Thánh Giuse TP. Hồ Chí Minh; Đại Chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ); Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc và Cơ sở 2 Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc tại Đà Lạt).

- Các Hội thánh Tin lành có 04 cơ sở: Viện Thánh kinh Thần học TP. Hồ Chí Minh thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam); Trường Kinh thánh Hà Nội của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc); Trường Kinh thánh Đà Nẵng của Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam; Trường Kinh thánh của Hội thánh Cơ đốc Phục lâm Việt Nam.

- Các Hội thánh Cao Đài có 01 cơ sở đào tạo là Học viện Truyền giáo Cao Đài tại Đà Nẵng (hiện các Hội thánh Cao Đài trong nhóm “Liên giao hành đạo” đang xúc tiến việc thành lập Học viện Cao Đài tại Bến Tre nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo chức sắc, chức việc cho các Hội thánh).

- Phật giáo Hòa Hảo có 01 cơ sở là Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo tại An Giang.

Với sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền, hoạt động của các cơ sở đào tạo tôn giáo ngày càng đi vào nề nếp; số lượng chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam ngày càng tăng: nếu như năm 2004, các tôn



giáo chỉ có trên 34 ngàn chức sắc thì đến tháng 12 năm 2020, đã có trên 58 ngàn chức sắc. Ngày 20 tháng 02 năm 2020, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ đã có Quyết định số 35/QĐ-TGCP về việc ban hành Chương trình hai môn học Lịch sử Việt Nam và Pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo tôn giáo và các cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm triển khai việc thực hiện hai môn học trên theo quy định tại Điều 40 Luật tín ngưỡng, tôn giáo và theo Chương trình đã được Ban Tôn giáo Chính phủ ban hành.

#### ***2.1.4. Về xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự***

Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến ngày 31/12/2020, trong cả nước có gần 29.800 cơ sở thờ tự của các tôn giáo, tăng khoảng 5.800 cơ sở so với năm 2008. Hầu hết các cơ sở thờ tự của các tôn giáo đã được sửa chữa, nhiều cơ sở thờ tự được xây mới (chỉ tính riêng trong năm 2020, cả nước có 192 cơ sở thờ tự được xây mới và 230 cơ sở thờ tự được sửa chữa). Nơi thờ tự là một trong những điều kiện đảm bảo sinh hoạt tôn giáo của tín đồ nên được chính quyền rất quan tâm. Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, ngoài các cơ sở thờ tự theo truyền thống (chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường...), theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, còn có địa điểm hợp pháp phục vụ sinh hoạt tôn giáo là đất, nhà ở, công trình mà tổ chức hoặc cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật. Chỉ tính riêng trên địa bàn Thành phố Hà Nội, hiện có 09 điểm nhóm Tin lành với khoảng 2.400 tín đồ là người Hàn Quốc, trong đó có 06 điểm nhóm đã được cấp giấy đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; 03 nhóm còn lại đang hoàn thiện thủ tục đăng ký. Ngoài ra, có khoảng 1.000 người nước ngoài theo đạo Tin lành thuộc 40 quốc tịch khác nhau, đang làm việc tại Hà Nội; năm 1995 họ tự thành lập “Hội thánh Tin lành Quốc tế Hà Nội” để sinh hoạt tôn giáo; năm 2017, UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận để Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) thuê hai địa điểm làm nơi sinh hoạt tôn giáo tạm thời cho Hội thánh này.

Các ban, ngành chức năng liên quan đã thống nhất hướng dẫn các tổ chức tôn giáo thực hiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất cơ sở tôn giáo đang sử dụng; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất cơ sở tôn giáo đang sử dụng được thực hiện theo đúng pháp luật. Các địa phương đã lập Ban Chỉ đạo công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực, Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo) xác nhận tư cách pháp lý cho các cơ sở tôn giáo

và người đứng đầu cơ sở tôn giáo để tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tôn giáo và chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo thông qua các hội nghị tập huấn, các buổi gặp gỡ, tiếp xúc, cơ bản tạo được sự đồng thuận giữa chính quyền và chức sắc các tôn giáo trong việc giải quyết nhà, đất liên quan đến tôn giáo. Tính đến hết tháng 12/2020, số cơ sở tôn giáo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm 74,96% tổng số cơ sở. Ngoài ra, chính quyền các địa phương đã xem xét nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của các tổ chức tôn giáo và giải quyết, cấp đất cho các tôn giáo để mở rộng cơ sở thờ tự, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, tín đồ.

#### ***2.1.5. Việc in ấn, xuất bản ấn phẩm tôn giáo***

Từ khi đổi mới, nhất là từ khi Nhà xuất bản Tôn giáo được thành lập đến hết năm 2020, đã có khoảng gần 10.000 xuất bản phẩm tôn giáo được xuất bản với số lượng hàng chục triệu bản (riêng Kinh Thánh xuất bản trên một triệu bản); các xuất bản phẩm tôn giáo được in bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau như: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, tiếng dân tộc. Tính đến năm 2020, ở Việt Nam cấp toàn đạo của các tổ chức tôn giáo có 15 tờ báo và tạp chí đang hoạt động, trong đó có nhiều tờ báo, tạp chí có uy tín. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động với rất nhiều trang Thông tin điện tử, các trang mạng xã hội, website của các tổ chức tôn giáo đang hoạt động (phần lớn các tổ chức tôn giáo (kể cả tổ chức tôn giáo trực thuộc) có Website riêng). Đặc biệt, ngày 12 tháng 01 năm 2020, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức khai trương Trung tâm điều hành điện tử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

#### ***2.1.6. Về hoạt động quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo***

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, các hoạt động quốc tế của các tôn giáo được mở ra trên nhiều tuyến, nhất là các quan hệ về phương diện tổ chức giữa tổ chức tôn giáo ở Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới, như Công giáo, Tin lành, Hồi giáo... Ngoài các hoạt động quốc tế bình thường mang tính tổ chức hoặc giao lưu với các tổ chức tôn giáo quốc tế, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam tham gia rất tích cực các hội nghị, các diễn đàn tôn giáo khu vực và quốc tế như: Đối thoại liên tín ngưỡng Á - Âu (ASEM); hợp tác liên tín ngưỡng giữa các nước của Phong trào Không liên kết; đối thoại nhân quyền Việt Nam - Mỹ, Việt Nam - EU, Việt Nam - Úc... Theo thống kê của Ban

Tôn giáo Chính phủ, trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2019, có 505 đoàn khách tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động tôn giáo; 1.538 đoàn thuộc tổ chức, cá nhân tôn giáo ở Việt Nam tham gia hoạt động quốc tế ở nước ngoài.

Quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam một mặt đáp ứng nhu cầu của các mối quan hệ, hoặc về tổ chức, hoặc đồng đạo, hoặc chia sẻ trách nhiệm trước những vấn đề “thời sự” của thế giới như chiến tranh, xung đột tôn giáo, sắc tộc, môi trường, biến đổi khí hậu... Mặt khác, quan hệ quốc tế của các tôn giáo là kênh ngoại giao nhân dân góp phần làm cho thế giới hiểu biết thêm về Việt Nam, về chuyên biến mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có đời sống tôn giáo ở Việt Nam.

## **2.2. Các tôn giáo ở Việt Nam hoạt động ngày càng ổn định, tuân thủ pháp luật; xu hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc là chủ yếu**

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều tổ chức tôn giáo. Hầu hết các tổ chức tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam đều xây dựng đường hướng hoạt động tiến bộ, tuân thủ pháp luật và gắn bó, đồng hành với dân tộc như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ khi thành lập năm 1981 đến nay luôn xác định đường hướng hoạt động là “*Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội*”; Giáo hội Công giáo Việt Nam xác định đường hướng hành đạo qua *Thư chung* nổi tiếng năm 1980: “*Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc*”; các Hội thánh Cao Đài được công nhận tư cách pháp nhân đều xác định đường hướng “*Nước vinh, Đạo sáng*”; Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo ngay từ khi được công nhận Ban Đại diện năm 1999 và sau đó là Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (năm 2004) đã xác định “*Vì Đạo pháp, vì Dân tộc*”; các Hội thánh Tin lành khi được công nhận đều xác định “*Sống Phúc âm, Phụng sự Thiên chúa, Phục vụ Tổ quốc và Dân tộc*” hoặc “*Sống theo lời Chúa, phục vụ tha nhân, phục vụ Tổ quốc*”, hoặc “*Trung tín thờ phượng Đức Chúa Trời ba ngôi theo đúng mẫu mực Kinh Thánh và trung thành với Tổ quốc Việt Nam*”; Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với đường hướng hành đạo là “*Hành Tứ Ân - sống Hiếu nghĩa - vì đại đoàn kết toàn dân tộc*”; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam với đường hướng “*Tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân*”; Ban đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP. Hồ Chí Minh là “*Sống tốt đạo, đẹp đời, phát huy truyền thống Hồi giáo - đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”<sup>5</sup>. Như vậy, nét nổi bật của đường hướng hoạt động của các tôn giáo ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới,

<sup>5</sup> Ban Tôn giáo Chính phủ (2015) *Hiển chương các tổ chức Tin lành ở Việt Nam*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội, tr.32.

toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế được thể hiện trên ba khía cạnh: hoạt động tôn giáo thuần túy theo đúng giáo lý, giáo luật, lễ nghi truyền thống; gắn bó với dân tộc, đồng hành cùng đất nước; tuân thủ quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Đường hướng hoạt động tiên bộ của các tôn giáo ở Việt Nam là sự phản ánh kết hợp hài hòa giữa tôn giáo và xã hội, sự tương đồng giữa tôn giáo và cách mạng. Việc hình thành đường hướng tiên bộ của các tôn giáo ở Việt Nam còn dựa trên truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc của người Việt Nam. Đây chính là những nét đặc trưng nổi bật của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; thể hiện sự nỗ lực của chức sắc, tín đồ các tôn giáo. Tất cả là để hướng đến mục đích chung đã được xác định “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*”. Sau khi xác định đường hướng hoạt động, các tổ chức tôn giáo đều động viên chức sắc, tín đồ nỗ lực hoạt động và trên thực tế đã thực hiện tốt các mặt về tôn giáo và xã hội, đóng góp tích cực và hiệu quả vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới của đất nước.

Không chỉ xác định đường hướng hoạt động như đã nói trên, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam còn cử người trực tiếp tham gia vào các cơ quan dân cử và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội để góp phần đưa đường hướng đã được xác định vào đời sống tôn giáo và xã hội. Trong mỗi khóa Quốc hội từ khóa I đến khóa XIV đều có chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tôn giáo (như Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo) tham gia đại biểu; nhiều vị đã giữ những trọng trách, chức vụ quan trọng của Quốc hội, góp phần thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Bên cạnh đó, các tôn giáo ở Việt Nam còn tích cực tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục dạy nghề, tự thiện nhân đạo, bảo trợ xã hội... góp phần hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trong điều kiện mới hiện nay. Đặc biệt, từ đầu năm 2020 đến nay, trước diễn biến phức tạp của tình hình Covid-19, Lãnh đạo các tổ chức tôn giáo đã chủ động hướng dẫn chức sắc, chức việc, tín đồ thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, khuyến cáo của Bộ Y tế, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và quy định của chính quyền các địa phương; tích cực vận động chức sắc, chức việc và tín đồ tham gia ủng hộ, chung tay với các cấp chính quyền trong công tác phòng, chống dịch với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực như trao tặng các trang thiết bị, vật tư y tế và thuốc hỗ

trợ chocông tác phòng chống dịch; giúp đỡ tiền mặt, lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm thiết yếu cho đồng bào gặp khó khăn do thiên tai, bão lũ, dịch bệnh với trị giá lên tới hàng nghìn tỷ đồng (không phân biệt có tôn giáo và không có tôn giáo), góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và chia sẻ khó khăn với đồng bào.

### **2.3. Hoạt động tôn giáo trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Về mặt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo đồng bào các dân tộc thiểu số ở ba khu vực “Ba Tây” nói trên có những nét riêng độc đáo tạo nên nền văn hóa Việt Nam rất đa dạng. Hầu hết các dân tộc thiểu số vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống, thờ đa thần với quan niệm vạn vật hữu linh và thờ cúng theo phong tục tập quán truyền thống. Sau này, theo thời gian, các tôn giáo dần dần thâm nhập vào những vùng đồng bào dân tộc thiểu số hình thành các cộng đồng tôn giáo. Đặc biệt, thời gian gần đây, một số tôn giáo, nhất là Tin lành phát triển khá nhanh, nhất là ở khu vực Tây Bắc và Tây Nguyên. Cụ thể từng cộng đồng dân tộc thiểu số theo tôn giáo như sau:

*Một là, cộng đồng dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long theo Phật giáo Nam tông.* Theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến năm 2020, cả nước gần 1,3 triệu tín đồ, hơn 7000 vị sư, sinh hoạt tại 462 ngôi chùa trên địa bàn 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tập trung chủ yếu ở các địa phương khu vực Tây Nam bộ.

*Hai là, cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo đạo Công giáo và đạo Tin lành.* Năm 2017, Giáo hội Công giáo Việt Nam thống kê ở khu vực Tây Nguyên có 49.581 tín đồ người dân tộc thiểu số theo Công giáo. Theo công bố của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2019, ở 5 tỉnh Tây Nguyên, vùng cao duyên hải miền Trung và Nam Trường Sơn có 639.990 người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành (chưa kể 20.100 tín đồ Tin lành là người Kinh), sinh hoạt ở 331 chi hội và 1.742 điểm nhóm (gấp hơn 12 lần so với trước năm 1975) của hơn 30 tổ chức, hệ phái Tin lành.

*Ba là, cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Bắc (bao gồm các tỉnh miền núi phía Bắc) theo Công giáo, đạo Tin lành và Phật giáo.* Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến năm 2018, tại khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc có 412.945 tín đồ Phật giáo; 479.644 người theo Công giáo; 213.913 người theo đạo Tin lành (chủ yếu là đồng bào dân tộc Mông, tiếp theo là dân tộc Dao và một số ít dân tộc khác).

Ngoài ra, cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo và Bà-la-môn. Năm 2017, người Chăm (Chăm Hồi) là 30.000 người, người Chăm (Chăm Bà-ni) là 50.095 người, người Chăm theo đạo Bà-la-môn (Bà Chăm) là 66.515 người (tổng số người Chăm ở Việt Nam là 162.000 người ở 24 tỉnh, thành phố).

Cơ bản các tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoạt động theo xu hướng ổn định, tuân thủ pháp luật. Việc một số tôn giáo có xu hướng phát triển nhanh trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặt ra cho các cấp các ngành cùng một lúc phải thực hiện thật tốt hai chính sách đặc thù là chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo trong một đối tượng quần chúng, cùng một lúc phải thận trọng giải quyết cả hai vấn đề lớn vốn phức tạp và nhạy cảm là: dân tộc và tôn giáo.

#### **2.4. Hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện đa dạng ở Việt Nam**

Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, ở nước ta hiện nay có khoảng 83 “hiện tượng tôn giáo mới”, trong đó có 26 “hiện tượng tôn giáo mới” từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam và 59 “hiện tượng tôn giáo mới” hình thành từ trong nước với hàng chục ngàn người tin theo.

Phương thức hoạt động của các loại hình này thường xa rời văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, sinh hoạt lệch chuẩn đạo đức văn hóa; đối lập với các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận; gây ra những xáo trộn trong xã hội, gây mất an ninh, trật tự, phá vỡ những chuẩn mực đạo đức thông thường; nhiều trường hợp gây ra tác hại đối với nhân cách, sức khỏe và tính mạng con người. Một số “hiện tượng tôn giáo mới” tuyên truyền cách thức thực hành tín ngưỡng mang màu sắc mê tín dị đoan, phi đạo đức, phản văn hóa; lợi dụng tín ngưỡng, tâm linh để trục lợi thông qua việc thu tiền chữa bệnh, thu phí các loại... Một số người tin theo các “hiện tượng tôn giáo mới” đã bỏ bê việc làm ăn kinh tế, gây ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập của gia đình; một số còn chối bỏ các truyền thống văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của người Việt... dẫn đến mâu thuẫn, mất đoàn kết trong gia đình, cộng đồng. Một số “hiện tượng tôn giáo mới” thông qua việc tán phát “thư ngỏ” có nội dung tuyên truyền về “ngày tận thế”, “thời mạt pháp”..., đe dọa nếu nhận được thư mà không viết thư hoặc tuyên truyền cho người khác thì sẽ bị rủi ro, tai nạn, có khi thiệt mạng.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**

Từ những đặc điểm và tình hình tín ngưỡng, tôn giáo đã phân tích ở trên, trong công tác thông tin, truyền thông về tôn giáo ở Việt nam cần phải quan tâm tới một số vấn đề sau đây:

### **3.1. Thống nhất nhận thức về vai trò của tôn giáo và công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo và xây dựng, phát triển đất nước**

Nhìn nhận được vai trò của tôn giáo trong phát triển đất nước, ngay từ sau khi đất nước được giải phóng, trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định tôn giáo và công tác tôn giáo có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của đất nước; thực hiện tốt chính sách tôn giáo, phát huy truyền thống và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo là một đảm bảo quan trọng cho thắng lợi sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Thời gian qua, chính sách tôn giáo được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, trong đó tập trung vào các nội dung: Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân; bình đẳng giữa các tôn giáo và bình đẳng trước pháp luật; đoàn kết tôn giáo gắn với đoàn kết dân tộc; phát huy giá trị đạo đức, nhân văn, tích cực của các tôn giáo. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đưa ra quan điểm mới, đó là cần tập trung phát huy các nguồn lực của tôn giáo; chống lợi dụng tôn giáo để chia rẽ đoàn kết tôn giáo, cũng như phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công tác thông tin, truyền thông về tôn giáo là một “kênh” quan trọng để tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về tôn giáo đến với cán bộ và nhân dân, nhất là với các chức sắc, tín đồ tôn giáo; tuyên truyền về các giá trị tốt đẹp, đóng góp của tôn giáo; sự tham gia của tôn giáo với các vấn đề của đời sống xã hội. Đồng thời, công tác thông tin, truyền thông về tôn giáo cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng, chống việc lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động chia rẽ nhân dân, dân tộc, làm mất an ninh trật tự và an ninh quốc gia.

### **3.2. Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo**

Để công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo đạt hiệu quả, cần phải xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo.

Mục tiêu chung của công tác thông tin, truyền thông về tôn giáo là đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo và truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, những giá trị của tôn giáo đối với đời

sống xã hội, góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu cụ thể là: xây dựng nhận thức đúng đắn của nhân dân về tín ngưỡng, tôn giáo và phát huy những giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội; góp phần gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam, tăng cường đại đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; đấu tranh chống các biểu hiện lệch lạc, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân; thông qua công tác tuyên truyền, thúc đẩy công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh của Việt Nam đến cộng đồng thế giới.

Công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo phải đảm bảo hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của công chúng; hình thức thông tin đa dạng, phù hợp với đối tượng tiếp nhận; đảm bảo tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm; nội dung tuyên truyền thiết thực, hiệu quả, đúng đối tượng, không phô trương hình thức; quan tâm nêu bật những tấm gương người tốt việc tốt gắn với tiếp tục thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền những giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội; đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân.

### **3.4. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền và luôn luôn đổi mới, sáng tạo trong thông tin, tuyên truyền về tôn giáo**

Hiểu rõ được tầm quan trọng và vai trò của tôn giáo trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước đã luôn nỗ lực, cố gắng thực hiện nhiều chương trình, đề án quan trọng để cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các tôn giáo. Nhằm nâng cao nhận thức của đồng bào về các chương trình, đề án này, công tác truyền thông về vấn đề tôn giáo cũng được đẩy mạnh trong nhiều năm qua. Nhờ đó, các cộng đồng tôn giáo về cơ bản đã nắm được về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta và thực tế tình hình cuộc sống lao động, sản xuất, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa thực sự chủ động, sáng tạo; hình thức thông tin, tuyên truyền chủ yếu là



theo cách cổ điển qua các hội nghị, hội thảo; chưa phát huy sự sáng tạo của các loại hình truyền thông, nhất là chưa tận dụng được lợi thế và truyền thông trên mạng xã hội đang phát triển mạnh mẽ hiện nay. Do vậy, cần thiết phải chủ động, sáng tạo trong cách thông tin, tuyên truyền về tôn giáo để độ phủ sóng tới cộng đồng hiệu quả và sâu rộng hơn.

Cần tập trung thực hiện thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm, thông tin điện tử, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác (bao gồm các sản phẩm thông tin, xuất bản phẩm phục vụ tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo); Tổ chức các hoạt động tìm hiểu về giá trị của tôn giáo trong xã hội thông qua hội thảo, hội thi, phổ biến, tư vấn pháp luật; Tuyên truyền thông qua các hoạt động đối ngoại, hoạt động của các cơ sở giáo dục - đào tạo, hoạt động văn hóa - nghệ thuật, du lịch, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tôn giáo và các tổ chức liên quan khác.

Hiện nay, Việt Nam có gần 100 triệu dân, 130 triệu thuê bao điện thoại, 65 triệu người dùng mạng xã hội, đây có thể được coi là lợi thế trong cách mạng công nghiệp 4.0. Để tận dụng được lợi thế này, bản thân người làm công tác thông tin, truyền thông về tôn giáo phải được trang bị đầy đủ kiến thức, hiểu biết cơ bản về tôn giáo, tránh sai sót, tạo cơ cho các thế lực thù địch lợi dụng. Chủ động tìm hiểu, nắm bắt tình hình tâm tư tình cảm, bức xúc của nhân dân về các vấn đề tôn giáo. Phát hiện kịp thời các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trên không gian mạng; tăng cường tuyên truyền đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của thế lực thù địch, phản động; phát huy vai trò của báo chí về thông tin chính thống, định hướng dư luận xã hội. Các cơ quan báo chí truyền thông cần thúc đẩy chuyên đổi số, tạo điều kiện để phóng viên, biên tập viên có điều kiện nâng cao kỹ năng sử dụng các kênh truyền thông, mạng xã hội một cách hiệu quả nhằm lan tỏa thông tin tích cực, chính thống nhằm pha loãng các luồng thông tin sai trái, sai sự thật.

## **KẾT LUẬN**

Việt Nam là một quốc gia có nhiều loại hình tôn giáo và nhiều người theo tôn giáo, do đó, trong quá trình vận động cách mạng và quản lý đất nước, điều hành xã hội, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến tôn giáo và công tác tôn giáo và chính sách tôn giáo trong từng giai đoạn lịch sử. Chính sách đối với tôn giáo của Việt Nam trên căn bản tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Đời sống tôn giáo ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay có sự thay đổi căn bản theo chiều hướng ngày càng tiến bộ và rộng mở. Những chuyển biến trong đời sống tôn giáo làm sáng tỏ chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, làm cho quần chúng tín đồ, chức sắc thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, cùng sự đổi mới của đất nước. Chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo ngày càng thể hiện sự ủng hộ và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Đồng thời, những chuyển biến trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam thời gian qua cũng đã góp phần giới thiệu với bạn bè và cộng đồng quốc tế về những hình ảnh đất nước Việt Nam đổi mới, hòa bình, ổn định và phát triển, từ đó nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Những chuyển biến tích cực trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam cũng là bằng chứng để đấu tranh, phê phán những ý kiến thiếu thiện chí, phản bác các luận điệu xuyên tạc tình hình tôn giáo và chính sách tôn giáo của Việt Nam./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
- Đỗ Quang Hưng (2005), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Phân tích những chuyển biến tích cực của tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay?
2. Vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống xã hội?
3. Những giá trị tôn giáo cần phát huy trong đời sống văn hóa xã hội?

## **Chuyên đề 2**

### **KHÁI QUÁT VỀ PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM**

#### **1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM**

##### **1.1. Quá trình du nhập, lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam**

Đạo Phật ra đời khoảng thế kỷ thứ VI trước Công nguyên trên vùng đất Ấn Độ cổ (nay thuộc Ấn Độ và Nê pan). Người sáng lập ra đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa, thuộc dòng họ Thích Ca (Sakyà) con vua Tịnh Phạn Vương Đầu Đà Na (Sudhodana) - (một vị vua thuộc dòng họ Thích Ca trị vì nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) xứ Trung Ấn Độ) và Hoàng hậu Ma-da (Maya). Sau khi tu hành giác ngộ, thành đạo Bồ Đề, được tôn là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trải qua hơn 2.500 năm tồn tại và phát triển, hiện nay đạo Phật đã trở thành một tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo và có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống văn hoá, tín ngưỡng của nhiều dân tộc trên thế giới.

##### ***1.1.1. Quá trình du nhập***

Về địa lý, Việt Nam nằm ở giữa khu vực nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương nên chịu ảnh hưởng của hai nền văn minh lớn của Châu Á là Ấn Độ và Trung Quốc, Việt Nam đã tiếp nhận 2 nền văn hoá này.

Căn cứ vào nhiều tài liệu đã được lưu hành thì Phật giáo được truyền vào Việt Nam rất sớm, từ những năm đầu công nguyên. Lúc đầu Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam trực tiếp từ Ấn Độ sang bằng đường biển do các thương nhân người Ấn Độ đến Việt Nam. Thời kỳ này gắn với tên tuổi của các danh tăng nổi tiếng được ghi lại trong lịch sử Phật giáo Việt Nam như Ma-ha-kỳ-vực; Khâu Đà La,...(từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ III SCN).

Cùng với đó, Việt Nam xưa trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc nên chịu ảnh hưởng văn hoá, tín ngưỡng của người Trung Quốc. Nhiều nhà truyền giáo Trung Quốc được phái hoặc tự nguyện sang đất Giao Châu để truyền bá đạo Phật. Cũng có một số sư do lánh nạn rồi trở thành nhà truyền giáo tại Việt Nam. Đến thế kỷ thứ V thì Phật giáo đã xuất hiện ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam.

##### ***1.1.2. Quá trình phát triển***

###### ***1.1.2.1. Phật giáo từ khi du nhập đến thế kỷ X***

Từ đầu Công nguyên đến thế kỷ III, Phật giáo truyền vào nước ta chủ yếu trực tiếp từ Ấn Độ. Từ thế kỷ thứ IV trở đi, các hoạt động truyền bá của các tăng

sỹ Ấn Độ giảm dần và thay vào đó là các hoạt động truyền giáo đến từ Trung Quốc, với các phái thiền, cụ thể như:

- Phái Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi: Khoản năm 580 một nhà sư Ấn Độ tên Tỳ Ni Đa Lưu Chi - là Tổ thứ ba của phái Thiền Trung Quốc đã vào Việt Nam tu tại chùa Pháp Vân (tỉnh Bắc Ninh) và trở thành vị Tổ sư của phái Thiền này ở Việt Nam.

- Phái Thiền Vô Ngôn Thông: Năm 820, phái Thiền Vô Ngôn Thông truyền vào Việt Nam (Vô Ngôn Thông họ Trịnh - là người Quảng Châu, Trung Quốc, tu tại chùa Song Lâm, Triết Giang). Năm 820, ông sang tu tại chùa Trấn Quốc (Hà Nội) và trở thành vị tổ sư của phái thiền này ở Việt Nam.

Từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam đến thế kỷ thứ X, mặc dù trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược và đô hộ nhưng đạo Phật đã tạo ra được những ảnh hưởng trong nhân dân và có những sự chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới khi đất nước độc lập, tự chủ.

#### *1.1.2.2. Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê (968 - 1009)*

Trong buổi đầu xây dựng quốc gia phong kiến độc lập, các thiền sư đồng thời cũng là những nhà văn hoá, chính trị, quân sự, ngoại giao xuất sắc có vai trò quan trọng trong công cuộc hộ quốc an dân. Phật giáo đóng vai trò dẫn dắt, định hướng văn hoá, trí tuệ của dân tộc để đối lập, đối xứng với nền Nho học Trung Hoa.

Thời nhà Đinh, các thiền sư đã thể hiện rõ việc hộ trì công việc triều chính. Thiền sư Ngô Chân Lưu, một nhà sư đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc cứu quốc và kiến quốc đã được vua Đinh Tiên Hoàng phong chức "Khuông Việt Đại Sư" (năm 971).

Khi nhà Đinh mất, đất nước ta đứng trước nguy cơ xâm lược của giặc Tống phương Bắc. Nhà Tiền Lê do Vua Lê Đại Hành đứng đầu thường mời các vị Thiền sư uyên bác vào triều để lo bàn việc nước. Khi nhà Tống cho sứ thần sang thăm dò thực lực nhằm chuẩn bị cho cuộc xâm lược Việt Nam, tiếp sứ thần nhà Tống, với tài kinh bang tế thế các thiền sư đã làm cho sứ Tống phải khâm phục.

#### *1.1.2.3. Phật giáo Việt Nam thời nhà Lý*

Cuối thời Tiền Lê, trước họa xâm lăng, Thiền sư Vạn Hạnh - một bậc cao tăng uyên bác đã đưa Lý Công Uẩn, xuất thân từ nhà sư trở thành một vị tướng tài đức vẹn toàn lên giúp dân, giúp nước, Thiền sư Vạn Hạnh được coi là một "kiến trúc sư" xây dựng nên sự thịnh vượng của Vương triều Lý. Thiền sư đã có công rất lớn trong việc tham vấn cho Vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (Ninh

Bình) ra vùng đất tiếp giáp với ngã ba sông Hồng để lập nên kinh thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay), một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá lớn của cả nước trải qua hàng nghìn năm cho đến nay. Thiền sư còn giúp Vua Lý Thái Tổ xây dựng đất nước phát triển rực rỡ. Sự xuất hiện của Lý Công Uẩn đã tạo nên một hiện tượng độc đáo trong lịch sử Việt Nam, nhà sư trở thành nhà vua anh minh kiệt xuất.

Hơn hai thế kỷ của triều đại nhà Lý, đạo Phật đã đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực giáo dục, đạo đức, phát triển văn học, hoạt động chính trị, ngoại giao. Đạo Phật đã cho thấy là một tôn giáo không hề yếu thế, nhu nhược mà là một tôn giáo đã có những đóng góp không thể phủ nhận trong công cuộc dựng nước, an dân, xây dựng nên một quốc gia thịnh vượng.

#### *1.1.2.4. Phật giáo Việt Nam thời nhà Trần*

Do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng và văn hoá Phật giáo nên các Vua Nhà Trần hầu hết đều nhân từ, độ lượng. Phật giáo ở giai đoạn này tuy không trực tiếp tham gia vào các công việc triều chính như các triều đại trước nhưng lại có đóng góp rất lớn về các mặt tư tưởng - văn hoá - xã hội. Các thiền sư, hoàng đế thời Trần đã lập nên Thiền phái Trúc Lâm - một hệ tư tưởng, một phái Thiền đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam cho đến ngày nay. Tiêu biểu là Vua Trần Nhân Tông sau khi rời ngai vàng đã khai sáng phái Thiền Trúc lâm Yên Tử. Sự xuất hiện của Trần Nhân Tông để trở thành Trúc Lâm Đầu Đà hay Phật Hoàng Trần Nhân Tông một lần nữa chứng tỏ sự độc đáo trong trong lịch sử Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng, Vua trở thành Phật.

#### *1.1.2.5. Phật giáo từ thời Lê sơ đến nhà Nguyễn*

Từ triều Lê Sơ trở đi, chế độ phong kiến Việt Nam đã có những phát triển mới, lấy Nho giáo làm chỗ dựa tư tưởng chính trị và đạo đức. Phật giáo từ chỗ cực thịnh đã mất dần vị thế, sau này, đôi lúc khởi sắc nhưng không còn vai trò như trước nữa. Tuy nhiên với truyền thống yêu nước gắn bó với dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, do đó vẫn giữ được gốc rễ sâu bền trong nhân dân. Đồng thời, với thái độ khoan dung, Phật giáo đã làm cho tư tưởng Tam giáo (Phật, Lão, Nho) vốn có từ trước mang sắc thái mới. Các quan niệm Tam giáo đồng nguyên, tức là cùng một nguồn gốc phát sinh, Tam giáo đồng tông, tức là cùng một tổ sinh ra, xuất hiện trong thời kỳ này. Phật giáo từ thời Lê sơ đến nhà Nguyễn tiếp trải qua nhiều thăng trầm cho đến những năm hai mươi của thế kỷ XX mới được khởi sắc bởi phong trào chấn hưng sổi nổi, sâu rộng và toàn diện.

Có thể nói, đạo Phật là nguồn sức mạnh tinh thần quan trọng tạo nên những chiến công hiển hách "Phật Tống, bình Chiêm", "sát Thát" của thời đại Lý - Trần, góp phần tạo nên thần thái, bản sắc văn hoá Thăng Long - văn minh Đại Việt huy hoàng.

#### *1.1.2.6. Phật giáo Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược*

Khi đất nước bị xâm lăng, nhiều người con Phật đã rời bỏ thiền môn, tòng quân cứu nước. Bao lớp nhà sư "cởi áo cà sa khoác chiến bào" đã trở thành hình ảnh hùng tráng của Phật giáo Việt Nam gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Nhiều chùa trở thành cơ sở cách mạng nuôi dưỡng cán bộ. Nhiều vị sư, cư sĩ, Phật tử đã trở thành cốt cán của các tổ chức kháng chiến trên khắp mọi miền đất nước, không tiếc thân mình để đấu tranh bảo vệ độc lập của dân tộc. Sự đóng góp của Phật giáo Việt Nam đã được lịch sử ghi nhận.

##### *- Phật giáo tham gia kháng chiến chống Pháp:*

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Phật giáo đã có những đóng góp quan trọng để đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc. Các tổ chức "Tăng già cứu quốc", "Đoàn Phật giáo cứu quốc", "Bộ đội Tăng già", "Hội Phật giáo cứu quốc" đã được thành lập trong thời kỳ này để quy tụ, vận động tăng ni, Phật tử tham gia vào cuộc kháng chiến của toàn dân tộc. Nhiều tăng, ni, Phật tử đã hăng hái lên đường tòng quân đánh giặc, cứu nước. Đặc biệt, ngày 27/02/1947 tại chùa Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, 27 nhà sư phát nguyện "cởi áo cà sa ra trận", trở thành những chiến sĩ Vệ quốc đoàn kiên trung, sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc. Nhiều cơ sở thờ tự của Phật giáo trên khắp mọi miền đất nước đã trở thành những căn cứ che chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng, như: chùa Quảng Bá, chùa Linh Quang, chùa Ngọc Hồi, chùa Tự Khánh, chùa Thanh Trì, chùa Sùng Giáo ... ở Hà Nội; chùa Trại Sơn, chùa Trúc Động, chùa Vũ Lao... ở Hải Phòng; chùa Ninh Cường, chùa Cổ Lễ, chùa Vọng Cung... ở Nam Định; chùa Hoa Sơn, chùa Bích Động... ở Ninh Bình... ; Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến", Hội Phật giáo đã cho phá hủy nhà in Đuốc Tuệ và nhiều cơ sở vật chất khác của Phật giáo để ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

##### *- Phật giáo tham gia đấu tranh giải phóng miền Nam:*

Những năm 1954 - 1975 ở miền Nam, nhất là ở các đô thị lớn luôn có phong trào đấu tranh sôi động của Phật giáo chống đế quốc Mỹ xâm lược với các khẩu hiệu "Nhân dân đòi cơm áo, Phật giáo đòi hòa bình"... Vào đầu những năm 1960, phong trào đấu tranh sôi nổi, quyết liệt của Phật giáo đã góp phần quan trọng vào sự sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Thời kỳ này

đã xuất hiện nhiều tấm gương sáng của các tăng ni, Phật tử đã dũng cảm tự thiêu để đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn, bảo vệ “Đạo pháp và Dân tộc”, điển hình là tấm gương của Hoà thượng Thích Quảng Đức, Đại đức Thích Nguyên Hương, Ni cô Thích Nữ Diệu Quang, Phật tử Quách Thị Trang, Phật tử Nhật Chi Mai... Chính những nỗ lực cũng như đóng góp của đông đảo tăng ni, Phật tử thời kỳ này đã duy trì được ảnh hưởng lớn của Phật giáo đối với sự nghiệp đấu tranh, giải phóng dân tộc.

Đánh giá về công lao của Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã nói trong buổi tiếp các đại biểu của Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam tại Phủ Chủ tịch ngày 08/11/1981: *“Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn chặt với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lịch sử đã xác nhận Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo mà từ bản chất, bản sắc từ trong thực tiễn hoạt động của mình đã biểu hiện truyền thống yêu nước, gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với Tổ quốc”*.

- *Phật giáo tham gia xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:*

Đạo Phật với tinh thần “Tù, Bi, Hỷ, Xả” đã giáo dục con người biết sống vị tha, hoà hợp, loại bỏ oán thù, coi trọng bình đẳng và tiến bộ xã hội. Giáo lý của Phật giáo rất phù hợp với đạo đức xã hội, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Phật giáo chủ trương “Duy tuệ thị nghiệp” - lấy trí tuệ làm sự nghiệp nên đạo Phật giáo dục Phật tử chăm lo học tập, nâng cao trí tuệ để đóng góp công sức của mình vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tăng Ni, tín đồ Phật tử tích cực tham gia lao động sản xuất, đóng góp sức người, sức của để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### ***1.1.3. Các cuộc vận động thống nhất Phật giáo và việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam***

Khi thực dân Pháp đem quân xâm lược nước ta, cũng là lúc Pháp mang theo văn hoá, tín ngưỡng tôn giáo phương Tây truyền bá vào Việt Nam. Ở trong nước lúc này Phật giáo không được sự ủng hộ, cổ súy của triều đình nhà Nguyễn như các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... Bản thân Phật giáo lúc này nặng về tín ngưỡng hơn tư duy. Bên cạnh đó thời kỳ này có sự xuất hiện của nhiều tôn giáo mới (chủ yếu ở Nam bộ). Từ bối cảnh đó Phật giáo buộc phải nhìn nhận, chỉnh đốn lại mình bằng cách mở trường Phật học, dịch kinh điển sang chữ quốc ngữ cho Tăng Ni, Phật tử dễ học, dễ hiểu, xây dựng các cơ sở xã hội, xuất bản các tờ tạp chí với mục đích giúp đỡ nhau cùng học Phật và hoằng pháp, nêu cao tinh thần dân tộc. Chương trình học văn hoá cũng được đưa vào giáo dục cho tăng ni.

Phật giáo Việt Nam ý thức được, muốn có sức mạnh thật sự phải cùng nhau đoàn kết, cùng đứng chung trong một tổ chức để chấn hưng đạo pháp, bảo vệ văn hoá truyền thống, góp phần đấu tranh giải phóng dân tộc. Đó là lý do để Phật giáo tiến hành các cuộc vận động thống nhất Phật giáo trong cả nước.

#### *1.1.3.1. Cuộc vận động thống nhất Phật giáo lần thứ nhất (năm 1951)*

Cuộc vận động thống nhất đầu tiên của Phật giáo vào năm 1951, tập hợp được 6 đoàn thể Phật giáo ở cả 3 miền. Nhưng sự thống nhất này chưa được trọn vẹn, vì: Một là, Phật giáo thời điểm đó không phải chỉ có 6 đoàn thể; Hai là, thành phần chỉ gồm tăng, ni, phật tử ở các vùng bị tạm chiếm; Ba là, với chính sách chia để trị, thực dân Pháp nhận thấy lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam rất mãnh liệt, trong đó có rất đông là tín đồ phật tử và do đó thực dân Pháp không thể để Phật tử 3 miền có điều kiện đoàn kết chặt chẽ để phục vụ đạo pháp và dân tộc.

#### *1.1.3.2. Cuộc vận động thành lập Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam ở các tỉnh, thành phố phía Bắc*

Cuộc vận động này bắt đầu từ tháng 9/1957 cho đến tháng 3/1958, Phật giáo các tỉnh phía Bắc tổ chức Đại hội đại biểu với tổng số trên 200 đại biểu đại diện cho Phật giáo Bắc tông, Nam tông, Hoa tông và Phật giáo Khmer Nam bộ tham dự. Tổ chức này được thành lập lấy tên là "Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam" đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Thành phố Hà Nội do Hoà thượng Thích Trí Độ làm Hội trưởng.

Hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo phương châm: Hoằng dương Phật pháp; Lợi lạc quần sinh; Phục vụ Tổ quốc; Bảo vệ hoà bình.

Mục đích: Quy tụ tăng ni, phật tử Việt Nam để góp phần xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, góp phần đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Song, sự thống nhất này cũng mới chỉ mang ý nghĩa thống nhất Phật giáo của một miền (miền Bắc). Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam đã hoạt động cho đến ngày thống nhất Phật giáo Việt Nam, hoà nhập trong tổ chức Phật giáo chung của cả nước là Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

#### *1.1.3.3. Cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1964 tại miền Nam*

Kể từ sau ngày chính quyền Ngô Đình Diệm triệt hạ cờ Phật giáo trong ngày Phật đản tại Huế vào tháng 5/1963 và tiếp tục khủng bố, đàn áp Phật giáo, phong trào đấu tranh của tăng ni, phật tử Huế lan rộng ra thành phong trào đấu tranh phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm ở các tỉnh miền Nam. Với tư cách là tổ chức của Phật giáo Việt Nam, Tổng hội Phật giáo Việt Nam đứng ra kêu gọi Tăng Ni, Phật tử đấu tranh.



Đại diện của 11 tổ chức, môn phái (gồm 6 đoàn thể đại diện cho Tăng già và cư sỹ trong Tổng hội Phật giáo Việt Nam cùng 5 tổ chức giáo phái khác) đã thành lập ra "Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo". Tổ chức này hưởng ứng lời kêu gọi đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm để bảo vệ Phật giáo.

Cuộc đấu tranh thắng lợi, ngày 31/12/1963 Ngụy quyền cho phép Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo tổ chức Đại hội và đã thành lập ra "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất" (GHPGVN Thống nhất). Tuy nhiên, tổ chức này vẫn chưa thật sự thống nhất như mong muốn, vì mới chỉ thống nhất Phật giáo trong các vùng bị tạm chiếm và cũng chưa quy tụ được tất cả các hệ phái Phật giáo ở các tỉnh miền Nam.

#### *1.1.3.4. Cuộc vận động thống nhất Phật giáo cả nước, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam*

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975) đất nước được thống nhất, thể theo nguyện vọng các vị cao Tăng và toàn thể tăng ni, phật tử, đầu năm 1980, các vị Giáo phẩm đại diện cho các tổ chức hệ phái Phật giáo lớn trên phạm vi cả nước họp tại TP. Hồ Chí Minh để xem xét tình hình Phật giáo cả nước và thấy rằng: Đất nước hoà bình, thống nhất là thời cơ thuận lợi cho việc thực hiện nguyện vọng thống nhất Phật giáo từ phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ, và đã quyết định thành lập một "Ban Vận động thống nhất Phật giáo" để xúc tiến cuộc vận động trong phạm vi cả nước. Ban này bao gồm đại diện của các tổ chức hệ phái: (1) Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; (2) Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; (3) Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh; (4) Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam; (5) Giáo hội Tăng già nguyên thủy Việt Nam; (6) Hội đoàn kết sư sãi yêu nước miền Tây Nam bộ; (7) Giáo phái Khất sĩ Việt Nam; (8) Giáo hội Thiên Thai giáo quán tông; (9) Hội Phật học Nam Việt.

Sau gần 2 năm vận động, Ban Vận động đã tiếp xúc với đại biểu của các tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam để lấy ý kiến và đi đến thống nhất là cần phải có một tổ chức Phật giáo chung của tăng ni, phật tử trong cả nước.

Từ ngày 4 - 7/11/1981, Đại hội thống nhất Phật giáo đã diễn ra tại chùa Quán Sứ, Thành phố Hà Nội với sự tham dự của 168 vị Giáo phẩm, tăng ni, cư sỹ đại diện cho 9 tổ chức, hệ phái nói trên. Đại hội đã thống nhất thành lập một tổ chức chung của Phật giáo cả nước lấy tên là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam" (GHPGVN). Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam đặt trên nguyên tắc: Thống nhất

ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, tuy nhiên, các truyền thống hệ phái và phương tiện tu hành đúng chính pháp vẫn được duy trì.

Đây là một Đại hội thống nhất Phật giáo thật sự, toàn vẹn và dân chủ. GHPGVN ra đời là sự nối tiếp, kế thừa 2000 năm Phật giáo Việt Nam.

#### **1.1.4. Các kỳ Đại hội của GHPGVN**

GHPGVN ra đời năm 1981 đã đáp ứng được nguyện vọng đoàn kết thống nhất Phật giáo Việt Nam của toàn thể tăng ni, tín đồ Phật tử Phật giáo Việt Nam và thực hiện sự nghiệp hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh. Đồng thời cũng phù hợp với trào lưu phát triển của xã hội hiện đại - xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phương châm hoạt động của GHPGVN được Đại hội thống nhất Phật giáo cả nước xác định và thông qua thành như cương lĩnh hành động của Phật giáo Việt Nam là: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Đến nay, GHPGVN đã trải qua 8 kỳ Đại hội.

- Nhiệm kỳ I của GHPGVN (1981 - 1987) là thời kỳ xây dựng và củng cố cơ sở với sự lãnh đạo của 2 Hội đồng: Hội đồng Chứng minh (50 vị) và Hội đồng Trị sự (49 vị), 6 Ban trực thuộc Hội đồng Trị sự: Ban Tăng sự; Ban Giáo dục Tăng Ni; Ban Hướng dẫn Cư sỹ Phật tử; Ban Hoằng pháp; Ban Nghi lễ; Ban Văn hóa; thành lập được 28 Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành hội.

- Nhiệm kỳ II của GHPGVN (1987-1992) là giai đoạn phát triển các mặt hoạt động theo chương trình nội dung 6 điểm của Giáo hội trong thời kỳ đổi mới của xã hội và đất nước, với 37 thành viên trong Hội đồng Chứng minh và 60 thành viên trong Hội đồng Trị sự, bổ sung thêm 2 Ban chuyên môn là Ban Từ thiện Xã hội, Ban Kinh tế Tài chính nâng tổng số Ban lên 8 Ban trực thuộc Hội đồng Trị sự, số lượng Ban Trị sự được thành lập lên 33 đơn vị tỉnh, thành hội.

- Nhiệm kỳ III của GHPGVN (1992 - 1997) là giai đoạn tiếp tục phát triển một cách toàn diện và hoàn chỉnh các mặt hoạt động của Giáo hội với 33 vị Thành viên Hội đồng Chứng minh và 70 vị trong Hội đồng Trị sự. Giáo hội bổ sung thêm 01 Ban (ban Phật giáo Quốc tế) và 01 (Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam) Viện trực thuộc Trung ương Giáo hội, nâng tổng số Ban lên thành 9 Ban và 01 Viện trực thuộc Hội đồng Trị sự. Số lượng Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố là 41 đơn vị.

- Nhiệm kỳ IV của GHPGVN (1997 - 2002) là nhiệm kỳ tổng kết những thành quả của Giáo hội trong nhiệm kỳ cuối cùng của thế kỷ XX để vững bước tiến sang thế kỷ XXI. Nhiệm kỳ được hoạt động với sự chứng minh của 67 vị

trong Hội đồng Chứng minh và 94 vị trong Hội đồng Trị sự. Nhiệm kỳ này Giáo hội vẫn duy trì 9 Ban, 1 Viện trực thuộc Trung ương Giáo hội như nhiệm kỳ III. Tính đến hết nhiệm kỳ IV Giáo hội đã thành lập 45 đơn vị tỉnh, thành hội Phật giáo trong cả nước.

- Nhiệm kỳ V của GHPGVN (2002 - 2007) là nhiệm kỳ GHPGVN củng cố, sắp xếp tăng cường nhân sự các Ban, Viện một cách đồng bộ để làm việc hoằng truyền chính pháp, thực hiện các hoạt động xã hội đạt hiệu quả. Nhiệm kỳ hoạt động với 84 thành viên trong Hội đồng Chứng minh và 95 thành viên trong Hội đồng Trị sự. Nhiệm kỳ này Giáo hội vẫn duy trì 9 Ban, 1 Viện trực thuộc Trung ương Giáo hội như nhiệm kỳ III. Tính đến năm 2004 GHPGVN đã có 47 tỉnh, thành phố (trực thuộc Trung ương) có Ban Trị sự Phật giáo; nhiều huyện, thị xã có Ban Đại diện Phật giáo cấp huyện, và nhiều xã, phường có Đại diện Phật giáo cấp xã.

- Nhiệm kỳ VI của GHPGVN (2007-2012) là nhiệm kỳ GHPGVN có nhiều đổi mới trong Giáo hội: Số lượng thành viên Hội đồng Chứng minh tăng từ 84 vị lên 98 vị; ủy viên Hội đồng Trị sự được tăng cường từ 95 vị lên 147 vị; các Ban, Viện trực thuộc Giáo hội được củng cố và tăng cường; Đội ngũ tham gia Hội đồng Trị sự và Ban Trị sự (Ban Đại diện) Phật giáo địa phương được trẻ hóa, là những người có uy tín, đạo hạnh và trình độ cao. Giáo hội có 10 ban, viện (thêm một Phân ban Đặc trách Ni giới trong Ban Tăng sự) trực thuộc Hội đồng Trị sự. Tính đến tháng 6/2009, GHPGVN có 54 Ban Trị sự (Ban Đại diện) Phật giáo cấp tỉnh.

- Nhiệm kỳ VII của GHPGVN (2012 - 2017) là nhiệm kỳ GHPGVN đã kiện toàn hệ thống tổ chức, gồm 03 cấp hành chính Giáo hội bao gồm cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện với 89 thành viên Hội đồng Chứng minh, 199 Ủy viên Hội đồng Trị sự chính thức và 61 Ủy viên dự khuyết; 13 Ban, Viện Trung ương (bổ sung thêm 03 Ban gồm Ban Pháp chế, Ban Kiểm soát, Ban Thông tin truyền thông), 63 đơn vị Phật giáo cấp tỉnh, thành; hàng trăm đơn vị Phật giáo cấp quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh.

- Nhiệm kỳ VIII của GHPGVN (2017 - 2022) là nhiệm kỳ GHPGVN đặt mục tiêu “Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển”, thể hiện quyết tâm của toàn thể Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển Giáo hội. Nhiệm kỳ này Giáo hội có 96 thành viên Hội đồng Chứng minh, 224 ủy viên Hội đồng Trị sự. Giáo hội vẫn duy trì 13 Ban, Viện trực thuộc Hội đồng trị sự như nhiệm kỳ VII.

## 1.2. Giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức của Phật giáo

### 1.2.1. Giáo lý

Giáo lý cơ bản của đạo Phật nằm trong nội dung Tứ Diệu đế (4 chân lý) và Thuyết duyên khởi

#### *b. Tứ diệu đế:*

Tứ diệu đế là giáo lý cơ bản, xuyên suốt trong toàn bộ kinh điển Phật giáo. Tùy vào căn cơ của chúng sinh mà Đức Phật thuyết pháp theo từng mức độ khác nhau, nhưng tựu trung lại cũng đều bắt nguồn từ pháp môn Tứ đế (Khổ đế - Tập đế - Diệt đế - Đạo đế), đó là 4 chân lý chân thực, chắc chắn.

- Khổ đế (Duhkka-satya): Trong Tứ diệu đế, đạo Phật chỉ ra đầu tiên là vấn đề khổ. Theo giáo lý nhà Phật, con người ai cũng gặp phải những điều đau khổ, chỉ khác là nỗi khổ đau ở mỗi con người không giống nhau.

Nói vậy không có nghĩa là đạo Phật chủ trương cuộc đời chỉ toàn là khổ, và những người tu Phật là bi quan, yếm thế. Thực tế đạo Phật nhìn nhận cuộc đời một cách khách quan, không xa lạ với cuộc sống thực tại của chính mình. Với thái độ lạc quan, giáo lý Phật giáo đã chỉ cho mọi người nhận thức chân thực sự vật, hiện tượng và chỉ cho ta con đường thoát ly ra khỏi nỗi khổ đó, đạt đến những điều tốt đẹp.

Phật Thích Ca đã khái quát nỗi khổ của con người ra làm 8 loại, đó là 4 nỗi khổ: Sinh - Lão - Bệnh - Tử. Ngoài ra còn có các nỗi khổ khác như: "ái biệt ly khổ" (những người thân yêu phải xa nhau); "Oán tắng hội khổ" (những người có oán thù thường hay gặp gỡ); "Cầu bất đắc khổ" (điều mong cầu không toại nguyện) và "Ngũ ấm xí thịnh khổ" (bị 5 yếu tố: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức nung nấu khổ sở). Đức Phật đã nhận ra cuộc đời là khổ nên Ngài đã nói ra Khổ đế.

- Tập đế (Samudaya): Đức Phật quan niệm, thế giới vạn hữu đều y vào sự quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả mà sinh hay mà diệt. Thấy rõ mọi nỗi đau khổ rồi thì phải làm rõ nguyên nhân tạo thành sự khổ (khi tìm ra nguyên nhân rồi từ đó mới có cách để khắc phục), đó là Tập đế. Những nguyên nhân nỗi khổ đều ở chính ngay trong con người của mỗi chúng ta. Tựu chung lại có 3 vấn đề lớn, đó là: Tham - Sân - Si, Phật giáo gọi là "Tam độc".

- Diệt đế (Nirodha Dukkha): Diệt đế là giải thoát luân và cũng là lý tưởng luân của Phật giáo.

Để diệt trừ khổ đau, đức Phật đã khái quát bằng 3 vấn đề: Giới - Định - Tuệ, Phật giáo gọi là "Tam học". Theo quan niệm trên, Phật giáo lấy trí tuệ soi

sáng để giải quyết mọi vấn đề mới tốt đẹp, tức là lấy “Tam học” đối trị “Tam độc” để diệt trừ cái tham, cái ác.

- Đạo đế (Nirodha Gamadukkha): Đạo đế là con đường, là phương tiện mà Đức Phật hướng dẫn cho chúng sinh đạt đến được quả vị, giải thoát khỏi luân hồi sinh tử hay nói cách khác là phương pháp tu hành để diệt khổ, được vui. Đây là pháp môn thực tiễn để tu hành, thuộc Đạo đức luận của Phật giáo.

Bát chính đạo gồm có:

+ Chính kiến (Samyag-drsti): Nhìn nhận sự việc một cách khách quan, công bằng, tin vào sự giải thoát và nhân quả.

+ Chính tư duy (Samyag - samkalpa): Suy xét một sự việc theo đúng lẽ phải, tư duy về nghĩa chân chính của Tứ đế để lìa tham, sân, si.

+ Chính ngữ (Samyag - vāca) : Nói lời chân thật, ngay thẳng, không thiên kiến, lìa mọi lỗi của khẩu nghiệp.

+ Chính nghiệp (Samyag - karmānta): Hành động chân chính để thân nghiệp được thanh tịnh.

+ Chính mạng (Samyag - āgiva): Sinh sống bằng nghề nghiệp lương thiện, trong sạch, lìa mọi sinh hoạt bất chính để 3 nghiệp được trong sạch.

+ Chính tinh tiến (Samyag - vyāyāma): Quyết tâm tu tập, chuyên cần làm việc nghĩa, bỏ ác làm việc thiện.

+ Chính niệm (Samyag - smṛti): Nhớ nghĩ về chính pháp, gạt bỏ mọi tà niệm.

+ Chính định (Samyag - samādhi): Tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý để trở thành vô lậu thanh tịnh.

*b. Thuyết Duyên khởi:*

Lý nhân duyên chi phối vũ trụ và nhân sinh, trong đó nhân là năng lực phát sinh, duyên là lực hỗ trợ cho nhân phát sinh. Mọi sự vật trên thế gian đều do các nhân và duyên hợp lại mà thành và sẽ biến diệt khi nhân duyên tan rã.

Phật giáo quan niệm các hiện tượng trong vũ trụ luôn luôn biến chuyển không ngừng theo quy luật Thành - trụ - hoại - không (hình thành, tồn tại một thời gian, rồi dần bị huỷ hoại và tan biến), liên tục như thế không bao giờ ngừng nghỉ.

Về nhân sinh, Phật giáo quan niệm sắc thân của con người chỉ tồn tại một thời gian rồi sẽ huỷ diệt theo quy luật: Sinh - Trụ - Di - Diệt (Sinh ra - lớn lên, tồn tại - thay đổi và cuối cùng là huỷ diệt) thì tinh thần cùng với sắc thân phải huỷ diệt theo, tinh thần không tồn tại độc lập rời sắc thân được. Do đó, Phật giáo

không công nhận một linh hồn vĩnh cửu, tách rời sắc thân, khi sắc thân chết để chuyển từ kiếp này sang kiếp khác.

Với thuyết Thập nhị Nhân duyên, Phật giáo chứng minh con người sinh ra là do các nhân và duyên hợp lại và không còn tồn tại khi nhân duyên tan rã. Phật giáo không công nhận có một đấng tối thượng siêu nhiên tạo ra con người, cũng như con người không tự nhiên mà sinh ra.

Đạo Phật cho rằng mọi sự vật đều chỉ là giả tạm, vô thường. Khi nhân duyên đầy đủ hợp lại thì sự vật là "có", khi nhân duyên tan rã thì sự vật là "không". Muôn vật từ nhân duyên mà sinh và cũng do nhân duyên mà diệt.

### *c. Tam tạng kinh điển:*

Phật giáo có một kho tàng kinh điển vĩ đại. Riêng Đại tạng kinh có gần 10.000 pho sách, ngoài ra còn rất nhiều những trước tác, bình luận, giải thích giáo lý. Kinh sách của đạo Phật gồm: Văn học, triết học, nghệ thuật, luân lý học được truyền bá khắp thế giới và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nguyên bản thì chép bằng chữ Pali và chữ Phạn (Sanskrit).

Kinh điển Phật giáo được chia làm 3 tạng:

- Kinh tạng (Sutra Pitaka - Tudala): Ghi chép những lời Phật dạy, còn gọi là Khế kinh, coi đó như là một chân lý (Kinh là lời nói chân thực, Khế là hợp với chân lý).

- Luật tạng (Vinaya Pitaka Tinaida): Ghi chép những giới luật của Phật chế định dành cho 5 chúng xuất gia và 2 chúng tại gia.

- Luận tạng (Abhidhamma Pitaka): Giảng giải ý nghĩa về kinh, luật.

### **1.2.2. Giáo luật**

Giáo luật Phật giáo do đức Phật chế ra xuất phát từ thực tế trong khi điều hành Tăng đoàn. Có thể coi đây là "Pháp quy" của đoàn thể Tăng đoàn, để quy định về tổ chức Tăng đoàn, những giới cấm, sinh hoạt của Tăng đoàn, tổ chức Tăng đoàn (đoàn thể Tăng già).

Nghi thức nhận người vào đoàn thể Tăng già, còn gọi là Phép Tiến cụ: Ban đầu Phật giáo chỉ tiếp nhận những người đã trưởng thành vào đoàn thể Tăng già, song do nguyện vọng được gia nhập Tăng đoàn của nhiều người từ khi còn rất trẻ nên Phật giáo đã chia ra thành từng bước:

- + Làm lễ "Hứa khả" cho ai tin theo Phật xin gia nhập đoàn thể Tăng già, gồm các bước:

- Tổ chức trao truyền 10 giới để công nhận cho gia nhập "đoàn thể Sa di" (đó là những người tập tu để rèn luyện trở thành một vị sư chính thức).

Sau khi tu tập ở đoàn thể Sa di đạt được kết quả nhất định, tổ chức nghi thức trao truyền giới cụ túc (giới pháp đầy đủ), công nhận người đó đủ tư cách là một vị sư cho gia nhập "đoàn thể Tỷ khiêu".

Những người được công nhận là Tỷ khiêu phải có tuổi đời ít nhất là 20 tuổi và "lục căn cụ túc" (tức là hình thể phải hoàn chỉnh, tư chất thông minh ...), đảm bảo về đạo hạnh và trí tuệ.

Việc truyền giới cho đệ tử Giáo luật quy định phải có đủ 10 vị trưởng lão Tỷ khiêu làm thầy giới sư để trao truyền giới pháp (gọi là Tam sư, thất chứng).

- Nghi thức Hứa khả cho người nhập "đoàn thể Phật tử" tại gia là nghi lễ truyền thụ Tam quy. Người thụ Tam quy phải thực hiện các điều: Nguyên bỏ điều ác; Nguyên làm các việc thiện; Nguyên giúp đỡ mọi người.

- Quy định về những giới cấm:

Theo Luật Tứ phần thì kinh Giới bản quy định:

+ Tỷ khiêu phải giữ 250 giới.

+ Tỷ khiêu Ni phải giữ 348 giới.

Theo Nam truyền Luật tạng thì:

+ Tỷ khiêu phải giữ 227 giới

Các giới điều tuy có khác nhau, song tựu chung lại đều căn cứ từ Ngũ giới và Thập thiện để quy định cụ thể các điều khác nhau.

- Ngũ giới, gồm: Không sát sinh; Không nói sai sự thật; Không tà dâm; Không trộm cắp; Không uống rượu.

- Thập thiện là mười điều thiện, gồm:

+ Ba điều thiện về thân: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.

+ Bốn điều thiện về khẩu: Không nói dối, không nói hai chiều, không nói điều ác, không nói thêu dệt.

+ Ba điều thiện về ý: Không tham lam, không giận dữ, không tà kiến.

- Đối với giới xuất gia còn ở bậc Sa di phải giữ 10 giới. Ngoài ngũ giới (như đã trình bày ở trên) người tu ở bậc Sa di còn phải giữ thêm 5 giới nữa là:

+ Không trang điểm, không bôi nước hoa hay xức dầu thơm.

+ Không nằm giường đệm cao sang, giường rộng dùng cho hai người.

+ Không xem ca hát nhảy múa và cũng không được ca hát nhảy múa.

+ Không giữ vàng bạc.

+ Không ăn phi thời (quá giờ quy định).

Tăng Ni phải nương vào giới luật để làm mực thước sinh hoạt hàng ngày.

- Đối với Phật tử tại gia: Sau khi thụ Tam quy (Quy Phật, quy Pháp, quy Tăng) người Phật tử phải thụ ngũ giới là 5 điều Phật chế ra để ngăn cấm những

tướng niệm ác, hành động bất chính, gieo lòng từ bi, bình đẳng trong chúng sinh giúp họ được tiến trên con đường giải thoát, an lạc.

Ngoài ra người phật tử tùy căn cơ, sở nguyện có thể thụ Bát quan trai giới (8 giới). Nội dung Bát quan trai giới gồm có Ngũ giới và thêm 3 điều quy định nữa:

- + Không trang điểm
- + Không dùng đồ sang trọng (giường cao rộng; không ca múa hát xướng và cũng không xem nghe ...).
- + Không ăn uống không đúng giờ.

### **1.2.3. Lễ nghi**

a. *Nghi thức lễ Bá tát*: (còn gọi là Bồ tát - Upavasatha): Tiếng Hán dịch là Tịnh trụ, Trưởng dưỡng, có ý nghĩa tự mình sám hối các tội đã phạm trước mọi người (theo Luận Trí Độ, quyển 13, Huyền ứng âm nghĩa, quyển 18).

b. *Nghi thức An cư*: An cư còn gọi là "Vũ kỳ An cư" (Vansavasana) diễn ra hàng năm trong khoảng thời gian 3 tháng.

c. *Nghi thức Tụ tứ*: Tụ tứ có nghĩa là tổng kết khoá An cư. ở đây mỗi người tự kiểm điểm lại bản thân mình, nếu ai vi phạm lỗi lầm gì thì phải bộc bạch với những Tỷ khiêu khác và tự sám hối.

## **1.3. Đặc điểm của Phật giáo Việt Nam và cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

### **1.3.1. Đặc điểm của Phật giáo Việt Nam**

Phật giáo Việt Nam mang đầy đủ các đặc điểm của đạo Phật song lại có những nét riêng biệt khi truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã hoà nhập, thích nghi và kết hợp với đời sống tâm linh, văn hoá của người dân Việt Nam nên có những đặc điểm riêng biệt làm cho Phật giáo ở Việt Nam trở lên linh hoạt, phong phú:

- Phật giáo dung hợp cùng tín ngưỡng truyền thống của người Việt, như: thờ cúng Tổ tiên, thờ Thần, thờ Mẫu nhưng Phật giáo vẫn giữ vai trò chủ đạo để làm nên Đạo Phật Việt Nam.

- Phật giáo dung hợp Nho giáo, Lão giáo để trở thành "Tam giáo đồng nguyên" hộ trì quốc gia, dân tộc.

- Phật giáo du nhập vào Việt Nam trở thành một tôn giáo gắn bó giữa đạo với đời, thể hiện tinh thần nhập thế. Phật giáo Việt Nam có truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, cùng đồng hành trong những giai đoạn thăng trầm của đất nước, góp phần đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.



- Phật giáo Việt Nam tuy có nhiều tông phái Phật giáo cùng tồn tại và phát triển, nhưng từ năm 1981 tất cả đều sinh hoạt trong một tổ chức chung là GHPGVN. Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam còn đoàn kết với các tầng lớp trong xã hội và đoàn kết với các tôn giáo bạn.

- Phật giáo Việt Nam ngày càng có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Với nguồn lực hiện có, Phật giáo Việt Nam đang ngày càng phát huy ưu thế tích cực của một tôn giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

### **1.3.2. Cơ cấu tổ chức của GHPGVN**

Hệ thống tổ chức của GHPGVN gồm 3 cấp: Cấp Trung ương; cấp tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương); và cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh).

#### **1.3.2.1. Cấp Trung ương**

Hội đồng Chứng minh (HĐCM) và Hội đồng Trị sự (HĐTS) GHPGVN. Nhiệm kỳ của mỗi Hội đồng là 5 năm (theo nhiệm kỳ Đại hội) và 13 ban, viện thuộc HĐTS, gọi chung là Ban, Viện Trung ương gồm: Ban Tăng sự; Ban Giáo dục Phật giáo; Ban Hướng dẫn Phật tử; Ban Hoàng pháp; Ban Nghi lễ; Ban Văn hoá; Ban Kinh tế Tài chính; Ban Từ thiện Xã hội; Ban Phật giáo Quốc tế; Ban Thông tin Truyền thông; Ban Pháp chế; Ban Kiểm soát; Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

#### **1.3.2.2. Cấp tỉnh, thành phố**

Ban Chứng minh và Ban Trị sự GHPGVN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có nhiệm vụ điều hành hoạt động Phật giáo cấp tỉnh. Nhiệm kỳ Ban Trị sự là 5 năm. GHPGVN hiện có 63 Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh.

#### **1.3.2.3. Cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh**

Ban Chứng minh và Ban Trị sự GHPGVN quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. GHPGVN hiện có trên 400 Ban Trị sự GHPGVN cấp huyện.

Đối với đơn vị phường, xã có nhiều cơ sở thờ tự, Ban Trị sự có thể bổ nhiệm 1 đại diện Phật giáo phường, xã tại địa phương. Các Tự, Viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường,... là cơ sở thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

## **2. TÌNH HÌNH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.1. Số lượng tăng, ni, cơ sở tôn giáo**

#### **2.1.1. Số lượng tăng, ni**

GHPGVN hiện có: 54.169 Tăng Ni, gồm: 40.095 Bắc Tông; 7.028 Nam tông Khmer, 08 tu nữ, 1.754 Nam Tông kinh (1.100 chư tăng, 654 Tu nữ); 5.284 Khất sĩ; Khoảng 14 triệu tín đồ và nhiều người có niềm tin yêu mến Đạo Phật.

Tăng, Ni ở đây được hiểu ở hai phương diện: Giới phẩm và Giáo phẩm.

- Ở phương diện Giới phẩm: Bậc thấp là thụ giới Sa di (giữ 10 giới cấm); Bậc cao là thụ giới Tỷ khiêu. Phật tử xuất gia đã thụ giới Tỷ khiêu (Đại đức đối với sư nam và Sư cô đối với sư nữ) mới được coi là một vị sư chính thức.

- Ở phương diện Giáo phẩm: Phật giáo nguyên thủy không đặt ra Giáo phẩm, chỉ sau này khi Phật giáo phát triển mới đặt ra. Hiện nay GHPGVN quy định 3 bậc:

+ Đại đức - Thượng toạ - Hoà thượng (đối với tăng);

+ Sư cô - Ni sư - Ni trưởng (đối với ni).

Giáo phẩm có 2 bậc:

+ Thượng toạ, Ni sư có đủ 45 tuổi đời, 25 tuổi đạo;

+ Hoà thượng, Ni trưởng có đủ 60 tuổi đời, 40 tuổi đạo.

Sau khi thụ giới tỷ khiêu được gọi là Đại đức với tăng, Sư cô với ni nhưng chưa được xếp vào hàng Giáo phẩm. Được công nhận tấn phong Giáo phẩm khi đủ thời gian như trên.

### **2.1.2. Số lượng cơ sở tôn giáo**

GHPGVN hiện có 18.544 Tự viện, gồm: 15.871 Tự viện Bắc Tông, 462 chùa Nam Tông Khmer, 45 Salate; 106 chùa Nam Tông Kinh; 541 Tịnh xá, 467 Tịnh Thất, 988 Niệm Phật đường, 54 tự viện Phật giáo người Hoa<sup>6</sup>.

Cơ sở thờ tự của Phật giáo chủ yếu do tập thể nhân dân trong làng, xã đứng ra xây dựng (đất vua, chùa làng) rồi mời sư về trụ trì; hoặc cũng có chùa do sự vận động tiền của thập phương đóng góp xây dựng nên; một số chùa do cá nhân nhà sư xây dựng hay các nhà giàu có bỏ tiền ra xây dựng rồi mời sư về trụ trì theo kiểu “biên gia vi tự”; một số chùa do tổ chức Phật giáo đứng ra xây dựng.

## **2.2. Tình hình hoạt động của GHPGVN**

### **2.2.1. Hoạt động tăng sự**

Việc quản lý Tăng sự là việc quan trọng hàng đầu để duy trì nền nếp kỷ cương theo giáo luật nhà Phật. Từ ngày thành lập đến nay, Ban Tăng sự Trung ương của GHPGVN chịu trách nhiệm về việc quản lý Tăng ni với các nội dung hoạt động của Ban Tăng sự, thực hiện quản lý Tăng ni như: Hướng dẫn việc thu nhận đệ tử; hướng dẫn tổ chức giới đàn truyền giới cho tăng ni mới nhập tu; bổ nhiệm trụ trì chùa; hướng dẫn việc xem xét đề nghị tấn phong giáo phẩm cho Tăng ni; việc chuyển chuyên tăng ni... (Hoạt động Tăng sự theo Nội quy Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN).

<sup>6</sup>TLDD, Báo cáo tổng kết công tác Phật sự 2020 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr.4

### **2.2.2. Hoạt động giáo dục đào tạo**

Nhằm quản lý, đào tạo, bồi dưỡng Tăng ni đặc biệt là thế hệ trẻ có trình độ kiến thức về Phật học và thế học, giúp cho các tăng ni có đầy đủ 3 đức tính: Tâm đức, trí đức và hạnh đức, có khả năng đảm trách công tác phụng sự đạo pháp và dân tộc, GHPGVN kể từ khi thành lập đã rất chú trọng trong công tác đào tạo Tăng tài.

Sau 40 năm hình thành và phát triển, GHPGVN đã có một hệ thống trường, lớp đào tạo khá cơ bản cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được nhu cầu tu học của Tăng ni cũng như nguyện vọng của Giáo hội. Hiện GHPGVN có 04 Học viện Phật giáo, 08 lớp cao đẳng, 34 trường Trung cấp Phật học và hàng trăm lớp sơ cấp tại các chùa, đào tạo từ trình độ sơ cấp đến trung cấp, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, hàng năm đào tạo hàng nghìn tăng tài cho Giáo hội.

### **2.2.3. Hoạt động hoằng pháp**

Công tác hoằng pháp luôn được GHPGVN coi là công tác quan trọng vì mục tiêu “Hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sinh”. Nếu công tác giáo dục Tăng ni là công tác đào tạo, bồi dưỡng những vị tu sỹ chuyên nghiệp thì hoạt động Hoằng pháp là nội dung quan trọng đưa giáo pháp của Đức Phật đến với tín đồ, Phật tử và mục tiêu là đến với toàn xã hội.

Các hoạt động chính trong công tác hoằng pháp của GHPGVN bao gồm: đào tạo Giảng sư; thành lập các đoàn Giảng sư TW và các tỉnh, thành hội Phật giáo; tổ chức khoá bồi dưỡng, hội thảo Hoằng pháp; tổ chức hội thi giáo lý cư sỹ Phật tử; xuất bản Nội san Chuyển pháp luân; tổ chức bồi dưỡng chương trình Phật học hàm thụ; tổ chức các cuộc thuyết giảng Phật pháp.

### **2.2.4. Hoạt động hướng dẫn Phật tử**

Theo Hiến chương GHPGVN, Ban Hướng dẫn Phật tử TW có 2 phân ban: Phân ban Cư sỹ và phân ban Gia đình Phật tử. Hai phân ban này hoạt động theo hiến chương và nội quy của phân ban. Đặc thù của Phật giáo các tỉnh miền Trung và miền Nam có tổ chức Gia đình Phật tử (được coi như các hội đoàn tôn giáo) tập hợp các Huynh trưởng và các Đoàn sinh (thanh thiếu niên là tín đồ Phật giáo) với các hoạt động phong phú, đa dạng.

Hoạt động Hướng dẫn Phật tử thường xuyên thực hiện một số công tác sau: tổ chức tu học và huấn luyện Huynh trưởng; xếp cấp, tấn phong cấp, cấp thẻ Huynh trưởng; tổ chức các Hội nghị chuyên đề; tổ chức trại họp bạn ngành Gia

đình Phật tử; cấp thẻ Phật tử; công tác hiếu hạnh; sinh hoạt đạo tràng và các hoạt động văn nghệ, xã hội khác.

Theo số liệu thống kê đến đầu năm 2021, Ban Hướng dẫn Phật tử TW GHPGVN có: 1.035 đơn vị Gia đình Phật tử đăng ký sinh hoạt tại 34 tỉnh, thành hội Phật giáo; 9.343 Huynh trưởng các cấp<sup>7</sup>.

### **2.2.5. Hoạt động nghi lễ**

Phật giáo Việt Nam có sự đa dạng của các hệ phái (Nam tông, Bắc tông, Khmer, Hoa tông, Khất sỹ) nên các nghi lễ có tính đặc thù. Tuy nhiên, trên đại thể của tinh thần Phật giáo, GHPGVN đã thống nhất nghi lễ về hình thức và nội dung cho các ngày lễ lớn hàng năm như: Đại lễ Phật đản; Lễ Vu lan - Báo hiếu; Lễ tưởng niệm; Trai đàn chẩn tế... Bên cạnh đó còn phải kể đến các ngày lễ lớn gắn với đặc thù của từng hệ phái như: Lễ dâng y Kathina (của Phật giáo Nam Tông Khmer); Lễ huý kỵ tổ sư, các nghi lễ trong an cư, kiết hạ, truyền giới (của các hệ phái).

Ngoài ra, Ban Nghi lễ Trung ương còn được GHPGVN giao chủ trì phối hợp với Văn phòng Trung ương, tinh thành hội Phật giáo các địa phương tổ chức các công tác: Hội thảo Nghi lễ; Biên soạn giáo trình, giáo án về nghi lễ để giảng dạy cho Tăng ni các trường Hạ và làm chủ trì cho các hoạt động nghi lễ trong việc tổ chức các hoạt động lớn của Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước.

### **2.2.6. Hoạt động nghiên cứu**

Giáo hội Phật giáo Việt Nam rất chú trọng công tác nghiên cứu Phật học để làm căn cứ cho việc giảng dạy, đào tạo tăng tài và hoằng dương chánh pháp. Ngay từ Đại hội lần III năm 1992, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (đặt tại TP. Hồ Chí Minh) và Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (đặt tại Thành phố Hà Nội).

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam có Ban Chứng minh và Ban Cố vấn. Giúp việc cho 2 Ban là Hội đồng Quản trị, các Trung tâm nghiên cứu và Ban chuyên môn, gồm: Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Thiền học Nam Truyền, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Thiền học Bắc truyền, Trung tâm nghiên cứu Pàli học, Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Nam tông Khmer, Trung tâm nghiên cứu Văn hoá Phật giáo, Trung tâm nghiên cứu Phật học Hán truyền, Trung tâm phiên dịch Phật học Anh - Việt, Trung tâm nghiên cứu Tôn giáo, Ban In ấn và xuất bản, Ban Tài chính, Trung tâm nghiên cứu và phiên dịch

<sup>7</sup>TLDD, Báo cáo tổng kết công tác Phật sự 2020 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr.9

Phật học (được thành lập vào tháng 1/2021) với đông đảo đội ngũ nhân sự là những tăng ni có trình độ cao về Phật học và thế học.

### **2.2.7. Hoạt động kinh tế**

Song song với các hoạt động khác, hoạt động Kinh tế - Tài chính cũng được Giáo hội Phật giáo Việt Nam quan tâm, vì đây là hoạt động cần thiết để đảm bảo, duy trì các hoạt động chuyên môn cũng như các hoạt động đối nội (từ thiện, phục vụ xã hội), đối ngoại của Giáo hội. Ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cổ phần Thiện Tài với các lĩnh vực chủ yếu: tổ chức các tour du lịch tâm linh, hành hương thắng tích Phật giáo; in ấn, phát hành lịch Phật giáo; phát hành kinh sách, văn hoá phẩm Phật giáo phục vụ chức sắc và tín đồ, Phật tử.

Công tác chính của hoạt động Kinh tế - Tài chính của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là: vận động các tự viện tạo nguồn kinh tế; vận động Tăng ni cúng dàng công đức kinh phí cho hoạt động Giáo hội; vận động tín đồ Phật tử tự nguyện cúng dàng tài sản, kinh phí cho các hoạt động thường niên, đột xuất và các hoạt động lớn mang tầm quốc gia, quốc tế mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ trì hoặc tham gia.

### **2.2.8. Hoạt động từ thiện xã hội**

Vì mục đích cứu khổ, độ sinh của đạo Phật, từ ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã luôn quan tâm đến việc vận động cứu trợ nhân đạo, góp một phần giảm bớt gánh nặng cho xã hội.

Các hoạt động thường xuyên trong công tác từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là: xây dựng hệ thống Tuệ Tĩnh đường, Phòng chẩn trị Y học dân tộc; xây dựng các trường lớp, nhà dưỡng lão, cơ sở nuôi trẻ mồ côi; Mở trường dạy nghề miễn phí; tham gia phong trào phòng chống HIV/AIDS; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ từ thiện xã hội cho Tăng, Ni, Phật tử; và tổ chức nhiều cuộc cứu trợ... Các hoạt động Từ thiện - Xã hội này đã góp phần vào việc xoá đói giảm nghèo, làm vơi bớt những khó khăn, gánh nặng cho cộng đồng, xã hội. Đây cũng chính là phương châm “Phục vụ chúng sinh là cúng dàng chư Phật” trong đường hướng hoạt động đồng hành cùng dân tộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Phát huy tinh thần “Phụng đạo, yêu nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn chủ động, tích cực phát huy các nguồn lực của Giáo hội vào các hoạt động an sinh xã hội. Mỗi khi xảy ra thiên tai, địch hoạ gây khó khăn cho cuộc sống của người dân, Giáo hội bằng các việc làm thiết thực, kịp thời trợ giúp người dân có hoàn cảnh có khăn, những bộ phận dễ bị tổn thương trong xã hội để giúp họ sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống. Hàng năm, số tiền Giáo hội Phật

giáo Việt Nam huy động dành cho các hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội lên đến hàng nghìn tỉ đồng<sup>8</sup>.

### **2.2.9. Hoạt động văn hoá, xuất bản, báo chí**

Văn hoá Phật giáo là một bộ phận quan trọng trong kho tàng văn hoá dân tộc. GHPGVN luôn quan tâm đến hoạt động này và đã góp phần vào việc giữ gìn và phát huy đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần quản lý các chùa di tích lịch sử, văn hoá nghệ thuật. Hoạt động báo chí tuyên truyền có nội dung tốt, góp phần chuyển tải những thông tin quan trọng về chính sách đổi mới của Nhà nước ta. Phiên dịch và xuất bản kinh sách giúp người quan tâm tìm hiểu được dễ dàng, góp phần lợi ích cho xã hội. Hiện nay, GHPGVN các cấp có các ấn phẩm và tạp chí như: Tuần báo Giác Ngộ, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Tạp chí Văn hoá Phật giáo, Tạp chí Khuông Việt và nhiều nội san góp phần truyền bá những giá trị của văn hoá, tôn giáo đến với chức sắc, tín đồ và độc giả, qua đó góp phần tuyên truyền chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

### **2.2.10. Hoạt động quốc tế**

Hoạt động quốc tế của GHPGVN là hoạt động quan trọng, luôn được Giáo hội quan tâm. Trong những năm gần đây, hoạt động quốc tế của Phật giáo Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng và hội nhập sâu vào đời sống chung của Phật giáo thế giới. Các hoạt động quốc tế cơ bản của Phật giáo gồm: tổ chức các đoàn chức sắc ra nước ngoài, hợp tác, hoạt động tôn giáo; tổ chức các đoàn chức sắc Phật giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động tôn giáo; tham dự các hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế về Phật giáo; ngoài ra còn có các hoạt động trao đổi, nghiên cứu, đào tạo, thăm viếng giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo các nước. GHPGVN đã tổ chức thành công 3 kỳ Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc (vào các năm 2008, 2014 và 2019) đã ghi dấu ấn của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế.

Phật giáo Việt Nam có quan hệ giao lưu, thân hữu với rất nhiều nước có Phật giáo, đặc biệt là các nước trong khu vực như: Srilanca, Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Lào... và các nước Ấn Độ, Pháp, Đức ... Hiện nay, nhiều Tăng Ni sinh Việt Nam được gửi đi đào tạo tại các trường Đại học ở Ấn Độ, Trung Quốc, Myanmar.

---

<sup>8</sup> Theo số liệu tại Báo cáo tổng kết công tác Phật sự của GHPGVN, năm 2020 tổng số tiền từ thiện GHPGVN đã thực hiện lên đến 2.439 tỉ đồng.

Tóm lại, trải qua gần 2000 năm Phật giáo được truyền bá và phát triển ở Việt Nam, đạo Phật đã khẳng định được vị trí đứng của mình trong lòng dân tộc. Khi đất nước có chiến tranh, đa phần các Tăng Ni, Phật tử lại chính là những người chiến sỹ lên đường bảo vệ Tổ quốc, các chùa Phật giáo lại trở thành cơ sở của cách mạng. Khi đất nước yên bình, các Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam đã tích cực đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp kiến thiết, xây dựng Tổ quốc.

Giáo lý Phật giáo mang đậm giá trị nhân văn sâu sắc đã có tác dụng giáo dục con người lòng nhân ái, tính hướng thiện và làm phong phú thêm kho tàng văn hoá Việt Nam. Phật giáo Việt Nam đã được lịch sử Việt Nam ghi nhận là tôn giáo luôn đi cùng dân tộc trong mọi cuộc thịnh suy, thăng trầm của đất nước.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ PHẬT GIÁO**

Thông tin tuyên truyền là hoạt động xã hội đặc thù, tác động đến tâm tư, tình cảm, nhận thức của con người, từ đó hướng dẫn thúc đẩy hành động của con người thực hiện theo nội dung, mục đích tuyên truyền.

Thông tin tuyên truyền về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng khá đa dạng về hình thức thực hiện như: (1) Tuyên truyền miệng, (2) Tuyên truyền qua báo, đài (báo viết, báo hình), (3) Mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn, (4) Tuyên truyền qua ấn phẩm, tờ rơi, pa-nô, áp pích,... Tuy nhiên, tùy từng đối tượng tuyên truyền, thời điểm tuyên truyền để lựa chọn hình thức phù hợp. Trong công tác thông tin tuyên truyền về Phật giáo chú trọng tính tương tác, tính thuyết phục và tránh tuyên truyền một chiều.

Để thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền về Phật giáo, cán bộ làm công tác thông tin tuyên truyền cần quan tâm một số nội dung sau:

#### **3.1. Nắm rõ chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước nói chung và tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có Phật giáo**

Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước là then chốt trong công tác thông tin, tuyên truyền. Cán bộ làm công tác thông tin truyền truyền phải thực sự hiểu biết, nắm vững nội dung các văn bản pháp luật của nhà nước nói chung, và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (Phật giáo) nói riêng vì:

Thứ nhất, Phật giáo cũng giống như các tôn giáo khác, hoạt động rộng, tác động, ảnh hưởng đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nên hoạt động tôn giáo của Phật giáo cũng chịu sự điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành khác, như: Luật dân sự, Luật đất đai, Luật giáo dục, Luật y tế, Luật xây dựng,...

Thứ hai, phải nắm rõ pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Chủ trương, chính sách Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được Đảng, Nhà nước hoạch định và xây dựng phù hợp với từng thời kỳ cách mạng của đất nước. Đảng và Nhà nước luôn thực hiện nhất quán chính sách tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, mọi người có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo (Phật giáo), đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân, bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo; các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; củng cố sự đoàn kết giữa những người có và không có tôn giáo, giữa những người tin theo các tôn giáo khác nhau trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các tổ chức tôn giáo và công dân theo tôn giáo cũng phải tôn trọng, bảo vệ trật tự xã hội và thể chế nhà nước. Không cho phép lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để làm trái với Hiến pháp, pháp luật, trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, cộng đồng, địa phương, đất nước; kiên quyết đấu tranh các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết dân tộc và chống phá thành quả các mạng của đất nước.

Như vậy, Quan điểm, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng bao giờ cũng có hai nội dung chủ đạo: (1) Tạo điều kiện giải quyết nhu cầu chính đáng về tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân; (2) Đấu tranh với việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, thành tựu cách mạng và công cuộc đổi mới đất nước của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Cán bộ làm công tác thông tin tuyên truyền về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và Phật giáo điều căn bản là được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật của nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Phải được trang bị kiến thức về Phật giáo, am hiểu biết tường tận chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và Phật giáo để vận dụng trong quá trình thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền.

Những văn bản về chủ trương Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước quan trọng hiện nay trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo đó là: (1) Nghị quyết số 25/NQ-TW về công tác tôn giáo được Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương bảy khóa IX ban hành vào ngày 12/03/2003. (2) Các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam (3) Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định số Nghị định số 162/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.



### **3.2. Hiểu được đặc điểm riêng của Phật giáo Việt Nam hiện nay**

- Phật giáo là tôn giáo ngoại sinh, du nhập vào Việt Nam, trải qua hơn hai nghìn năm tồn tại và phát triển, từ một tôn giáo ngoại nhập, Phật giáo đã được bản địa hoá, trở thành một thành tố không thể thiếu của nền văn hoá truyền thống Việt Nam. Nhiều giá trị đạo đức tích cực của Phật giáo đã trở thành chuẩn mực trong đời sống tình cảm, tín ngưỡng, phong tục tập quán, góp phần xây dựng nên bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc.

- Trong hoạt động tôn giáo của mình, Phật giáo luôn thực hiện tinh thần khế lý khế cơ, hoạt động theo phương châm Đạo Pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội. Là một tôn giáo nhưng Giáo lý, giáo luật của Phật giáo hàm chứa tư tưởng triết học và có sự khác biệt so với các tôn giáo khác.

- Tu sĩ Phật giáo là những người thực hiện cuộc sống tu hành, từ bỏ mọi ham muốn vật chất đời thường mà theo Phật giáo đó là nguồn gốc của mọi khổ đau. Họ nhận được sự tôn trọng lớn và có ảnh hưởng đến một bộ phận không nhỏ người dân trong xã hội.

- GHPGVN được thành lập năm 1981, là tổ chức Phật giáo duy nhất được Nhà nước công nhận, có đủ tư cách pháp lý pháp nhân đại diện cho tăng, ni, tín đồ Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước. GHPGVN được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức nhưng vẫn tôn trọng quan hệ sơn môn, pháp phái. Các vị cao Tăng đứng đầu các sơn môn, pháp phái trong GHPGVN có ảnh hưởng rất lớn đối với tăng ni, tín đồ. Hiểu rõ về nội dung này sẽ tạo được ảnh hưởng tốt trong Tăng Ni, tín đồ, giúp cho công tác tuyên truyền đạt kết quả.

- Hiểu về Phật giáo vì cùng là Phật giáo nhưng mỗi hệ phái có những nét biệt truyền riêng làm nên đặc trưng trong tổ chức và sinh hoạt. Việc thông tin, tuyên truyền cũng cần có những hình thức linh hoạt với các hệ phái để đạt hiệu quả cao.

### **3.3. Nắm được các quy định của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Quy chế các ban, ngành viện...**

Hiến chương GHPGVN là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của GHPGVN. Hiện nay là Hiến chương GHPGVN tu chỉnh lần thứ VI, với 13 chương, 71 điều bao gồm các quy định chung về mục đích, thành phần, nguyên tắc hoạt động và hệ thống tổ chức của GHPGVN. GHPGVN các cấp ban hành văn bản và hoạt động phải phù hợp với Hiến chương GHPGVN.

Nội quy hoạt động của GHPGVN bao gồm các quy định cụ thể về từng lĩnh vực của Giáo hội để điều chỉnh các hoạt động của GHPGVN, giữ nghiêm giới luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của tăng, ni, tín đồ Phật giáo và các tự viện

của Tăng Ni trong tu học, hành đạo, sinh hoạt theo đúng Chánh pháp, truyền thống Phật giáo Việt Nam.

Tăng ni Phật giáo vừa là công dân vừa là nhà tu hành, do vậy, bên cạnh việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật hiện hành thì tăng ni Phật giáo còn nghiêm túc thực hiện các quy định của Hiến chương, nội quy GHPGVN. Nắm rõ các quy định của Hiến chương, nội quy GHPGVN là một yêu cầu cơ bản đối với người thông tin, tuyên truyền về Phật giáo. Các quy định này là quy định căn bản mà mỗi Tăng ni phải nghiêm túc thực hiện để tu tập và duy trì sinh hoạt Phật giáo.

#### **3.4. Người làm công tác thông tin, tuyên truyền phải công tâm, khách quan, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả**

Người làm công tác thông tin, tuyên truyền phải công tâm, khách quan trong quá trình thông tin, tuyên truyền. Đánh giá đúng mức những giá trị văn hoá, giá trị đạo đức mà Phật giáo mang lại, cũng như những đóng góp của Phật giáo trong đời sống xã hội hiện nay. Ảnh hưởng sâu rộng của đạo đức Phật giáo, văn hoá Phật giáo ngày một sâu sắc, bồi đắp thêm giá trị văn hoá Việt Nam, giá trị của Phật giáo Việt Nam ngày một tốt đẹp.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền về các giá trị nhân văn tốt đẹp chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau; tinh thần cộng đồng, tập thể, các hành vi ứng xử nhân ái, nghĩa tình; những gương người tốt, việc tốt, gương sống tốt đời đẹp đạo của Phật giáo nói chung và của mỗi tăng, ni, tín đồ Phật giáo nói riêng. Qua đó, tạo tinh thần lạc quan, đoàn kết, ngăn ngừa các hoạt động lợi dụng Phật giáo để phá hoại khối đại đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước.

Cùng với việc ghi nhận, đánh giá đúng mức những giá trị mà Phật giáo mang lại, khi thông tin, tuyên truyền về những vụ việc phức tạp của Phật giáo phải chính xác, trung thực, khách quan, phản ánh đúng nội dung, bản chất của sự việc. Tránh đưa tin sai lệch, không chính xác về những vụ việc Phật giáo, làm ảnh hưởng đến niềm tin của người dân đối với Phật giáo cũng như ảnh hưởng đến hình ảnh Phật giáo trong dư luận xã hội.

#### **3.5. Người làm công tác thông tin tuyên truyền phải làm nổi bật được tinh thần hộ quốc, an dân của Phật giáo Việt Nam**

Phật giáo Việt Nam là tôn giáo luôn đi đầu trong các phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở thời kỳ lịch sử nào Phật giáo cũng luôn nỗ lực, phát huy tinh thần gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Phật giáo Việt Nam luôn

đặt sự ổn định, phát triển của mình trong sự ổn định, phát triển của quốc gia, dân tộc. Khi đất nước có giặc ngoại xâm, chức sắc, tín đồ Phật giáo sẵn sàng cùng toàn dân đứng lên đấu tranh để bảo vệ hoà bình, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ. Khi đất nước ổn định và phát triển thì Phật giáo vừa củng cố, phát triển về mặt tổ chức vừa phát huy những nguồn lực của mình vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tinh thần hộ quốc an dân của Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng không chỉ trong tăng ni, tín đồ Phật tử ở trong và ngoài nước mà còn có sức lan toả ra toàn xã hội.

### **3.6. Người làm công tác thông tin tuyên truyền sử dụng thuật ngữ Phật giáo trong nội dung thông tin tuyên truyền cần chính xác và phù hợp**

Phật giáo là tôn giáo đa dạng về khái niệm và thuật ngữ, nên thiết nghĩ hạn chế việc sử dụng khái niệm, thuật ngữ trong công tác thông tin tuyên truyền. Nếu cần thiết phải sử dụng khái niệm, thuật ngữ Phật giáo để tăng kết quả của công tác thì cần phải sử dụng chính xác và phù hợp. Không nên sử dụng khái niệm thuật ngữ Phật giáo một cách tùy tiện. Tối kỵ việc sử dụng sai khái niệm, thuật ngữ, sẽ dẫn đến công tác thông tin tuyên truyền không đạt được hiệu quả./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Hồng Dương (2014), *Tiếp tục đổi mới chính sách về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Những vấn đề lý luận cơ bản*. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.

- Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Đặc điểm nào của Phật giáo Việt Nam cần tuyên truyền để lan tỏa trong xã hội? Nêu lý do?
2. Vai trò, ảnh hưởng của Phật giáo Việt Nam nói chung, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng trong đời sống xã hội hiện nay?
3. Nhận diện và cách xử lý khủng hoảng truyền thông Phật giáo hiện nay?
4. Vai trò truyền thông trong hoạt động Phật giáo trong thời đại công nghệ 4.0?

## Chuyên đề 3

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM

#### 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM

##### 1.1. Quá trình du nhập và phát triển Công giáo ở Việt Nam

###### *1.1.1. Đôi nét quá trình hình thành và phát triển của Công giáo trên thế giới*

Công giáo là tên gọi xuất phát từ chữ Catholique, có nghĩa là tôn giáo chung, tôn giáo phổ quát, phổ biến cho toàn thế giới. Tên gọi này có từ rất sớm, khoảng đầu Công nguyên. Liên quan đến tên gọi Công giáo có các thuật ngữ Kitô giáo, Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo, đạo Gia tô.

Công giáo ra đời đầu Công nguyên, do Chúa Giê-su sáng lập, Chúa Giê-su là người thuộc dân tộc Do Thái. Theo truyền thuyết: cha là Giu-se, mẹ là Ma-ri-a đồng trinh, mang thai ông một cách màu nhiệm. Từ nhỏ là người thông minh, 12 tuổi theo cha tới đất Thánh Giê-ru-sa-lem, 30 tuổi ông bắt đầu truyền đạo. Trong thời gian đầu truyền đạo, ông thu nhận khoảng 70 người làm môn đệ, trong đó có 12 môn đệ gần gũi nhất, thân tín và sau này 11 người trở thành các Thánh Tông đồ. Trong quá trình truyền giáo, ông luôn bị những người Do Thái đá kích, phê phán; bị nhà cầm quyền đương thời ngăn cấm, kết tội mưu phản, tử hình bằng cách đóng đinh trên giá chữ thập và mất năm 33 tuổi.

Sự ra đời của Công giáo gắn liền với thời kỳ của đế quốc La Mã cổ đại, gắn liền với Nhà nước chiếm hữu nô lệ và phương thức sản xuất nô lệ; dựa trên cơ sở thần học của Do Thái giáo, đó là các quan điểm về lịch sử sáng thế, sự màu nhiệm của Đức Chúa trời, tội tổ tông truyền, linh hồn và thể xác, thế giới vĩnh hằng...; dựa trên tư tưởng lý luận triết học Hy Lạp, La Mã Cổ đại, nhất là triết học Khắc Kỷ với hai đại biểu điển hình là Phi-lông và Sê-nêch; sử dụng nhiều yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục tập quán của các dân tộc vùng Trung cận Đông để xây dựng một giáo thuyết hoàn chỉnh.

Đầu Công nguyên đến thế kỷ thứ V, Công giáo xuất hiện và hoạt động trong cộng đồng người Do Thái nhưng bị những người theo Do Thái giáo đá kích và chính quyền La Mã đàn áp. Sang thế kỷ II SCN, tầng lớp quý tộc dần theo Công giáo làm thay đổi vị trí và ảnh hưởng của nó.

Đến thế kỷ IV, đầu thế kỷ V, Công giáo giáo trở thành quốc giáo của Đế chế La Mã, trong quá trình mở rộng ảnh hưởng và phát sinh của Công giáo đã dẫn đến sự phân hóa thành Công giáo và Chính Thống giáo.

Đến thế kỷ XVI, sự ra đời, phát triển của giai cấp tư sản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện yêu cầu cải cách Công giáo, Với những

cải cách của Mác-tanh Lu-thơ (1483-1546), Giăng Can-vanh (1509-1546) đã làm xuất hiện Giáo hội cải cách gọi là Tin lành (đánh dấu thời kỳ phân liệt lần thứ hai). Cũng thời kỳ này, vua Anh tách Công giáo ở Anh khỏi sự chỉ đạo của Giáo hoàng và lập ra Anh giáo.

Thế kỷ thứ XIX, Chủ nghĩa Cộng sản khoa học xuất hiện ở các nước Xã hội chủ nghĩa. Giữa thế kỷ XX với phong trào giải phóng dân tộc và sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật, Giáo hội có cái nhìn mới để thích nghi, phát triển. Giáo hoàng Gioan XXIII đã triệu tập Công đồng lần thứ 21 (1963-1965) gọi là “Công đồng Va-ti-căng II” để điều chỉnh đường hướng hoạt động của Giáo hội theo xu thế “Canh tân, nhập thế” và đã đem lại cho Giáo hội Công giáo sắc thái mới trong xã hội hiện đại và hiện có mặt ở hầu hết các châu lục.

Công bố của Tòa thánh Vatican vào năm 2019, trong tổng dân số thế giới là 7 tỷ 408 triệu người, có 1 tỷ 313 triệu người Công giáo (chiếm 17,7 % dân số thế giới). Phân chia theo từng châu lục, có 48.5% sống ở Mỹ Châu, 21.8% ở Châu Âu, 17.8% sống ở Châu Phi, 11.1% ở Châu Á và 0.8% ở Châu Đại Dương.

### ***1.1.2. Quá trình du nhập và phát triển Công giáo ở Việt Nam***

***1.1.2.1. Những yếu tố dẫn đến sự du nhập và phát triển Công giáo vào Việt Nam***

\* Các yếu tố bên ngoài:

- Truyền giáo phát triển đạo là sứ mệnh thiêng liêng và thường trực của Giáo hội Công giáo Từ thế kỷ XVI;

- Công giáo bị suy giảm, không còn giữ vị trí độc tôn ở châu Âu do phong trào cải cách tôn giáo đưa tới sự ra đời của đạo Tin lành và các cuộc cách mạng tư sản;

- Các cuộc phát kiến địa lý thời cận đại đã mở ra những triển vọng lớn cho việc mở rộng nước Chúa đến những miền đất ngoại. Quá trình truyền giáo ra ngoài châu Âu của Giáo hội Công giáo trong giai đoạn này diễn ra đồng thời với các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây và Tòa Thánh Va-ti-căng có vai trò trung gian hoà giải để phân định ranh giới, ảnh hưởng và truyền giáo cho các nước nói trên.

\* Các yếu tố trong nước:

- Tình hình xã hội Việt Nam trong các thế kỷ XVI-XVIII có nhiều biến động phức tạp, đất nước bị chia cắt, chiến tranh kéo dài: chiến tranh Lê - Mạc, Khải Trịnh - Nguyễn, Tây Sơn - Nguyễn Ánh, phong trào khởi nghĩa nông dân diễn ra ở khắp nơi... đã làm cho kinh tế đình đốn, đời sống nhân dân đói khổ lầm than, nhất là nạn lưu tán diễn ra một cách trầm trọng.

- Các tôn giáo truyền thống: Nho- Phật- Lão ngày càng suy giảm, không đáp ứng được nhu cầu đời sống tâm linh của một bộ phận quần chúng. Bởi vậy, Công giáo xuất hiện đã đem đến cho một bộ phận nhân dân một niềm tin tôn giáo mới.

### *1.1.2.2. Quá trình du nhập và phát triển Công giáo ở Việt Nam*

#### *\* Từ năm 1533 đến năm 1884 (Du nhập đến khi Pháp xâm lược Việt Nam)*

Công giáo truyền vào Việt Nam từ năm 1533, do giáo sĩ I-nê-khu đến làng Ninh Cường và Quần Anh huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Thủy (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay). Nhưng phải đến thế kỷ XVII, việc truyền giáo mới có kết quả. Cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII quan hệ giao thương giữa Việt Nam và các nước phương Tây như Bồ Đào Nha, Anh, Pháp,... phát triển để trao đổi hàng hoá và mua vũ khí phục vụ cuộc chiến tranh trong nước giữa Chúa Trịnh - Chúa Nguyễn. Tình hình kinh tế, chính trị trong nước lâm vào giai đoạn khủng hoảng, cuộc sống của người dân Việt Nam rơi vào cảnh lầm than đất nước bị chia cắt thành Đàng Trong, Đàng Ngoài. Trong bối cảnh ấy Giáo hội Công giáo đã gửi thừa sai theo các đoàn tàu buôn của người Bồ Đào Nha, Anh, Pháp đến truyền giáo tại các nước Châu Á trong đó có Việt Nam. Ban đầu là các giáo sĩ thuộc Dòng Đa Minh và Dòng Tên như: Francesco Buzomi, Alexandre de Rhodes, Pedro Marques,... và thời gian này công cuộc truyền giáo chỉ dừng lại ở mức độ thử nghiệm, có tính chất thăm dò.

Công cuộc truyền giáo được thúc đẩy mạnh khi: chữ Quốc Ngữ ra đời (1651); Bộ Truyền giáo được thành lập và Hội Thừa sai Paris ra đời năm 1664, cùng với sự phát triển về thương mại của tư bản Pháp. Kết quả được đánh dấu bằng sự kiện ngày 09/9/1659 Giáo hoàng Alexander VII với Tựa sắc “Super Cathedram Principis” quyết định thiết lập ở Việt Nam hai giáo phận đầu tiên và giao cho hai thừa sai thuộc Hội truyền giáo Paris làm đại diện tông toà. Giáo phận Đàng Trong từ sông Gianh trở vào Nam gồm cả phần đất Chân Lạp, Chiêm Thành do Giám mục Lambert de la Motte cai quản và giáo phận Đàng Ngoài từ sông Gianh trở ra Bắc bao gồm cả Lào và 5 tỉnh miền nam Trung Quốc do Giám mục Francois Pallu coi sóc. Đến năm 1679 giáo phận Đàng Ngoài được chia làm 2: Tây Đàng Ngoài và Đông Đàng Ngoài và sau đó các giáo phận khác được thành lập.

*\* Giai đoạn thứ hai từ 1885-1945 (Từ khi Pháp đô hộ đến khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).*

Với Hoà ước Giáp Thân 06/6/1884, Pháp bắt đầu đô hộ toàn bộ Việt Nam; Công giáo được tự do, công khai hoạt động: Toà Giám mục, nhà thờ chính toà,

chủng viện, các tu viện, nhà thờ xứ,... được xây dựng ở nhiều nơi. Số tín hữu tăng nhanh, nhiều Dòng tu từ Pháp và các nước khác đến đặt cơ sở và hoạt động tại Việt Nam. Công cuộc truyền giáo không còn bị lệ thuộc bởi các quốc gia thuộc địa mà thực hiện dưới sự chỉ đạo của trực tiếp của Bộ Truyền giáo Vatican. Ngày 03/12/1924 Toà Thánh Vatican đổi tên các giáo phận Tông toà tại Việt Nam theo địa hạt hành chính, nơi đặt Toà Giám mục như ngày nay. Năm 1925 Toà Thánh Vatican thiết lập Toà Khâm Sứ ở Đông Dương và đặt tại Phú Cam (Huế). Năm 1933 Toà Thánh tấn phong linh mục Nguyễn Bá Tông, người Việt Nam đầu tiên làm Giám mục. Đến năm 1938, nước ta có 15 giáo phận, trên 1,5 triệu giáo dân, 1.662 tu sỹ nam, nữ, 1.132 linh mục người Việt, 979 giáo xứ.

Có thể nói, thời kỳ này được coi là “thời kỳ vàng son” của Công giáo, với sự tạo điều kiện, bảo trợ của Pháp, Công giáo đã phát triển về mọi mặt cả về chức sắc, tín đồ, cơ cấu tổ chức, cơ sở thờ tự cũng như cơ sở đào tạo.

**\* Giai đoạn thứ ba từ 1945-1975 (Giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ)**

Đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là nước ta trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ đã tác động và làm phân hoá sâu sắc trong Công giáo Việt Nam:

- Đa số chức sắc, tín đồ Công giáo đều ủng hộ cách mạng, tham gia kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đóng góp tích cực về sức người, sức của cho các công việc chung của dân tộc, nhiều chức sắc, tín đồ Công giáo đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng, huân chương độc lập và nhiều người đã được bầu vào các cơ quan dân cử... Có gia đình cả nhà là linh mục, tu sỹ, nhưng đều theo kháng chiến như: linh mục Phạm Bá Trục (sau này là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội khóa I); gia đình linh mục - liệt sỹ Nguyễn Bá Luật; các linh mục như linh mục Hồ Thành Biên, linh mục Trần Quang Nghiêm và rất nhiều vị linh mục khác đã tạm ngưng việc đạo để lên chiến khu trực tiếp tham gia kháng chiến; nhiều người là Đại biểu Quốc hội các khóa I đến khóa IV, như: linh mục Lưu Phương, linh mục Phạm Bá Trục, linh mục Nguyễn Đức Tín, linh mục Hồ Thành Biên, linh mục Vũ Xuân Kỳ, linh mục Nguyễn Thế Vịnh.

- Năm 1954, có cuộc di cư lớn, làm chuyển biến tình hình Công giáo ở hai miền Nam - Bắc.

Năm 1960, hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam được thành lập gồm 23 giám mục, 03 giáo tỉnh. Năm 1960 Giáo hội Việt Nam có 20 giáo phận, với 23 Giám mục, 1.914 linh mục, 5.789 nam nữ tu sỹ, 1.530 đại và tiểu chủng sinh. Năm 1975, khi Mỹ rút khỏi Việt Nam, Công giáo Việt Nam lại có biến động: 100 linh mục, 400 tu sỹ, 50.000 giáo dân di cư ra nước ngoài; chỉ còn 25 Giám mục (15 vị

tại Toà) 2000 linh mục, gần 7.500 tu sĩ phát triển trong một quốc gia độc lập, thống nhất, có chủ quyền.

**\* Giai đoạn thứ tư từ năm 1975 đến nay (Giai đoạn sau ngày thống nhất đất nước)**

Đặc điểm của giai đoạn này là đất nước thống nhất, tạo điều kiện cho Giáo hội hai miền được thống nhất. Năm 1980, Hội đồng Giám mục Công giáo Việt Nam được thành lập đã đưa ra bản thư Chung lịch sử “*Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*”. Thư chung 1980 tỏ rõ tình cảm và trách nhiệm của người Công giáo với đất nước: *Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào đối với người Công giáo không những là tình cảm tự nhiên phải có mà còn là đòi hỏi của Phúc âm. Đồng thời Thư chung 1980 đã chủ trương xây dựng một Hội thánh của Chúa Giê-su Ki-tô tại Việt Nam gắn bó với dân tộc và đất nước, đồng hành cùng đồng bào cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Lòng yêu mến của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối chính sách và pháp luật của Nhà nước, tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc.* Thư chung 1980, cũng định ra nhiệm vụ xây dựng một nếp sống đạo mới và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc.

Giai đoạn này đánh dấu việc Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam được thành lập (đầu năm 1984), trên cơ sở tiền thân là Ủy ban Liên lạc những người Công giáo Việt Nam, yêu Tổ quốc, yêu Hoà bình (ra đời tháng 3/1955).

## **1.2. Một số đặc điểm của Công giáo ở Việt Nam**

### **1.2.1. Ngoài những đặc điểm chung của Công giáo, như:**

- Có hệ thống tổ chức chặt chẽ và thống nhất: Từ Giáo triều Vatican đến giáo hội địa phương và mối quan hệ này được chế định trong luật lệ và lễ nghi Công giáo. Do vậy trong quan hệ về mặt tổ chức, Công giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối, ràng buộc chung của Tòa thánh Vatican và những quy định của giáo hội.

- Tính độc lập ở các giáo phận: Theo giáo luật, giám mục giáo phận có tất cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp về mặt tôn giáo trong phạm vi giáo phận. Mỗi giám mục có toàn quyền đối với mọi thành phần dân Chúa trong giáo phận mình, miễn là đường hướng đó không đi ngược lại với đường hướng hoạt động chung của Tòa thánh Vatican và Hội đồng Giám mục Việt Nam. Giáo luật quy định giám mục giáo phận này không có những quyền trên đối với giáo phận khác và giám mục phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình với Giáo hoàng.



- Giáo sĩ Công giáo là người quyết định việc tổ chức, điều hành các sinh hoạt đạo mang tính thần quyền cao đối với tín đồ, duy trì chế độ độc thân.
- Có tính vâng phục cao.

### **1.2.2. Công giáo Việt Nam còn có một số đặc điểm riêng sau:**

*1.2.2.1. Công giáo ở Việt Nam là một tôn giáo ngoại nhập từ phương Tây do nhiều giáo đoàn khác nhau truyền vào:*

Lịch sử gần 500 năm du nhập và phát triển của Công giáo Việt Nam cho thấy: Công giáo truyền vào Việt Nam chủ yếu do các giáo sĩ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha từ những thập niên đầu của thế kỷ XVI và sau đó là các thừa sai Pháp, các giáo sĩ thuộc Hội Thừa sai Pa-ri.

*1.2.2.2. Trong quá trình truyền giáo vào Việt Nam, Công giáo được sự hỗ trợ tích cực từ chế độ thực dân Pháp*

Với sự bảo trợ mạnh mẽ của Chính phủ Pháp từ nửa sau thế kỷ XVII, đạo Công giáo có nhiều thuận lợi thâm nhập nhanh vào Việt Nam. Sau khi xâm lược Việt Nam, thiết lập được chế độ thống trị thực dân, Chính phủ Pháp ban cho các giáo sĩ thừa sai nhiều đặc quyền đặc lợi và tạo cho Giáo hội nâng cao uy thế của mình, mở rộng phạm vi của công cuộc truyền giáo.

*1.2.2.3. Quá trình xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và thiết lập Hàng giáo phẩm Công giáo người bản xứ diễn ra khá lâu dài*

Sau 126 năm mới thiết lập được 2 giáo phận đầu tiên; sau 135 năm mới thụ phong được các linh mục người Việt đầu tiên; sau 400 năm mới tấn phong được giám mục người Việt đầu tiên. Còn Hàng giáo phẩm đạo Công giáo Việt Nam thì sau 427 năm từ khi đạo Công giáo được truyền vào Việt Nam mới được thiết lập. Điều đó cho thấy sự chi phối khá lâu dài và khá sâu sắc của các giáo sĩ phương Tây cả về mặt cơ cấu tổ chức và cả về Hàng giáo phẩm.

*1.2.2.4. Giáo hội Công giáo Việt Nam có đóng góp trong nhiều lĩnh vực như: y tế, giáo dục và từ thiện xã hội và văn hóa*

Trong quá trình thâm nhập và phát triển của Giáo hội Công giáo Việt Nam, giáo hội đã có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; cho sự phát triển của văn hoá Việt Nam trên nhiều lĩnh vực như: kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, báo chí, văn chương, ngôn ngữ; Tích cực tham gia lĩnh vực giáo dục, y tế, từ thiện xã hội (trước đây và hiện nay đang được đẩy mạnh hoạt động).

## **2. TÌNH HÌNH CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Về số lượng (chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo)**

Tính đến năm 2020, Giáo hội Công giáo Việt Nam có: Trên 07 triệu tín đồ, chiếm gần 7% dân số cả nước; 02 Hồng y (Lịch sử Công giáo Việt Nam có 06 giám mục được phong làm Hồng y); 03 Tổng giám mục đương nhiệm; 46 giám mục, trong đó có 28 giám mục đương chức và 18 giám mục đã về hưu; hơn 5.000 linh mục triều và linh mục dòng; 25 nghìn nam nữ tu sĩ; Khoảng 9.000 cơ sở tôn giáo (nhà thờ, nhà nguyện, cơ sở đào tạo, trụ sở Tòa giám mục; cơ sở dòng tu).

## **2.2. Sự phân bố**

Công giáo có sự phân bố không đồng đều giữa các khu vực.

- Về tín đồ: có mặt ở 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đa số tín đồ Công giáo là nông dân sống ở nông thôn (chiếm hơn 80%), ở thành thị (gần 20%), tập trung nhiều ở khu vực phía Nam, đông nhất là Đồng Nai (có khoảng 1,2 triệu giáo dân (chiếm khoảng 1/3 dân số tỉnh Đồng Nai), TP. Hồ Chí Minh (có gần 700.000 giáo dân (chiếm khoảng 8,9% dân số TP. Hồ Chí Minh), ít nhất là giáo phận Lạng Sơn chỉ có gần 6.300 giáo dân.

Trong xu hướng phát triển của đất nước, đời sống kinh tế của tín đồ Công giáo ngày càng được cải thiện, tín đồ chú trọng hơn việc làm giàu và nâng cao chất lượng cuộc sống. Trình độ dân trí được nâng lên, tuy nhiên, so với mặt bằng chung của xã hội thì đời sống kinh tế, văn hóa của tín đồ Công giáo ở nhiều nơi vẫn còn thấp.

- Chức sắc, chức việc Công giáo là những người được tuyển chọn, được đào tạo bài bản trong Học viện, Đại chủng viện của Công giáo trong và ngoài nước; có trình độ học vấn cao, hiểu biết xã hội (linh mục phải là người không chỉ giỏi về thần học truyền giáo mà còn hiểu biết về các vấn đề xã hội, do đó việc tốt nghiệp đại học, cao đẳng được giáo hội chú trọng và xem như yêu cầu bắt buộc đối với các chủng sinh khi vào Đại chủng viện). Đây là lực lượng quan trọng quyết định tới hiện tại và tương lai của giáo hội, là những người trực tiếp xây dựng và hướng dẫn quần chúng tín đồ thực hiện đường hướng của giáo hội.

Hiện nay, các giáo xứ đều có linh mục, nhưng tỷ lệ linh mục thường đi với tỷ lệ tín đồ nên số linh mục tập trung nhiều ở các giáo phận miền Nam, đông nhất là giáo phận Xuân Lộc, khoảng 700 linh mục, gần 2.000 tu sĩ; giáo phận TP. Hồ Chí Minh, khoảng 1.000 linh mục, khoảng 9.000 tu sĩ...

- Về cơ sở tôn giáo: cũng tập trung ở nhiều giáo phận lớn như : giáo phận Xuân Lộc, giáo phận TP. Hồ Chí Minh, giáo phận Bùi Chu, giáo phận Phát Diệm, giáo phận Vinh...

Cơ sở thờ tự được tạo điều kiện nâng cấp, sửa chữa hoặc xây dựng mới: Trong những năm qua chính quyền địa phương đã cấp quyền sử dụng đất cho giáo hội quản lý và sử dụng. Nhiều nơi đã được cấp hàng chục ha đất để giáo hội xây dựng cơ sở thờ tự như: giao 7.500m<sup>2</sup> đất cho Tòa Tổng Giám mục Tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh xây dựng Trung tâm mục vụ; hơn 9.000m<sup>2</sup> cho Tòa Giám mục Đà Nẵng, 21ha cho giáo xứ La Vang; Cấp cho Tòa giám mục Xuân Lộc gần 14 ha để xây dựng Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi. Nhiều cơ sở thờ tự Công giáo được đầu tư xây dựng với số vốn lên hàng trăm tỷ đồng, thậm chí có công trình Công giáo dự kiến đầu tư hàng ngàn tỷ đồng như Trung tâm Hành hương Đức Mẹ La Vang (Quảng Trị). Theo thống kê, từ năm 2003 đến nay có khoảng số cơ sở thờ tự tăng khoảng 02 nghìn.

### **2.3. Hệ thống tổ chức của Công giáo ở Việt Nam**

#### **2.3.1. Hệ thống tổ chức của Giáo hội Công giáo Việt Nam**

Được tổ chức theo mô hình của Giáo hội Công giáo và có một số nét riêng, cụ thể như sau:

- *Hội đồng Giám mục Việt Nam*: Là một tổ chức tập hợp các giám mục đang thi hành nhiệm vụ tại các giáo phận Việt Nam cùng nhau tổ chức đời sống Giáo hội, hỗ trợ sứ vụ rao giảng Tin mừng và khai triển việc phục vụ các thiện ích cho cộng đồng dân Chúa trong tinh thần liên đới, hiệp thông và tập thể.

Mục đích của Hội đồng Giám mục Việt Nam là xây dựng Giáo hội Màu nhiệm - Hiệp thông - Truyền giáo và phục vụ con người trong xã hội. Nhiệm vụ là cố vũ sự liên đới giữa giám mục các giáo phận, để phát huy lợi ích cho Giáo hội bằng các hình thức tông đồ và các phương pháp thích hợp với hoàn cảnh của thời đại trong tinh thần gắn bó với dân tộc và đất nước. Hội đồng Giám mục Việt Nam vẫn luôn tôn trọng quyền bính của các giám mục giáo phận là quyền thông thường, riêng biệt và trực tiếp.

Hội đồng Giám mục Việt Nam họp định kỳ: 03 năm Đại hội một lần và hàng năm có hội nghị thường niên; khi có vấn đề quan trọng Hội đồng Giám mục Việt Nam có thể họp hội nghị ngoại lệ do quyết định của giám mục chủ tịch hoặc do yêu cầu của 2/3 các thành viên Ban Thường vụ, hoặc do 1/3 các thành viên của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Từ năm 1980 đến nay, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã trải qua 14 lần Đại hội. Nội dung đại hội: Trao đổi công tác mục vụ, tìm hướng giải quyết các vấn đề chung của giáo hội; ra các văn bản như thư chung, thư mục vụ hay thông cáo và các văn bản này phải được Toà Thánh phê chuẩn và các giám mục phải chấp nhận và thi hành; bầu Ban Thường vụ và Chủ tịch các Ủy ban, hình thức bầu bằng phiếu kín...

Cơ cấu tổ chức Hội đồng Giám mục Việt Nam gồm: Ban Thường vụ và các đơn vị trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam hiện nay gồm có:

+ Văn phòng Hội đồng Giám mục Việt Nam;

+ 17 Ủy ban trực thuộc, gồm: Ủy ban Thánh Kinh; Ủy ban Phụng tự; Ủy ban Thánh nhạc; Ủy ban Nghệ thuật Thánh; Ủy ban Giáo sĩ - Chủng sinh; Ủy ban Tu sĩ; Ủy ban Giáo dân; Ủy ban Mục vụ Gia đình; Ủy ban Mục vụ Giới trẻ và Thiếu nhi (trước 2016 là Ủy ban Mục vụ Giới trẻ); Ủy ban Mục vụ Di dân; Ủy ban Loan báo Tin Mừng; Ủy ban Văn hóa; Ủy ban Giáo dục Công giáo; Ủy ban Truyền thông Xã hội; Ủy ban Bác ái Xã hội; Ủy ban Công lý và Hòa bình;

+ Học viện Công giáo Việt Nam;

- *Tổng giáo phận (Giáo tỉnh)*: hiện có 03 Tổng giáo phận, gồm: Tổng giáo phận Hà Nội (với 11 giáo phận); Tổng giáo phận Huế (với 06 giáo phận); Tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh (với 10 giáo phận).

- *Giáo phận*: hiện có 27 giáo phận (cấp hành chính chính thức của Giáo hội Công giáo), chia thành 03 Tổng giáo phận như nói trên, gồm: Lạng Sơn, Hưng Hóa, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Bùi Chu, Phát Diệm, Thái Bình, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết, Bà Rịa, Xuân Lộc, Phú Cường, Tp. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Cần Thơ, Long Xuyên, Đắc Lắc, Kon Tum, Đà Lạt.

Trong Giáo phận còn có các Đại Chủng viện trực thuộc giáo phận: hiện có 10 Đại chủng viện; Hà Nội, Vô Nhiễm Bùi Chu, Thái Bình, Vinh - Thanh, Huế, Sao Biển (Nha Trang), TP. Hồ Chí Minh, Xuân Lộc, Đà Lạt (Cơ sở 02 của Xuân Lộc).

- *Giáo hạt*: Hiện có khoảng có khoảng 120 giáo hạt (cấp trung gian của giáo hội).

- *Giáo xứ*: trên 3.000 giáo xứ (Cấp hành chính chính thức của Giáo hội Công giáo).

- *Giáo họ*: có khoảng 6.000 giáo họ (không phải cấp hành chính mà được thành lập để giúp việc cho giáo xứ).

\* Bên cạnh hệ thống tổ chức theo hệ triều nói trên, còn hệ thống tổ chức theo hệ dòng, đó là các dòng tu. Tính đến năm 2020, ở Việt Nam có khoảng 200 dòng tu, tu hội, tu đoàn, với hơn 31 nghìn nam tu sĩ, nữ tu sĩ.

- *Dòng tu được phân loại theo nhiều cách khác nhau, có thể dựa theo một số cách sau:*

+ *Phân loại theo đối tượng*: Dòng Giáo sĩ (Dòng Tên, Dòng Đa Minh, Dòng Chúa Cứu Thế...) Bề trên dòng phải là một giáo sĩ, tối thiểu là phó tế; không phải tất cả các Tu sĩ dòng phải là giáo sĩ; *Dòng Giáo dân*: khi không hội tụ đủ các yếu tố được quy định đối với Dòng Giáo sĩ nói trên.

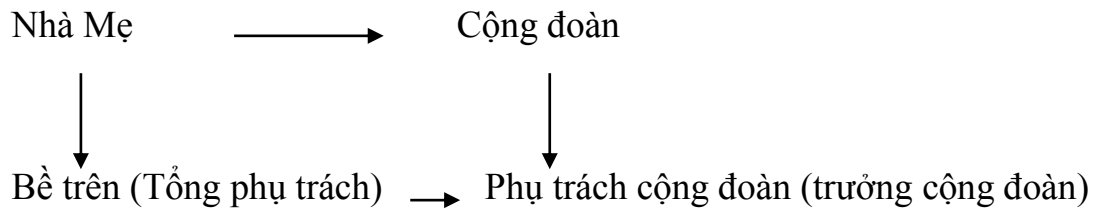
+ *Phân loại theo hình thức tu trì*: Dòng chiêm niệm (dòng tu kín), tên gọi thường là dùng từ “Đan viện”, Tu sĩ nam gọi là “Đan sĩ” (Biển Đức, Xi-tô, Cát Minh, Cla-ra...); Dòng hoạt động hay Dòng tông đồ: là những dòng mà ngoài thời gian cầu nguyện và sinh hoạt trong dòng theo nội quy, các tu sĩ tham gia các hoạt động ngoài xã hội và tông đồ giáo xứ.

+ *Phân loại theo giới tính*: *Dòng tu nữ*: là tổ chức tu trì dành riêng cho nữ; *Dòng tu nam* là tổ chức tu trì dành riêng cho nam

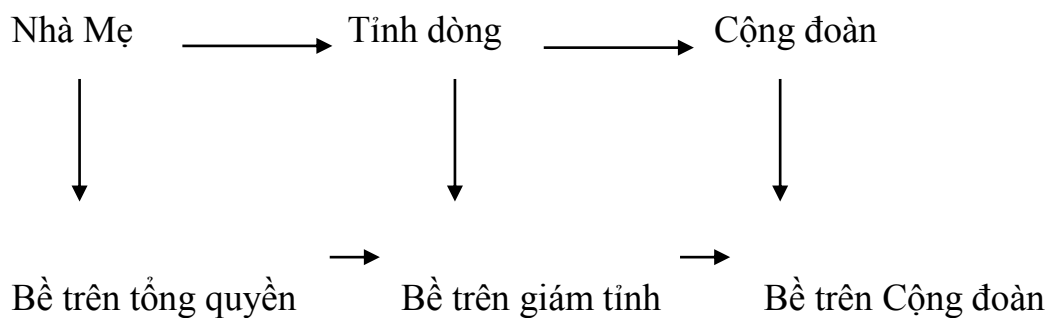
*Tuy nhiên*, để dễ phân biệt, dễ nhận biết trong quản lý, từ đây ta sẽ phân loại *theo thẩm quyền thành lập*, thì dòng tu có hai loại: Dòng Tòa Thánh và Dòng giáo phận.

***Hệ thống tổ chức:***

- *Dòng giáo phận*:



- *Dòng quốc tế (Dòng Tòa thánh)*:



Để tăng cường sự hiệp thông, trao đổi kinh nghiệm giữa các dòng tu và tạo nên sự lớn mạnh của hệ dòng, năm 2003, Tòa thánh tái thành lập *Liên hiệp Bề trên thượng cấp Việt Nam* (cấp đăng ký hoạt động năm 2010). Các dòng tu ở Việt Nam mở rộng theo hướng đa dạng về loại hình hoạt động từ việc tham gia hoạt động mục vụ, truyền giáo ở các xứ, họ đạo đến hoạt động bác ái xã hội, hoạt động y tế, giáo dục, dạy nghề... và đạt hiệu quả cao ở tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt, tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, mở các trường dạy nghề, y tế, giáo dục (hàng trăm trường mầm non, cơ sở nuôi dạy trẻ).

Các dòng tu ở Việt Nam mở rộng theo hướng đa dạng về loại hình hoạt động từ việc tham gia hoạt động mục vụ, truyền giáo ở các xứ, họ đạo đến hoạt động bác ái xã hội, hoạt động y tế, giáo dục, dạy nghề... và đạt hiệu quả cao ở tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt, tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, mở các trường dạy nghề, y tế, giáo dục (hàng trăm trường mầm non, cơ sở nuôi dạy trẻ)

#### **2.4. Ủy ban Đoàn Kết Công giáo Việt Nam**

Đây là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đường hướng mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam: “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.

Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam được thành lập năm 1955 với tên gọi Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc, đến năm 1983 đổi tên như hiện nay. Mặc dù là tổ chức thuộc Mặt trận Tổ quốc, nhưng thành viên lãnh đạo và tham gia Ủy ban là chức sắc, tín đồ Công giáo, về mặt đức tin họ vẫn thực hiện luật lệ, lễ nghi Công giáo, nghe lời hàng giáo sĩ.

Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam có mục đích đoàn kết rộng rãi đồng bào Công giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước trong khối Đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ sau:*

- Tổ chức, hướng dẫn, tập hợp, động viên đồng bào Công giáo Việt Nam trong nước và ngoài nước tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Góp phần thực hiện đường hướng Giáo hội gắn bó với dân tộc, tăng cường xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân lấy mục tiêu xây dựng đất nước, truyền thống đạo đức và văn hóa của dân tộc; đấu tranh với các âm mưu chia rẽ dân tộc và Giáo hội, giữ gìn sự trong sáng của đạo Thiên chúa.

- Tập hợp, phản ánh tâm tư nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của đồng bào Công giáo, tổ chức Giáo hội với Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp chính đáng của đồng bào Công giáo và tổ chức Giáo hội.

- Cùng đồng bào trong nước và nhân dân các nước trên thế giới đấu tranh xây dựng và bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và dân chủ tiến bộ xã hội.

*Hệ thống tổ chức Ủy ban Đoàn kết Công giáo:*

- Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam được thành lập ở 02 cấp: Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ở hai cấp này, có thể thành lập cơ quan giúp việc, gồm: Văn phòng và Ban Tư vấn pháp luật; Ban Phong trào; Ban Từ thiện xã hội; Ban Văn hóa thể thao. Báo Người Công giáo và dân tộc là cơ quan ngôn luận của Ủy ban.

- Những huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có đông đồng bào Công giáo được thành lập Ủy ban Đoàn kết Công giáo (Trước Đại hội nhiệm kỳ 2018 - 2023 thành lập Ban Đoàn kết Công giáo).

Hiện nay, có 42/63 tỉnh thành phố có Ủy ban Đoàn kết Công giáo cấp tỉnh, trong đó có 33/42 tỉnh, thành phố có Ban Đoàn kết Công giáo cấp huyện, với 286 Ban Đoàn kết Công giáo. Một số nơi đang thí điểm thành lập Tổ Đoàn kết Công giáo ở xã, phường, thị trấn, như: Tp. Hà Nội thành lập được 93 Tổ Đoàn kết Công giáo với tổng số 396 thành viên.

**2.5. Về hoạt động tôn giáo**

Nhìn chung, hoạt động tôn giáo của Công giáo ở Việt Nam trong những năm qua cơ bản ổn định, xu hướng tuân thủ pháp luật, hoạt động thuần túy tôn giáo là xu thế chủ đạo. Được sự tạo điều kiện của Nhà nước và các cấp chính quyền, Công giáo ở Việt Nam hiện nay ngày càng phát triển, thể hiện một số vấn đề sau:

**2.5.1. Việc quản lý tổ chức của Giáo hội Công giáo Việt Nam**

Việc thành lập tổ chức hành chính đạo và tổ chức trực thuộc Công giáo được bảo đảm: Công giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối, ràng buộc trong hệ thống chung của Tòa thành Vatican và những quy định của giáo hội, nên tổ chức hành chính đạo và tổ chức trực thuộc mang tính ổn định cao ít thay đổi, đa số được thành lập trước năm 1975 và hoạt động mặc nhiên. Trong quá trình phát triển nhu cầu thành lập mới, chia tách và khôi phục lại các tổ chức mà sau năm 1975 không còn hoạt động để thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo của tín đồ đã được nhà nước giải quyết.

Qua thống kê cho thấy: Giai đoạn từ năm 2003 đến nay, có:

- 02 Giáo phận mới của đạo Công giáo được thành lập (giáo phận Bà Rịa tách ra từ giáo phận Xuân Lộc năm 2004 và giáo phận Hà Tĩnh được tách ra từ giáo phận Vinh từ năm 2019);

- Khoảng 1.500 giáo xứ được thành lập (thành lập mới, tái thành lập lại, nâng cấp từ giáo họ lên giáo xứ);

- 50 dòng tu và 06 hội đoàn của Công giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo;

- Năm 1980, Nhà nước cho phép 06 Đại chủng viện để đào tạo chức sắc của Công giáo ở Việt Nam được hoạt động trở lại, mở ra một thời kỳ đào tạo ổn định, liên tục của Giáo hội. Với nhu cầu đào tạo ngày càng tăng, từ đó đến Nay nhà nước tiếp tục cho phép thành lập 05 cơ sở đào tạo chức sắc Công giáo nữa, nâng tổng số lên 11 Cơ sở đào tạo chức sắc Công giáo, trong đó có 01 Học viện Công giáo đào tạo mang tầm quốc tế.

Việc phong chức, phong phẩm, chuyển chuyên giám mục, linh mục, bề trên các dòng tu và chuyển chuyên nơi hoạt động tôn giáo diễn ra thường xuyên và trở thành hoạt động bình thường theo quy định của pháp luật. Thời gian qua chính quyền các cấp đã xem xét, chấp thuận đáp ứng nhu cầu có người hướng dẫn hoạt động tôn giáo cho tín đồ. Từ năm 2004 đến nay, Tòa thánh Vatican đã phong chức 30 giám mục, giám mục phó và giám mục phụ tá các giáo phận. Số lượng chủng sinh chiêu sinh ở các Đại chủng viện không hạn chế, số tốt nghiệp ra trường được thụ phong sớm, lễ tấn phong diễn ra quanh năm.

### ***2.5.2. Về hoạt động truyền bá và sinh hoạt tôn giáo***

- Số lượng tín đồ của Công giáo ngày càng tăng, hiện nay Công giáo ở Việt Nam có khoảng 07 triệu tín đồ, tăng khoảng 1,5 triệu tín đồ, tương đương hơn 20% so với năm 2003.

- Việc in ấn kinh sách và xuất bản các ấn phẩm liên quan đến Công giáo được tạo điều kiện đáp ứng cơ bản nhu cầu của chức sắc, tín đồ và tổ chức giáo hội.

- Việc tổ chức các hoạt động tôn giáo ngày càng nhiều và quy mô lớn, trang trọng, nhiều hoạt động lớn, thu hút đông đảo quần chúng tín đồ trong và ngoài nước tham dự, như: Đại hội Hành hương La Vang 3 năm 01 lần; Năm Thánh kỷ niệm 457 năm (1533-2010) Công giáo có mặt tại Việt Nam; 50 năm thành lập hàng giáo phẩm Công giáo ở Việt Nam với 3 sự kiện lớn: Lễ khai mạc tại Hà Nam có hơn 10 vạn người tham gia, Đại hội Dân Chúa tại Tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh tháng 11/2010, Lễ bế mạc Năm Thánh tại La Vang vào tháng 01/2011; Lễ cung nghinh xương Thánh Don Bosco của Tỉnh dòng Don Bosco từ Roma về Việt Nam và đi qua nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước; Lễ kỷ niệm 80 năm Dòng Đức Bà Truyền giáo Việt Nam với sự tham dự của 26 Bề trên các nước và nhiều người nước ngoài tham dự; Hội đồng Giám mục Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị Liên hội đồng Giám mục Á châu (FABC) vào tháng 12/2012 tại Tòa Giám mục giáo phận Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; tổ chức 400



năm Dòng Tên có mặt tại Việt Nam; Lễ Phục sinh, Lễ Noel hàng năm ngày càng được mở rộng về mặt quy mô; Hội đồng Giám mục Việt Nam đã tổ chức đi Ad Limina để viếng mộ hai Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, yết kiến Giáo hoàng tại Vatican theo định kỳ...

### **2.5.3. Về Quan hệ quốc tế**

- Giáo hội Công giáo Việt Nam chịu sự chỉ đạo chặt chẽ của Toà thánh Vatican. Hàng năm Giáo hội Công giáo Việt Nam đều có các chức sắc và giáo dân sang Vatican và các nước khác hoạt động tôn giáo, tham quan du lịch, đào tạo... Từ năm 1989 đến nay, hàng năm Toà thánh Vatican đều cử các phái đoàn sang làm việc với Nhà nước và thăm Giáo hội Công giáo Việt Nam.

- *Quan hệ với cộng đồng Công giáo người Việt Nam ở nước ngoài:* Người Công giáo Việt Nam sống ở nước ngoài đã có từ lâu, họ đi du học, làm mục vụ ở một số Đại chủng viện, Tòa giám mục nước ngoài có quan hệ trong công cuộc truyền giáo ở Việt Nam như: Macao (Trung Quốc), Ayuthia (Thái Lan), Penang (Malaysia), Pondichery (Ấn Độ), Bồ Đào Nha, Pháp.

Sau năm 1975, có khoảng 130.000 người di cư và dần hình thành cộng đồng Công giáo người Việt Nam ở nước ngoài. Hiện nay, ước tính ở nước ngoài có khoảng 01 triệu tín đồ Công giáo Việt Nam, có mặt ở 37 nước hình thành hơn 300 cộng đoàn; hơn 1000 linh mục; 165 nam tu sỹ và hàng ngàn nữ tu sỹ thuộc 24 dòng tu nam, 50 dòng tu nữ tập trung nhất là ở các quốc gia thuộc khu vực: Bắc Mỹ, Tây Âu và Úc. Quốc gia có số lượng giáo sỹ, tu sỹ du học nhiều nhất là Mỹ, Pháp và Italia, đặc biệt có 03 giám mục người Việt Nam.

## **2.6. Về hoạt động xã hội**

### **2.6.1. Tham gia phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh**

Hưởng ứng và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, những năm gần đây, đồng bào Công giáo Việt Nam ngày càng tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện tốt 19 tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tại nhiều địa phương, nhiều hộ gia đình Công giáo đã làm ăn có hiệu quả kinh tế cao, ổn định cuộc sống gia đình, thành lập công ty, doanh nghiệp, xưởng sản xuất, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động tại địa phương<sup>9</sup>.

<sup>9</sup> (1) Gia đình ông Nguyễn Văn Tuyên, ông Nguyễn Huy Tuân (Kiến An, Hải Phòng) có từ 12 - 60 ha diện tích nuôi trồng thủy sản tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 30 - 40 lao động với mức lương từ 3,5 - 4 triệu đồng/tháng; (2) Gia đình ông Trần Văn Châu (Kim Sơn, Ninh Bình) với mô hình nuôi Ngao cho thu nhập hàng

Với tinh thần “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, các công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao ở nhiều nơi đã được đồng bào Công giáo đóng góp hàng nghìn tỉ đồng và hàng chục ngàn ngày công lao động; nhiều gia đình Công giáo sẵn sàng tháo dỡ hàng rào, thu hoạch cây lấy gỗ, cây ăn quả sớm để hiến đất mở rộng đường nông thôn<sup>10</sup>.

### ***2.6.2. Tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế cùng với các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, bác ái***

Các tổ chức, cá nhân Công giáo thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam đã tham gia tích cực trong công tác giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo, được các bộ, ngành liên quan đánh giá cao: Có hàng trăm cơ sở mầm non, nuôi dạy trẻ (đa số đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước) và huy động được hàng trăm nghìn trẻ em đến trường, lớp, được phụ huynh học sinh tin tưởng<sup>11</sup>.

- Các cơ sở chữa bệnh nhân đạo, nuôi người cao tuổi, người tâm thần, trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, người nhiễm HIV/AIDS, người lang thang cơ bản đáp ứng được các quy định của pháp luật đã góp phần giảm gánh nặng, giảm sự quá tải của các trung tâm bảo trợ xã hội của nhà nước. Theo thống kê của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, tính đến 2016, cá nhân, đơn vị thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam có 56 cơ sở chăm sóc đối tượng bảo trợ đã được cấp đăng ký hoạt động, trong khi cả nước chỉ có 113 cơ sở thuộc các cá nhân, đơn vị thuộc các tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động.

- Những cơ sở dạy nghề đã tạo công ăn việc làm cho các học viên khi tốt nghiệp ra trường với thu nhập ổn định. Theo thống kê của ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, tính đến 2016,

---

năm từ 3 tỷ đến 5 tỷ đồng; <sup>(3)</sup> Các xã vùng giáo huyện Nga Sơn (Thanh Hóa) có 200 hộ chăn nuôi gia súc theo mô hình trang trại, hàng năm thu nhập hàng trăm triệu đồng; <sup>(3)</sup> Cơ sở sản xuất hoa của Cộng đoàn Phan Sinh (Đà Lạt, Lâm Đồng), từ một cơ sở ươm trồng cây giống có quy mô nhỏ, hiện nay đã nghiên cứu, sản xuất thành công nhiều mẫu và giống hoa, giải quyết trên 60 lao động có thu nhập ổn định ...

<sup>10</sup> (1) Đồng bào Công giáo tỉnh Đắc Lắc tự nguyện đóng góp hàng chục tỷ đồng để nâng cấp, mở rộng và từng bước nhựa hóa đường giao thông ở khu dân cư và những tuyến đường trọng yếu, góp phần cho 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới tính đến cuối năm 2017; (2) Khu dân cư Công giáo thôn Dũng Thủy, xã Xuân Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đã hiến 600m<sup>2</sup> đất, đóng góp trên 500 triệu đồng, hơn 1.300 ngày công làm đường giao thông, đóng góp tiền công lắp đặt đèn chiếu sáng ban đêm với chiều dài gần 9km (3) Ở huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, bà con giáo dân đã hiến trên 12.000m<sup>2</sup> đất, tháo dỡ 2.100 m tường bao, đóng góp hơn 7 tỷ đồng xây mới 06 Nhà Văn hóa, làm mới 15 km đường bê tông hay huyện Yên Thành, bà con đã hiến gần 6.000m<sup>2</sup> đất, đóng góp hàng chục tỷ đồng xây dựng công trình phúc lợi công cộng...

<sup>11</sup> Ghi nhận những đóng góp đó, trong Hội nghị toàn quốc các tôn giáo tham gia phát triển giáo dục mầm non, năm 2015 đã có 25 tập thể Công giáo/26 tập thể các tôn giáo được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen; 23 cá nhân Công giáo/25 cá nhân tiêu biểu của các tôn giáo được Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo tặng bằng khen.

cá nhân, đơn vị thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam có 11/12 trường, trung tâm dạy nghề, trong đó: 01 trường Cao đẳng; 01 trường Trung cấp và 09 trung tâm dạy nghề, trong khi cả nước chỉ có 12 trường, trung tâm dạy nghề của các cá nhân, đơn vị thuộc các tổ chức tôn giáo.

- Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam còn có 144 trạm xá, cơ sở khám chữa bệnh nhân đạo và được tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, như: Các giáo xứ: Lộc Thiện, Lộc Thành, Phú Lương, Tích Thiện, Đắc Nhau, Đắc Ở (tỉnh Bình Phước) thường xuyên tổ chức những đợt khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho những gia đình khó khăn, đồng bào dân tộc, tuyên truyền bà con về giữ gìn vệ sinh môi trường, tham gia đầy đủ các chương trình tiêm chủng quốc gia. Bên cạnh đó, nhiều linh mục và Hội đồng mục vụ giáo xứ đã phối hợp với chính quyền, mặt trận địa phương làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa như tổ chức thăm viếng, tặng quà cho gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7, tết cổ truyền của dân tộc, điển hình như giáo hạt Đồng Xoài, giáo hạt Phước Long; Tại tỉnh Phú Yên, đồng bào Công giáo đã đóng góp 13,2 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện, nhất là tham gia xây nhà Đại đoàn kết, xóa nhà tạm...; nhằm chung tay giúp đồng bào miền Trung tái thiết đời sống sau các đợt bão lũ năm 2020, được sự đồng thuận của các cấp chính quyền, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã tổ chức đêm nhạc “Gánh nhau trong đời” vào ngày 27/11/2020 để quyên góp tiền ủng hộ, ngay trong đêm nhạc, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã quyên góp được 12 tỷ đồng, sau đêm nhạc đó, Hội đồng Giám mục cũng quyên góp được thêm khoảng 10 tỷ đồng nữa. Số tiền này đã kịp thời đưa đến ủng hộ các địa phương bị thiệt hại nặng về bão lũ, nhất là tại một số tỉnh miền Trung. Đây là lần đầu tiên, Hội đồng Giám mục Việt Nam tổ chức sự kiện này.

- Trong cuộc phòng chống Covid - 2019: Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và của các cấp chính quyền việc quyên góp, ủng hộ công cuộc phòng chống dịch Covid - 19. bên cạnh việc ủng hộ kinh phí, vật chất cho với giá trị hàng tỷ đồng của các giáo xứ, giáo phận Công giáo trên mọi miền tổ quốc, nhiều cơ sở Công giáo đã được Giáo hội cho mượn để làm nơi cách ly những người thuộc đối tượng F1, đồng thời bố trí các nhà tu hành hỗ trợ về y tế cũng như hàng ngày lo từng bữa ăn cho những người bị cách ni, như ở giáo phận Bắc Ninh tham gia hỗ trợ ở Vĩnh Phúc trong đợt dịch đầu tiên năm 2020, cũng như tại Bắc Giang trong đợt dịch tháng 06/2021. Đặc biệt, hưởng

ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ về việc ủng hộ Quỹ vắc xin Covid - 19, đêm ngày 05/6/2021, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã cử người trực tiếp đến dự và hỗ trợ 03 tỷ đồng cho quỹ...

**2.6.3. Tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cộng đồng dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh.**

Thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tôn giáo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 - 2020, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam đã hướng dẫn Ủy ban Đoàn kết Công giáo các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngành Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức tôn giáo cùng cấp triển khai nhiều hoạt động phong phú, thiết thực vào các dịp: Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, ngày Đại dương Thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, giờ trái đất... nhằm kêu gọi mọi người dân cùng với đồng bào Công giáo thực hiện. Ngoài ra, còn phối hợp duy trì các mô hình Khu dân cư bảo vệ môi trường ở cộng đồng dân cư có đồng bào Công giáo mang lại hiệu quả thiết thực.

Các linh mục, Ban Hành giáo và đồng bào Công giáo ở các giáo xứ, giáo họ cùng với cộng đồng dân cư ra quân dọn dẹp vệ sinh, bảo vệ môi trường tại các hộ gia đình và địa bàn công cộng; huy động nhân dân nói chung và đồng bào có đạo nói riêng làm tổng vệ sinh khu phố, ấp; giữ gìn cảnh quan môi trường “xanh sạch đẹp”, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.

**2.6.4. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở**

- Đồng bào Công giáo đã luôn tích cực tham gia phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”, coi việc phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội là nhiệm vụ quan trọng để bảo đảm cuộc sống bình yên của chính quyền mình và nhân dân; tuyên truyền, hướng dẫn bà con chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời xây dựng các sân chơi lành mạnh giúp các thanh niên tránh xa những tệ nạn xã hội, hay thành lập câu lạc bộ “Gia đình không có người thân vi phạm pháp luật”; nhiều khu dân cư có đồng bào Công giáo không xảy ra các vụ trọng án, thực hiện được nhiều vụ hòa giải, cảm hóa được các đối tượng lầm lỗi, hàng năm động viên con em đến độ tuổi đi làm nghĩa vụ quân sự đạt tỷ lệ

cao; nhiều địa phương làm tốt công tác hậu cần quân đội, động viên các gia đình chính sách, thăm hỏi con em làm nhiệm vụ biên giới, hải đảo; có nhiều giáo dân tích cực tham gia giữ gìn an ninh khu phố, phối hợp với các cơ quan chức năng chặn bắt cướp, xóa các tụ điểm hút chính ma túy, gây rối trật tự công cộng trên địa bàn dân cư được nhân dân yêu mến và chính quyền các cấp ghi nhận...

- Trong lĩnh vực tham gia xây dựng chính quyền: Đồng bào Công giáo cả nước đã tích cực hưởng ứng và tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016- 2021. Ban Thường trực Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Đoàn kết Công giáo các tỉnh, thành phố đã tham gia các hội nghị hiệp thương để lựa chọn và giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Trong các cuộc bầu cử này, tại hầu hết các địa bàn có đông đồng bào Công giáo đều hoàn thành sớm việc bầu cử với số lượng cử tri đi bầu sớm nhất, đông nhất (tỷ lệ từ 98% đến 100%). Đồng thời, có nhiều linh mục, tu sĩ, giáo dân được tin nhiệm bầu vào các cơ quan dân cử, các đoàn thể, như: 01 linh mục được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa XIV; 21 linh mục và 27 giáo dân là đại biểu HĐND cấp tỉnh; 43 linh mục, tu sĩ và 252 giáo dân là đại biểu HĐND cấp huyện; 158 linh mục, tu sĩ và 6.433 giáo dân là đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016 - 2021; 224 người tham gia Ủy ban Mặt trận, chính quyền xã, phường, thị trấn; 3.680 người là Tổ trưởng, tổ phó và thư ký tổ dân cư và rất nhiều linh mục, tu sĩ, giáo dân là hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM VỀ CÔNG GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

#### **3.1. Người làm công tác thông tin, tuyên truyền cần nắm rõ chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo**

Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo nói chung qua mỗi thời kỳ có sự thay đổi để đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Qua các thời kỳ khác nhau, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán: tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân; bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và tài sản hợp pháp

của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào... Nhưng đồng thời Đảng, Nhà nước ta không chấp nhận việc các tổ chức, cá nhân lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để xâm phạm quốc phòng an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường, chống phá cách mạng; xâm hại đến đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; hoạt động trục lợi...

Một số văn bản chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay cần nắm vững, như: Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác tôn giáo; Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định số 162/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo...

### **3.2. Phải nắm được cơ bản của về giáo lý, luật lệ, lễ nghi của Công giáo, nhất là những ngày lễ Công giáo**

#### **3.2.1. Giáo lý Công giáo**

Hệ thống giáo lý Công giáo được hình thành, bổ sung trong nhiều thế kỷ, được chứa đựng trong Kinh Thánh Cựu ước và Tân ước. Ngoài ra, Công giáo còn một số văn bản khác như các án văn của Giáo hoàng, nghị quyết của các Công đồng, về nguyên tắc có giá trị như giáo lý. Trong sinh hoạt, từ kinh Cựu ước và Tân ước Công giáo biên soạn thành hai loại kinh: Kinh nguyện và Kinh bản để mọi tín đồ cầu nguyện.

Trong giáo lý của đạo Công giáo có 5 tín điều cơ bản sau: Thiên chúa và sự sáng tạo thế giới của Thiên Chúa; Con người và sự sa ngã của con người; Chúa Giê-su và công cuộc cứu chuộc; Chúa Giê-su trở lại và sự phán xét cuối cùng; Thiên đường và địa ngục, thiên thần và ma quỷ.

#### **3.2.2. Luật lệ, lễ nghi Công giáo**

Ngay từ đầu, Giáo hội Công giáo đã xây dựng được một hệ thống các luật lệ, lễ nghi khá chi tiết, cụ thể và được thống nhất thực hiện trên phạm vi toàn thế giới. Trước đây, luật lệ, lễ nghi và thiết chế của Giáo hội được ghi trong *Bộ Giáo luật Ca-non* (xuất bản năm 1917) gồm 2000 điều. Ngày 25/01/1983, Giáo hội Công giáo ban hành bộ giáo luật mới gọi là bộ Giáo luật năm 1983 bao gồm 1752 điều.

Luật lệ, lễ nghi của Công giáo gồm: Mười điều răn của Thiên Chúa; Sáu điều răn của Giáo hội; Bảy phép Bí tích.

### **3.2.3. Những ngày lễ của đạo Công giáo**

Lịch Công giáo tính theo dương lịch và trong một năm có rất nhiều ngày lễ, trong đó có một số *Lễ trọng (lễ buộc)* có 6 ngày trong năm cụ thể: Lễ Nô-el; Lễ phục sinh (chúa sống lại); Lễ Chúa Giê-su lên trời, sau lễ phục sinh 40 ngày; Lễ Chúa Thánh thần thiện xuống, sau lễ Chúa Giê-su lên trời 10 ngày; Lễ Đức bà Ma-ri-a hồn và xác lên trời, ngày 15/8; Lễ các Thánh, ngày 1/11. Ngoài ra còn các Lễ thông thường được tổ chức theo định kỳ tại các giáo xứ, dòng tu.

## **3.3. Hiểu rõ cơ cấu, hệ thống tổ chức của Giáo hội Công giáo Việt Nam, phẩm trật trong Công giáo**

### **3.3.1 Về cơ cấu, hệ thống tổ chức (đã trình bày ở trên)**

### **3.3.2. Về Phẩm trật trong Công giáo**

Hàng giáo sỹ trong Công giáo được hình thành theo cấp bậc rõ ràng, có ba chức thánh, gồm: Giám mục, Linh mục và Phó tế. Ngoài ra, còn có các tước vị khác như: Hồng y, Tổng giám mục, Đức ông.

- *Giáo hoàng*: vị chủ chăn tối cao của toàn thể tín đồ Công giáo, có quyền tối thượng, toàn diện và trực tiếp đối với Giáo hội. Từ vị Giáo hoàng tiên khởi Phê-rô đến Giáo hoàng Phan-xi-cô có 266 vị.

- *Hồng y*: Hồng y là phẩm tước, xếp ngay dưới Giáo hoàng. Hồng y có 3 bậc: giám mục, linh mục và phó tế. Số lượng Hồng y tuy được ấn định, song không ổn định qua thời gian, hiện nay là 222 vị.

- *Tổng Giám mục*: là Giám mục đứng đầu các Tổng giáo phận.

- *Giám mục*: Là những người được trao cho việc coi sóc một giáo phận, có toàn quyền về mặt tôn giáo trong giáo phận đó. Trong một giáo phận có thể có Giám mục phó hoặc Giám mục phụ tá. Tính đến ngày 31/12/2015, trên thế giới có 5.304 giám mục.

- *Linh mục*: Có linh mục triều và linh mục dòng. Trong giáo xứ, Linh mục chính xứ có quyền giảng đạo, cử hành các bí tích, tổ chức và điều hành xứ. Tính đến ngày 31/12/2015, trên thế giới có 415.656 linh mục.

- *Phó tế*: có phó tế tạm thời và phó tế vĩnh viễn. Phó tế tạm thời là những người hướng tới chức linh mục và phó tế vĩnh viễn là những người không hướng tới chức linh mục. Tính đến ngày 31/12/2015, trên thế giới có 45.255 Phó tế vĩnh viễn.

Hàng giáo phẩm của đạo Công giáo nói chung rất quan trọng, họ là những người được thay mặt Chúa để điều hành các hoạt động của Giáo hội; là Cha

Thiên Liêng, Cha Tinh Thần không thể thiếu trong các sinh hoạt tôn giáo hàng ngày của tín đồ đạo Công giáo.

**3.4.** Thấy được những đóng góp tích cực của Công giáo đối với đời sống xã hội, cũng như những mặt tiêu cực trong Công giáo. Qua đó, khơi dậy những mặt tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của Công giáo. Phát huy vai trò của các chức sắc, chức việc là tín đồ Công giáo. Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội trong vùng Công giáo.

### **3.5. Hiểu về tổ chức, nhân sự của Công giáo**

Mỗi tổ chức thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam có đặc thù hoạt động riêng, cơ cấu tổ chức khác nhau nên phải bám sát thực tế, nắm chắc từng tổ chức, nhân sự đứng đầu các tổ chức, nắm tâm tư nguyện vọng, tình hình hoạt động của họ, động viên họ chấp hành chính sách, pháp luật. Chủ động đề xuất biện pháp quản lý cụ thể, thích hợp sẽ đạt được kết quả tốt. Chú trọng công tác giáo dục thuyết phục, nâng cao nhận thức của chức sắc, tu sĩ, giáo dân để họ nhận thức đúng chính sách tôn giáo tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước, để tự giác thực hiện. Qua đó, họ có thể đấu tranh với những hành vi tuyên truyền, xuyên tạc, lợi dụng Công giáo nhằm hoạt động chính trị, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

**3.6.** Cần phân biệt được hoạt động tôn giáo thuần túy với các hoạt động lợi dụng Công giáo nhằm đáp ứng quyền tự do tôn giáo của tín đồ Công giáo, đồng thời đấu tranh, loại bỏ âm mưu chống phá Nhà nước Việt Nam của các thế lực thù địch.

**3.7.** Công tác thông tin, tuyên truyền phải kịp thời, đúng quy định, khách quan, phản ánh đúng nội dung, bản chất của sự việc. Tránh đưa tin sai lệch, không chính xác.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Tập Bài giảng tôn giáo và công tác tôn giáo*, Hà Nội.

- Bộ Nội vụ (2015), *Tập tài liệu bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về Công giáo cho công chức*, (Ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-BNV ngày 07/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Hà Nội).

- Nguyễn Hồng Dương (2008), *Công giáo Việt Nam - Một số vấn đề nghiên cứu*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.



- Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2016*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Văn phòng Tổng Thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam (2005), *Phụ trương Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2005*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Những yếu tố dẫn đến sự du nhập và phát triển Công giáo vào Việt Nam?

2. Giáo hội Công giáo có mấy cấp hành chính và phẩm trật trong Công giáo như thế nào?

3. Những hoạt động xã hội nào của Công giáo cần tuyên truyền và lan tỏa trong xã hội Việt Nam hiện nay? Nêu lý do?

## **Chuyên đề 4**

### **KHÁI QUÁT VỀ TIN LÀNH Ở VIỆT NAM**

#### **1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐẠO TIN LÀNH Ở VIỆT NAM**

##### **1.1. Về lịch sử tên gọi đạo Tin Lành**

Đạo Tin Lành là một tôn giáo có rất nhiều tên gọi khác nhau, tên tiếng Anh gồm có: Protestantism, Reformism, Evangelism, Gospel, Christian, Good new. Khi truyền vào Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đạo Tin Lành từng được người miền Bắc gọi theo cách người Trung quốc là "đạo Thệ phản", ở miền Trung gọi là đạo "Gia-tô", ở miền Nam gọi là đạo "Huê kỳ", ngoài ra còn có nhiều tên gọi khác như Thìn Hùng (trong người Dao), Vàng Chứ (trong người Mông),...

Tên gọi đạo Tin Lành có từ đầu những năm 20, 30 của thế kỷ XX do giáo sĩ Cadman người Canada thuộc Hội Liên hiệp Cơ đốc và Truyền giáo (The Christian and Missionary Alliance - thường được gọi tắt là Hội Truyền giáo C.M.A) và văn sĩ Phan Khôi dịch Kinh thánh ra tiếng Việt Nam. Hai ông đã dùng từ "Tin Lành" để chỉ nghĩa của từ Evangelism. Cũng có tài liệu cho rằng hai ông đã sử dụng lại thuật ngữ "Tin Lành" từ bản dịch Kinh thánh của một giáo sĩ Công giáo (cổ Chính Linh).

Đạo Tin Lành trong tài liệu này được sử dụng chung cho nhiều hệ phái ra đời trong quá trình cải cách Giáo hội Công giáo La Mã như: Trưởng lão, Mennonite, Báp-tít, Giám lý, Lutheran, C.M.A, Cơ đốc Phục lâm, Mặc Môn, Giê-hô-va, Anh giáo,...

##### **1.2. Lịch sử du nhập của đạo Tin Lành ở Việt Nam**

Sự xuất hiện sớm nhất của đạo Tin Lành ở Việt Nam được ghi nhận bắt đầu từ Tin Lành cải cách Pháp, tuy nhiên đạt được thành công đầu tiên lại thuộc về Tin Lành Bắc Mỹ - tổ chức "The Christian and Missionary of Alliance" (C.M.A) mà Tin Lành ở Việt Nam quen gọi là tổ chức Phước âm Liên hiệp hội Hoa Kỳ hay Hội Truyền giáo C.M.A.

Năm 1884, Hội Truyền giáo thuộc địa (Société d'Evangelisation des Colonies) thuộc Giáo hội Tin Lành Cải cách Pháp gửi một số mục sư tuyên úy đến Việt Nam phục vụ cho binh lính và nhân viên quân đội viễn chinh Pháp ở những vùng đất nhượng địa là: Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng. Trong số những người Tin Lành Pháp đến Việt Nam thời kỳ này có một nhân vật nổi tiếng là bác sỹ Alexandre Yersin (1863-1943). Ông ở Việt Nam hơn 50 năm, những công việc ông làm và đời sống đạo của ông có ảnh hưởng lớn đối với Việt Nam.

Khoảng những năm 1890 - 1899, Hội thánh Tin Lành của người Pháp đã được thành lập ở chợ Hàng Da nhưng sau khi Phái bộ nghiên cứu kế hoạch truyền giáo ở Đông Dương của Tin Lành Pháp chấm dứt hoạt động (tháng 7/1925), Hội thánh cũng tan rã. Lúc này, hoạt động truyền đạo Tin Lành ở Việt Nam hoàn toàn do tổ chức truyền giáo chuyên nghiệp đến từ Bắc Mỹ là Hội Truyền giáo C.M.A như đề cập ở trên.

Hội Truyền giáo C.M.A tiếp cận địa bàn Việt Nam từ hướng biên giới Việt - Trung. Sau khi thiết lập được cơ sở ở Quảng Tây (Trung Quốc), một số giáo sỹ được Hội truyền giáo C.M.A cử vào Việt Nam. Năm 1897, Mục sư Clarence H. Reeves từ Quảng Tây vượt qua biên giới đến Lạng Sơn. Ở Việt Nam không lâu nhưng sau khi về, Mục sư C.H. Reeves có bài viết khá chi tiết về lịch sử, địa lý, văn hóa và tôn giáo của Việt Nam đăng trên tờ Christian and Missionary Alliance số tháng 9 năm 1897. Năm 1899, Mục sư Robert Alexandre Jaffray từ Trung Quốc đi dọc theo sông Hồng đến Hà Nội dự định xây dựng cơ sở ở đây nhưng không đạt được kết quả. Năm 1902, Hội Truyền giáo C.M.A cử vợ chồng Mục sư Sylvain Dayan người Canada gốc Pháp đến Hải Phòng hy vọng nhận được sự ủng hộ của người Pháp nhưng họ cũng phải sớm trở lại Trung Quốc mà không đạt được kết quả như mong muốn. Năm 1905, Hội Truyền giáo C.M.A chủ trương xây dựng cơ sở ở Long Châu (Quảng Tây) gần với Lạng Sơn để làm trạm đầu cầu thâm nhập vào Việt Nam nhưng cũng không thành công.

Sau nhiều nỗ lực thâm nhập từ phía Bắc nhưng đều thất bại, Hội Truyền giáo C.M.A chuyển hướng vào miền Trung. Năm 1911, Mục sư R.A. Jaffray cùng với hai cộng sự là Paul M. Hosler và Griffiths Lloyd Hughes tới Đà Nẵng, với sự giúp đỡ của ông Bonnet (người của tổ chức Thánh Kinh hội) hai ông đã mua lại cơ sở của tổ chức này và đây chính là cơ sở Tin Lành đầu tiên tại Việt Nam. Năm 1912, người Việt Nam ở thế kỷ XX theo đạo Tin Lành là ông Nguyễn Văn Phúc, một trong những người bán sách Tin Lành<sup>12</sup>.

Việc đặt được cơ sở ở Đà Nẵng đã thúc đẩy Hội Truyền giáo C.M.A tăng cường giáo sỹ vào Việt Nam. Năm 1914 đã có 09 giáo sỹ Hội truyền giáo C.M.A ở Việt Nam, trong đó 01 người Anh, 02 người Na Uy, 04 người Canada và 02 người Mỹ. Số giáo sỹ Hội Truyền giáo C.M.A tăng lên gấp đôi vào năm 1921 và gấp ba vào năm 1927. Từ cơ sở ở Đà Nẵng, các giáo sỹ Hội Truyền giáo C.M.A mở thêm một số cơ sở khác ở như Hội An, Tam Kỳ, Đại Lộc,... và cử người đi

<sup>12</sup> Thái Phước Trường (2011), Hội thánh Tin Lành Việt Nam - 100 năm hình thành và phát triển (lưu hành nội bộ), TP. Hồ Chí Minh, tr. 27.

truyền đạo ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ. Kết quả đến năm 1915 ghi nhận ở Bắc Kỳ có 05 chi hội, Trung Kỳ có 06 chi hội và Nam Kỳ có 05 chi hội Tin Lành.

Khi truyền đạo ở Việt Nam, Hội Truyền giáo C.M.A tập trung vào ba hoạt động chính là: dịch Kinh thánh ra tiếng Việt, lập nhà in và mở trường đào tạo chức sắc; đồng thời phân khu vực Đông Dương thuộc địa hạt truyền giáo Hoa Nam (Trung Quốc) với trung tâm ở Ma Cao. Đến năm 1915, địa hạt Đông Dương được tách riêng. Năm 1927, *Hội Tin Lành Đông Pháp* (The Evangelical Church of French Indochina) được thành lập. Năm 1936, khi Điều lệ của Hội thánh được tu chỉnh lần thứ nhất, từ "Việt Nam" được thêm vào trong danh hiệu Hội thánh ngay trước từ "Đông Pháp", thành *Hội Tin Lành Việt Nam Đông Pháp*. Tên gọi này tồn tại cho đến năm 1945, khi thực dân Pháp bị lật đổ ở Đông Dương từ Đông Pháp đã bị bỏ đi, chỉ còn *Hội Tin Lành Việt Nam*. Đến Đại hội đồng lần thứ 21 vào năm 1950, tên gọi *Hội thánh Tin Lành Việt Nam* chính thức được sử dụng.

Hệ phái Cơ đốc Phục lâm và Chứng Nhân Giê-hô-va cũng lần lượt xuất hiện ở Việt Nam vào các năm 1929 và 1934, trong đó hệ phái Cơ đốc Phục lâm truyền giáo khá thành công, chỉ đứng sau Hội Truyền giáo C.M.A. Các hệ phái Tin Lành khác cũng lần lượt xuất hiện ở Việt Nam nhưng số lượng tín đồ không nhiều, gồm: Tin Lành Mennonite (1954), Tin Lành Báp-tít (1959), Tin Lành Môn đệ Đấng Christ (1960), Tin Lành Trưởng lão, Tin Lành Giám lý (cùng du nhập vào năm 1968), Tin Lành Ngũ tuần (1970), năm 1974 Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam ra đời,...

### **1.3. Quá trình phát triển của đạo Tin Lành tại Việt Nam**

Căn cứ vào đặc điểm tình hình của đạo Tin Lành có thể chia quá trình phát triển của đạo Tin Lành ở Việt Nam thành 4 giai đoạn sau:.

#### **1.3.1. Giai đoạn thứ nhất, từ năm 1911 đến năm 1954**

Trong giai đoạn này, như mọi tôn giáo khác, đạo Tin Lành không tránh khỏi những khó khăn của buổi ban đầu nhưng đã nhanh chóng gây dựng được các cơ sở mới. Năm 1920, nhà in Tin Lành được xây dựng tại Thành phố Hà Nội, năm 1921 trường Thánh kinh được mở tại Đà Nẵng; năm 1926, công cuộc truyền giáo lên khu vực Tây Nguyên được tiến hành; năm 1927, Đại hội đồng lần thứ IV chính thức bầu ra Ban Trị sự Tổng liên hội do mục sư Hoàng Trọng Thừa làm Hội trưởng và đặt tên là *Hội Tin Lành Việt Nam Đông Pháp*; năm 1928, Đại hội đồng lần thứ V quyết định phân chia Tin Lành Việt Nam thành 2

hạt: Bắc - Trung hạt và Nam hạt; năm 1929, hệ phái Cơ đốc Phục lâm chính thức lập cơ sở đầu tiên ở Sài Gòn (nay là TP. Hồ Chí Minh); năm 1931, Đại hội đồng Tổng Liên hội lần thứ VIII ở Hà Nội chia địa phận truyền giáo ở Việt Nam thành 3 hạt Bắc - Trung - Nam Kỳ; năm 1940, đạo Tin Lành truyền vào người Dao ở huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; năm 1945, tên gọi Hội thánh Tin Lành Việt Nam được thay cho Hội Tin Lành Việt Nam Đông Pháp; từ năm 1947 đến năm 1949 có thêm 2 trường Kinh thánh được thành lập ở Buôn Ma Thuột và Đà Lạt,...

Các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có người theo đạo Tin lành đầu tiên vào những năm 1930 - 1940 gồm: Dân tộc Cơ-ho (1929), dân tộc Chăm (1931), dân tộc Hrê (1933), dân tộc Bru (1933), dân tộc Chơ-ro (1934), dân tộc Ê-đê (1934), dân tộc Jrai (1940), dân tộc M'ông (1940), dân tộc Pacô (1940), dân tộc Kơ-tu (1941), dân tộc Ba-na (1941),...

Đến năm 1945 ở Việt Nam có khoảng 15.000 tín đồ và tăng lên 60.000 tín đồ vào năm 1954<sup>13</sup>.

### ***1.3.2. Giai đoạn thứ hai, từ năm 1954 đến năm 1975***

Sau hiệp định Genève năm 1954, đất nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền, đạo Tin Lành ở hai miền cũng có sự khác nhau. Ở phía Bắc, số đông chức sắc, tín đồ di cư vào Nam, còn lại khoảng 1.000 tín đồ và hơn 10 mục sư, truyền đạo thành lập nên *Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc)*, phạm vi hoạt động từ tỉnh Nghệ An trở ra. Năm 1962, Hội thánh thông qua bản Hiến chương đầu tiên. Cũng trong năm này, trường Kinh thánh Hà Nội được thành lập.

Ở phía Nam, Hội Truyền giáo C.M.A đẩy mạnh hơn bao giờ việc đầu tư kinh phí, phương tiện, giáo sĩ để giúp Hội thánh ơ Tin lành Việt Nam củng cố tổ chức, mở rộng truyền giáo lên khu vực đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Đến năm 1975, Hội thánh Tin lành Việt Nam trở thành tổ chức Tin lành lớn ở Việt Nam với gần 150.000 tín đồ, 190 mục sư, 167 truyền đạo, 155 truyền đạo sinh, 530 chi hội.

Tổng cộng, đến năm 1975 ở Việt Nam có khoảng 187.000 người theo đạo Tin lành, 20 tổ chức thuộc các hệ phái Ngũ tuần, Báp-tít, Trưởng lão, Mennonite, Cơ đốc Phục lâm, Nhân chứng Giê-hô-va, Mặc Môn, Giám lý, Môn đệ Đấng Christ, Quaker,.. và Tin Lành C.M.A.

### ***1.3.3. Giai đoạn thứ ba, từ năm 1975 đến năm 2005***

<sup>13</sup> Nguyễn Thanh Xuân (2002), Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam, NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr. 376.

Sau năm 1975, do một bộ phận tín đồ, chức sắc đạo Tin Lành ở khu vực Tây Nguyên tham gia tổ chức chính trị phản động FULRO, chống lại chính quyền cách mạng nên các nhà thờ Tin lành tại đây tạm dừng hoạt động. Ở đồng bằng, nhiều chức sắc di cư ra nước ngoài dẫn đến nhiều tổ chức, hệ phái tự tan rã, tín đồ tản lạc và sinh hoạt tôn giáo chủ yếu tại tư gia.

Cuối những năm 1980 đầu những năm 1990, khi đất nước thực hiện chính sách đổi mới, mở rộng giao lưu quốc tế, đạo Tin Lành bắt đầu khôi phục hoạt động. Đến tháng 4 năm 2006 ở các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước có gần 350.000 người theo đạo Tin Lành và khoảng 25.000 người Mông theo đạo Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc di cư đến.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng về địa bàn và số lượng người theo đạo Tin Lành, tổ chức chính trị phản động FULRO lúc này cũng phục hồi hoạt động và lôi kéo hàng chục ngàn tín đồ, chức sắc đạo Tin lành ở Tây Nguyên tham gia, gây nên 2 vụ bạo loạn vào tháng 2/2001 và tháng 4/2004 ở Tây Nguyên.

Ở khu vực miền núi phía Bắc trước năm 1986 phần lớn đồng bào vùng DTTS phía Bắc theo tín ngưỡng đa thần, chỉ một số ít theo Công giáo. Từ năm 1986, một bộ phận người Mông, người Dao nghe truyền giáo từ đài FEBC (Manila, Philippin) đã từ bỏ tín ngưỡng truyền thống, theo đạo Tin Lành, ban đầu dưới tên gọi “Vàng Chứ” (trong đồng bào Mông), “Thìn Hùng” (trong đồng bào Dao). Sau đồng bào Mông, Dao có thêm đồng bào của các dân tộc như Tày, Nùng, Thái, Sán Chi tin theo đạo Tin Lành. Năm 2003, số người Mông của 12 tỉnh miền núi phía Bắc theo Tin Lành là gần 106.000 người, các DTTS khác khoảng 45.000 người.

Từ những năm 1990, các tổ chức, hệ phái Tin Lành trước đây tự tan rã nay phục hồi và xuất hiện thêm nhiều nhóm mới. Đến năm 2000 cả nước có khoảng 40 tổ chức Tin Lành. Ngoài các tổ chức lớn, như Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam, Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Mennonite Việt Nam,... còn có các tổ chức Tin Lành như: Hội thánh Agape, Hội chúng Ngũ tuần Việt Nam, Liên đoàn Truyền giáo Phúc âm, Báp-tít Độc lập,... Đến cuối năm 2004, cả nước có trên 670.000 tín đồ, hơn 80 tổ chức thuộc nhiều hệ phái Tin Lành khác nhau.

#### ***1.3.4. Giai đoạn thứ tư, từ năm 2005 đến năm 2020***

Thực hiện Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, đến cuối năm 2008 Nhà nước đã công nhận 08 tổ chức Tin Lành, gồm: Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam,

Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Tổng hội Báp-tít Việt Nam, Giáo hội Báp-tít Việt Nam, Hội thánh Mennonite Việt Nam, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam, Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam. Ngày 18/11/2016 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội khóa XIV thông qua, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2018, thực hiện Luật, Nhà nước cấp đăng ký hoạt động tôn giáo thêm 03 tổ chức Tin Lành là Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam, Hội thánh Tin Lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam và Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam nâng tổng số tổ chức Tin Lành được Nhà nước cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo lên con số 13 trong tổng số khoảng 80 tổ chức khác nhau.

Đến tháng 12/2020, ở Việt Nam có hơn 1,12 triệu người theo đạo Tin Lành, trên dưới 100 tổ chức (gồm 10 tổ chức được công nhận pháp nhân, 03 tổ chức được chấp thuận đăng ký hoạt động tôn giáo), hơn 2.300 chức sắc, gần 800 tổ chức tôn giáo trực thuộc và khoảng 5.500 điểm nhóm. Ngoài ra còn có hơn 9.000 người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam sinh hoạt tôn giáo tập trung tại 61 điểm nhóm Tin Lành.

#### **1.4. Một số đặc điểm của đạo Tin Lành ở Việt Nam**

Đạo Tin Lành thường được nhắc đến với 5 tín lý duy nhất, gồm: “Duy Ân điển”, “duy Đức tin”, “duy Kinh thánh”, “duy Chúa Cơ đốc” và “duy Thiên Chúa” theo nghĩa lần lượt là: Chỉ bởi ân điển (ơn sủng) của Thiên Chúa mà con người được cứu rỗi; để được cứu rỗi con người cần tin vào Thiên Chúa; Kinh thánh (lời của Chúa) được ban cho tất cả mọi người, không riêng chức sắc được dùng; Chúa Giê-su là đấng cứu chuộc duy nhất của con người, không có trung gian khác và chỉ một mình Thiên Chúa được tôn vinh. Năm tín điều này làm cho đạo Tin Lành trở thành tôn giáo nhất thần dễ gây xung đột với tín ngưỡng, tôn giáo đa - phiếm thần, nhất là tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên.

Đạo Tin Lành cũng được biết đến là tôn giáo: “Hiện đại”, “duy lý”, “trần thế”, “dân chủ”, “tự do”, “giải thiêng” và “cá thể”, thích hợp với tầng lớp thị dân và đồng bào DTTS. Những điều này được thể hiện qua: Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ; nghi lễ đơn giản; nơi thờ phượng có thể thuê, mượn; chức sắc được lập gia đình và không có thần quyền; mọi tín đồ đều có thể giao tiếp trực tiếp với Thiên Chúa; Kinh thánh được tự do giải thích và thực hành theo cách riêng; sinh hoạt tôn giáo vui nhộn, chủ yếu ca hát; sử dụng khoa học kỹ thuật trong quản đạo,

hành đạo và truyền đạo; nhiều tổ chức, nhiều hệ phái; tư duy thiên về lý tính, thực tế; hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, bầu cử bằng phiếu kín.

Ngoài các đặc điểm trên, đạo Tin Lành ở Việt Nam có sự kết hợp chặt chẽ giữa hai yếu tố tôn giáo và DTTS; phân bố chủ yếu ở 02 khu vực là Tây Nguyên và miền núi phía Bắc; đa số tín hữu theo Tin Lành Phúc âm đã tương đối ổn định, số ít hơn thuộc Tin Lành Ngũ tuần đang phát triển nhanh; quan hệ quốc tế của đạo Tin Lành tương đối rộng, chủ yếu với Tin Lành Mỹ và Tin Lành Hàn Quốc, trong đó mối quan hệ với Tin Lành Mỹ là chủ yếu, có tính lịch sử, mối quan hệ với Tin Lành Hàn Quốc phát triển mạnh gần đây. Đạo Tin Lành ở Việt Nam vẫn trong quá trình phát triển và hướng đến hội nhập văn hóa dân tộc.

Kinh sách của đạo Tin Lành gồm 39 quyển Cựu ước và 27 quyển Tân ước được gọi chung là Kinh thánh. Một số hệ phái có thêm các sách khác như sách Mặc Môn của Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô. Đạo Tin Lành đề cao vị trí của Kinh thánh, coi đó là chuẩn mực căn bản, duy nhất của đức tin và sự hành đạo. Với đạo Tin Lành, Kinh thánh hiện diện trong tất cả các sinh hoạt tôn giáo và giữ vai trò như một giáo sĩ trên cả hai phương diện: mục vụ và truyền giáo. Tín đồ đạo Tin Lành trực tiếp đọc, suy ngẫm và chiêm nghiệm Kinh thánh. Thánh ca cũng được coi trọng trong sinh hoạt tôn giáo của đạo Tin Lành.

Cũng như Công giáo, đạo Tin Lành thờ Thiên Chúa ba Ngôi (Ngôi Một: Đức Chúa Cha (Đấng tự hữu, hằng hữu, toàn thiện, toàn mỹ, không có điểm bắt đầu và cũng không có điểm tận cùng); Ngôi Hai: Đức Chúa Con (Chúa Jêsus Christ, được thai dựng bởi Đức Thánh linh qua trinh nữ Ma-ri-a, là Đấng thần nhân, thánh khiết, vô tội tuyệt đối, là Cứu Chúa duy nhất của nhân loại); Ngôi Ba: Đức Thánh linh (là Thần yên ủi, hỗ trợ, đưa dẫn và cứu giúp người tin đạt đến bậc thành nhân trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời). Ba ngôi hiệp một, bình đẳng, cùng bản tính và hiệp lại làm một Đức Chúa Trời trọn vẹn. Người theo đạo Tin Lành tin vũ trụ, muôn vật đều do Thiên Chúa tạo dựng và điều khiển; tin con người do Thiên Chúa tạo dựng theo cách riêng và có phần hồn, phần xác; tin con người bị sa ngã và tội lỗi; tin có ngôi hai Thiên Chúa là Giê-su xuống thế làm người, chịu chết để chuộc tội cho loài người; tin có Thiên thần và ma quỷ, có thiên đường và địa ngục, có ngày tận thế, phục sinh và phán xét cuối cùng...

Tuy nhiên, có một số tín điều truyền thống của Công giáo đạo Tin Lành sửa đổi và lược bỏ tạo ra sự khác biệt giữa hai tôn giáo; mức độ đề cao một số



tín điều cũng đậm nhạt khác nhau ở các hệ phái Tin Lành dẫn đến sự khác nhau giữa các hệ phái.

Trong đời sống tín ngưỡng, đạo Tin Lành đề cao lý trí trong đức tin, cho rằng sự cứu rỗi chỉ đến bởi đức tin, không phải vì những "hình thức tại ngoại" (tức là không phải vì các luật lệ, lễ nghi). Do đó luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo của đạo Tin Lành đơn giản, không cầu kỳ.

Đạo Tin Lành thực hiện phép Rửa tội (Báp-tem) và phép Thánh thể (Tiệc thánh). Ở phép Rửa tội, người chịu phép phải đủ tuổi để hiểu biết các lễ đạo và nhất là phải ăn ở trong sạch, không được phạm tội. Nghi lễ Báp-tem được tiến hành bằng cách dìm cả người xuống nước (một số phái cho phép vẩy nước). Ở phép Thánh thể, đạo Tin Lành cho rằng đó là kỷ niệm về sự chết của Chúa Giê-su chuộc tội cho loài người, qua đó nhắc nhở con người sống xứng đáng hơn với Thiên Chúa. Đạo Tin Lành thực hiện nghi lễ Thánh thể đơn giản, tất cả tín đồ và chức sắc cùng uống rượu (nước ép trái cây) và ăn bánh. Lễ Thánh thể thường được tổ chức vào chủ nhật đầu tiên của từng tháng. Ngoài ra, đạo Tin Lành còn thực hiện các nghi lễ tôn giáo như: Lễ hôn phối, lễ dâng con trẻ cho Thiên Chúa và một số lễ khác.

Tín đồ đạo Tin Lành tự xưng tội với Thiên Chúa. Khi xưng tội cũng như khi cầu nguyện, tín đồ đạo Tin Lành có thể đứng giữa nhà thờ, trước đám đông để sám hối hoặc nói lên ý nguyện của mình một cách công khai.

Nhà thờ đạo Tin Lành thường kiến trúc hiện đại, đơn giản. Trong nhà thờ không có tượng ảnh, chỉ có cây Thập tự giá biểu tượng Chúa Giê-su chịu nạn. Trong nhiều trường hợp đạo Tin Lành chỉ sử dụng những phòng họp hoặc hội trường, đôi khi là một nhà tạm của tín đồ để làm điểm nhóm lễ, chia sẻ lời Chúa trong Kinh thánh.

Chức sắc đạo Tin Lành gồm các phẩm: mục sư (tên gọi theo Kinh Thánh), truyền đạo (còn gọi là giảng sư) trong đó mục sư là phẩm cao nhất. Một số tổ chức Tin Lành gọi truyền đạo có nhiệm sở là mục sư nhiệm chức. Chức sắc đạo Tin Lành chủ yếu là nam, nhưng cũng có một số hệ phái tuyển chọn phụ nữ và nhìn chung họ không giữ chế độ độc thân. Chức sắc đạo Tin Lành không có thần quyền, tức là không có quyền thay mặt Thiên Chúa ban phúc, tha tội cho tín đồ, không phải là cầu nối trung gian trong mối quan hệ giữa tín đồ với Thiên Chúa. Quan hệ giữa chức sắc với tín đồ bình đẳng, cởi mở.

Đạo Tin Lành không có giáo hội chung toàn cầu cho các hệ phái. Mỗi hệ phái xây dựng các giáo hội độc lập với những hình thức, cơ cấu khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh điều kiện cho phép. Nhìn chung bộ máy tổ chức của các hệ phái Tin Lành đều đơn giản, nhiều tổ chức cấp trung ương chỉ mang tính liên hiệp, thực quyền nằm ở Hội thánh địa phương.

Để nhận diện rõ hơn về đạo Tin Lành có thể so sánh đạo Tin Lành với Công giáo ở một số điểm như sau:

(1) Công giáo tin nhận 46/46 quyền Kinh Cựu ước trong khi đạo Tin Lành chỉ tin nhận có 39/46 quyền.

(2) Công giáo coi Kinh thánh, các nghị quyết Công đồng và quyết định của Giáo hoàng là cơ sở của giáo lý - trong khi đạo Tin Lành cho rằng Kinh thánh là chuẩn mực căn bản và duy nhất của giáo lý và đức tin.

(3) Công giáo chủ yếu là sử dụng Kinh nguyện và Kinh bốn (sách giáo lý) trong sinh hoạt tôn giáo - trong khi đạo Tin Lành chỉ sử dụng Kinh thánh.

(4) Công giáo cho rằng bà Ma-ri-a đồng trinh trọn đời và đề cao bà, coi bà là mẹ của Thiên Chúa - trong khi đạo Tin Lành lại cho rằng bà chỉ đồng trinh cho đến khi sinh Chúa Giê-su nên chỉ kính trọng chứ không tôn sùng thờ lạy, coi bà là mẹ trần thế của Chúa Giê-su. (5) Công giáo đề cao và tôn sùng các Thánh - trong khi đạo Tin Lành chỉ kính trọng các Thánh.

(6) Công giáo tin có thiên đường, địa ngục và luyện ngục - trong khi đạo Tin Lành chỉ tin có thiên đường và địa ngục, không tin có luyện ngục.

(7) Công giáo thực hiện lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh bằng vẩy nước và đặt tên Thánh cho người được rửa tội - trong khi đạo Tin Lành chủ yếu thực hiện phép Báp-têm cho người đã hiểu biết, thông thường từ 13 tuổi trở lên, chủ yếu bằng cách dìm mình xuống nước và không đặt tên Thánh cho người chịu phép Báp-tem.

(8) Công giáo công nhận thuyết biến thể trong lễ Thánh Thể (bánh mì, rượu nho biến thành Mình Chúa và Máu Chúa) - trong khi đạo Tin Lành cho rằng lễ Thánh Thể là kỷ niệm về sự chết của Chúa Giê-su, bánh và rượu chỉ tượng trưng cho Mình và Máu Chúa.

(9) Công giáo quy định tín đồ xưng tội với Thiên Chúa qua linh mục - trong khi tín đồ đạo Tin Lành tự xưng tội với Thiên Chúa.

(10) Công giáo thường sử dụng hình thức cầu nguyện chung bằng các bài kinh nguyện đã soạn sẵn - trong khi đạo Tin Lành tín đồ tự cầu nguyện, nói lên nguyện vọng của mình với Thiên Chúa và chỉ thực hiện hai bài cầu nguyện chung là Kinh Lạy Cha và Kinh Tin kính.

(11) Công giáo khi cầu nguyện sử dụng tràng hạt, quỳ lạy, làm dấu thánh - trong khi đạo Tin Lành không sử dụng tràng hạt, không quỳ lạy, không làm dấu Thánh khi cầu nguyện.

(12) Công giáo thờ hình tượng và tranh ảnh - trong khi đạo Tin Lành không thờ hình tượng và tranh ảnh.

(13) Công giáo thường xây dựng nhà thờ theo kiểu Gô-tích, nhiều hoa văn họa tiết cầu kỳ, có Thánh quan thầy bảo hộ - trong khi nhà thờ đạo Tin Lành kiến trúc theo lối hiện đại, trong ngoài nhà thờ không có tranh tượng, chỉ đặt thập giá biểu tượng Chúa Ki-tô chịu nạn và không có Thánh quan thầy bảo hộ.

(14) Công giáo xây dựng một giáo hội thống nhất, cơ quan trung ương là giáo triều Vatican - trong khi đạo Tin Lành chia thành nhiều hệ phái, mỗi hệ phái có nhiều giáo hội độc lập.

(15) Công giáo điều hành giáo hội theo cơ chế quân chủ, quyền lực tập trung vào người đứng đầu (Đấng bản quyền) - trong khi đạo Tin Lành điều hành giáo hội theo cơ chế dân chủ, tín đồ được tham dự các hoạt động của giáo hội một cách trực tiếp theo chế độ đại cử tri.

(16) Công giáo có hàng giáo phẩm với những phẩm trật trên dưới khác nhau: Giáo hoàng, Hồng y, giám mục, linh mục - trong khi giáo phẩm của đạo Tin Lành gồm: mục sư, trưởng lão và chấp sự. Một số hệ phái có cả phụ nữ tham gia hàng giáo phẩm. Hàng giáo phẩm Công giáo duy trì chế độ độc thân và có thần quyền rất lớn - trong khi hàng giáo phẩm của đạo Tin Lành được lập gia đình và thần quyền mờ nhạt.

(17) Công giáo hình thành hệ thống dòng tu nam, dòng tu nữ và được chia thành hai loại dòng tu theo quy chế địa phận, dòng tu theo quy chế Tòa thánh - trong khi đạo Tin Lành không duy trì dòng tu.

## **2. TÌNH HÌNH ĐẠO TIN LÀNH Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Số lượng (chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo)**

Như trên đã đề cập, đến tháng 12/2020 đạo Tin Lành ở Việt Nam có hơn 1,12 triệu người tin theo, trên dưới 100 tổ chức thuộc nhiều hệ phái khác nhau, gần 800 tổ chức tôn giáo trực thuộc, khoảng 5.500 điểm nhóm. Ngoài ra còn có hơn 9.000 người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung tại 61 điểm nhóm.

#### **2.1.1. Về tín đồ đạo Tin Lành**

Trong tổng số 1,12 triệu người theo đạo Tin Lành có trên 855.000 người DTTS (chiếm 76,33%). Khoảng 40 DTTS ở Việt Nam có người theo đạo Tin Lành trong đó 05 dân tộc có số lượng tín đồ đạo Tin Lành lớn nhất (năm 2019)

gồm: Dân tộc Mông - 270.000 người, dân tộc Êđê - 124.000 người, dân tộc Jrai - 99.000 người, dân tộc K'ho - 67.000 người, dân tộc S'Tiêng - 60.000 người.

### **2.1.2. Về chức sắc, chức việc đạo Tin Lành**

Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ vào tháng 6/2019, cả nước có khoảng 2.300 chức sắc (bao gồm các phẩm mục sư, mục sư nhiệm chức và truyền đạo). Tuy nhiên số lượng chức sắc do các tổ chức Tin Lành phong nhiều hơn từ 2 đến 3 lần. Tùy theo phẩm trật cao thấp và quy định của từng hệ phái, tổ chức Tin Lành, các chức sắc ở phẩm khác nhau sẽ có quyền hạn khác nhau, thể hiện qua việc làm chủ lễ các nghi lễ (bao gồm Thánh lễ và giáo lễ).

Chức việc theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (khoản 9, Điều 2) là “người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức”. Đối chiếu với quy định của các tổ chức Tin Lành, chức việc đạo Tin Lành bao gồm: Thành viên ban lãnh đạo tổ chức (như hội trưởng, phó hội trưởng, chủ tịch, phó chủ tịch, tổng trưởng nhiệm, tổng quản nhiệm, phó tổng trưởng nhiệm, phó tổng quản nhiệm, tổng thư ký, tổng thủ quỹ, phó tổng thư ký phó tổng thủ quỹ, ủy viên); thành viên ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc (như quản nhiệm, thành viên ban chấp sự); thành viên ban đại diện (trưởng ban đại diện, thư ký, ủy viên); thành viên ban lãnh đạo các cơ quan, ủy ban, cơ sở đào tạo tôn giáo (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám quản,..). Đến tháng 6/2019, thống kê của Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho thấy cả nước có gần 7.000 chức việc, trong đó 100% chức sắc đồng thời là chức việc.

### **2.2. Sự phân bố**

Đạo Tin Lành hoạt động tại 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam nhưng tập trung chủ yếu tại 3 khu vực sau:

- Khu vực các tỉnh Tây Nguyên và tỉnh Bình Phước: Đến đầu năm 2020 toàn khu vực có gần 584.000 người theo đạo Tin Lành (85% là đồng bào DTTS), 311 chi hội, 1.742 điểm nhóm, 811 chức sắc, 2.587 chức việc, lần lượt chiếm tỷ trọng 52% về tín đồ, 36% về chức sắc, 37% về chức việc của đạo Tin Lành cả nước.

- Khu vực miền núi phía Bắc: Tổng số người theo đạo Tin Lành ở khu vực tính đến năm 2020 là 235.635 người (95% là người Mông), 389 chức sắc, 525

chức việc, 09 chi hội, 1.631 điểm nhóm, lần lượt chiếm tỷ trọng 21% về tín đồ, hơn 17% về chức sắc và gần 8% về chức việc của đạo Tin Lành cả nước.

- Khu vực trung tâm, đô thị lớn, gồm TP. Hồ Chí Minh (gần 74.000 tín đồ nhưng có tới 95% tổ chức Tin Lành của cả nước đặt trụ sở trung ương giáo hội), Thành phố Hà Nội (khoảng 10.000 tín đồ, 4% tổ chức Tin Lành của cả nước đặt trụ sở trung ương giáo hội). Ngoài ra tại đây còn là nơi tập trung sinh hoạt tôn giáo của hơn 9.000 người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam theo đạo Tin Lành.

Nếu tiếp cận theo địa bàn nông thôn và thành thị thì đại đa số tín đồ đạo Tin Lành ở Việt Nam cư trú ở nông thôn, chủ yếu là nông thôn, miền núi ở các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, một số tỉnh Duyên hải miền Trung (60,39%) và các tỉnh miền núi phía Bắc (21%). Kết quả này cũng tương đồng với kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 với 88,73% tín đồ đạo Tin Lành sinh sống ở nông thôn<sup>14</sup>.

Ngoài ra, nhiều tổ chức Tin Lành trong nước có mối quan hệ thông công, hợp tác với các tổ chức Tin Lành ở các nước trên thế giới, nhiều nhất với Tin Lành Hàn Quốc, Tin Lành Hoa Kỳ trên các lĩnh vực như: đào tạo Thần học, mục vụ; xuất bản ấn phẩm tôn giáo; hoạt động từ thiện nhân đạo; trao đổi học thuật, kinh nghiệm; tổ chức sự kiện. Thông qua các hoạt động này các tổ chức Tin Lành Việt Nam góp phần thúc đẩy hoạt động ngoại giao nhân dân, đưa văn hóa Việt nói chung, văn hóa cơ đốc mang đặc trưng người Việt đến với các nước. Một số tổ chức Tin Lành ở Việt Nam đã có giáo sĩ, chi nhánh ở nước ngoài, tham gia các hiệp hội Tin Lành ở khu vực và quốc tế.

### **2.3. Cơ cấu tổ chức**

Trong đạo Tin Lành không có cơ cấu tổ chức Giáo hội chung, mỗi hệ phái có mô hình tổ chức khác nhau, đa số giao quyền tự trị cho Hội thánh địa phương (Hội thánh cơ sở, Chi hội). Cùng hệ phái nhưng tổ chức khác nhau cũng có thể có cơ cấu tổ chức hành chính đạo không giống nhau. Việc chia tách, ly khai, hình thành tổ chức mới bắt đầu từ những nhóm nhỏ thường xuyên diễn ra trong đạo Tin Lành từ quá khứ đến hiện tại và phổ biến trên toàn thế giới.

Tên gọi tổ chức của đạo Tin Lành có thể được bắt đầu bằng từ “Hội thánh”, “Giáo hội” hoặc “Tổng hội” như: Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), Hội thánh Mennonite Việt

<sup>14</sup> Ban Chỉ đạo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương (2019), Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.162.

Nam, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Tổng hội Báp-tít Việt Nam, Giáo hội Báp-tít Việt Nam, Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam,... Dù được bắt đầu bằng “Hội thánh”, “Giáo hội” hay “Tổng hội” thì ý nghĩa chung, thiêng liêng theo Kinh thánh đều là “Hội thánh của Chúa”. Vì vậy, đa số các tổ chức Tin Lành thường dùng từ “Hội thánh” để gọi tên tổ chức của mình và trong nhiều trường hợp cụm từ “Hội thánh Tin Lành” được dùng như danh từ chung để chỉ các tổ chức Tin Lành.

Cơ cấu tổ chức của các Hội thánh Tin Lành được Nhà nước công nhận hiện nay gồm 2 (hai) cấp hành chính đạo: Cấp trung ương và cấp cơ sở. Ngoài ra một số tổ chức còn có cấp trung gian là Ban Đại diện hoặc nhân sự đại diện ở cấp tỉnh; thấp hơn cấp cơ sở là điểm nhóm (có thể trực thuộc cấp cơ sở hoặc trực thuộc cấp trung ương giáo hội).

Cấp trung ương giáo hội của các tổ chức Tin Lành đã được Nhà nước công nhận, cấp đăng ký hoạt động tôn giáo hiện có nhiều tên gọi khác nhau, bao gồm: Tổng Liên hội, Tổng hội, Ban Quản trị, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thường vụ, Hội đồng Trưởng nhiệm, Ban Tổng Quản nhiệm.

Cấp cơ sở của các tổ chức Tin Lành đã được Nhà nước công nhận cũng có nhiều tên gọi khác nhau. Một số tổ chức gọi cấp cơ sở là chi hội, số khác gọi là Hội thánh cơ sở hoặc Hội thánh địa phương. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo gọi chung là tổ chức tôn giáo trực thuộc. Một số tổ chức Tin Lành tiếp tục phân hạng cấp cơ sở thành: Chi hội tự lập và Chi hội tự dưỡng.

Điểm nhóm được dùng để chỉ một cộng đồng người có cùng đức tin tôn giáo, tập hợp với nhau để sinh hoạt đạo tại một địa điểm (có thể ở nhà riêng hoặc nơi công cộng), chưa đủ tiêu chí để trở thành tổ chức tôn giáo trực thuộc. Điểm nhóm thường hình thành theo đơn vị thôn (ấp, bản) hoặc xã, phường. Khi điểm nhóm hội đủ các tiêu chí theo Hiến chương của tổ chức và quy định của pháp luật, cơ quan trung ương giáo hội của tổ chức đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc. Sinh hoạt tôn giáo của điểm nhóm Tin Lành đơn giản hơn cấp tổ chức tôn giáo trực thuộc, chưa có một số hoạt động theo Hiến chương của tổ chức (như hoạt động phong chức, phong phẩm, đào tạo,..) và một số hoạt động theo pháp luật (như hoạt động quan hệ quốc tế, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất,..).

Thành viên ban lãnh đạo cấp trung ương giáo hội của các tổ chức Tin Lành chủ yếu được hình thành thông qua bầu cử tại đại hội. Việc bầu cử được thực hiện

một cách dân chủ, công khai, trực tiếp bằng phiếu kín. Cơ quan lãnh đạo các cấp của các tổ chức Tin Lành hoạt động theo nhiệm kỳ (dao động từ 2 đến 5 năm/kỳ), thành viên ngoài chức sắc (chiếm đa số) còn có tín đồ.

Đạo Tin Lành là tôn giáo có đường hướng và phương thức hoạt động rất năng động, luôn đổi mới từ nội dung đến hình thức để thích nghi với hoàn cảnh xã hội. Đạo Tin Lành tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, nhất là lĩnh vực từ thiện nhân đạo và đang tiếp cận lĩnh vực cai nghiện ma túy. Điều này tạo ra uy tín, khả năng tiếp cận, truyền giáo và chung sống với nhiều chế độ chính trị khác nhau của đạo Tin Lành.

## **2.4. Thực trạng hoạt động**

### **2.4.1. Hoạt động truyền giáo**

Đạo Tin lành rất linh hoạt và sử dụng nhiều phương pháp (trực tiếp và gián tiếp) để truyền giáo, như: cấp phát Kinh sách, làm chứng đạo, thông qua hoạt động từ thiện nhân đạo, các chương trình (phát thanh, ngoại khóa), tổ tâm vấn,...

Lực lượng tham gia hoạt động truyền giáo của đạo Tin Lành không dừng ở chức sắc, chức việc như một số tôn giáo khác. Là người theo đạo Tin Lành, dẫu không có phẩm trật, chức vụ nhưng đều được thôi thúc truyền giáo. Truyền giáo với người Tin Lành vừa là sứ mệnh, bổn phận, vừa là động lực tự thân và được xuất phát từ Kinh thánh. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thì hoạt động truyền giáo phải do tổ chức, cá nhân tôn giáo đã đăng ký hoặc thông báo và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện.

Đạo Tin Lành cũng là tôn giáo ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật và công nghệ để thực hiện các hoạt động tôn giáo trên môi trường mạng (Kinh thánh bản điện tử; giảng đạo, truyền đạo, đào tạo, bồi dưỡng thậm chí cả đại hội cũng có thể được tổ chức trực tuyến).

### **2.4.2. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phong chức, phong phẩm**

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo lý của đạo Tin Lành diễn ra với nhiều hình thức khác nhau: đào tạo, bồi dưỡng trong nước; đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước; đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức tập trung, bán tập trung, trực tuyến; tự đào tạo và liên kết đào tạo. Theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo nói chung, trong đó có các Hội thánh Tin Lành, sau khi được công nhận pháp nhân được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo và mở lớp bồi dưỡng giáo lý. Hiện có 03 cơ sở đào tạo tôn giáo của đạo Tin Lành, gồm:

(1) Viện Thánh kinh Thần học thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được chấp thuận thành lập năm 2003, trụ sở tại tổ 15, khu phố 5, đường Bình Trưng, phường Bình Trưng Đông, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức), TP. Hồ Chí Minh. Ban đầu Viện Thánh kinh Thần học có chức năng đào tạo cử nhân Thần học, năm 2018 được chấp thuận mở thêm hệ cao học và năm 2021 thêm hệ trung cấp Thần học.

(2) Trường Thánh kinh Thần học Hà Nội thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) được chấp thuận thành lập năm 2013, trụ sở tại số 02 Ngõ Trạm, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Trường có chức năng đào tạo cao đẳng và cử nhân Thần học.

(3) Trường Kinh thánh cơ đốc thuộc Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam được chấp thuận thành lập năm 2017, trụ sở tại 224 Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh. Trường có chức năng đào tạo trung cấp, cao đẳng và cử nhân Thần học.

Ngoài đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo tôn giáo, các tổ chức Tin Lành hằng năm đều mở các lớp bồi dưỡng giáo lý theo quy định của pháp luật, bao gồm các lớp Thánh kinh hè, giáo lý căn bản,...

Hoạt động phong chức, phong phẩm được các tổ chức Tin Lành quan tâm thực hiện. Điều kiện, tiêu chuẩn phong chức, phong phẩm chủ yếu do các tổ chức Tin Lành quy định trong Hiến chương, điều lệ của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Pháp luật không quy định điều kiện bắt buộc về trình độ học vấn, tuổi đời, tuổi đạo cũng như trình độ Thần học của người được phong chức, phong phẩm, chỉ quy định điều kiện chung về tư cách công dân. Vì vậy, tuy cùng phẩm trật, chức vụ nhưng chức sắc, chức việc đạo Tin Lành thuộc về các Hội thánh khác nhau sẽ không giống nhau về trình độ học vấn, trình độ Thần học và mục vụ cũng như tuổi đời, tuổi đạo, thậm chí giới tính. Một số Hội thánh Tin Lành quy định người được phong phẩm mục sư ít nhất phải tốt nghiệp phổ thông trung học, trình độ Thần học từ cử nhân trở lên và phải là nam giới trong khi một số Hội thánh khác lại không đặt ra những điều kiện này hoặc quy định ở mức thấp hơn, hoặc chấp thuận phong phẩm mục sư cả cho nữ giới.

### ***2.4.3. Hoạt động về phương diện tổ chức***

Thành lập, chia, tách tổ chức tôn giáo trực thuộc, thậm chí điểm nhóm và ở phạm vi tổ chức giáo hội thường xuyên diễn ra trong đạo Tin Lành trên toàn



thế giới cũng như ở Việt Nam. Cơ cấu tổ chức nội bộ của từng Hội thánh Tin lành vì vậy rất dễ có sự biến động. Ở quy mô lớn hơn, các tổ chức Tin lành thường gắn kết với nhau thông qua mô hình hiệp hội, bao gồm hiệp hội tầm quốc gia, hiệp hội khu vực, hiệp hội quốc tế. Một số tổ chức Tin Lành đã bắt đầu cử chức sắc ra nước ngoài để truyền giáo, mở chi nhánh.

Đại hội các cấp là hoạt động tôn giáo lớn nhất của đạo Tin Lành về phương diện tổ chức. Đại hội ở cấp cơ sở (tổ chức tôn giáo trực thuộc) thường được gọi là Hội đồng, Đại hội toàn đạo (cấp trung ương) thường được gọi Đại hội hoặc Đại hội đồng. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, quyết định các công việc quan trọng của tổ chức trong một nhiệm kỳ, bao gồm bầu cử ban lãnh đạo, xây dựng hoặc sửa đổi Hiến chương. Thành phần tham dự Đại hội gồm đại biểu hàng giáo phẩm đương nhiệm (mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo) là đại biểu đương nhiên và đại biểu là tín đồ do cấp cơ sở bầu cử theo quy chế và số lượng được quy định. Tùy theo từng tổ chức mà Đại hội có thể tiến hành theo nhiệm kỳ 02 hoặc 05 năm một lần.

#### ***2.4.4. Hoạt động xuất bản Kinh sách***

Hoạt động xuất bản Kinh sách luôn được các tổ chức Tin Lành chú trọng thực hiện, bao gồm: tự xuất bản hoặc liên kết xuất bản. Đến cuối năm 2019, chỉ riêng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã xuất bản 1.000.000 cuốn Kinh thánh và hướng tới 1 triệu bản in khác. Kinh thánh ở Việt Nam đã được xuất bản ra 15 ngôn ngữ gồm: K'ho, Bru, Ê-đê, Gia-rai, M'nông, Jeh, Ba-na, Tày, Jrai, Chăm, H'rê, Chran, S'tiêng, Hoa, Nùng<sup>15</sup>. Bên cạnh hoạt động xuất bản Kinh sách, nhiều tổ chức Tin Lành còn nhập khẩu, nhận hiến tặng Kinh sách từ nước ngoài.

Kinh thánh (66 quyển) đa số được các hệ phái Tin Lành sử dụng nên một Hội thánh có thể đứng ra đề nghị xuất bản để đáp ứng nhu cầu cho nhiều Hội thánh. Nói cách khác, quyển Kinh thánh được xuất bản hợp pháp (chủ yếu do Nhà xuất bản Tôn giáo cấp phép) được lưu hành và sử dụng rộng rãi, các hệ phái, tổ chức giáo hội khác nhau đều có thể sử dụng chung.

#### ***2.4.5. Hoạt động xây dựng cơ sở tôn giáo***

Tuy số lượng cơ sở thờ tự của đạo Tin Lành không nhiều, nhưng số lượng cơ sở thờ tự được xây dựng mới đều tăng qua các năm. Năm 2011 cả nước có 351 nhà thờ Tin Lành, con số này đã tăng lên 367 cơ sở vào năm 2013, 373 vào

<sup>15</sup> Số liệu do Nhà xuất bản Tôn giáo cung cấp tháng 01/2020.

năm 2015 và 576 vào năm 2019<sup>16</sup>. Ngoài ra, theo quy định mới của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được phép thuê, mượn địa điểm hợp pháp để làm trụ sở, địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Hiện có hàng ngàn địa điểm thuộc dạng này trên phạm vi cả nước được các cấp chính quyền giải quyết để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của người theo đạo Tin Lành.

### **2.5. Về từ thiện xã hội**

Đạo Tin Lành là một tôn giáo có tính hiện đại và thể tục rõ nét. Công cuộc truyền giáo của đạo Tin Lành thường được bắt đầu và gắn liền với các hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội, giáo dục, y tế. Hoạt động từ thiện nhân đạo, bảo trợ xã hội, phát triển giáo dục, y tế được các hệ phái Tin Lành thực hiện rất có hiệu quả. Hiện nay, trên thế giới một số trường đại học danh tiếng, các trung tâm y tế, bệnh viện nổi tiếng có nguồn gốc từ đạo Tin Lành, ngoài ra còn có các trung tâm, các tổ chức phi chính phủ thực hiện hoạt động từ thiện nhân đạo xuyên quốc gia gắn với đạo Tin Lành đã và đang đóng góp cho không nhỏ về hoạt động giáo dục, y tế cộng đồng, từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội trên toàn cầu (như các tổ chức: ADRA - Cơ đốc Phục lâm, MCC - Mennonite, SPIR - Tin Lành Hoa Kỳ, MQI - Quaker, WVI - Tin Lành Hoa Kỳ, BFDW - Tin Lành Đức, KSSA - Tin lành Hàn Quốc, YWAM – Tin Lành Thụy sỹ, COCOA - Tin lành Australia,...). Theo số liệu của Bộ Văn hóa - thể thao - du lịch Hàn Quốc, đến tháng 12/2018 đạo Tin lành ở Hàn Quốc đóng góp 740 cơ sở giáo dục (từ bậc tiểu học đến sau đại học), 124 viện nghiên cứu, 196 cơ sở y tế và bảo trợ xã hội, 259 tổ chức phúc lợi xã hội, 12 quỹ phi lợi nhuận. Các con số này nhiều hơn ở Hoa Kỳ - một quốc gia đa tôn giáo nhưng chủ yếu là tín đồ đạo Tin Lành.<sup>17</sup>

Hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội cũng được các tổ chức Tin Lành Việt Nam chú trọng thực hiện và đạt nhiều kết quả. Theo thống kê chưa đầy đủ trong những năm gần đây các tổ chức Tin Lành trong nước đã và đang tích cực tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo, gồm các chương trình: quỹ nạn nhân chất độc da cam; tặng quà tết, xây nhà tình thương cho các hộ nghèo, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt, thực hiện các chương trình đưa nước ngọt, khoan giếng tại vùng thiếu nước ngọt, xây dựng cầu bê tông tại vùng đồng bằng sông Cửu Long; cấp học bổng cho học sinh nghèo, trẻ mồ côi, áo ấm tình thương cho

<sup>16</sup> Số liệu tổng hợp của Ban Tôn giáo Chính phủ

<sup>17</sup> Báo cáo chuyên đề “Đạo Tin lành trong mối quan hệ giữa Việt Nam và một số quốc gia”, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tôn giáo Chính phủ, tr.11, 22.

trẻ em vùng cao; cấp phát xe lăn, các thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật; triển khai tủ thuốc y tế, cấp phát các thiết bị y tế, khám từ thiện cho đồng bào nghèo trên khắp cả nước; thành lập trung tâm tư vấn việc làm, điểm hỗ trợ cai nghiện,... Theo thống kê sơ bộ, các tổ chức Tin Lành đã được Nhà nước công nhận trung bình mỗi năm chi ra tổng cộng khoảng 24 tỷ đồng cho công tác từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội và tham gia các phong trào do chính quyền, đoàn thể các cấp phát động như: Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Phong trào xóa đói giảm nghèo”; “Phong trào vận động thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế xã hội”; “Phong trào phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”,...

Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, Nhà nước ghi nhận việc tuân thủ thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 và những hoạt động ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 của các tổ chức tôn giáo. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ từ khi dịch Covid-19 xuất hiện ở Việt Nam đến tháng 9/2021 nhiều tổ chức, cá nhân theo đạo Tin Lành đã thông qua Mặt trận, chính quyền các cấp ủng hộ hơn 50 tỷ đồng bao gồm tiền mặt, nhu yếu phẩm, vật tư y tế (bộ đồ bảo hộ y tế, máy trợ thở, khẩu trang, bộ kit (test nhanh Covid-19), dung dịch sát khuẩn,...).

Từ những năm 1990, trước vấn nạn ma túy và nhu cầu cai nghiện trong xã hội tăng cao, một số tổ chức và chức sắc đạo Tin Lành ở Việt Nam từ chỗ cứu mang người nghiện ma túy miễn phí đã từng bước tổ chức cắt cơn, giải độc; giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; tư vấn, giới thiệu việc làm cho nhiều người nghiện cùng lúc, hình thành các điểm cai nghiện ma túy tập trung, có thu phí. Các hoạt động này diễn ra với nhiều tên gọi khác nhau như “mục vụ giải cứu”, “mục vụ tái sinh”, “mục vụ phục hồi”,... Người nghiện chủ yếu do gia đình tự nguyện đưa đến, chủ động khai báo tình trạng nghiện và đã có nhiều ngàn lượt người tham gia, xu hướng tăng nhanh.

Đến tháng 4/2021 cả nước có 56 điểm cai nghiện ma túy tự phát của tôn giáo, trong đó đạo Tin Lành (55 điểm do 05 Hội thánh thực hiện), Công giáo (01 điểm); phân bố trên địa bàn 18 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tập trung chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hà Nội (18 điểm). Hiện có khoảng 2.000 người đang cai nghiện ma túy tại đây; riêng địa bàn Thành phố Hà Nội từ năm 2016

đến tháng 12/2020 có 1.212 lượt người nghiện ma túy tham gia. Hoạt động này đang được các cơ quan chức năng nghiên cứu, đánh giá.

## **2.6. Quan hệ quốc tế**

Mối quan hệ quốc tế của đạo Tin lành ở Việt Nam khá đa dạng. Có thể chia làm hai loại chủ yếu như sau:

- Mối quan hệ được thiết lập từ khi đạo Tin lành mới truyền vào Việt Nam, theo hệ thống dọc của từng tổ chức, hệ phái, trong đó đạo Tin lành ở Việt Nam được coi là bộ phận của các tổ chức Tin lành nước ngoài (như Cơ đốc Phục lâm, Hội thánh Tin lành Việt Nam với Hiệp truyền giáo C.M.A trước năm 1975,..).

- Mối quan hệ đồng đạo theo tinh thần "đại kết Ki-tô giáo" Mối quan hệ này rất phong phú và năng động, được thiết lập nhằm hỗ trợ nhau trong sinh hoạt tôn giáo, nhất là các hoạt động truyền giáo. Thuộc mối quan hệ này cũng có 02 loại:

+ Các tổ chức truyền giáo chuyên nghiệp, như: Thánh kinh hội, Ngôn ngữ mùa hè, Cứu thế quân,..

+ Các tổ chức từ thiện xã hội do các tổ chức Tin lành quốc tế thành lập hoặc bảo trợ như: Tổ chức Tầm nhìn thế giới, Cơ quan phát triển và cứu trợ cơ đốc Phục lâm, Oxfam,..

Các mối quan hệ trên được thiết lập song song với các mối quan hệ khác, nhất là mối quan hệ phi chính phủ.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đất nước mở cửa và thời đại công nghệ 4.0, hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức Tin Lành ngày nay có điều kiện rộng mở hơn. Đặc biệt năm 2017, nhân kỷ niệm 500 năm ngày cải chánh Giáo hội, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) đã tổ chức lễ kỷ niệm quy mô lớn tại Thành phố Hà Nội với sự hiện diện của mục sư Franklin - Chủ tịch Hiệp hội truyền giáo Billy Gramham. Tham gia các hiệp hội Tin Lành thế giới và khu vực cũng là xu hướng được nhiều tổ chức Tin Lành trong nước thực hiện, thể hiện quan hệ quốc tế rộng mở của đạo Tin Lành và chính sách, pháp luật về tôn giáo thông thoáng của Đảng, Nhà nước.

## **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM VỀ ĐẠO TIN LÀNH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

**3.1.** Nắm rõ chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và Tin Lành nói riêng.

**3.2.** Hiểu được đặc điểm của đạo Tin Lành và đạo Tin Lành ở Việt Nam.

*Thứ nhất*, “đạo Tin Lành” là tên gọi để chỉ một tôn giáo có nguồn gốc từ châu Âu, hình thành trên cơ sở cải cách Giáo hội Công giáo La Mã thế kỷ XVI do chính một vị linh mục của Công giáo khởi xướng. Vì vậy, về tên gọi, không nên nhầm lẫn giữa “đạo Tin Lành” với Công giáo.

*Thứ hai*, tuy chung tên gọi tôn giáo (Tin Lành) nhưng đạo Tin Lành là tôn giáo không thuần nhất về Thần học, nhiều tổ chức, nhiều hệ phái trong đó có cả những hệ phái có yếu tố tà giáo cả trên phương diện giáo lý (giải nghĩa Kinh thánh) và hành đạo. Ngay từ khi ra đời, đạo Tin Lành đã hình thành nhiều tổ chức, hệ phái, quá trình phát triển các hệ phái tiếp tục hình thành thêm, mỗi hệ phái lại thành lập nhiều tổ chức với tên gọi có thể không giống nhau khi truyền đến các vùng đất khác nhau. Điều này do nhiều nguyên nhân, chủ yếu xuất phát từ chủ trương tự do giải thích Kinh thánh dẫn đến việc hình thành các giáo thuyết, các xu hướng thần học và cách hành đạo khác nhau; sự bất đồng, mâu thuẫn giữa những người lãnh đạo cũng là lý do phổ biến của sự chia tách, ly khai, hình thành tổ chức giáo hội mới. Hơn nữa bản thân các hệ phái Tin Lành cũng không ngăn cản việc tín đồ, chức sắc gia nhập các hệ phái khác hoặc đứng ra thành lập tổ chức riêng. Vì vậy, khi tiếp cận đạo Tin Lành cần có quan điểm đa dạng đồng thời có quan điểm lịch sử, cụ thể phù hợp với thực tế tồn tại của tôn giáo này; nhất quán nhận thức về sự đa dạng các hệ phái trong đạo Tin lành, bao gồm các hệ phái có yếu tố tà giáo, các hệ phái và tổ chức giáo hội mới. Việc các hệ phái Tin Lành đánh giá lẫn nhau là dị giáo, tà giáo chỉ có giá trị tham khảo, danh xưng trong tài liệu tuyên truyền cần chính xác và rõ cách tiếp cận.

*Thứ ba*, đạo Tin Lành nói riêng, cộng đồng kháng cách bao gồm các giáo hội thuộc Ki-tô giáo nói chung chấp nhận nền Thần học của cuộc Cải cách kháng cách đều từ chối công nhận thẩm quyền của Giáo hoàng với niềm tin xác tín rằng chỉ có Kinh thánh là nguồn chân lý duy nhất. Tính độc thần, duy ngã ở cộng đồng kháng cách có phần triệt để và cứng rắn hơn một số tôn giáo nhất thần khác. Ví dụ Công giáo cũng là tôn giáo thờ phụng Thiên Chúa Ba ngôi, nhưng bên cạnh Thiên Chúa còn thờ lạy Đức mẹ Maria, các Thánh tông đồ và chấp nhận cho giáo dân ở Việt Nam thấp hương tưởng nhớ ông bà tổ tiên. Sự mềm dẻo này chưa diễn ra ở đạo Tin Lành. Tuy vậy, hội nhập văn hóa dân tộc đã sớm được các Hội thánh Tin lành Việt Nam ý thức và quan tâm thực hiện. Ngày nay các tổ chức Tin lành ở Việt Nam đều xác tín và hiện thực hóa tôn chỉ, đường hướng hoạt động “sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc” bằng nhiều việc làm “tốt đời đẹp đạo” như đã đề cập ở trên.

*Thứ tư*, đạo Tin Lành ra đời ở châu Âu, phát triển mạnh ở Hoa Kỳ, từ Hoa Kỳ truyền giáo đến các phần lớn các châu lục trên thế giới. Vì vậy, khả năng quốc tế hóa vấn đề tôn giáo ở đạo Tin Lành lớn hơn một số tôn giáo khác. Điều này đòi hỏi khi thông tin và truyền thông về sự kiện, vụ việc liên quan đến đạo Tin Lành cần cẩn trọng và cân nhắc tới tác động quốc tế.

*Thứ năm*, là tôn giáo lấy dân chủ làm nguyên tắc tổ chức và hoạt động; đề cao tự do cá nhân (trước Thiên Chúa), bình đẳng, bình quyền giữa “dân Chúa” nên tính duy lý ở người theo đạo Tin Lành thường có xu hướng trội, họ coi trọng và để tâm đến sự chấp pháp của cơ quan công quyền và người thi hành công vụ.

*Thứ sáu*, Kinh thánh là trung tâm đời sống đức tin của người theo đạo Tin Lành. Kinh thánh là lời của Chúa nên không có tác giả là con người, chỉ có tổ chức, cá nhân đứng ra xuất bản. Vì vậy, quyền Kinh thánh được xuất bản và lưu hành hợp pháp có giá trị sử dụng rộng rãi.

*Thứ bảy*, một số thuật ngữ sử dụng trong thông tin, truyền thông về đạo Tin Lành và công tác đối với đạo Tin Lành dễ nhầm lẫn, cần phân biệt, gồm:

(1) Thuật ngữ “Hội thánh”: Từ này tất cả các tổ chức, hệ phái Tin Lành đều sử dụng để gọi tên một tổ chức của Chúa được gây dựng trên trần thế (gọi là Hội thánh hữu hình) và tất cả đều là Hội thánh của Đức Chúa Trời. Vì vậy từ này được đại đa số người theo đạo Tin Lành hoan nghênh nhưng về phương diện pháp lý thì không thể tùy ý sử dụng. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo yêu cầu phân biệt giữa “tổ chức” (Hội thánh, Giáo hội, Tổng hội) với “nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung” (Điểm nhóm), trong đó Điểm nhóm không mang nghĩa tổ chức như nội hàm của từ “Hội thánh”. Ngoài ra, đối với người theo đạo Tin Lành còn có Hội thánh vô hình là Hội thánh thuộc về vương quốc Đức Chúa Trời, bao gồm thời kỳ Cựu ước, thời kỳ Tân ước và mãi về sau.

(2) Chức sắc của đạo Tin Lành bao gồm các phẩm: Mục sư, mục sư nhiệm chức và truyền đạo. Đa phần chức sắc của đạo Tin Lành không giữ chế độ độc thân nhưng với các tổ chức thuộc Tin Lành C.M.A thì nữ chỉ được thụ phong phẩm truyền đạo và phải độc thân. Một số hệ phái khác (Báp-tít, Mennonite, Ngũ tuần,..) thì ngược lại, nữ bình đẳng với nam trong phong chức phong phẩm và đều được phép lập gia đình.

**3.3.** Người làm công tác thông tin, tuyên truyền phải công tâm, khách quan; có kiến thức về tôn giáo nói chung, đạo Tin Lành nói riêng và kiến thức pháp luật về tôn giáo.

## KẾT LUẬN

Đạo Tin Lành là tôn giáo có tính hiện đại, trần thế, duy lý và tính cá thể rõ nét. Tuy đã có lịch sử 110 năm truyền giáo ở Việt Nam (1911 - 2021) nhưng đạo Tin Lành ở Việt Nam vẫn chưa thực sự ổn định và đang trong quá trình hội nhập văn hóa dân tộc. Nhưng là tôn giáo nhất thần đa hệ phái, đa tổ chức nên quá trình này không tránh khỏi có sự đấu tranh trong nội bộ tôn giáo, giữa các hệ phái, tổ chức Tin Lành với nhau. Nhận thức của xã hội đối với tôn giáo nói chung, đạo Tin Lành nói riêng chưa thực sự đầy đủ, khách quan, vẫn còn khác biệt và định kiến nhất định giữa các tôn giáo. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo và chính sách tôn giáo là một trong những phương pháp quan trọng, hiệu quả góp phần đưa đến nhận thức chung về tôn giáo và chính sách, pháp luật về tôn giáo trong xã hội, thu hẹp khoảng cách, giảm định kiến, tăng đồng thuận xã hội. Vì vậy đây là công tác rất quan trọng, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục, trên diện rộng và đảm bảo chiều sâu về tri thức, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về tự do, đoàn kết và phát huy nguồn lực của tôn giáo phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Khắc Đức (2007), *Đạo Tin lành trong vùng dân tộc Mông và Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) (2019), *Đạo Tin lành những dấu ấn lịch sử và hiện tại*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
- Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) (2021), *Nghiên cứu một số tà giáo trên thế giới và tại Hàn Quốc*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
- Đoàn Triệu Long (2013), *Đạo Tin lành ở miền Trung, Tây Nguyên*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Vũ Chiến Thắng (2017), “Công tác đảm bảo an ninh dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc hiện nay”, *Tạp chí Công an nhân dân*, kỳ 2, tháng 8/2017.
- Đào Đình Thường (2015), *Vai trò của đạo đức Tin lành đối với sự phát triển và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, trong tuyển tập “Văn hoá tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam”, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2006), *Đạo Tin lành ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân, Lê Tâm Đắc (2020), *Đời sống tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Đạo Tin Lành ở Việt Nam có những đặc điểm cơ bản nào? Những đặc điểm ấy đặt ra yêu cầu gì cho người làm công tác tuyên truyền?

2. Quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với tôn giáo nói chung, đạo Tin lành nói riêng và những vấn đề cần lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền về đạo Tin lành và công tác đối với đạo Tin lành?

3. Nguyên nhân du nhập, phát triển và ảnh hưởng của đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta và những vấn đề cần lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền về đạo Tin lành vùng dân tộc thiểu số?

4. Quan hệ quốc tế của đạo Tin lành ở Việt Nam và những vấn đề cần lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại liên quan đến đạo Tin lành?



## **Chuyên đề 5**

### **KHÁI QUÁT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI Ở VIỆT NAM**

#### **1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐẠO CAO ĐÀI**

##### **1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đạo Cao Đài**

Đạo Cao Đài tên gọi đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, ra đời năm 1926 tại ấp Long Trung, xã Long Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh do một số công chức, tư sản, địa chủ, trí thức sáng lập và phát triển chủ yếu ở các tỉnh, thành phố Nam Bộ.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường khai thác thuộc địa Đông Dương để hàn gắn vết thương chiến tranh ở chính quốc bằng nhiều chính sách kinh tế hà khắc. Trong đó, chính sách cướp ruộng đất để lập đồn điền và chính sách tăng thuế đã làm cho người nông dân Nam Bộ bị bần cùng hoá, đời sống lầm than khổ cực.

Giới công chức, tư sản, địa chủ, thầy giáo, thầy tu bị chế độ thuộc địa chèn ép bế tắc trong cuộc sống nên họ đã tìm đến thú chơi “xây bàn” theo kiểu thông linh học của người phương Tây hoặc cầu cơ chấp bút theo truyền thống của người Việt.

Trong thời gian này ở Nam Bộ xuất hiện nhiều phong trào đấu tranh chống Pháp như: các cuộc khởi nghĩa vũ trang đến phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ; các tổ chức hội kín chống Pháp như Thiên Địa hội của Phan Xích Long; các tổ chức đảng phái chính trị được thành lập công khai như Công hội năm 1921, Đảng Lập hiến năm 1923, Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội 1926,... Tuy nhiên, tất cả các cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước của nhân dân Nam Bộ đều thất bại và bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Thất bại trong đấu tranh, bế tắc trong cuộc sống, người dân Nam Bộ đã tìm đến tín ngưỡng, tôn giáo để hi vọng được che chở và giải thoát.

Thực dân Pháp áp dụng chế độ chính trị thuộc địa ở Nam Bộ tương tự như ở chính quốc, vì vậy chính sách đối với tôn giáo tại Nam Bộ không khắt khe như ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Nam Bộ là vùng đất mới được kiến lập, cư dân chủ yếu thuộc bốn nhóm người là người Việt từ Bắc Trung Bộ vào, người Hoa từ Quảng Đông, Phúc Kiến xuống, người Chăm và người Khmer. Những nhóm người này đến lập nghiệp đã mang theo phong tục tập quán, văn hoá tín ngưỡng của vùng

đất đó làm cho đời sống văn hoá tín ngưỡng của người dân Nam Bộ trở nên đa dạng và phong phú, tạo tiền đề để tiếp nhận một tôn giáo mới.

Tư tưởng Tam giáo đồng nguyên (Phật, Lão, Nho) sớm xuất hiện ở vùng đất Nam Bộ trong bối cảnh đó đã hoà nhập cùng trào lưu “Thông linh học” của phương Tây tạo thành phong trào cầu cơ, chấp bút và được các nhóm Ngũ chi Minh đạo vốn có từ trước ở Nam Bộ hưởng ứng tích cực.

Việc bế tắc trong cuộc sống hiện tại, sự suy yếu của các tôn giáo, đạo lý đương thời đã tạo ra khoảng trống về tư tưởng, tín ngưỡng, kích thích nhu cầu tâm linh tôn giáo của quần chúng nhân dân và tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của đạo Cao Đài là phản ánh tất yếu của xã hội đương thời.

Đầu thế kỷ XX, tư tưởng Tam giáo đồng nguyên (Phật, Lão, Nho) ở Việt Nam có xu hướng giảm xuống nhưng hoạt động của nhóm Ngũ chi Minh đạo (Minh Sư, Minh Lý, Minh Đường, Minh Tân, Minh Thiện) tăng mạnh đã làm hồi sinh tư tưởng Tam giáo đồng nguyên. Cùng lúc đó, phong trào Thông linh học của phương Tây phát triển mạnh tại Nam Bộ với các hình thức “xây bàn” tương tự như tục cầu hồn của người Việt và cầu cơ của nhóm Ngũ chi Minh đạo đã tạo thành phong trào cầu cơ, chấp bút gọi tắt là “cơ bút”. Trong các đàn cơ này có hai nhóm chính hình thành đạo Cao Đài. Nhóm thứ nhất do ông Ngô Văn Chiêu cầu cơ tại các đền, chùa, Phật đường theo truyền thống cơ bút thuộc nhóm Ngũ chi Minh đạo. Nhóm thứ hai gồm các vị: Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc (nhóm Cao - Phạm) tổ chức xây bàn cầu cơ theo kiểu Thông linh học phương Tây. Năm 1926, hai nhóm cơ bút nói trên thống nhất hình thành đạo Cao Đài, ông Ngô Văn Chiêu được thiên phong phẩm vị Giáo tông đầu tiên của đạo Cao Đài.

Ngày 29/9/1926, một số vị chức sắc đứng đầu các đàn cơ và tín đồ đã thống nhất kí tên vào tờ khai đạo gửi chính quyền Pháp. Ngày 19/11/1926, những chức sắc đầu tiên của đạo Cao Đài đã tổ chức lễ khai đạo tại tỉnh Tây Ninh và chính thức ra mắt đạo Cao Đài.

Ông Ngô Văn Chiêu sau khi có công lớn sáng lập đạo Cao Đài đã không nhận chức Giáo tông tại Tây Ninh mà về Cần Thơ thành lập phái Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, thực hiện đường hướng tu luyện theo pháp môn “vô vi” không phổ độ, không thành lập tổ chức giáo hội.

Sau ngày khai đạo, những chức sắc lãnh đạo giáo hội Cao Đài tiến hành xây dựng Toà thánh Tây Ninh và cơ sở hạ tầng, từng bước hoàn chỉnh hệ thống

bộ máy tổ chức hành chính đạo từ Trung ương đến cơ sở. Do một số bất đồng trong điều hành giáo hội, một số chức sắc lãnh đạo giáo hội Cao Đài đã tách ra và về địa phương thành lập các tổ chức Cao Đài mới như: Cao Đài Chơn Lý, Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Ban Chính đạo,... Tại Tây Ninh, số chức sắc ở lại tiếp tục điều hành hoạt động của đạo Cao Đài. Từ đây, Cao Đài Tây Ninh trở thành một tổ chức tôn giáo được coi là gốc của đạo Cao Đài, có Tòa thánh Tây Ninh, có số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ đông nhất trong các tổ chức Cao Đài. Cao Đài Tây Ninh thực hiện đường hướng hành đạo phổ độ thu hút được đông đảo tín đồ, chủ yếu là nông dân tham gia. Một số tổ chức Cao Đài sau khi dời Tòa thánh Tây Ninh về các địa phương thành lập tổ chức Cao Đài mới đã xây dựng đường hướng hành đạo tiến bộ, sớm có tinh thần yêu nước và vận động đông đảo chức sắc, tín đồ tích cực ủng hộ cách mạng, tham gia kháng chiến chống ngoại xâm. Tuy bị chia rẽ thành nhiều tổ chức khác nhau nhưng số lượng tín đồ và cơ sở tôn giáo của đạo Cao Đài vẫn phát triển rộng khắp các tỉnh Nam Bộ đồng thời đã tạo ra vị thế mới cho đạo Cao Đài trong xã hội đương thời. Chia rẽ, phân ly là đặc điểm nổi bật của đạo Cao Đài từ năm 1930 đến năm 1975. Thời gian này, đạo Cao Đài chia rẽ thành nhiều tổ chức Cao Đài khác nhau, có lúc lên đến 30 tổ chức. Trong các tổ chức Cao Đài này có khoảng 10 tổ chức là hoạt động theo đúng chân truyền của đạo Cao Đài và tồn tại đến nay.

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, hoạt động của đạo Cao Đài hạn chế về quy mô và tổ chức. Chức sắc, tín đồ về tu tại gia, duy trì Ban Quản lý tại các cơ sở thờ tự của đạo Cao Đài, có một số ít người ở lại Tòa thánh, Thánh thất để quản lý cơ sở thờ tự và thực hiện nghi thức thờ cúng.

Từ năm 1992 đến nay, Nhà nước đã công nhận tổ chức tôn giáo đối với 10 Hội thánh Cao Đài, 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo đối với 01 pháp môn Cao Đài.

Chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài vui mừng, phấn khởi trước đổi mới về chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước, được công nhận về tổ chức tôn giáo và hoạt động bình thường như các tôn giáo ở Việt Nam. Cao Đài Tây Ninh và các Hội thánh Cao Đài tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên, Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, Đại lễ Vía Đức Chí Tôn, Đại lễ kỷ niệm ngày khai đạo Cao Đài,... thu hút đông đảo tín đồ tham dự và đảm bảo an toàn, trang trọng. Các Hội thánh, tổ chức Cao Đài tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội với tổng kinh phí hằng năm trên 100 tỷ đồng.

Các Hội thánh, tổ chức Cao Đài tổ chức hoạt động liên giao hành đạo nhằm hoạt động chung trên một số lĩnh vực như: giáo dục đào tạo chức sắc, hoạt động báo chí, hoạt động từ thiện xã hội. Đây là hoạt động thiết thực, góp phần tăng cường sự đoàn kết tôn giáo giữa các Hội thánh Cao Đài.

Chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài hoạt động tôn giáo tuân thủ quy định pháp luật, có tư tưởng tiến bộ yêu nước và hoạt động gắn bó với dân tộc. Số lượng tín đồ đạo Cao Đài hiện nay phát triển hơn so với năm 1975. Các cơ sở tôn giáo của đạo Cao Đài được sửa chữa, xây dựng mới ngày càng khang trang, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài.

## **1.2. Giáo lý, giáo luật**

### **1.2.1. Giáo lý**

Giáo lý là học thuyết về triết lý sống và thế giới quan, nhân sinh quan của tôn giáo. Tôn chỉ của đạo Cao Đài là *Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhất*. Tam giáo quy nguyên là quy ba tôn giáo: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo trở về cái gốc, cái nguyên bản. Đó là đường lối để thực hiện mục đích *Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát*. Ngũ chi phục nhất tức là thống nhất năm ngành đạo thành một là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Đó là đường lối tu hành tuần tự như năm nấc thang tu hành. Đạo Cao Đài xây dựng một nền giáo lý toàn diện tức là giáo lý Tam giáo. Theo đạo Cao Đài, Tam giáo có đủ điều kiện xây dựng con người chân chính, xã hội an lạc là Đạo Nho, dạy con người biết tu dưỡng thể xác và tinh thần, sống trung dung tự tại là Đạo Lão, dạy nhân sinh biết giác ngộ và giải khổ là Đạo Phật.

Đồng thời, tôn chỉ của đạo Cao Đài còn nêu lên tinh thần “Vạn giáo nhất lý” và cho rằng mục đích cứu cánh của tất cả tôn giáo chân chính là hướng dẫn con người sống có đạo đức, hoàn thiện hóa bản thân, hoàn thiện hóa xã hội và giải thoát linh hồn hướng tới xây dựng con người chuẩn mực về đạo đức, xã hội hòa bình, hạnh phúc. Vì vậy, đạo Cao Đài chủ trương tôn trọng tín ngưỡng của các tôn giáo để cùng thực hiện chung giáo lý của một tôn giáo lớn nhằm giác ngộ nhân loại toàn cầu.

Mục đích của đạo Cao Đài về mặt tâm linh là giải thoát luân hồi sinh tử hay còn nói rằng “*Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát*”. Thế đạo đại đồng là đường lối hay phương pháp giải quyết về con người tạo ra cuộc sống an lạc, hòa bình, tiến bộ trong xã hội. Thế đạo đại đồng nhằm thực hiện thế giới nhân loại bình đẳng, hạnh phúc không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc lấy nhân bản

làm nền tảng, trong đó nhân quyền con người được tôn trọng, nhân tính được phát huy để xây dựng một thế giới văn minh, đạo đức, hòa bình. Người đạo Cao Đài quan niệm đó là đời Thượng nguyên Thánh Đức. Thế đạo đại đồng theo nghĩa rộng còn là tình bác ái đối với muôn loài, vạn vật từ những sinh vật nhỏ nhất đến các loài cầm thú, đến con người và cả chúng sinh. Thiên đạo giải thoát là đường lối tu hành để người tu đạt được sự giải thoát toàn diện, không còn khổ đau về thể xác hay phiền não về tâm hồn tại thế gian và xa hơn nữa được giải thoát tâm linh. Sau khi thoát xác, linh hồn con người nếu đắc quả Thiên đạo sẽ sống vĩnh viễn trong cõi thiên đường cực lạc, không còn bị luân hồi trở lại phàm trần. Muốn thế, người tu theo Thiên đạo phải học đạo Đại thừa, tu luyện thân tâm và thực hành sứ mệnh cứu độ tha nhân.

Giáo lý của đạo Cao Đài xây dựng dựa trên hai nguyên lý căn bản là: *Thiên địa vạn vật đồng nhất thể*: Trời đất vạn vật có cùng một bản thể và *Nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản*: Một gốc phân tán ra vạn hình thức (sai biệt), vạn hình thức (sai biệt) quay về một gốc. Từ nguyên lý thứ nhất, giáo lý của đạo Cao Đài quan niệm Trời và Người có cùng bản thể, có thể tương thông, tương ứng và hiệp nhất được. Nên trong Thánh giáo của đạo Cao Đài được Thượng Đế dạy rằng: “*Thầy là các con, các con là Thầy*”. Kế đến, chúng sinh cũng đồng bản thể nên phải thương yêu nhau, nhất là giữa người với người xem nhau như anh em, từ đó phải thực hiện mục đích đại đồng nhân loại. Từ nguyên lý thứ hai, giáo lý của đạo Cao Đài quan niệm rằng vũ trụ là một trường tiến hóa có khởi điểm từ bản thể Đại Linh Quang, tức Thượng Đế, phóng phát các điểm linh quang tiềm tàng trong vạn loại để tiến hóa từ khoáng sản, thảo mộc, thú cầm, đến con người. Rồi từ con người đến các bậc Thiên liêng Thần Thánh Tiên Phật để trở về hiệp nhất với Thượng Đế. Do đó, cứu giúp con người là thực hiện sự tiến hóa để trở về với Thượng Đế, tức nguồn gốc của mình mà cũng là của vũ trụ. Muốn thế con người phải biết tu công, lập đức để hoàn hảo hóa bản thân đến chân, thiện, mỹ. Giáo lý Cao Đài gọi đó là “*Phản bản hoàn nguyên*”. Đạo Cao Đài có giáo lý bao dung rộng rãi, coi nhân loại đều có một Đấng cha chung trong một đại gia đình với thuyết đại đồng, lấy tình thương yêu để xóa bỏ hận thù.

Tóm lại, giáo lý của đạo Cao Đài dạy con người sống trung thực, trong sáng, biết thương yêu, đùm bọc nhau, tu hành để rèn luyện đạo đức, lối sống. Điều này, thể hiện đạo Cao Đài có sự tiến bộ trong giáo lý, hướng con người đến

sự hoàn thiện, hoàn mỹ, tu hành để tự giải khổ cho bản thân, giải thoát cho mọi người nhằm xây dựng một xã hội đại đồng, hoà bình, hạnh phúc.

### **1.2.2. Giáo luật**

Giáo luật là những quy định, điều lệ và điều cấm của tôn giáo. Những người sáng lập đạo Cao Đài đã xây dựng các văn bản quy định về luật lệ để áp dụng trong chức sắc, tín đồ thực hiện, nhằm hoạt động theo đúng khuôn khổ, quy định của tôn giáo. Giáo luật cơ bản của đạo Cao Đài là gồm Tân luật, Pháp Chánh truyền.

*Pháp Chánh truyền* do chức sắc đạo Cao Đài soạn thảo và được thông qua bằng hình thức thiêng liêng của cơ bút. Nội dung Pháp Chánh truyền nêu rõ về việc lập Bát Quái đài thực hiện quyền lập pháp do các đấng Thiêng liêng làm chủ; lập cơ quan Cửu Trùng đài thay mặt cho Thượng Đế ở trần thế, thực hiện quyền cứu độ, cầu rỗi cho nhân sinh; lập cơ quan Hiệp Thiên đài là bộ phận bảo hộ luật pháp của Đạo, có trách nhiệm duy trì pháp luật, bảo vệ nền Đạo, nhưng không được lấn quyền cơ quan Cửu Trùng đài và phát huy tinh thần trung thực của luật pháp. Quyền hạn của hai cơ quan Cửu Trùng đài và cơ quan Hiệp Thiên đài hoàn toàn độc lập nhưng có sự ràng buộc phải thống nhất trong thực hiện việc Đạo, tránh sự độc đoán, chuyên quyền. Đồng thời quy định chi tiết về việc đạo phục chức sắc, tín đồ; luật công cử cho từng phẩm chức sắc nam, nữ.

*Tân luật* là sự cụ thể hoá của Pháp Chánh truyền. Tân luật có nghĩa là luật mới của một tôn giáo mới ra đời. Tân luật được lập năm 1926 gồm ba phần chính là: Đạo pháp, Thế luật, Tịnh thất. Nội dung của Tân luật quy định trách nhiệm đối với từng bậc tu trong đạo Cao Đài, coi trọng các cách thức tu hành, quy định việc thực hành tu luyện của người tín đồ trong mối quan hệ với cuộc sống, sinh hoạt của người vào nhập tịnh tu học để đạt tới sự toàn thiện, toàn mỹ.

Các quy định không được làm của người tín đồ đạo Cao Đài được thể hiện qua *Ngũ giới cấm* là 5 điều cấm người đạo Cao Đài không được vi phạm: thứ nhất là cấm sát sinh, không sát hại sinh vật từ thảo mộc, côn trùng, cầm thú đến con người; thứ hai là cấm trộm cắp, lừa gạt người; thứ ba là cấm tà dâm, lấy vợ người, loạn luân, tà sắc; thứ tư là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ; thứ năm là cấm xảo trá, láo xược, lừa dối thô tục.

Đồng thời, đạo Cao Đài quy định người tín đồ bắt buộc phải thực hiện theo *Tứ đại điều quy* để rèn luyện đạo đức tu hành: Một là phải tuân theo lời dạy

của bề trên; hai là không được khoe tài, kiêu ngạo; ba là tiền bạc phải rõ ràng, phân minh; bốn là phải trung thực, thủy chung.

Nhìn chung, giáo luật của đạo Cao Đài quy định khá chặt chẽ trong hoạt động của cá nhân và tập thể. Đối với tập thể có sự giám sát giữa các cơ quan đạo, có cơ chế phải thống nhất trong hoạt động tôn giáo và tuân thủ theo quy định của giáo quyền. Đối với cá nhân có quy định cụ thể thực hiện việc tu hành như ăn chay, đạo phục, tu dưỡng, truyền đạo và những điều bắt buộc trong nếp sống đạo, những điều cấm không được vi phạm.

### **1.3. Các Hội thánh, tổ chức Cao Đài**

#### ***1.3.1. Hội thánh Cao Đài Tây Ninh***

Cao Đài Tây Ninh là tổ chức Cao Đài đầu tiên tiếp nhận Tân luật, Pháp Chánh truyền xây dựng Tòa thánh Tây Ninh và kiến trúc hạ tầng, xây dựng hệ thống bộ máy tổ chức hành chính đạo từ Trung ương đến cơ sở. Trong quá trình phát triển, với yếu tố là nơi tổ chức lễ khai đạo thành lập đạo Cao Đài, Cao Đài Tây Ninh luôn giữ đúng theo chân truyền về giáo lý, luật lệ, lễ nghi. Hệ thống tổ chức hành chính đạo đa dạng, chặt chẽ từ Hội thánh đến Hộ đạo, có cơ quan giám sát các hoạt động tôn giáo và các cơ quan phục vụ hoạt động thiện nguyện đối với cộng đồng,...

Năm 1965, Cao Đài Tây Ninh được chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc luật số 03/65 công nhận tư cách pháp nhân. Năm 1997, Cao Đài Tây Ninh được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân thành lập tổ chức giáo hội theo Hiến chương và đường hướng hành đạo mới. Hiện nay, Cao Đài Tây Ninh có hơn 1 triệu tín đồ, phạm vi hoạt động ở 35 tỉnh, thành phố, 28 tỉnh, thành phố có Ban Đại diện Hội thánh, 400 Ban Cai quản Hộ đạo, 532 cơ sở tôn giáo với 387 Thánh thất và 145 Điện Thờ Phật Mẫu, hơn 2000 chức sắc nam nữ được Hội thánh bổ nhiệm hành đạo từ Trung ương đến địa phương và trên 15.000 chức việc nam, nữ hành đạo tại cơ sở, hoạt động tôn giáo ngày càng ổn định, nền nếp.

#### ***1.3.2. Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo***

Cao Đài Ban Chính đạo là tổ chức tôn giáo có đông tín đồ (đứng thứ hai sau Cao Đài Tây Ninh), có Tòa thánh tại Bến Tre. Năm 1934, hai vị chức sắc cao cấp là Đầu sư Nguyễn Ngọc Tương và Đầu sư Lê Bá Trang cùng một số chức sắc, tín đồ đã dời Tòa thánh Tây Ninh về Bến Tre thành lập Cao Đài Ban Chính đạo để thực hiện việc chinh đốn nền Đạo theo đúng Tân luật, Pháp Chánh truyền. Với phương châm hành đạo và đường hướng tu hành thuần túy đạo đức,

Cao Đài Ban Chính đạo đã thu hút đông đảo các Hộ đạo tham gia. Lập trường tu hành của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương là không tham gia chính trị, nhưng với tinh thần trách nhiệm của người công dân với Tổ quốc, với dân tộc, ông đã thể hiện bằng việc ngảm phong chức cho chức sắc, tín đồ của Hội thánh có tư tưởng yêu nước và bãi nhiệm những chức sắc có tư tưởng tiêu cực. Dưới sự lãnh đạo của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương, Cao Đài Ban Chính đạo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, ủng hộ cách mạng và tích cực tham gia kháng chiến cứu quốc.

Năm 1997, Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh lần thứ nhất, thông qua Hiến chương, bầu cơ quan lãnh đạo Hội thánh là Thượng hội, Ban Thường trực và được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân (Quyết định số 26/QĐ/TGCP ngày 08 tháng 8 năm 1997 của Ban Tôn giáo Chính phủ).

Hiện nay, Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo tiếp tục khẳng định phương châm hành đạo theo đường lối hành đạo của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương, hoạt động gắn bó với dân tộc và tuân thủ các qui định của pháp luật. Hội thánh đã kiện toàn tổ chức bộ máy, thành lập 12/26 Ban Đại diện tỉnh, thành phố; công cử chức sắc với hàng ngàn chức sắc từ phẩm Lễ sanh đến Đầu sư; vận động hoàn nguyên hàng chục hộ đạo; làm lễ nhập môn cho gần vạn tín đồ; xây dựng và sửa chữa hàng trăm thánh thất; mở được nhiều lớp bồi dưỡng giáo lý hạnh đường; in tái bản một số cuốn kinh sách phục vụ Nhơn sanh; thành lập được 168 Ban Hành thiện ở các hộ đạo điều trị cho hơn 1 triệu lượt người với hơn trăm ngàn thang thuốc miễn phí. Đồng thời sửa đổi Hiến chương cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay nhưng vẫn đảm bảo truyền thống của đạo Cao Đài.

### ***1.3.3. Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên***

Sau khi chính thức ra đời, đạo Cao Đài tăng cường các hoạt động truyền giáo ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Cao Đài Tiên Thiên có tiền đề hình thành từ năm 1920 ở Nam Bộ. Đây là tổ chức Cao Đài có ba đời Giáo tông yêu nước, điều này cho thấy lịch sử hình thành và phát triển của Cao Đài Tiên Thiên đã gắn liền với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc qua hai thời kỳ kháng chiến cứu quốc. Với truyền thống lịch sử đó, Cao Đài Tiên Thiên là Hội thánh đầu tiên được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân năm 1995 (Quyết định số 51/QĐ/TGCP, ngày 29 tháng 7 năm 1995 của Ban Tôn giáo Chính phủ), sớm nhất trong các Hội thánh Cao Đài ở Việt Nam. Từ đây, Cao Đài Tiên Thiên bắt



đầu đi vào thời kỳ hành đạo theo Hiến chương, đường hướng hành đạo mới với tinh thần “Nước vinh, Đạo sáng”. Hiện nay, Cao Đài Tiên Thiên có trên 100 nghìn tín đồ, gần 2 ngàn chức sắc và 126 Thánh tịnh ở 16 tỉnh, thành phố, chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ.

#### ***1.3.4. Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo***

Năm 1928, Ngọc Chương pháp Trần Đạo Quang dời Tòa thánh Tây Ninh về Cà Mau thành lập Cao Đài Minh Chơn đạo với ý nghĩa làm sáng tỏ chân lý của đạo Cao Đài đã thu hút đông đảo tín đồ chủ yếu là nông dân nghèo ở vùng Cà Mau, Bạc Liêu vào đạo. Với phương châm lấy tu “nhơn đạo” làm nền tảng, xem việc cứu khổ nhơn sanh là công quả cao nhất của người tu hành, xây dựng tình thương yêu đoàn kết, tương trợ giúp đỡ, chăm lo đời sống thiết thực cho nhơn sanh, Cao Đài Minh Chơn đạo đã tập hợp chức sắc, tín đồ tu hành rèn luyện đạo đức con người để xây dựng xã hội đại đồng. Dưới sự lãnh đạo của Ngọc Chương pháp Trần Đạo Quang và Thái Chương pháp Cao Triều Phát, Cao Đài Minh Chơn đạo đã nêu cao tinh thần yêu nước vận động chức sắc, tín đồ tham gia kháng chiến cứu quốc, góp phần cùng nhân dân giành độc lập, tự do cho đất nước. Dấu ấn lịch sử của Cao Đài Minh Chơn đạo là Mặt trận Giồng Bóm năm 1946 hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thái Chương pháp Cao Triều Phát lãnh đạo hàng ngàn chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài trang bị vũ khí thô sơ đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược. Mặt trận Giồng Bóm đã khắc họa tinh thần yêu nước của đạo Cao Đài nói chung và Cao Đài Minh Chơn đạo nói riêng, trở thành biểu tượng cho sự hy sinh, đóng góp của người đạo Cao Đài trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ đây, Cao Đài Minh Chơn đạo trở thành nòng cốt trong hoạt động yêu nước của đạo Cao Đài để thành lập Liên giao I, Liên giao II, Cao Đài Cứu quốc,... góp phần cùng nhân dân cả nước đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Cao Đài Minh Chơn đạo được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân năm 1996 (Quyết định số 39/QĐ-TGCP ngày 02/8/1996 của Ban Tôn giáo Chính phủ). Phát huy truyền thống tốt đẹp đó, trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Cao Đài Minh Chơn đạo trở thành Hội thánh Cao Đài đầu tiên đăng cai tổ chức hội nghị giao lưu hành đạo của các Hội thánh Cao Đài năm 2008 và là một trong những thành viên thường trực của hoạt động giao lưu hành đạo, đồng thời giữ vai trò đoàn kết trong các Hội thánh Cao Đài. Hiện nay, Cao

Đài Minh Chơn đạo có gần 1 ngàn chức sắc, hơn 1 ngàn chức việc, trên 30 ngàn tín đồ, 49 Thánh thất ở 4 tỉnh (Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang).

### ***1.3.5. Hội thánh Truyền Giáo Cao Đài***

Truyền Giáo Cao Đài do các ông: Lê Trí Hiển, Trần Nguyên Chất, Trần Quốc Luyện, Nguyễn Quang Châu,... sáng lập từ những năm 1939 và tổ chức thành lập Hội thánh năm 1956 do ông Trần Văn Quế làm Chủ trưởng, có Tòa thánh Trung Hưng Bửu Toà ở Đà Nẵng. Truyền Giáo Cao Đài có lập trường hành đạo "thuần chơn vô ngã, thuần túy đạo đức", xây dựng tổ chức giáo hội đơn giản so với các tổ chức Cao Đài nhưng được tổ chức chặt chẽ.

Hội thánh Truyền Giáo Cao Đài thực hiện giáo lý, giáo luật, lễ nghi theo Tân luật, Pháp Chánh truyền. Trong quá trình phát triển, Hội thánh Truyền Giáo Cao Đài tích cực vận động thống nhất các tổ chức Cao Đài như: Cao Đài Liên đoàn (1936), Liên hòa Tổng hội (1937), Cao Đài Duy nhất (1951), Cao Đài Thống Nhất (1952). Năm 1996, Truyền Giáo Cao Đài được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân (Quyết định số 40 QĐ/TGCP ngày 24 tháng 9 năm 1996 của Ban Tôn giáo Chính phủ).

Hiện nay, Truyền Giáo Cao Đài có khoảng 50.000 tín đồ, 63 Thánh thất, cơ sở đạo, phạm vi hoạt động ở 17 tỉnh, thành phố, chủ yếu ở Trung Bộ.

### ***1.3.6. Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan***

Đầu năm 1930, một số người ở miền Trung vào Sài Gòn làm ăn, sinh sống đã nhập môn vào đạo Cao Đài tại Thánh thất Cầu Kho. Sau đó, họ trở về quê hương truyền đạo hình thành những nhóm Cao Đài ở Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên,... Năm 1937, Cao Đài Cầu Kho - Hội thánh Trung Việt Tam Quan chính thức ra đời. Năm 1960, Cao Đài Cầu Kho Tam Quan đã xây dựng tổ chức giáo hội theo Tân luật, Pháp Chánh truyền.

Sau năm 1975, Cao Đài Cầu Kho Tam Quan duy trì các sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở. Năm 2000, Cao Đài Cầu Kho Tam Quan tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh thông qua Hiến chương, đường hướng hành đạo mới và được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo (Quyết định số 199/2000/QĐ-TGCP ngày 28 tháng 4 năm 2000 của Ban Tôn giáo Chính phủ). Hiện nay, Cao Đài Cầu Kho Tam Quan có khoảng 9 ngàn tín đồ, hơn 200 chức sắc, 300 chức việc và 28 Thánh thất ở 8 tỉnh, thành phố.

### ***1.3.7. Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu***

Cao Đài Chiếu Minh Long Châu có nguồn gốc hình thành từ năm 1928, khi một số chức sắc dựng nhà đàn đầu tiên bằng lá cây, lấy tên là Chiếu Minh Tự tại xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến của cách mạng, chức sắc, tín đồ Cao Đài Chiếu Minh Long Châu phá bỏ Chiếu Minh Tự để vừa tu hành, vừa đánh giặc.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Toà thánh Long Châu là cơ sở nuôi giấu, che chở, bảo vệ cán bộ cách mạng. Tại Toà thánh đã diễn ra nhiều cuộc đấu tranh chống sự đàn áp, bắt bớ của Mỹ - Ngụy. Cao Đài Chiếu Minh Long Châu đã tham gia vào Liên giao I năm 1956 và Liên giao II năm 1972. Hội thánh chủ trương vừa tu phổ độ, vừa tuyên độ phái đạo, được tổ chức theo luật Ngọc đế Chơn truyền, xây dựng Hội thánh lưỡng đài, lưỡng phái, thực hiện đường lối hành đạo là tu hành gắn bó với dân tộc, đoàn kết đấu tranh, phụng đạo yêu nước.

Ngày 1/5/1996, Cao Đài Chiếu Minh Long Châu đã tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh lần thứ nhất thông qua Hiến chương, đường hướng hành đạo mới và bầu ra Ban Thường trực Hội thánh. Hiện nay, Cao Đài Chiếu Minh Long Châu có hơn 100 chức sắc, 200 chức việc, gần 3 ngàn tín đồ với 14 Hộ đạo, hoạt động ở 2 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Hậu Giang.

### ***1.3.8. Hội thánh Cao Đài Chơn Lý***

Năm 1932, Phối sư Nguyễn Văn Ca dời Tòa thánh Tây Ninh về Mỹ Tho thành lập Cao Đài Chơn Lý với phương châm hành đạo làm sáng tỏ chân lý của nền đạo Cao Đài. Năm 1971, Cao Đài Chơn Lý được chính quyền đương thời công nhận tư cách pháp nhân, có Tòa thánh Định Tường ở Mỹ Tho. Năm 2000, Cao Đài Chơn Lý tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh thông qua Hiến chương, đường hướng hành đạo mới và được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo (Quyết định số 16/2000/QĐ-TGCP ngày 14/3/2000 của Ban Tôn giáo Chính phủ).

Cao Đài Chơn Lý thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế bằng Thánh tượng Tâm nhãn (con mắt trong trái tim) thay cho thờ Thiên nhãn theo quy định của đạo Cao Đài. Cao Đài Chơn Lý xây dựng hệ thống chức sắc, tổ chức bộ máy khác với Tân luật, Pháp Chánh truyền của đạo Cao Đài. Cao Đài Chơn Lý thực hiện kinh sách theo Đuốc Chơn Lý, Luật Bình quân, Thánh giáo suu tâm,... Hiện nay, Cao Đài Chơn lý có hơn 6 ngàn tín đồ, gần 2 ngàn chức sắc và 28 Thánh thất ở 11 tỉnh, thành phố.

### ***1.3.9. Hội thánh Cao Đài Bạch Y***

Cao Đài Bạch Y do các ông Tô Bửu Tài, Trương Minh Tông sáng lập năm 1936, có Thánh tòa Ngọc Kinh ở Kiên Giang. Cao Đài Bạch Y cơ bản hoạt động theo quy định của đạo Cao Đài và hành đạo theo kinh luật Ngọc Đế Chơn truyền Tân Ước Tri nguyên. Trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, Cao Đài Bạch Y đã tích cực tham gia hoạt động yêu nước, đấu tranh hợp pháp, bảo vệ các cơ sở cách mạng, vận động tu sĩ không đi lính cho giặc.

Năm 1998, Cao Đài Bạch Y đã tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh thông qua Hiến chương, Luật công cử chức sắc, đường hướng hành đạo mới và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công nhận tư cách pháp nhân (Quyết định số 2363/1998/QĐ-UB, ngày 8 tháng 7 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang). Hiện nay, Cao Đài Bạch Y có khoảng 5.000 tín đồ, hơn 100 chức sắc, 200 chức việc, 14 Thánh thất, phạm vi hoạt động ở 4 tỉnh, thành phố.

### ***1.3.10. Giáo hội Cao Đài Việt Nam (Bình Đức)***

Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) được hình thành từ năm 1961, có Tòa thánh Trung ương đặt tại xã Bình Đức nay là xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) thực hiện tôn chỉ, mục đích là tôn thờ Thượng đế và các đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần nhằm giáo dân vi thiện, bài trừ mê tín dị đoan và xây dựng thuần phong mỹ tục. Giáo lý thực hiện theo giáo lý căn bản của đạo Cao Đài là đem lại tình thương yêu, dìu dắt nhơn sanh xây dựng lại chánh chơn cho nhân loại. Giáo luật dạy tín đồ giữ tròn đạo phận, làm điều lành, điều thiện, trung thực, thật thà, không sát hại sinh vật; chức sắc, tín đồ phải giữ trai giới hoặc trường trai. Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) xây dựng tổ chức giáo hội, nghi lễ thờ phụng và hoạt động riêng theo Hiến pháp quy niệm, và Hồng chương Luật sử.

Năm 2011, Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo, thông qua Hiến chương và đường hướng hành đạo mới. Hiện nay, Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) có 01 Tòa thánh, 09 Thánh thất, 16 trường quy và khoảng 5.000 tín đồ, 400 chức sắc, 300 chức việc hoạt động ở 4 tỉnh, thành phố: Tiền Giang, Bến Tre, Long An và Đồng Tháp.

### ***1.3.11. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi***

Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi do ông Ngô Văn Chiêu, người đệ tử đầu tiên của đạo Cao Đài sáng lập. Năm 1927, ông Ngô Văn Chiêu không

nhận phẩm Giáo tông tại Toà thánh Tây Ninh về Cần Thơ tu tịnh và lập cơ tuyến độ Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi.

Thời kỳ đầu của cơ tuyến độ hình thành ở các nhà đàn thuộc Minh Sư đạo, sau đó phát triển ở các đàn tư gia. Cao Đài Chiếu Minh quy định trên 10 đạo hữu được lập nhà đàn. Từ 24 vị đệ tử cấp nhất của ông Ngô Văn Chiêu đã truyền thừa cho hàng ngàn người tu theo Chiếu Minh. Cơ tuyến độ không thành lập tổ chức giáo hội, không có chức sắc hàng giáo phẩm. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi thực hiện đường hướng hành đạo theo pháp môn tu hành của ông Ngô Văn Chiêu chuyên về tịnh luyện, nội giáo tâm truyền, không phổ độ mà giữ bí pháp chân truyền của đạo Cao Đài. Năm 1999, Thánh Đức Tổ đình tại Cần Thơ được công nhận tổ chức tôn giáo. Năm 2010, Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi được Nhà nước cấp đăng ký hoạt động tôn giáo với 08 nhà đàn trực thuộc và khoảng 3 ngàn người tu hành, hoạt động ở 7 tỉnh, thành phố.

#### **1.4. Đặc điểm cơ bản của đạo Cao Đài**

- Đạo Cao Đài là một tôn giáo nội sinh, ra đời năm 1926 ở Nam Bộ. Những người sáng lập đạo Cao Đài đa số đều là tầng lớp trí thức, công chức, tư sản nhỏ của chính quyền thực dân Pháp. Chức sắc, tín đồ hiện nay chủ yếu là nông dân, hoạt động tập trung ở các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam, từ Huế trở vào, nhiều nhất ở các tỉnh Nam bộ. Tuy nhiên, đạo Cao Đài cũng có ở một số tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Hải Phòng.

- Đạo Cao Đài đề cao tính thiêng liêng sự huyền diệu của cơ bút. Đạo Cao Đài có hệ thống giáo lý, giáo luật chặt chẽ và phong phú. Nó kế thừa và mở rộng tư tưởng tam giáo theo hướng nhập thế. Giáo lý, luật lệ, lễ nghi của đạo Cao Đài gần gũi với phong tục tập quán, tâm lý lối sống của người dân Nam bộ.

- Ban đầu đạo Cao Đài là một tôn giáo thống nhất, có Toà thánh ở Tây Ninh nhưng sau một thời gian ngắn do bất đồng về quan điểm hành đạo của một số chức sắc nên chia rẽ thành các tổ chức Cao Đài khác nhau. Chia rẽ, phân ly là đặc điểm nổi bật của đạo Cao Đài từ năm 1930 đến năm 1975. Thời gian này, đạo Cao Đài chia rẽ thành nhiều tổ chức Cao Đài khác nhau, có lúc lên đến 30 tổ chức. Trong các tổ chức Cao Đài này có khoảng 10 tổ chức là hoạt động theo đúng chân truyền của đạo Cao Đài và tồn tại đến nay.

- Tổ chức giáo hội trước đây của đạo Cao Đài được xây dựng, thiết chế có 5 cấp hành chính: Trung ương, vùng, tỉnh, huyện, xã. Các cấp hành chính trong

đạo Cao Đài có giáo quyền rõ ràng được quy định cụ thể bằng điều luật tạo điều kiện cho chức sắc, tín đồ thực hiện.

- Một số Hội thánh Cao Đài sớm có tinh thần yêu nước và vận động đông đảo chức sắc, tín đồ tích cực ủng hộ cách mạng, tham gia kháng chiến chống ngoại xâm.

- Giáo lý của đạo Cao Đài quan niệm Trời và Người có cùng bản thể, có thể tương thông, tương ứng và hiệp nhất được. Đồng thời, đạo Cao Đài quan niệm rằng vũ trụ là một trường tiến hóa. Do đó, cứu giúp con người là thực hiện sự tiến hóa để trở về với Thượng Đế, tức nguồn gốc của mình mà cũng là của vũ trụ. Muốn thế con người phải biết tu công, lập đức để hoàn hảo hóa bản thân đến chân, thiện, mỹ. Đạo Cao Đài có giáo lý bao dung rộng rãi, coi nhân loại đều có một Đấng cha chung trong một đại gia đình với thuyết đại đồng, lấy tình thương yêu để xóa bỏ hận thù.

- Giáo luật của đạo Cao Đài quy định chặt chẽ trong hoạt động của cá nhân và tập thể, được cụ thể tại Tân luật, Pháp Chánh truyền, Tứ đại điều quy, Ngũ giới cấm,... Đối với tập thể có sự giám sát giữa các cơ quan đạo, có cơ chế phải thống nhất trong hoạt động tôn giáo và tuân thủ theo quy định của giáo quyền. Đối với cá nhân có quy định cụ thể thực hiện việc tu hành như ăn chay, đạo phục, tu dưỡng, truyền đạo và những điều bắt buộc trong nếp sống đạo, những điều cấm không được vi phạm. Quy định trong giáo luật của đạo Cao Đài còn thể hiện sự rõ ràng và văn minh.

## **2. TÌNH HÌNH ĐẠO CAO ĐÀI HIỆN NAY**

### **2.1. Về số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo của các Hội thánh Cao Đài**

- Chức sắc: hơn 13 ngàn
- Chức việc: hơn 26 ngàn
- Tín đồ: hơn 1,24 triệu<sup>18</sup>
- Cơ sở tôn giáo: hơn 1.300

Số liệu thống kê số lượng tín đồ đạo Cao Đài hiện nay có sự chênh lệch giữa chính quyền nhà nước và tổ chức tôn giáo. Theo báo cáo của các Hội thánh Cao Đài năm 2020, tín đồ đạo Cao Đài có hơn 2,6 triệu. Lý do, một bộ phận tín đồ không khai nhận là tín đồ Cao Đài khi chính quyền tổ chức thống kê. Đối với tổ chức tôn giáo ở Hội thánh, Họ đạo đã kê khai số lượng tín đồ nhập môn vào

<sup>18</sup> Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ.

đạo cùng toàn thể gia đình người tín đồ gồm người già và trẻ em chưa đến tuổi nhập môn nên có sự chênh lệch về số liệu thống kê.

## **2.2. Cơ cấu tổ chức của đạo Cao Đài**

### **2.2.1. Tổ chức giáo hội cấp Trung ương**

Tổ chức giáo hội được quy định trong Tân luật, Pháp Chánh truyền của đạo Cao Đài. Ở cấp trung ương Hội thánh có Toà thánh là nơi hoạt động của chức sắc lãnh đạo giáo hội. Về mặt tổ chức cấp Hội thánh có 3 Đài gồm: Bát Quái đài, Cửu Trùng đài và Hiệp Thiên đài. Đặc điểm về tổ chức giáo hội của đạo Cao Đài xây dựng trên cơ sở Trời và Người hợp nhất với nhau để giải quyết việc đạo.

Bát Quái đài của đạo Cao Đài thuộc phần vô hình, do Ngọc Hoàng Thượng Đế làm chủ quản gồm các Giáo chủ của Tam giáo và Ngũ chi, Tam Trấn Oai Nghiêm được thờ tại Bửu điện nơi Toà thánh. Bát Quái đài có nhiệm vụ là cơ quan lập pháp, điều hành hoạt động của đạo Cao Đài thông qua hình thức cơ bút nơi Hiệp Thiên đài. Thực tế hiện nay, Bát Quái đài không còn chức năng lập pháp và điều hành hoạt động của đạo, đồng thời công việc điều hành hoạt động đạo do hai Đài: Cửu Trùng đài và Hiệp Thiên đài thực hiện.

Hiệp Thiên đài là cơ quan tư pháp của đạo Cao Đài, do chức sắc phẩm Hộ pháp đứng đầu. Hiệp Thiên đài có 2 nhiệm vụ: làm cơ quan trung gian giữa Bát Quái đài và Cửu Trùng đài thông qua cơ bút và làm cơ quan bảo vệ pháp luật của Đạo. Cơ quan Hiệp Thiên đài có 3 Chi: Chi Pháp, Chi Đạo và Chi Thế. Chi Pháp do chức sắc phẩm Hộ pháp phụ trách; Chi Đạo do chức sắc phẩm Thượng phẩm phụ trách; Chi Thế do chức sắc phẩm Thượng sanh phụ trách. Dưới phẩm Hộ pháp, Thượng phẩm, Thượng sanh là chức sắc phẩm Thập nhị Thời quân (12 vị Thời quân), chia ra mỗi Chi 4 vị, như Chi Pháp có 4 vị Thời quân là: Tiếp pháp, Khai pháp, Hiến pháp và Bảo pháp; Chi Đạo có 4 vị Thời quân là Tiếp đạo, Khai đạo, Hiến đạo và Bảo đạo; Chi Thế có 4 vị Thời quân là Tiếp thế, Khai thế, Hiến thế và Bảo thế. Thực tế hiện nay, cơ quan Hiệp Thiên đài chỉ hoạt động với nhiệm vụ là cơ quan bảo vệ pháp luật của đạo Cao Đài, giám sát cơ quan Cửu Trùng đài hoạt động theo pháp luật của đạo.

Cửu Trùng đài là cơ quan hành pháp của đạo Cao Đài, thực hiện các nhiệm vụ truyền đạo, hành đạo, tổ chức thực hiện công việc đạo và giáo hóa nhân sinh tu hành. Cơ quan Cửu Trùng đài ở Hội thánh gồm có các cơ quan Cửu viện nam phái, Cửu viện nữ phái và các cơ quan giúp việc cho chức sắc phẩm Giáo tông, Chương pháp và Đầu sư. Chức sắc cơ quan Cửu Trùng đài có 9 phẩm, đứng đầu là phẩm Giáo tông, 9 phẩm chức sắc này đối phẩm với Cửu phẩm Thần Tiên nơi Bát Quái đài: 1. Giáo tông đối phẩm với Thiên Tiên (Phật

vi); 2. Chưởng pháp đối phẩm với Nhơn Tiên; 3. Đầu sư đối phẩm với Địa Tiên; 4. Chánh Phối sư và Phối sư đối phẩm Thiên Thánh; 5. Giáo sư đối phẩm với Nhơn Thánh; 6. Giáo hữu đối phẩm với Địa Thánh; 7. Lễ sanh đối phẩm với Thiên Thần; 8. Ban Trị sự đối phẩm với Nhơn Thần; 9. Đạo hữu đối phẩm với Địa Thần. Cơ quan Cửu Trùng đài phân ra làm 2 phái: phái nam và phái nữ. Chức sắc mỗi phái có quyền hành riêng biệt. Chức sắc nữ phái có phẩm cao nhất là Đầu sư. Chức sắc bên nam phái được chia làm 3 phái: Thái, Thượng, Ngọc. Cơ quan Cửu viện nam phái dưới quyền phụ trách trực tiếp của các chức sắc phẩm Chánh Phối sư. Chức sắc phẩm Thái Chánh Phối sư phụ trách 3 Viện: Hộ viện, Lương viện, Công viện; chức sắc phẩm Thượng Chánh Phối sư phụ trách 3 Viện: Học viện, Y viện, Nông viện; chức sắc phẩm Ngọc Chánh Phối sư phụ trách 3 Viện: Hòa viện, Lại viện, Lễ viện. Tổ chức hành chính đạo cơ quan Cửu Trùng đài nữ phái cũng có 9 Viện như nam phái, nhưng nữ phái chỉ có một vị Nữ Chánh Phối sư, nên vị này phụ trách tất cả Cửu viện nữ phái.

Các tổ chức giáo hội cấp Trung ương của đạo Cao Đài tập trung chủ yếu tại địa bàn Nam Bộ, với 08 Hội thánh, 01 Pháp môn tu hành. Ở miền Trung, đạo Cao Đài có 02 Hội thánh.

### ***2.2.2. Tổ chức cấp cơ sở***

Tổ chức hành chính cấp địa phương của đạo Cao Đài có 4 cấp gồm: Trấn đạo, Châu đạo, Tộc đạo và Hương Đạo. Trấn đạo là khu vực địa lý được giao phụ trách nhiều tỉnh, thành phố có đạo Cao Đài do chức sắc phẩm Giáo sư đảm nhiệm gọi là Khâm Trấn đạo. Châu đạo là địa bàn một tỉnh, thành phố có đạo Cao Đài do chức sắc phẩm Giáo hội đảm nhiệm gọi là Khâm Châu đạo. Tộc đạo là địa bàn một huyện, quận thuộc tỉnh, thành phố do phẩm Lễ sanh đảm nhiệm gọi là Đầu Tộc đạo. Hương đạo là địa bàn hành chính của một xã, phường do phẩm Chánh Trị sự đảm nhiệm được các chức việc Bàn Trị sự Hương đạo bầu lên gọi là Đầu Hương đạo.

Tộc đạo là cấp cơ sở của đạo Cao Đài hay còn gọi là Họ đạo. Mỗi Tộc đạo có một Thánh thất để thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và quy tụ tín đồ tổ chức sinh hoạt tôn giáo. Về tổ chức hành chính, Tộc đạo có văn phòng giúp việc Đầu Tộc đạo do Đầu Phòng văn đảm nhiệm, nếu không có Đầu Phòng văn thì cử một Thư ký giúp việc Đầu Tộc đạo. Mỗi Tộc đạo hay Thánh thất có Ban Tứ vụ để điều hành việc đạo. Ban Tứ vụ gồm 4 vụ: Hộ vụ phụ trách việc thu chi tài chính; Lễ vụ phụ trách việc nghi lễ và sắp xếp các ban trực thuộc: lễ, nhạc, đồng nhi thực hiện tang sự cho người đạo; Lương vụ phụ trách về lương thực và quản lý nhà bếp; Công vụ phụ trách việc xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự và nhà làm việc



của Tộc đạo. Ngoài ra, Lễ vụ còn có các ban chuyên môn trực thuộc gồm: Ban nhạc, Ban lễ sỹ, Ban đồng nhi, Ban kiểm đàn. Ban nhạc do một nhạc sỹ phụ trách. Ban lễ sỹ do một Lễ sỹ phụ trách. Ban đồng nhi do một Giáo nhi phụ trách. Ban kiểm đàn có nhiệm vụ sắp đặt và gìn giữ trật tự trong đàn cúng.

Thực tế hiện nay, tổ chức hành chính của đạo Cao Đài có một số thay đổi. Cấp Trung ương giáo hội tại Toà thánh có cơ quan Thượng hội và Ban Thường trực Hội thánh (hoặc Thường trực, Hội đồng Chương quản, Ban Điều hành) cùng cơ quan Cửu viện nam nữ và các cơ quan giúp việc Hội thánh tại Toà thánh. Cấp địa phương không còn Trấn đạo và Hương đạo. Châu đạo được gọi là Ban Đại diện Hội thánh hoạt động trên địa bàn một tỉnh, thành phố có nhiệm vụ hướng dẫn Ban Cai quản các Họ đạo trên địa bàn phụ trách hoạt động theo Hiến chương, luật đạo của Hội thánh. Đứng đầu Ban Đại diện Hội thánh ở tỉnh, thành phố là Trưởng Ban Đại diện. Tộc đạo được gọi là Họ đạo hoạt động trong phạm vi Thánh thất có Ban Cai quản phụ trách. Đứng đầu Ban Cai quản là Cai quản, có Phó Cai quản và Thư ký hoạt động theo nhiệm kỳ 3 năm hoặc 5 năm. Ngoài ra, Họ đạo còn có bộ phận Tứ vụ giúp việc Ban Cai quản và các thành viên Chánh Trị sự, Phó Trị sự, Thông sự cùng Ban Nghi lễ.

Tại các tỉnh, thành phố có đông chức sắc, tín đồ được thành lập Ban Đại diện hoặc Đại diện để giúp Hội thánh ở trung ương hướng dẫn các hoạt động tôn giáo ở cơ sở là Họ đạo. Hiến chương Cao Đài Tây Ninh quy định: “Ở tỉnh, thành phố có nhiều Họ đạo Cao Đài Toà thánh Tây Ninh thì Hội thánh bổ nhiệm Ban Đại diện Hội thánh; Ban Đại diện Hội thánh gồm 01 Trưởng ban và 02 đến 05 Phó Ban, chọn từ hàng Giáo hữu nam, nữ và tương đương trở lên do Hội thánh bổ nhiệm; Ban Đại diện Hội thánh có phận sự truyền đạt và hướng dẫn các Ban Cai quản Họ đạo thông hiểu và tổ chức thực hiện đúng các Đạo lệnh, Thánh lệnh, Huấn lệnh, Thông tri về Đạo sự của Hội thánh tới các Họ đạo,...”. Hiện nay, đạo Cao Đài có 64 Ban Đại diện, 16 Đại diện ở 35/38 tỉnh, thành phố.

Họ đạo là cấp cơ sở của đạo Cao Đài, nơi nào có 500 tín đồ trở lên được lập một Họ đạo có Thánh thất làm nơi thờ tự. Ban Cai quản có nhiệm vụ quản lý công việc tại Thánh thất, phụ trách 4 phòng Công - Lương - Thơ - Lễ. Ban Trị sự gồm các chức việc có nhiệm vụ lo về luật đạo giúp đỡ tín đồ chấp hành tốt và lo việc từ thiện chăm sóc cuộc sống của tín đồ tại địa phận quản lý.

### **2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo của các Hội thánh Cao Đài**

Hiện nay, các tổ chức giáo hội Cao Đài trải qua năm nhiệm kỳ hoạt động nên hoạt động đạo sự từng bước đi vào nề nếp và tuân thủ pháp luật. Đa số chức

sắc các Hội thánh đã thích ứng với cơ chế hoạt động theo Hiến chương và đường hướng hành đạo mới. Các lễ hội lớn trong đạo Cao Đài được duy trì tổ chức hàng năm như Hội Yến Diêu Trì Cung, Kỷ niệm ngày khai đạo Cao Đài, Ngày vía Đức Chí Tôn... thu hút hàng trăm ngàn chức sắc, tín đồ tham dự. Các hội nghị, kỳ họp thường niên của Thượng hội, Hội thánh, Hội Nhơn sanh và Đại hội nhiệm kỳ của các Hội thánh được tổ chức trang trọng, đúng pháp luật. Các Hội thánh Cao Đài có quá trình hoạt động gắn bó với dân tộc đã tổ chức các cuộc giao lưu hành đạo trên một số lĩnh vực tôn giáo như xuất bản Tạp chí Cao Đài, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội, mở lớp bồi dưỡng giáo lý hạnh đường, tổ chức các ngày lễ theo truyền thống của một số phái Cao Đài nhằm giáo dục chức sắc, tín đồ phát huy tinh thần phụng đạo, yêu nước.

### ***2.3.1. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chức sắc, chức việc***

Việc đào tạo chức sắc, chức việc của đạo Cao Đài được thực hiện ở các địa phương với chương trình ngắn hạn mang tính bồi dưỡng là chủ yếu, chưa có điều kiện tổ chức tập trung thành trường đào tạo chính quy. Các Hội thánh đã đề ra chương trình phát triển giáo dục, bồi dưỡng giáo lý, đào tạo nhân tài để củng cố đức tin cho hàng chức sắc, chức việc và toàn thể tín đồ vững vàng tu hành, đáp ứng cơ bản được nguyện vọng nhơn sanh.

Các Hội thánh và tổ chức Cao Đài hàng năm đã mở được các khóa Hạnh đường bồi dưỡng chức sắc với nhiều hình thức như: khóa hạnh đường, lớp giáo lý, lễ nhạc đường... mỗi năm có trên 500 lớp giáo lý hạnh đường, trên 20 khóa hạnh đường và có trên 2 vạn chức sắc, chức việc, đạo hữu tham dự học tập, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng giáo lý.

### ***2.3.2. Hoạt động phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành***

Việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoạt động ở các địa phương được thực hiện theo Hiến chương của đạo Cao Đài. Các Hội thánh kiểm tra về tư cách công dân, đạo hạnh, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Hiến chương, Luật công cử. Theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo các Hội thánh có trách nhiệm thông báo, đăng ký với cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc phong phẩm của Cao Đài Tây Ninh được thực hiện vào mỗi dịp Đại hội Nhơn sanh nhiệm kỳ (5 năm/1 lần), Đại hội Nhơn sanh nhiệm kỳ tổ chức năm 2017, Cao Đài Tây Ninh đã phong phẩm Lễ sanh cho 1.169 chức việc và thăng phẩm Giáo hữu cho 336 vị, Giáo sư cho 39 vị. Hội thánh Cao Đài Tây Ninh căn cứ quy định của luật đạo để phong chức, phong phẩm cho chức sắc,

chức việc. Tùy theo từng phẩm, các chức sắc, chức việc sẽ được phong khi đủ năm “công nghiệp hành đạo” (tối thiểu 5 năm) và đáp ứng các tiêu chí về đạo hạnh, với các quy định tương đối chặt chẽ.

### **2.3.3. Đại hội, hội nghị của đạo Cao Đài**

Các phái Cao Đài đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Hiến chương, Điều lệ của các Hội thánh Cao Đài. Thông qua các kỳ đại hội nhiệm kỳ, các Hội thánh Cao Đài thực hiện sửa đổi Hiến chương, Đạo quy, Quy chế hoạt động. Trong quá trình thực hiện, Ban Thường trực, Hội đồng Hội thánh, Hội đồng Chương quản của các Hội thánh Cao Đài đã lựa chọn, giới thiệu chức sắc lãnh đạo đảm bảo về uy tín, năng lực, sức khỏe. Qua thời gian thực hiện, đến nay các phái Cao Đài cơ bản có sự kế thừa giữa chức sắc lớn tuổi và chức sắc trẻ tham gia lãnh đạo giáo hội. Đồng thời, những chức sắc lãnh đạo của các Hội thánh Cao Đài được chính quyền các cấp giới thiệu tham gia các tổ chức chính trị xã hội ở trung ương và địa phương.

Đối với đại hội cấp cơ sở ở các Họ đạo Cao Đài đều thực hiện theo quy định của pháp luật và Hiến chương các Hội thánh Cao Đài. Trong thời gian qua, các Họ đạo cơ sở của các Hội thánh Cao Đài đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ cấp cơ sở đảm bảo an toàn, đúng pháp luật. Thông qua Đại hội đã kiện toàn Ban Cai quản, Ban Trị sự Họ đạo và lựa chọn nhân sự lãnh đạo ở cơ sở có năng lực, trình độ được nhơn sanh tín nhiệm. Hằng năm, các Họ đạo Cao Đài cũng thực hiện việc tổ chức hội nghị thường niên cấp cơ sở để tổng kết năm đạo và đề ra chương trình hoạt động của năm đạo kế tiếp theo kế hoạch, hướng dẫn của Hội thánh.

### **2.3.4. Hoạt động quốc tế của đạo Cao Đài**

Cao Đài Tây Ninh có nhiều hoạt động quan hệ quốc tế với các tổ chức tôn giáo có mối quan hệ từ trước như: tổ chức Oomoto giáo ở Nhật Bản; tổ chức Tiên Thiên Cứu Giáo Hồng Vạn ở Đài Loan; dự Đại hội Tôn giáo thế giới tại Hàn Quốc năm 2014; tham gia hoạt động tôn giáo ở Singapo; thăm một số cơ sở Cao Đài tại Mỹ, Canada,... Cao Đài Tây Ninh có mời một số tổ chức tôn giáo ở nước ngoài và tín đồ là người nước ngoài về Tòa thánh Tây Ninh tham dự Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung. Cao Đài Tây Ninh đã công nhận 07 Họ đạo trực thuộc ở nước ngoài.

## **2.4 Hoạt động an sinh xã hội của đạo Cao Đài**

### **2.4.1. Hoạt động từ thiện nhân đạo**

Theo báo cáo của các Hội thánh Cao Đài hằng năm đã đóng góp trên 100 tỷ đồng vào các hoạt động từ thiện. Đa số chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài đều tham gia hoạt động từ thiện xã hội, coi đây vừa là trách nhiệm, vừa là hoạt động thể hiện tinh thần tôn giáo đối với cộng đồng và xã hội.

Hoạt động từ thiện của đạo Cao Đài được thực hiện theo quy định của đạo thu hút được đông đảo tín đồ tham gia. Những năm gần đây, hoạt động từ thiện của đạo Cao Đài ngày càng phát triển và tích cực tham gia các hoạt động chung của xã hội. Tuy nhiên, hoạt động từ thiện của đạo Cao Đài còn mang tính tự phát chưa được tổ chức chặt chẽ. Mỗi khi có việc thì cùng chung tay làm rất tích cực nhưng sau đó lại trở lại bình thường mà không duy trì hoạt động từ thiện thường xuyên. Đạo Cao Đài còn hạn chế về nguồn lực nên muốn thay đổi cách làm từ thiện cần thiết phải xây dựng các cơ sở sản xuất, cơ sở trồng trọt tạo ra các vật dụng, nông sản để làm từ thiện, đóng góp cho xã hội thì mới bền vững và huy động được nhiều hơn nữa tín đồ tham gia.

#### **2.4.2. Hoạt động khám chữa bệnh**

Trong hoạt động khám chữa bệnh, đạo Cao Đài rất chú trọng chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, đồng thời cứu giúp người dân khi đau yếu, bệnh tật với tinh thần cứu khó trợ nghèo. Các cơ sở khám chữa bệnh của đạo Cao Đài đã thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe cho đồng đạo và người dân ở vùng có đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài có 93 cơ sở phòng thuốc nam khám chữa bệnh, trong đó có 135 cơ sở bốc thuốc, 02 cơ sở chăm sóc chữa bệnh lâu dài tại cơ sở, có 11 cơ sở chăm sóc người già, tổng kinh phí thực hiện hoạt động khám chữa bệnh hằng năm khoảng 200 tỷ đồng<sup>19</sup>. Ngoài ra, ở các tỉnh, thành phố, một số Họ đạo Cao Đài có phòng khám thuốc chữa bệnh, góp phần làm tốt công việc khám chữa bệnh ở tuyến cơ sở.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM ĐỐI VỚI ĐẠO CAO ĐÀI HIỆN NAY PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

#### **3.1. Về tổ chức của đạo Cao Đài**

Hiện nay, các Hội thánh Cao Đài có thay đổi về hệ thống tổ chức giáo hội, so với quy định của Tân luật, Pháp Chánh truyền. Nguyên nhân, thứ nhất do khi thành lập lại tổ chức giáo hội đều xây dựng mô hình tập thể lãnh đạo qua hình

<sup>19</sup> Ban Tôn giáo Chính phủ (2018), Số liệu thống kê các Hội thánh Cao Đài năm 2018, Hà Nội, tr.9. Hoạt động khám chữa bệnh của đạo Cao Đài cụ thể là: Cao Đài Ban Chính đạo có 30 phòng chẩn trị y học dân tộc, châm cứu, phục vụ sức khoẻ đồng đạo khi đau yếu. Phòng chẩn trị y học dân tộc Dưỡng Đường của Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo đã khám và điều trị miễn phí cho 180.611 lượt người, cấp 817.892 thang thuốc miễn phí, châm cứu cho 143.567 lượt người, thành tiền 5.738.188.000 đồng. Tổng hợp số liệu chung của các phòng chẩn trị như xem mạch cho 1.268.685 người, bốc 118.030 thang thuốc, 198.326 lượt người được châm cứu miễn phí, trị giá là 5.998.659.670 đồng; Cao Đài Tiên Thiên có 18 phòng khám y học dân tộc, khám điều trị cho 5.098 bệnh nhân; châm cứu, bấm huyệt cho 989 người; bốc thuốc miễn phí 12.377 thang thuốc; cấp phát 1.670 gói thuốc trị gan, đau nhức; Cao Đài Chơn Lý có 2 phòng thuốc y học dân tộc ở Thánh thất Nha Trang (Khánh Hoà) và Thánh thất Thanh Bình (Tiền Giang) là nơi phát thuốc chữa bệnh miễn phí cho đồng bào nghèo khó; Cao Đài Chiếu Minh Long Châu có 3 phòng thuốc nam hoạt động trên 30 năm, đã xem mạch trị bệnh cho trên 10.825 lượt người, châm cứu cho gần 520 người, bốc 15.670 thang thuốc miễn phí; Cao Đài Bạch Y có 04 phòng thuốc Nam hoạt động từ thiện, châm cứu 12.000 người, bốc 1.988.000 thang thuốc nam, trị giá 3.976.000.000 đồng...

thức: Thượng hội, Ban Thường trực, Hội đồng Chương quản, Ban Điều hành,...; thứ hai, do quá trình lâu dài không được phong chức, phong phẩm từ sau năm 1975 đến năm 1995 nên đa số các Hội thánh Cao Đài không đủ chức sắc hành đạo theo quy định của luật đạo; thứ ba, chức sắc Cao Đài hiện nay không dám đảm nhận phẩm vị cao trong tổ chức giáo hội như Giáo tông, Hộ pháp mà để vô vi. Từ các nguyên nhân trên, dẫn đến thiếu hụt chức sắc điều hành tổ chức giáo hội. Đồng thời mô hình tổ chức giáo hội hiện nay của đạo Cao Đài là mô hình mới, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại để giúp các Hội thánh Cao Đài hoạt động ổn định theo Luật đạo.

### **3.2. Về hoạt động liên giao hành đạo**

Đạo Cao Đài có hoạt động liên giao hành đạo là mô hình mới phát triển trong khoảng 10 năm gần đây. Sự ra đời của hoạt động liên giao hành đạo của các Hội thánh Cao Đài xuất phát từ dịp Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo tổ chức kỷ niệm 60 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm Thánh thất Cao Đài Thủ đô Hà Nội vào năm 2006 tại Thủ đô Hà Nội. Nhân dịp này, đoàn đại biểu chức sắc lãnh đạo các Hội thánh Cao Đài đã đến chào thăm Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Tại buổi gặp mặt, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã khuyến khích các chức sắc Cao Đài cần đoàn kết trong hoạt động tôn giáo để có sức mạnh lan tỏa hơn trong các hoạt động tôn giáo của đạo Cao Đài. Thực hiện ý kiến của Chủ tịch nước, các Hội thánh và tổ chức đạo Cao Đài đã có sáng kiến thành lập tổ chức liên giao hành đạo để cùng giúp đỡ nhau trên con đường hành đạo về hoạt động từ thiện xã hội, hoạt động báo chí, giáo dục đào tạo chức sắc. Đây là hoạt động tự nguyện của các Hội thánh và tổ chức Cao Đài nhằm từng bước giải quyết những vấn đề cần thiết của đạo Cao Đài trong giai đoạn hiện nay.

Với tinh thần đó, các Hội thánh Cao Đài đã tổ chức hội nghị liên giao lần thứ nhất được tổ chức tại Thánh thất Thiên Cảnh đàn thuộc Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo tại tỉnh Cà Mau có 07 Hội thánh và 05 tổ chức Cao Đài tham gia.

Đến nay, các Hội thánh và tổ chức Cao Đài đã tổ chức 13 lần liên giao hành đạo và phát huy tốt vai trò đoàn kết tôn giáo, gắn kết hoạt động tôn giáo trên các lĩnh vực từ thiện xã hội, hoạt động báo chí, giáo dục đào tạo.

### **3.2. Về công tác quản lý hoạt động quốc tế của đạo Cao Đài**

Công tác quản lý hoạt động quốc tế của đạo Cao Đài tạo điều kiện thuận lợi cho các Hội thánh Cao Đài được công nhận tổ chức tôn giáo trực thuộc và chức sắc, chức việc, tín đồ ở nước ngoài theo quy định pháp luật Nhà nước Việt Nam và tuân thủ quy định pháp luật ở nước sở tại. Hiện nay, đạo Cao Đài ở

nước ngoài có 59 Thánh thất, Thánh tịnh, Điện thờ Phật Mẫu, tổng số tín đồ khoảng 32.000 người. Phạm vi hoạt động ở 11 nước, gồm: Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Đức, Úc, Nhật, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Campuchia. Bên cạnh hoạt động của các tổ chức Cao Đài ở nước ngoài có thái độ chống đối giáo hội ở trong nước còn có hoạt động tiên bộ yêu nước. Các tổ chức Cao Đài ở nước ngoài tích cực vận động chức sắc, tín đồ ở nước ngoài tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo ở trong nước, hỗ trợ các Hộ đạo xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự, in kinh sách, xuất bản tài liệu của đạo Cao Đài,...

### **3.4. Kỹ năng giao tiếp**

Trong giao tiếp hàng ngày, người đạo Cao Đài xưng hô với nhau thân thiện, gần gũi không tạo khoảng cách giữa cấp trên và cấp dưới. Giáo tông là người đứng đầu trong tổ chức tôn giáo, xưng danh là anh Cả, còn các vị chức sắc xưng danh với tín đồ là anh, là chị. Tín đồ gọi chức sắc là anh lớn, chị lớn. Đức Cao Đài khi xuất hiện qua “cơ bút” xưng danh với các đệ tử là “Thầy”, có ý nghĩa như là người hướng dẫn, chỉ dạy cho tín đồ.

Cách xưng hô trong đạo Cao Đài được quy định chức sắc lớn hơn được gọi là hiền huynh, hiền tử, gọi người chức sắc nhỏ hơn là hiền đệ, hiền muội. Trong văn bản hoặc khi giao tiếp quy định từ tín đồ đến phẩm Giáo hữu sử dụng chữ Ông, từ phẩm Giáo sư trở lên dùng chữ Ngài. Tuy nhiên thực tế hiện nay, người tín đồ Cao Đài thường gọi nhau là anh lớn, chị lớn để thể hiện sự thân mật trong giao tiếp và hàm nghĩa tôn trọng phẩm vị chức sắc trong tôn giáo. Quy định trong giao tiếp xã hội hoặc tại gia đình, họ hàng, người đạo Cao Đài vẫn xưng hô bình thường gọi là ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh, chị, em, cháu,...

Đây là cách xưng hô thể hiện trong đạo Cao Đài không có sự phân biệt giai cấp trong sinh hoạt hàng ngày, họ sống dân chủ, bình dân trong giao tiếp và trở thành những người tu hành sống chan hoà không có khoảng cách người trên, kẻ dưới, người đồng đạo coi nhau như anh em.

Trong công tác tôn giáo, không gọi chức sắc Cao Đài là “Thầy”, có thể gọi trực tiếp phẩm vị tôn giáo như: Lễ sanh, Giáo hữu, Phối sư, Đầu sư,..., hay chức vụ của họ như; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Cai quản, Phó Cai quản, Hội trưởng, Phó Hội trưởng,..., hoặc gọi thân mật là ông, bà.

### **3.4. Kỹ năng ứng xử**

Tôn trọng những nhu cầu chính đáng của chức sắc, chức việc, tín đồ và tổ chức tôn giáo của đạo Cao Đài.

Trong giao tiếp, ứng xử, trao đổi công việc với chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài thực hiện bằng sự chân thành, tình cảm không nên khoa trương, hứa hẹn mà không thực hiện. Bởi chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài chủ yếu là thành phần nông dân, có tính cách thật thà, tin người nhất là đối với cán bộ, công chức Nhà nước được họ tôn trọng.

Quan tâm giải quyết những thủ tục hành chính của đạo Cao Đài theo quy định của pháp luật, có lý, có tình.

Biết lắng nghe và kịp thời giải quyết những nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài.

Kiên quyết xử lý những đối tượng cố tình vi phạm pháp luật và có thái độ coi thường kỷ cương, phép nước.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Cơ quan Phổ thông Giáo lý (2005), *Lịch sử đạo Cao đài, quyển 1*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại Đạo (2008), *Lịch sử đạo Cao Đài, quyển 2*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2015), *Đạo Cao Đài hai khía cạnh Lịch sử và Tôn giá (tái bản lần thứ nhất)*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Đặc điểm nào cần chú ý của đạo Cao Đài trong công tác thông tin, tuyên truyền?

2. Trong ứng xử, giao tiếp đối với chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài, tính cách nổi bật nào của họ cần chú ý? Vì sao?

3. Tại sao đạo Cao Đài phân chia thành nhiều tổ chức, hệ phái khác nhau?

4. Những hoạt động xã hội nào của đạo Cao Đài cần tuyên truyền, lan tỏa trong xã hội hiện nay? Phân tích?

## Chuyên đề 6

# KHÁI QUÁT VỀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO Ở VIỆT NAM

## 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

### 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo Hòa Hảo

#### 1.1.1. Quá trình hình thành của Phật giáo Hòa Hảo

Người sáng lập Phật giáo Hòa Hảo là ông Huỳnh Phú Sổ (1920-1947) sinh tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang) là con thứ tư trong gia đình nhưng là con trai trưởng của ông Huỳnh Công Bộ (Hương Cả Bộ) và bà Lê Thị Nhậm.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học ông phải bỏ học vì mắc nhiều bệnh. Quá trình lên núi chữa bệnh cũng là thời kỳ ông bắt đầu học đạo, học làm thuốc. Khi chưa tròn 18 tuổi, ông tuyên bố mình là bậc "Sinh nhi tri", biết được quá khứ nhìn thấu tương lai, xuống hạ giới có nhiệm vụ truyền bá cho dân chúng tư tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương để chấn hưng Phật giáo, cứu độ chúng sinh khỏi sông mê, biển khổ và "đưa nhơn loại đi vào vòng hạnh phúc". Ông chữa bệnh cho người dân bằng các bài thuốc nam, đồng thời qua đó ông truyền dạy giáo lý bằng những bài sám giảng (còn gọi là sám giảng) do ông soạn thảo. Vì vậy chỉ trong vòng 2 năm từ 1937 đến 1939 số người tin theo ông đã khá đông và ông trở nên nổi tiếng khắp vùng.

Ngày 18/5 năm Kỷ Mão (tức ngày 04/7/1939), ông Huỳnh Phú Sổ tổ chức lễ khai đạo tại tư gia, khi ông chưa tròn 20 tuổi. Ông đã lấy tên ngôi làng Hòa Hảo - nơi mình sinh ra để đặt tên cho tôn giáo do mình sáng lập là "*Phật giáo Hòa Hảo*". Sau đó, ông được tín đồ Phật giáo Hòa Hảo suy tôn là "Thầy tổ", và được gọi "*Đức Tôn Sư*", "*Đức Thầy*", "*Đức Huỳnh Giáo chủ*".

#### 1.1.2. Quá trình phát triển của Phật giáo Hoà Hảo

##### 1.1.2.1. Giai đoạn từ ngày thành lập đạo (1939) đến trước năm 1975

Từ ngày thành lập đạo (1939) đến năm 1947 là thời kỳ "hoàng kim" của Phật giáo Hòa Hảo với tư cách là một tôn giáo. Đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, ông Huỳnh Phú Sổ trở thành Đức Phật hoá kiếp, là Phật sống vì những việc làm và lời lẽ "siêu phàm". Chính trong khoảng thời gian ngắn này, ông Huỳnh Phú Sổ đã cho ra đời 6 tác phẩm trong "Sám giảng giáo lý".

Bối cảnh xã hội phức tạp của không khí chiến tranh thế giới lần thứ hai đã ảnh hưởng đến cá nhân ông Huỳnh Phú Sổ và ảnh hưởng đến sự phát triển



của Phật giáo Hòa Hảo. Đây là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Hòa Hảo: giáo lý tiếp tục được hoàn chỉnh; nghi lễ tôn giáo được hình thành và ổn định, đặc biệt là việc phát triển số lượng tín đồ. Theo tư liệu hiện có thì thời kỳ này (năm 1947), số người được gọi là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo tham gia đóng niên liễm là 2,1 triệu người. Nguyên nhân cơ bản là do nhu cầu tôn giáo của quần chúng, họ ngưỡng mộ giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, tự nguyện theo theo đạo để thoả mãn nhu cầu tinh thần.

Từ năm 1947, Phật giáo Hòa Hảo chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ phát triển có tổ chức hành chính đạo nhưng cũng là thời kỳ tôn giáo dần dần bị suy giảm, biến dạng. Năm 1964, Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo nhiệm kỳ I do Lương Trọng Tường là Hội trưởng chính thức hoạt động. Sau 25 năm, từ khi ra đời, đây là mốc mở đầu cho thời kỳ Phật giáo Hòa Hảo có tổ chức hành chính đạo, nhưng đồng thời cũng là tiền đề gây ra sự bất đồng và suy thoái trong nội bộ Giáo hội.

#### *1.1.2.2. Giai đoạn từ năm 1975 đến tháng 5/1999 (giai đoạn trước khi Phật giáo Hòa Hảo được công nhận tổ chức)*

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ngày 19/6/1975 đại diện Tổ đình là bà Huỳnh Thị Kim Biên và Huỳnh Văn Quốc ra thông cáo giải tán Ban Trị sự các cấp của Phật giáo Hòa Hảo. Kể từ thời điểm đó, tổ chức hành chính đạo của Phật giáo Hòa Hảo không còn, tuy nhiên, Phật giáo Hòa Hảo vẫn tồn tại thông qua sinh hoạt tôn giáo của cá nhân trong gia đình.

Về đức tin, niềm tin tôn giáo của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo vẫn sâu sắc, trong ý thức của đông đảo tín đồ vẫn tồn tại biểu trưng của Phật giáo Hòa Hảo, các gia đình Phật giáo Hòa Hảo đều xác nhận họ tôn thờ Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ - người được coi là cội nguồn của đức tin. Nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ không suy giảm, họ tuân thủ giáo lý nguyên thủy và có biểu hiện thể tục hoá trong đời sống đạo.

#### *1.1.2.3. Giai đoạn từ tháng 5/1999 đến nay*

Xuất phát từ nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của đại đa số tín đồ, mong muốn có một tổ chức giáo hội để hướng dẫn, phổ truyền giáo lý Phật giáo Hòa Hảo cho bà con tín đồ tu học và có địa điểm hợp pháp để làm nơi hoạt động và sinh hoạt tôn giáo, Nhà nước đã chấp thuận cho thành lập Ban vận động, tiến hành Đại hội đại biểu Phật giáo Hòa Hảo lần thứ nhất vào ngày 25-26/5/1999 suy cử Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo gồm 11 vị hoạt động theo “Quy chế tổ chức

và hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo” với đường hướng tiến bộ, gắn bó với dân tộc. Ngày 11/6/1999, Ban Tôn giáo của Chính phủ (nay là Ban Tôn giáo Chính phủ) có Quyết định số 21/QĐ/TGCP về việc công nhận tổ chức và hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo (nay là Ban Trị sự trung ương giáo hội Phật giáo Hòa Hảo). Đây là một sự kiện đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa to lớn vừa thể hiện tính đúng đắn về chủ trương, chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, vừa tạo luồng sinh khí mới đối với đời sống tinh thần, tâm linh của toàn thể tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Đại hội đại biểu Phật giáo Hòa Hảo toàn đạo lần thứ II tháng 6/2004 đã xây dựng Hiến chương, tiếp tục khẳng định đường hướng hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là: *"Vĩ đạo pháp, vì dân tộc"*; kiện toàn tổ chức, bao gồm Ban Trị sự 2 cấp hành chính đạo: cấp toàn đạo và cấp cơ sở. Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo - tổ chức đại diện hợp pháp duy nhất của đồng bào theo Phật giáo Hòa Hảo. Đến năm 2019, trải qua năm kỳ đại hội, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã từng bước phát triển, trở thành tổ chức giáo hội 2 cấp hành chính đạo gồm có Ban Trị sự trung ương Phật giáo Hòa Hảo và 400 Ban Trị sự xã, phường, thị trấn (cấp cơ sở), cùng 14 Ban Đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đến nay, Phật giáo Hòa Hảo có trên 4.000 chức việc các cấp, khoảng 1,5 triệu tín đồ, sinh sống ở 20 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó, chủ yếu tập trung ở 09 tỉnh miền Tây Nam bộ là: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Tiền Giang, Long An và Kiên Giang.

Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã từng bước tập trung củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban chuyên môn. Hằng năm tổ chức 2 ngày lễ trọng của đạo là ngày khai đạo 18/5 âm lịch và ngày Đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ 25/11 âm lịch. Đặc biệt, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã vận động đông đảo tín đồ tự nguyện tham gia có hiệu quả cao trong hoạt động từ thiện - xã hội như: xây mới và sửa chữa cầu nông thôn; sửa chữa và nâng cấp đường bộ; sửa chữa và xây dựng nhà tình thương; quyên góp gạo, tiền để tổ chức cứu trợ cho các vùng bị lũ lụt; ngoài ra còn cấp thuốc Đông, Nam y miễn phí và tham gia hỗ trợ cho những bệnh nhân nghèo đi khám, điều trị bệnh,... Đặc biệt, thời gian qua bà con tín đồ đã nêu cao trách nhiệm công dân sống và hoạt động theo luật pháp, kịp thời đấu tranh với những hoạt động gây chia rẽ đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; góp phần giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội mới theo định hướng: *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*.

## 1.2. Giáo lý, luật lệ, lễ nghi

### 1.2.1. Giáo lý

Giống như các tôn giáo khác, Phật giáo Hoà Hảo cũng có những lời giáo huấn, cầu nguyện, tiên tri do Đức thầy truyền dạy, chép thành từng cuốn gọi là Sám giảng viết theo dạng thơ *sám văn* truyền ngôn, giản dị dễ nhớ. Kinh sách của Phật giáo Hoà Hảo bao gồm phần Sám giảng và phần Thi văn giáo lý.

- Phần Sám giảng gồm 6 cuốn:

+ Cuốn 1: *Sám giảng khuyên người đời tu niệm*, được viết năm 1939 theo thể lục bát gồm 912 câu.

+ Cuốn 2: *Kệ dân của người khùng*, thơ 7 chữ, dài 846 câu, viết năm 1939.

Hai cuốn trên chứa đựng nội dung tiên tri những cảnh lầm than trong buổi Hạ nguyên, tự xưng mình được phái xuống trần làm kẻ điên để giảng đạo cho dân chúng, tình ngộ họ mau mau tu niệm kéo muộn (Ông tự nhận là kẻ "điên" vì không làm theo những điều mà những người bình thường vẫn làm trong một xã hội chạy theo những ham muốn vật chất).

+ Cuốn 3: *Sám giảng* viết năm 1939, theo thể lục bát, dài 612 câu, trong cuốn này ông dạy người ta phải tu nhân đạo.

+ Cuốn 4: *Giác mê tâm kệ* viết năm 1939, thơ 7 chữ, dài 846 câu. Ông bắt đầu đề cập tới các khái niệm Phật giáo như Tứ diệu đế, Bát chính đạo, Ngũ uẩn, Lục căn, Lục trần... và khuyên người ta tu theo Phật giáo, nhưng cốt lòng thành, không câu nệ hình thức, nghi lễ.

+ Cuốn 5: *Khuyến thiện* viết năm 1941, văn lục bát, 756 câu, kể chuyện Thích Ca ngộ đạo, luận về khổ về tịnh độ, diệt ngã trực, trừ thập ác, hành thập thiện.

+ Cuốn 6: *Cách tu hiền và cách ăn ở của người bốn đạo*, viết năm 1945 dưới dạng văn xuôi. Cuốn này bàn về cách tu của Phật giáo Hoà Hảo là tu tại gia, tức là học Phật tu nhân. Lý giải tại sao phải trả Tứ Ân, luận về Tam nghiệp, Thập ác, về Bát chính đạo. Sách cũng quy định cách thờ phượng, hành lễ, những kiêng kỵ, cấm kỵ mà một tín đồ Phật giáo Hoà Hảo phải tin theo.

Cuốn sách này là kết quả của một thời kỳ đạo đã hình thành, phát triển, có hệ thống tổ chức, giáo luật và nhằm đáp ứng nhu cầu đó.

- Phần Thi văn giáo lý bao gồm những bài thi văn xướng hoạ được tập hợp lại viết từ năm 1939 đến 1947, gồm 253 bài văn vần và văn xuôi.

Giáo lý của Phật giáo Hoà Hảo tóm gọn trong 4 chữ: *Học Phật, tu nhân*. Và, cái chốt của học Phật tu nhân là *tứ ân*. Sức lôi cuốn của Phật giáo Hoà Hảo với tín

đồ về phương diện giáo lý chính là ở đó, việc nó nêu cao đạo lý làm người, biểu hiện trước hết ở Tứ ân. Giáo lý Phật giáo Hoà Hảo chứa đựng các tư tưởng của Nho, Phật, Lão bởi "Tứ ân" là một hình thức tam giáo mà tính trội thuộc về Nho giáo, thứ đến là Đạo giáo vì dùng phù phép trừ tà chữa bệnh, cuối cùng mới đến là Phật giáo (*ân Tam bảo*). Đối với đạo Hoà Hảo, Phật giáo lại là tính trội.

*Tu nhân* Là rèn sửa tâm tính, làm lành lánh dữ để tích đức, làm tốt mọi việc, sống tốt với mọi người, có ích cho đất nước, xã hội. muốn tu nhân phải thực hiện *Tứ đại trọng ân*, tức đền trả bốn ân lớn: ân cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại. Ngoài ra muốn tu nhân còn phải *xử thế theo tinh thần Nho giáo*: Kính trời đất, trọng thần thánh, chuyên tâm thờ phụng tổ tiên, thảo hiền với cha mẹ, giữ phép nước, trọng thay, yêu mến anh em, giữ chữ tín với bạn, sống có nghĩa với bà con xóm giềng.

*Học Phật* Là học những điều Phật dạy và làm những điều Phật khuyên nhằm nhận thức được con đường đạt tới chân, toàn mỹ, nâng cao hơn khả năng tu nhân. Điều kiện của học Phật là thực hiện *Thập nhị lệ sự* (12 điều tuân): Kinh thiên địa, Lễ thần minh, Phụng tổ tiên, Hiếu song thân, Thủ vương pháp, Trọng sư trưởng, ái huynh đệ, Tín bằng hữu, Lục tôn tộc, Hoà hương lân, Biệt Phu Phụ và Giáo tư tôn. Tín đồ phải thành tâm niệm *Lục tự di đà* và các bài kinh Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Đức Thầy soạn.

### **1.2.2. Giáo luật**

Phật giáo Hoà Hảo chủ trương niệm Nam Mô A Di Đà Phật (tức niệm lục tự Di Đà). Tín đồ thực hiện 8 điều răn của Đức Giáo chủ, xem đó như là giới luật của đạo:

1. Không nên uống rượu, cờ bạc, thuốc phiện, chơi bời, đàng điếm, phải giữ trọng luân lý tam cương, ngũ thường.
2. Không nên lời biếng, phải cần kiệm, sốt sắng lo làm ăn và lo tu luân chân chất, không nên gây gổ lẫn nhau, hãy tha thứ tội lỗi cho nhau trong khi nóng giận.
3. Không nên ăn xài chung diện thái quá và lợi dụng tiền tài mà quên nhân nghĩa đạo lý, đừng ích kỷ và xu nịnh kẻ giàu sang, phụ người nghèo khó.
4. Không nên kêu Trời, Phật, Thần, Thánh mà sai hay hoặc nguyên rủa vì thần thánh không can phạm đến ta.
5. Không ăn thịt trâu, bò, chó và sát sinh hại vật mà cúng thần, thánh vì thần, thánh không bao giờ dùng hối lộ mà tha tội cho ta vì nếu ta làm tội sẽ chịu

tội, còn những hạng ăn đồ cúng mà hết bệnh là tà thần: Nếu ta cúng kiếng mãi thì chúng ăn quen sẽ nhiều hại ta.

6. Không nên đốt giấy, tiền, vàng, bạc, giấy quần áo mà tốn tiền vô lý, vì cõi Diêm Vương không bao giờ ăn hối lộ của ta mà cũng không xài được nữa, phải để tiền lãng phí ấy trợ cứu cho những người đói rách, tàn tật.

7. Đứng trước mọi việc gì về sự đời, hay đạo đức, phải suy xét cho mình lý rồi sẽ phán đoán việc ấy.

8. Tóm lại phải yêu thương lẫn nhau như con một cha, dìu dắt nhau vào con đường đạo đức, nếu ai giữ được trọn lành, trọn sáng về nơi cõi Tây phương an dưỡng mà học đạo cho hoàn toàn đứng trở lại cứu vớt chúng sinh.

Tất cả thiện nam tín nữ trong tôn giáo nhà phật lúc rảnh việc nên thường coi kệ giảng mà giữ gìn phong hoá nước nhà, giữ những tục lệ chân chính, bỏ tất cả những sự dị đoan mê tín thái quá làm cho đạo đức suy đồi.

Rõ ràng những lời khuyên răn trên phê phán mê tín dị đoan, dùng tà thuật bùa chú chữa bệnh và phê phán việc "hối lộ" Thần Thánh để chuộc tội. Đó là những tư tưởng tiến bộ của Phật giáo Hoà Hảo.

### **1.2.3. Thờ phụng**

Giáo lý Phật giáo Hoà Hảo chủ trương thờ phụng đơn giản, không cầu kỳ phức tạp, trở về với nội tâm hơn là hình tướng bên ngoài, đúng với tinh thần vô vi mà Đức Phật Thích Ca đã đề xướng.

Người tín đồ Phật giáo Hoà Hảo thờ cúng ba ngôi hương án tại nhà, bao gồm:

- Ngôi thờ Cửu Huyền Thất Tổ: thờ cúng tổ tiên, theo đạo lý uống nước nhớ nguồn.

- Ngôi thờ Tam Bảo: thờ Thập phương Phật, Pháp, Tăng. Ngôi thờ này có đặt một tấm vải màu nâu đậm (gọi là Trần Đà) tượng trưng cho sự thoát tục và sự đoàn kết.

- Ngôi Thông Thiên: đặt ngoài trời.

Ngôi thờ Tam Bảo và ngôi Thông Thiên chỉ đặt lư hương, bình hoa, ly nước sạch. Bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ thì ngoài ba thứ trên có thể dâng cúng thêm thực phẩm: bánh kẹo, thức ăn nhưng là đồ cúng chay.

### **1.2.4. Hành lễ**

Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ dạy tín đồ Phật giáo Hoà Hảo "chỉ thờ lạy Đức Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ lúc còn sống và các vị anh hùng cứu quốc. Với những kẻ khác, nên bỏ hẳn sự lạy lỵ người sống, cho đến Thầy mình cũng vậy, chỉ xá thôi".

*Những ngày lễ trọng:*

Các ngày Lễ kỷ niệm của Phật giáo Hoà Hảo đều được tổ chức vào ngày âm lịch. Trong một năm, theo âm lịch, Phật giáo Hoà Hảo có các ngày lễ, Tết chính:

Ngày 1 tháng Giêng: Tết Nguyên Đán

Ngày Rằm tháng Giêng: Lễ Thượng Nguyên

Ngày 25 tháng 2: ngày Đức Huỳnh Giáo chủ vắng mặt

Ngày 8 tháng 4: Lễ Phật đản

Ngày 18 tháng 5: Lễ Khai sáng Đạo Phật giáo Hoà Hảo

Ngày Rằm tháng 7: Lễ Trung Nguyên, Vu Lan Báo Hiếu

Ngày 12 tháng 8: Vía Phật Thầy Tây An

Ngày Rằm tháng 10: Lễ Hạ Ngươn

Ngày 17 tháng 11: Lễ Phật A-di-đà

Ngày 25 tháng 11: Lễ Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo chủ

Ngày 8 tháng Chạp: Lễ Phật thành đạo

Trong các ngày lễ trên, ngày lễ khai đạo Phật giáo Hòa Hảo (18/5 âm lịch) là ngày lễ lớn nhất, thu hút rất đông tín đồ Phật giáo Hòa Hảo về viếng Tổ đình và An Hoà Tự tại thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

### **1.3. Đặc điểm của Phật giáo Hòa Hảo**

#### ***1.3.1. Phật giáo Hòa Hảo là tôn giáo nội sinh, giản dị, bình dân***

Trên cơ sở nền tảng của giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tư tưởng trong giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo là sự kết hợp đơn giản những nội dung dân dã, mộc mạc của Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo, trong đó tư tưởng Phật giáo là yếu tố xuyên suốt. Tuy vậy, Phật giáo Hòa Hảo hoàn toàn độc lập về kinh sách và cách thức tu hành. Đây là một tôn giáo nhấn mạnh vào những hành vi riêng lẻ của sự thờ cúng và lòng thành. Đặc trưng này của Phật giáo Hòa Hảo không chỉ thể hiện trong giáo lý mà cả trong luật lệ, nghi lễ hành đạo. Ra đời trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX nhiều biến động, Phật giáo Hòa Hảo đã bổ sung một số quan niệm và cúng lễ theo cách riêng của mình, có nhiều tác động đối với tín đồ, phù hợp điều kiện kinh tế xã hội Nam bộ, thích hợp với nếp sống của dân tộc, gắn liền với Nhân dân lao động, mang yếu tố xã hội sâu sắc. Vì vậy, có lý khi nói rằng Phật giáo Hòa Hảo là “đạo nông dân” nhưng là nông dân Nam bộ. Họ là người cần cù trong lao động, chịu đựng gian khổ, đùm bọc lẫn nhau, cùng chia sẻ khi khó khăn hoạn nạn và sống hòa đồng, đoàn kết với những người không theo tôn giáo hoặc tôn giáo khác.

**1.3.2. Phật giáo Hòa Hảo không có hàng ngũ chức sắc xuất gia tu hành, không có hàng giáo phẩm làm trung gian giữa tín đồ với đấng siêu nhiên, bình đẳng trong sinh hoạt tôn giáo**

Phật giáo Hòa Hảo là tôn giáo bình đẳng trong tu hành giữa mọi tín đồ, không chủ trương có tín đồ xuất thế tu hành chuyên nghiệp, tín đồ đồng thời là cư sỹ tại gia. Mỗi tín đồ tự mình trực tiếp với đạo pháp mà không cần thông qua một nhân vật tách biệt giữa Đạo - Đời hay một giáo hội theo trật tự đẳng cấp. Do vậy, Phật giáo Hòa Hảo không có hàng ngũ chức sắc xuất gia tu hành, không có hàng giáo phẩm làm trung gian giữa tín đồ với đấng siêu nhiên. Vì chức việc xuất phát từ tín đồ nên Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo được tổ chức và vận hành theo thiết chế xã hội với đặc điểm “xã hội nào, giáo hội đấy, nhân sự ấy”, tùy khế lý khế cơ của chúng sinh để hoạt động.

Tín đồ coi trọng việc tu tại gia, thờ cúng tại nhà là chính, nghĩa là về cơ bản mọi sinh hoạt trong đời sống tôn giáo của tín đồ đều thực hiện ở nhà. Việc tín đồ đến nơi công cộng (thờ tự chung) không phải là bắt buộc mà chỉ là thể hiện nhu cầu tình cảm tôn giáo của mình đối với những nơi mang tính "kỷ niệm lịch sử" của tôn giáo mình như Tổ đình, An Hoà Tự, các chùa Phật giáo Hòa Hảo rải rác ở một số tỉnh Tây Nam bộ, trong đó chủ yếu là Tổ đình và An Hoà Tự.

**1.3.3. Hoạt động từ thiện - xã hội là sự nhập thế của Phật giáo Hòa Hảo nhằm củng cố đức tin**

Một đặc điểm nổi bật của Phật giáo Hòa Hảo là coi hoạt động từ thiện - xã hội là một lối tu hành. Điều này cho thấy Phật giáo Hòa Hảo là một tôn giáo không yếm thế, xa lánh cuộc sống mà trong sự tu hành “nhập thế”, “vị nhân sinh”, với bản tính “tu hiền chơn chất”, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo rất hăng hái, âm thầm tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo. Đặc biệt, từ khi được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo tiến hành 5 lần Đại hội đại biểu toàn đạo, xây dựng Hiến chương khẳng định đường hướng hành đạo: “*Vì đạo pháp, vì dân tộc*”, và cụ thể hóa trong thực tiễn hoạt động của Giáo hội qua các hoạt động từ thiện – xã hội. Chính các kết quả hoạt động từ thiện - xã hội và những việc làm hữu ích của đồng bào Phật giáo Hòa Hảo trong thời gian qua đã thấp sáng lên “*ngọn đuốc từ bi trí thiện*” thể hiện đúng tinh thần nhập thế vì chúng sinh của Phật giáo Hòa Hảo. Đây là đặc điểm tiên bộ, nhân văn trong hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo trong việc phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc vì một xã hội nhân văn và phát triển.

### **1.3.4. Hoạt động lợi dụng Phật giáo Hòa Hảo**

Một bộ phận người theo Phật giáo Hòa Hảo vẫn thờ cúng và thực hành giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo nhưng không thừa nhận là tín đồ của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, do đó chưa tiếp cận được chủ trương, chính sách về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, dễ bị lôi kéo, kích động tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

Như vậy, có thể nói Phật giáo Hòa Hảo là một tôn giáo ra đời trong truyền thống tín ngưỡng miền Tây Nam Bộ. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, đến nay niềm tin tôn giáo, nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo rất lớn. Giáo lý, giáo luật, lễ nghi của Phật giáo Hòa Hảo có vai trò quan trọng, tạo ra văn hóa, lối sống riêng của một bộ phận quần chúng Nhân dân Tây Nam bộ, đó là những người theo đạo thuần túy, tu hiền chân chất, vận dụng những nét đẹp trong giáo pháp vào các hoạt động an sinh xã hội.

## **2. TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO HÒA HẢO HIỆN NAY**

### **2.1. Số lượng chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo**

#### **2.1.1. Về tín đồ**

Tín đồ Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo không phân biệt nam nữ, thành phần, dân tộc, tự phát nguyện tu hành theo tôn chỉ, đường hướng, theo nghi thức thờ cúng, tuân hành giáo lý, giáo luật và tuân thủ pháp luật Nhà nước, giữ gìn sự trong sáng của giáo lý chơn truyền, đoàn kết tôn giáo, đạo đời, thừa nhận bản Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo (Theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo).

Năm 1999 Phật giáo Hòa Hảo có khoảng 1,2 triệu tín đồ, đến năm 2009 số lượng tín đồ tăng lên trên 1,3 triệu người và đến năm 2021 có trên 1,5 triệu tín đồ. Sự phân bố tín đồ của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo trải rộng trên địa bàn ở 20 tỉnh, thành phố nhưng không đều, chủ yếu tập trung ở 09 tỉnh miền Tây Nam bộ gồm: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Tiền Giang, Long An và Kiên Giang. Số tín đồ ở 3 tỉnh, thành phố là An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ chiếm tới 99% tổng số tín đồ. Tỉnh An Giang là trung tâm, được coi là thánh địa của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, từ đây Phật giáo Hòa Hảo lan toả ảnh hưởng một cách đậm nét trong các địa phương lân cận dọc sông Cửu Long là: Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Kiên Giang.

Giai đoạn sau khi được công nhận tổ chức (1999): Ở thời điểm số lượng tín đồ có giảm so với trước khi được công nhận tổ chức, nhưng phát triển nhanh



chóng vào các giai đoạn tiếp theo. Việc tín đồ Phật giáo Hòa Hảo giảm so với trước là do sau khi được công nhận tổ chức tôn giáo, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã có hệ thống quản lý tín đồ bằng định danh qua việc cấp thẻ hoặc ghi tên vào sổ tín đồ. Đến các giai đoạn tiếp theo số lượng tín đồ có tăng nhưng không nhiều, bởi số tăng chỉ do tính cơ học là chủ yếu.

### **2.1.2. Về số lượng chức việc**

Hiển chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo quy định chức việc của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo là những tín đồ chân tu, có tâm đạo, là công dân Việt Nam từ 25 tuổi trở lên, tùy trình độ, năng lực, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, được ứng cử hoặc bổ nhiệm vào tổ chức Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. Do vậy, những tín đồ Phật giáo Hòa Hảo tham gia Ban Trị sự các cấp của Giáo hội hoặc do Giáo hội suy cử, bổ nhiệm để giữ một chức vụ trong Giáo hội được gọi là chức việc Phật giáo Hòa Hảo.

Ngày 26/5/1999, tại An Hoà tự thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, Ban Vận động Phật giáo Hòa Hảo đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo Hòa Hảo lần thứ nhất cấp toàn đạo, suy cử được đội ngũ chức việc chăm lo đạo sự cho tín đồ của Giáo hội.

#### **- Cấp trung ương:**

- + Nhiệm kỳ I (1999-2004), được Ban Tôn giáo Chính phủ chấp thuận thành lập Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo cấp trung ương với 11 thành viên;
- + Nhiệm kỳ II (2004-2009) có 21 Trị sự viên trung ương;
- + Nhiệm kỳ III (2009-2014) có 26 Trị sự viên trung ương;
- + Nhiệm kỳ IV (2014-2019) số lượng Trị sự viên trung ương là 27 vị.
- + Nhiệm kỳ V (2019-2024) số lượng Trị sự viên trung ương là 28 vị.

#### **- Cấp xã:**

Ban Trị sự xã do Đại hội đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong xã suy cử theo nhiệm kỳ của Ban Trị sự Trung ương và có từ 3 đến 9 Trị sự viên gồm các chức danh: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký và các Trị sự viên cơ sở.

- + Nhiệm kỳ I (1994-2004), có 257 đại diện cơ sở (chưa có BTS);
- + Nhiệm kỳ II (2004-2009) có 301 BTS cơ sở với 1.964 chức việc
- + Nhiệm kỳ III (2009-2014) có 391 BTS cơ sở với 2.583 chức việc
- + Nhiệm kỳ IV (2014-2019) có 400 BTS cơ sở với 3.181 chức việc

Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có trên 4.000 chức việc, bao gồm thành viên Ban Trị sự viên trung ương, các Ban giúp việc cho

Ban Trị sự trung ương; Ban Đại diện các tỉnh, TP; Ban Trị sự cơ sở; Ban quản tự các chùa Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo.

Có thể nói, do nhu cầu mở rộng hoạt động, tổ chức từng bước được củng cố đòi hỏi nhân sự phải được được kiện toàn và tăng dần về số lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống tổ chức Giáo hội, vừa đáp ứng được nguyện vọng của tín đồ mong muốn có tổ chức tại địa phương để được hướng dẫn tu tập theo đúng giáo lý chân truyền và Hiến chương của Giáo hội, phù hợp với quy định của pháp luật.

### **2.1.3. Về cơ sở tôn giáo**

Truyền thống của Phật giáo Hòa Hảo là “*Học Phật, tu nhân*”, “*tại gia cư sĩ*”, nên việc thờ phụng và hành đạo của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo rất đơn giản, chủ yếu là tiến hành tại gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của Phật giáo Hòa Hảo đã xuất hiện nhu cầu cơ sở thờ tự (giáo sản) để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung của tín đồ.

Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có 50 chùa đã được Nhà nước công nhận trong đó ở An Giang 14 chùa, Đồng Tháp 23 chùa, Cần Thơ 8 chùa.

Bên cạnh đó, trên cơ sở thực hiện Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và xuất phát từ nhu cầu thực tế cần có nơi làm việc ổn định của các Ban Trị sự cấp xã, Ban Trị sự trung ương giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước tiến hành xây dựng trụ sở làm việc của Ban Trị sự cấp xã.

### **2.2. Cơ cấu tổ chức**

Về tổ chức Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có 2 cấp: cấp cơ sở là xã, phường, thị trấn; cấp Trung ương đại diện cho toàn đạo. Phật giáo Hòa Hảo không có hệ thống chức sắc, tập thể tín đồ (đồng đạo) suy cử người đại diện để chăm lo việc đạo với nhiệm kỳ 5 năm một lần. Những người được suy cử là những người tiêu biểu cho nếp sống tốt đời đẹp đạo và làm theo nhiệm kỳ. Những người được suy cử phải có những tiêu chuẩn được ghi trong Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo như: “Trị sự viên Ban Trị sự các cấp phải có tinh thần yêu nước, tích cực xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, là công dân tốt, hiểu biết giáo lý, lễ nghi, có tín nhiệm trong đạo”.

Hiện nay, tại Điều 4 của Hiến chương quy định Hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo gồm 2 cấp:

- *Cấp toàn đạo có Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo:*

Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo do Đại hội Đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo toàn đạo suy cử có từ 25 đến 29 Trị sự viên, nhiệm kỳ

là 5 năm, là tổ chức hợp pháp duy nhất của Phật giáo Hòa Hảo, đại diện cho toàn thể tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có các ban chuyên ngành do Ban Trị sự trung ương bổ nhiệm theo nhiệm kỳ, gồm: (1) Văn phòng; (2) Ban Tài chính; (3) Ban Phổ truyền giáo lý; (4) Ban Tổ chức và Nhân sự; (5) Ban Từ thiện - Xã hội; (6) Ban Kiểm soát. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các ban chuyên ngành sẽ được cụ thể hoá ở nội quy do Ban Trị sự trung ương ban hành.

*- Cấp cơ sở gọi là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã):*

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo cấp xã do Đại hội Đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong xã suy cử, theo nhiệm kỳ của Ban Trị sự trung ương, có từ 3 đến 9 Trị sự viên gồm các chức danh: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký và các Trị sự viên cơ sở. Tuỳ theo yêu cầu đạo sự, Ban Trị sự xã cử Trị sự viên phụ trách các mảng đạo sự.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo cấp xã đại diện cho tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là thành viên khối đại đoàn kết ở cơ sở.

*- Tại những tỉnh, thành phố có đông tín đồ Phật giáo Hòa Hảo lập Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo tỉnh, thành phố.*

Ban Trị sự các cấp có tư cách pháp nhân, có con dấu tròn để sử dụng và được đăng ký tài khoản ở ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước, Ban Đại diện tỉnh, thành phố và các ban chuyên ngành, văn phòng (trực thuộc Ban Trị sự Trung ương) có con dấu sử dụng lưu hành nội bộ theo quy định của pháp luật.

Giúp việc cho Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và nối liên hệ với cơ sở, tại mỗi tỉnh, thành phố (trực thuộc Trung ương) có Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo tỉnh, thành phố do Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo bổ nhiệm.

### **2.3. Về thực trạng hoạt động tôn giáo**

Sau khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, tại Đại hội cấp toàn đạo nhiệm kỳ 2019-2024, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiến chương theo tinh thần của Luật. Theo đó, hiện nay hoạt động của Giáo hội PGHH có những nội dung chính như sau:

### **2.3.1. Về hoạt động hành chính đạo**

Cơ cấu tổ chức giáo hội 2 cấp hành chính đạo, gồm có Ban Trị sự trung ương và 400 Ban Trị sự xã, phường, thị trấn (cấp xã), 14 Ban Đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Giúp việc cho Ban Trị sự trung ương có các ban chuyên môn gồm: Văn phòng, Ban Tài chính, Ban Phổ truyền giáo lý, Ban Tổ chức và Nhân sự, Ban Từ thiện - Xã hội, Ban Kiểm soát. Bên cạnh đó, 50 chùa của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã được Nhà nước công nhận đều có Ban Quản tự do Ban Trị sự xã đề cử và được Ban Trị sự trung ương quyết định thành lập, trong đó, Trưởng Ban Quản tự là Trưởng Ban Trị sự xã.

Trên cơ sở Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo được đại biểu toàn đạo lần IV điều chỉnh, bổ sung và thông qua, Ban Trị sự Trung ương đã tu chính và ban hành các văn bản đạo quy dưới Hiến chương gồm:

1. Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo.
2. Nội quy hoạt động của Văn phòng Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo.
3. Nội quy hoạt động của Ban Phổ Truyền giáo lý
4. Nội quy hoạt động của Ban Tổ Chức & Nhân sự
5. Nội quy hoạt động của Ban Từ Thiện xã hội
6. Nội quy hoạt động của Ban Tài chính
7. Nội quy hoạt động của Ban Kiểm soát
8. Nội quy hoạt động của của giáo lý viên
9. Quy chế hoạt động của Ban Trị sự xã, phường, thị trấn
10. Nội quy hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo tỉnh, TP
11. Quy định về hoạt động của Ban kiểm tra liên ngành Trung ương.
12. Nội quy nhà nghỉ tập thể Ban Trị sự trung ương.

Ý thức chấp hành Hiến chương và các văn bản đạo quy trong hệ thống tổ chức của Giáo hội được nâng lên. Các nguyên tắc dân chủ (dân chủ đa số và tập trung dân chủ), các quan hệ quản lý và các quan hệ phối hợp giữa Ban Trị sự trung ương và các Ban Trị sự cơ sở, giữa các Ban chuyên ngành và Ban Đại diện tỉnh, thành phố được xác lập giúp toàn bộ hệ thống Giáo hội vận hành ổn định.

Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo quy định cụ thể nguyên tắc làm việc của các Ban Trị sự các cấp. Theo đó, Ban Trị sự trung ương, Ban Trị sự xã và Ban Thường trực của Ban Trị sự trung ương làm việc theo nguyên tắc dân chủ tập thể quyết định theo đa số không trái giáo lý, giáo luật và pháp luật của

Nhà nước. Ban Trị sự xã tuân hành sự chỉ đạo của cấp trên, có quyền đề ra sáng kiến nhưng chỉ thực hiện khi có sự đồng ý của cấp trên, có quyền khiếu nại các quyết định, chỉ đạo của cấp trên nhưng phải thi hành ngay cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

Hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo, nay là Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo với vai trò là đại diện cho toàn thể tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố và đi vào chiều sâu. Tổ chức, nhân sự từng bước được kiện toàn, quy chế hoạt động của Ban Trị sự trung ương, Văn phòng và các Ban giúp việc được xây dựng đưa hoạt động đạo sự hành chính vào quy củ. Ban Trị sự trung ương Phật giáo Hòa Hảo đã chọn cử đại diện, sau này là Ban Đại diện tại một số tỉnh, thành phố có đông tín đồ, phối hợp với Ban Tôn giáo các tỉnh có Phật giáo Hòa Hảo hướng dẫn tổ chức đại hội cơ sở suy cử Ban Trị sự các xã, phường, thị trấn.

Hiến chương của Giáo hội đã quy định trị sự viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo các cấp phải có tinh thần yêu nước, là công dân tốt, có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; hiểu biết giáo lý, lễ nghi, có tín nhiệm trong Đạo, có năng lực và điều kiện hoạt động đạo sự. Trị sự viên, chức việc có công đức với Đạo sẽ được Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo tuyên dương và được ghi vào sổ Công đức truyền thống Đạo. Trị sự viên, chức việc Phật giáo Hòa Hảo nếu vi phạm những điều răn cấm của Đạo và Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, làm tổn thương đến thanh danh đạo sẽ do Ban Trị sự xử lý theo luật Đạo, nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bị xử lý theo luật Đạo.

### ***2.3.2. Về hoạt động bổ nhiệm, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức việc***

Công tác điều chuyển, bãi miễn hoặc thay đổi chức danh, bổ sung nhân sự được tiến hành kịp thời, đúng theo Hiến chương Giáo hội và pháp luật Nhà nước.

Trong thời gian qua, Ban Trị sự các cấp tích cực trong hoạt động bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc của Phật giáo Hòa Hảo, đặc biệt là làm tốt công tác nhân sự trước mỗi kỳ đại hội. Hiện nay, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định những tiêu chuẩn, điều kiện của một chức sắc, chức việc với những tiêu chí được lượng hóa rõ ràng (Điều 32) và quy trình, thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, suy cử, bầu cử làm chức việc cũng chặt chẽ hơn (Điều 34) giúp cho tổ

chức tôn giáo bầu, chọn được những chức sắc, chức việc đảm bảo chất lượng. Bên cạnh đó hồ sơ đăng ký người được bầu cử, suy cử làm chức việc cũng có những yêu cầu chặt chẽ là có lý lịch tư pháp của ứng viên. Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có trên 4.000 chức việc.

### ***2.3.3. Về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chức việc***

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chức việc được Ban Trị sự trung ương quan tâm đầu tư: thành lập trường Trung cấp Phật giáo Hoà Hảo; mở các lớp giáo lý căn bản để đào tạo giáo lý viên. Cụ thể:

+ *Đào tạo giáo lý viên*: Đào tạo giáo lý viên là một trong bốn nội dung trọng tâm của công tác đạo sự nhằm nâng cao năng lực hoạt động cũng như nhận thức của Trị sự viên và Trợ lý đạo sự các cấp, nhằm giúp cho tín đồ nhận thức đúng đắn Tôn chỉ, giáo lý, lễ nghi; thực hiện đúng Hiến chương và chương trình đạo sự của Ban Trị sự trung ương.

+ Mở lớp bồi dưỡng giáo lý viên cơ bản: Công tác bồi dưỡng giáo lý được Ban Trị sự trung ương Giáo hội đặc biệt quan tâm và duy trì thường xuyên trong thời gian qua. Căn cứ quy định của pháp luật và Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, thời gian qua Ban Trị sự trung ương đã mở được các lớp đạo sự hành chính tại các cụm tỉnh có đông Ban Trị sự cơ sở hoặc có hướng dẫn về đạo sự hành chính (cung cấp các văn bản đạo quy, tài liệu đạo sự hành chính, sử dụng con dấu,...). Mục đích để trang bị cho các Trị sự viên, nhân sự các ban chuyên ngành, tỉnh, thành phố, giáo lý viên hiểu biết về pháp luật nhà nước, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và các văn bản đạo quy có liên quan; phương pháp điều hành tổ chức và hoạt động của hệ thống Giáo hội cũng như những chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tôn giáo nói chung và đối với Phật giáo Hòa Hảo nói riêng. Trị sự viên các cấp, nhân viên trực thuộc trung ương Giáo hội được tham gia các lớp tuyên truyền pháp luật do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức tại An Hòa tự; các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh An Giang tổ chức,... Dù được tham dự các lớp ngắn ngày, nhưng với tinh thần nghiêm túc học tập, các Trị sự viên, chức việc bước đầu ý thức được việc đưa các hoạt động vào đúng quy định của Hiến chương Giáo hội và pháp luật của Nhà nước là cần thiết để phục vụ các chương trình đạo sự do Ban Trị sự trung ương đề ra. Hoạt động chuyên môn, bãi miễn hoặc thay đổi chức danh, bổ sung nhân sự trong Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo

được tiến hành kịp thời, đúng theo Hiến chương của Giáo hội và pháp luật của Nhà nước.

+ *Mở lớp đạo sự hành chính*: Trong điều kiện còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dùng và nhân sự có trình độ nghiệp vụ, nhưng bộ phận văn phòng đã có nhiều tiến bộ thực hiện nhiệm vụ hành chính (quản lý hành chính, quản trị cơ sở vật chất, trụ sở Ban Trị sự trung ương, điện, nước, phục vụ hội, họp, tiếp khách,...) và nỗ lực để hoàn thành các nhiệm vụ được phân công; đã phối hợp chặt chẽ với các Ban, bộ phận trực thuộc Ban Trị sự trung ương tổ chức thành công các lớp hành chính đạo sự; lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; chăm lo các việc quan, hôn, tang, tế; đáp ứng yêu cầu tổng hợp thông tin thành trang thời sự đăng báo Hương sen; kịp thời phản ánh diễn tiến Đại lễ 25/11 âm lịch trên Website của Giáo hội.

+ *Thành lập Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo*: Với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chức việc ngày càng tăng, năm 2016 Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã xây dựng đề án thành lập Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo và được Ban Tôn giáo Chính phủ thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (Quyết định số 387/QĐ-TGCP ngày 16/12/2016). Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo có chức năng đào tạo giáo lý viên có trình độ trung cấp; Đào tạo, bồi dưỡng về đạo sự hành chính cho chức việc trong hệ thống Giáo hội, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển của Đạo; Nâng cao trình độ cho đồng đạo về giáo lý, giáo luật, lễ nghi, trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, có ý thức phục vụ Giáo hội, phục vụ đồng đạo, đồng bào, đất nước, có kỹ năng tổ chức, giúp đồng đạo thực hành tôn chỉ giáo lý Phật giáo Hòa Hảo theo đường hướng “Vì đạo pháp - vì dân tộc”.

Nhiệm kỳ 2014-2019, Giáo hội đã mở được 21 lớp đạo sự hành chính tại các cụm tỉnh có đông Ban Trị sự cơ sở hoặc có hướng dẫn về đạo sự hành chính (cung cấp các văn bản đạo quy, tài liệu đạo sự hành chính, sử dụng con dấu...), có 2.100 học viên tham dự. Mục đích để trang bị cho các Trị sự viên, nhân sự các ban chuyên ngành, tỉnh, thành phố, giáo lý viên hiểu biết về Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo và các văn bản đạo quy có liên quan; phương pháp điều hành tổ chức và hoạt động của hệ thống Giáo hội cũng như những chính.

- Về hoạt động quan hệ quốc tế, Phật giáo Hòa Hảo là tôn giáo nội sinh, về cơ bản các hoạt động tôn giáo do Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo tổ chức chủ yếu diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

## **2.4. Hoạt động xã hội của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo**

***- Hoạt động xã hội của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo thể hiện qua chương trình đạo sự tại các nhiệm kỳ đại hội.***

Theo đó, qua 5 lần đại hội toàn đạo Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo luôn khẳng định đường hướng hành đạo của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo là “*Vì đạo pháp, vì dân tộc*” với mục tiêu là “*trau dồi và nâng cao đạo đức cho tín đồ, chấn hưng nền Đạo gắn bó với dân tộc, phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước, góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Do đó, danh mục các hoạt động từ thiện của Phật giáo Hòa Hảo rất đa dạng và không phân biệt dân tộc, tôn giáo, Đạo - Đời. Qua số liệu và tình hình hoạt động của các cơ sở y tế và từ thiện nhân đạo thuộc Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo cho thấy sự đóng góp đáng kể của các tổ chức tôn giáo này góp phần vào công tác an sinh xã hội, giảm gánh nặng cho Nhà nước.

***- Hoạt động từ thiện - xã hội là nét đặc trưng của là xương sống và là phương thức tu học của Phật giáo Hòa Hảo.***

Do những hoạt động từ thiện nhân đạo sát hợp với giáo pháp “*học Phật, tu nhân*”, “*tại gia cư sĩ*” của Phật giáo Hòa Hảo, Ban Trị sự trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã phát động, hướng dẫn tín đồ thực hiện việc làm từ thiện - xã hội, hoặc phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tại địa phương động viên tín đồ tham gia các chương trình từ thiện - xã hội. Các hoạt động có hiệu quả như: xây mới và sửa chữa cầu nông thôn; sửa chữa và nâng cấp đường bộ; sửa chữa và xây dựng nhà tình thương; quyên góp gạo, tiền để tổ chức cứu trợ cho các vùng bị lũ lụt; ngoài ra còn cấp thuốc Đông y, Nam y miễn phí và tham gia hỗ trợ cho những bệnh nhân nghèo đi khám, điều trị bệnh,... Nhờ có cách làm linh hoạt, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn nên có được những mô hình đa dạng và có kết quả năm sau cao hơn năm trước.

***- Một số mô hình hoạt động từ thiện - xã hội điển hình của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo***

Ban Trị sự Trung ương ký phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh An Giang mô hình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thành lập tiểu ban khuyến học thuộc Ban Trị sự trung ương và các Ban Trị sự cơ sở thành lập chi hội khuyến học ở địa phương; Mô hình xây cầu bê tông ở Ban Trị sự cơ sở làm chủ công trình là phương thức mới gắn hoạt động từ thiện xã hội với công cuộc xây



dựng nông thôn mới do Nhà nước phát động vì lợi ích của cộng đồng trong đó có tín đồ Phật giáo Hòa Hảo; mô hình “Bếp ăn từ thiện Phật giáo Hoà Hảo” đã tác động tốt đến hoạt động của các bếp ăn từ thiện về chất lượng cũng như loại hình hoạt động.

Một số bếp ăn từ thiện đang mở rộng hình thức phục vụ với “Cửa hàng không đồng”, “Tổ bảo trợ bệnh nhân nghèo”, “Bếp ăn từ thiện tại các cơ sở điều trị đông y”,... đã tạo ra những dấu ấn đẹp trong mối quan hệ giữa người và người. Bên cạnh đó, Tổ cất nhà từ thiện PGHH sau khi được thành lập đã đi vào hoạt động, bước đầu đã tạo được đồng thuận của các thành viên trong tổ về mục đích, biện pháp và qui chế hoạt động. Đây là hoạt động có tác động lớn đến công cuộc xây dựng nông thôn mới vì thế cần phát triển thêm thành viên và xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp để phát huy tốt vai trò của tổ trong hoạt động từ thiện xã hội<sup>20</sup>

Có thể nói, hoạt động từ thiện - xã hội của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã thể hiện được tính tích cực, tính nhân văn, tuân theo giáo lý của Đức Huỳnh giáo chủ. Hoạt động này, trong thực tế đã mang lại hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao đời sống cho một bộ phận cộng đồng trong xã hội hiện nay.

Tuy nhiên, hoạt động từ thiện - xã hội là hoạt động “xương sống” của toàn Giáo hội, được tổ chức bằng nhiều mô hình phong phú và đa dạng, nhưng chưa khớp nối được tổ chức mạng lưới từ thiện - xã hội từ trung ương đến cơ sở; còn những hoạt động mang tính tự phát, chưa có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM VỀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

*Một là*, đa số tín đồ Phật giáo Hòa Hảo bản chất thật thà, chất phác, rất sùng đạo. hiểu biết giáo lý, giáo luật của Phật giáo Hòa Hảo, biết vận động và huy động được sức mạnh của quần chúng tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, biết kêu gọi

---

<sup>20</sup> Theo Báo cáo tổng kết hoạt động từ thiện - xã hội của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo qua các nhiệm kỳ, kết quả như sau: (1) Nhiệm kỳ I (1999-2004): 22.342.267.729 đồng; (2) Nhiệm kỳ II (2004-2009): 197.961.574.000 đồng; (3) Nhiệm kỳ III (2009-2014): 514.143.363.271 đồng. Trong nhiệm kỳ IV (2014-2019), kinh phí để tổ chức các hoạt động từ thiện - xã hội (quy thành tiền) là 1.928.215.593.000đ. Cụ thể một số hoạt động như: sửa chữa, xây mới nhà tình thương, nhà đại đoàn kết 340.781.335.000đ; sửa chữa, xây mới cầu 401.247.822.000đ; quỹ vì con người: 163.754.866đ; quỹ vì người nghèo: 84.290.994.000đ; bếp ăn tình thương 482.533.366.000đ; nhà thuốc thảo dược 167.482.797.000đ; hỗ trợ bệnh nhân nghèo: 227.572.370đ; quỹ “cây mùa xuân” (hỗ trợ tiền cho người nghèo đón xuân) 60.552.043.000đ.

ở họ ý thức từ tâm, hướng thiện,... thì họ sẽ đóng vai trò rất lớn trong công cuộc bảo vệ và phát triển đất nước.

**Hai là**, đội ngũ chức việc Phật giáo Hòa Hảo có vai trò, vị trí quan trọng trong Giáo hội nhưng nhiều chức việc chưa được đào tạo bài bản, kỹ năng tổ chức, điều hành đạo sự còn hạn chế. Một số hoạt động của Ban Trị sự các cấp còn mang tính hình thức, chưa phát huy sức mạnh tập thể, hoạt động mang tính chất riêng lẻ, hiệu quả chưa cao. Điều này đặt ra yêu cầu phải có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Giáo hội theo quy định của pháp luật.

**Ba là**, hoạt động từ thiện - xã hội là một thế mạnh, một nét đẹp trong văn hóa tôn giáo của Phật giáo Hòa Hảo. Đặc điểm này cần được phát huy nhất là trong công tác xây dựng nòng cốt trong các phong trào trong bối cảnh cả nước cùng chung tay phát huy các nguồn lực xã hội để xây dựng đất nước, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

**Bốn là**, hiện nay còn một lực lượng người theo Phật giáo Hòa Hảo, có niềm tin sâu sắc vào tôn giáo, có sinh hoạt tôn giáo đầy đủ theo giáo lý, giáo luật nhưng chưa sinh hoạt trong tổ chức Giáo hội. Do vậy, cần có biện pháp vận động phù hợp để động viên tích cực tham gia các hoạt động chung của Giáo hội và xã hội.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Thị Thu Hà (2012), *Phật giáo Hòa Hảo: tri thức cơ bản*, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Hà Nội.
- Phạm Bích Hợp, *Đời sống xã hội và tâm lý nông dân người Việt ở làng Hoà Hảo tại An Giang trước và sau 1975*.
- Bùi Văn Hải (2014), Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học, *Phật giáo Hòa Hảo - lịch sử và những vấn đề hiện nay*, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Giáo lý, giáo luật và hoạt động của Phật giáo Hòa Hảo có nhiều điểm phù hợp với chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về bài trừ mê tín, dị đoan? Hãy làm rõ luận điểm này trong công tác tuyên truyền?
2. Đặc điểm nào của Phật giáo Hòa Hảo cần tuyên truyền để ghi nhận những đóng góp của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đối với xã hội?
3. Để công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước trong Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đạt hiệu quả cần chú ý những đặc điểm gì của chức việc, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo?

## Chuyên đề 7

### KHÁI QUÁT VỀ TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI VIỆT NAM

#### 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI VIỆT NAM

##### 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam

###### 1.1.1. Quá trình hình thành

Người sáng lập Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là ông Nguyễn Văn Bông (Đức Tông sư Minh Trí) sinh năm 1886 tại xã Tân Mỹ, tổng An Thạnh Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp).

Năm 1911, khi 25 tuổi, xuất phát từ nhận thức thấy cuộc sống của người nông dân miền Nam Việt Nam dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp vô cùng cơ cực, đói không có ăn, ốm không có thuốc, Ông Nguyễn Văn Bông đã đem đạo lý Phật giáo ra khuyên mọi người làm lành tránh dữ, dùng thuốc Nam chữa trị bệnh cho mọi người không lấy tiền,... Việc làm của Ông đã được những người nông dân Nam bộ cảm mến và ủng hộ. Đây cũng chính là thời kỳ hoạt động làm tiền đề cho việc thành lập Tịnh độ Cư sĩ Phật hội sau này.

Năm 1919, ông Nguyễn Văn Bông quyết định “an trí thê nhi, ly gia cắt ái” để đi khắp miền Tây Nam bộ, từ thành thị đến thôn quê, tới những vùng xa xôi, hẻo lánh để dùng y đạo trị bệnh cứu người, vận động những người có điều kiện khá giả, có năng lực, uy tín cùng tham gia làm phước thiện với mình.

Để phát triển tư tưởng Phật giáo, Ông thu nhận những đệ tử có phẩm chất đạo đức, khả năng y thuật giỏi và dạy đệ tử của mình thực hành hạnh Bồ Tát, không tham tiền tài, địa vị, không lợi dụng nghề nghiệp để kiếm lợi cho mình. Với lòng nhân ái và hạnh từ bi theo tinh thần Phật giáo, Ông chỉ cho người đời thấy cuộc đời là giả tạm, là biến đổi vô thường, chỉ có tấm lòng, có đạo đức là tồn tại mãi mãi. Ông đem giáo lý Lục phương khuyên mọi người ăn chay giữ giới, lạy sáu hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, phương trên, phương dưới và trì niệm Phật A Di Đà để cầu thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, được về cõi Phật.

Trong thời kỳ này, ông Nguyễn Văn Bông được sự trợ giúp của người cô tên là Hồ Thị Mỹ, pháp danh Diệu Thiện ở xã Tân Mỹ, tổng An Thạnh Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp). Bà là người đầu tiên trợ giúp đắc lực cho Ông trên đường sáng lập Đạo nên sau này Bà được tín đồ suy tôn là Đức Bà Cô Năm. Bà đã cùng Ông mượn nghề bán khoai đi khắp nơi dạy mọi người hướng

thiện, giúp trị bệnh cứu người không phân biệt tôn giáo, địa vị xã hội. Năm 1919, khi tin đồ đã phát triển ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nhiều người tìm về gặp Ông nhưng không có nơi ăn nghỉ, Bà Cô Năm đã hiến cho Ông một căn nhà trong Rạch Đông để tin đồ có nơi cư trú để học đạo.

Là người có tư chất thông minh, giác ngộ chân lý Phật giáo, sẵn mang dòng máu yêu nước cứu đời, ông Nguyễn Văn Bông đã vận dụng tri thức Phật học sẵn có chuyển tải giáo lý Phật giáo thành thơ ca, kinh sách dưới dạng Phật ngôn đối đáp ngắn gọn, dễ hiểu để mọi người đến được với Phật giáo dễ dàng hơn; đồng thời ông đưa mọi người vào hoạt động từ thiện nhân đạo, giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ cách mạng. Với những hoạt động nhập thế như vậy, số người theo tôn giáo do ông Nguyễn Văn Bông sáng lập ngày càng đông.

### ***1.1.2. Quá trình phát triển của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam***

Đầu năm 1930, nhận thấy số lượng người đi theo tôn giáo do ông Nguyễn Văn Bông sáng lập đã phát triển trên diện rộng khắp ở 21 tỉnh Nam kỳ, một số tín đồ là những trí thức đã đề nghị Ông thành lập Giáo hội để có nền tảng lâu dài, nhưng Ông chưa chấp thuận với lý do: “nền đạo có vĩnh cửu hay không vĩnh cửu là do tâm hạnh của người Phật tử có lập trường hay không, có làm đúng chính pháp thì lâu dài, làm không đúng chính pháp thì hư hoại, bán đồ nhi phé, đâu phải do có Giáo hội hay không Giáo hội”.

Năm 1931- 1934, do tình hình, tín đồ ngày một đông, một vấn đề đặt ra là phải lo tài chính để phục vụ cho việc hành đạo, Ông cùng Đức Bà Cô Năm và các môn đệ vào Đồng Tháp Mười để khẩn đất khai hoang làm ruộng. Nhận thấy cần phải có nơi tụ tập cho hội viên, thiện tín, Đức Bà Cô Năm đã dựng lên ngôi chùa Tịnh độ đầu tiên tại ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Quý, tỉnh Đồng Tháp lấy tên là Hưng Phước Tự.

Thời gian này làn sóng chấn hưng Phật giáo ở cả ba miền Bắc- Trung- Nam được phát động mạnh mẽ. Thấy nhân duyên đã hội đủ, ông Nguyễn Văn Bông đồng ý thành lập Hội với đủ 5 điều kiện:

- Phải có nhân tài (gồm có tài và có đức), đạo hạnh đầy đủ, lập trường Như Lai tánh.
- Phải có uy tín với nhà cầm quyền.
- Tài chính không quyên góp tới người ngoại đạo.
- Có sự tín nhiệm của tất cả tín đồ trong xứ.
- Phải có địa điểm đặt Hội quán và xây cất Hội quán tạm thời.

Lúc này danh xưng “Tịnh độ Cư sĩ Phật hội” mới chính thức được chọn làm tên cho Hội. Ban Trị sự lâm thời được thành lập và bắt đầu soạn thảo Điều lệ, Nội quy cho Hội, đề xin phép chính quyền cho thành lập Hội. Ngày 22/02/1934, Thống đốc Nam kỳ đã ra Nghị quyết số 619 cho phép Tịnh độ Cư sĩ Phật hội hoạt động.

Ngày 25/7/1934, Ban Trị sự lâm thời đã triệu tập một hội nghị bất thường đầu tiên. Đại hội đã suy tôn ông Nguyễn Văn Bông là Đức Tông sư (hiệu Minh Trí) là vị Giáo chủ của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội để chủ trì công việc dạy giáo lý, truyền bá Phật pháp cho toàn thể tín đồ, hội viên, có quyền tuyệt đối trong mọi công việc Phật sự cũng như những việc liên quan đến Giáo hội.

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội trở thành một tôn giáo và chính quyền thuộc Pháp lúc đó đã cấp. Sau này, chính quyền Việt Nam Cộng hoà xác định tính hợp pháp của Giáo hội bằng Nghị định số 83/MI/DAP ngày 22/12/1953 với tên đầy đủ là Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam.

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, hệ thống tổ chức Giáo hội của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam không còn hoạt động đầy đủ như trước nhưng hoạt động tại các hội quán vẫn sinh hoạt bình thường. Mặc dù Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam vẫn có 3 bộ phận là hành chính, đạo đức, y tế nhưng hoạt động trọng tâm là phát triển mạnh về y tế (phòng thuốc Nam phước thiện).

Đến năm 1994, khi kỷ niệm 36 năm ngày Đức Tông sư Minh Trí qua đời, toàn thể các Chi hội về Tổ đình Hưng Minh Tự dự lễ, Ban Trị sự trung ương tổ chức đại hội bàn về củng cố lại hệ thống điều hành thống nhất trong toàn Hội và thành lập “Ban Cố vấn Y tế và Đạo đức”. Trong các phiên họp của Ban cố vấn đã quyết định soạn thảo đề án nhằm thành lập Hội đồng trị sự Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam để phục hồi hệ thống tổ chức theo nền nếp cũ của Hội. Ngày 06/5/1995, tại Tổ đình Hưng Minh Tự (số 145, Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh) đã tập trung các vị chức sắc, cao niên trong toàn Hội và các hội viên tâm huyết với Hội họp bàn và thành lập Hội đồng Trị sự đề nghị Nhà nước công nhận lại tư cách pháp nhân cho Hội và củng cố lại hệ thống điều hành của Hội.

Ngày 27/11/2007, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã được Nhà nước công nhận là tổ chức tôn giáo có tư cách pháp nhân. Trải qua quá trình phát triển, đến nay Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã phát triển hơn 210

Chi hội, khẳng định tôn chỉ “Phước Huệ Song Tu” với tiêu chí “Tu học, Hành thiện, Ích nước, Lợi dân”.

Sau khi được nhà nước công nhận tổ chức, công tác tổ chức, nhân sự của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam từng bước được ổn định và phát triển. Đến nay, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã trải qua 3 kỳ đại hội.

## **1.2. Giáo lý, luật lệ, lễ nghi**

### **1.2.1. Giáo lý**

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam lấy giáo lý Phật đà làm gốc, song được diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu cho phù hợp với đời sống của đa số người dân lao động ở Nam bộ. Trong giáo lý của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có nhiều nội dung, song tập trung ở các quyển kinh, luật, luận căn bản:

- *Lễ bái lục phương*: Đây là quyển kinh xuyên suốt toàn bộ giáo lý của người tu theo. Nội dung kinh hướng về người cư sĩ tại gia, sống tích cực nhập thế giữa đời thường mà không đánh mất tâm tính bản nhiên thanh tịnh.

- *Phu thê ngôn lận*: Dùng hình thức đối đáp giữa hai vợ chồng nhằm đạt tới sự diễn dịch “ý nghĩa ở ngoài lời nói.” Quyển Luận này nhằm khuyến khích người tu hành từ tư tưởng đến hành động đều phải quả quyết, không thoái chuyển.

- *Đạo đức*: Đây là quyển kinh ghi lại lời thuyết giảng ý nghĩa và phương pháp thực hành đạo đức của Đức Tông Sư Minh Trí, nội dung chủ trương đạo đức là cái then chốt của văn minh cũng như của khoa học.

- *Giới luật*: Thuyết minh quan điểm của người tu Phật, nhất là người cư sĩ tại gia, nêu rõ tính chất nghiêm minh, cần trọng mà người cư sĩ tại gia nếu phát tâm thọ trì Bồ tát giới cũng có thể đạt được những thành tựu như người xuất gia.

- *Học Phật vấn đáp*: Là bộ Phật học phổ thông bao quát nhiều trình độ, trong đó thuyết minh rõ về Giáo hội Tăng già, vấn đề Tam qui, chơn lý tu học, xác định giá trị cũng như vị trí vững chắc của người cư sĩ tại gia trong Phật đạo.

- *Phương pháp kiến tánh*: Quyển sách thể hiện nội dung nâng cao trình độ tu học, trình bày từng giai đoạn của quá trình tu học để đạt được Kiến Tánh. Người Kiến Tánh thì sẽ xa lìa được thiên kiến để thực hành trung đạo. Ví như một nhân tố tích cực, có thể làm cho người đạt tới những lợi ích hữu dụng hơn.

### **1.2.2. Giáo luật**

Người tu theo Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam cơ bản là thực hành theo giới luật Phật giới quy định cho những người cư sĩ tại gia. Người Cư sĩ tại gia phải thọ tam quy: quy Phật, quy Pháp, quy Tăng (quy Tăng ở đây được hiểu

theo nghĩa hoà hợp chúng) và duy trì ngũ giới: 1. Không sát sinh; 2. Không trộm cướp; 3. Không uống rượu; 4. Không tà dâm; 5. Không nói dối.

Ngoài các quy định trên tùy theo căn cơ và quyết tâm tu tập của từng người mà có thể học tu theo Bát quan trai giới, gồm ngũ giới và 3 giới nữa là: 1. Không súc nước hoa, thoa phấn sáp, đi xem hát; 2. Không nằm giường cao rộng; 3. Không ăn sau giờ Ngọ.

Ngoài các quy định cả Phật giáo, người cư sĩ tu theo Tịnh độ còn phải chấp hành Điều lệ, nội quy (nay là Hiến chương) của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam.

### **1.2.3. Giáo lễ**

Thời kỳ mới hình thành, Đức Tông sư Minh Trí đã áp dụng Lễ bái lục phương của Đức Thi Ca La Việt làm thành lễ nghi chính của hệ phái. Kinh “Lễ bái lục phương” dành cho những người tu tại gia do Phật thuyết cho ông Thi Ca La Việt. Trong kinh Đức Phật dạy người tu hành tại gia nên giữ sáu phận sự đối với: cha mẹ, thầy dạy học, vợ chồng, bạn hữu, tôi tớ, thầy dạy đạo nên lễ theo 6 hướng: phương Đông là cha mẹ; phương Nam là thầy; phương Tây là vợ chồng; phương Bắc là bạn hữu; phương thượng là thầy dạy đạo và phương hạ là tôi tớ, mỗi hướng 4 lạy. Về sau đơn giản về mặt lễ nghi, Đức Tông sư đã quy định chỉ lạy một hướng vào bàn thờ Phật, 24 lạy là đủ lễ. Khi lễ 5 vóc (đầu, hai tay, hai gối) phải sát đất, hai bàn tay úp xuống (thể hiện úp tay lên bàn chân Phật tỏ lòng biết ơn).

Lễ trọng của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam:

- Ngày 8-4 âm lịch: Lễ Phật đàn và Đại hội thường niên ngành Y tế phước thiện, đồng thời bầu Ban lãnh đạo Trung ương.

- Ngày 23-8 âm lịch: Lễ kỷ niệm ngày qua đời (viên tịch) của Đức Tông Sư Minh Trí - Giáo chủ Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam và Đại hội thường niên ngành Đạo đức.

Hằng tháng, vào ngày mùng 1 và 15 âm lịch là những ngày lễ sóc vọng, làm lễ qui y cho tín đồ mới nhập đạo và thuyết giảng giáo lý. Ngoài ra còn tổ chức những ngày lễ chung của đạo Phật, như rằm tháng Giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng 10,...

Hành lễ công phu tứ thời : Theo qui định lễ Phật 24 lạy (giản chính theo Lễ Bái Lục Phương), lễ Đức Quán Thế Âm 12 lạy, lễ Đức Tông Sư Minh Trí 6 lạy.

### **1.3. Đặc điểm của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam**

#### ***1.3.1. Là một tôn giáo nội sinh ra đời trong lòng dân tộc, kế thừa và tiếp thu, phát triển chọn lọc giáo lý, giáo luật của Phật giáo***

Với truyền thống nhân ái của dân tộc, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình tông tại và phát triển đã đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng và hướng thiện của một bộ phận các tầng lớp nhân dân trong xã hội, vừa có tác dụng về mặt tâm linh tôn giáo, vừa góp phần giáo dục hành vi hướng thiện của mỗi người. Tuy tu theo Phật giáo nhưng việc tu hành đơn giản hơn, người tu hành không phải xuất gia, xuống tóc; các cư sĩ, hội viên thiện tín bình đẳng ... điều này phù hợp với đặc điểm của cư dân người Việt sống trên mảnh đất Nam bộ phì nhiêu đang được khai phá nên đã thu hút được một bộ phận nhân dân ở các tỉnh Nam bộ tin theo, ủng hộ.

#### ***1.3.2. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có hình thức tu hành đơn giản, chú trọng giáo dục đạo đức***

Hình thức tu hành đơn giản nên tín đồ dễ thực hiện, dễ tin theo, với phương châm hoạt động nhân đạo từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật, thiết thực giúp cho Nhân dân, chú trọng giáo dục đạo đức, không lợi dụng vào lòng tin của nhân dân để trục lợi nên có uy tín và ảnh hưởng rất tốt tới tín đồ và các tầng lớp nhân dân. Có thể nói đây là một tổ chức tôn giáo “tu học” nhưng không yếm thế, có uy tín và hoà nhập được với đời sống cộng đồng người dân Nam bộ, là một tôn giáo nhập thế mang tính tích cực phục vụ nhân sinh, đúng với lời nguyện ước của những tín đồ Tịnh độ Cư sĩ Phật hội: “Thượng báo Tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ, giai cộng thành phật giáo” (Tứ trọng ân: ân sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ; ân quốc gia; ân minh sư giáo hoá; ân xã hội. Hạ tế tam đồ khổ là giúp đỡ người đời khỏi 3 nạn tai: thù hiềm, chém giết lẫn nhau (Đao đồ); Thủy đồ là nạn do nước gây ra; Hoả đồ là nạn do lửa gây ra).

#### ***1.3.3. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có nghi thức thờ cúng giản dị, giới luật không quá khắt khe***

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội không bắt buộc phải có điện thờ tượng cốt uy nghiêm. Nếu không có điều kiện thực hành nghi thức thờ cúng thì chỉ cần niệm Phật trong tâm cũng được. Giới luật không quá khắt khe, chỉ là những lời khuyên nhủ hơn là những quy định nghiêm ngặt. Với những yếu tố giản dị, dễ hiểu, nhân văn, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã tạo cho người nông dân niềm tin, sự tự



chủ với bản thân. Điều này tác động lớn đến ý thức của mọi người dân, người lớn thì trau dồi đạo đức, có trách nhiệm khuyên dạy con cháu tu nhân, thực hành Tứ ân. Có thể thấy, điều lớn nhất mà Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã làm được là vực dậy niềm tin cho nông dân nghèo. Niềm tin ấy không chỉ là tin vào Phật mà còn là niềm tin vào bản thân mình nơi vùng đất mới.

Giáo lý của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam khuyên dạy tín đồ “làm lành lánh dữ”, nên họ chuyên thực hành tu hạnh bố thí để tạo phước duyên, đó là cốt lõi của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam được thể hiện qua đặc trưng của tính nhập thế, tính dân tộc của tôn giáo này.

Trước khi được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, hoạt động thiện nguyện của tín đồ Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam gặp nhiều khó khăn, hạn chế do nguồn lực không nhiều và còn sự dè dặt trong các hoạt động, nhưng từ khi được công nhận tư cách pháp nhân, tùy vào điều kiện kinh tế mà mỗi loại hình từ thiện có quy mô, hình thức, cách thức ở những mức độ khác nhau, nhưng tinh thần chung là sẽ hết lòng với các mô hình thiện nguyện xã hội, có sức lan tỏa khắp trong vùng. Các hoạt động trong lĩnh vực y tế được xem là nổi bật nhất và tích cực nhất. Khi nói đến Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, nhiều người nghĩ ngay đến các hoạt động từ thiện xã hội, bởi sự nhiệt tâm, chuyên nghiệp, bài bản và hiệu quả. Chẳng hạn, trong lĩnh vực y tế, họ có các tổ sơ cứu bệnh nhân, phòng khám và điều trị bệnh miễn phí, phòng thuốc phúc thiện,...

## **2. TÌNH HÌNH GIÁO HỘI TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI VIỆT NAM**

### **2.1. Thực trạng chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo**

Hiến chương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam quy định cụ thể về tín đồ, chức sắc như sau:

- Tín đồ của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam không phân biệt nam nữ, thành phần, dân tộc, theo đạo có làm lễ qui y, tuân hành giáo lý, giáo luật và tuân thủ pháp luật của Nhà nước, giữ gìn sự trong sáng của giáo lý chơn truyền, đoàn kết tôn giáo, đạo đời và thừa nhận bản Hiến chương của Giáo hội. Tất cả các tín đồ xuất phát từ lòng mến đạo, tùy năng lực, được tham gia vào hoạt động Phật sự, làm công tác từ thiện xã hội hợp pháp và đóng góp ý kiến, công, của cho công việc chung của đạo. Tín đồ mỗi Chi hội được tính theo danh sách sổ qui y tại Chi hội đó. Những tín đồ có chân tu, có tâm đạo, là công dân Việt Nam, tùy trình độ, năng lực, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn qui định của Giáo hội, được ứng cử hoặc bổ nhiệm vào tổ chức Ban Trị sự các cấp và các Ban

khác. Tất cả tín đồ có thể đạo đều có quyền bầu cử theo đơn vị cư trú hoặc theo Hội quán đã làm lễ qui y.

- Chức sắc của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là những tín đồ đã qua các khoá học Giáo lý hoặc Y lý, thi và đỗ tốt nghiệp, được tấn phong nếu hội đủ những tiêu chuẩn theo qui định của Giáo hội và qui định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Hệ thống chức sắc của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam gồm các phẩm vị:

+ Môn Tu Huệ gồm các phẩm vị: Huấn sư, Giảng sư, Phó Giảng sư, Giảng viên, Thuyết Trình viên;

+ Môn Tu Phước gồm các phẩm vị: Huấn sư Y khoa, Giảng sư Y khoa, Phó Giảng sư Y khoa, Giảng viên Y khoa, Chức sắc Y tế Phước thiện bậc 2.

Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có 214 chi hội, mỗi chi hội đều có phòng thuốc Nam phước thiện và chùa với khoảng 1,5 triệu tín đồ, hội viên; có hơn 600 chức sắc, 2.200 chức việc, gần 800 thầy thuốc (y sĩ) và hơn 400 y sinh, phân bố ở 20 tỉnh, thành phố. Trụ sở chính của Giáo hội đặt tại Tổ đình Hưng Minh Tự, số 45 đường Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam chủ yếu thông qua hệ thống các phòng thuốc nam phước thiện, đây là hoạt động quan trọng nhất và cũng là hoạt động từ thiện xã hội chủ yếu của tổ chức tôn giáo này. Trong điều kiện tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, hệ thống phòng thuốc nam phước thiện của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã góp phần chia sẻ gánh nặng về khám chữa bệnh cho xã hội và Nhà nước. Các phòng thuốc nam phước thiện của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam ngày càng được đông đảo tín đồ, hội viên và Nhân dân tín nhiệm tham gia.

Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là tổ chức hoạt động tôn giáo dựa trên tư tưởng, giáo lý Phật giáo và phát triển hơn về các hoạt động phước thiện. Cũng như các tổ chức tôn giáo khác, nguồn tài sản của Giáo hội chủ yếu là do các cư sĩ, tín đồ, hội viên tự nguyện hiến tặng, đóng góp tiền và công sức để xây dựng nên.

## **2.2. Cơ cấu tổ chức**

Theo Hiến chương, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là một tổ chức tôn giáo thống nhất từ trung ương đến địa phương, không chia tách biệt lập môn phái. Tổ chức của giáo hội gồm có 03 cấp theo hệ thống như sau:

- Cấp trung ương có Ban Trị sự trung ương, đứng đầu là chức danh Chánh Hội trưởng. Ban Trị sự trung ương là cấp quản lý - điều hành cao nhất của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật Hội Việt Nam.

- Cấp tỉnh, thành phố có Ban Trị sự tỉnh, thành hội, đứng đầu là chức danh Hội trưởng.

- Cấp phường, xã có Ban Trị sự Chi hội, đứng đầu là Trưởng ban.

Hiến chương của Giáo hội quy định: “Muốn thành lập chi hội phải có ít nhất 50 (năm mươi) tín đồ, hội viên. Mỗi phường, xã dù đông tín đồ cũng chỉ được phép thành lập một chi hội”.

Ban Trị sự các cấp có tư cách pháp nhân, có con dấu tròn để sử dụng và được đăng ký tài khoản ở Ngân hàng. Các ban chuyên môn, văn phòng (trực thuộc Ban Trị sự trung ương) có con dấu sử dụng lưu hành nội bộ theo quy định của pháp luật.

Ban Trị sự các cấp của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam do đại hội đại biểu tín đồ bầu ra theo hình thức bỏ phiếu trực tiếp và phiếu kín. Thành viên Ban Trị sự có 12 vị chính thức và 03 vị dự khuyết, nhiệm kỳ là 05 năm và có các chức danh: 01 Chánh Hội trưởng; 02 Phó Hội trưởng; 01 Tổng Thư ký; 01 Phó Tổng Thư ký; 01 Thủ bản; 01 Phó Thủ bản; 03 Kiểm soát; 02 Cố vấn; 02 dự khuyết.

Để thực hiện công tác quản lý tổ chức, kinh tế, xã hội theo đúng tôn chỉ của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Ban Trị sự trung ương được thành lập thêm những ban phụ tá, gồm:

1. Ban Đạo đức và Ban Chấp hành Đạo đức Trung ương: Phụ trách công tác đạo đức, đào tạo và giảng dạy giáo lý.

2. Ban Y tế Phước thiện Trung ương: Phụ trách các phòng thuốc Nam Y Dược - Đông Y - Tây Y, đào tạo và giảng dạy.

3. Ban Hộ đạo: Phụ trách việc liên lạc và đoàn kết của nữ tín đồ, hỗ trợ các hoạt động của Ban Trị sự Trung ương.

4. Ban Kinh tế: Phụ trách phát triển kinh tế.

5. Ban Thanh thiếu nhi Tịnh Độ phụ trách các hoạt động Thanh thiếu nhi trong Giáo hội.

Tổ chức nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban phụ tá sẽ được cụ thể hóa ở Nội quy do Ban Trị sự trung ương ban hành.

## **2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo**

### **2.3.1. Công tác hành chính đạo**

Với cơ cấu tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, tính đến tháng 5/2021 Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có 214 tổ chức tôn giáo trực thuộc là Ban Trị sự cấp xã/phường. Tại mỗi Ban trị sự, có các Ban giúp việc, hỗ trợ về công tác hành chính - văn phòng, mặc dù còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, xong tại mỗi Ban trị sự đều có các bộ phận chuyên trách, biết sử dụng máy tính và thành thạo công tác văn phòng (kế toán, văn thư, lưu trữ,...).

Để giúp các chi hội thực hiện đúng đường hướng hành đạo của Giáo hội và tuân thủ pháp luật của Nhà nước, hằng năm Ban Trị sự trung ương Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam tổ chức các lớp hành chính đạo cho chức sắc, chức việc để phổ biến những quy định của pháp luật về tôn giáo và công tác hành chính đạo; đồng thời tổ chức triển khai sâu rộng Điều lệ, Nội quy, nghi thức hành lễ, công tác văn phòng nhằm nâng cao kỹ năng hành chính đạo.

Nhằm thành lập mỗi tỉnh có một Ban Giảng huấn, hằng năm, Ban Trị sự trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam tổ chức bồi dưỡng cho chức sắc. Các Ban Giảng huấn cấp tỉnh có nhiệm vụ phổ truyền giáo lý căn bản cho hầu hết các chức việc trong Ban Y tế phước thiện và tín đồ, Ban Giảng huấn trung ương mở các lớp giáo lý viên cao cấp, lớp giáo lý dành cho lực lượng kế thừa. Trong thời gian qua, Ban Trị sự trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã đào tạo được khoảng 7.000 giáo lý viên căn bản, gần 3.000 thuyết trình viên cao cấp, gần 100 giảng viên, hơn 30 phó giảng sư, giảng sư. Ngoài ra trong thời gian qua, khoảng 3.000 chức sắc, chức việc được tham dự các cuộc học tập chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để hiểu được và làm tốt công việc đạo sự.

Trong các kỳ đại hội, bên cạnh việc bầu ra Ban Trị sự các cấp theo nhiệm kỳ 05 năm, Hiến chương của Giáo hội được chỉnh sửa, bổ sung theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát triển của Giáo hội. Nhằm mục đích kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng tầm hoạt động của Giáo hội phù hợp với sự phát triển của xã hội, Hiến chương đã được toàn thể các Ban, chức sắc, chức việc, tín đồ nghiêm túc thực hiện. Từ năm 2014, Ban Trị sự trung ương đã cùng với các Ban Trị sự tỉnh, thành hội soạn thảo Nội qui Ban Trị sự; tu chỉnh, bổ sung bản Nội qui ngành và Ban Y tế Phước thiện, Nội qui Ban Đạo đức và Ban Chấp hành Đạo đức; bản Tiêu chuẩn tấn phong, thọ phong chức sắc hai ngành Y tế - Đạo đức.

### ***2.3.2. Về hoạt động bổ nhiệm, suy cử, chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức việc***

Sau khi được công nhận tổ chức, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam tăng cường các hoạt động củng cố tổ chức, tu chỉnh Hiến chương, Điều lệ hoàn thiện, chặt chẽ hơn. Hàng năm, các Giáo hội thực hiện phong chức, phong phẩm cho khoảng 20 chức sắc. Hoạt động suy cử, bầu chức sắc giữ các chức vụ trong các cơ quan hành chính đạo được duy trì thông qua các Đại hội nhiệm kỳ, Hội nghị nhân sự, từng bước kiện toàn tổ chức. Tính đến tháng 4/2021 đã phong phẩm, phong chức cho 624 chức sắc, gần 800 thầy thuốc (y sĩ) và hơn 400 y sinh học thuốc; tổ chức bầu cử, suy cử 2.200 chức việc.

Việc phong chức, phong phẩm, bầu cử, suy cử, bổ nhiệm của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Luật tín ngưỡng tôn giáo và Hiến chương, Nội quy của Giáo hội. Sau khi phong phẩm cho các chức sắc, các tổ chức tôn giáo đã thực hiện thủ tục Thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 33 Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Hoạt động suy cử, bầu chức việc giữ các chức tại Ban Trị sự các cấp được duy trì thông qua các Đại hội nhiệm kỳ, Hội nghị, từng bước kiện toàn tổ chức.

### ***2.3.3. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng chức sắc, chức việc***

- Nhằm củng cố cho hoạt động đạo sự, trọng tâm là hoạt động y tế phước thiện, trong nhiệm kỳ qua các tỉnh, thành hội, chi hội thường xuyên mở các lớp giáo lý căn bản cho tín đồ hội viên học tập để nắm vững đường lối, phương thức tu học của giáo hội dựa trên nền tảng Phước Huệ Song Tu. Ngành Đạo đức toàn đạo trong nhiệm kỳ qua đã mở được rất nhiều khóa học tập giáo lý căn bản và các khóa đào tạo, tu nghiệp cho nhân viên thuyết giảng giáo lý; Ban Giảng huấn Đạo đức nhiều tỉnh, thành hội đã dựa vào kinh điển giáo hội để đưa vào các bài thuyết giảng giáo lý có các nội dung cùng tham gia Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông điệp của giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã nhấn mạnh đến nội dung các chức sắc, chức việc, y sĩ, y sinh phải là tấm gương “Thiểu dục tri túc, sống hòa hợp giữa con người với thiên nhiên”.

Phòng thuốc nam là cơ quan phước thiện của giáo hội, chẳng những tượng trưng cho tôn chỉ của giáo hội, mà cũng là nơi để cho toàn thể các sắc hội viên tín đồ, y sĩ, y sinh cùng nhau tu phước.

Thời gian qua, Ban Giảng huấn Y khoa trung ương giáo hội đã đào tạo được hơn 150 y sĩ các cấp. Mở khóa Tu nghiệp Y sĩ cho hơn 40 người. Công tác

y tế nổi bật nhất là tại Trung ương hội, đã tổ chức sát hạch thành công về trình độ y dược cổ truyền cho hơn 100 y sĩ của Giáo hội, thực hiện theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 12/10/2015. Đã được Cục Quản lý Y dược Cổ truyền Bộ y tế tổ chức sát hạch.

- Ban Trị sự các tỉnh, thành phố và Ban Trị sự trung ương Giáo hội bồi dưỡng một số chức sắc đạo đức để thành lập Ban giảng huấn tại mỗi tỉnh, các ban giảng huấn cấp tỉnh có nhiệm vụ phổ truyền giáo lý cơ bản cho hầu hết chức việc trong Ban y tế Phước thiện và tín đồ. Ban giảng huấn trung ương đã mở các lớp giáo lý cao cấp, một lớp giáo lý dành cho lực lượng kế thừa. Đến tháng 10/2020, Giáo hội đã đào tạo được một lực lượng chức sắc như sau: Giáo lý căn bản: 6.090 vị; Thuyết trình viên 3 cấp: 2.633 vị; Giảng viên: 71 vị; Phó giảng sư: 34 vị; Giảng sư: 12 vị.

Ban giảng huấn trung ương đã biên tập lại kinh sách và đăng ký xuất bản với Nhà xuất bản Tôn giáo, trong đó có: Phu Thê Ngôn Luận, Lễ Bái Lục Phương, Đạo Đức, Giới Luật, Phước Huệ Song Tu cùng hai quyển mới là kinh A Di Đà và Pháp Bửu Đàn Kinh Trích Giảng. Điểm quan trọng là xuất bản Bộ giáo lý căn bản gồm 05 tập để làm tài liệu giảng dạy giáo lý Phật Đà và phát huy tôn chỉ Phước Huệ Song Tu. Soạn thảo lại qui trình thi cử chức danh Thuyết Trình Viên, Giảng viên nhằm đào tạo một số chức sắc có đủ trình độ để làm nòng cốt cho công tác giảng dạy về tôn giáo của Giáo hội.

- Hoạt động đào tạo của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam chia làm 02 “ngành”: Ngành Tu phước và Ngành Tu huệ, trong đó:

*Về Tu phước:* Giới Y sĩ của giáo hội cũng là những tu sĩ, làm việc và sinh sống tại hội quán (chùa). Để hoạt động đúng Luật khám chữa bệnh, các Phòng Thuốc nam phước thiện phải có chứng chỉ hành nghề của Sở Y tế, và các Y sĩ phải có Giấy chứng nhận do Sở Y tế cấp/hoặc công nhận. Đến nay nhân sự chuyên môn của Giáo hội đã có khoảng 90 Huấn viên Y khoa nam dược, hơn 800 Y sĩ phước thiện. Bên cạnh đó, còn có đông đảo đội ngũ kỹ thuật viên và y sinh đang học nghề Y dược theo chương trình thống nhất của giáo hội.

*Về Tu huệ:* Từ khi thành lập Giáo hội, công tác dạy đạo do Ban Đạo đức đảm nhiệm. Đức Tông sư Minh Trí là vị thầy tối cao (gọi là Thượng sư chứng), trực tiếp giảng dạy là các vị chức sắc do Đức Tông sư Minh Trí sắc phong gồm các giáo phẩm Huấn sư, Phó Huấn sư, Giảng sư, Phó Giảng sư, Huấn viên đạo đức (gọi là Hạ sư truyền). Chương trình giảng dạy, tu học hướng đến mục tiêu

thực hành Phước Huệ song tu, nội dung ứng dụng bao gồm các giáo điển: kinh Lễ Bái Lục Phương, Phu Thê Ngôn Luận, kinh Đạo Đức, Giới Luật. Các kinh điển nhà Phật được sử dụng để nâng cao trình độ gồm có: kinh A Di Đà, kinh Kim Cang, kinh Pháp Bửu Đàn, kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa.

Đến nay, Ban Giảng huấn và Hoàng pháp trung ương (trực thuộc Ban Đạo đức trung ương), biên soạn bộ giáo trình 3 cấp, thống nhất việc đào tạo nhân sự. Đồng thời, Ban Giảng huấn và Hoàng pháp trung ương đảm nhận công tác tổ chức các khóa đào tạo nhân sự chuyên môn và thực hiện công tác giảng giải giáo lý tại các hội quán trong những ngày Chủ nhật và ngày Mừng Một (ngày sóc), ngày Rằm (ngày vọng).

Bên cạnh những thuận lợi như trên giáo hội hiện vẫn còn một số khó khăn như: Việc thực tập của y sĩ trung cấp y học cổ truyền là y sĩ của Tịnh độ Cư sĩ còn khó khăn, vì đa số các y sĩ trung cấp y học cổ truyền là y sĩ cấp II của giáo hội đã có thâm niên khám chữa bệnh trên 5 năm, hiện đang đảm nhiệm ở các phòng thuốc nam phước thiện của giáo hội ở các tỉnh thành, nếu tham gia thực tập ở các bệnh viện chuyên khoa thì phòng thuốc phải đóng cửa, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Ban tu phước của Giáo hội.

#### ***2.3.4. Về hoạt động quan hệ quốc tế***

Cùng với sự phát triển theo xu thế chung của thế giới và phù hợp với đường lối đối ngoại của Nhà nước, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam mở rộng mối quan hệ với các tôn giáo trên thế giới trên nhiều mặt của đời sống xã hội. Chủ yếu tập trung vào các hoạt động thuần túy tôn giáo như: thảo luận về giáo lý, giáo luật, lễ nghi; phương thức sinh hoạt; đào tạo, trao đổi về kinh sách; các hoạt động bác ái, từ thiện.

Bên cạnh các hoạt động trong khuôn khổ chương trình, Giáo hội đã tăng cường các hoạt động thuyết giảng, tham gia sinh hoạt tôn giáo, hướng dẫn bà con tín đồ ở nước ngoài tu học, tạo dựng quan hệ đoàn kết, gần gũi trong kiều bào Việt Nam ở nước ngoài, giúp cho kiều bào hiểu hơn về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, hướng tình cảm của kiều bào về quê hương, đất nước. Bên cạnh đó, Giáo hội đã ký kết hành động “Vai trò của các tôn giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Theo báo cáo (năm 2020) của Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, tín đồ thuộc Giáo hội hiện nay có ở 02 quốc gia là Úc và Đan Mạch. Trong đó, số lượng tín đồ ở Úc có 110 người, Đan Mạch có 105

người. Việc sinh hoạt của các tín đồ ở 02 quốc gia này tuân thủ theo giáo lý, giáo luật, lễ nghi của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam. Ban Trị sự trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam giúp nhóm tín đồ ở 02 quốc gia này thành lập Ban Trị sự chùa (cấp cơ sở) theo Hiến chương của giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, gồm 01 Trưởng ban, 02 phó ban và 04 uỷ viên; hướng dẫn tu học, giảng giải kinh sách, giáo lý, giáo luật, hướng dẫn lễ nghi qua mạng Internet, băng đĩa và sách... Bên cạnh đó, Ban Trị sự trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam giúp đào tạo y sỹ khám chữa bệnh bằng thuốc nam (vật lý trị liệu, châm cứu, khám - bốc thuốc nam,...).

## **2.4. Hoạt động xã hội**

### ***2.4.1. Tham gia phát triển kinh tế xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc***

Những năm qua, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã cùng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp và toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; nhất là, chăm lo cho người nghèo, người có công với nước, người già cô đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật, xây dựng nhà tình thương, Nhà Đại đoàn kết; chăm lo giúp đỡ người bị bệnh phong, nhiễm và ảnh hưởng HIV/AIDS, cứu trợ thiên tai, tai nạn,... Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có 214 phòng thuốc nam và nhiều vườn thuốc nam quý hiếm.

Ngoài ra, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam còn chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tổ chức các đoàn khám, chữa bệnh lưu động, phát thuốc miễn phí cho hàng triệu lượt người nghèo. Các địa phương có nhiều cơ sở bảo trợ xã hội của tôn giáo là: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, An Giang, Vĩnh Long,... Nhìn chung, các cơ sở này đều đáp ứng đầy đủ các quy định, góp phần cùng Nhà nước và xã hội trong công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân.

Về cơ bản Ban Trị sự trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động chức việc, tín đồ tham gia thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và tích cực tham gia phát triển cộng đồng thông qua các cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam,... Các cuộc vận động này góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; quan tâm đến đời sống tinh thần đạo đức của tín đồ bằng cách mở nhiều khóa giáo lý để giảng giải những nội dung chuyên sâu về đạo đức của con người nói chung, đạo đức tôn giáo nói riêng.



Trong thời gian qua, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã ký kết hành động “Vai trò của các tôn giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”. Tham dự Hội thảo quốc tế chính sách, pháp luật nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo chia sẻ kinh nghiệm giữa Châu Âu và Việt Nam.

#### ***2.4.2. Tham gia hoạt động xã hội hóa về y tế, từ thiện nhân đạo***

Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam tham gia các hoạt động xã hội hóa về y tế và từ thiện nhân đạo theo hai hình thức chủ yếu: hoạt động thường xuyên và hoạt động không thường xuyên. Qua số liệu và tình hình hoạt động của các cơ sở y tế và từ thiện nhân đạo thuộc Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam cho thấy sự đóng góp đáng kể của tổ chức tôn giáo này góp phần vào công tác an sinh xã hội, giảm gánh nặng cho Nhà nước. Cụ thể:

##### ***- Mặt tích cực:***

Hiện nay Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã thành lập được 214 phòng thuốc nam phước thiện. Để các phòng thuốc nam hoạt động hiệu quả và đạt chất lượng tốt, chủ trương của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là luôn quan tâm tới việc đào tạo các y bác sĩ có trình độ. Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam hiện có 3 trung tâm đào tạo nhân lực cho các phòng thuốc nam tại TP. Hồ Chí Minh, Long An và Cà Mau.

Y tế - phước thiện là hoạt động quan trọng nhất và cũng là hoạt động từ thiện xã hội chủ yếu của Giáo hội. Trong tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, hệ thống phòng thuốc nam phước thiện của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã góp phần chia sẻ gánh nặng về khám chữa bệnh cho xã hội và Nhà nước. Các phòng thuốc nam phước thiện của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam ngày càng được nhiều người khắp nơi tín nhiệm.

Hoạt động thuốc nam của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam bắt nguồn từ quan niệm: tu hành chân chính, muốn thành chánh quả phải có Phước túc - Huệ túc, phải tịnh đủ tam nghiệp, ý tu, ý hành thì ý tịnh; khẩu tu khẩu hành thì khẩu tịnh; thân tu thân hành thì thân tịnh. Con người có hai phần quan trọng như nhau là Tâm và Thân, cho nên đối với người bệnh, trước hết không phải đem Phật pháp đến với họ, mà phải đem đến cho họ những phương thuốc thần diệu của một nền y đạo thật sự để xoa bớt nỗi đau thể xác, loại trừ căn bệnh rồi dần dần hướng họ tu hành theo Phật pháp.

Với tôn chỉ Phước - Huệ song tu, Tịnh độ “tu Phước” chủ yếu là dùng y đạo (Nam dược) để chữa bệnh cho người, là kết quả của điều lành, những việc phước thiện, giúp đỡ người đời bớt khổ thêm vui. Như thế là thực hiện đúng hướng chủ nghĩa từ bi của đức Phật, góp phần phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam. Phương tiện tu phước chủ yếu là các phòng thuốc nam phước thiện bên cạnh nơi thờ tự và tu học.

Phòng thuốc nam tượng trưng cho tôn chỉ của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, đồng thời là nơi để cho toàn thể các chức sắc, chức việc, tín đồ, hội viên cùng nhau tu phước. Để nâng cao trình độ của các y sỹ, y sinh, Ban Trị sự trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã hoàn thiện bộ tài liệu giảng dạy y sỹ (cấp I, II và III), Huấn viên y khoa và bộ giáo trình môn châm cứu. Nhiệm kỳ vừa qua, Ban Trị sự trung ương đã liên tục mở các khoá đào tạo, rèn luyện về chuyên môn lẫn đạo đức, tổ chức các khoá học dành cho y sỹ, y sinh từ trung ương đến các tỉnh, thành hội. Nhằm tạo thuận lợi cho việc đi lại, tiết kiệm tiền bạc, thời gian, công tác giảng dạy của Ban Giảng huấn được Ban Trị sự trung ương phân bố đều khắp các tỉnh, thành hội. Ngoài việc đào tạo theo chương trình của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, mỗi khi có kỳ tuyển sinh quốc gia, giáo hội đều khuyến khích các tín đồ còn trong độ tuổi đi học (18-30) thi vào các trường Đại học và Trung cấp để học và chuẩn hoá bằng cấp theo quy định của Bộ Y tế.

Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã tạo dựng được nền tảng y học cổ truyền vững vàng đáp ứng được yêu cầu chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh và đạo đức nghề nghiệp. Hoạt động của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam luôn được quần chúng Nhân dân ủng hộ và tài trợ, được chính quyền các địa phương tạo điều kiện hoạt động.

Trong năm 2020, nhằm hỗ trợ cho bà con đồng đạo khắc phục tình trạng khô hạn, mất mùa Đoàn thiện nguyện của Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam tổ chức trao các vật phẩm là các phần quà, ngoài ra còn có 110 tấn tole hỗ trợ cho đồng bào ở huyện Bắc Trà Mi. Tổng số tiền và quà trị giá là hơn 4,8 tỷ đồng. Đồng thời, Ban Trị sự Trung ương giáo hội Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam đã đăng ký ủng hộ “quỹ vì người nghèo và chương trình an sinh xã hội” năm 2020 với số tiền khoảng 140 tỷ đồng. Số tiền được quy đổi từ các hoạt động từ thiện xã hội của Giáo hội, gồm các hình thức như: Khám bệnh và bốc thuốc miễn phí; châm cứu miễn phí; phát thuốc thành phẩm miễn phí; hoạt động cứu tế và tham gia các chương trình vận động tại địa phương có hội quán của Giáo hội.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM VỀ TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI VIỆT NAM PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

- Điều kiện hoạt động của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, vì đa phần tín đồ là nông dân nghèo, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế; số lượng tín đồ, hội viên phân bố không đều. Do vậy, công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cần được quan tâm, phù hợp với đặc điểm của tôn giáo này.

- Đóng góp của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam cho nền y học cổ truyền cần được ghi nhận, lan tỏa trong xã hội qua các hình thức tuyên truyền phù hợp.

- Tuyên truyền những thông tin, kiến thức chuyên sâu về y tế, hướng dẫn để Giáo hội phát huy tốt hơn nữa hoạt động y tế phước thiện của Giáo hội./.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ban Tôn giáo Chính phủ (2019) *“Tập bài giảng về Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam”*.

- Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam (2019) *“Hiển chương của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật Hội Việt Nam”*.

#### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Hoạt động nào của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam cần tuyên truyền để ghi nhận những đóng góp của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đối với xã hội?

2. Để giúp Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam phát huy hoạt động y tế - phước thiện cần những khuyến nghị gì?

## Chuyên đề 8

# KHÁI QUÁT VỀ MỘT SỐ TÔN GIÁO KHÁC Ở VIỆT NAM (Hồi giáo, Baha'i, Bà La Môn giáo, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Minh sư đạo, Minh lý đạo)

## 1. HỒI GIÁO

### 1.1. Khái quát chung về Hồi giáo ở Việt Nam

#### 1.1.1. Sự hình thành, phát triển và quá trình du nhập vào Việt Nam của Hồi giáo

##### 1.1.1.1. Sự hình thành của Hồi giáo

Hồi giáo, theo tiếng Ả rập là “Islam giáo”, nghĩa là phục tùng, vâng lệnh Thượng đế (Allah). Tên gọi “Hồi giáo” là cách gọi trước đây của người Trung Quốc chỉ tôn giáo của dân tộc Hồi Hột theo Islam giáo. Ở Việt Nam hiện nay tồn tại hai cách gọi là “Hồi giáo” và “Islam giáo”, trong đó từ “Hồi giáo” được sử dụng phổ biến hơn.

Hồi giáo ra đời ở Mecca vào đầu thế kỷ VII sau Công nguyên, trong bối cảnh xã hội chế độ công xã nguyên thủy dần chuyển sang chế độ xã hội có giai cấp, đòi hỏi cần phải thống nhất các bộ lạc trong bán đảo Ả rập thành một nhà nước phong kiến; đồng thời tín ngưỡng thờ đa thần không còn đáp ứng nhu cầu của xã hội mới, đòi hỏi phải thay thế bằng một tôn giáo thờ nhất thần. Trong bối cảnh đó, Muhammad (571 - 632) đã mạc khải và phát triển Hồi giáo, trở thành người được tín đồ Hồi giáo tôn vinh là Sứ giả cuối cùng.

Theo sử sách, vào tháng 9 Hồi lịch hằng năm, Muhammad thường vào hang đá ở núi Hira, gần thành phố Mecca để tịnh cốc và suy niệm. Bỗng một đêm vào năm 610, lúc ông 40 tuổi, với những giây phút xuất thần chìm sâu trong suy niệm, ông thấy thiên thần Gabriel đến trao cho ông thông điệp của Thượng đế (Allah) và thông báo: “ông được Thượng đế chọn làm sứ giả của Ngài”. Từ đó, ông trở thành nhà thông thái và truyền bá tư tưởng Hồi giáo tới những tín đồ đầu tiên.

##### 1.1.1.2. Quá trình phát triển của Hồi giáo

Khi mới ra đời, Hồi giáo vấp phải sự phản kháng quyết liệt của tầng lớp đứng đầu các bộ lạc. Tuy nhiên, trong vòng 20 năm, Hồi giáo đã được truyền bá ra một vùng rộng lớn thuộc bán đảo Ả rập. Sau khi Muhammad qua đời, từ năm

636, những người kế tục ông đã tiến hành thời kỳ truyền bá Hồi giáo đến các quốc gia khác như: Siri, Ba Tư, Ai Cập, Tây Bắc Ấn Độ,... Cho đến thế kỷ XI, Hồi giáo đã trở thành một tôn giáo thống soái của các dân tộc từ Địa Trung Hải đến Vịnh Ba Tư; thâm nhập sâu vào các dân tộc Châu Phi rồi vượt biển vào Tây Ban Nha, châu Âu. Trong khoảng 3 thế kỷ (từ thế kỷ XIV - XVI) Hồi giáo đẩy mạnh việc truyền bá sang nhiều nước vùng Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Hiện nay, Hồi giáo là một trong hai tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất thế giới, với gần 2 tỷ tín đồ, chiếm khoảng 23% dân số toàn cầu, có mặt ở hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên tất cả các châu lục với các chế độ chính trị khác nhau và những nền văn hoá đa dạng, trong đó có khoảng 50 quốc gia tuyên bố Hồi giáo là quốc giáo. Tín đồ Hồi giáo có ở châu Á hơn 60%, khu vực Trung Đông và Bắc Phi khoảng 20%, châu Phi và cận Sahara khoảng 15%, châu Âu và châu Mỹ khoảng 3% số lượng tín đồ Hồi giáo toàn thế giới.

Hồi giáo có nhiều hệ phái, trong đó hệ phái Sunni chiếm khoảng 80% tổng số tín đồ Hồi giáo thế giới, còn lại là các hệ phái khác như: Shi'i, Ismali, Sufi, Babit, Bekhait,...

#### *1.1.1.3. Sự du nhập của Hồi giáo vào Việt Nam*

Hồi giáo du nhập vào cộng đồng người Chăm ở Việt Nam từ khoảng thế kỷ IX đến thế kỷ X qua các thương nhân Ả rập, Ấn Độ, Ba Tư.

Các giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn trước năm 1470: Hồi giáo mạnh mẽ trong cộng đồng Chăm thông qua các thương nhân từ Trung Cận Đông truyền vào, nhưng chưa phát triển.

- Giai đoạn từ sau 1470 đến năm 1840: giai đoạn truyền đạo từ một bộ phận người Chăm Việt Nam lưu tán ở nước ngoài về cộng đồng người Chăm trong nước, dẫn đến sự giao hoà giữa Hồi giáo và Bàlamôn giáo, hình thành Hồi giáo Bani tại vùng Nam Trung bộ.

- Giai đoạn từ sau 1840 đến nay: hình thành vùng thứ hai theo Hồi giáo chính thống của người Chăm - Chăm Islam tại vùng thượng nguồn sông Tiền (Châu Đốc - An Giang ngày nay) và hình thành cộng đồng cư dân ngoại lai theo Hồi giáo ở TP. Hồ Chí Minh.

#### **1.1.2. Giáo lý, giáo luật, lễ nghi**

##### *1.1.2.1. Giáo lý*

Giáo lý Hồi giáo được chứa đựng toàn diện trong kinh Qur'an và luật Sharia. Theo Hồi giáo, kinh Qur'an là những lời giáo huấn của Thượng đế cho

loài người mà Muhammad đã nhận được qua thiên thần Gabriel, cũng như Thượng đế đã mặc khải cho các vị tiên tri trước Muhammad. Hồi giáo đặc biệt đề cao ý nghĩa, tính thiêng liêng, vĩnh cửu của kinh Qur'an, coi đây là quyển sách đúng chân lý nhất.

Giáo lý Hồi giáo gồm hệ thống những tín điều như: niềm tin Allah là Thượng đế duy nhất, là Đấng kiến tạo ra vạn vật và con người; niềm tin vào Muhammad, sứ giả của Allah có sứ mạng cứu chuộc loài người khỏi tội lỗi; niềm tin vào thiên thần và ma quỷ, thiên đường và địa ngục; niềm tin vào sự bất tử của linh hồn; niềm tin vào ngày tận thế, ngày phục sinh và phán xét cuối cùng; niềm tin vào sự vĩnh cửu của kinh Qur'an.

Quan niệm về con người, Hồi giáo cho rằng con người có hai phần: thể xác và linh hồn. Thể xác chỉ là cái vỏ bọc tạm thời, cuộc sống nơi trần gian chỉ là “ngưỡng cửa” để đi vào cuộc sống vĩnh cửu ở thế giới bên kia. Linh hồn con người là bất diệt, sẽ có ngày tận thế, tất cả sinh mệnh đều kết thúc, sau cùng là ngày phục sinh cho tất cả những người chết; nhưng người chết sẽ được Allah cho sống trở lại để xem xét giữa công và tội, người thiện sẽ được lên thiên đàng, kẻ ác không nghe theo Allah sẽ bị đày xuống hỏa ngục.

#### 1.1.2.2. Giáo luật

Giáo luật Hồi giáo phần lớn được ghi nhận trong kinh Qur'an. Giáo luật Hồi giáo quy định mọi tín đồ phải thực hành 5 cột đạo:

- *Biểu lộ đức tin*: Mọi tín đồ Hồi giáo phải tin rằng có một Thượng đế duy nhất là Allah và Muhammad là thiên sứ của Ngài.

- *Cầu nguyện mỗi ngày (hành lễ)*: Tín đồ Hồi giáo thực hiện cầu nguyện 5 lần mỗi ngày theo thời gian quy định. Vào buổi trưa thứ 6 hàng tuần, các tín đồ cầu nguyện tập thể tại thánh đường do Imâm hướng dẫn.

- *Nhịn chay tháng Ramadan*: Mọi tín đồ Hồi giáo đến tuổi trưởng thành bắt buộc phải nhịn chay tháng Ramadan (tháng 9 Hồi lịch), trừ trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú, những người ốm. Trong tháng này, tín đồ Hồi giáo phải nhịn ăn, uống, hút thuốc, không được quan hệ nam nữ và tránh mọi cám dỗ khác từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn.

- *Thực hiện bố thí (Zakah)*: Là việc làm bắt buộc đối với mọi tín đồ Hồi giáo, được thực hiện sau tháng chay Ramadan bằng cách bố thí cho những tín đồ Hồi giáo nghèo khổ, túng thiếu, bệnh tật,... lương thực, thực phẩm, tiền mặt...

- *Hành hương Mecca (Haji)*: Thực hiện Haji là bắt buộc cho tất cả tín đồ Hồi giáo, ít nhất một lần trong đời, nếu hoàn cảnh cho phép (có sức khỏe và có điều kiện kinh tế).

Giáo luật Hồi giáo còn có những qui định cụ thể về sinh hoạt tôn giáo, về cuộc sống con người trong gia đình và xã hội, như: cầu nguyện, đọc kinh Qur'an, cắt da quy đầu, tang ma, cưới hỏi, phụ nữ,...

### *1.1.2.3. Những ngày lễ trọng*

Người Hồi giáo lấy ngày thứ 6 hàng tuần làm ngày thánh lễ. Ngoài ra, họ còn có các ngày lễ trong năm (theo Hồi lịch) như:

- Lễ kỷ niệm ngày Muhammad cùng đoàn người Hồi giáo di cư từ Mecca đến Medina để lánh nạn, ngày 01/01 Hồi lịch.

- Lễ tạ ơn - Ashura, ngày 10/01 Hồi lịch.

- Lễ sinh nhật thiên sứ Muhammad ngày 12/3/570 Hồi lịch.

- Lễ kết thúc tháng Ramadan từ 27/9 - 01/10 Hồi lịch.

- Lễ kỷ niệm ngày thiên thần chuyển bản gốc kinh Qur'an từ Thượng đế xuống trần thế vào tối 27 tháng Ramadan.

- Lễ công sinh tổ chức sau 70 ngày kể từ kết thúc tháng Ramadan, ngày 10/12 Hồi lịch.

### *1.1.3. Những đặc điểm cơ bản của Hồi giáo*

- Hồi giáo là một tôn giáo quốc tế, có trung tâm tôn giáo ở Mecca nhưng không có tổ chức giáo hội thống nhất mà chia rẽ thành nhiều hệ phái hoặc theo từng quốc gia và thường chịu nhiều ảnh hưởng của phong tục tập quán, truyền thống lịch sử và nhất là các thể chế chính trị ở từng nước.

- Hồi giáo không có hàng giáo phẩm nhưng có chức sắc. Ở nhiều nước Hồi giáo, chức sắc có cả thần quyền lẫn thế quyền.

- Hồi giáo quy định không thờ tượng, ảnh trong các thánh đường.

- Ngôn ngữ và chữ viết Ả rập được sử dụng trong sinh hoạt tôn giáo. Tín đồ Hồi giáo trên toàn thế giới phải đọc kinh Qur'an bằng tiếng Ả rập. Điều này làm cho người Hồi giáo giao tiếp với nhau một cách dễ dàng dù ở quốc gia nào.

- Luật lệ Hồi giáo đã chi phối mọi mặt đời sống tôn giáo và xã hội của tín đồ, nên người Hồi giáo thường có lối sống nghiêm khắc, khép kín,... Đa số người Hồi giáo có niềm tin tôn giáo sâu sắc, ý thức cộng đồng tôn giáo cao.

- Người Hồi giáo chỉ sử dụng các sản phẩm, đặc biệt là thực phẩm được Hồi giáo cho phép (Halal) đảm bảo những quy định nghiêm ngặt trong kinh

Qur'an và luật Sharia về các công đoạn sản xuất, về nguyên liệu và thành phẩm, về bảo quản và phân phối cũng như nhân công lao động.

Cộng đồng Hồi giáo ở Việt Nam cũng mang những đặc điểm nêu trên của Hồi giáo thế giới, tuy nhiên còn có thêm những đặc điểm riêng, tạo nên tính khác biệt với Hồi giáo thế giới.

*Thứ nhất*, đại đa số tín đồ Hồi giáo ở Việt Nam là người Chăm, truyền thống văn hóa tộc người hòa quyện cùng đức tin tôn giáo.

*Thứ hai*, tính chính thống của Hồi giáo bị biến thể. Hồi giáo khi vào Việt Nam chịu sự chi phối bởi bản sắc truyền thống văn hoá lâu đời của Balamôn giáo và hệ thống tín ngưỡng bản địa với chế độ mẫu hệ, Hồi giáo bị "Chăm hoá" cho phù hợp với truyền thống đạo đức và văn hoá của người Chăm, dẫn đến hình thành hai dòng là Chăm Islam và Chăm Bani. Trong đó, người Chăm Islam thực hiện nghiêm túc 5 cốt đạo như Hồi giáo chính thống, hành hương Mecca, có mối quan hệ sâu rộng với Hồi giáo thế giới, dùng kinh Qur'an bản gốc; người Chăm Bani cũng thờ Allah, sứ giả Muhammad, thực hiện tháng Ramurwan (Ramadan) và các kiêng cử trong đời sống tôn giáo trên cơ sở quy định của Hồi giáo chính thống nhưng không hành hương Mecca, không có mối quan hệ với Hồi giáo thế giới; dùng kinh Qur'an chép tay, giản lược so với kinh Qur'an gốc.

Hệ thống chức sắc của Hồi giáo gồm có: giáo chủ (Mufty), phó giáo chủ (Naib Mufty), giáo cả (Ha Kim), phó giáo cả (Naib Ha Kim), người rao giảng giáo lý (Khotib), người hướng dẫn hành lễ (Imam), Tuon, Bilal, nhưng ở Việt Nam, hệ thống chức sắc Hồi giáo có sự khác nhau giữa Hồi giáo (Islam) và Hồi giáo Bani, cụ thể:

Chức sắc Hồi giáo dòng Islam có 06 cấp là:

- Hakim (Giáo cả) là người am hiểu giáo lý, có uy tín, phụ trách chung.
- Naep (Phó Giáo cả) là người giúp việc cho Hakim và thay Hakim khi Hakim vắng mặt.
- Ahly là người giúp Hakim về lĩnh vực xã hội.
- Imam là người hướng dẫn tín đồ trong buổi lễ.
- Kho-típ là người giảng giáo lý trong lễ thứ sáu hằng tuần.
- Tuân là thầy dạy giáo lý cho tín đồ.

Chức sắc Hồi giáo Bani chia làm 4 cấp:

- Sư cả (thầy Pô Gru) là người quyết định mọi vấn đề về đời sống tôn giáo.
- Mưm là người điều khiển các buổi lễ ở thánh đường.



- Kho-típ hay Tip là người đảm nhận một số nghi lễ tại thánh đường hay tại tư gia.

- Thầy Chang (Achar) là người mới nhập vào tầng lớp tu sĩ, có nhiệm vụ giám sát.

*Thứ ba*, cộng đồng Chăm Bani hầu như cách biệt với thế giới Hồi giáo, trong khi đó, cộng đồng Chăm Islam thường xuyên có quan hệ với cộng đồng Hồi giáo Đông Nam Á và thế giới. Mọi quan hệ này ngoài nền tảng tôn giáo còn có những yếu tố hoà quyện quan trọng khác là lịch sử, dòng tộc, hôn nhân và ngày càng phát triển với nhiều hình thức đa dạng như: tham gia các hoạt động tôn giáo (thi xướng kinh Qur'an, hành hương Mecca, tập huấn Imâm, hội thảo, du học,...) và tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội.

## **1.2. Tình hình Hồi giáo ở Việt Nam hiện nay**

### **1.2.1. Về số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, cơ sở thờ tự**

- Tín đồ: hơn 80.000 tín đồ, trong đó có khoảng 51.000 tín đồ Hồi giáo Bani và khoảng 32.000 tín đồ Hồi giáo Islam. Tín đồ Hồi giáo Islam tập trung ở 14 tỉnh, thành phố: An Giang, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Ninh Thuận, Kiên Giang, Trà Vinh, Cần Thơ, Tiền Giang, Long An, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Hà Nội; Hồi giáo Bani tập trung ở Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Số lượng chức sắc, chức việc Hồi giáo hơn 1.000 người, trong đó, Islam hơn 600 người, Bani hơn 400 người.

- Số lượng cơ sở thờ tự của Hồi giáo là 89 cơ sở, trong đó Chăm Islam 54 cơ sở, Chăm Bani 25 cơ sở. Thánh đường, tiểu thánh đường Hồi giáo Islam dáng dấp như thánh đường trên thế giới, được xây dựng theo hướng Đông - Tây; thánh đường Hồi giáo Bani có dáng dấp đơn giản, mang tính địa phương.

### **1.2.2. Về cơ cấu tổ chức**

Tính đến tháng 5/2021, có 6 tổ chức Hồi giáo được Nhà nước công nhận ở cấp Ban Đại diện tỉnh, thành phố và 01 Ban quản trị thánh đường Hồi giáo, trong đó:

- Chăm Bani có 2 tổ chức: Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận (2007) và Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Bình Thuận (2012). Dưới Hội đồng Sư cả có Ban Quản lý thánh đường hoặc Ban phong tục. Ban Quản lý thánh đường có nhiệm vụ chăm lo đời sống tôn giáo cho tín đồ, vận động tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo" đoàn kết với cộng đồng dân cư các tôn giáo khác. Tổng sư cả là người

được các sư cả suy tôn, có uy tín lớn trong đạo, nhưng không bắt buộc phải có mà tùy vào mỗi địa phương.

- Chăm Islam có 4 tổ chức là Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo các tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh (1992), An Giang (2004), Tây Ninh (2010), Ninh Thuận (2012). Dưới Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo tỉnh, thành phố là các Ban quản trị thánh đường. Đứng đầu mỗi Ban quản trị là vị Hakim sau đó là một số chức sắc như Naep, Ahly, thư ký, thủ quỹ. Bên cạnh việc chăm lo đời sống tôn giáo cho tín đồ, Ban quản trị còn là cầu nối giữa cộng đồng Hồi giáo địa phương với chính quyền cơ sở.

### ***1.2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo***

Trong những năm qua, các hoạt động tôn giáo của cộng đồng Hồi giáo các tỉnh, thành phố diễn ra khá sôi động, tuân thủ pháp luật, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh của đồng bào, góp phần vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

#### ***1.2.3.1. Hoạt động hành chính đạo***

Công tác hành chính đạo ổn định, đi vào nề nếp do có sự dẫn dắt, điều hành của Ban đại diện cộng đồng Hồi giáo các tỉnh, thành phố và Ban quản trị các thánh đường. Các hoạt động tôn giáo tại cơ sở thờ tự diễn ra theo đúng giáo lý, giáo luật và tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phần lớn chức sắc, chức việc lớn tuổi, chưa đảm bảo đội ngũ kế cận nên có những hạn chế nhất định trong điều hành hoạt động đạo sự.

#### ***1.2.3.2. Hoạt động bổ nhiệm, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức việc***

Các tổ chức Hồi giáo tổ chức các đại hội, hội nghị đảm bảo quy trình, chất lượng và theo quy định của pháp luật hiện hành; việc chọn cử nhân sự tham gia các tổ chức Hồi giáo được triển khai khá chặt chẽ, dân chủ, phần lớn chức sắc, chức việc đã phát huy vai trò của mình trong cộng đồng, có quan hệ tốt với chính quyền.

#### ***1.2.3.3. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chức sắc, chức việc***

Hiện nay, ở Việt Nam chưa có trường đào tạo chức sắc Hồi giáo, tuy vậy các cấp chính quyền đều tạo điều kiện cho các khu vực, thánh đường tổ chức lớp dạy giáo lý và tiếng A-rập cho con em người Chăm Hồi giáo. Các Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo cũng tích cực mời các tổ chức Hồi giáo nước ngoài vào Việt Nam tổ chức các lớp tập huấn Imâm ngay tại địa phương.

Hoạt động Daw'ah (thuyết giảng giáo lý) trong cộng đồng Hồi giáo Việt Nam thời gian qua diễn ra khá sôi động, với sự gia tăng của các đoàn thuyết giáo

nước ngoài. Bên cạnh ý nghĩa tích cực, những hoạt động của các nhóm Daw'ah cũng cần được chấn chỉnh theo hướng tuân thủ pháp luật, đảm bảo an ninh chính trị, an toàn xã hội.

#### *1.2.3.4. Các hoạt động quốc tế*

Mối quan hệ với thế giới Hồi giáo của cộng đồng Hồi giáo Việt Nam ngày càng phát triển với nhiều hình thức đa dạng như: tham gia các hoạt động tôn giáo (thi xướng kinh Qur'an, hành hương Mecca, tập huấn Imâm, hội thảo, du học,...) và tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội. Số lượng tín đồ Chăm Islam đi hành hương Mecca ngày càng tăng trong những năm gần đây với hai hình thức: đi tự túc và đi bằng nguồn tài trợ của các tổ chức Hồi giáo nước ngoài. Số lượng tín đồ Hồi giáo Việt Nam đi du học cũng tăng đáng kể dựa vào sự tài trợ của thân nhân ở nước ngoài và các tổ chức Hồi giáo, chủ yếu học tại Indonesia, Libia, Ả Rập Xê út, Ai Cập, Malaysia. Ngoài ra, hoạt động quyên góp, tiếp nhận tài trợ từ các cá nhân, tổ chức Hồi giáo trong nước và nước ngoài thường xuyên diễn ra nhằm phục vụ cho việc xây dựng, trùng tu cơ sở thờ tự, in ấn kinh sách,...

#### *1.2.4. Hoạt động xã hội của các tổ chức Hồi giáo*

Đa phần bà con tín đồ Hồi giáo có đời sống kinh tế khó khăn. Tuy vậy, các tổ chức Hồi giáo đã triển khai được một số hoạt động từ thiện dựa vào nguồn đóng góp từ những cá nhân tích cực trong cộng đồng và một số nguồn tài trợ từ tổ chức, cá nhân người nước ngoài. Việc từ thiện được cộng đồng Hồi giáo thực hiện trong suốt cả năm, nhưng đặc biệt quan trọng trong tháng lễ Ramadan do đây là một trong năm điều cốt đạo trong giáo lý Islam. Trong dịp này, Ban Đại diện các thánh đường phối hợp với các ban, ngành của địa phương rà soát lại những hộ nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ. Những hoạt động từ thiện thường được triển khai là: giúp đỡ bà con tìm việc làm, xây nhà đại đoàn kết, trao quà (tiền mặt, lương thực, đồ dùng học tập,...) cho người già neo đơn, các hộ nghèo, các em khuyết tật, các em học sinh nghèo; làm giếng khoan để cung cấp nguồn nước sạch cho bà con sinh hoạt, hỗ trợ kinh phí cắt da quy đầu cho trẻ em,...

### **1.3. Những vấn đề cần quan tâm về Hồi giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo**

Công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo đối với cộng đồng Hồi giáo cần lưu ý một số điểm sau để đạt hiệu quả:

*Thứ nhất*, cần chú ý tới đặc điểm dân tộc, tộc người của đồng bào theo Hồi giáo. Đa phần tín đồ Hồi giáo ở Việt Nam là người Chăm, mang đặc điểm kép: vừa là đồng bào dân tộc thiểu số vừa là đồng bào có đạo. Tính cộng đồng là nét nổi bật của cộng đồng Hồi giáo. Tín đồ Hồi giáo có niềm tin tôn giáo sâu sắc, giáo lý, giáo luật và lễ nghi được thực hiện theo quy định của kinh Qur'an, nhưng bên cạnh đó họ có nét văn hóa riêng so với tín đồ Hồi giáo trên thế giới.

*Thứ hai*, nội dung, cách thức tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến chức sắc, chức việc, tín đồ Hồi giáo cần cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng. Việc thông tin, tuyên truyền phải góp phần nâng cao hiểu biết về pháp luật và ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của người dân, hạn chế những hoạt động vi phạm pháp luật.

*Thứ ba*, trong công tác thông tin, tuyên truyền cần có sự quan tâm, lắng nghe, ghi nhận những tâm tư, nguyện vọng của chức sắc, tín đồ để phối hợp hoặc đề xuất các cơ quan chức năng kịp thời tháo gỡ góp phần ổn định tôn giáo của Nhân dân.

*Thứ tư*, cần quan tâm phát huy vai trò cầu nối của đội ngũ chức sắc, chức việc, trí thức người Chăm Hồi giáo trong tuyên truyền đối ngoại, bởi lẽ, mối quan hệ giữa chức sắc, chức việc, trí thức người Chăm Hồi giáo (Chăm Islam) với các tổ chức, cá nhân Hồi giáo nước ngoài, kể cả với các chính thể Hồi giáo nước ngoài rất chặt chẽ trên tinh thần huynh đệ.

## 2. TÔN GIÁO BAHÀ'I

### 2.1. Khái quát chung

#### 2.1.1. Sự hình thành, phát triển và quá trình du nhập vào Việt Nam của tôn giáo Baha'i

##### 2.1.1.1. Sự hình thành và phát triển

Tôn giáo Baha'i ra đời năm 1863 tại Ba Tư (nay là Iran), người sáng lập là Mirza Husayn Ali (1817 - 1892) được tín đồ gọi là Baha'u'llah (nghĩa là vinh quang của Thượng Đế). Ông qua đời và được chôn tại Haifa (Israel) vào năm 1892. Lăng của Baha'u'llah là nơi thiêng liêng nhất, là trung tâm hành hương của đạo Baha'i.

Khi Baha'u'llah qua đời, quyền lãnh đạo được truyền cho con trai trưởng của ông là Abbas - Effendi tức là Abdu' l - Baha (1844 - 1921). Trước khi chết,

Abdu'l - Baha đã chỉ định cháu của mình là Shoghi - Effendi (1897 - 1957) làm Giáo hộ và thủ lĩnh tinh thần đạo Baha'i. Sau khi Shoghi- Effendi qua đời, nền quản trị được chuyển sang một Hội đồng quốc tế, từ đây hệ thống tổ chức của đạo Baha'i đã hình thành và phát triển vững chắc.

Năm 1948, cộng đồng Baha'i quốc tế đã chính thức được chấp nhận tại Liên Hợp Quốc là một tổ chức phi Chính phủ, hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển; đến tháng 5/1970 được hưởng cương vị tư vấn tại Hội đồng kinh tế - xã hội Liên Hợp quốc (ECOSOC). Đại diện tôn giáo Baha'i đã được bầu là Chủ tịch các Ủy ban của Tổ chức phi chính phủ tại Liên Hợp quốc. Ngoài ra, cộng đồng Baha'i quốc tế có quan hệ chặt chẽ với các tổ chức khác của Liên Hợp quốc như: Tổ chức y tế thế giới (WHO), Chương trình môi trường của Liên Hợp quốc (UNEP), Quỹ trẻ em của Liên Hiệp Quốc (UNICEF),... Hiện nay, tôn giáo Baha'i có khoảng hơn 6 triệu tín đồ ở 235 quốc gia và vùng lãnh thổ, thuộc hơn 2.100 sắc tộc, ở phần lớn các nước Hồi giáo. Ấn Độ là quốc gia có số lượng tín đồ Baha'i đông nhất thế giới với khoảng hơn 2 triệu người.

#### *2.1.1.2. Quá trình du nhập và phát triển của tôn giáo Baha'i ở Việt Nam*

- Thời kỳ trước năm 1975:

Ngày 18/02/1954, được sự nhất trí của Hội đồng tinh thần Baha'i Ấn Độ, Bà Shirin Fozdar cùng con trai và con dâu đến Sài Gòn truyền giáo. Ngày 21/4/1955, Hội đồng Tinh thần Baha'i đầu tiên được thành lập tại Sài Gòn, gồm 9 thành viên. Hội đồng tinh thần địa phương này được chính quyền Sài Gòn công nhận tại Nghị định số 2.509/HCSV ngày 20/9/1955. Năm 1964, Hội đồng Tinh thần toàn quốc đầu tiên được thành lập. Năm 1970 có khoảng 95.000 tín đồ và đến đầu năm 1975 tăng lên khoảng 205.000 tín đồ, trong đó có khoảng 30.000 người dân tộc thiểu số, với 687 Hội đồng Tinh thần địa phương.

Trước năm 1975, cộng đồng tôn giáo Baha'i có nhiều hoạt động sôi nổi và rộng khắp, có cơ sở ở hầu hết các tỉnh, thành phố, những vùng dân tộc miền núi và người Hoa ở Sài Gòn. Một trong những hoạt động nổi bật của tôn giáo Baha'i lúc đó là việc tổ chức “ngày tôn giáo Hoàn cầu” hằng năm, Hội nghị lần thứ nhất được tổ chức ngày 21/01/1962 tại Sài Gòn, để cùng đại diện các tôn giáo khác tham dự như: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Cao Đài... thảo luận, bàn bạc các đề tài liên quan đến thống nhất tôn giáo và vai trò hoà hợp tôn giáo trong xã hội. Từ đó, ngày tôn giáo Hoàn cầu đã trở thành ngày truyền thống liên tục từ năm 1962 đến năm 1975 của tôn giáo Baha'i.

- Từ năm 1975 đến nay:

Sau ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975) hoạt động của cộng đồng Baha'i giảm sút và ngừng hẳn vào năm 1977. Sự liên lạc giữa cộng đồng Baha'i các tỉnh với cơ cấu quản trị trung ương của tôn giáo Baha'i ở Việt Nam bị gián đoạn.

Trong thời gian từ năm 1989 - 1990, cộng đồng Baha'i hoạt động trở lại, tháng 4/1989 một cơ cấu Baha'i lấy tên là "Ban liên lạc tín đồ Baha'i" được thành lập tại TP. Hồ Chí Minh để liên lạc với tín đồ trong nước.

Năm 2005, tôn giáo Baha'i có ở 45 tỉnh, thành phố với hơn 6.000 tín đồ, tập trung chủ yếu tại các tỉnh, thành phố từ miền Trung trở vào. Ở các tỉnh miền Bắc, tôn giáo Baha'i cũng có ở nhiều tỉnh, thành phố như Hà Nội, Phú Thọ, Hoà Bình,...

Ngày 28/3/2007, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo. Ngày 21/3/2008, tại TP. Hồ Chí Minh, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam đã tiến hành đại hội đại biểu lần thứ nhất để bầu Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam và thông qua Hiến chương, chương trình hoạt động của tổ chức trong nhiệm kỳ lần thứ nhất (2008- 2009). Ngày 14/7/2008, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam được Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ thừa uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo. Đến năm 2021, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam đã trải qua 14 kỳ đại hội (nhiệm kỳ 01 năm).

### ***2.1.2. Nội dung cơ bản về giáo lý, luật lệ, lễ nghi và đặc điểm***

#### ***2.1.2.1. Giáo lý***

Cũng như các tôn giáo khác, tín đồ đạo Baha'i tin rằng tất cả các tôn giáo trên thế giới do Thượng đế tạo ra, Thượng đế đã cử nhiều sứ giả trước đó như: Abraham, Moses, Jesus, Muhammad,... để dạy nhân loại biết cách tìm hiểu, thờ phụng Người và sứ giả của Thượng đế trong thời đại này là đức Baha'u'llah. Giáo lý căn bản của đạo Baha'i là:

- Thượng đế là Đấng tối cao duy nhất.
- Tất cả các tôn giáo đều có chung một nguồn gốc thiêng liêng.
- Mọi người đều thuộc một gia đình, gia đình nhân loại, vì đều là con của Thượng đế.

Theo tôn giáo Baha'i, đức Baha'u'llah đã trao cho tín đồ nhiệm vụ đem giáo lý của mình đến toàn thể nhân loại bằng lời nói và gương tốt, cảm sự ép buộc. Tín đồ Baha'i chỉ trao tặng giáo lý cho những ai muốn tìm hiểu, không cố

nài khi có người tỏ ý không muốn nghe. thuộc một gia đình, gia đình nhân loại, vì đều là con của Thượng đế.

#### 2.1.2.2. Giáo luật

- Về cầu nguyện: Tín đồ tôn giáo Baha'i từ 15 tuổi trở lên cầu nguyện hàng ngày vào buổi sáng bằng Thánh kinh do Baha'u'llah truyền lại. Kinh cầu nguyện này bắt buộc mọi người phải đọc riêng, không được đọc kinh hàng loạt, trừ trường hợp cầu nguyện trong tang lễ. Baha'u'llah đã tập trung nhiều điều giáo huấn của mình vào trong 150 bộ sách với một số nguyên lý chính sau:

Nhân loại thống nhất: Đây là nguyên lý cốt lõi giáo lý của Baha'u'llah. Sự thống nhất thế giới là giai đoạn cuối cùng trong cuộc tiến hoá của nhân loại, điều này sẽ được thực hiện dựa trên sự nhìn nhận của cá nhân về nguyên lý nhân loại thống nhất này như là nguyên lý tâm linh chủ yếu.

Sự tìm hiểu chân lý một cách độc lập: Việc này đòi hỏi con người phải gắng công nhiều hơn là sự chấp nhận đức tin mù quáng do người khác giảng dạy.

Nền tảng chung của tất cả các tôn giáo: Nền tảng chung của tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới đều có nguồn gốc thiêng liêng. Tất cả đều do Thượng đế mặc khải ở những nơi và những thời đại khác nhau tùy theo nhu cầu và khả năng tiến hoá của con người.

Sự hoà hợp thiết yếu giữa khoa học và tôn giáo: Baha'u'llah cho rằng tôn giáo và khoa học hoà hợp với nhau. Tôn giáo chân chính và khoa học chân chính không bao giờ mâu thuẫn với nhau. Cả hai là những mặt hỗ trợ của chân lý.

Sự bình đẳng nam nữ: Baha'u'llah đã công bố sự bình đẳng nam nữ. Baha'u'llah không nêu điều này như một niềm hy vọng thần thánh hoặc lý tưởng, nhưng đan kết nó như một yếu tố căn bản trong cơ cấu của tôn giáo Baha'i. Sự bình đẳng này được nâng đỡ bằng luật pháp, đòi hỏi cùng một tiêu chuẩn giáo dục cho mọi người và sự bình quyền trong xã hội.

Xoá bỏ mọi thành kiến: Phương thức hiệu nghiệm để xoá thành kiến là ý thức về nhân loại thống nhất. Khi một người đạt được nhận thức tâm linh về tính thống nhất của nhân loại, người đó có thể vượt qua thành kiến của riêng mình.

Giáo dục phổ thông bắt buộc: Tri thức là ân huệ lớn nhất Thượng đế ban cho mọi người và những ai đánh mất cơ hội đạt tới tri thức thì sẽ sống cuộc đời hạn hẹp hơn người khác.

Hoà bình thế giới: Căn bản chính yếu của giáo lý Baha'i là nêu cao sự thống nhất nhân loại và đem đến nền hoà bình thế giới.

- Về truyền giáo: Tôn giáo Baha'i không có chức sắc, do vậy việc truyền giáo là nhiệm vụ của mọi tín đồ.

- Về hôn nhân, gia đình: Hôn nhân được tiến hành khi hai bên nhất trí và cha mẹ cho phép (nếu cha mẹ còn sống). Hôn lễ tổ chức giản dị, gồm có cô dâu và chú rể đọc một câu kinh ghi sẵn trước hai nhân chứng được Hội đồng tinh thần địa phương chấp thuận và cấp giấy hôn thú, ngoài ra còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật của nước sở tại. Tín đồ Baha'i được phép kết hôn với người khác chủng tộc, không phân biệt màu da và tôn giáo.

Luật của tôn giáo Baha'i hạn chế việc ly dị, Hội đồng tinh thần địa phương có trách nhiệm hoà giải khi các cặp vợ chồng xảy ra các chuyện bất hoà, nếu hoà giải không thành, vợ chồng sẽ ly thân trong một năm, sau một năm nếu hai bên vẫn bất hoà thì có thể ly dị theo pháp luật hiện hành của nước sở tại.

- Về tu kín và xuất thế: Tôn giáo Baha'i cấm việc tu kín và xuất thế. Baha'u'llah khuyên tín đồ tích cực tham gia vào đời sống xã hội và nâng cao hạnh phúc chung, coi hôn nhân và đời sống gia đình là điều quan trọng căn bản của xã hội loài người.

- Về thủ tục nhập đạo: Tôn giáo Baha'i không có phép bí tích như Công giáo, không có lễ Báp-tem hay thêm sức cho trẻ em. Con của cha mẹ theo tôn giáo Baha'i đến 15 tuổi đương nhiên có trách nhiệm sống theo giáo lý tôn giáo Baha'i. Người nào tin nhận Baha'u'llah là sứ giả Thượng đế, thì bày tỏ đức tin của mình với Hội đồng Tinh thần địa phương (HĐTTĐP) của tôn giáo Baha'i nơi gần nhất, người đó sẽ được Hội đồng Tinh thần này xem xét công nhận là tín đồ. Nếu tín đồ nào không còn tin Baha'u'llah và muốn rời khỏi cộng đồng tôn giáo Baha'i, người đó phải thông báo cho Hội đồng Tinh thần nơi đó biết để xoá tên khỏi danh sách bầu cử.

- Quy định về lịch: Lịch Baha'i tính theo năm mặt trời, bắt đầu vào ngày xuân (thường là ngày 21/3 theo dương lịch). Một năm chia ra 19 tháng, mỗi tháng gồm 19 ngày cộng thêm 4 ngày dư (năm nhuận có 5 ngày dư), những ngày dư nằm giữa tháng thứ 18 và tháng thứ 19, tháng 19 là tháng chay. Một ngày Baha'i bắt đầu từ lúc mặt trời lặn hôm trước đến lúc mặt trời lặn hôm sau.

- Một số quy định khác như: Cấm dùng rượu, ma tuý; cấm nói xấu sau lưng và chỉ trích người khác; trung thành với Chính phủ và không tham gia vào các hoạt động chính trị.

### *2.1.2.3. Các lễ cầu nguyện và trai giới*

Trong năm có 9 ngày Thánh lễ và thời kỳ trai giới, 9 ngày Thánh lễ là:

- Năm mới bắt đầu vào tối 21/3 gọi là lễ Naw - Ruz (tết Baha'i).
- Ngày 21/4, là ngày tuyên ngôn của Baha'u'llah (năm 1863).
- Ngày 23/5, là tuyên ngôn của Bab (23/5/1844).
- Ngày 29/5, là lễ thăng thiên của Baha'u'llah (29/5/1892).



- Ngày 9/7, là lễ tử đạo của Bab (1850).
- Ngày 20/10, là lễ giáng sinh của Bab (1819).
- Tối 12/11, là lễ giáng sinh của Baha'u'llah (1817).
- Tối 26/11, là lễ giao ước.
- Ngày 28/11, là lễ thăng thiên Abdul - Baha (1921).

Lễ gồm 3 phần:

- Phần tâm linh: Cầu nguyện, tưởng nhớ các bậc tiền bối.
- Phần quản trị: Thảo luận về việc phát triển tôn giáo địa phương và chào mừng những tín đồ mới.
- Phần xã hội: Gặp gỡ, hỏi thăm sức khỏe các đạo hữu và gia đình.

Ngoài những ngày thánh lễ trên, tín đồ tôn giáo Baha'i phải trai giới 19 ngày liền trong mỗi năm, từ ngày 2/3 - 21/3, thời gian này là tháng thứ 19 của lịch Baha'i). Trong thời gian này, tín đồ phải nhịn ăn uống ban ngày, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn và chỉ ăn uống vào buổi tối, nhằm dành thời gian cho việc rèn luyện ý trí, cầu nguyện và suy tưởng. Những người dưới 15 tuổi và trên 70 tuổi, người bệnh, phụ nữ có thai và cho con bú, du khách và những người lao động nặng nhọc chân tay đều được miễn.

### **2.1.3. Đặc điểm cơ bản của tôn giáo Baha'i**

- “Nhân loại thống nhất” là nguyên lý cốt lõi trong giáo lý của tôn giáo Baha'i. Quan niệm này đã khích lệ tôn giáo Baha'i giữ được sự thống nhất, hòa hợp trong cộng đồng tôn giáo Baha'i và với các tôn giáo khác, với xã hội.

- Tôn giáo Baha'i không có chức sắc, chỉ có chức việc. Để lo việc đạo có Hội đồng Tinh thần tại mỗi địa phương, trên Hội đồng Tinh thần địa phương là Hội đồng Tinh thần cấp quốc gia và Hội đồng Tinh thần quốc tế (Tòa Công lý quốc tế). Việc lựa chọn nhân sự tham gia Hội đồng Tinh thần các cấp được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín, không có đề cử và không cho phép sự vận động tranh cử.

- Tôn giáo Baha'i đề cao sự tuân tòng pháp luật, trung thành với chính phủ và không tham gia vào các hoạt động chính trị; đề cao sự thiết yếu của khoa học trong đời sống và sự hòa hợp, thống nhất giữa tôn giáo và khoa học.

- Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có mối quan hệ gắn bó với Cộng đồng tôn giáo Baha'i quốc tế, đặc biệt là với Ban Cố vấn Châu Á và Tòa Công lý quốc tế.

## **2.2. Thực trạng tôn giáo Baha'i ở Việt Nam**

### **2.2.1. Về số lượng tín đồ, chức việc, cơ sở tôn giáo**

Tính đến năm 2021, tôn giáo Baha'i có khoảng 7.000 người tin theo ở 45 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong đó, tập trung đông nhất tại một số

tỉnh, thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, Kiên Giang,... Tín đồ tôn giáo Baha'i ở Việt Nam có nhiều người thuộc tầng lớp trí thức, có đời sống kinh tế và trình độ văn hoá khá cao. Số lượng chức việc tôn giáo Baha'i ở Việt Nam là hơn 300 người.

Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có trụ sở làm việc của Hội đồng tỉnh thần Baha'i Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh và 02 cơ sở tôn giáo ở TP. Đà Nẵng và tỉnh Bình Thuận. Trong đó, cơ sở tôn giáo đặt tại TP. Đà Nẵng được gọi là trung tâm Baha'i, ngoài ra sinh hoạt tôn giáo của các hội đồng địa phương chủ yếu diễn ra tại nhà riêng của tín đồ.

### **2.2.2. Cơ cấu tổ chức của tôn giáo Baha'i ở Việt Nam**

Hệ thống tổ chức của Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam theo hai cấp: Cấp toàn quốc là Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam; cấp cơ sở là Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i địa phương. Hiện cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có 34 Hội đồng Tinh thần địa phương. Các Hội đồng Tinh thần đều gồm có 9 thành viên, được bầu lại hàng năm vào khoảng thời gian từ 21/4 đến 2/5 do toàn thể tín đồ trưởng thành từ 21 tuổi trở lên bỏ phiếu kín.

### **2.2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo**

- Hoạt động hành chính đạo:

Hoạt động hành chính đạo của cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam cơ bản ổn định và chấp hành quy định của pháp luật. Cộng đồng tôn giáo Baha'i thường xuyên tổ chức các nhóm cầu nguyện để mọi tín đồ thuộc mọi tầng lớp xã hội quy tụ; tổ chức các nhóm học tập một cách có hệ thống để chia sẻ thông điệp từ Tòa Công lý quốc tế. Với mục tiêu hướng vào sự phát triển của thanh thiếu niên trong xã hội, các Hội đồng tinh thần địa phương chia ra những cụm để sinh hoạt theo những hoạt động cốt lõi với phương hướng “Nỗ lực giúp thanh niên bước đi trên đường phụng sự, sống hữu ích cho xã hội”. Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam đã phát huy rất tốt nguồn lực của nhóm thanh thiếu niên, với nhiệt huyết tuổi trẻ và quyết tâm cao, các nhóm thanh thiếu niên được quy tụ và đã tham gia vào các hoạt động xây dựng kỹ năng phụng sự và phát triển tri thức, đức tính và lòng nhân ái trong cách đối đầu với các tệ nạn và thách thức của xã hội.

- Hoạt động bổ nhiệm, suy cử, bầu cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức việc:

Thành viên các Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i ở Việt Nam hiện nay có nhiều người thuộc tầng lớp trí thức, có đời sống kinh tế và trình độ văn hoá khá cao. Họ nhìn chung tuân thủ pháp luật, có uy tín trong cộng đồng tín đồ tôn giáo Baha'i.

Hoạt động bầu cử chức việc vào Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam các cấp nhiệm kỳ 01 năm được thực hiện trong tháng Ridvan theo hình thức bỏ phiếu kín và kết quả theo đa số. Việc đề cử, vận động tranh cử và kết bè phái đều bị cấm theo giáo luật tôn giáo Baha'i.

- Hoạt động quan hệ quốc tế: cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có quan hệ thường xuyên và mật thiết với cộng đồng Baha'i trên thế giới. Hoạt động của cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam thống nhất với cộng đồng Baha'i các nước thông qua sự chỉ đạo chung của Toà Công lý Quốc tế và Ban Cố vấn châu lục ở mỗi châu lục trên thế giới.

#### **2.2.4. Hoạt động xã hội của cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam**

Cộng đồng tôn giáo Baha'i tham gia tích cực và có hiệu quả trong công tác từ thiện - xã hội cũng như các hoạt động cứu trợ thiên tai, bão lũ, giúp đỡ các trẻ mồ côi, cơ nhỡ, khuyết tật,... Với nhiều sinh hoạt phong phú và hữu ích, cộng đồng Baha'i Việt Nam đã đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển chung của xã hội như: tham dự các hội thảo, cùng các tôn giáo bạn đối thoại về khả năng góp phần vào các chương trình phát triển xã hội và hoạt động nhân đạo từ thiện; tổ chức các hoạt động nhân đạo từ thiện, hằng năm đặc biệt vào dịp Lễ Ayyam-i-Ha (Ngày của Thượng Đế) từ ngày 25 đến hết tháng 2 dương lịch; tạo môi trường học tập, sinh hoạt và giáo dục đức tin lành mạnh và hướng thiện cho tất cả các thành phần trong xã hội, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có một số hoạt động cốt lõi như: các nhóm học tập, các buổi cầu nguyện, lớp giáo dục đạo đức dành cho thiếu nhi và các nhóm thanh thiếu niên.

Đồng hành cùng các tôn giáo khác trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i đã vận động các chức việc, tín đồ cam kết tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, tuyên truyền sâu rộng trong nội bộ tổ chức và tín đồ, người dân xung quanh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, không sử dụng vật tư, phương tiện độc hại, tăng nguy cơ ô nhiễm và phát thải ra môi trường...

#### **2.3. Những lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền đối với tôn giáo Baha'i**

- Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam đề cao việc tuân thủ chính sách pháp luật của Nhà nước do quy định của giáo luật và đường hướng hành đạo của Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam. Do đó, trong công tác thông tin, tuyên truyền với cộng đồng tôn giáo Baha'i, người làm công tác thông tin, tuyên

truyền cần phát huy mặt tích cực này, sử dụng linh hoạt kiến thức pháp luật để khích lệ sự tin tưởng, hợp tác của tín đồ tôn giáo Baha'i.

- Thường xuyên động viên, tăng cường mối quan hệ giữa chức việc, tín đồ tôn giáo Baha'i đối với các cấp chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên, trong đó chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của chức việc, những người có uy tín trong cộng đồng tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Phát huy mối quan hệ quốc tế của cộng đồng tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam trong việc thúc đẩy các mối quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với các quốc gia có liên quan.

### 3. BÀLAMÔN GIÁO

#### 3.1. Khái quát chung

##### *3.1.1. Sự hình thành, phát triển và du nhập của Bàlamôn giáo vào Việt Nam*

Bàlamôn giáo (Brahmanism) ra đời thời kỳ hậu Veda (khoảng thế kỷ X Tr.CN) trong xã hội Ấn Độ cổ đại, trở thành tôn giáo chính thống của xã hội Ấn Độ. Trong quá trình phát triển của mình, Bàlamôn giáo có những cải cách trên cơ sở tiếp thu yếu tố tín ngưỡng dân gian, Phật giáo, đạo Jaina để trở thành tôn giáo Bàlamôn giáo vào thế kỷ thứ IV SCN (Ấn Độ giáo). Hiện nay, Bàlamôn giáo có khoảng 900 triệu tín đồ, chủ yếu ở Ấn Độ và một số nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ.

Theo các nhà nghiên cứu, Bàlamôn giáo du nhập vào dân tộc Chăm rất sớm. Đến thế kỷ VII, Bàlamôn giáo, mà chính xác là việc thờ Siva đã trở thành tôn giáo chính thống của cộng đồng người Chăm. Trải qua các giai đoạn phát triển, Bàlamôn giáo đã bị người Chăm bản địa hóa, trở thành một tôn giáo có nhiều khác biệt so với Bàlamôn giáo ở Ấn Độ. Vì sự khác biệt này nên người Chăm theo Bàlamôn giáo không gọi mình là Chăm Bàlamôn mà tự nhận mình là Chăm Ahier hoặc Chăm Jat (tức Chăm gốc).

##### *3.1.2. Giáo lý, giáo luật, lễ nghi của Bàlamôn giáo*

Giáo lý, giáo luật Bàlamôn giáo không có hệ thống rõ ràng, không còn giữ được nguyên vẹn những quy định của đạo Bàlamôn nguyên thủy mà bị bản địa hóa và hoà quyện vào phong tục, tập quán của người Chăm.

Về giáo lý và sự thờ phụng, Bàlamôn giáo của người Chăm không theo Tam vị nhất thể, chỉ đề cao thần hủy diệt dưới dạng biểu tượng âm dương lưỡng hợp: Linga - Yoni và cho rằng thần Siva là thần hủy diệt nhưng lại chứa đựng sự sáng tạo, sáng tạo để hủy diệt, hủy diệt để sáng tạo,... Cứ thế, vũ trụ luôn vận động và phát triển. Việc thờ thần sáng tạo tối cao (Brahma) được người Chăm chuyển thành thờ Mẹ Xứ sở (Pô Inur Nugar), biến Đấng tối cao thành Nữ thần.

Về nghi lễ, cách thức hành đạo, các nghi lễ tôn giáo của người Chăm Bàlamôn được gắn với các nghi lễ dân tộc và nghi thức cúng tế trong năm với những phép thuật bùa chú cùng những lễ vật mang đậm bản sắc Chăm. Trong nghi lễ tôn giáo, người Chăm Bàlamôn chú trọng đến những nghi lễ cho con người để đạt được bốn mục tiêu quan trọng là: Dharma (bổn phận, đạo lý), Artha (của cải và sự thịnh vượng), Kama (tình yêu), Moksha (giải thoát). Có tới 40 lễ thức cho vòng đời của một con người.

### ***3.1.3. Đặc điểm của Bàlamôn giáo ở Việt Nam***

- Bàlamôn giáo là một tôn giáo đề cao phụ quyền, khi du nhập vào xã hội mẫu hệ của người Chăm đã bị “Chăm hóa”, chịu ảnh hưởng của chế độ mẫu hệ.

- Đến nay, tuy chế độ đẳng cấp không còn trong đời sống xã hội Chăm Bàlamôn, nhưng trong tôn giáo vẫn còn đậm nét. Chức sắc Chăm Bàlamôn là những người giữ địa vị cao nhất trong xã hội. Chức sắc được duy trì theo chế độ cha truyền con nối, những người khác dù giàu có, tài giỏi cũng không được gia nhập hàng ngũ chức sắc. Trong cộng đồng Chăm Bàlamôn, những người giàu có nhưng thuộc dòng họ đẳng cấp thấp thì vẫn không được coi trọng bằng những người nghèo nhưng thuộc dòng họ đẳng cấp cao.

- Tuy là một tôn giáo có nguồn gốc từ nước ngoài nhưng cộng đồng Bàlamôn giáo ở Việt Nam có quan hệ quốc tế rất ít, sinh hoạt tôn giáo diễn ra khép kín trong các dinh, đền, tháp.

## **3.2. Thực trạng hoạt động của các tổ chức Bàlamôn giáo ở Việt Nam**

### ***3.2.1. Về tín đồ, chức sắc, chức việc, cơ sở thờ tự***

Hiện nay, người Chăm Bàlamôn sinh sống tập trung ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận với số lượng hơn 66.000 người (năm 2020). Niềm tin tôn giáo của tín đồ khá sâu sắc, việc thực hiện các nghi lễ và sinh hoạt tôn giáo của họ diễn ra nghiêm túc, thành kính và mang tính cộng đồng cao. Tuy nhiên, đa số người Chăm Bàlamôn không hiểu biết đầy đủ về giáo lý, giáo luật của Bàlamôn giáo. Sự hiểu biết về giáo lý, giáo luật chủ yếu trong tầng lớp chức sắc.

Người Chăm Bàlamôn có nghề nghiệp chính là làm nông, sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, nhất là các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước

về kinh tế, xã hội, tôn giáo, dân tộc... Cộng đồng Chăm Balamôn có tinh thần gắn bó với dân tộc.

Tính đến năm 2020, cộng đồng Chăm Balamôn có hơn 400 chức sắc, chức việc. Bên cạnh các chức sắc Balamôn còn có các thầy cúng dân gian như thầy bóng, thầy võ trổng paranung, thầy kéo đàn Kanhi, bà bóng,...

Chức sắc, chức việc Chăm Balamôn đều là những người cao niên, có uy tín nhất trong cộng đồng nhưng thường chỉ thông hiểu chữ Chăm, có vị không biết tiếng Việt. Do vậy, khả năng quản lý, điều hành hoạt động hành chính đạo của đội ngũ chức sắc, chức việc Chăm Balamôn nhiều hạn chế.

Về cơ sở thờ tự: Cơ sở thờ tự chủ yếu của người Chăm Balamôn là hệ thống các đền, tháp và các cơ sở nhỏ lẻ khác như miếu, lăng, dinh, nhà tự, chùa,... Hiện nay, ở cả hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận có 37 cơ sở. Đa số các đền, tháp có niên đại từ xa xưa và đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá.

### **3.2.2. Về cơ cấu tổ chức**

Hiện nay, có 02 tổ chức tôn giáo của người Chăm Balamôn đã được Nhà nước công nhận. Cộng đồng Chăm Balamôn ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận tổ chức với tên gọi cấp tỉnh là Hội đồng chức sắc Chăm Balamôn, cấp cơ sở là Ban phong tục. Hội đồng chức sắc Chăm Balamôn do đại hội đại biểu chức sắc, tín đồ Balamôn giáo tỉnh bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm. Ban phong tục được hình thành bởi chức sắc, tu sĩ và nhân sĩ trí thức trên địa bàn một thôn hay một địa hạt.

### **3.2.3. Về thực trạng hoạt động của Balamôn giáo**

- Hoạt động hành chính đạo: Hội đồng Chức sắc Balamôn giáo tỉnh Bình Thuận và Hội đồng Chức sắc Chăm Balamôn tỉnh Ninh Thuận đã tổ chức các hoạt động đạo sự của cộng đồng Chăm Balamôn ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật. Hội đồng Chức sắc đã thành lập các tiểu ban chuyên trách giúp cho hoạt động của Hội đồng Chức sắc ngày càng tinh gọn, hiệu quả. Hoạt động phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, suy cử chức sắc, chức việc được thực hiện theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và giáo luật của tổ chức.

- Hoạt động xã hội: Việc tham gia các hoạt động từ thiện xã hội được cộng đồng Chăm Balamôn hưởng ứng tích cực qua những chương trình thiết thực như: đóng góp Quỹ Vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, ủng hộ góp đá xây dựng đảo Trường Sa, tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động,...

**3.3. Những lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền đối với Balamôn giáo ở Việt Nam**

- Balamôn giáo đã và đang giữ vai trò chủ đạo trong đời sống văn hóa, tâm linh của một bộ phận người Chăm, tuy nhiên có hiện tượng người Chăm Balamôn cải đạo sang Tin lành, Công giáo và Hồi giáo. Do đó, công tác thông tin, tuyên truyền cần chú ý động viên, khích lệ cộng đồng Chăm Balamôn nói riêng, đồng bào Chăm ở Việt Nam nói chung nêu cao tình thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, không cố sù các hành động gây mâu thuẫn, chia rẽ trong cộng đồng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời chung tay giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Chăm với nhiều giá trị tốt đẹp.

- Công tác thông tin, tuyên truyền cần chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của chức sắc, chức việc, những người có uy tín trong cộng đồng, qua đó truyền tải tới toàn thể cộng đồng Chăm Balamôn giáo một cách hiệu quả nhất./.

## **4. PHẬT GIÁO TỨ ÂN HIẾU NGHĨA**

### **4.1. Khái quát chung**

#### ***4.1.1. Lịch sử hình thành của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa***

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời tháng 5 năm 1867 tại Cù lao Ba (huyện An Phú, tỉnh An Giang ngày nay), do ông Ngô Lợi sáng lập. Ông sinh tại Mỏ Cày - Bến Tre, là sỹ phu Cần Vương, tham gia khởi nghĩa ở vùng Mỹ Tho - Tiền Giang, bị giặc truy nã, ông chạy vào vùng Thất Sơn - An Giang ẩn thân.

Khi mới ra đời, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được ông Ngô Lợi gọi là đạo “Thờ ông bà”, sau này tín đồ gọi đạo của mình là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đến năm 2020, chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đổi tên tôn giáo thành Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và tên tổ chức tôn giáo là Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Việc truyền đạo được ông Ngô Lợi thực hiện qua việc chữa bệnh, khi bệnh dịch đang hoành hành. Sau này, ông gắn việc truyền đạo với quá trình tập hợp nông dân khai hoang lập ấp, xây dựng căn cứ cách mạng. Trong quá trình ổn định cuộc sống của tín đồ ở núi Tượng, ông Ngô Lợi đã cho xây dựng chùa miếu để thực hành nghi lễ, đẩy mạnh việc truyền đạo rộng rãi ở vùng Thất Sơn và các vùng xung quanh để thu nạp tín đồ. Trong thời gian không lâu, đã có rất nhiều người đi theo ông để học đạo. Năm 1870, Ngô Lợi chính thức nhận danh hiệu Đức Bổn sư.

Hình thức và cách thức tuyên truyền, phát triển đạo của Đức Bổn sư Ngô Lợi là thể hiện nội dung “Tu nhân - Học Phật” qua các bộ kinh hoặc chuyển thành các thể thơ dưới dạng Sấm văn với lời lẽ bình dị, mộc mạc dễ nhớ và dễ

đi vào lòng người, rất phù hợp với trình độ và điều kiện hoàn cảnh của nông dân lúc bấy giờ. Do đó, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nhanh chóng được người nông dân tiếp nhận.

Sau khi ông Ngô Lợi viên tịch tại núi Tượng (1890), Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không có người kế vị, các môi đạo đều giao cho ông Trò, ông Gánh phụ trách. Không lâu sau, một số ông Gánh rời vùng Thất Sơn đi các nơi khác truyền đạo. Vì vậy, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa hình thành hai hệ thống: Một hệ thống được duy trì ở các làng được coi là thánh địa của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa như: An Định, An Hoà, An Thành, An Lập thuộc vùng Thất Sơn - An Giang. Tín đồ ở các làng này được gọi là tín đồ nội thôn. Hệ thống thứ hai là tín đồ ở những nơi mà các ông Gánh đi truyền đạo như Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu... hệ thống này được gọi là ngoại thôn.

Tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có chung niềm tin tôn giáo sâu sắc, đó là thực hiện “Tứ đại trọng ân”. Họ gọi nhau là thân bằng và có tính cộng đồng, bởi quan điểm yêu thương đồng bào đã thấm nhuần trong tư tưởng của họ. Từ khi Đức Bổn sư Ngô Lợi truyền bá Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến trước năm 1975, số lượng tín đồ phát triển rất đông, khoảng hơn 10 vạn người.

#### ***4.1.2. Giáo lý, giáo luật và đặc điểm của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa***

Tôn chỉ hành đạo của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là “Hành Tứ ân - Sống hiếu nghĩa - Vì đại đoàn kết dân tộc”. Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa lấy đạo hiếu làm đầu, không chủ trương ly gia cắt ái, không đặt ra giới luật khắt khe và không có sự phân biệt, kiêng kỵ khác nhau giữa chức sắc và tín đồ. Giáo lý của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là sự tổng hợp, hoà đồng các quan niệm cũng như các đối tượng thờ cúng của 3 tôn giáo: Phật, Lão, Nho và tín ngưỡng dân gian. Xuất phát từ nền tảng “Tu nhân - Học Phật” trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và truyền thống của dân tộc ta là “Tu nhân tích đức”, thuyết tu nhân học Phật của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã được kế thừa, phát triển ở nhiều khía cạnh và cụ thể hoá hơn.

Về tu nhân: Đức Bổn sư Ngô Lợi dạy tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa phải tu nhân vì phải trau dồi đạo đức thì mới hoàn thành tốt công việc và sống tốt với mọi người trở thành người có ích cho xã hội. Tu nhân có nghĩa là phải thực hiện tứ đại trọng ân: Ân cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào.



Ân tổ tiên, cha mẹ: Cha mẹ là người có công sinh thành dưỡng dục ta, vì vậy đền đáp công lao trời biển ấy mới xứng đáng là đạo làm người. Đồng thời phải biết ơn ông bà, tổ tiên là thế hệ đã sinh thành ra cha mẹ. Để đền đáp công ơn tổ tiên, cha mẹ ta phải làm những điều tốt đẹp, làm vui lòng cha mẹ, tránh những điều xấu ảnh hưởng đến tổ tiên, ông bà. Bên cạnh đó, ta phải biết chăm lo cúng giỗ tổ đường. Chính xuất phát từ việc phải báo hiếu cha mẹ, ông bà nên Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không chủ trương ly gia cắt ái để đi tu.

Ân đất nước: Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cho rằng tổ tiên, cha mẹ và chúng ta, ai cũng có quê hương đất nước - nơi chôn nhau cắt rốn và nuôi dưỡng mỗi chúng ta. Vì vậy, phải có bốn phận bảo vệ quê hương, đất nước mỗi khi có giặc ngoại xâm, xây dựng quê hương giàu mạnh.

Ân tam bảo: Phải đền ơn tam bảo gồm Phật, Pháp, Tăng bằng cách noi theo những lời Phật dạy, truyền bá đến mọi người để loại trừ lòng ham muốn hẹp hòi, cùng hướng tới chân, thiện, mỹ.

Ân đồng bào, nhân loại: Phải biết sống với đồng bào bằng tình huynh đệ vì đó là những người cùng màu da, cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ buồn, vui. Ngoài ra, mỗi chúng ta còn chung sống với nhân loại trên trái đất, vì vậy không được phân biệt màu da, chủng tộc, phải sống trong hoà bình.

Kinh sách của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là những lời giáo huấn, cầu nguyện, tiên tri của Đức Bổn Sư truyền dạy, được chép thành từng cuốn hoặc một số được những ông Trò ghi lại. Hầu hết các kinh sách Tứ Ân Hiếu Nghĩa được soạn, viết bằng chữ Hán trên giấy bản khổ lớn lúc Đức Bổn Sư còn tại thế. Sau này, một số ông Trò, ông Gánh bổ sung thêm nội dung đạo lý dưới dạng Sám văn truyền khẩu theo các thể thơ lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn, thất ngôn rất dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Theo các nhà nghiên cứu thì Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 24 bộ kinh do Đức Bổn Sư sáng tác có nội dung phản ánh nhiều đối tượng, khá phong phú và đa dạng. Trong đó có ba bộ kinh chủ yếu là: Bà-la-ni Kinh, Kinh pháp bửu trường sanh và Kinh siêu độ. Cuốn kinh đầu tiên là Bà-la-ni Kinh do Đức Bổn Sư viết từ khi ông chưa khai sáng Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (năm 1851). Đây là cuốn kinh dùng tụng niệm rộng rãi trong cúng lễ, có nội dung ca ngợi Quan Thế Âm Bồ Tát xuất hiện mọi nơi, mọi lúc để cứu khổ, cứu nạn và mang hạnh phúc đến cho mọi người.

Bên cạnh hệ thống kinh sách truyền giảng đạo lý, nghi thức thờ cúng, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có hệ thống Sám văn (còn gọi Sám giảng) được các

cao đồ (ông Trò, ông Gánh) sáng tác để cụ thể hoá những lời dạy của Đức Bôn sư Ngô Lợi. Được viết bằng thể thơ lục bát, ngũ ngôn, thất ngôn nhằm phục vụ những bài cúng dường và khuyên răn người đời tu nhân, tích đức nên Sám văn được truyền miệng rộng rãi và dễ dàng bám sâu vào tiềm thức của tín đồ.

Nhìn chung, phần lớn kinh sách và Sám văn Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều được thể hiện bằng thơ nên dễ nhớ, dễ thuộc với những nội dung hướng về việc đền trả Tứ Ân và việc Hiếu, Nghĩa.

*\* Các ngày lễ chính (tính theo âm lịch).*

- Lễ kỷ niệm ngày ngộ đạo, ngày sinh Đức Bôn Sư Ngô Lợi và ngày Khai sáng đạo (05/5 âm lịch).

- Lễ vía kỷ niệm này Đức Bôn Sư qua đời (13/10 âm lịch).

#### **4.1.3. Đặc điểm của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa**

- Tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có chung niềm tin tôn giáo sâu sắc; họ gọi nhau là thân bằng và có tính cộng đồng; có lòng tự hào và niềm tin vững chắc vào tôn giáo của mình.

- Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa khác với chùa Phật giáo, vì đây không phải là nơi tu hành của những người cắt ái ly gia mà là nơi thờ cúng các đối tượng tôn giáo và thực hiện các lễ nghi của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn là nơi để chữa bệnh cho tín đồ và để tín đồ thể hiện mối quan hệ với thân bằng của mình.

#### **4.2. Thực trạng Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa**

##### **4.2.1. Về chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo**

- Về tín đồ: Từ khi Đức Bôn sư Ngô Lợi truyền bá đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến trước năm 1975, số lượng tín đồ phát triển đông, khoảng 100.000 người. Từ sau giải phóng miền Nam, đời sống kinh tế, văn hoá-xã hội của tín đồ được nâng lên, nhu cầu tôn giáo của một bộ phận tín đồ có những thay đổi, làm cho tôn giáo nội sinh này khó có thể phát triển và mở rộng phạm vi hoạt động.

Theo thống kê của Văn phòng Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa tính đến tháng 4/2021 có khoảng 78.000 tín đồ, sinh sống tập trung tại 16/63 tỉnh, thành phố, bao gồm các tỉnh, thành phố: An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Bình Định, Đồng Nai, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cà Mau, Long An, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đắk Lắk. Trong đó, tỉnh An Giang là trung tâm của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với khoảng 36.000 tín đồ, phân bố ở 11 huyện, thị trấn trên địa bàn tỉnh, riêng huyện

Tri Tôn có khoảng 26.000 tín đồ. Sự phân bố tín đồ này cho thấy Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một tôn giáo bản địa, cơ bản giới hạn trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- *Về chức sắc, chức việc:* Số lượng chức sắc, chức việc của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tính đến tháng 04/2021 có khoảng 500 người (trong đó có 24 vị Trưởng gánh còn lại là chức việc - Cư sĩ, Thông tín và Thủ lễ). Các vị chức sắc sinh sống và chỉ có ở các cơ sở nội thôn thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- *Về cơ sở thờ tự:* Cơ sở thờ tự của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là hệ thống các chùa, đình, miếu, Tam Bửu gia và bàn thờ tại gia đình. Hiện nay, chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa tập trung nhiều nhất ở vùng Thất Sơn, tại các làng: An Định, An Hoà, An Lập và An Thành.

Bên cạnh hệ thống chùa, tại các làng Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có các đình, miếu là nơi diễn ra các sinh hoạt tôn giáo của tín đồ và là một bộ phận trong hoạt động tôn giáo do các Trưởng Gánh trực tiếp phụ trách.

Theo số liệu thống kê của Phật hội tính đến tháng 4/2021, số lượng cơ sở thờ tự của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 74 cơ sở thờ tự (trong đó có 39 cơ sở nội thôn (ở An Giang) và 37 cơ sở ngoại thôn).

#### **4.2.2. Về cơ cấu tổ chức**

Trong quá trình tồn tại và phát triển, ban đầu Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không chủ trương lập cơ sở như một số tôn giáo khác. Người đứng đầu là Đức Bồn Sư, dưới là các đại đệ tử, hay còn gọi là các cao đồ. Trong số các cao đồ được phân ra các chức năng cụ thể khác nhau: Những người phát huy ý tưởng của Đức Bồn sư được gọi là ông Trò; những người thay mặt Đức Bồn Sư chăm lo việc đạo của một nhóm tín đồ gọi là ông Gánh. Sau khi Đức Bồn Sư qua đời, do sự phân hóa của các ông Gánh nên cơ cấu tổ chức Đạo đã được thành lập.

Người sáng lập ra Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được gọi là Đức Bồn Sư. Đức Bồn Sư gọi tín đồ là Bá gia. Dưới Đức Bồn sư là các Đại đệ tử, còn gọi là Cao đồ. Trong số các Cao đồ được phân ra những chức năng cụ thể khác nhau: những người phát huy ý tưởng của Đức Bồn sư được gọi là ông Trò; những người thay mặt Đức Bồn sư chăm lo việc đạo của một nhóm tín đồ được gọi là ông Gánh.

Giúp việc cho Trưởng Gánh có Thông tín, Cư sĩ và Thủ lễ.

Thông tín là người thông báo các ngày lễ, các sự việc như: Tang ma, cưới hỏi, ốm đau cho mọi người trong Gánh biết và đứng ra quyên góp tiền bạc, phẩm vật khi cần thiết. Mỗi Gánh có một đến hai Thông tín.

Cư sĩ là người có nhiệm vụ soạn sớ, điệp, tụng kinh, thỉnh chuông, mõ trong các buổi cúng lễ. Tùy theo số lượng tín đồ, mỗi Gánh có từ hai đến vài chục Cư sĩ.

Thủ lễ có nhiệm vụ chuẩn bị bàn ghế, bố trí công việc, thắp hương và dâng cho các Trưởng Gánh nguyên hương trong các buổi lễ.

Gánh của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là nơi tập hợp tín đồ cùng thọ giáo với một ông Gánh. Đạo này có 24 Gánh, đứng đầu Gánh là Trưởng Gánh, Trưởng Gánh không phải do bầu mà suy cử, thông thường là do cha truyền con nối hoặc truyền hiền, họ là người hiểu biết về đạo pháp và uy tín trong tín đồ. Trưởng Gánh là người trông coi việc đạo, tổ chức cúng lễ trong gánh. Trường hợp chưa suy cử được Trưởng Gánh thì Gánh đó cử người đại diện Gánh.

Hiện nay, Hiến chương của Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa quy định Giáo hội có hai cấp, “Ban Trị sự trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa” là cơ quan lãnh đạo của Giáo hội nhằm phối hợp chăm lo, điều hành mọi công việc của toàn đạo. “Ban Trị sự trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa” có trụ sở tại chùa Tam Bửu, Phi Lai, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; ở cấp cơ sở là Gánh.

Ban Trị sự trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa là cấp lãnh đạo điều hành hoạt động của toàn đạo, làm việc theo nguyên tắc: Tập trung - dân chủ, thiểu số phục tùng đa số: Phật hội bao gồm tất cả các vị Trưởng Gánh do đại hội đại biểu suy tôn trong mỗi kỳ đại hội của đạo. Phật hội điều hành đôn đốc việc đạo và quan hệ với Nhà nước, đồng thời chỉ định việc thành lập Văn phòng và các bộ phận giúp việc gồm: Ban Tài Chính; Ban Xã hội - Từ thiện; Ban Lễ nghi; Ban Giáo lý; Ban Kiểm soát. Mỗi bộ phận có cấp Trưởng và từ một đến hai cấp Phó ban và một số người giúp việc nếu cần thiết. Phật hội và các Ban giúp việc hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm theo nhiệm kỳ của Đại hội cấp toàn đạo.

Gánh đạo gồm các thân bằng quy y thọ giáo với một Trưởng Gánh, là cấp lãnh đạo trực tiếp của Đạo, tổ chức quản lý sinh hoạt đạo một cách nghiêm trang, chặt chẽ trong Gánh đạo.

Mỗi Gánh có một Trưởng Gánh là người nhiều hiểu biết việc đạo, có uy tín trong tín đồ, trông coi việc đạo và chịu trách nhiệm về mọi sinh hoạt của đạo của gánh. Lãnh đạo Gánh thực hiện các hoạt động đạo theo nội dung đồng thuận tại các kỳ họp của Gánh, của Đạo trong kỳ đạo sự.

Tam Bửu gia hoặc tư gia của Trưởng Gánh là nơi làm việc của Gánh đạo. Các Gánh cùng phối hợp với nhau chăm lo điều hành công việc chung của toàn đạo, cả nội thôn và ngoại thôn.

Ngoài ra, còn có Ban Quản tự chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Trưởng Gánh bầu lên. Ban Quản tự có nhiệm vụ giúp Trưởng Gánh trong việc tổ chức nghi lễ thờ cúng, trùng tu, sửa chữa chùa, miếu, quản lý tài chính và làm từ thiện xã hội. Ban Quản tự chùa thường có từ 07 đến 11 thành viên với nhiệm kỳ là 03 năm.

### **4.2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo**

#### **4.2.3.1. Về sinh hoạt tôn giáo**

Từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng một số tổ chức của Đạo tự giải tán. Vẫn là một tôn giáo có truyền thống yêu nước, đạo đức tôn giáo của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa rất gần gũi với đạo đức xã hội Việt Nam, đa số tín đồ tham gia sinh hoạt tôn giáo thuần túy. Sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều được các cấp chính quyền địa phương tạo điều kiện cho tiến hành bình thường tại gia đình và các cơ sở thờ tự của Đạo.

Hằng năm, Ban Trị sự trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa phối hợp với Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) tỉnh An Giang tổ chức các lớp phổ biến về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và công tác hành chính đạo cho các chức sắc, chức việc nhưng chủ yếu tập trung cho các chức sắc, chức việc tại khu vực nội thôn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng tôn giáo của Ban Trị sự còn nhiều hạn chế, chủ yếu “truyền tử, truyền tôn” theo từng Gánh.

#### **4.2.3.2. Về hội nghị, đại hội**

Đại hội đại biểu toàn Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được tổ chức 5 năm một lần. Hội nghị thường niên được tổ chức mỗi năm 2 lần: Lần thứ nhất diễn ra trước ngày Đại lễ 5/5 âm lịch, lần thứ 2 được diễn ra vào tháng 12 âm lịch hàng năm. Ngoài hội nghị thường niên, khi cần thiết tổ chức hội nghị bất thường phải được sự đồng ý của 2/3 số lượng thành viên Phật hội.

#### **4.2.3.3. Về in ấn kinh sách**

Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã in ấn 07 cuốn kinh, làm tài liệu rao giảng cho các chức sắc, chức việc, tín đồ của Đạo, bao gồm: Siêu Thăng Kinh, Phổ Độ Kinh, Đinh Sơn Hội Thượng Kinh, Hiếu Nghĩa Kinh (trong cuốn Hiếu Nghĩa Kinh có 03 cuốn là: cuốn Hạ - cuốn Trung - cuốn Thượng) và Ngũ giáo Văn. Ngoài ra Ban Giáo lý còn tiến hành biên tập và hiệu đính kinh bộ kinh Siêu độ và Pháp Bửu Trường Sanh cho các tín đồ của Đạo.

#### *4.2.3.4. Về hoạt động bổ nhiệm, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức việc*

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Trị sự trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa tổ chức trao quyết định công nhận phong phẩm, phong chức cho 07 vị cư sĩ thọ phẩm vị Trưởng Gánh.

#### **4.2.4. Về hoạt động xã hội**

Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội thường xuyên nhưng chỉ được tiến hành ở nội thôn và đối với tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có hoàn cảnh khó khăn.

Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã vận động các nhà hảo tâm, mạnh thường quân hỗ trợ chương trình an sinh xã hội như: tặng quà, xây nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, quỹ người nghèo, quỹ cây mùa xuân, quỹ khuyến học, cầu, đường, trường, trạm y tế; ủng hộ tiền và hiện vật cho Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19,...

### **4.3. Những vấn đề cần quan tâm về Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo**

- Cần tăng cường công tác nâng cao trình độ, giáo dục pháp luật cho đội ngũ chức sắc, chức việc; hướng dẫn chức sắc, chức việc, tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thực hiện các hoạt động tôn giáo và liên quan đến tôn giáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Do đặc điểm tôn giáo, các vị Trưởng Gánh đều là những người đứng đầu mỗi Gánh, có vai trò ngang nhau trong Ban Trị sự trung ương, vì vậy, cần phát huy vai trò của các Trưởng Gánh đảm bảo sự đoàn kết, hài hòa.

- Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước cho chức sắc, chức việc, tín đồ, giúp cho đồng bào nắm vững pháp luật, vừa an tâm sống đạo, hành đạo vừa thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với đất nước.

- Làm tốt công tác vận động quần chúng, động viên chức sắc, chức việc, tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phát huy truyền thống yêu nước của đạo, tích cực tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

## 5. ĐẠO BỬU SƠN KỶ HƯƠNG

### 5.1. Khái quát chung

#### 5.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ra đời do ông Đoàn Minh Huyền sáng lập vào cuối năm 1849 (năm Kỷ Dậu) tại Cốc ông Đạo Kiến (nay là Tây An cổ tự, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Ông Đoàn Minh Huyền (1807-1856) quê ở Tòng Sơn, tổng An Thạnh Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), đạo hiệu là Giác Linh. Vừa chữa bệnh, vừa tổ chức khai hoang lập ấp, vừa truyền bá tư tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương, ông Đoàn Minh Huyền đã thu phục được hàng vạn tín đồ tin theo. Ông được tín đồ suy tôn là Phật Thầy Tây An.

Về tên gọi của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất trong việc giải nghĩa nhưng nhiều giả thuyết cho rằng ông Đoàn Minh Huyền đặt ra trên cơ sở bốn chữ đầu bài thơ :

**Bửu** ngọc quân minh thiên việt nguyên

**Sơn** trung sự mạng địa nam tiền

**Kỳ** niên trạng tái tân phục quốc

**Hương** xuất trình sanh tạo nghiệp yên.

Sau khi khai sáng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (năm 1849) ông Đoàn Minh Huyền vào khu vực núi Sam, Thới Sơn, Láng Linh (An Giang) truyền đạo đến khi ông qua đời (năm 1856). Chính những hoạt động chữa bệnh, khẩn hoang, dạy người tu hành làm lành tránh dữ đã đáp ứng nhu cầu của người nông dân và hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ nên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phát triển mạnh mẽ, rộng rãi trong quần chúng nhân dân miền Tây Nam Bộ. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (năm 1867) những trại ruộng của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương trở thành căn cứ chống Pháp do các nhóm tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương dưới sự lãnh đạo của các đệ tử cốt cán của Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyền. Điển hình là cuộc khởi nghĩa của Quản cơ Trần Văn Thành (gọi là ông đạo Thành), Nguyễn Trung Trực (tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương).

Sau khi các cuộc khởi nghĩa chống thực dân pháp bị thất bại, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp tàn bạo, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương không còn phát triển như trước về mặt khẩn hoang, lập trại ruộng. Song, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn tiếp tục tồn tại trong nông dân ở vùng An Giang, Đồng Tháp,...

Từ khi đất nước thống nhất, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn tồn tại và hoạt động bình thường ở các chùa, tại nhà tín đồ như mọi hình thức tín ngưỡng, tôn giáo bản địa khác nhưng số lượng tín đồ và cơ sở thờ tự không nhiều.

## **5.1.2. Nội dung cơ bản về giáo lý, giáo luật, lễ nghi của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương**

### **5.1.2.1. Giáo lý, kinh sách**

Từ khi sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, ông Đoàn Minh Huyền đã truyền bá thuyết Hội Long Hoa và điếm báo đời Hạ Ngươn sắp mãn. Hội Long Hoa sắp khai để lựa chọn những người hiền đức, nhân nghĩa lập lên đời Thượng Ngươn an lạc, đồng thời trừng trị những kẻ gian ác, mất nhân tính. Như vậy, muốn có phước đức thì con người phải phát tâm tu hành theo chánh pháp của chư Phật, làm lành, tránh dữ, từ bi bác ái, cứu nạn cứu khổ, lấy tứ ân làm đầu, giới định huệ làm gốc. Ông luôn khuyên bảo chúng sinh phải thực hiện Tu nhân, học Phật và điều đó đã trở thành giáo lý chân truyền của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lấy giáo pháp “Tu nhân - Học Phật” và việc báo đáp “Tứ đại trọng ân” (ân Trời Phật, ân Quân Vương, ân cha mẹ, ân sư phụ) sau này Tứ ân được hiểu là: Ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân Tam bảo và ân đồng bào nhân loại là tôn chỉ. Trong giáo lý của Bửu Sơn Kỳ Hương, Tu nhân là quá trình tự rèn rũa tâm tính của mỗi con người trong cuộc sống và phải luôn tâm niệm làm lành, tránh dữ để tu nhân tích đức. Việc Tu nhân là nhằm dẫn dắt con người ta trong cơn mê lạc được trở về với con đường lương thiện, chính đạo, luôn sống đúng với đạo làm người, giúp ích gia đình, xã hội, phù hợp với luân thường đạo lý, có đầy đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Việc quan niệm học Phật có nghĩa là tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương phải noi theo gương đức Phật, với việc trì niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Giáo lý của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã đặt vấn đề Tu nhân trước khi học Phật không phải là không coi trọng việc học Phật mà là do việc nhìn nhận Tu nhân chính là nấc thang thứ nhất để sau đó hội đủ điều kiện học Phật.

Giáo lý Tu nhân - học Phật của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thật ngắn gọn, sâu xa, lối diễn đạt theo hướng tùy hoàn cảnh, tùy căn cơ, chính vì vậy giáo lý Tu nhân, học Phật đã nhanh chóng được một bộ phận dân chúng tiếp nhận và coi đó là lẽ sống của mình để rồi sau đó trở thành đệ tử của Phật Thầy Đoàn Minh Huyền, tín đồ của Bửu Sơn Kỳ Hương.

Ngoài những giáo lý căn bản nêu trên, ông Đoàn Minh Huyền còn truyền dạy cho những tín đồ thân tín mà sau này là những đại đệ tử của ông mật chú và bí pháp công truyền để tăng sức khỏe, trị bệnh cứu người. Những vị đại đệ tử đó



chính là những người thay mặt Phật Thầy truyền bá giáo lý Tu nhân, học Phật, phát triển tín đồ, khai khẩn đất đai, mở rộng mối đạo.

Về kinh sách, do đặc điểm ra đời, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương rất ít kinh sách. Tín đồ chủ yếu thực hành theo lời dạy của Phật Thầy và các ông Đạo, sau đó truyền khẩu trong cộng đồng tín đồ. Kinh của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được thể hiện chủ yếu bằng thơ lục bát thông qua truyền khẩu như: Tông Sơn căn gốc, Giảng Phật Thầy, Giảng Giáp Thìn. Đối với kinh sách được in thành văn thì hiện nay ở An Giang còn sử dụng quyển “Sám truyền Phật Thầy Tây An”, còn tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương dùng phổ biến ba bộ kinh: Bộ kinh Thiên Ngươn “Tâm kinh”; Bộ kinh Mạc Kiếp “Báo phụ mẫu ơn kinh”; Bộ kinh Huỳnh Đình - kinh “Mật tông” trợ duyên.

#### 5.1.2.2. Giáo luật

Xuất phát từ tôn chỉ hành đạo là: lấy Tứ ân làm đầu, Giới định huệ làm gốc, và với quan điểm đời có luật lệ ở đời, đạo phải có giới luật của đạo nhằm chặn đứng ác duyên sinh khởi nên tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương luôn coi giới luật là cội gốc của việc tu hành và những người chân tu cần am hiểu và thực hiện nghiêm giới luật.

Nội dung cơ bản của giáo luật Bửu Sơn Kỳ Hương là việc tín đồ phải thực hành nghiêm Tam quy, ngũ giới, trong đó tam quy được hiểu là việc tín đồ khi gia nhập pháp môn phải tự nguyện quy y Phật, tự nguyện quy y pháp, tự nguyện quy y tăng. Đây được coi là điều kiện cơ bản bắt buộc, đầu tiên để trở thành tín đồ và là yếu tố khẳng định đức tin của tín đồ đối với tôn giáo mà mình hướng theo. Ngũ giới bao gồm:

- Cấm sát sinh, hại người, hại vật.
- Cấm tham lam, trộm cắp, hưởng thụ của phi nghĩa, không làm mà hưởng
- Cấm tà dâm, truy lạc (cả tâm dâm và thân dâm).
- Cấm rượu chè, hút chích, ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán.
- Cấm gian dối, vọng ngữ, chàm chọc, chia rẽ...

Tuy nhiên đến nay giới luật đã có sự phát triển, bổ sung cho phù hợp với quan niệm về thuần phong mỹ tục từng vùng. Tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đều được tự do để tóc, râu, được lấy vợ lấy chồng.

#### 5.1.2.3. Lễ nghi

\* *Nghi lễ và cách thờ cúng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương:*

Với quan niệm, sự thờ phụng là tiêu biểu cho lòng tôn kính các đấng từ bi, trước đây, trong những chùa Bửu Sơn Kỳ Hương do ông Đoàn Minh Huyền dựng lên không bài trí hình ảnh hay cốt tượng, mà ông chỉ cho thờ một tấm vải màu đỏ, gọi là Trần Điều được treo trước tường chính điện. Theo quan niệm của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thì tấm Trần Điều thể hiện tấm lòng từ bi, bác ái, đoàn kết, yêu mến đồng bào, nhân loại.

Ngoài ra, tín đồ còn lập bàn thờ tại gia đình, với bài trí tương tự như ở chùa nhưng đơn giản hơn. Giữa nhà lập bàn thờ gia tiên, phía trên bàn thờ gia tiên có thờ Trần Điều, ngoài sân có bàn thờ thông Thiên. Cúng lạy 2 lần trong ngày (sáng sớm và chiều tối), cúng lạy gia tiên trước, cúng Tam bảo và sau cùng là cúng lạy tại bàn thờ thông Thiên.

*\* Các lễ trọng hàng năm được tính theo âm lịch, như sau:*

- Lễ Thượng Ngươn (Rằm tháng giêng)
- Lễ Phật đản (mùng 8/4);
- Lễ Vu Lan (Rằm tháng Bảy);
- Lễ Hạ Ngươn (Rằm tháng Mười);
- Lễ vía Phật Thầy (12/8)

Ngoài ra, còn có các lễ theo tập quán dân tộc, Tết Đoan Ngọ,...

Lễ được dâng lên ban thờ được thực hiện như Phật Thầy truyền thừa gồm nhang đèn, hoa, quả (nay thường được bày ngũ hoa, ngũ quả) và nước lã (nước trắng thể hiện sự thanh khiết).

Lễ phục hiện nay được quy định như trang phục truyền thống thời khai sơn lập đạo gồm áo dài, khăn đóng còn về màu sắc thường là màu đen, xám, nâu tùy mỗi chùa quy định.

*\* Thủ tục nhập đạo:*

Trước đây, việc thu nhận tín đồ xin thọ phái Bửu Sơn Kỳ Hương được ông Đoàn Minh Huyền và sau này là các đại đệ tử của ông thực hiện rất đơn giản nhằm nhanh chóng phát triển tín đồ, xây dựng lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp. Người muốn xin nhập đạo phải có đức tin và luôn luôn tâm niệm thực hành theo giáo lý, giáo luật của Bửu Sơn Kỳ Hương là Tu nhân - học Phật và phải thực hiện Quy y cầu đạo, qua các bước sau :

- Phải có người (cư sĩ hoặc tín đồ) hoặc cha, mẹ giới thiệu,
- Đến xin Ban quản tự (chùa),

- Được Ban quản tự giảng giải, hướng dẫn giới luật Tam quy ngũ giới cho người cầu đạo gồm dâng ngũ hoa, ngũ quả; nguyện cầu trước chánh điện.

Nếu người cầu đạo đồng ý gia nhập đạo, thì thực hiện nghi lễ cầu đạo.

### **5.1.3. Đặc điểm**

Với đặc điểm là không có chức sắc, không có tổ chức giáo hội nên sự tồn tại và phát triển của Bửu Sơn Kỳ Hương theo phương pháp truyền thừa với việc truyền giảng giáo lý của thầy tổ (ông Đoàn Minh Huyền) cho các đệ tử thân tín, rồi lớp đệ tử trước truyền cho lớp đệ tử sau và truyền vào trong dân chúng để phát triển tín đồ nên tổ chức của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương chỉ cục bộ ở từng vùng có “ông đạo”. Chính vì vậy tùy vào khả năng thuyết giảng và uy tín của “ông đạo” mà mỗi vùng có sự phát triển tín đồ khác nhau.

Xét về nguồn gốc giáo lý căn bản và bản chất của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có thể khẳng định phái Thiên Lâm Tế của Phật giáo nói chung và Thiên phái Trúc Lâm Yên tử chính là cái nôi sinh ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Tuy nhiên về hình thức và phương pháp tu hành lại mang tính thực tiễn, gần gũi với đời sống người dân hơn, mang bản chất đặc thù Việt Nam hơn, chính vì vậy đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được coi là tôn giáo bản địa đầu tiên của người Việt Nam bộ.

## **5.2. Thực trạng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương**

### **5.2.1. Về chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo**

- *Về tín đồ:* Tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đa số là người Kinh sinh sống chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long với nghề nghiệp chính là làm ruộng, mức thu nhập thấp, sống kinh tế, văn hoá - xã hội còn hạn chế. Trong khi đó đại bộ phận tín đồ ở vùng sâu, vùng kháng chiến cũ theo đạo lâu năm, có truyền thống yêu nước, có nhiều đóng góp trong kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương.

Tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương coi việc “tu nhân” là tôn chỉ tối thượng trong tu hành, điều đó giúp cho con người loại trừ những cái xấu xa và hướng thiện, tự rèn sửa tâm tính, làm lành lánh dữ, tích đức cho sau này khi được dự “Hội Long Hoa”. Việc “tu nhân” còn giúp con người ta luôn sống đúng với đạo làm người, giúp ích gia đình, xã hội, có luân thường đạo lý, có đầy đủ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Theo thống kê tính tới tháng 4/2021, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có khoảng 10.000 tín đồ sinh sống chủ yếu ở An Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre. Tại nhà tín đồ Bửu Sơn

Kỳ Hương vẫn duy trì việc thờ cúng theo nghi lễ tôn giáo với ban thờ tôn giáo (cũng có tấm trần điều, chân đèn, bát hương, hoa, nước lã) bên cạnh bàn thờ gia tiên.

- *Về chức sắc, chức việc:* Đặc điểm của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là không có chức sắc, không hình thành tổ chức Giáo hội nên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phát triển theo phương pháp truyền thừa, truyền giảng giáo lý của Thầy tổ cho các đệ tử thân tín, hết lớp trước truyền lại cho lớp sau, tùy thuộc vào khả năng truyền giảng và uy tín của các ông Đạo. Vì vậy, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương chỉ có chức việc quản tự tại các chùa, không phân chia đơn vị tín đồ làm cơ sở của đạo.

- *Về cơ sở thờ tự:* Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có 12 cơ sở thờ tự (chùa, đền, miếu) ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bến Tre, trong đó có 08 cơ sở đã được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức với mô hình Ban Trị sự chùa hoặc Ban Quản tự.

### **5.2.2. Về cơ cấu tổ chức**

Với đặc thù riêng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương từ trước đến nay là không hình thành tổ chức giáo hội cho nên nền tảng tổ chức cơ bản của Đạo chính là chùa Bửu Sơn Kỳ Hương bởi vì chùa là tổ chức độc lập, là nơi thờ tự chung của cộng đồng tín đồ sinh hoạt lễ nghi tôn giáo ở mỗi địa phương do ông Đoàn Minh Huyền hoặc đệ tử của ông dựng lên.

Chùa còn là đầu mối điều hành, tổ chức và quản lý mọi hoạt động nghi lễ tôn giáo cả về đối nội, đối ngoại. Vì vậy, việc tổ chức bộ máy lãnh đạo quản lý hoạt động của chùa Bửu Sơn Kỳ Hương có sự khác nhau ở mỗi địa phương.

Tại chùa có Ban Quản tự (Ban Quản trị) với cơ cấu thường gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, thư ký, thủ quỹ, thành viên (tùy theo tập quán, nhu cầu từng chùa) là những người cao niên, hiểu biết về đạo pháp, giáo lý và có điều kiện lo việc đạo nhiều hơn, có uy tín trong Đạo để hướng dẫn, giúp đỡ tín đồ tu tập.

### **5.2.3. Về thực trạng hoạt động tôn giáo**

Hiện nay tồn tại 02 nhóm đạo Bửu Sơn Kỳ Hương: nhóm ông Đoàn Minh Huyền và nhóm ông Nguyễn Tấn Đắc.

Tính đến tháng 9/2020, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của nhóm đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thuộc giáo chủ Đoàn Minh Huyền có khoảng hơn 6.300 tín đồ với 06 cơ sở thờ tự, tập trung ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre.

Ngoài nhóm đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của ông Đoàn Minh Huyền thì nhóm đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thuộc ông Nguyễn Tấn Đắc có khoảng hơn 3.500

tín đồ, phân bố ở Đồng Tháp, Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Kiên Giang và Bến Tre.

Hiện tại các nhóm này hoạt động ổn định, cơ bản tuân thủ pháp luật và được chính quyền địa phương tạo điều kiện trong hoạt động tôn giáo. Chức sắc, tín đồ gắn bó trong khối đại đoàn kết dân tộc, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, tập trung tu học, hành đạo theo tôn chỉ mục đích của Đạo.

### **5.3. Những vấn đề cần quan tâm về đạo Bửu Sơn Kỳ Hương để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo**

- Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương không có tổ chức giáo hội chung, chỉ hình thành tổ chức cấp chùa nên cần tăng cường công tác quản lý nhà nước và công tác truyền truyền, vận động để Ban Quản tự/Ban Quản trị chùa hoạt động đúng quy định của pháp luật.

- Chức việc, tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đa phần cao tuổi, công tác điều hành đạo sự của chức việc còn nhiều hạn chế; các cơ sở của đạo hoạt động riêng lẻ nên tôn chỉ, mục đích hành đạo không thống nhất. Cần tạo điều kiện để các chức việc đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng hành chính đạo.

- Cần tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước nói chung, về tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng, hướng dẫn các kỹ năng đến chức việc, tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương một cách cụ thể, chi tiết, phù hợp với đặc điểm văn hóa, tôn giáo.

## **6. MINH SƯ ĐẠO**

### **6.1. Khái quát chung về Minh Sư đạo**

#### ***6.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Minh Sư đạo***

Minh Sư đạo có nguồn gốc từ Trung Quốc xuất hiện vào khoảng thời kỳ nhà Đường, được truyền vào Việt Nam từ đời vua Tự Đức (1848-1883). Minh Sư có thể hiểu rằng: Minh có nghĩa là sáng, thông hiểu đến sáng suốt. Sư là người tu đạt tới giải thoát, trở thành thầy. Minh Sư là người tu đạt tới sự thông hiểu, sáng suốt, giải thoát để trở thành bậc thầy (tu sỹ của đạo Minh Sư từ bậc Thiên Ân trở lên thường gọi là Thầy). Minh Sư đạo suy tôn Đạt Ma Tổ Sư là vị Tổ đầu tiên (vị Tổ Thiên tông Ấn Độ thứ 28, truyền giáo qua Trung Quốc năm 520).

Thời kỳ nhà Thanh, Đông Sơ Tổ Sư (tổ thứ 15) được Y Đạo Tổ Sư (tổ thứ 14) phái sang Việt Nam truyền đạo. Năm 1863 (Quý Hợi), trên đường từ Thái

Lan về Trung Quốc, ông định ghé qua Chợ Lớn, nhưng trước tình hình ba tỉnh miền Đông bị thực dân Pháp xâm chiếm, ông bèn qua Hà Tiên lập ngôi Quảng Tế Phật đường.

Cuối thế kỷ 19, chính quyền thực dân Pháp đô hộ và triều đình nhà Nguyễn tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân. Các cuộc khởi nghĩa yêu nước của nhân dân và các tầng lớp xã hội đều thất bại. Đời sống của nhân dân lao động ngày càng lầm than cực khổ, nhiều nông dân phải bỏ ruộng đồng đi làm thuê, cuốc mướn và làm công nhân trong các đồn điền, xí nghiệp của thực dân Pháp. Một số công chức, tư sản, địa chủ có tinh thần dân tộc thì bị chèn ép trong công việc và kinh doanh. Lúc này các giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống của dân tộc bị lối sống thực dụng phương Tây và chính sách cai trị của thực dân Pháp làm ảnh hưởng nghiêm trọng dẫn đến suy thoái. Các giáo lý tôn giáo của đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng cũng không còn được nhân dân tin theo.

Trong điều kiện chính trị, xã hội, văn hoá như thế, quần chúng nhân dân tìm đến với tín ngưỡng, tôn giáo. Một trong những tôn giáo thời bấy giờ là tôn giáo Minh Sư đạo đã du nhập vào Việt Nam và nhanh chóng thích nghi, được nhân dân đón nhận, tin theo.

Đạo Minh Sư hoạt động mạnh và phát triển trên 50 Phật Đường từ Bắc tới Nam, gồm 3 tông phái:

Phái Đức Tế: có Tổ đình Quang Nam Phật Đường, số 17 Trần Quang Khải, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Phái Phổ Tế: có Tổ đình Linh Quang Tự ở Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Phái Hoàng Tế: có Tổ đình Long Hoa Phật Đường ở Cai Lậy, Tiền Giang.

Sau năm 1975 vì những lý do khác nhau, Minh Sư đạo không duy trì được tổ chức Giáo hội, tu sỹ, tín đồ về tu tại cơ sở.

Tổ chức Giáo hội Minh Sư đạo tan rã, chỉ sinh hoạt tôn giáo tại Phật đường cơ sở. Tu sỹ, tín đồ Minh Sư đạo tu tịnh tại Phật đường, ít tham gia hoạt động xã hội ở địa phương.

- Năm 2000, Lão sư Trần Tích Định, Trụ trì Quang Nam Phật đường ở TP. Hồ Chí Minh có đơn xin thành lập Giáo hội. Ngày 01/2/2007, Ban Tôn giáo - Dân tộc TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho Quang Nam Phật đường, số 17 Trần Quang Khải, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Ngày 17/8/2007, Ban Tôn giáo Chính phủ cấp đăng ký hoạt động tôn giáo tại công văn số 694/GCN/TGCP cho Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo. Giáo hội PDNT Minh Sư đạo thành lập Ban Vận động gồm 17 thành viên do Lão sư Trần Tích Định làm Trưởng ban. Ban Vận động Giáo hội PDNT Minh

Sư đạo đã tiến hành biên soạn các nội dung văn kiện và làm thủ tục, hồ sơ xin tổ chức Đại hội cơ sở để được công nhận pháp nhân.

Ngày 02/6/2008, Minh Sư đạo tổ chức Đại hội Đại biểu Minh Sư toàn đạo tại TP. Hồ Chí Minh thông qua Hiến chương và suy cử Hội đồng Trưởng lão, bầu Ban Trị sự Trung ương Giáo hội. Đại Lão sư Trần Tích Định được bầu làm Trưởng Ban Trị sự Trung ương. Ngày 01/10/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ có Quyết định số 196/TGCP-CD công nhận về tổ chức tôn giáo của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo.

### **6.1.2. Đặc điểm cơ bản của Minh Sư đạo**

Minh Sư đạo là tổ chức tôn giáo du nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam có một số đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo gần gũi với văn hoá Việt Nam thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, Lão Tử, Khổng Tử, Quan Thế Âm Bồ Tát nên dễ được quần chúng nhân dân đón nhận, tin theo.

Minh Sư đạo là một trong “Ngũ chi Minh đạo” có ảnh hưởng đến sự ra đời của đạo Cao Đài. Minh Sư đạo có một số đặc điểm giống đạo Cao Đài như: thờ Tam giáo, Đức Ngọc Hoàng Thượng đế, một vài nghi thức cúng lễ giống nhau, một số bài kinh của Minh Sư đạo được đạo Cao Đài sử dụng. Ngoài ra, một số chức sắc lớn của Minh Sư đạo như: Thái Lão sư Trần Đạo Quang, Đại Lão sư Nguyễn Đạo Tương... đã gia nhập đạo Cao Đài và trở thành những chức sắc đứng đầu Cao Đài Minh Chơn đạo ở Cà Mau. Ông Ngô Minh Chiêu, người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài thường luận đạo với các vị tu Minh Sư ở Tân An và chùa Ngọc Hoàng (Sài Gòn).

Hệ thống giáo lý chặt chẽ có tôn chỉ, mục đích thuần túy tôn giáo nhằm hướng dẫn tín đồ tự độ, tự tha, tu chơn giải thoát, hiệp nhất tinh hoa của của ba nền tôn giáo Nho - Thích - Đạo.

Tổ chức bộ máy giáo hội đơn giản, tu sỹ, tín đồ chủ yếu tu tịnh tại cơ sở, thuần túy tu hành không phổ độ, ít tham gia hoạt động xã hội. Giáo luật của Minh Sư đạo quy định nghiêm ngặt, tín đồ phải ăn chay trường, hiểu biết chữ Hán, sau thời gian thử thách mới được xuất gia vào đạo.

Ban đầu Minh Sư đạo là tông phái thống nhất nhưng kể từ khi Đông Sơ Tổ sư mất đi thì Minh Sư đạo bị chia thành hai phái. Phái Đức Tế có Tổ đình tại Quảng Đông (Trung Quốc) và phái Phổ Tế có Tổ đình tại Singapore. Tại Việt Nam, Minh Sư đạo chia rẽ thành 03 phái là Đức Tế, Phổ Tế và Hoàng Tế. Các phái Minh Sư cũng là tiền thân của các chi Minh đạo như: Minh Đường, Minh

Thiện, Minh Tân. Do điều kiện lịch sử nên một bộ phận tu sỹ, tín đồ của Minh Sư đạo đã gia nhập Phật giáo.

Các vị chức sắc lãnh đạo Minh Sư đạo có tư tưởng chống áp bức, bóc lột nên khi du nhập vào Việt Nam, chức sắc, tín đồ Minh Sư đạo đã hưởng ứng các phong trào kháng chiến cứu quốc, vận động đông đảo tín đồ tham gia các hoạt động yêu nước và trở thành truyền thống của Minh Sư đạo trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc.

## **6.2. Tình hình Minh Sư đạo hiện nay**

### **6.2.1. Số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo**

- Chức sắc: hơn 150
- Chức việc: trên 200
- Tín đồ: hơn 5 ngàn<sup>21</sup>
- Cơ sở tôn giáo: 52

### **6.2.2. Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo**

- Hệ thống tổ chức hành chính Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư đạo gồm:

\* Cấp Trung ương: Hội đồng Trưởng lão, Ban Trị sự Trung ương giáo hội và các Ban thuộc giáo hội (Ban Nghi lễ, Ban Hoằng pháp, Ban Giáo dục, Ban Từ thiện, Ban Kiểm soát, Ban Tài chánh).

\* Cấp địa phương: Ban Trị sự tỉnh, thành phố và Ban Trị sự Phật đường.

Nơi nào có từ 03 Phật đường trở lên được lập Ban Trị sự tỉnh, thành phố. Nơi nào chưa đủ điều kiện thành lập Ban Trị sự Phật đường mới thì được lập Ban Nghi lễ cơ sở.

- Hội đồng Trưởng lão của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo được Đại hội Đại biểu Minh Sư toàn đạo suy tôn và tại vị suốt đời, có số lượng là 10 vị Lão sư. Các Lão sư trong Hội đồng Trưởng lão suy cử 01 vị làm Thái Lão sư đứng đầu Hội đồng Trưởng lão.

Hội đồng Trưởng lão là cơ quan tối cao của nền đạo, có nhiệm vụ: chủ trì các sinh hoạt tôn giáo và giữ gìn chơn truyền đạo pháp của Minh Sư đạo; hướng dẫn và giám sát Ban Trị sự Trung ương Giáo hội trong quá trình hoạt động; quản lý chung việc tu hành của các tu sỹ, tín đồ, tiến cử thành viên Ban Trị sự Trung ương Giáo hội với Đại hội nhiệm kỳ; phê chuẩn những việc trọng yếu của đạo

<sup>21</sup> Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo (2020), *Báo cáo tổng kết hội nghị thường niên năm 2020*.



như: Hiến chương sửa đổi, chương trình hành đạo, Ban Trị sự Trung ương Giáo hội, thăng thưởng, kỷ luật thành phần giáo phẩm, giải quyết tranh chấp trong nội bộ đạo, thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các Phật đường...

Ban Trị sự Trung ương giáo hội được Đại hội Đại biểu Minh Sư toàn đạo bầu ra, từ 15 vị đến 19 vị (từ phẩm Thiên ân trở lên), gồm có: 01 Trưởng ban, 03 Phó Trưởng ban, 01 Tổng thư ký và các thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Trị sự Trung ương giáo hội là 5 năm, nếu trong nhiệm kỳ có khuyết thì giáo hội xem xét bổ nhiệm.

Ban Trị sự Trung ương Giáo hội có nhiệm vụ lãnh đạo, thay mặt cho Giáo hội chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước, trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của Giáo hội, cụ thể: soạn thảo các chương trình hoạt động, hướng dẫn việc tu hành cho toàn đạo thực hiện; phê chuẩn nội dung hoạt động của các Phật đường đệ trình; tổ chức các khoá sơ thừa, trung thừa, thượng thừa để tấn đạo, cầu pháp cho tu sỹ, tín đồ, khen thưởng, kỷ luật tu sỹ, tín đồ theo đúng giới luật, tiến hành hòa giải tranh chấp trong nội bộ đạo; phê duyệt Trụ trì, Ban Trị sự Phật đường ở các tỉnh, thành phố, bổ nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Trị sự tỉnh, thành phố và các thành viên khác trong Ban Trị sự do vị Trưởng ban lựa chọn, đề cử (nếu có).

Để giúp Ban Trị sự Trung ương giáo hội điều hành việc đạo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Giáo hội thành lập các Ban thuộc giáo hội gồm: Ban Nghi lễ, Ban Hoằng pháp, Ban Giáo dục, Ban Từ thiện, Ban Kiểm soát, Ban Tài chánh. Mỗi Ban có từ 03 đến 05 thành viên do 01 vị Lão sư phụ trách (hoặc vị chức sắc từ phẩm Chứng ân trở lên) làm Trưởng ban, có từ 01 đến 02 Phó ban, 01 Thư ký và các thành viên. Nhiệm kỳ của các Ban thuộc giáo hội là 5 năm. Nếu trong nhiệm kỳ có khuyết thì giáo hội xem xét bổ nhiệm. Các Ban có nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Ban Nghi lễ có nhiệm vụ: thực hiện nghi lễ chung, chỉnh trang đạo phục theo luật Đạo. Trường hợp cần chỉnh đốn về lễ nghi cho phù hợp với phong tục tập quán ở địa phương cần đệ trình lên Hội đồng Trưởng lão; sắp đặt, thi hành các cuộc lễ, nghi tiết hành lễ, cách cúng chơn truyền của Tổ sư. Chăm lo chỉ dạy nghi thức tang lễ, cúng tuần, cúng cửu, cầu cao thăng, lập nguyện cho chức sắc hàng giáo phẩm ở Tổ đình và các Phật đường cho thống nhất trong toàn Đạo; phụ trách việc tiếp khách, tiếp tân chung; sắp xếp và thi hành các lễ cúng, lễ hội; làm các sớ cúng, sớ sách lập nguyện cho từng cấp,...

+ Ban Hoằng pháp có nhiệm vụ: nghiên cứu kinh điển, giới luật, ngũ giới, thập giới, tứ đại điều quy, Hiến chương, Quy chế, các bài sám, lễ bản, tạp biểu, khánh chúc và các tài liệu liên quan đến Giáo hội; biên soạn tập tài liệu phổ biến cho chức sắc hàng giáo phẩm học tập giáo lý, giáo luật của Giáo hội và thực hiện thuyết pháp cho chức sắc, tu sỹ, tín đồ học hiểu; phối hợp với Ban Giáo dục tổ chức các khóa học Sơ thừa, Trung thừa và Thượng thừa.

+ Ban Giáo dục có nhiệm vụ: lập chương trình giảng dạy về lịch sử, giáo lý, giáo luật trong toàn đạo (phân hạng chức sắc hàng giáo phẩm, tu sỹ, tín đồ); chủ trương về việc giảng đạo, thuyết pháp (các bài thuyết pháp do Hội đồng Trưởng lão phê duyệt), thông qua chương trình phổ thông, sách báo, thông tin về Đạo, mở mang việc học tập đến các Phật đường; chăm lo việc mở học Đạo của các Phật đường, lập thư viện, tủ sách có đủ kinh sách Đạo. Đề trình việc kiểm duyệt kinh sách cho ấn tống, ban hành; mở khóa bồi dưỡng hoặc trường đào tạo chức sắc hàng giáo phẩm kế thừa.

+ Ban Kiểm soát có nhiệm vụ: kiểm soát về tài chính, lương thực, đồ từ khí, nhân số và nhân công trong các Ban thuộc Giáo hội. Việc kiểm soát chỉ có tính chất kiểm số người trung thực, chứng thực rồi trình lên Trưởng Ban Trị sự Trung ương quyết định, chứ không có quyền sắp đặt, sửa đổi hay trách cứ; về tài chánh, mỗi tháng xét một kỳ, ký tên chứng thực, các sổ sách, giấy tờ thu xuất nơi Giáo hội. Vào đầu tháng 11 Âm lịch xem xét lại hết bộ sổ; thanh tra, kiểm soát các Phật đường hoặc các vụ việc khiếu kiện liên quan đến Giáo hội, thăm tra đạo đức của chức sắc hàng giáo phẩm; kiểm tra tư cách đại biểu các kỳ Đại hội, Hội nghị, giữ gìn an ninh, trật tự các cuộc lễ hội, hội họp của Giáo hội; đề nghị Hội đồng Trưởng lão khen thưởng, kỷ luật chức sắc, tu sỹ, tín đồ.

+ Ban Từ thiện có nhiệm vụ: lập dưỡng đường, phòng chẩn trị y học, khu nghĩa địa, sửa sang mồ mả, tháp, dựng mộ bia các chức sắc có công với Giáo hội; thành lập Ban Từ thiện từ Giáo hội đến Phật đường cơ sở; thăm viếng, an ủi, nâng đỡ tinh thần các chức sắc, tu sỹ, tín đồ tuổi cao không thể hành đạo; tổ chức việc quyên góp, giúp đỡ những người bệnh tật, tai nạn, khốn khổ, nghèo đói trong Đạo ngoài đời, đồng bào bị thiên tai hạn hán, lũ lụt và vận động bản đạo tham gia các hoạt động từ thiện xã hội; xây dựng tình thương yêu, đoàn kết trong chức sắc, tu sỹ, tín đồ thực hiện các hoạt động phước thiện trong toàn đạo.

+ Ban Tài chánh có nhiệm vụ: giữ gìn và xem xét hồ sơ đất điền, nhà cửa, tài sản của Giáo hội; ký biên lai mỗi khi thu xuất tiền, có quyền ký tên các toa

xuất nhưng trước khi xuất phải có đơn xin xuất đã được Trưởng Ban Trị sự Trung ương phê duyệt; lập chương trình, kế hoạch thu chi cho ngân sách Giáo hội được cân bằng mỗi năm; vận động các nhà hảo tâm thường xuyên ủng hộ lương thực cho Giáo hội; quản lý lương thực, đồ vật, tài sản của Giáo hội, có thủ quỹ giữ gìn, các việc xuất phát hàng ngày phải có đơn xin và toa xuất rõ ràng, hàng tháng có Ban Kiểm soát đến kiểm tra.

Ban Trị sự tỉnh, thành phố có từ 3 đến 5 vị gồm: 01 vị Trưởng ban, 2 vị Phó Trưởng ban do Ban Trị sự Trung ương Giáo hội lựa chọn, bổ nhiệm. Các thành viên còn lại trong Ban Trị sự tỉnh, thành phố (nếu có) do vị Trưởng ban chọn ra nhưng không quá 2 vị, sau đó trình Giáo hội trung ương phê chuẩn, bổ nhiệm.

Trụ sở của Ban Trị sự tỉnh, thành phố đặt tại một Phật đường phù hợp.

Nhiệm kỳ của Ban Trị sự tỉnh, thành phố là 05 năm. Nếu trong nhiệm kỳ có khuyết thì Giáo hội xem xét bổ nhiệm.

Ban Trị sự tỉnh, thành phố có nhiệm vụ: phổ biến và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của Giáo hội đến các vị Trụ trì, Ban Trị sự Phật đường, Ban Nghi lễ cơ sở; giúp Ban Trị sự Trung ương Giáo hội nắm vững tình hình hoạt động và nguyện vọng của các tu sỹ, tín đồ, thiện nam tín nữ tại địa phương; thay mặt Giáo hội giải quyết sắp xếp ổn định nội bộ, các hoạt động của Phật đường trong địa phận, tạo điều kiện cho các Ban Trị sự Phật đường cơ sở tương trợ lẫn nhau trong việc tu hành. Những việc quan trọng phải xin ý kiến Ban Trị sự Trung ương Giáo hội; được Giáo hội uỷ quyền quan hệ với chánh quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, tôn giáo,... trong phạm vi cho phép.

Ban Trị sự Phật đường do đại hội Phật đường cơ sở tín nhiệm bầu ra, có nhiệm vụ giúp vị Trụ trì điều hành các hoạt động của Phật đường. Số thành viên Ban Trị sự từ 3 đến 5 vị, nhiệm kỳ Ban Trị sự Phật đường là 05 năm.

Phật đường cơ sở do một vị Lão sư trụ trì, nơi nào chưa có Lão sư có thể chọn một vị thuộc hàng giáo phẩm từ Thiên ân trở lên. Vị Trụ trì Phật đường có trách nhiệm chăm lo hoạt động tu học tại Phật đường, lãnh đạo Ban Trị sự trong hoạt động của Phật đường và có nhiệm vụ đào tạo, tiến cử cho Giáo hội người thừa kế mình cho Phật đường.

Ngoài việc giới thiệu đệ tử tiếp nối làm Trụ trì Phật đường nếu có nhu cầu về chức sắc thì Phật đường cơ sở kiến nghị với Giáo hội Trung ương để được giúp đỡ.

Ban Trị sự Phật đường có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của giáo hội theo Hiến chương và giới luật; quản lý chức sắc, tu sỹ sinh

hoạt tại phật đường; chăm lo hoạt động tu học và đào tạo chức sắc, tu sỹ tại phật đường; quan hệ với chánh quyền, đoàn thể trong phạm vi của phật đường.

- Những nơi chưa đủ điều kiện thành lập Ban Trị sự Phật đường mới thì được lập Ban Nghi lễ cơ sở.

Ban Nghi lễ cơ sở có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của cơ sở theo Hiến chương và giới luật; quản lý chức sắc, tu sỹ sinh hoạt tại cơ sở; chăm lo hoạt động tu học của chức sắc, tu sỹ tại cơ sở.

Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư đạo đã được công nhận tổ chức giáo hội năm 1920 và hệ thống tổ chức từ Trung ương tới cơ sở, có hàng vạn chức sắc, tín đồ và gần 100 chùa hoạt động trên 20 tỉnh, thành phố.

Năm 2007, Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư đạo được cấp đăng ký hoạt động, tháng 10/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ ra quyết định công nhận tổ chức của Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư đạo.

### ***6.2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo***

Minh Sư đạo có 52 Phật đường (trong đó có 43/52 phật đường thuộc giáo hội, còn 09 phật đường chưa trở về sinh hoạt với giáo hội), hoạt động ở 18 tỉnh, thành phố. Tổ đình của Minh Sư đạo đặt TP. Hồ Chí Minh<sup>22</sup>.

Các tỉnh, thành phố có Minh Sư đạo: Bến Tre, Long An, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Tiền Giang, Vĩnh Long, Ninh Bình, Hà Nội, Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định.

Hiến chương của Minh Sư đạo xây dựng giáo hội hoạt động có hai cấp: cấp Trung ương có Hội đồng Trưởng lão, Ban Trị sự Trung ương Giáo hội; cấp cơ sở là Ban Trị sự Phật đường. Ở tỉnh, thành phố có nhiều Phật đường thì thành lập Ban Trị sự tỉnh, thành phố (không phải là một cấp hành chính) để làm đầu mối hướng dẫn các Phật đường cơ sở hành đạo tại địa phương.

Hoạt động của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo hiện nay có những chuyển biến tích cực về tổ chức giáo hội đã củng cố chức sắc Hội đồng Trưởng lão gồm 07 Lão sư; chức sắc Ban Trị sự Trung ương gồm 19 vị; thành lập Ban Từ thiện lo giúp đỡ các phật đường và tu sỹ còn khó khăn. Củng cố thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội Tiền Giang, Ban Trị sự Tỉnh hội Vĩnh Long, Ban Trị sự Tỉnh

<sup>22</sup> Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo, *Báo cáo tổng kết hội nghị thường niên năm 2020*.

hội Khánh Hòa. Các Phật đường cơ sở đều có chức sắc Trụ trì Phật đường và Ban Trị sự Phật đường để lo các công việc sinh hoạt tín ngưỡng tại cơ sở.

Về giáo dục, đào tạo đã phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức 02 hội nghị học tập về chính sách tôn giáo của nhà nước và thủ tục hành chính; tham gia nhiều các lớp bồi dưỡng kiến thức về pháp luật liên quan đến tôn giáo, đất đai, an ninh quốc phòng,... Hướng dẫn chức sắc, tu sỹ tích cực học tập giáo lý, giáo luật, chữ Hán để nâng cao kiến thức trong việc điều hành, hướng dẫn tín đồ tu hành theo quy định của giáo hội.

Về sinh hoạt nghi lễ được tổ chức trang nghiêm tại các Phật đường thu hút đông đảo tín đồ tham dự, như: Lễ Vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ngày 9 tháng Giêng; Lễ Thượng ngươn ngày Rằm tháng Giêng; Lễ giỗ tông phái giỗ Tổ sư Vương Đạo Thâm ngày 24 tháng 4 Âm lịch; Lễ Trung ngươn ngày Rằm tháng 7; Lễ Hạ ngươn ngày Rằm tháng 10; Lễ Thành đạo Đức Đông Sơ Tổ sư ngày 24 tháng 11 Âm lịch,...

Về tấn phong chức sắc đã thực hiện theo đúng quy định của giáo hội và pháp luật của nhà nước. Hiện nay, Minh Sư đạo có trên 150 chức sắc từ phẩm Thiên ân đến phẩm Đại Lão sư. Việc xem xét cầu phong, cầu thăng chức sắc thực hiện theo Hiến chương quy định, đảm bảo quyền lợi cho chức sắc tu hành.

Về giữ giới, chức sắc, tu sỹ của Minh Sư đạo từ phẩm Sám hối trở lên bắt buộc thực hiện nghiêm túc việc giữ giới, ăn chay trường. Hàng ngày, thực hành cúng tứ thời, đọc kinh, trau dồi đạo hạnh, lập công bồi đức, tu học.

Ban Trị sự Trung ương giáo hội đã hướng dẫn các Phật đường ổn định về tổ chức; trao đổi với chính quyền địa phương về việc tranh chấp cơ sở thờ tự của 04 Phật đường tại Bình Định, Đồng Tháp, Hà Nội; phối hợp với Ban Tôn giáo thành phố Cần Thơ củng cố lại nhân sự Ban Trị sự của Nam Nhã Phật đường. Ngoài ra, Ban Trị sự Trung ương vận động các Phật đường chưa gia nhập giáo hội đăng ký thủ tục với chính quyền địa phương xin công nhận tổ chức để chức sắc, tu sỹ được đảm bảo quyền lợi tu hành.

Về xây dựng cơ sở thờ tự, giáo hội đã chú trọng nâng cấp, trùng tu các Phật đường. Nhiều Phật đường của Minh Sư đạo đã trùng tu, xây mới ngày càng khang trang. Tiêu biểu như: Kim Long Phật đường ở Khánh Hòa, Nam Hòa Phật đường ở Khánh Hòa, Thiên Huệ Phật đường ở Tiền Giang, Phổ Hòa Phật đường ở Tiền Giang, Trọng Văn Phật đường ở TP. Hồ Chí Minh, Hòa Nam Phật đường ở Đà Nẵng, Nam Tôn Phật đường ở Quảng Nam, Phổ Hiệp Phật đường ở Long An,...

### **2.3. Hoạt động xã hội của Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo**

Đây là một trong các nhiệm vụ quan trọng của giáo hội thực hiện theo tinh thần lục hòa để phục vụ đạo pháp, phục vụ chúng sinh. Trong những năm qua, giáo hội đã thực hiện tốt hoạt động từ thiện ở các Phật đường như: nấu cơm từ thiện, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, giúp đỡ các hộ nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa,... Tiêu biểu như: Tổ Y tế Tuệ Tĩnh Đường tại Hòa Nam Phật đường ở Đà Nẵng hằng năm khám chữa bệnh cho gần 3 ngàn lượt người, bốc thuốc hơn 8 ngàn thang, châm cứu cho trên 2 ngàn lượt người; Thiên Huê Phật đường nhận nấu cơm từ thiện cho Bệnh viện Châu Thành tỉnh Tiền Giang mỗi năm chi gần 50 triệu đồng. Tổng số kinh phí hoạt động từ thiện của Minh Sư đạo trong 5 năm trên 6 tỷ đồng<sup>23</sup>.

Hoạt động từ thiện đã thực hiện đúng tinh thần “giáo hóa chúng sanh, tu chơn giải thoát” giúp đỡ người đạo lúc khó khăn, hoạn nạn, đồng thời tích cực góp phần cùng xã hội giúp nâng đỡ tinh thần và vật chất cho người nghèo. Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo là tổ chức tôn giáo mới được thành lập lại, đời sống của chức sắc, tu sỹ còn hạn chế nhưng với tinh thần đạo đức của người tu hành vẫn thực hiện tốt hoạt động từ thiện.

### **6.3. Những vấn đề cần quan tâm đối với Minh Sư đạo hiện nay phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

- Chức sắc, tín đồ Minh Sư đạo chủ yếu tu tịnh nên không thạo công việc hành chính đạo. Trong quá trình công tác tôn giáo cần tăng cường hướng dẫn về thủ tục hành chính, phổ biến các quy định của pháp luật đối với chức sắc, tín đồ Minh Sư đạo.

- Chức sắc, chức việc, tu sỹ của Minh Sư đạo mặc trang phục áo dài truyền thống màu đen, đội mũ màu đen, để râu tóc, kiến trúc cơ sở tôn giáo (Phật đường) gần giống với Phật giáo. Để nhận diện Minh Sư đạo lưu ý trên ban thờ có vòng vô cực thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và thờ Diêu Trì Kim Mẫu, Tam giáo.

- Với các hoạt động tôn giáo ở cơ sở thường xuyên quan tâm, vận động chức sắc, tín đồ thực hiện theo quy định của pháp luật đồng thời quan tâm hướng dẫn làm theo quy định.

<sup>23</sup> Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo (2018), *Báo cáo tổng kết Đại hội nhiệm kỳ (2013-2018)*.

## 7. MINH LÝ ĐẠO

### 7.1. Khái quát chung về Minh Lý đạo ở Việt Nam

#### 7.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Minh Lý đạo

Đầu những năm 1920, một số công chức, tư sản người Việt có tâm nghiên cứu, tìm hiểu giáo lý của ba tôn giáo: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo. Trong quá trình tìm hiểu, họ được các Đấng Thiêng liêng dùng huyền cơ diệu bút chỉ dẫn thành lập một tôn giáo mới.

Ngày 23/12/1924, Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu được thành lập do các vị: Âu Kiệt Lâm, Nguyễn Văn Xung, Nguyễn Văn Đê, Lê Văn Ngọc, Nguyễn Văn Miết, Võ Văn Thanh sáng lập. Năm 1927, Minh Lý đạo đã hoàn chỉnh giáo lý, giáo luật, hệ thống tổ chức, kinh sách, xây dựng cơ sở thờ tự.

Một số vị lập đạo theo phong trào cầu cơ chấp bút, được Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng cơ xây dựng Tam Tông Miếu. Tam Tông Miếu được xây dựng vào ngày 09/9/1926.

Từ năm 1965 đến năm 1975, Minh Lý đạo hoàn chỉnh bộ kinh “Minh Lý chơn giải” để bổ túc cho cuốn “Minh Lý học thuyết”. Ông Định pháp Minh Thiện đã dung hoà, tổng hợp giáo lý của Minh Lý đạo, hướng dẫn môn sanh tu học và xây dựng Hội thánh theo đúng chơn truyền chánh pháp của nền Đạo.

Ngày 17/8/2007, Ban Tôn giáo Chính phủ cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu. Ngày 01/3/2008, Minh Lý đạo tổ chức Đại hội Môn sanh bầu Hội đồng Hội thánh và Ban Quản trị Hội thánh, thông qua Đạo quy và chương trình hành đạo nhiệm kỳ 2008-2012. Ngày 01/10/2008, Ban Tôn giáo Chính phủ có Quyết định số 195/TGCP-CD công nhận về tổ chức tôn giáo của Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu.

#### 7.1.2. Đặc điểm cơ bản của Minh Lý đạo

Đây là tôn giáo ra đời ở Việt Nam do một số người là công chức, tư sản người Việt sáng lập. Dựa trên đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo của các tôn giáo như Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo để thành lập tôn giáo Minh Lý đạo. Một số kinh sách và lễ nghi của Minh Lý đạo được đạo Cao Đài sử dụng.

Ngay sau khi thành lập, Minh Lý đạo đã tập trung hoàn chỉnh hệ thống giáo lý, giáo luật khá chặt chẽ, phân định thứ tự chức sắc, quy định của bậc tu rõ ràng.

Cơ bút là đặc điểm tạo thành Minh Lý đạo, được các Đấng Thiêng liêng thông qua cơ bút chỉ dạy về giáo lý, giáo luật, cách thức tu hành, tổ chức hành đạo và kinh sách trong đạo. Nên cơ bút là yếu tố quan trọng lập ra tôn giáo Minh Lý đạo.

Minh Lý đạo xây dựng hệ thống tổ chức giáo hội gồm cấp Trung ương có Hội đồng Hội thánh và Ban Quản trị Hội thánh, cấp cơ sở là Chi đạo. Hoạt động

của Minh Lý đạo chủ yếu là tu tịnh tại cơ sở. Hàng năm, Minh Lý đạo có khóa tu tại Bắc Nhã Tịnh đường, chức sắc, tín đồ thuần túy tu hành không phổ độ nên số lượng tín đồ ít.

Minh Lý đạo không thờ thánh tượng mà thờ bài vị, kinh sách dùng Việt ngữ không dùng Hán ngữ để thuận lợi trong việc tu học và truyền bá tư tưởng tôn giáo.

## **7.2. Tình hình Minh Lý đạo ở Việt Nam**

### **7.2.1. Số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo của Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu**

- Chức sắc: khoảng 100
- Chức việc: 100
- Tín đồ: trên 650 tín đồ<sup>24</sup>
- Cơ sở tôn giáo: 04

### **7.2.2. Cơ cấu tổ chức của Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu**

- Hội thánh Minh Lý Đạo Tam Tông Miếu xây dựng tổ chức theo hai cấp:
  - + Cấp Trung ương: Hội đồng Hội thánh, Viện Bảo đạo, Viện Hành đạo, Long Hoa Học viện, Ban Quản trị, Cứu vạ.
  - + Cấp địa phương: Bắc Nhã Tịnh đường, Long Hải ngoại, Chi đạo và các Cơ sở đạo (nơi chưa đủ điều kiện thành lập Chi đạo mới).

- Hội đồng Hội thánh là tổ chức đại diện cho Minh Lý đạo Tam Tông Miếu trong quan hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức tôn giáo và tổ chức xã hội khác. Hội đồng Hội thánh ủy quyền cho Ban Quản trị là tổ chức thường trực của Viện Hành đạo thực hiện nhiệm vụ hành chánh của Hội thánh.

Thành viên của Hội đồng Hội thánh là các vị chức sắc: Định pháp, Tổng lý, Hiệp lý, Chương lý, Chủ tịch nữ giới, Tịnh chủ Bắc Nhã Tịnh đường, một số Vụ trưởng, Vụ phó, Quản lý Chi đạo. Số lượng thành viên Hội đồng Hội thánh không quá 15 người. Các vị trong Hội đồng Hội thánh tại vị suốt đời.

Ngoài ra, Hội đồng Hội thánh có các vị cố vấn giúp Hội đồng Hội thánh trong các việc hành chánh, tu tịnh theo đạo pháp, được Viện Bảo đạo chấp thuận bậc tu thất chính thức, có cấp đạo từ Thanh Tịnh sư/cô trở lên, có tuổi đời từ 60 tuổi và tuổi đạo từ 20 năm trở lên.

Hội đồng Hội thánh có nhiệm vụ: chủ trì các sinh hoạt tín ngưỡng và giữ chơn truyền Đạo pháp; phê chuẩn những chủ trương, đề nghị hành Đạo trọng yếu của Hội thánh theo Hiến chương; Quyết định việc thành lập cơ sở đào tạo của Hội thánh theo đề nghị của Viện Bảo đạo và Viện Hành đạo theo quy định của pháp luật. Cơ sở đào tạo của Hội thánh có tên là Long Hoa Học viện; xét duyệt và giải quyết các vấn đề, chương trình nghị sự từ Viện Bảo đạo hoặc

<sup>24</sup> Hội thánh Minh Lý đạo Tam Tông Miếu (2020), *Báo cáo kết quả hoạt động tôn giáo năm 2020*.



Viện Hành đạo trình lên, kể cả việc khen thưởng (nêu gương) và kỷ luật trong Đạo; hướng dẫn toàn thể môn sanh trong việc hành đạo theo chương trình do Đại hội Môn sanh thông qua; duyệt xét, phê chuẩn những vị chức sắc trong Viện Bảo đạo, Viện Hành đạo và công cử chức sắc, môn sanh.

- Viện Bảo đạo được Hội đồng Hội thánh lập ra, gồm các vị chức sắc: Định pháp, Tổng lý, Hiệp lý, Chương lý/Chủ tịch nữ giới, Tịnh chủ, Vụ trưởng Giáo lý. Đứng đầu Viện Bảo đạo là vị Định pháp/Tổng lý.

Viện Bảo đạo có nhiệm vụ: sưu tập giáo lý, kết tinh thành một chương học thuyết đạo Minh Lý và hoàn thành bộ sử; hướng dẫn và giám sát các hoạt động của Đạo về mặt đạo pháp; quản lý việc tiên tu của môn sanh, hướng dẫn môn sanh lập công tu học, hành theo Bát Chánh Đạo, duyệt xét Nội qui tu tịnh huyền công tại Bắc Nhã Tịnh đường để giác ngộ và giải thoát; tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng về tu tịnh Huyền công. Mở các khóa tu để các chức sắc tu tập tồn dưỡng đạo tâm; phê chuẩn nhân sự Ban Giám đạo của Bắc Nhã Tịnh đường; đề nghị lên Hội đồng Hội thánh thăng thưởng và kỷ luật môn sanh các cấp.

- Viện Hành đạo được Hội đồng Hội thánh lập ra gồm các vị chức sắc: Tổng lý, Hiệp lý, Chương lý/Chủ tịch nữ giới, Trưởng Ban Quản trị, một số Vụ trưởng, Vụ phó các Vụ, Quản lý Chi đạo. Số lượng không quá 15 người; đứng đầu Viện Hành đạo là vị Tổng lý/Hiệp lý.

Viện Hành đạo có nhiệm vụ: tổ chức chăm lo mọi việc về phương diện hành chánh của Hội thánh; quản lý và điều hành các công việc của Ban Quản trị, Cửu Vụ và các Chi đạo.

- Long Hoa Học viện được Hội đồng Hội thánh lập ra. Lãnh đạo Học Viện là các vị chức sắc từ cấp Thanh Tịnh sư/cô trở lên, gồm: Viện trưởng, Viện phó và các thành viên. Số lượng gồm 9 người.

Long Hoa Học viện có nhiệm vụ: xây dựng chương trình đào tạo, hướng dẫn chức sắc, môn sanh, tín đồ trở thành tu sĩ, giáo sĩ, thừa phụng cơ Đạo; tổ chức đào tạo, tuyển sinh theo yêu cầu hành đạo của Hội thánh; xây dựng đội ngũ giảng viên theo tiêu chí của Hội thánh đáp ứng khả năng giảng dạy và nghiên cứu; đào tạo, bồi dưỡng chức sắc, môn sanh, tín đồ học tập giáo lý, giáo luật, kiến thức tôn giáo thuộc Hội thánh Minh Lý Đạo Tam Tông Miếu; đáp ứng nhu cầu học tập kiến thức văn hóa, xã hội (ngoại ngữ, tin học phổ thông . . .), tôn giáo của chức sắc, môn sanh, tín đồ và những người quan tâm, nghiên cứu, tìm hiểu về đạo pháp và tôn giáo.

- Long Hải ngoại do Hội đồng Hội thánh lập ra. Lãnh đạo Long Hải Ngoại gồm các vị chức sắc từ cấp Thanh Tịnh sư/cô trở lên, gồm: Quản lý, Phụ tá và thành viên. Số lượng từ 5 người đến 9 người.

Long Hải ngoại là tổ chức thuộc Hội thánh có nhiệm vụ: quản lý về mặt đạo pháp các Chi đạo ở hải ngoại; tiếp xúc với chính quyền sở tại về những việc liên quan đến hoạt động tôn giáo của các Chi đạo tại hải ngoại; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Hội thánh về việc hướng dẫn chức sắc, môn sanh, tín đồ Minh Lý Đạo tu hành tại hải ngoại theo quy định của Hội thánh và pháp luật tại nước sở tại.

- Ban Quản trị do Đại hội Môn sanh bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Quản trị là 5 năm. Ban Quản trị gồm 01 Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban (nam/nữ), 02 ủy viên và 02 thành viên dự khuyết, 2 thành viên dự khuyết được quyền tham dự các buổi họp của Ban Quản trị Hội thánh nhưng không được quyền biểu quyết. Tất cả thành viên đều từ cấp Tâm tịnh sư/cô trở lên.

Ban Quản trị là tổ chức thường trực của Viện Hành đạo về hành chánh giữa các kỳ hội nghị thường niên, có nhiệm vụ: tiếp xúc với các cấp chính quyền trong nước để theo dõi và cập nhật các quyết định, chỉ thị có liên quan đến tôn giáo nhằm đưa hoạt động Hội thánh theo đúng quy định của pháp luật; soạn thảo và trình Hội Đồng Hội thánh phê duyệt những vấn đề liên quan đến hoạt động và quyền lợi của Hội thánh; tham gia điều đình với các đối tác ngoài xã hội nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền lợi chung của Hội thánh khi được ủy nhiệm.

- Cửu vụ (09 Vụ) do Hội đồng Hội thánh lập ra. Lãnh đạo các Vụ là các vị chức sắc từ cấp Thanh Tịnh sư/cô trở lên, gồm: Vụ trưởng, Vụ phó. Mỗi Vụ có số lượng nhân sự từ 5 người đến 19 người.

Cửu vụ là các tổ chức chuyên môn thuộc Hội thánh có nhiệm vụ:

+ Lễ nhạc vụ: chăm lo các chương trình lễ cúng tại Thánh sở hay tại tư gia các môn sanh khi hữu sự. Hướng dẫn Lễ bái, sinh hoạt tín ngưỡng cho các Chi đạo theo đúng chơn truyền.

+ Thánh hóa vụ: sắp đặt chương trình cho các lớp học dạy nghề thuộc về kỹ thuật, ngoại ngữ, công nghệ thông tin. Hướng dẫn, chăm sóc và khuyến học con em bốn đạo, Thanh Thiếu Nhi Minh Lý, đào luyện nhân tài có ích cho Đạo sau này.

+ Hòa giải vụ: giải quyết, hòa giải các thắc mắc, bất bình để giữ niềm hòa ái giữa các môn sanh trong Đạo.

+ Tư dưỡng vụ: quản lý, tạo lập tài sản (gồm động sản và bất động sản), mua sắm vật tư, vật dụng hành đạo, tu bổ, xây dựng bất động sản, phụ trách ẩm thực ở Chùa. Chăm sóc, nuôi dưỡng con em bốn đạo, tập thể Thanh Thiếu Nhi Minh Lý.

+ Nội chánh vụ: có nhiệm vụ quản lý toàn bộ Đạo sự về hành chánh và tín đồ, môn sanh.

- + Giáo lý vụ: tổ chức các lớp lễ nghi, giáo lý để môn sinh tu học và thi lên cấp.
- + Phước thiện vụ: lo việc cứu trợ phước thiện xã hội trong và ngoài Đạo.
- + Ngoại giao vụ: tiếp xúc, liên giao với các tôn giáo bạn.
- + Tài Chánh vụ: quản lý các tài sản của Hội thánh (động sản và bất động sản).

Trong trường hợp do điều kiện khách quan không thể đạt được theo yêu cầu của thành lập Cửu Vụ thì Hội đồng Hội thánh có thể ra quyết định tạm thời quy định thành phần Cửu Vụ gồm ba (03) Vụ: Nội Chánh, Tư Dưỡng, Giáo Lý và sáu (06) tiểu ban trực thuộc các Vụ trên.

- Chi đạo do Hội đồng Hội thánh thành lập. Lãnh đạo Chi đạo là vị chức sắc từ cấp Thanh Tịnh sư/cô trở lên và do Viện Hành đạo đề nghị lên Hội đồng Hội thánh quyết định. Lãnh đạo Chi đạo gồm: Quản lý Chi đạo, Phụ tá và các ủy viên. Số lượng từ 5 người đến 9 người.

Chi đạo là tổ chức trực thuộc Viện Hành đạo có nhiệm vụ: 1. quản lý nhân sự hành đạo tại địa phương; hướng dẫn và theo dõi các cuộc sinh hoạt, lễ bái tại Chi đạo; chủ trì các sinh hoạt tín ngưỡng tại Thánh miếu địa phương và giữ chơn truyền Đạo pháp; phổ biến các chương trình hành đạo của Hội đồng Hội thánh và Viện Hành đạo đến chức sắc, môn sinh, tín đồ thuộc Chi đạo; giúp Viện Hành đạo nắm vững tình hình đạo sự và nguyện vọng của môn sinh tại địa phương; tạo điều kiện cho các môn sinh tương trợ lẫn nhau.

- Cơ sở đạo do Hội đồng Hội thánh quyết định thành lập. Lãnh đạo Cơ sở đạo là chức sắc từ cấp Tâm tịnh sư/cô trở lên và do Viện Hành đạo đề nghị lên Hội đồng Hội thánh quyết định. Lãnh đạo Cơ sở đạo gồm có Trưởng Cơ sở đạo, Phụ tá. Số lượng từ 3 người đến 5 người.

Cơ sở đạo có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của Cơ sở theo Hiến chương và giới luật của Hội thánh; quản lý chức sắc, môn sinh, tín đồ sinh hoạt tại Cơ sở; chăm lo hoạt động tu học của chức sắc, tu sĩ tại Cơ sở theo quy định của Minh Lý đạo và pháp luật Nhà nước.

### ***7.2.3. Thực trạng hoạt động tôn giáo của Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu***

Về nghi lễ, Minh Lý đạo thực hiện theo truyền thống và giữ gìn nền nếp qua lễ bái, thờ phụng. Các buổi sinh hoạt nghi lễ đảm bảo theo chương trình, quy định của Hội thánh, có sắp xếp phân công nhiệm vụ cho những người ở trong cơ sở và bôn đạo ở gần mỗi ngày bốn thời dâng hương cầu nguyện, giữ các thời tu tịnh Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Mỗi tháng, hai ngày Sóc - Vọng, thiết lễ cúng cầu an cho bá tánh. Mỗi năm bốn mùa, tổ chức bốn khóa tu tịnh: Xuân phân, Thu phân tại Thánh sở Tam Tông Miếu ở TP. Hồ Chí Minh và Hạ chí, Đông chí tại Bác Nhã Tịnh Đường ở Long Hải, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Các lễ

cúng Thánh đàn, kỷ niệm, tưởng niệm truyền thống thực hiện theo chương trình hành đạo đã đăng ký với chính quyền các cấp.

Về tu học, Hội thánh thường xuyên tổ chức các lớp học giáo lý tại Thánh sở Tam Tông Miếu nhằm giúp môn sanh Minh Lý đạo thấm nhuần tinh hoa giáo lý của Tam giáo (Thích - Lão - Nho) để theo đó mà tu hành, độ mình, độ thế (qui nguyên Tam giáo). Hiện nay, mỗi tuần có các lớp học với đề tài đa dạng như: Giới luật, các bài giảng về kinh sách Minh Lý (Minh Lý yếu giải, Minh Lý học thuyết, Minh Lý Chơn giải, Dưỡng Chơn tập, Đạo học, Dịch học, lý thuyết tu tịnh, và kinh sách về Tam giáo,...). Lớp học buổi tối: tuần học ba buổi vào thứ Hai, Tư, Sáu, Bảy từ 19 giờ 30 phút đến 21 giờ. Lớp học ban ngày: tuần học một buổi vào ngày Chủ nhật từ 8 giờ đến 10 giờ.

Về hoạt động giáo dục Thanh thiếu nhi được Hội thánh Minh Lý đạo chú trọng, đặc biệt là thế hệ trẻ (con em của môn sanh) được chăm lo về đời sống, tu dưỡng đạo đức nhằm tạo môi trường sinh hoạt cộng đồng, biết sống có ích cho xã hội, ý thức hiếu nghĩa với gia đình, ông bà, cha mẹ,... Từ những năm đầu thành lập, Hội thánh đã có Đội Thanh thiếu niên Minh Lý đạo. Sau này, do khó khăn về nhân lực nên hoạt động này bị gián đoạn. Đến nay, Hội thánh đang từng bước khôi phục hoạt động giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ qua việc tập hợp các em (con em của môn sanh, thiện tín) trong các cuộc vui chơi có tổ chức (như Tết Trung thu, Tết Thiếu Nhi, trại hè,...) để hướng dẫn các em lối sống tập thể, kỹ năng sinh hoạt, sống vì mọi người, qua đó giáo dục các em lòng nhân ái, sống có đạo đức theo truyền thống tốt đẹp của cha ông,... Hiện nay, Minh Lý đạo đã tập hợp đưa vào sinh hoạt thường xuyên trên 40 em có độ tuổi từ 6 tuổi đến 17 tuổi.

Hội thánh quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện, tạo điều kiện cho môn sanh, thiện tín nghiên cứu kinh sách Minh Lý Đạo và Tam giáo. Tài liệu, kinh sách được sắp xếp, kết tập lại ngày một khoa học và từng bước vi tính hóa. Ngoài ra, Hội thánh còn hợp tác với chương trình chung tay ấn tống kinh sách giữa đạo Cao đài và Thánh sở Tam Tông Miếu tại TP. Hồ Chí Minh.

Về ngoại giao, thực hiện tinh thần bình đẳng, cộng tác, hòa ái, Hội thánh Minh Lý đạo giữ mối giao hảo, trao đổi Đạo pháp với các tôn giáo bạn nhằm giữ gìn và phát huy tinh hoa cội nguồn của Đạo (qui nguyên Tam giáo). Hội thánh thường xuyên cử các đoàn đại biểu tham gia các cuộc lễ tại các cơ sở tôn giáo bạn khi được mời. Đồng thời tham gia vào hoạt động giao lưu hành đạo của các Hội thánh và tổ chức Cao Đài trong nền Đại Đạo, trở thành một trong những thành viên của hoạt động giao lưu này.

Những năm tới Minh Lý đạo tiếp tục nâng cao chất lượng về tổ chức Hội thánh đảm bảo việc điều hành, hoạt động theo hiến chương và qui định của pháp

luật; Tổ chức các khóa đào tạo chức sắc và tự học tập để nâng cao năng lực, trình độ cho chức sắc Hội thánh; Giữ vững và phát huy các thành quả về nghi lễ, tu học, tài chánh, ngoại giao theo đúng truyền thống của Minh Lý đạo; Cùng cố tổ chức tập thể Thanh thiếu niên Minh Lý đạo theo đúng chủ trương của Hội đồng Hội thánh và khuôn khổ luật pháp Nhà nước nhằm giáo dục các em sống vì mọi người, có lòng nhân ái, có đạo đức theo truyền thống tốt đẹp của dân tộc; Về hoạt động phước thiện: Tiếp tục phát huy tinh thần nhân ái nhằm chia sẻ những khó khăn của đồng bào, vận động môn sanh, thiện tín hưởng ứng các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong hoạt động từ thiện; Ban Phước Xã, Phòng khám từ thiện hợp tác với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tôn giáo bạn, thực hiện việc cứu tế và chữa trị cho bệnh nhân nghèo.

#### **7.2.4. Hoạt động xã hội của Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu**

Với mục đích tu hành đề tự độ, độ tha, công việc phước thiện của Minh Lý đạo luôn được quan tâm và hoạt động tích cực. Hội thánh có lập Ban Phước Xã để thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động từ thiện<sup>25</sup>.

Năm 2011, Hội thánh đã khai trương Phòng khám từ thiện tại Thánh sở Tam Tông Miếu, số 82 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Với mục đích tìm bệnh, khám bệnh, chẩn đoán và trị liệu cho nhơn sanh không phân biệt đối tượng và địa phương<sup>26</sup>. Bên cạnh đó, Phòng khám còn hỗ trợ Hội Từ thiện Chí Tâm, khám chữa bệnh cho Chi hội Người cao tuổi “Ngôi nhà hạnh phúc”, hỗ trợ Hội Từ thiện Phú Sơn, tỉnh Lâm Đồng và các chi hội khác về thuốc, dụng cụ y tế.

### **7.3. Những vấn đề cần quan tâm đối với Minh Lý đạo hiện nay phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo**

<sup>25</sup> Theo Hội thánh Minh Lý đạo Tam Tông Miếu (2018), Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ (2013-2018): Trong nhiệm kỳ (2013-2018), Hội thánh Minh Lý đạo đã tham gia và ủng hộ, quyên góp vào hoạt động từ thiện với tổng số tiền là: 2.158.128.000 đồng, để chi cho một số việc như sau: Đóng góp tiền thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận 3, TP. Hồ Chí Minh số tiền 8.726.000 triệu đồng nhằm giúp đỡ nạn nhân chất độc màu da cam; Trợ giúp Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Long An với nhiều lần đến thăm, tặng quà, tổ chức khám bệnh tại xã Lợi Bình Nhơn cho hơn 400 lượt người; Vận động môn sanh, thiện tín đóng góp 1.277.100.000 đồng nhằm cứu trợ, chia sẻ những khó khăn của đồng bào bị thiên tai, bão lụt,... tại miền Trung; Hàng năm tổ chức phát gạo, mì gói,... vào các dịp lễ Tết, Rằm tháng 7 cho đồng bào nghèo. Tổng số tiền chi cho nhiệm kỳ qua là trên 550.267.000 triệu đồng; Giúp đỡ 05 trẻ em nghèo bị bệnh tim bẩm sinh phải tiến hành mổ tim cấp cứu với số tiền là 246.950.000 triệu đồng; Tài trợ gia đình các môn sanh gặp khó khăn (bị đau ốm hay tai nạn), người già yếu neo đơn 46.385.000 đồng; Trợ cấp học phí cho con em bốn đạo học giỏi có hoàn cảnh khó khăn: 28.700.000 đồng.

<sup>26</sup> Phòng khám mở cửa hoạt động từ 14 giờ đến 16 giờ mỗi chiều từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần, với sự cộng tác của 7 vị bác sĩ, 4 dược sĩ, 7 lương y, 3 điều dưỡng và 10 thiện nguyện. Bằng nguồn tài trợ, đóng góp của các nhà hảo tâm, của tất cả môn sanh Minh Lý đạo và của tín đồ các tôn giáo bạn, tổng kết trong 2 năm hoạt động (2011-2013), Phòng khám đã chi 372.835.000 đồng để sửa chữa phòng khám và phát thuốc miễn phí cho 5.859 lượt bệnh nhân, chăm cứu bấm huyết cho 5.077 lượt bệnh nhân, đo ECG cho 103 người, độ loãng xương cho 310 người và siêu âm tổng quát cho 195 người. Ngoài ra, Phòng khám đã đến khám bệnh cho các bệnh nhân nghèo tại xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An vào tháng 4-2012 cho 257 bệnh nhân. Tháng 7-2012, được sự tài trợ của Ngân hàng HSBC, Phòng khám lại tiếp tục đến xã Lợi Bình Nhơn khám cho 602 bệnh nhân.

- Hằng năm, chức sắc, tín đồ Minh Lý đạo về cơ sở tại Chi đạo ở Bắc Nhã Tịnh đường để tu tịnh, liên quan đến nhiều chức sắc thuộc Hội thánh. Đây là hoạt động tôn giáo tại cơ sở nhưng có mối quan hệ với Hội thánh nên có đông chức sắc, tín đồ về tu tịnh nên cần tạo điều kiện cho Minh Lý đạo hoạt động tôn giáo theo quy định của Hiến chương.

- Minh Lý đạo là tôn giáo có phạm vi hoạt động ở 3 tỉnh, thành phố, số lượng tín đồ không nhiều nhưng chức sắc có trình độ học vấn cao.

- Hiện nay, Minh Lý đạo đang tham gia hoạt động liên giao hành đạo giữa các phái Cao Đài, là một hoạt động tôn giáo tiên bộ thể hiện tinh thần đoàn kết tôn giáo hiện nay.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Dương Ngọc Tân, Trần Thị Minh Thu (đồng chủ biên) (2015), *Nghiên cứu Hồi giáo và Hồi giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Đinh Văn Hạnh (1999), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam bộ (1867-1975)*, Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam (2012): *Tôn giáo Baha'i - Giới thiệu tổng quát*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Cộng đồng Hồi giáo (Islam) ở Thành phố Hồ Chí Minh và mối quan hệ với khu vực Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Khi tiếp xúc với người Hồi giáo cần lưu ý những đặc điểm gì?
2. Hãy nêu những đặc điểm cần lưu ý trong tuyên truyền về yếu tố dân tộc - tôn giáo trong cộng đồng Chăm Bà La Môn?
3. Những đặc điểm của tôn giáo Baha'i trong việc đảm bảo dân chủ, bình đẳng giới cần quan tâm trong công tác tuyên truyền?
4. Những điểm nổi bật của Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa trong các hoạt động gắn bó, đóng góp đối với đất nước cần được tuyên truyền, lan tỏa?

## Chuyên đề 9

### KHÁI QUÁT VỀ TÍN NGƯỠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÍN NGƯỠNG

##### 1.1. Một số khái niệm

###### 1.1.1. Khái niệm tín ngưỡng

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: *Tín ngưỡng* là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.

###### 1.1.2. Khái niệm liên quan đến tín ngưỡng

Theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, một số khái niệm liên quan đến tín ngưỡng được quy định như sau:

*Hoạt động tín ngưỡng* là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

*Lễ hội tín ngưỡng* là hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng.

*Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác.

*Di sản văn hóa phi vật thể* là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.

*Di sản văn hóa vật thể* là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

*Di tích lịch sử - văn hóa* là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.

##### 1.2. Một số đặc điểm của tín ngưỡng

###### 1.2.1. Tín ngưỡng xuất hiện từ xa xưa

Từ thời cổ đại, các bậc hiền triết đã cho rằng sự may mắn hay rủi ro trong đời một con người luôn gắn liền với trời - vũ trụ bao la và đất - phương vị nhân bản “Thiên - Địa - Nhân” là tổng thể tuyệt đối trong quan hệ của con người với

thế giới xung quanh. Theo sự lý giải ấy, thì “Thiên” là số mệnh, do các bậc thần linh cai quản và chi phối đời người. “Địa” là vận may, phụ thuộc vào quan hệ nhân quả trong hành vi của con người, là phong thủy, gia cư. “Nhân” là dù số mệnh thế nào chẳng nữa vẫn cần phải tôn kính thần linh và nỗ lực phấn đấu mới phát huy được những phương diện tích cực của con người để đạt được thành công. Chừng nào khoa học chưa chứng minh được một cách thuyết phục những hiện tượng huyền bí của Thiên, của Địa thì chừng đó lý thuyết về “Thiên - Địa - Nhân” vẫn là một trong những yếu tố cơ bản duy trì sự tồn tại của tín ngưỡng con người.

Tín ngưỡng của người Việt được hình thành rất sớm, nhiều loại hình tín ngưỡng có từ hàng nghìn năm, trải qua nhiều chế độ xã hội Việt Nam, có lúc thăng lúc trầm nhưng vẫn tồn tại và phát triển. Theo tín ngưỡng và tham gia hoạt động tín ngưỡng là một trong những lựa chọn ưu tiên của hầu hết các tầng lớp Nhân dân ta vì tham gia hoạt động tín ngưỡng vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh (thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc; thờ “ma” bảo hộ đời sống; thờ cúng thần thánh phù trợ bản thân và gia đình; cầu cúng cho quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt, người người khỏe mạnh, là những nhu cầu chính đáng) vừa không bị ràng buộc nặng nề, khắt khe bởi giáo lý, giáo luật, hệ thống tổ chức như hoạt động tôn giáo.

### ***1.2.2. Sự đa dạng của đối tượng thờ cúng***

Hoạt động kinh tế của người Việt cổ chủ yếu là nông nghiệp lúa nước, nên lao động, sản xuất lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, gắn bó với thiên nhiên, do đó, người Việt rất tôn trọng, sùng bái tự nhiên, dẫn đến thần thánh hóa các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp,... và thờ cúng các hiện tượng này như các vị thần để cầu mong cho mưa thuận gió hòa và mùa màng bội thu, hệ thống các *nhiên thần* được hình thành rất sớm.

Bên cạnh đó, nền kinh tế tiểu thương, kinh tế phụ gia đình như trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa, thuê thùa, đan lát,... đều do người phụ nữ đảm trách, vai trò của người phụ nữ trở nên rất quan trọng trong gia đình. Cùng với đó, trong tâm thức của người Việt, cội nguồn của ba yếu tố *Sinh - Dưỡng - Dục* đều xuất phát từ người Mẹ. Tâm lý coi trọng Mẹ, người Việt đi đến những triết lý sống thiên về Mẹ mà giới nghiên cứu văn hoá gọi đó là *Mẫu tính trong văn hoá và ý thức mẫu hệ*. Với khuynh hướng văn hóa xã hội thiên về “Mẫu tính” ấy, hệ quả tất yếu của nó là hình thành một hệ thống các tín ngưỡng thờ *Nữ thần* mà trong đó điển hình nhất là tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt.



Đối tượng thờ cúng trong hệ thống các loại hình tín ngưỡng khá phong phú, đa dạng và mang đậm nét dung hợp, hòa đồng, bình đẳng và phối thờ các loại thần linh với nhau. Ở những nơi thờ tự của tín ngưỡng như đình, đền, miếu, phủ, quán, từ đường, nhà thờ họ,... chúng ta đều thấy hiện tượng thờ phối đan xen (tuy mức độ có khác nhau) như: ở Đền Ngọc Sơn thờ cả Quan Công lẫn Đức Thánh Trần. Văn Miếu thờ Khổng Tử, nhưng còn thờ phối thêm Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử (tứ phối ở hai bên tả, hữu). Phía sau còn thờ 72 học trò của Khổng tử gọi là “thất thập nhị hiền”. Đến thế kỷ XIV, đời Trần Nghệ Tông đưa thêm Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình và Chu Văn An vào phối thờ tại Văn miếu và không ít những người đỗ đạt cao được lưu danh, công trạng trong khuôn viên thờ Khổng Tử. Hiện tượng phối thờ các loại thần linh đan xen không chỉ bao gồm các thần thánh của loại hình tín ngưỡng mà cả các đối tượng thờ cúng của các tôn giáo như Phật, Bồ tát, Chúa Kitô,...

Các đối tượng thần linh được thờ cúng trong các loại hình tín ngưỡng của người Việt có cả *phúc thần* và *hung thần*. Phúc thần là những vị thần được Nhân dân tôn thờ, đề cao bởi họ là những vị thần mang tính thiện, những anh hùng dân tộc có công dẹp giặc, giữ nước, những vị khoa bảng đỗ đạt, những danh y cứu người,... được triều đình sắc phong hoặc dân gian phong thần. Còn Hung thần là những vị thần “bất hảo” thường được diễn tả bằng hình ảnh các vị thần có bộ mặt xấu xí, hung ác, lạnh lùng, mang tính xấu hay quỷ dữ, gieo tai họa, phá hoại mùa màng, làm chuyện ác để hại người, hành nghề không thiện như ăn trộm, dâm thần, không được triều đình phong thần nhưng dân gian vẫn thờ cúng.

Các đối tượng thần linh được thờ cúng trong các loại hình tín ngưỡng của người Việt có cả *nhân thần* và *nhiên thần*, giữa nhân thần và nhiên thần có sự giao thoa, thâm nhập lẫn nhau hoặc *nhân thần hóa* và *nhiên thần hóa* diễn ra song song. Có những vị thần thiên nhiên như thần sấm, thần mây, thần mưa, bà thủy, bà hỏa, chúa sơn trang,... được *nhân thần hóa* để từ chỗ sùng bái một hiện tượng tự nhiên chung chung thành sùng bái một cá thể với một nguồn gốc, tên tuổi và lý lịch nhân thế rõ ràng. Còn các *nhân thần* thường là các nhân vật lịch sử có thật như: hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa và những người phụ nữ có công với nước; các bậc anh hùng, liệt sĩ, kể cả các danh nhân văn hoá, các vĩ nhân của thời đại, được tôn vinh và phụng thờ, và các vị *nhân thần* này đôi khi được *nhiên thần hóa* theo mô thức tạo nên một huyền thoại thần bí về sự ra đời,

lúc tuổi nhỏ của họ và khi trưởng thành, lập công trạng xong thì “hóa” và “thăng thiên”, để cho các vị thần đó trở nên linh thiêng hơn.

Tín đồ các tôn giáo hiện nay ở Việt Nam có khoảng 26 triệu người chiếm 27% dân số. Song, việc thực hành nghi thức thờ cúng và hướng đến tín ngưỡng thì có ở hầu hết người Việt Nam (trên 95% dân số) trong đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là loại hình tín ngưỡng tồn tại phổ biến và lâu bền nhất, đã trở thành một nét văn hóa chủ đạo của người Việt Nam. Nếu tôn giáo chỉ đáp ứng được nhu cầu tâm linh của một bộ phận người dân là tín đồ của tôn giáo đó thì thờ cúng tổ tiên đáp ứng nhu cầu tâm linh của đại đa số người Việt Nam. Thờ cúng tổ tiên là một giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, đã và đang có ảnh hưởng tích cực tới việc củng cố khối đoàn kết dân tộc trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

### ***1.2.3. Đề cao yếu tố nữ trong sinh hoạt tín ngưỡng***

Việc thờ nữ thần, thờ Mẫu không chỉ có ở Việt Nam mà là hiện tượng phổ biến trong tín ngưỡng của nhân loại ngay từ thời kỳ thị tộc Mẫu hệ. Có Mẫu là nhiên thần, có Mẫu là nhân thần, có Mẫu tạo dựng nên giống nòi, lại có Mẫu có công dựng nước; có Mẫu xuất hiện từ huyền thoại nhưng lại có Mẫu là con người lịch sử cụ thể. Có Mẫu xuất thân từ gia đình quyền quý, có Mẫu được tôn vinh chỉ là người bình dân nghèo khổ, Mẫu thì lo đuổi giặc giúp dân, có Mẫu lại chăm lo mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Tên gọi tục thờ Mẫu là điển hình. Cai quản miền trời là mẫu Thượng thiên, miền rừng núi là Mẫu Thương ngàn, miền sông nước là mẫu Thoải và miền đất là Mẫu Địa phủ. Mặc dù điện thần thờ Mẫu được kết cấu theo hai dòng cân đối: một bên là nam thần và một bên là nữ thần nhưng trung tâm của điện thần này bao giờ cũng là các Mẫu.

Trong khi tín ngưỡng phồn thực của nhiều dân tộc trên thế giới chỉ thờ sinh thực khí nam thì tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam còn thờ cả sinh thực khí nữ thậm chí có những nơi chỉ thờ sinh thực khí nữ không thờ sinh thực khí nam. Điều đó phản ánh tâm thức trọng âm, nữ, mẹ của người Việt trong việc nhìn nhận vai trò của người phụ nữ trong quá trình tái sản xuất ra con người. Trong tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc cũng có khá nhiều thần là phụ nữ và hết sức đa dạng và phong phú. Trước hết, đó là các vị nữ anh hùng kiệt xuất, tên tuổi, có công trạng so sánh ngang hàng với các vị nam (như Hai Bà Trưng, Bà Triệu và các nữ tướng của các bà, như nguyên phi Ý Lan,...) nhưng cũng có đối tượng thứ hai là các bà mẹ, người vợ của các vị anh hùng dân tộc,...

Như vậy, yếu tố âm, yếu tố nữ được thể hiện nhiều hình, nhiều vẻ trong hệ thống tín ngưỡng ở Việt Nam. Có khi họ là nhiên thần: là mẹ đất, mẹ rừng, mẹ biển, mẹ của sự sinh sôi nảy nở; nhưng có khi họ là những con người có thật trong lịch sử,... Song dù là nhiên thần hay nhân thần thì tất cả họ đều được Nhân dân ở mọi miền đất nước tôn kính thờ phụng. Ngày nay, đi bất cứ đâu trên đất nước Việt Nam, chúng ta cũng bắt gặp những nơi thờ các vị thần thuộc giới nữ. Ngay cả trong các chùa là nơi thờ Phật, người dân Việt Nam cũng không quên dành một gian nhỏ để thờ Mẫu. Tất cả điều này đã tạo nên một bức tranh tín ngưỡng ở Việt Nam mang đậm yếu tố nữ, đây là một đặc điểm nổi bật của tín ngưỡng ở Việt Nam, khác với rất nhiều nước trên thế giới.

#### ***1.2.4. Sự gắn bó, ảnh hưởng đối với các tôn giáo ở Việt Nam***

Tín ngưỡng và tôn giáo có mối quan hệ hữu cơ, đều là một thực thể biểu hiện niềm tin vào “đấng thiêng liêng” chung của con người. Về bản chất, tín ngưỡng “là tiền đề, là cốt lõi tinh thần của tôn giáo”. Về hình thức, tín ngưỡng chính là “niềm tin tôn giáo”, khi tín ngưỡng phát triển đến một mức độ nào đó có thể thành tôn giáo. Điểm khác ở chỗ, các tôn giáo hướng tới sự giải thoát ở thế giới bên kia, còn tín ngưỡng thì cầu đạt mong muốn đời thường cho chính cuộc sống hiện tại nơi trần thế của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tín ngưỡng ở Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến tôn giáo, nhất là đối với các tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam như Phật giáo, Hồi giáo, Công giáo,... Tín ngưỡng góp phần làm cho các tôn giáo này thay đổi để phù hợp với đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng của người Việt Nam.

### **1.3. Vai trò của tín ngưỡng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội**

#### ***1.3.1. Vai trò cổ kết cộng đồng***

Tín ngưỡng có khả năng liên kết những người cùng niềm tin. Họ có chung một niềm tin, cùng bị ràng buộc bởi quy định của tín ngưỡng đó, cùng thực hiện một số nghi thức và những điểm tương đồng khác. Sự liên kết giữa các cộng đồng cùng tín ngưỡng khá chặt chẽ và lâu bền. Chức năng này là kết quả hiện thực hoá vai trò “liên kết tinh thần” giữa những người có cùng một niềm tin nói chung, có cùng một tín ngưỡng dân gian nói riêng. Con người là một sinh vật xã hội, sự liên kết luôn là một đòi hỏi của một xã hội (kể cả ở tầm cỡ tổng quát nhất như một dân làng, một chòm xóm, một gia đình) để có được một sức mạnh cần thiết cho đời sống của cộng đồng. Chức năng liên kết của tín ngưỡng dân gian được quyết định bởi sự thống nhất giữa những người có cùng một loại đối tượng

tin. Nói cách khác, những người có cùng đức tin vào lực lượng siêu nhiên bao giờ cũng liên kết với nhau nhờ niềm tin chung vào lực lượng siêu nhiên đó. Thực tế cho thấy một khi có cùng đối tượng tin, người ta có thể liên kết với nhau đôi khi rất chặt chẽ trên nhiều phương diện ngay cả khi họ mâu thuẫn, xung đột với nhau ở nhiều địa phương khác.

Trong hoạt động tín ngưỡng, con người có những quan hệ thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng; con người được tái sinh bằng sự tái hoà nhập cộng đồng. Nhiều cung bậc tình cảm, như tình làng xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè, nhờ vào không khí hoạt động tín ngưỡng, cũng có thêm sắc thái mới. Khi cộng đồng cùng sinh hoạt tín ngưỡng, người tham gia sẽ được trải nghiệm một không gian văn hoá vừa thân quen, vừa mới mẻ. Cảm nhận đó sẽ mang lại cho người tham gia những tình cảm mới, một sự cân bằng tâm lý, giúp họ hoàn thiện hơn nữa những phẩm chất tốt đẹp của con người. Hoạt động tín ngưỡng không chỉ là dịp để con người truyền đạt tình cảm, đạo lý và khát vọng cho nhau mà còn là dịp để con người giao hoà với quá khứ và hiện tại, qua đó con người củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính của mình đối với tạo hoá và tổ tiên cội nguồn của mình.

Trong cuộc sống thường nhật, sự liên kết giữa những con người nhờ tín ngưỡng dân gian có thể có ý nghĩa tích cực tạo nên sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn to lớn mà họ gặp phải, song nó cũng có thể gây ra những hậu quả khôn lường khi tín ngưỡng đó phát triển “quá đà”, chuyển thành mê tín dị đoan.

### ***1.3.2. Vai trò an ủi tinh thần***

Con người trong thế giới đời thường luôn bị sức ép của những sức mạnh tự nhiên cũng như xã hội không tìm được lời giải thích chính xác về nguyên nhân và biện pháp khắc phục nó, phải sống trong nỗi lo sợ, bất hạnh thì có thể tìm thấy trong tín ngưỡng, tôn giáo những giải đáp làm nguôi ngoai đi những khổ đau của thế giới hiện tại và ấp ủ một hy vọng vượt qua.

Với những quan niệm về niềm tin vào đấng siêu nhiên hoặc con người đã được thần thánh hoá đó, tín ngưỡng cũng mang lại cho người tin một niềm an ủi, động viên, một sự nâng đỡ tinh thần nhất định. Trong những lúc khó khăn, bất lực của con người trước một tình huống nào đó, con người luôn khát khao, ước mơ một sự cứu rỗi, một sự trợ giúp từ một sức mạnh siêu phàm mà họ vẫn xem là có khả năng ủng hộ, giúp đỡ mình. Nhờ vậy, người ta có đủ dũng khí vượt

qua trở lực để tồn tại và phát triển. Khi đó, đối với họ, niềm tin vào lực lượng siêu nhiên đã được “kiểm chứng”, sự hiện hữu của lực lượng siêu nhiên dường như đã được khẳng định để bù đắp những khoảng trống mà thực tiễn không có chỗ để nương tựa.

### ***1.3.3. Vai trò thúc đẩy sự hướng thiện***

Tín ngưỡng đã tạo nên hệ thống những chuẩn mực giá trị đạo đức, những chuẩn mực ấy không chỉ duy trì trong quá trình thực hiện các nghi thức tôn giáo mà còn điều chỉnh cả hành vi của con người trong đời sống thường nhật khi ứng xử với con người trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Qua những điều cấm kỵ, răn dạy đã điều chỉnh hành vi của mỗi người cho hài hoà với cộng đồng.

Thông qua việc thực hiện các hoạt động tín ngưỡng, chúng ta có thể thấy ở tín ngưỡng có “nhân tố hợp lý” nhất định. Như trên đã đề cập, tuy không thành một hệ chuẩn mang tính hệ thống và tương đối hoàn chỉnh như những tôn giáo chính thống, tín ngưỡng dân gian mang trong mình một số quy ước, một số quy phạm về cách ứng xử đòi hỏi chủ thể tin vào đối tượng tin đó phải có hành động tương hợp. Những quan niệm đó biến thành động cơ chi phối hành vi của chủ thể tin theo. Chẳng hạn, khi người ta tin rằng “đất có thổ công, sông có hà bá” thì trong cuộc sống của mình, con người cần biết tôn trọng người có chức việc trong thôn, xóm, bản, làng... nói rộng ra, trong phạm vi quốc gia, phải biết tôn trọng chủ quyền dân tộc, chính quyền địa phương, luật pháp quốc gia.

Tuy quan niệm sống, cách ứng xử do tín ngưỡng dân gian đưa ra phần nhiều không mang tính phổ biến như hệ chuẩn đạo đức của tôn giáo, nhưng ít nhiều nó cũng thường mang màu sắc thần bí. Ai không tuân thủ sẽ bị đối tượng siêu nhiên trừng phạt. Lo sợ trước sự trừng phạt của thánh thần, siêu nhiên, người có tín ngưỡng hướng vào tất cả sự chân thành, tự nguyện làm việc tốt của mình nhằm hiện thực hoá những điều tốt đẹp nhất có thể cho cộng đồng, xã hội.

Bên cạnh loại đối tượng của tín ngưỡng dân gian mang trong mình đòi hỏi tính hướng thiện, chuẩn mực sống cao đẹp, có tình thương yêu con người, mang trong mình khát vọng trợ giúp con người trong những lúc nguy nan... cũng có loại thuộc đối tượng tin lực lượng siêu nhiên chuyên mang lại khổ đau, bất hạnh cho con người. Trong trường hợp đó, vai trò điều chỉnh hành vi của tín ngưỡng lại được thực hiện bởi việc rèn luyện cho mình cuộc sống, bản tính biết vượt lên tai ương, nghiệp trướng mà tồn tại. Xét trên ý nghĩa đó, ngay loại thứ hai này cũng có giá trị định hướng mang tính tích cực cho chủ thể có niềm tin.

### ***1.3.4. Vai trò nâng cao trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng***

Các tín ngưỡng bao giờ cũng có một hệ chuẩn quan niệm bất thành văn đòi hỏi người có niềm tin vào cái đó phải thực hiện. Đó là những chuẩn mực sống, ứng xử của nền đạo đức địa phương tương ứng. Những chuẩn mực của tín ngưỡng không những có giá trị giáo dục to lớn đối với người có đức tin, mà trong nhiều trường hợp, còn là những đòi hỏi, những chuẩn mực chung của toàn xã hội.

Trong không ít trường hợp, tín ngưỡng không chỉ sản sinh ra các quan niệm đạo đức, mà còn có khả năng điều hành việc thực hiện những chuẩn mực đạo đức đó. Nếu các chuẩn mực đạo đức đòi hỏi mỗi công dân tự nguyện thực hiện và dư luận xã hội đóng vai trò khuyến khích hoặc trừng phạt đối với những vi phạm, thì tín ngưỡng lại thực hiện sự trừng phạt đó mang tính thần bí. Sự vi phạm những răn dạy về đạo đức của đối tượng tin sẽ bị sự trừng phạt của thánh thần, của thượng đế tối cao, của luật đền bù nhân quả. Chẳng kém gì tâm lý sợ hãi khi bị xã hội lên án, nỗi lo sợ bị đối tượng tin trừng phạt đôi khi còn có ý nghĩa to lớn hơn nhiều. Do vậy, tín ngưỡng có vai trò không nhỏ trong việc điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, đòi hỏi ở họ phải thực hiện nghĩa vụ đạo đức. Nhờ thế, con người sống với nhau tốt hơn, cuộc sống của cộng đồng nhờ thế cũng đẹp hơn.

Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua thờ cúng tổ tiên và thờ thành hoàng - hai hình thức phổ biến của tín ngưỡng ở Việt Nam. Đối với người Việt Nam, chết chưa phải đã hết. Tổ tiên luôn luôn ở gần người sống, “thường tại” trên ban thờ của mỗi gia đình; động viên, trợ giúp con cháu trong cuộc sống thường nhật.

Thờ cúng tổ tiên là việc làm hệ trọng. Thời gian cúng giỗ không chỉ diễn ra đúng những ngày người đó trở về nơi vĩnh hằng, mà cả khi gia đình có lễ tết, việc trọng. Thông qua nghi lễ thờ cúng tổ tiên, người Việt Nam biểu hiện tình cảm biết ơn đối với tổ tiên. Trong gia đình, đạo thờ cúng tổ tiên dần dần trở thành đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, thành “đạo hiếu” cái gốc của mỗi người. Cho nên phải hiếu thảo với cha mẹ khi còn sống, thành kính, thương tiếc, biết ơn khi cha mẹ khuất núi về với tổ tiên. Lòng hiếu thảo là nét đẹp trong đạo thờ cúng tổ tiên. Tưởng nhớ tổ tiên, người Việt Nam khéo bảo nhau phải sống sao cho xứng đáng với kỳ vọng của tổ tiên “Con hơn cha là nhà có phúc”. Có cuộc sống ấm no, hạnh phúc để có thể tự hào kính báo với tổ tiên. Khi con cháu phấn đấu thành đạt thì “Vinh quy bái tổ”.

### ***1.3.5. Vai trò gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam***

Với quan niệm con người là chủ thể của lịch sử, do vậy cần phải lưu trữ, bảo tồn những giá trị của các thế hệ trước để lại. “Tính kế tục lịch sử” ở đây được hiểu theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen, cả với nghĩa giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần của khái niệm đó.

Trong các loại hình tín ngưỡng, tín ngưỡng phồn thực thuộc loại có liên quan tới quan niệm về việc bảo đảm tính kế tục lịch sử theo nghĩa đen. Đó là việc đề cao sản xuất ra chính con người, nhờ có con người mà các giá trị văn hóa được con người đời sau tiếp nối, kế thừa, bảo lưu. Tín ngưỡng thành hoàng, thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc tiêu biểu cho loại “tính kế tục lịch sử” theo nghĩa bóng. Đó là những giá trị phi vật chất để cùng các giá trị vật chất tạo ra sự kế thừa lịch sử mà chỉ trong xã hội phát triển đến mức độ nhất định mới có được.

Tín ngưỡng góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam với tư cách là một bộ phận cấu thành của văn hóa, một mặt, tạo ra sự phong phú cho văn hóa, mặt khác, góp phần lưu giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, hạn chế, ngăn chặn văn hóa ngoại lai. Tín ngưỡng là cơ sở hình thành, phát triển tôn giáo nhưng ngược lại, tín ngưỡng ở một mức độ nào đó, trong góc nhìn đề kháng của văn hóa là rào cản hạn chế sự phát triển, xâm nhập của tôn giáo vào cộng đồng dân cư.

Tựu trung lại, “tín ngưỡng của người Việt Nam chỉ nhằm cho cuộc sống hiện tại, hiện hữu nơi trần thế của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Người Việt theo tín ngưỡng không nhằm để tới và vì cuộc sống ở thế giới bên kia”<sup>27</sup> (như thiên đường hay niết bàn). Từ những vai trò chủ yếu trên của tín ngưỡng trong đời sống cộng đồng người Việt, mục đích hướng tới chính là mong ước có được sức khỏe, hạnh phúc, an vui; gia đình hòa thuận, xã hội thanh bình, con cháu đầy đàn, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, quốc thái dân an.

## **1.4. Mọi quan hệ giữa tín ngưỡng với tôn giáo và ảnh hưởng của tín ngưỡng đối với tôn giáo**

### ***1.4.1. Mọi quan hệ giữa tín ngưỡng với tôn giáo***

Tín ngưỡng dùng để chỉ những hiện tượng, những hành vi cúng tế trong dân gian, sùng bái nhiều thần linh; không có giáo chủ và hệ thống giáo lý, giáo luật như tôn giáo mà chỉ có các huyền thoại, thần tích, truyền thuyết mang đậm tính dân gian; nơi thờ cúng và nghi lễ còn phân tán và chưa thành quy ước chặt

<sup>27</sup> Nguyễn Minh San (1998), Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam, NXB Văn hóa Dân tộc, tr.14

chẽ. Hoạt động tín ngưỡng gắn với cá nhân và cộng đồng làng xã, ít có sự liên kết vùng, miền và người đi theo không bị ràng buộc về tổ chức. Tôn giáo có hệ thống giáo lý, giáo luật, tổ chức giáo hội, hệ thống giáo chức khá chặt chẽ. Tín ngưỡng hoà nhập giữa thế giới thần linh và con người, cầu đạt những mong muốn đời thường cho chính cuộc sống hiện tại nơi trần thế của cá nhân, gia đình và cộng đồng, trong khi phần lớn tôn giáo xuất hiện hình thức “cứu thế”, hướng tới sự giải thoát của con người sau khi đã qua đời,...

Tín ngưỡng và tôn giáo có mối quan hệ hữu cơ, đều là vấn đề tâm linh. Về hình thức, tín ngưỡng có cơ sở thờ tự, có các quy tắc thực hiện lễ nghi, một số loại hình tín ngưỡng có đội ngũ người chuyên hoạt động tín ngưỡng. Tín ngưỡng ở Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến tôn giáo, qua hội nhập tín ngưỡng, các tôn giáo hội nhập văn hóa của người Việt Nam tạo nên những đặc điểm riêng của tôn giáo Việt Nam. Đồng thời, tín ngưỡng là một trong những rào cản hạn chế sự phát triển, xâm nhập của văn hóa, tôn giáo không phù hợp với truyền thống văn hóa của cộng đồng dân cư.

#### ***1.4.2. Ảnh hưởng của tín ngưỡng đối với tôn giáo***

Các tôn giáo khi du nhập vào Việt Nam đều chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng bản địa và có tiếp thu biến đổi cho phù hợp. Biểu hiện trên diện thờ của một số tôn giáo có sự hiện diện của một số vị thần, thánh, tiên, Phật,... của tín ngưỡng, tôn giáo bản địa. Biểu hiện rõ nét nhất là ảnh hưởng của tín ngưỡng đối với Phật giáo Việt Nam, thể hiện trong kiến trúc “Tiền Phật hậu thánh”, “Tiền Phật hậu Mẫu” của các ngôi chùa Phật giáo ở miền Bắc. Đối với Công giáo, khi mới vào Việt Nam, giáo hội Công giáo đã yêu cầu người theo đạo bỏ việc thờ cúng tổ tiên, nhưng thấy không phù hợp với văn hóa người Việt, giáo hội Công giáo đã chấp nhận cho tín đồ không những được thờ cúng tổ tiên mà còn lập bàn thờ gia tiên (thấp hơn bàn thờ Chúa). Đối với đạo Tin lành, để tồn tại, đạo Tin lành phải tìm cách thích ứng môi trường mới. Tin lành Báp-tít Nam Phương là một ví dụ điển hình cho việc hình thành những hệ phái Tin lành gắn riêng cho từng khu vực, dân tộc như đạo Tin lành của người Mông, người S'tiêng ở Việt Nam. Đối với Hồi giáo, Hồi giáo được truyền vào người Chăm ở Việt Nam theo con đường "hoà bình" nên tính cách Hồi giáo bị biến đổi, chịu sự chi phối bởi bản sắc truyền thống văn hoá lâu đời của Bàlamôn giáo và hệ thống tín ngưỡng bản địa với chế độ mẫu hệ. Bàlamôn giáo du nhập vào người Chăm cũng bị bản địa hoá rõ nét. Giáo lý, giáo luật Chăm Bàlamôn không có hệ thống rõ ràng,



không còn giữ được nguyên vẹn những quy định của đạo Bàlamôn nguyên thủy mà bị bản địa hóa và hoà quyện vào phong tục, tập quán của người Chăm. Bàlamôn giáo là một tôn giáo đề cao phụ quyền, khi du nhập vào xã hội mẫu hệ của người Chăm đã bị “Chăm hóa” với nhiều biến đổi. Các nghi lễ từ cưới hỏi, tang ma cũng như các nghi thức cúng bái đều mang tính bản địa của xã hội Chăm từ xa xưa.

Có thể thấy rằng, tín ngưỡng ở Việt Nam có ảnh hưởng mạnh đối với tôn giáo. Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hòa đồng, đan xen lẫn nhau là cơ sở để các tôn giáo hội nhập, giao lưu, đoàn kết tránh xung đột tín ngưỡng, tôn giáo, cùng nhau phát triển hài hòa vì mục tiêu phụng sự đạo, phụng sự Nhân dân, xây dựng đất nước; vừa duy trì nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng nhu cầu “dung hòa” đời sống tâm linh của người Việt.

## **2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Hoạt động của các loại hình tín ngưỡng**

#### **2.1.1. Hoạt động tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên**

Trước Đổi mới, thờ cúng tổ tiên chủ yếu tập trung theo gia đình, dòng họ (huyền thống gần) trong phạm vi làng xã, dòng họ xa không được đề cao. Phần lớn nhà thờ họ, phần mộ của các gia đình đơn giản, quy mô nhỏ, trừ số ít những gia đình có điều kiện kinh tế. Từ Đổi mới đến nay, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trở nên sôi động, ngày càng được chú trọng hơn như: các hoạt động cúng lễ được tổ chức trang trọng, quy mô lớn hơn; việc gìn giữ và xây dựng nhà thờ, phần mộ của dòng tộc được đầu tư theo hướng khang trang, to đẹp hơn; sự liên kết trong mỗi dòng họ ngày càng chặt chẽ, phạm vi càng mở rộng với sự ra đời của nhiều “Ban liên lạc”, “Ban chấp hành” dòng họ trong phạm vi vùng, miền, thậm chí cả nước cùng với nhiều hoạt động không chỉ thuần túy thờ cúng tổ tiên dòng họ mà còn có các hoạt động giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau,...

Đối với hoạt động thờ Vua Hùng, hiện nay, trên cả nước và ở nước ngoài đã xây dựng trên 1.400 di tích thờ cúng các vua Hùng và vợ con, tướng lĩnh thời Hùng Vương<sup>28</sup>, khẳng định tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một di sản văn hoá độc đáo, trường tồn cùng lịch sử dân tộc. Năm 2012, tín ngưỡng thờ Vua Hùng đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Khu di tích lịch sử Đền Hùng và nhiều di tích thờ cúng Hùng Vương tiếp tục được tăng cường đầu tư tôn tạo. Một số nội dung về thực hành tín

<sup>28</sup> Theo Hồ sơ di sản, tư liệu của Cục Di sản - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

ngưỡng cũng đã được nghiên cứu theo hướng khôi phục các giá trị nguyên bản, tăng cường nguồn lực tu bổ, xây dựng bổ sung thiết chế văn hoá tại Di tích lịch sử Đền Hùng nhằm phục vụ tốt hơn việc thực hành tín ngưỡng. Di tích lịch sử Đền Hùng (Phú Thọ) là di tích lịch sử đặc biệt của quốc gia do vậy mô hình tổ chức cũng như cách thức tổ chức hoạt động tín ngưỡng tại di tích được coi là hình mẫu. Khu di tích lịch sử Đền Hùng là đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, có nhiệm vụ phối hợp với các cấp, các ngành liên quan quản lý, bảo vệ các di sản văn hóa, các hoạt động văn hóa, lễ hội,... tại di tích. Hằng năm, Khu di tích lịch sử Đền Hùng tổ chức tuyển chọn, quyết định công nhận và phân công ông từ trông coi và hướng dẫn thực hành tín ngưỡng tại các đền thuộc Khu di tích. Bên cạnh việc tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng với quy mô cấp Nhà nước, cấp tỉnh đối với những năm chẵn, năm tròn, những năm gần đây, người dân được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động giỗ Tổ với nghi thức trang nghiêm, thành kính, mang đậm nét dân gian truyền thống.

Do vậy, thờ cúng Hùng Vương nói riêng, thờ cúng tổ tiên nói chung là một giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, đã và đang có ảnh hưởng tích cực tới việc củng cố khối đoàn kết dân tộc trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, cần được tiếp tục giữ gìn và phát huy.

*Tuy nhiên, hoạt động thờ cúng tổ tiên có một số vấn đề đáng chú ý:*

Trong thờ cúng tổ tiên theo truyền thống này thời gian gần đây xuất hiện một số hiện tượng như huy động của cải vật chất lớn để xây dựng phần mộ dòng họ, tổ chức lễ giỗ lớn, đôi khi lợi dụng vì lợi ích cá nhân, hoạt động mê tín dị đoan. Xu thế ganh đua một cách thái quá trong việc xây dựng nhà thờ, phần mộ của dòng tộc, gia đình, với tâm lý nhà thờ, phần mộ nhà mình, họ mình phải hơn nhà khác, họ khác. Nhiều gia đình đã lâm vào tình trạng kinh tế khó khăn, anh em bất đồng với những khoản đóng góp không nhỏ cho việc xây dựng như vậy. Những mặt tiêu cực này cần vận động giáo dục thuyết phục Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh.

Hoạt động thờ cúng tổ tiên vượt ra khỏi truyền thống dân tộc có xu hướng liên kết dòng họ trong phạm vi huyện, tỉnh, toàn quốc, mối quan hệ khá phức tạp cùng họ nhưng chưa chắc cùng huyết thống hoặc quá xa so với quan niệm cũ (5 đời), không phân biệt được thứ bậc, bầu lên thành tổ chức (tuy lỏng lẻo) cấp toàn quốc, cấp tỉnh, cấp huyện,... có kinh phí hoạt động (chủ yếu do tài trợ). Nội dung hoạt động không thuần túy thờ cúng tổ tiên mà mở rộng nhiều loại hình

như khuyến học, giúp nhau làm kinh tế. Nghi thức thờ cúng khá rườm rà, ngày một bài bản hình thành các nhà thờ dòng họ chung cho toàn quốc hoặc khu vực, đầu tư xây dựng lớn, định kỳ hằng năm tổ chức các sinh hoạt chung. Đã có một số người đề nghị công nhận thờ cúng tổ tiên của họ là tổ chức tôn giáo. Ngoài ra, các dòng họ từ phạm vi hẹp đến rộng thường có xu hướng bảo vệ quyền lợi cho thành viên dòng họ mình, thậm chí có tư tưởng cục bộ hẹp hòi, hình thành các nhóm lợi ích nên dễ dẫn đến những xung đột giữa dòng họ này với dòng họ khác, ảnh hưởng đến truyền thống đoàn kết dân tộc.

Hiện nay, có rất nhiều di tích lịch sử liên quan đến thờ cúng Vua Hùng, các địa phương đều mong muốn mở rộng các hoạt động liên quan đến thờ cúng Vua Hùng ở địa phương mình làm cho thờ cúng Vua Hùng bị phân tán, thậm chí bị lợi dụng phô trương (các kỷ lục bánh dày, bánh chưng,...) cần phải quản lý, đặc biệt xác định rõ quy mô hoạt động, nội dung hoạt động của các cơ sở liên quan đến thờ cúng Vua Hùng.

### **2.1.2. Hoạt động tín ngưỡng thờ thần, thánh**

Hoạt động thờ thần, thánh của người Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Tuy cùng một loại là thờ thần, nhưng không có một thần chủ chung, giáo đường chung, giáo lý và nghi lễ chung như nhiều tôn giáo, mà mỗi anh hùng dân tộc được tôn thờ trở thành một vị thần thánh cao nhất và duy nhất, được thờ phụng ở các đền, miếu khắp mọi nơi, không có đội ngũ đệ tử riêng, mà người dân Việt Nam nào cũng có thể đến thờ cúng các vị thần, thánh đó ở đền, miếu,... để tỏ lòng ngưỡng vọng và cầu xin sự che chở.

Theo quan niệm của đồng bào thiểu số, con người không được khoẻ mạnh, gặp rủi ro, bệnh tật đều quy về nguyên nhân là do con ma nào đó làm hại, phải làm lễ cúng trừ khử ma tà, cứu sinh mạng con người. Từ đó, xuất hiện các thuật phù phép của Phù thủy, thầy Tào, với các tầng lớp thầy cúng: *Then, Mo, Tào, Pụt* ở vùng núi Đông Bắc, *Mo, Mốt, Mỡi* ở Tây Bắc,... Trong các tục cúng ma của đồng bào thiểu số có nhiều nghi lễ rườm rà, hủ tục, lạc hậu cần loại bỏ, song trong tục cúng ma có những điệu hát mang đậm nét văn hóa cổ truyền cần được lưu giữ.

Trong các hoạt động tín ngưỡng thờ thần, thánh hiện nay nổi lên là hoạt động thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Hiện nay, cả nước có khoảng hơn 7.000 đền, phủ, miếu, đình, điện, chùa thờ Mẫu, với hàng vạn người tin theo. Hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu với hình thức hát văn và hầu đồng hiện nay có biến đổi theo

chiều hướng bớt dần những yếu tố mang tính ma thuật, đi vào những khía cạnh văn hóa, như hành hương du lịch, thưởng thức các khía cạnh văn hóa trong Hát văn và hầu bóng nhằm nâng cao ý thức cho cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ các giá trị nhân văn trong thờ Mẫu. Nhiều cuộc liên hoan văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu được tổ chức nhằm định hướng, điều chỉnh nghi lễ hầu đồng như đồ mã, lễ phục, âm nhạc và lời hát văn,... theo hướng bám sát những nghi lễ vốn có nhưng vẫn tôn trọng tính độc đáo địa phương và tính sáng tạo cá nhân. Nhiều hình thức tập hợp các thanh đồng, cung văn thờ Mẫu được ra đời dưới dạng các câu lạc bộ với mục đích tự quản, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hạn chế những tiêu cực trong thờ tự và hoạt động tín ngưỡng. Từ một tín ngưỡng thờ Mẫu và hầu đồng bị cấm, bị coi là mê tín dị đoan, đến nay đã được xã hội và các cơ quan nhà nước công nhận. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã công nhận nghi lễ châu văn của người Việt là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trình hồ sơ tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của người Việt đề nghị UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, hoạt động thờ Mẫu nảy sinh nhiều bất cập, hạn chế như: hầu đồng, hát châu văn ở một số nơi đã đưa ra ngoài không gian tâm linh như đền, phủ, tình trạng sân khấu hóa hầu đồng diễn ra mạnh mẽ, ở cả quán café, vỉa hè,... Nhiều nghi lễ bị biến dạng, lợi dụng tạo nên những nhận thức méo mó về tín ngưỡng này trong các thanh đồng, thủ nhang. Xu hướng lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi còn tồn tại ở nhiều nơi, nhiều đơn vị, cá nhân không có chức năng cũng đứng ra tổ chức các hình thức biểu diễn hầu đồng để thu tiền. Nhiều người tự xây đền, phủ gia đình với quy mô lớn, hoạt động trục lợi cá nhân gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nhiều vấn đề cần quy định thống nhất như: xây dựng tôn tạo đền phủ, bài trí, đốt vàng mã, trang phục, vũ đạo, phán truyền, hát văn,...nhưng vẫn chưa có quy định cụ thể, chưa giao trách nhiệm trực tiếp cho ngành nào quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Chính sự phân tán, tản mạn, thiếu sự quản lý nhà nước đối với thờ Mẫu trong thời gian vừa qua đã tạo nên bộ mặt xô bồ, thậm chí là hỗn loạn trong sinh hoạt tín ngưỡng, tạo điều kiện cho các hoạt động đi ngược lại các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp vốn có của tín ngưỡng thờ Mẫu, gây mất trật tự công cộng.

### ***2.1.3. Hoạt động của các tín ngưỡng khác***

- *Về tín ngưỡng vòng đời người*: Vòng đời người có ba giai đoạn quan trọng là: sinh đẻ, hôn nhân và tang ma, do vậy, việc thực hành tín ngưỡng gắn với ba giai đoạn này được nhiều người Việt Nam chú trọng. Ở nhiều gia đình hiện nay khi sinh con ra vào giờ “không hợp mệnh”, “không được sao tốt” thì cha mẹ, gia đình tiến hành hàng loạt các nghi lễ thờ cúng để mong sao có một thể lực siêu nhiên (thần bản mệnh) che chở cho con của mình. Hơn thế nữa, khi khoa học và đời sống xã hội phát triển đã có thể chọn năm sinh, ngày sinh, giờ sinh để mong cho con sinh ra hợp bố, hợp mẹ và được may mắn.

Trước đây, với quan niệm “trong đời chỉ cưới một lần”, do vậy đám cưới thường được tổ chức linh đình, tốn kém. Đặc biệt, nhiều gia đình còn coi việc cưới là cơ hội thể hiện “đẳng cấp” nên đã tổ chức phô trương, xa hoa, lãng phí, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Tại nhiều địa bàn nông thôn, việc cưới còn chịu cảnh “đắt lẽ quê thói” hay “trả nợ miệng”, dẫn đến khủng hoảng kinh tế gia đình sau khi tổ chức đám cưới. Nguyên nhân cốt yếu là do phong tục, tập quán lạc hậu và tác động mặt trái của kinh tế thị trường ảnh hưởng đến tâm lý người dân.

Ma chay là hệ thống các nghi lễ tín ngưỡng liên quan tới người chết, là một tín ngưỡng thuộc loại sớm nhất của con người. Hiện nay, tình trạng tổ chức tang lễ rườm rà, kéo dài nhiều ngày, ăn uống tràn lan cùng các hủ tục trong tang lễ như khóc mướn, chơi cờ bạc,... vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi. Đa số các gia đình có người qua đời đều mời thầy cúng với mong muốn linh hồn người chết được siêu thoát với những nghi lễ rườm rà, gây tốn kém rất nhiều về công sức, tiền của. Hiện tượng sử dụng nhiều vòng hoa viếng gây lãng phí, mở nhạc buồn lớn, làm cản trở giao thông, rải tiền thật, tiền giả trên đường làm ô nhiễm môi trường.

- *Về tín ngưỡng nghề nghiệp*: Tổ nghề còn gọi là Tổ sư, Thánh sư, Nghề sư là người phát minh, sáng lập, gây dựng nên một nghề hoặc là người đầu tiên đem nghề ở nơi khác truyền lại cho dân chúng trong làng hay miền nào đó, được người đời sau tôn thờ như bậc thánh. Việc thờ Tổ nghề thể hiện lòng tri ân sâu sắc với bậc tiền nhân, tương đồng với truyền thống tôn sư trọng đạo vì Tổ nghề chính là người đem lại đời sống no ấm cho dân chúng. Lễ cúng Tổ nghề quan trọng nhất là nhằm vào ngày giỗ của vị Tổ. Khi thờ phụng Tổ nghề, người ta cầu mong được phù hộ cho công việc được thuận buồm xuôi gió, buôn may bán đắt hoặc lúc đi xa tránh được mọi sự rủi ro. Tín ngưỡng thờ tổ nghề được coi là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, thể hiện sự biết ơn những vị sáng lập, mở mang tri thức ngành nghề cho nhân dân, nuôi dưỡng đạo lý "uống nước

nhớ nguồn", giáo dục tinh thần yêu lao động, phát triển kinh tế của mỗi cá nhân, cộng đồng. Những năm qua, Việt Nam đã có những chính sách tôn vinh nghệ nhân như tặng danh hiệu nghệ nhân cho các nghề, nổi bật là chương trình truyền thông mang tên "Hành trình tìm kiếm tổ nghề Việt Nam" nhằm tôn vinh các ngành nghề và tưởng nhớ, tri ân các vị Tổ nghề, người có công sáng lập và truyền bá một nghề truyền thống của Việt Nam và thế giới.

Đối với người dân miền biển, tục thờ cá Ông (cá Voi) là một tín ngưỡng lâu đời và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của ngư dân. Lễ hội cá Ông là lễ hội lớn nhất của ngư dân miền biển để bày tỏ khát vọng được bình yên trong cuộc sống của ngư dân luôn phải đối mặt với nhiều bất trắc khi lênh đênh trên biển cả. Bởi cá Voi thường cứu giúp những ngư dân mỗi khi gặp nạn trên biển, là biểu tượng an lành của ngư dân vùng biển.

## **2.2. Hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo**

Trước thời kỳ Đổi mới, nhiều loại hình tín ngưỡng bị xếp vào loại “mê tín dị đoan”, các hoạt động bị hạn chế, nhiều cơ sở tín ngưỡng bị phá hủy, số còn lại không được trông coi bảo quản, ảnh hưởng của thiên tai nên xuống cấp, nhiều di sản văn hóa cả vật thể và phi vật thể của các dân tộc bị phá hủy; đội ngũ người chuyên hoạt động tín ngưỡng bị mai một. Vì hoạt động không công khai nên bộ mặt của tín ngưỡng cũng bị biến dạng, dễ bị kẻ xấu lợi dụng. Từ sau Đổi mới đến nay, đời sống tín ngưỡng đã được hồi phục một cách mạnh mẽ. Cùng với đó, các công trình kiến trúc như đình, đền, miếu, phủ,... được giao lại cho cộng đồng, được trùng tu tôn tạo. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến tháng 8/2021 trên cả nước có trên 50.000 cơ sở tín ngưỡng. Trong đó, khoảng trên 35.000 cơ sở có mô hình tổ chức là các Ban quản lý, Ban Tế tự hoặc cso người đại diện, còn gần 15.000 cơ sở chưa có người đại diện, ban quản lý hoặc bỏ hoang.

### ***2.2.1. Hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa***

Hiện nay, các cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa theo các cấp độ: di tích quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận; di tích quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký quyết định công nhận; di tích cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ký quyết định công nhận. Tính đến tháng 8/2021, cả nước có trên 14.000 cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa hoặc được đưa vào danh mục kiểm kê

di tích. Trong đó, có hơn 2.900 di tích hoặc thành phần hợp thành cụm di tích là các cơ sở gắn với tôn giáo, tín ngưỡng được xếp hạng di tích cấp quốc gia<sup>29</sup>.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, tôn tạo trùng tu các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử, văn hóa đã nhận được sự đồng thuận của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân và có xu hướng phục hồi mạnh. Phong trào xã hội hóa các hoạt động tu bổ, tôn tạo các cơ sở tín ngưỡng là di tích đã được các tầng lớp trong xã hội tham gia hưởng ứng, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị của di tích, bảo vệ di tích không bị xâm hại do hoạt động kinh tế, khai thác tài nguyên gây ra, đồng thời đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng cư dân địa phương.

Hiện nay, hầu hết các cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa đều có người trông coi thường xuyên là các vị thủ từ, các chức sắc, nhà tu hành trụ trì, đại diện các tổ chức đoàn thể. Bộ máy tổ chức tại các di tích này là Ban quản lý di tích, nhất là tại các cơ sở tín ngưỡng là di tích quốc gia đặc biệt, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích khá chặt chẽ. Thành viên các Ban quản lý di tích nhìn chung có tư tưởng chính trị, trình độ học vấn và sự am hiểu về tín ngưỡng nhất định, được tham gia các lớp bồi dưỡng, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Mặc dù vậy, đến nay, chưa có quy định nào của cơ quan chức năng về mô hình tổ chức Ban quản lý di tích. Đối với các Ban quản lý di tích trực thuộc từ Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã trở lên, thành viên của Ban được hưởng chế độ lương như viên chức nhà nước. Đối với các Ban quản lý di tích ở cơ sở, thành phần đa dạng hơn nhiều. Thông thường, với các Ban này, Trưởng Ban là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn), các thành viên của Ban gồm cán bộ phụ trách văn hóa xã (phường, thị trấn), cùng đại diện của thôn, làng có di tích (thường là trưởng thôn), đại diện của các tổ chức, đoàn thể ở địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội người cao tuổi,...) và đại diện của cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng gắn với di tích đó (các vị chức sắc Phật giáo, thủ từ, thủ nhang,...).

Trên thực tế, việc trực tiếp quản lý và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa hết sức đa dạng và phức tạp. Về cơ bản, việc trực tiếp bảo vệ, chăm sóc, duy trì các sinh hoạt tín ngưỡng thường nhật tại di tích đều do thành viên của Ban quản lý di tích là người đại diện của cộng đồng tín ngưỡng gắn với di tích đó cùng với một số con nhang, đệ tử,... Các thành viên khác của Ban thường chỉ phải tổ chức các sinh hoạt tín

---

<sup>29</sup>Báo cáo của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

ngưỡng lớn tại di tích và giải quyết các sự việc phát sinh liên quan đến an ninh, trật tự, tu bổ di tích do những người trực tiếp trông nom di tích đề nghị.

Về quản lý và sử dụng các nguồn thu tại di tích: nguồn thu tại các di tích thường bao gồm: nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (qua Chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp di tích); nguồn thu từ công đức, tài trợ cho di tích của các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu khác. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các nguồn thu từ công đức, tài trợ cho di tích của các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu khác: Có di tích việc quản lý và sử dụng nguồn thu này do Ban quản lý di tích thực hiện hoàn toàn, bằng những quy định chặt chẽ, thống nhất, minh bạch; có di tích thì giữa Ban quản lý di tích và vị chức sắc, nhà tu hành, trụ trì việc sinh hoạt tín ngưỡng tại di tích có sự thỏa thuận phân chia việc quản lý và sử dụng các nguồn thu.

*Những hạn chế, bất cập:*

Việc phát triển các cơ sở thờ tự một cách nhanh chóng bên cạnh lợi ích đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của người dân còn gây nhiều khó khăn phức tạp trong việc quản lý hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở này: Đã xuất hiện việc xây mới, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng khuôn viên không tuân thủ theo quy hoạch, không xin phép cơ quan quản lý. Ở một số nơi, đã tự đặt ra luật lệ quyên góp tiền với các mức độ khác nhau, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Việc cung tiến công đức cho tu bổ di tích và tổ chức lễ hội ngày một tăng nhưng tình trạng xâm hại di tích, tùy tiện tu sửa, tôn tạo không xin phép cơ quan quản lý đã làm phá vỡ yếu tố nguyên gốc của di tích hiện đang còn tồn tại.

Về tổ chức, hầu như chưa có di tích nào có Ban quản lý hoạt động tín ngưỡng. Mạng lưới các Ban quản lý di tích ở các địa phương hết sức đa dạng, chưa có sự thống nhất, tổ chức hoạt động hiệu quả chưa cao.

Do nguồn tiền công đức, tiền giọt dầu, phí thu từ di tích, lễ hội của các địa phương do nhiều chủ thể cùng tham gia quản lý, dẫn tới việc khi sử dụng chính những nguồn thu này phục vụ lại cho di tích theo Luật Di sản văn hóa còn gặp khó khăn,... Những vụ việc phức tạp, thậm chí là sự tranh chấp giữa Ban quản lý di tích và người trụ trì việc sinh hoạt tín ngưỡng thường nảy sinh từ việc quản lý và sử dụng nguồn thu, do đó cần được quản lý bằng những quy định cụ thể.

**2.2.2. Hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng chưa được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa**

Hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng chưa được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa diễn ra thường ở quy mô nhỏ hơn các di tích với sự



tham gia của cộng đồng địa phương sở tại là chính. Nhưng số lượng các cơ sở này chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng số cơ sở tín ngưỡng trên cả nước hiện nay. Các cơ sở tín ngưỡng như đình, đền, miếu, phủ,... chưa có Ban quản lý thường có người đại diện do cộng đồng cư dân cử ra. Việc bầu, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng và đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật. Mặc dù vậy, trong thời gian gần đây, hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở chưa được công nhận là di tích phát sinh nhiều hạn chế, cụ thể là:

Hiện tượng phục dựng lại nhiều sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội với những truyền thuyết dân gian được truyền miệng hoặc qua những giấy tờ chưa có căn cứ để xác thực, dẫn đến tình trạng lạm dụng hoạt động tín ngưỡng và phát sinh thêm các vấn đề xã hội xung quanh như hoạt động “buôn thần bán thánh”, lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi cá nhân; lập nhiều ban thờ, đặt nhiều hòm công đức tràn lan và đĩa để tiền giọt dầu để thu hút tiền của du khách.

Tình trạng kinh doanh và đốt nhiều đồ mã không chỉ ảnh hưởng xấu đến môi trường cảnh quan mà còn ảnh hưởng đến tâm lý của du khách. Khuôn viên nhiều công trình tín ngưỡng bị lấn át bởi các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tín ngưỡng làm biến dạng cảnh quan môi trường, kéo theo nhiều tệ nạn như trộm cắp, ăn xin, cờ bạc trá hình,...

Nhiều cơ sở tín ngưỡng chưa được xếp hạng di tích không được trùng tu, sửa chữa trở thành phế tích hoặc người dân tự xây dựng một cách tự phát, chưa có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, dẫn đến tình trạng xâm hại đến các công trình tín ngưỡng, tranh chấp, khiếu kiện,...

Nhiều cơ sở tín ngưỡng được dựng lên, tổ chức nhiều hoạt động tín ngưỡng để huy động “tấm lòng” của người dân,... dẫn đến xung đột lợi ích giữa cộng đồng với người đại diện cơ sở tín ngưỡng. Ở một số nơi, niềm tin của cộng đồng dân cư bị sụt giảm dẫn đến hiện tượng người dân địa phương ít tham gia thờ cúng ở cơ sở tín ngưỡng tại cộng đồng dân cư đó, mà đa số là những người dân từ các địa phương khác đến.

Những cơ sở tín ngưỡng chưa có Ban quản lý gặp nhiều khó khăn trong việc điều hành, thường xảy ra mâu thuẫn nội bộ vì chưa có sự đồng thuận cao trong thực hành nghi lễ tín ngưỡng hay trong việc quản lý tài sản, tài chính.

Người phụ trách các cơ sở tín ngưỡng này chủ yếu là những người chủ trì các hoạt động tín ngưỡng nhưng đại đa số chưa qua khóa đào tạo chuyên hoạt động tín ngưỡng mà họ chỉ thực hành nghi lễ tín ngưỡng qua việc truyền kinh

nghiệm, dẫn đến việc thực hành nghi lễ tín ngưỡng của một loại hình tín ngưỡng ở nhiều nơi có sự khác nhau. Có những nghi lễ tín ngưỡng không tuân theo nghi lễ truyền thống,... làm mất đi các giá trị của di sản truyền thống của dân tộc.

### **2.2.3. Hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tôn giáo**

Thực tế hiện nay cho thấy có khoảng 80% chùa Phật giáo ở miền Bắc có gian thờ Mẫu, nhưng ở miền Nam con số này chỉ khoảng 5% và chỉ có ở chùa Phật giáo Bắc Tông. Người Việt đưa các vị Thần, Thánh, Mẫu, Thành hoàng, Thổ địa, đưa các anh hùng liệt sĩ,... vào thờ trong chùa, đa số các chùa còn có bát hương cho linh hồn người đã qua đời,... Nhiều người vừa thờ cúng tổ tiên, vừa lễ chùa cầu Phật, vừa thực hành giáo luật của tôn giáo nhưng vẫn tham gia cúng sao giải hạn, làm lễ cầu an, thậm chí tham gia các hoạt động bói toán, hầu đồng.

Đối với Công giáo, tín đồ vừa thực hành lễ nghi Công giáo vừa thực hành các phong tục tập quán bản địa nhất là trong các dịp lễ như tang ma, lễ hội nhà mồ. Nhiều gia đình có người chết thì phải mời linh mục đến làm lễ "phép xác", nhưng sau đó lại mời thầy mo và tiến hành tang lễ theo phong tục truyền thống. Với việc đưa các yếu tố tín ngưỡng truyền thống của người Việt vào sinh hoạt tôn giáo, người dân khi theo Công giáo nhưng không cảm thấy lạ lẫm, xa lạ đối với đời sống và phong tục tập quán của mình.

Bên cạnh việc thực hiện các lễ nghi của Hồi giáo chính thống, người Chăm Hồi giáo còn thực hiện khá đầy đủ những tập tục, tín ngưỡng của dân tộc mình, đặc biệt là cộng đồng Hồi giáo Chăm Bani. Trong tâm thức tôn giáo của người Chăm Bani đã có những thay đổi khá căn bản: tín đồ không thực hiện 5 cốt đạo của Hồi giáo; thánh đường (chùa) của người Bà-ni chỉ mở cửa vào tháng chay Ramadan mà họ gọi là tháng Ramurwan để chức sắc đến chùa thực hành nhịn chay, không đi hành hương viếng thánh địa Méc-ca; không tổ chức những ngày lễ trọng như Hồi giáo chính thống mà thay vào đó là những lễ hội mang đậm nét truyền thống văn hoá Chăm,... Ngay cả đối với người Chăm Islam, các sinh hoạt tôn giáo cũng ảnh hưởng bởi tín ngưỡng Chăm như tục tảo mộ, tục đưa rế trong đám cưới,...

### **2.3. Hoạt động lễ hội tín ngưỡng**

Hiện nay, trên cả nước có 7.966 lễ hội<sup>30</sup>, được chia thành 4 loại: Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề, lễ hội có nguồn gốc từ nước

<sup>30</sup> Thống kê năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

ngoài. Dựa vào đặc điểm, tính chất của các loại lễ hội cho thấy chủ yếu các lễ hội ở nước ta hiện nay là lễ hội tín ngưỡng (chiếm khoảng 90% tổng số lễ hội).

### **2.3.1. Những mặt tích cực**

Thời gian qua, lễ hội tín ngưỡng đã có nhiều chuyển biến theo xu hướng ngày càng tiến bộ: vừa giữ gìn phát triển những nét đẹp văn hoá truyền thống, vừa kết hợp nhuần nhuyễn những yếu tố hiện đại, phát huy được tác dụng tích cực của lễ hội, nêu cao ý nghĩa giáo dục truyền thống, lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, tăng cường và góp phần làm phong phú, lành mạnh hơn đời sống văn hoá tinh thần của Nhân dân.

Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Những lễ hội tín ngưỡng được tổ chức lần đầu hoặc được khôi phục lại sau thời gian gián đoạn hoặc được tổ chức định kỳ nhưng thay đổi về nội dung, thời gian, địa điểm so với trước đều được đăng ký và được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi diễn ra lễ hội.

Việc thực hiện nếp sống văn minh tại một số cơ sở tín ngưỡng và lễ hội lớn như Đền Hùng, Chùa Hương, Yên Tử,... đã có chuyển biến tích cực, việc đốt đồ mã khi hành lễ đã giảm, đặt tiền giọt dầu đúng theo quy định của Ban quản lý; tình hình trật tự, vệ sinh môi trường có chuyển biến tốt hơn; nhận thức của nhân dân khi tham gia lễ hội dần được nâng cao.

Nhận thức của xã hội về ý nghĩa, giá trị của lễ hội được nâng cao thêm một bước. Ý thức bảo tồn và phát huy giá trị tốt đẹp của lễ hội tín ngưỡng được Nhà nước và cộng đồng quan tâm. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lễ hội tín ngưỡng đã được bảo tồn, phát huy giá trị. Một số lễ hội đã tạo được thương hiệu, quảng bá di sản văn hóa Việt Nam, thu hút nhiều khách du lịch, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội và gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam.

Lễ hội tín ngưỡng là một trong những nét sinh hoạt văn hóa được duy trì từ hàng ngàn năm nhằm tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Lễ hội tín ngưỡng tạo môi trường quảng bá giá trị văn hóa, quảng bá hình ảnh của Việt Nam với thế giới, là cầu nối để Việt Nam hội nhập quốc tế về văn hóa, kinh tế,... Do đó, duy trì lễ hội tín ngưỡng góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

### **2.3.2. Những hạn chế, bất cập**

Hiện nay, đang có xu hướng mở hội nhiều, tần xuất cao cùng sự lãng phí là ganh đua, phô trương thanh thế dòng họ, làng xã trong tổ chức lễ hội. Nhiều

địa phương mở lễ hội không cần “có tích”, nâng cấp lễ hội không cần tiêu chí, đưa thêm vào nhiều yếu tố mới lạ làm biến dạng những nghi thức đã định hình của lễ hội. Một số lễ hội được phục hồi nhưng mang yếu tố phản cảm như lễ hội “chém lợn”, “đâm trâu”, “đập đầu trâu”,...

Do kinh tế và đời sống vật chất được cải thiện, nhu cầu về tâm linh, tín ngưỡng có xu hướng tăng nên số người tham gia lễ hội và cầu xin thánh thần tài lộc ngày càng đông, thậm chí đã trở thành “niềm tin” trong một số bộ phận nhân dân, đang có xu hướng biến tín ngưỡng thành nhu cầu “cầu xin” thái quá. Vẫn còn hiện tượng một số người cuồng tín, lợi dụng tâm linh, “buôn thần bán thánh”, bói toán, xin xăm xóc thẻ,...

Những thay đổi tổ chức lễ hội tín ngưỡng hiện nay đã làm nảy sinh nhiều hệ lụy đối với việc duy trì sức sống của lễ hội, nhiều khi đã biến người dân thuộc cộng đồng chủ thể lễ hội chỉ còn là những người đi *xem hội*, không còn giữ vai trò là chủ thể trực tiếp sáng tạo, tổ chức, đồng thời được trực tiếp thụ hưởng những giá trị văn hóa do lễ hội tín ngưỡng mang lại.

Về việc cung ứng dịch vụ phục vụ: Lễ hội tín ngưỡng lớn được tổ chức quy mô và cầu kỳ hơn trước song cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng đặc biệt là hình thức dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu mật độ đông của du khách. Không gian hội đang bị thu hẹp do tốc độ đô thị hoá, không gian thiêng của lễ và hội đang bị không gian dịch vụ sinh lời lấn át. Hiện tượng cờ bạc trá hình, tệ bán hàng rong, tranh giành thu tiền bán vé dịch vụ,... làm giảm đi tính tôn nghiêm và những nét đẹp văn hoá trong hoạt động lễ hội. Hiện tượng khẩn thuê, nâng giá, ép giá, lưu hành ấn phẩm không được phép xuất bản, hành khát, đeo bám khách du lịch chưa giảm ở một số lễ hội lớn.

## **2.4. Các hiện tượng tôn giáo mới phát sinh từ tín ngưỡng và hoạt động lợi dụng tín ngưỡng**

### ***2.4.1. Hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới phát sinh từ tín ngưỡng***

Sự phục hồi và bùng phát các hiện tượng tín ngưỡng, bên cạnh việc đáp ứng một phần nhu cầu đời sống tâm linh của Nhân dân thì một số tín ngưỡng phát triển thành các hiện tượng tôn giáo mới, với một số biểu hiện cụ thể:

*Về người đứng đầu:* Tự cho mình là “Phật sống”, “Thánh sống”, có người trước khi hoạt động tín ngưỡng mắc bệnh tâm thần lâu ngày, biểu hiện thần kinh không bình thường, sau khi chữa khỏi bệnh thì tự nhận mình có khả năng kết nối

với người âm, nhận được sóng tâm linh,... tự cho mình có khả năng “chữa bệnh tâm linh”.

Về “giáo lý”, “giáo luật” chủ yếu được chấp vá, pha tạp, cải biên từ một số từ ngữ trong giáo lý, giáo luật của các tôn giáo truyền thống (chủ yếu từ Phật giáo), nên đã có những lời khuyên, điều răn hướng thiện, thậm chí lấy danh nghĩa của các vị anh hùng dân tộc, danh nhân để viết ra “kinh sách” nên được nhiều người tin theo.

Về nghi lễ, hình thức nghi lễ thường vay mượn của các tôn giáo truyền thống, tín ngưỡng dân gian: cầu xin, sám hối, ban ơn, bố thí,... mang nặng yếu tố mê tín dị đoan, lừa bịp, phản khoa học như đốt quá nhiều đồ hàng mã, uống nước lã đã đặt lên bàn thờ để chữa bệnh.

Về đối tượng tin theo, phần đông là những người gặp rủi ro, bế tắc, quẫn bách trong cuộc sống, do ốm đau, bệnh tật, nghèo khó; những người có trình độ văn hóa thấp, ở vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, cũng có một số cán bộ các cơ quan chính quyền, công an, quân đội, cán bộ hưu trí,... tin theo.

Về đối tượng thờ phụng: Chủ yếu lấy các hình tượng trong truyền thuyết dân gian, những người có công với cách mạng (lãnh tụ, anh hùng dân tộc,...), danh nhân,...

Hiện nay có hàng chục hiện tượng tín ngưỡng mang tính chất tôn giáo đang hoạt động thu hút hàng chục ngàn người theo, họ còn gửi đơn lên các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo yêu cầu được công nhận tổ chức và hoạt động hợp pháp, nổi lên là các nhóm thờ Mẫu và các nhóm thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một số nhóm thờ Mẫu ở các địa phương như Đà Nẵng, Bắc Ninh, Tuyên Quang, TP. Hồ Chí Minh có nguyện vọng được Nhà nước cho thành lập tổ chức. Liên quan đến thờ Bác Hồ có tới 14 tổ chức: “Ngọc Phật Hồ Chí Minh”, “Long Hoa Di Lạc”, “đạo Hoàng Thiên Long”, “đạo bà Cầm”, “đạo Bác Hồ”,... Các nhóm tín ngưỡng này có hoạt động ngày càng phong phú, có sự liên kết vùng, miền và đang dần hình thành một tôn giáo.

#### **2.4.2. Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

Thời gian qua, các hoạt động tín ngưỡng bị một số đối tượng lợi dụng biểu hiện trong cách thức hoạt động mang tính phản văn hoá, phi đạo đức, ảnh hưởng tới đời sống, sức khỏe và nhân phẩm con người; tác động xấu tới tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội, cụ thể là: hình thành tổ chức một cách tự phát,

không đúng quy định, không được Nhà nước công nhận; tổ chức các hoạt động tâm linh phản khoa học làm đảo lộn cuộc sống khu dân cư; tìm cách chống người thi hành công vụ; tuyên truyền xuyên tạc đường lối chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, kêu gọi nước ngoài can thiệp,...

Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi cá nhân, tuyên truyền những điều phản khoa học, phi đạo đức đang diễn ra ngày càng phức tạp ở hầu hết các địa phương trên cả nước, kéo theo các tệ nạn xã hội gây mất an ninh trật tự, như: các hoạt động mang tính khuyếch trương, hoạt động trái quy định của pháp luật; mâu thuẫn và tranh giành sự ảnh hưởng tới các đệ tử, lợi ích vật chất dẫn đến tình trạng thương mại hóa trong thờ Mẫu với mục đích lợi dụng kiếm tiền. Sự nhiễu loạn biến tướng trong các nghi lễ của thờ Mẫu (dùng đồ hàng mã với số lượng quá mức cần thiết trong hầu đồng),... Nhiều chủ đền, các ông đồng, bà đồng đã lợi dụng lòng tin, lợi dụng các di tích đền, phủ, lợi dụng các sinh hoạt nghi lễ và lễ hội không phải là để truyền bá những điều tốt đẹp mà chủ yếu là để kiếm tiền, trục lợi cá nhân, đây đang là một thực tế phức tạp, khiến cho thờ Mẫu ngày càng bị xói mòn những giá trị tốt đẹp.

Đáng chú ý trong thời gian qua, lợi dụng niềm tin, sự ngưỡng mộ, tôn kính của Nhân dân đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một số người đã ngụy tạo ra sự liên hệ tâm linh với Bác Hồ mang yếu tố ngoại cảm chưa được khoa học công nhận, tuyên truyền chữa bệnh phản khoa học. Các đối tượng này còn lợi dụng một vài biểu hiện tiêu cực trong xã hội để phê phán, đả kích sự lãnh đạo, điều hành của chính quyền địa phương, bài xích tôn giáo khác, gây tâm lý hoang mang trong xã hội. Hoạt động của các tổ chức này tiềm ẩn nhiều yếu tố tiêu cực, mang màu sắc chính trị, ảnh hưởng đến sự đoàn kết dân tộc và tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ TÍN NGƯỠNG**

#### **3.1. Công tác nghiên cứu, khảo sát tín ngưỡng**

Nghiên cứu, khảo sát, nắm tình hình hoạt động tín ngưỡng, nhất là một số hoạt động tín ngưỡng phổ biến như: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, vua Hùng, anh hùng dân tộc, thờ Mẫu,...; một số tín ngưỡng có sự ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, an toàn xã hội; một số tín ngưỡng có đặc điểm gần với tôn giáo và các hiện tượng tôn giáo mới phát sinh từ tín ngưỡng hiện nay. Trên cơ sở đó, xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng loại hình tín ngưỡng.

Rà soát, thống kê, phân loại lại toàn bộ các lễ hội tín ngưỡng trong cả nước, các lễ hội tín ngưỡng du nhập từ nước ngoài để nắm chắc tính chất, đối tượng, chủ thể thờ cúng của hoạt động tín ngưỡng.

Nghiên cứu tạo sự thống nhất về mô hình Ban quản lý đối với các cơ sở tín ngưỡng, đặc biệt là các cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa.

### **3.2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng**

Đẩy mạnh việc triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản pháp luật liên quan về công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng như: Đăng ký hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng; bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức lễ hội tín ngưỡng; quyên góp, quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở tín ngưỡng; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, sửa chữa, di dời công trình tín ngưỡng; các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng vi phạm pháp luật.

Không để người dân xây dựng các điện, phủ tư nhân trái phép nhằm tổ chức các hoạt động tín ngưỡng tập trung đông người gây mất trật tự xã hội; xử lý nghiêm việc xây dựng trái phép các cơ sở tín ngưỡng và tổ chức những hoạt động ảnh hưởng đến văn hóa đạo đức truyền thống và an ninh trật tự tại địa phương.

Hướng dẫn, tuyên truyền đề cộng đồng tín ngưỡng thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TTLT-BVHTTDL - BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần trong đó đảm bảo đời sống tín ngưỡng, tôn giáo cho Nhân dân tại địa phương.

Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng, các hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng và việc thực thi các quy định của pháp luật liên quan.

### **3.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng**

Tuyên truyền, phổ biến, cập nhật thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng cho những đối tượng thực hành tín ngưỡng như người đại diện, ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng, người chuyên

hoạt động tín ngưỡng (thủ nhang, thanh đồng, thầy cúng, thầy mo,...) để họ hiểu và thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật.

Đẩy mạnh công tác quản lý thông tin qua internet và các ấn phẩm; tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng cho quần chúng Nhân dân; tuyên truyền những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng để Nhân dân giữ gìn và phát huy.

Thông nhất nội dung, định hướng tuyên truyền để đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng vi phạm pháp luật. Phê phán các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tâm linh để vi phạm pháp luật; phê phán các nghi lễ, tín ngưỡng mang tính hủ tục, tàn bạo, không còn phù hợp với đời sống hiện đại để nâng cao cảnh giác, không tin theo và không tham gia những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng vi phạm pháp luật.

Không đưa các tin, bài, phóng sự về các hiện tượng “tâm linh”, “ngoại cảm”, các hiện tượng chữa bệnh bằng các phương pháp không dùng thuốc dưới danh nghĩa thiên, khí công,... khi chưa có kết luận khoa học, chưa rõ về bản chất hoạt động để các cá nhân, tổ chức lợi dụng hoạt động khuếch trương thanh thế gây hoang mang trong dư luận quần chúng Nhân dân trước tình hình dịch bệnh và ô nhiễm môi trường đang gia tăng.

### **3.4. Công tác vận động quần chúng có tín ngưỡng**

Tín ngưỡng ở nước ta có nhiều loại hình tổ chức và hoạt động rất phong phú với sự tham gia của đông đảo quần chúng Nhân dân thuộc mọi thành phần có ảnh hưởng lớn đối với xã hội, nhất là bản sắc văn hóa, đạo đức lối sống, an ninh trật tự đòi hỏi phải vận động thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Tôn trọng sự tự quản của cộng đồng xã hội, khu dân cư để họ phát huy vai trò chủ thể của hoạt động tín ngưỡng; tăng cường xã hội hóa quản lý hoạt động tín ngưỡng, đảm bảo hoạt động tín ngưỡng nhằm giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Hoạt động tín ngưỡng còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cần tăng cường công tác vận động, hướng dẫn người dân hoạt động tín ngưỡng lành mạnh, phù hợp với phong tục truyền thống của người Việt, không bị lôi kéo vào các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng vi phạm pháp luật, loại bỏ những tập tục không còn phù hợp, giữ lại những giá trị truyền thống tốt đẹp.



Một số hiện tượng tín ngưỡng biến dạng, bị một số kẻ xấu lợi dụng theo chiều hướng dung tục hóa, phục vụ mục đích trục lợi, gây thiệt hại về tiền của, sức khỏe con người; kích động, xúi giục số quần chúng cả tin, quá khích chống đối chính quyền, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng gây mất trật tự an ninh, chính trị xã hội tại một số địa phương cần kiên quyết xóa bỏ. Trong quá trình thực hiện cần làm tốt công tác vận động, giải thích để tránh tạo những phản ứng tiêu cực.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có đóng góp trong việc giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Nguyễn Thị Hiền (2004), “*Nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam đương đại*”, *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

- Mai Thanh Hải (2005), *Tìm hiểu tín ngưỡng truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- *Chỉ thị số 41-CT/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội*, Ban Chấp hành Trung ương, 05/02/2015.

- *Công điện số 162/CD-TTg về công tác quản lý và tổ chức lễ hội*, Thủ tướng Chính phủ, 09/02/2011.

- *Công điện số 229/CD-TTg về việc tăng cường công tác quản lý và tổ chức lễ hội*, Thủ tướng Chính phủ, 12/02/2015.

- *Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg về ban hành Quy chế thực hiện Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội*, Thủ tướng Chính phủ, 25/11/2005.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Cần tuyên truyền những nội dung gì để phân biệt được giá trị truyền thống của tín ngưỡng với mê tín, dị đoan?

2. Hãy nêu những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng cần được giữ gìn, phát huy và lan tỏa trong cộng đồng xã hội?

3. Nêu những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân cần tuyên truyền để loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội?

## Chuyên đề 10

### HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI Ở VIỆT NAM

##### 1.1. Một số cách hiểu về hiện tượng tôn giáo mới

Các nhà nghiên cứu trên thế giới khi nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới thường dùng cụm từ hiện tượng tôn giáo mới, giáo phái, tôn giáo bùng bình hay phong trào tôn giáo mới,... Họ cho rằng hiện tượng tôn giáo mới hay phong trào tôn giáo mới là những nhóm phái xuất hiện từ nửa sau thế kỉ XX trở lại đây, phản ánh những nét mới trong sự chuyển biến niềm tin và lựa chọn niềm tin tôn giáo của nhân loại.

- Theo quan điểm GS. Françoise Champion - Trung tâm nghiên cứu GSRL Sorbone - Pari, gọi hiện tượng tôn giáo mới là *nhóm tôn giáo thiểu số, nhóm tôn giáo bên lề, nhóm hỗn tạp chủng, nhóm bất tuân phục*.

- Các học giả Mỹ - nơi có truyền thống đa nguyên tôn giáo, gọi hiện tượng này là *Phong trào tôn giáo mới*. Gọi như vậy là để đối lập với tôn giáo truyền thống. Nếu tôn giáo truyền thống như thường quan niệm là Kitô giáo, Do Thái giáo, Islam giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo,... thì những nhóm tôn giáo kiểu như *Kỷ nguyên mới* - xuất hiện phổ biến vào thập niên 60 - 70 (thế kỷ XX) trở lại đây thì gọi là hiện tượng tôn giáo mới.

- Ở khu vực Đông Á, giới nghiên cứu Nhật Bản, Trung Quốc thường sử dụng thuật ngữ tôn giáo mới, tân giáo, tân tôn giáo,... Đây là những hiện tượng tôn giáo mới được xem là đối lập với tôn giáo truyền thống, xuất hiện sau tôn giáo truyền thống và có một số hình thái, đặc điểm mới.

Như vậy, theo các nhà nghiên cứu thế giới, hiện tượng tôn giáo mới là những hiện tượng *có tính tôn giáo và mới xuất hiện* trong những năm gần đây, gọi hiện tượng tôn giáo mới là để đối lập với tôn giáo truyền thống. Nếu như tôn giáo truyền thống là những tôn giáo vốn có lịch sử lâu đời, đã hình thành nên một hệ thống ổn định, hoàn chỉnh về các phương diện giáo lý, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, lễ nghi,... thì hiện tượng tôn giáo mới có lịch sử ngắn, chỉ khoảng chục năm hoặc mấy chục năm gần đây.

Ở Việt Nam, vấn đề này được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và cũng có nhiều tên gọi khác nhau như: giáo phái, hiện tượng tôn giáo mới, tạp giáo, tà

đạo, tà giáo, đạo lạ... tuy nhiên tất cả các tên gọi trên đều chỉ một hiện tượng có tính tôn giáo mới xuất hiện trong thời gian gần đây, và với nhiều nhà nghiên cứu thì họ thường nghiêng về thuật ngữ hiện tượng tôn giáo mới, đến nay thuật ngữ này đã được dùng một cách rộng rãi bởi 4 lý do sau:

*Một là*, gọi đó là hiện tượng tôn giáo mới vì đây là những hiện tượng có tính tôn giáo, xuất hiện trong thời gian gần đây nhằm tập hợp một số người xung quanh một nhân vật tự xưng là "Đấng tiên tri", hóa thân của thần linh, siêu nhiên, có những quyền năng phi thường đứng ra thành lập; có giáo lý riêng được nhào nặn, lắp ghép từ nhiều nguồn sơ sài; có tổ chức lỏng lẻo; có nghi lễ riêng hay cách thức thực hành nghi lễ nhưng mới chỉ dừng lại ở mức độ là những hiện tượng có tính tôn giáo, chưa thể hiện với tư cách là một tôn giáo.

*Hai là*, gọi là tà đạo thì lại phải đặt trong mối quan hệ với chính đạo, vậy lấy đạo nào làm chính đạo để phân biệt với tà đạo, đó chưa nói là một số hiện tượng chưa hẳn đã là tà đạo.

*Ba là*, gọi là giáo phái thì đã khẳng định nó thuộc về một tôn giáo chủ lưu nào đó tự tách ra thành một giáo phái độc lập.

*Bốn là*, nếu gọi là đạo lạ thì đây cũng chỉ là một phương diện (một nhóm) nằm trong khái niệm hiện tượng tôn giáo mới và danh xưng "đạo lạ" khá trung tính, dễ nhận được sự chấp nhận của người dân, cũng như cơ quan quản lý nhà nước. Bởi lẽ, để chỉ hiện tượng này trong nhiều năm trước đã dùng các thuật ngữ, "tà giáo", "giáo phái", "hệ phái" một cách chưa rõ ràng.

Khái niệm đạo lạ cũng là một phương diện (một nhóm) nằm trong khái niệm hiện tượng tôn giáo mới và danh xưng đạo lạ khá trung tính, dễ nhận được sự chấp nhận của giới bình dân cũng như cơ quan quản lý nhà nước. Bởi lẽ để chỉ hiện tượng này trong nhiều năm trước, chúng ta hay dùng các thuật ngữ như tà giáo, "giáo phái", "hệ phái" một cách lẫn lộn, thiếu tường minh. Còn khái niệm hiện tượng tôn giáo mới hiện nay khá hợp lý và những điều dẫn ra nói trên có thể coi là những đặc điểm để nhận diện các hiện tượng tôn giáo mới trong đời sống thực tiễn.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu bước đầu, khái niệm hiện tượng tôn giáo mới được hiểu một cách chung nhất như sau:

- Theo nghĩa rộng, khái niệm hiện tượng tôn giáo mới để chỉ những hiện tượng có tính tôn giáo, mới xuất hiện trong những năm gần đây do một người, nhóm người tự xưng là "đấng tiên tri" khởi xướng trên cơ sở tổng hợp, vay

mượn giáo lý, lễ nghi của các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống để hình thành giáo lý riêng; có tổ chức riêng nhưng lỏng lẻo; có nghi lễ hay cách thức thực hành nghi lễ riêng nhưng ở mức độ là những hiện tượng có tính tôn giáo, chưa thể hiện với tư cách là một tôn giáo.

- *Theo nghĩa hẹp*, hiện tượng tôn giáo mới là niềm tin có tính chất tôn giáo của một nhóm người trong xã hội, vay mượn từ các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống để sáng tạo nên “nội dung mới”, khác với các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống nhằm cầu xin về sức khỏe, tài lộc, chữa bệnh và những nhu cầu thực tiễn của xã hội hiện tại.

- *Hiện tượng tôn giáo mới nội sinh*, là những hiện tượng tôn giáo mới ra đời, hình thành ở trong nước.

- *Hiện tượng tôn giáo mới ngoại nhập*, là những hiện tượng tôn giáo mới được du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam.

## **1.2. Nguyên nhân hình thành và phát triển các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam**

### ***1.2.1. Nguyên nhân khách quan***

- Do mặt trái của sự chuyển đổi sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường ở Việt Nam là một trong những điều kiện cho sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới. Nền kinh tế thị trường cùng với những quy luật cạnh tranh khắc nghiệt đã khiến cho một bộ phận người dân trở nên kém tự tin vào đời sống hiện thực nên người ta tìm đến tôn giáo như một nơi nương tựa tinh thần.

- Đặc biệt, một số người cho rằng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cũng là một “nghề”, nhưng để hoạt động trong các tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống thì không có đủ khả năng, nên họ lập ra các hiện tượng tôn giáo mới để hành nghề.

- Do hậu quả của những bất ổn về tinh thần nhìn nhận sai lệch giá trị văn hóa, đạo đức, tinh thần truyền thống, trong đó có giá trị tôn giáo.

- Thách thức của toàn cầu hoá và mặt trái của cơ chế thị trường là những nguyên nhân chính khiến cho nhiều giá trị đạo đức, văn hoá, xã hội truyền thống bị suy giảm. Bên cạnh đó còn phải kể đến một bộ phận người dân do trình độ học vấn thấp, nhận thức kém dẫn đến nhận thức sai lệch, dễ tin, dễ theo và dễ bị lừa, bị mê hoặc tìm đến các hiện tượng tôn giáo mới tin theo điều mê tín dị đoan, tin theo những điều phản văn hóa dẫn đến các hành động cực đoan.

- Sự hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu văn hoá dẫn đến việc một bộ phận người dân đã tìm đến những loại hình văn hoá khác, trong đó có các hiện tượng tôn giáo mới để thỏa mãn nhu cầu giao lưu sinh hoạt văn hóa tinh thần mà các hiện tượng tôn giáo mới bằng nhiều hình thức đã lợi dụng lỗ hổng đó để xâm nhập, phát triển.

- Quá trình toàn cầu hóa, mở rộng hợp tác quốc tế khiến cho giao lưu giữa các xã hội, giữa các nền văn hóa ngày càng được tăng cường mạnh mẽ, trong đó có các hiện tượng mang tính tôn giáo (hiện tượng tôn giáo mới) đã tạo điều kiện cho một số hiện tượng tôn giáo mới du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam. Đồng thời với quá trình đó là các thế lực thù địch luôn tạo điều kiện cho hiện tượng tôn giáo mới xâm nhập và hoạt động ở Việt Nam.

- Ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tình trạng phân ly tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống đã và đang diễn ra, phản ánh sự đa dạng và phức tạp của cuộc sống đương đại. Niềm tin vào các tôn giáo truyền thống bị suy giảm do bị gò bó vào giáo luật khắt khe, nội dung cứng nhắc, lễ nghi rườm rà với những thể chế lỗi thời so với cuộc sống hiện đại dẫn đến một bộ phận quần chúng tìm đến những niềm tin mới để bù đắp vào chỗ vắng nội tâm, để có cơ hội giao lưu với người khác và thổ lộ tâm tình, mong được chia sẻ giúp đỡ họ vượt qua những điều không vui trong cuộc sống. Vì vậy, con người cũng dễ dàng chấp nhận các hiện tượng tôn giáo mới.

- Sự xuất hiện nhanh chóng các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam trong những năm qua một mặt thể hiện nhu cầu tâm linh, mặt khác đã phản ánh những bất cập của tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống, nhất là các vấn đề suy thoái tư tưởng, đạo đức lối sống trước tác động của nền kinh tế thị trường, thể hiện qua những biểu hiện thương mại hoá và thế tục hóa tôn giáo, tín ngưỡng làm cho tính “linh thiêng” bị giảm sút.

### ***1.2.2. Nguyên nhân chủ quan***

- Do một số cán bộ, công chức và chính quyền các cấp chưa nhận thức đầy đủ, kịp thời về bản chất của các hiện tượng tôn giáo mới; một số địa phương chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức chính trị, xã hội cho quần chúng. Nhận thức, quan điểm trong đấu tranh xử lý đối với những tác động tiêu cực của hiện tượng tôn giáo mới ở một số địa phương nhiều mặt chưa thống nhất, chưa có sự quan tâm đúng mức.

- Công tác quản lý xã hội của một số địa phương chưa hiệu quả, chưa coi trọng công tác vận động quần chúng, đội ngũ cán bộ, công chức có nhiều hạn chế đã tạo kẽ hở cho hiện tượng tôn giáo mới nảy sinh, xâm nhập và phát triển. Bên cạnh đó, hiện nay chưa phân định rõ chức năng quản lý, giải quyết hiện tượng tôn giáo mới giữa các cấp, các ngành và việc vận dụng khung pháp lý hiện có như thế nào để giải quyết vấn đề hiện tượng tôn giáo mới cho chính xác và hiệu quả.

- Công tác xây dựng nếp sống văn hóa mới, xây dựng quy ước, hương ước ở địa bàn khu dân cư chưa được quan tâm đúng mức cũng là một nguyên nhân cơ bản cho hiện tượng tôn giáo mới nảy sinh, phát triển ở nhiều địa phương.

### **1.3. Phân loại các hiện tượng tôn giáo mới**

#### ***1.3.1. Căn cứ phân loại hiện tượng tôn giáo mới***

Phân loại hiện tượng tôn giáo mới là một nội dung quan trọng nhằm xác định giải pháp cho từng loại hình hiện tượng tôn giáo mới, nhưng việc phân loại dựa trên những luận cứ nào là một vấn đề cần được xác định và chỉ có như vậy việc đánh giá, phân loại hiện tượng tôn giáo mới mới đảm bảo tính khách quan, khoa học.

Có rất nhiều cách phân loại khác nhau về hiện tượng tôn giáo mới, mỗi cách đều có những ưu thế và dựa vào những tiêu chí nhất định để làm cơ sở phân loại. Tuy nhiên, các cách phân loại nếu đặt rời rạc thì vẫn chưa thể nào đạt được sự nhìn nhận tổng thể, khách quan về hiện tượng tôn giáo mới.

Ở Việt Nam, việc phân loại các hiện tượng tôn giáo mới cũng không dễ dàng bởi tính đa dạng của các hiện tượng tôn giáo mới cũng như mức độ độc lập và thống nhất của các yếu tố tôn giáo tạo nên loại hình “tôn giáo mới”.

##### ***1.3.1.1. Về cơ sở lý luận***

- Căn cứ vào lý thuyết, tư tưởng của hiện tượng tôn giáo mới.
- Căn cứ vào mối quan hệ giữa tư tưởng của hiện tượng tôn giáo mới và giáo lý của các tôn giáo truyền thống mà hiện tượng tôn giáo mới tiếp thu.
- Lý thuyết, tư tưởng của hiện tượng tôn giáo mới và hệ thống tư tưởng chính thống. Chú ý có sự đồng thuận hay xung đột, hay vừa đồng thuận vừa xung đột trên một số nội dung cụ thể trong lý thuyết của hiện tượng tôn giáo mới.

##### ***1.3.1.2. Về cơ sở thực tiễn***

- Phương thức hoạt động và mục đích của hiện tượng tôn giáo mới.
- Ảnh hưởng của các hiện tượng tôn giáo mới đối với kinh tế - xã hội, an

ninh, trật tự.

- Thái độ của các tôn giáo truyền thống và các giai tầng xã hội đối với các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay.

### ***1.3.2. Theo cách phân loại thứ nhất (căn cứ vào nguồn gốc hình thành, nội dung, giáo lý)***

- Loại có gốc từ một loại tôn giáo lớn (chủ yếu là Phật giáo).

Loại hình này bao gồm một số loại hiện tượng tôn giáo mới có tên: Long hoa Di lạc, Chân không, Tiên thiên đại đạo, Đạo Thiên cơ, Phật Mẫu địa cầu, Chân tu tâm kính, Chân tâm bảo vệ di tích, Tiên Phật nhất giáo, Đạo nghiệp chứng, Thông thiên vận hội,...

- Loại có nguồn gốc từ tín ngưỡng dân gian.

Loại hình này bao gồm một số loại hiện tượng tôn giáo mới có tên: Đoàn 18 Phú Thọ, Đạo Trần Hưng Đạo, Lạc Hồng Âu cơ, Khổng Minh Thánh đạo hội, Đạo Cội nguồn, Đạo Tiên, Quốc Tổ Lạc Hồng, Hội Thuyền phái Trúc lâm Yên tử.

- Loại hỗn dung tư tưởng giáo lý của các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác.

- Loại từ nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

Trong các hiện tượng tôn giáo mới thì có một số hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc từ nước ngoài, bao gồm: Thanh Hải Vô Thượng sư (từ Đài Loan), Tam tổ Thánh hiền (từ Đài Loan), Nhất quán đạo (từ Đài Loan),...

Khi phân loại hiện tượng tôn giáo mới theo các tiêu chí này, cần làm rõ một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, làm rõ được hình thức và hệ lý thuyết của từng loại hiện tượng tôn giáo mới;

*Thứ hai*, thấy được sự đan xen, giao thoa các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam trong các loại hình hiện tượng tôn giáo mới;

*Thứ ba*, khẳng định được không có loại hình hiện tượng tôn giáo mới mang tính độc tôn và loại hình hiện tượng tôn giáo mới mới xuất hiện mà không có sự tiếp thu tư tưởng của các loại hình tín ngưỡng dân gian truyền thống.

*Thứ tư*, làm rõ được loại hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện ở trong nước và loại hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

Phân loại hiện tượng tôn giáo mới theo nội dung, giáo lý và nguồn gốc còn là sự giải thích đầy đủ hơn đặc điểm của hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam, đồng thời là cơ sở để có thể phân loại hiện tượng tôn giáo mới theo tính

chất hoạt động nhằm xác định nguyên nhân xuất hiện hiện tượng tôn giáo mới và đề ra được giải pháp đối với từng loại hình hiện tượng tôn giáo mới.

### ***1.2.3. Theo cách phân loại thứ hai (phân loại theo tính chất hoạt động)***

Đây là cách phân loại cơ bản nhất, có ý nghĩa trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn nhằm hiểu chính xác thực chất mỗi loại hình hiện tượng tôn giáo mới. Phân loại theo tính chất hoạt động là cơ sở quan trọng để xây dựng được giải pháp chung cũng như giải pháp cụ thể đối với loại hình hiện tượng tôn giáo mới đang hoạt động ở nước ta hiện nay.

Căn cứ vào các nội dung: *tên gọi, xuất xứ hình thành, giáo chủ, quá trình hình thành, phát triển; tóm tắt giáo lý; một số quy định, giáo lý tôn giáo được hiện tượng tôn giáo mới tiếp thu; nghi thức thờ phụng, kinh sách; ảnh hưởng; phân loại và đề xuất biện pháp giải quyết*, có thể phân loại các hiện tượng tôn giáo mới theo tính chất hoạt động thành:

- Loại hiện tượng tôn giáo mới có màu sắc chính trị tiêu cực, nguy hiểm, ảnh hưởng xấu đến nhân phẩm con người, bản sắc dân tộc.

- Loại hiện tượng tôn giáo mới tác động cả hai mặt tích cực và tiêu cực đến đời sống xã hội.

- Loại hiện tượng tôn giáo mới đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, hoạt động không vi phạm pháp luật.

*Tuy vậy*, sự phân loại chỉ là tương đối vì các hiện tượng tôn giáo mới đều có những điểm chung, song mỗi hiện tượng tôn giáo mới đều có những đặc điểm riêng được thể hiện trong quá trình hoạt động của nó và không đứng ngoài 3 loại hình hiện tượng tôn giáo mới trên. Phân loại hiện tượng tôn giáo mới là phương pháp cơ bản để xây dựng hệ giải pháp, trong đó phân loại theo tính chất hoạt động là phương pháp phân loại có cơ sở thực tiễn vững chắc hơn cả nhằm nhận diện đúng hơn về hiện tượng tôn giáo mới.

## **1.4. Một số đặc điểm của hiện tượng tôn giáo mới**

### ***1.4.1. Về nguồn gốc hình thành***

Các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện và hoạt động ở Việt Nam chủ yếu dưới hai dạng:

- *Nhóm hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài*: Chủ yếu du nhập vào Việt Nam qua Việt kiều, người Việt Nam đi học tập và lao động ở nước ngoài, cũng như người Việt lấy người nước ngoài rồi trở về nước truyền bá và tổ chức các hoạt động, một số hiện tượng tôn giáo mới theo các doanh nhân nước ngoài vào



làm ăn kinh tế ở Việt Nam, điển hình là: Thanh Hải Vô Thượng sư, Nhất Quán Đạo,... Địa bàn xuất hiện và hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới ngoại nhập chủ yếu là những trung tâm kinh tế lớn của miền Bắc như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương,...

- *Nhóm hiện tượng tôn giáo mới hình thành từ trong nước*: Địa bàn xuất hiện được chia làm hai dạng cơ bản ở hai khu vực khá rõ rệt, tương ứng với hai nhóm thành phần tộc người.

+ Một là, các hiện tượng tôn giáo mới ảnh hưởng, hỗn dung, cải sửa từ Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo và các hình thức thờ cúng truyền thống. Dạng này chủ yếu do người Kinh lập ra, hình thành và phát triển tập trung ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và những nơi có đông người Kinh sinh sống, như: Đạo tràng niệm Phật, Long Hoa Di Lặc,...

+ Hai là, các hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc gắn với Công giáo, Tin lành và một số chưa xác định nguồn gốc.

#### **1.4.2. Về tên gọi**

Đa số các “hiện tượng tôn giáo mới” đều cố gắng tạo cho mình một tên gọi riêng để tránh trùng với tên gọi của các tôn giáo hoặc các “hiện tượng tôn giáo mới” khác, một số hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng sử dụng lại hoặc sử dụng chung những tên gọi đã trở nên quen thuộc. Điều này có thể do người đứng đầu, người sáng lập ra các “hiện tượng tôn giáo mới” chủ động dùng những tên gọi quen thuộc để hấp dẫn người tin theo, nhưng cũng có thể họ từng là người tin theo những hiện tượng tôn giáo mới đã có, nay muốn tách ra thành lập một nhóm riêng.

#### **1.4.3. Người đề xướng (người sáng lập, người đứng đầu)**

- Người khởi xướng (người sáng lập, người đứng đầu) các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam thì phụ nữ chiếm tỷ lệ khá cao, họ là những người trải qua nhiều biến động của xã hội, những biến cố trong cuộc sống, đặc biệt là những bất hạnh của cá nhân và gia đình. Trong thời gian gần đây, xu hướng phụ nữ làm chủ các hiện tượng tôn giáo mới (do phụ nữ khởi xướng) đang tăng lên đáng kể.

- Trình độ học vấn của đa số người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới khá thấp, thậm chí có người không biết chữ.

- Về độ tuổi của người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới đa phần là cao niên và trung niên,...

- Nghề nghiệp của người đứng đầu khá đa dạng, chủ yếu là công nhân, nông dân và buôn bán nhỏ. Hầu hết người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới có khả năng thuyết giảng trước đông người, xuất khẩu thành thơ, nói năng lưu loát hấp dẫn người nghe. Đặc biệt, họ đều tự cho rằng có khả năng chữa bệnh không cần dùng thuốc,...

Người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới thường tự cho mình là “Phật sống”, “Thánh sống”, có người trước khi hoạt động tín ngưỡng mắc bệnh tâm thần lâu ngày, biểu hiện thần kinh không bình thường, sau khi chữa khỏi bệnh thì tự nhận mình có khả năng kết nối với người âm, nhận được sóng tâm linh,... tự cho mình có khả năng “chữa bệnh tâm linh”.

#### **1.4.4. Về người tin theo**

Người tin theo các hiện tượng tôn giáo mới cũng chủ yếu là phụ nữ ở độ tuổi trung niên và cao niên; nghề nghiệp chủ yếu là nông dân, công nhân, buôn bán nhỏ; hầu hết thuộc nhóm trình độ học vấn trung bình,... Đáng chú ý hiện nay là tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên, hưu trí và đương chức có tình trạng những người có vị thế xã hội, có học vấn cao cũng tin theo các hiện tượng tôn giáo mới. Người tin theo các hiện tượng tôn giáo mới phần đông là những người gặp rủi ro, bế tắc trong cuộc sống; ốm đau, bệnh tật, nghèo khó<sup>31</sup>.

#### **1.4.5. Về giáo lý, giáo luật, kinh sách**

- Kinh sách của các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay có thể chia thành ba nhóm: (1) là sự kết hợp giữa kinh sách của một tôn giáo truyền thống với kinh sách do người đứng đầu sáng tác (VD: Kinh sách của Long Hoa Di Lạc); (2) Chiếm đa số, kinh sách thuần túy do người đứng đầu sáng tác (VD: Kinh sách của Đạo Luật Ôn Nghĩa và Nhân Nghĩa); (3) Chiếm thiểu số, không viết ra thành kinh sách cụ thể, mà chỉ là những lời thuyết giáo của người đứng đầu.

- Về giáo lý, giáo luật: Do sự hỗn tạp về nội dung, một cách tương đối, có thể chia giáo lý của các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay thành hai loại hình: *ảnh hưởng từ các tôn giáo truyền thống* (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành) và *ảnh hưởng từ các hình thức thờ cúng trong dân gian*.

+ Trong loại hình ảnh hưởng từ các tôn giáo truyền thống, giáo lý của khá nhiều hiện tượng tôn giáo mới được chấp vá, pha tạp, cải biên từ lý thuyết, giáo

<sup>31</sup> VD. Người tin theo “Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ” chủ yếu trong độ tuổi từ 18 đến 50, phần nhiều là sinh viên, người làm việc tự do trong lĩnh vực tư nhân. Một số phụ nữ làm nghề nội trợ chuyên từ “Thanh Hải Vô Thượng sư”, đạo “Hoàng Thiên Long” sang “Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ”. Một số khác do làm ăn thua lỗ, ốm đau, cô đơn, căm giận. Lực lượng đi truyền giáo đa số là lực lượng trẻ, hoạt ngôn sắc xảo, có trình độ học vấn được huấn luyện kỹ năng thuyết giảng và được tổ chức

lý, giáo luật các tôn giáo truyền thống (chủ yếu là Phật giáo), nên đã có những lời khuyên răn hướng thiện, an ủi người dân về mặt tinh thần trước những bất hạnh, khó khăn trong cuộc sống (đây là điểm làm cho các hiện tượng tôn giáo mới có thể tồn tại). Đối với nhóm hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc/liên quan đến đạo Tin lành, như: Hội thánh “Giê Sù”, Đạo “Bà Cô Dợ”,... đều chưa có giáo lý, giáo luật cụ thể; phần lớn dựa vào giáo lý của đạo Tin lành, có những cải cách khác lạ so với đạo Tin lành truyền thống để thu hút mọi người tin theo.

+ Trong loại hình thứ hai, giáo lý của khá nhiều hiện tượng tôn giáo mới hiện nay ảnh hưởng chủ yếu từ các hình thức thờ cúng trong dân gian, đặc biệt là thờ cúng Tổ tiên theo nghĩa rộng và thờ Mẫu, nhưng cũng được lý giải để tạo ra rất khác biệt so với cách thức truyền thống, thậm chí lấy danh nghĩa của các vị anh hùng dân tộc, danh nhân để viết ra “kinh sách” nên được nhiều người tin theo.

#### ***1.4.6. Về hệ thống tổ chức***

Đa số các hiện tượng tôn giáo mới không có hệ thống tổ chức hoặc có tổ chức nhưng lỏng lẻo, không rõ ràng, nửa công khai, nửa bí mật. Ngoài người đề xướng (người đứng đầu), còn có một số người được phân công làm hội trưởng, hội phó, thủ quỹ để quản lý số người theo từng địa bàn.

#### ***1.4.7. Về cơ sở thờ tự và đối tượng thờ tự***

- Tất cả các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay đều chưa được Nhà nước cho phép hoạt động. Do vậy, cơ sở thờ tự chủ yếu nằm trong nhà riêng của người đứng đầu hoặc xây cơ sở thờ tự trong khuôn viên gia đình. Một số hiện tượng tôn giáo mới không lập cơ sở thờ tự chung, mà chỉ lập bàn thờ tại nhà riêng tín đồ, tiêu biểu là nhóm Thanh Hải Vô Thượng sư. Một số hiện tượng tôn giáo mới không thờ phụng tại gia đình, mà tụ tập đông người thực hành nghi lễ tại một di tích nổi tiếng như: Đoàn 18 Phú Thọ thường hành lễ tại Đền Hùng.

- Đối tượng thờ tự của hầu hết các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay là sự hỗn dung nhiều tôn giáo và hình thức thờ cúng truyền thống. Đối tượng thờ tự của đa phần hiện tượng tôn giáo mới hiện nay khá đa dạng, từ nhân vật lịch sử đến nhân vật huyền thoại, từ thần linh ngoại lai đến thần linh bản địa.

#### ***1.4.8. Về phương thức hoạt động***

Các hiện tượng tôn giáo mới thường tụ tập sinh hoạt không hợp pháp, lễ nghi mang tính tập thể, sử dụng các kỹ thuật đa phương tiện hiện đại cũng như các thủ pháp tâm lý để thu hút sự quan tâm của những “tín đồ” mới; thông qua mạng internet và một số phần tử phản động về nước để xây dựng và phát triển

lực lượng theo hình thức các nhóm đi du lịch hoặc từ dưới miền xuôi lên thuê nhà dưới hình thức đi làm ăn nhưng thực chất là đi tuyên truyền bắt hợp pháp các hiện tượng tôn giáo mới, “tà đạo”,... Họ sinh hoạt không cần cơ sở thờ tự, chức sắc hướng dẫn việc đạo mà tụ tập ở gia đình người sáng lập, gia đình các thành viên hay một địa điểm bìa rừng, bờ sông,... hoạt động lén lút, tuyên truyền dưới nhiều hình thức. Họ thường xuyên thay đổi địa điểm tụ tập tuyên truyền nhằm tránh sự phát hiện, xử lý của chính quyền, phát tán tài liệu ở những nơi đông người, tập trung ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi người dân có trình độ nhận thức còn hạn chế.

## **2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.1. Số lượng, sự phân bố và thực trạng hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam**

Hiện nay trên cả nước có hoạt động của khoảng **83** “hiện tượng tôn giáo mới” và một số hiện tượng liên quan đến tín ngưỡng, tâm linh. Các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện dưới 2 dạng: hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam (hiện tượng tôn giáo mới ngoại nhập) và hiện tượng tôn giáo mới hình thành từ trong nước (hiện tượng tôn giáo mới nội sinh).

Các hiện tượng tôn giáo mới đa phần gắn với hoặc gần với một tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đặc biệt là các tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo Tin lành...

Các hiện tượng tôn giáo mới thường xuất hiện và phát triển mạnh ở vùng nông thôn, vùng sâu xa, nhất là địa bàn khu vực đồng bằng sông Hồng, Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ, đã thu hút được một số lượng người tin theo, như:

- *Nhóm Tâm linh liên quan đến lợi dụng danh xưng Chủ tịch Hồ Chí Minh* (với khoảng trên 20 tên gọi khác nhau: “Đạo Bà Điền”, Nguyễn Điền, Hoàng Thiên Long, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, “Đạo Bác”, “Đạo Bác Hồ”, Đạo Thanh minh vì dân tộc, Văn hóa tâm linh vô sản Hồ Chí Minh, Đạo “Bà Cẩm”, Đạo “Bà Lương”, Đạo luật Ôn nghĩa và Nhân nghĩa,... hoạt động ở trên 30 tỉnh, thành phố trong cả nước.

- *Long Hoa Di Lặc* (tên gọi khác: Long Hoa Chính pháp, Long Hoa Tam muội, Long Hoa Tam hội, Hội Phật Tiên Long Hoa Di Lặc, Pháp môn Di Lặc, Đạo “Bà Ân”, Đạo Long Hoa,...) là một pháp tu được tiếp thu từ nhiều tôn giáo để xây dựng lên như: Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Bửu Sơn Kỳ hương, Phật

giáo Hòa Hảo,...Sau đó, Long hoa Di Lạc đã xuất hiện và hoạt động tại 31/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Hiện nay Long Hoa Di Lạc hoạt động chủ yếu ở Hòa Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Thái Bình, Thanh Hóa, Lâm Đồng.

- Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ, dù mới chỉ xuất hiện tại Việt Nam chưa lâu, song, đã phát triển mạnh và hoạt động bất hợp pháp ở hơn 30 tỉnh, thành phố với hàng nghìn người tham gia, nhất là ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa,...

## **2.2. Tác động của các hiện tượng tôn giáo mới đối với đời sống xã hội**

Sự xuất hiện, hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới, hiện tượng liên quan đến tín ngưỡng, tâm linh đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội.

### **2.2.1. Về tác động tích cực**

Một số hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng tích cực đã phần nào đáp ứng được nhu cầu tinh thần, bù đắp tâm lý và niềm tin trước những khó khăn trong cuộc sống của một bộ phận Nhân dân; một số nhấn mạnh đến hình thức sinh hoạt đơn giản, tiết kiệm, phù hợp với nhóm yếu thế trong xã hội. Một số hiện tượng tôn giáo mới tập trung sinh hoạt dưới hình thức thiền với mong muốn rèn luyện nâng cao sức khỏe, chữa bệnh bằng các bài thuốc đơn giản giảm chi phí kinh tế, tạo ra hi vọng cho những người nghèo có niềm tin vào cuộc sống.

Nội dung kinh sách giáo lý, các buổi thuyết giảng của một số hiện tượng tôn giáo mới cũng đã tập trung vào vấn đề chống tiêu cực xã hội như: phê phán nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phê bình thói hư tật xấu của các chức sắc tôn giáo lớn ở nước ta hiện nay, bài trừ những hoạt động mê tín trong đời sống tôn giáo,... Những nội dung này ở một chừng mực nào đó có thể được coi là sự phản biện xã hội.

Một số hiện tượng tôn giáo mới có nội dung sinh hoạt gắn với việc đề cao những người anh hùng có công với đất nước, dân tộc, khuyên người tin theo bài trừ mê tín dị đoan, sửa đổi tập tục tang ma, bỏ những tật xấu trong cuộc sống. Đây là những yếu tố thuận lợi trong việc đảm bảo các mối quan hệ trong gia đình và cộng đồng được tốt đẹp hơn.

Một số hiện tượng tôn giáo mới còn có những hoạt động thiết thực đóng góp cho xã hội, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội ở địa phương như

đóng góp quỹ xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt, tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu,...

Việc xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới làm cho các tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống phải tăng cường củng cố đức tin cho tín; điều chỉnh lễ nghi phù hợp, kịp thời với những biến đổi của đời sống kinh tế, xã hội, đáp ứng tốt hơn đời sống tâm linh cho tín đồ và nhân dân.

### **2.2.2. Về tác động tiêu cực**

Một số hiện tượng tôn giáo mới trong quá trình tuyên truyền và phát triển đã liên hệ đến mặt trái, tiêu cực trong đời sống xã hội để liên hệ sang vấn đề chính trị. Nhận thức của những người theo hiện tượng tôn giáo mới đôi khi thái quá và sai lệch, do đó họ dễ bị các thế lực xấu lợi dụng.

Hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định về kinh tế. Trước hết là tổn thất về kinh tế cho chính bản thân những “tín đồ” theo hiện tượng tôn giáo mới vì họ phải bỏ cả công ăn việc làm để tham gia hoạt động “đạo”; một số người có sức khỏe yếu, bệnh tật hiểm nghèo tìm đến với các hiện tượng tôn giáo mới để nuôi hy vọng chữa khỏi bệnh nên đã phải bỏ ra kinh phí lớn. Nhiều người đứng đầu hoặc có vai trò chủ chốt trong các hiện tượng tôn giáo mới thu tiền trái phép của “tín đồ”, dùng tiền của “tín đồ” để tư lợi “vinh thân phì gia”, trái với lời rao giảng “xả phú cầu bần” của họ. Một số hiện tượng tôn giáo mới tuyên truyền “tín đồ” theo “đạo” sẽ được sung sướng, “không làm mà có ăn”, khiến “tín đồ” bê trễ sản xuất kinh doanh<sup>32</sup>. Việc in ấn kinh sách, xây sửa nơi thờ tự, nghi lễ thờ cúng gây phiền hà, tốn kém công sức, tiền bạc của nhân dân, việc tổ chức các cuộc viếng thăm, hành hương, tham quan,... kết hợp với sinh hoạt tôn giáo trái phép ở nơi công cộng, gây tổn kém tiền của, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội.

Một số hiện tượng tôn giáo mới xuyên tạc lịch sử, phá hoại đạo đức và thuần phong mỹ tục văn hoá của dân tộc, chống đối, nói xấu chế độ, tuyên truyền làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; có biểu hiện xâm phạm nhân phẩm, sức khỏe con người, gây ảnh hưởng tới các mối quan hệ xã hội, làm thay đổi và xáo trộn về nếp sống, tập quán truyền thống của nhân dân; tuyên truyền cách thức thực hành tín ngưỡng phản khoa học, phi đạo đức,

<sup>32</sup> Người theo Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ phải đóng 10% thu nhập cho người đứng đầu. Đạo Long Hoa Di lạc yêu cầu tín đồ tu tại gia, không cần làm, chỉ cần cầu khẩn là có ăn. Khi ốm không cần thuốc, chỉ uống rượu pha nước lã đặt trên bàn thờ là khỏi, kể cả gia súc và cây cối.

văn hóa nhằm thu lợi bất chính; tuyên truyền và thực hành những hoạt động có yếu tố mê tín dị đoan,...

Một số hiện tượng tôn giáo mới bài xích các tôn giáo truyền thống, đã kích vào các vị giáo chủ của tôn giáo chính thống. Điều này đã gây bức xúc trong chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo chính thống, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tiềm ẩn nguy cơ có sự xung đột về tôn giáo.

Một số các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng chống đối và bất hợp tác với chính quyền, nhất là những đối tượng cầm đầu, cốt cán luôn tránh mặt không tiếp xúc với cán bộ, các đoàn công tác; không nghiêm chỉnh thực hiện những chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Những hoạt động lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng trái phép của các hiện tượng tôn giáo mới làm gia tăng các “điểm nóng” về an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Việc chuyển đổi từ những tôn giáo, tín ngưỡng chính thống sang các hiện tượng tôn giáo mới đã có nhiều ảnh hưởng đa chiều, phức tạp đến xã hội, trong đó có việc hình thành các cộng đồng dân cư cùng theo một hiện tượng tôn giáo mới. Tính cố kết của những cộng đồng này có biểu hiện lẫn át các hình thức cố kết cộng đồng truyền thống theo dòng họ, theo cộng đồng cùng dân tộc trong địa bàn cư trú và trong nội bộ tôn giáo dẫn đến hệ quả là một số ít chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo ở vùng có các hiện tượng tôn giáo mới hoạt động mạnh bị tác động trực tiếp hay gián tiếp bởi những tổ chức này.

## **2.4. Thực trạng công tác đối với các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay**

### ***2.4.1. Những kết quả đạt được***

- Ban Tôn giáo Chính phủ đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, công tác đối với các hiện tượng tôn giáo mới; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đồng thời thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhất là trong công tác tuyên truyền, vận động và ổn định đời sống nhân dân vùng bị ảnh hưởng tiêu cực của các hiện tượng tôn giáo mới, tà đạo, đạo lạ.

- Các cấp ủy đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương làm tốt công tác tôn giáo; kiên quyết đấu tranh đẩy lùi hoạt động trái phép của các hiện tượng tôn giáo mới, không để những thế lực xấu lợi dụng hiện tượng tôn giáo mới thành những hoạt động

chính trị, đối lập với chính quyền nên đã hạn chế được phần nào sự phát triển tràn lan và những tác động tiêu cực của các hiện tượng tôn giáo mới; quần chúng nhân dân đã đồng tình với chủ trương, biện pháp đấu tranh, xử lý của chính quyền đối với các hoạt động lợi dụng hiện tượng tôn giáo mới.

- Công tác quản lý nhà nước đối với hiện tượng tôn giáo mới đã có chuyển biến theo hướng chủ động hơn, không để bị động chạy theo giải quyết những vụ việc xảy ra. Các địa phương quan tâm giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của chức sắc, chức việc tín đồ các tôn giáo, phát huy tốt vai trò, ảnh hưởng của các tôn giáo chính thống, góp phần gián tiếp làm giảm sự gia tăng của các hiện tượng tôn giáo mới mang màu sắc cực đoan, tiêu cực.

- Các địa phương thường xuyên cung cấp thông tin rộng rãi để Nhân dân biết và lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp; tuyên truyền, vận động Nhân dân không nghe, tin theo các hiện tượng tôn giáo mới, đạo lạ, tà đạo mang màu sắc cực đoan; vận động quần chúng nhân dân mạnh dạn tố giác, lên án các hành vi vi phạm pháp luật của các hiện tượng tôn giáo mới, tà đạo, đồng thời tích cực tham gia vào việc phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh xóa bỏ hoạt động tà đạo tại các địa phương.

- Công tác nắm tình hình hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới luôn được các địa phương quan tâm chú trọng, vì thế nhiều hoạt động trái pháp luật của các hiện tượng tôn giáo mới, tà đạo, hoạt động của một tổ chức hội, nhóm trái pháp luật mang danh nghĩa tôn giáo đã được phát hiện kịp thời, từ đó có phương hướng, biện pháp giải quyết cụ thể.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành và chính quyền cơ sở các địa phương đã phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý kịp thời đối với cá nhân vi phạm liên quan đến các hiện tượng tôn giáo mới góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Công tác đối với các hiện tượng tôn giáo mới luôn có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ của các cơ quan chức năng. Nhiều địa phương đã ban hành quy chế phối hợp để thống nhất phân công trách nhiệm, huy động sức mạnh của hệ thống chính trị trong công tác tôn giáo nói chung, công tác đối với các hiện tượng tôn giáo mới nói riêng.

- Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương cung cấp thông tin, đưa nhiều tin, bài về hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới vi phạm pháp luật để quần chúng nhân dân



nhận diện, tham gia công tác phòng ngừa, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc lên tiếng một cách khách quan để góp phần làm rõ và đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật của các hiện tượng tôn giáo mới, tà đạo.

#### **2.4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đối với các hiện tượng tôn giáo mới thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế nhất định:

*- Một số các cấp, ngành nhận thức chưa đầy đủ về hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới nên công tác giải quyết còn lúng túng, thiếu thống nhất*

Có địa phương cho đó là “tà đạo”, không coi đó là tôn giáo nên chủ quan, cho rằng việc giải quyết chẳng mấy khó khăn; có địa phương giải quyết dè dặt, thận trọng; có địa phương lại nôn nóng giải quyết, trong khi nguyên nhân ra đời, tồn tại của nó chưa được quan tâm giải quyết. Từ đó, cách giải quyết không giống nhau, không phù hợp, thậm chí không đúng với chủ trương, chính sách tôn giáo chung của Nhà nước.

*Công tác quản lý nhà nước đối với những hiện tượng này vừa lúng túng, vừa bất cập*

Thực tiễn trong những năm gần đây cho thấy nhiều lúc cơ quan chức năng chưa xác định rõ được hiện tượng tôn giáo mới nào cần quản lý, nếu quản lý thì mức độ và phạm vi quản lý đến đâu. Có địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý đối với các hiện tượng tôn giáo mới, hoặc xem nhẹ sự ảnh hưởng, tác động của hiện tượng tôn giáo mới đến đời sống xã hội; chưa thực sự chú trọng công tác dự báo tình hình cũng như việc nắm bắt thông tin về hiện tượng tôn giáo mới có khi chưa kịp thời.

*- Công tác giải quyết đối với hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới chưa thực sự phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, quan điểm giữa các cấp, các ngành về việc xử lý hiện tượng tôn giáo mới chưa thống nhất*

Cấp ủy, chính quyền cơ sở có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức tới công tác tôn giáo, xử lý các vấn đề liên quan đến tôn giáo còn thiếu kiên quyết, né tránh. Một số cấp ủy và chính quyền cơ sở chưa thấy được trách nhiệm của mình trong việc chỉ đạo công tác đối với hiện tượng tôn giáo mới tại địa phương. Một số ban, ngành, đoàn thể ở cấp cơ sở chưa kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên, chưa thuyết phục có hiệu quả đối với người tin theo các hiện tượng tôn giáo mới, đạo lạ, tà đạo.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở còn chưa nhận thức đầy đủ về các hiện tượng tôn giáo mới; còn thụ động, lúng túng, thiếu kinh nghiệm trong quá trình xử lý khi có vụ việc phức tạp phát sinh. Do đó, có những địa phương, mặc dù hoạt động của một số tổ chức hội, nhóm trái pháp luật mang danh nghĩa tôn giáo diễn ra công khai nhưng trong báo cáo về tình hình hiện tượng tôn giáo mới trên địa bàn thì vẫn xác định “chưa phát hiện có hiện tượng tôn giáo mới” trên địa bàn.

- Công tác đấu tranh, ngăn chặn đối với các hiện tượng tôn giáo mới còn gặp khó khăn; chủ yếu là tuyên truyền, vận động và thuyết phục là chính. Một số chính quyền cơ sở chưa thật sự coi trọng công tác nắm tình hình, phát hiện các hoạt động liên quan đến hiện tượng tôn giáo mới, nên các hoạt động này chỉ bị nhắc nhở, tuyên truyền, đấu tranh khi đã có hoạt động công khai trên địa bàn.

- Đối với các hiện tượng tôn giáo mới hoặc các hoạt động của hiện tượng tôn giáo mới được xem là phản văn hóa, có màu sắc chính trị, công tác đấu tranh có việc còn chưa triệt để, thiếu cương quyết và chưa có biện pháp thích hợp. Mặt khác, trong công tác đấu tranh đối với các hoạt động này còn chưa coi trọng công tác vận động quần chúng, vì thế đã làm cho hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới này ít có chiều hướng suy giảm mà còn chuyển hình thức hoạt động tinh vi hơn, tiếp tục vi phạm pháp luật và để lại những hậu quả tiêu cực.

### **3. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

(1) Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam vẫn tiếp tục hoạt động, tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân; vẫn tiếp tục lợi dụng sự thiếu hiểu biết của một bộ phận nhân dân để lôi kéo được nhiều người tham gia. Xu hướng hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ diễn ra khá phức tạp, vừa có sự tan rã lại vừa có sự nảy sinh mới, liên kết với nhau. Điều đó cho thấy việc triển khai các giải pháp đối với các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam đòi hỏi phải toàn diện, cả trước mắt và lâu dài, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

(2) Phải xác định rõ những hiện tượng tâm linh đã tồn tại hàng nghìn năm nay, là những hiện tượng xảy ra trong đời sống hàng ngày và lưu truyền từ đời này sang đời khác. Cần có thái độ nhìn nhận hiện tượng này một cách nghiêm túc, khách quan và khoa học.

(3) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương và quần chúng nhân dân về các hiện tượng tôn giáo mới. Trong đó, cần nâng cao nhận thức người dân, làm cho người dân hiểu rõ về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; hiểu rõ tôn giáo hợp pháp được Nhà nước công nhận; phân biệt nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng với việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo và tác hại của nó đối với đời sống xã hội.

(4) Các cơ quan thông tin đại chúng tích cực, kịp thời đưa tin, bài phản ánh những tác động, ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội, các hoạt động trái phép, vi phạm pháp luật của những người, tổ chức đang tuyên truyền hiện tượng tôn giáo mới cực đoan, tà đạo trái phép nhằm giúp cho quần chúng Nhân dân hiểu đúng bản chất của từng loại hình hiện tượng tôn giáo mới phục vụ công tác đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

(5) Đẩy mạnh công tác quản lý thông tin qua internet và các ấn phẩm; không đưa các tin, bài, phóng sự về các hiện tượng “tâm linh”, “ngoại cảm” chưa có kết luận khoa học, chưa rõ về bản chất hoạt động gây tâm lý hoang mang, để các cá nhân, tổ chức lợi dụng hoạt động khuếch trương thanh thế.

(6) Quan tâm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào có đạo. Tăng cường xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, lành mạnh cho người dân nhằm tạo “sức đề kháng”, “miễn dịch” mạnh mẽ trước hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới mang màu sắc cực đoan, phản văn hóa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Phú Lợi (2015), “Nhận diện hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, số 6 (7).

- Nguyễn Văn Minh (2014), “Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11/2014.

- Nguyễn Văn Minh (2009), “Tổng quan về tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6.

- Nguyễn Văn Minh (2014), “Một số vấn đề về hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9/2014.

- Nguyễn Văn Minh (2014), “Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11/2014.

- Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố. Hồ Chí Minh (2014), *Chủ nghĩa hậu*

*hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vụ Tôn giáo, Ban Dân Vận Trung ương (2015), *Hỏi đáp một số vấn đề về đạo lạ, tà đạo ở nước ta hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Mối quan hệ giữa “hiện tượng tôn giáo mới” với tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống như thế nào?
2. Cần phải lưu ý những điểm gì trong hoạt động thông tin, tuyên truyền liên quan đến hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay?
3. Khi xuất hiện một hiện tượng tôn giáo mới mà dư luận quan tâm, cần trích/tìm nguồn thông tin ở đâu để tuyên truyền đảm bảo khách quan, chính sách và phù hợp về mức độ?
4. Việc lợi dụng vấn đề “hiện tượng tôn giáo mới”, “đạo lạ”, “tà đạo” ở nước ta của các thế lực xấu, thù địch có gì cần lưu ý?

## PHẦN THỨ HAI

### CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

#### Chuyên đề 1

#### QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ NIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO

### 1. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ NIN VỀ TÔN GIÁO

#### 1.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về chức năng xã hội của tôn giáo

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội thuộc thượng tầng kiến trúc xã hội, là một hiện tượng tinh thần, phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Do vậy, tôn giáo có quan hệ mật thiết và chịu sự chi phối của tồn tại xã hội.

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, các giai cấp thống trị thường sử dụng tôn giáo làm liều thuốc an thần để ru ngủ quần chúng, hòng thủ tiêu tinh thần đấu tranh của họ. C.Mác chỉ rõ: “Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”<sup>33</sup>. V. I Lênin cho rằng câu nói đó “là hòn đá tảng của toàn bộ quan điểm của C.Mác về vấn đề tôn giáo”<sup>34</sup> đồng thời nhấn mạnh “Tôn giáo là thứ rượu tinh thần”, mà giai cấp thống trị dùng để mê hoặc quần chúng<sup>35</sup>.

Trong quan điểm đó C.Mác không chỉ thấy tính “ru ngủ” hay tiêu cực của tôn giáo, mà còn nhấn mạnh đến sự tồn tại tất yếu của tôn giáo với tư cách một thứ thuốc giảm đau được dùng để xoa dịu những nỗi đau trần thế. Quan điểm trên của C.Mác đã được Fiden Cartro giải thích rõ: “Xét từ quan điểm chính trị, tôn giáo tự nó không phải là thuốc phiện hoặc một phương thuốc diệu kỳ. Nó có thể là thuốc phiện hoặc một phương thức diệu kỳ tùy theo người ta dùng nó hay ứng dụng nó để bênh vực những kẻ áp bức, những kẻ bóc lột, hoặc để bảo vệ những người bị áp bức và bị bóc lột, tùy theo cái cách người ta đề cập đến

<sup>33</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.570.

<sup>34</sup>. V. I Lênin *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 17, tr.511.

<sup>35</sup>. V. I Lênin *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 12, tr.170.

những vấn đề chính trị, xã hội hay vật chất của con người, sinh ra và phải sống trên đời này, không lệ thuộc vào thần học và niềm tin tôn giáo”<sup>36</sup>.

Cùng quan điểm trên các nhà nghiên cứu đã xét bối cảnh lịch sử khi ra đời câu nói của C.Mác là lúc người dân cùng cực, bất công áp bức, người dân sống trong đau khổ dưới nền quân chủ chuyên chế Đức, gắn với lực lượng bảo thủ là Giáo hội Công giáo La Mã thì tôn giáo - thuốc phiện có tác dụng giảm đau, là niềm tin, sự hy vọng, mong chờ của con người vào một thế giới, một tương lai tốt đẹp hơn. Điều này cũng có nghĩa tôn giáo là nhu cầu tinh thần của nhân dân, do con người tạo ra.

Nghiên cứu sự tồn tại và phát triển của tôn giáo trong lịch sử nhận loại, các nhà kinh điển đã lưu ý đến chức năng xã hội của tôn giáo đó là chức năng phản ánh, phản kháng của tôn giáo đối với hiện thực xã hội.

Với chức năng phản ánh, tôn giáo đã phản ánh sự nghèo nàn, sự khốn cùng của xã hội hiện thực. Sự khốn cùng ấy chính là những bất hợp lý trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên, là vấn nạn của xã hội, mặt trái xã hội, sự hạn chế của khoa học và nhận thức của con người đã tạo ra khoảng trống trong đời sống tâm linh của con người nên họ cần đến tôn giáo như một liều thuốc an thần để xoa dịu những nỗi đau, sự bất hạnh mà họ đang phải chịu đựng. Khi nghiên cứu đạo Cơ Đốc sơ kỳ Ăngghen đã thừa nhận sự ra đời của tôn giáo này như là sự phản ánh khát vọng của những người nô lệ và trong bản thân nó có những điểm tương đồng với lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Ông viết: “Trong lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ có những điểm giống đáng lưu ý với phong trào công nhân hiện đại, đạo Cơ Đốc nảy sinh như là một phong trào của những người bị áp bức; lúc đầu nó là tôn giáo của những người nô lệ và nô lệ đã được tha, của người nghèo và người vô quyền, của các dân tộc bị La Mã chinh phục hoặc đuổi đi tản mát. Cả đạo Cơ Đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ”<sup>37</sup>.

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, tôn giáo vừa có chức năng phản ánh vừa có chức năng phản kháng chống lại hiện thực xã hội, chống lại sự áp bức bất công trong xã hội theo quan điểm: “Sự khốn cùng của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự khốn cùng hiện thực, vừa là sự phản kháng chống lại tình trạng khốn

<sup>36</sup>. Fiden và tôn giáo-những cuộc trao đổi với linh mục Freibetto, UBĐKCG TP. Hồ Chí Minh, 1986, tr.288-289.

<sup>37</sup>. C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, tr.22, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.663.

cùng của hiện thực ấy”<sup>38</sup>. Sự phản kháng ấy tôn giáo nhằm chống lại những bất cập của đời sống hiện thực. Đây là sự phản kháng mang tính tích cực để thúc đẩy sự phát triển của xã hội, bởi đó cũng là chức năng thức tỉnh của tôn giáo như C. Mác đã chỉ rõ: “thay vì tác động ru ngủ, thuốc phiện lại gây tác động thức tỉnh”<sup>39</sup>.

Tuy vậy, đứng trên lập trường duy vật vô thần triệt để, chủ nghĩa Mác - Lênin dù có thừa nhận những giá trị tích cực nhất định trong việc phản kháng chống lại tình trạng tiêu cực, song vẫn phê phán tôn giáo ở khía cạnh hướng con người vào một thế giới ảo tưởng, an ủi họ quên nỗi đau khổ ở cuộc sống hiện thực và hứa hẹn sự đền bù cho họ ở một thế giới siêu nhiên thay vì phải hướng con người đến khắc phục những khổ đau ở cuộc sống trần thế bằng nghị lực, dũng cảm sáng tạo vượt qua nỗi đau trong xã hội hiện thực.

Ăngghen đã chỉ ra điểm khác nhau căn bản giữa đạo Cơ Đốc và chủ nghĩa xã hội, đó là: “Đạo Cơ Đốc tìm sự giải thoát ấy trong cuộc sống trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội thì tìm nó ở thế giới bên này, ở việc tổ chức lại xã hội”<sup>40</sup>. Tuy nhiên, khi đánh giá ảnh hưởng của Công giáo, các nhà kinh điển đã chỉ ra tính tích cực không chỉ thể hiện ở một thời điểm hay một khu vực nào, mà gắn liền với lịch sử thế giới. Ph.Ăngghen cho rằng: tôn giáo là "hình thức cảm xúc trong quan hệ của con người đối với các lực lượng xa lạ, tự nhiên và xã hội" và nó "có thể thích ứng được với tất cả mọi tình hình"<sup>41</sup>. Điều đó cho thấy, tôn giáo có thể tiếp tục tồn tại lâu dài và ảnh hưởng đến đời sống người dân. Trên cơ sở đó khi đánh giá về ảnh hưởng tích cực của Công giáo, Ph.Ăngghen cho rằng đó là tôn giáo mà người dân La Mã ưu thích vì nó đã đáp ứng được đời sống tâm linh của họ. Lịch sử đã chứng minh rằng khi ra đời ở phía Đông đế quốc La Mã cổ đại, Công giáo đã là chỗ dựa tinh thần cho người dân, ban đầu là người nghèo, người bị áp bức bóc lột và dần trở thành một tôn giáo có vị thế trong xã hội La Mã: một tôn giáo "được quần chúng nhân dân của đế quốc La Mã ưa thích hơn tất cả các tôn giáo khác"<sup>42</sup>.

Như vậy, mặc dù còn hạn chế, nhưng xét trên quan điểm phát triển, sự phản ánh, phản kháng chống lại hiện thực xã hội hay chức năng thức tỉnh của tôn giáo là xu hướng tích cực, là động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Về mặt chính

<sup>38</sup>. C. Mác-Ph. Ăngghen: *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H.1995, tập 1, tr.570.

<sup>39</sup>. C. Mác-Ph. Ăngghen: *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, tập 15, tr.682.

<sup>40</sup>. C.Mác - Ph.Ăngghen *Toàn tập*, t.22, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,1995, tr.663.

<sup>41</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.438.

<sup>42</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.436.

trị, nó có tính phản biện buộc các nhà nước, các thể chế chính trị phải thay đổi lại chính sách để hạn chế những mặt tiêu cực, cải thiện cuộc sống người dân. Về mặt xã hội, nó tạo ra sự đồng thuận, hài hòa giữa các giai tầng, các thành viên trong xã hội. Về mặt văn hóa, nó dẫn đến sự hội nhập văn hóa tôn giáo vào các nền văn hóa bản địa tạo nên tính đa dạng, phong phú của các nền văn hóa.

## **1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sự tồn tại và biến đổi của tôn giáo**

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội thuộc thượng tầng kiến trúc, có quan hệ mật thiết và chịu sự chi phối của tồn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét cơ sở tồn tại và biến đổi của tôn giáo, trước hết phải tìm hiểu nguồn gốc sản sinh ra nó.

Khi xem xét nguồn gốc sản sinh ra tôn giáo, C.Mác đã khẳng định những cơ sở trần tục gắn với tôn giáo chính là Nhà nước, là xã hội. Trong Nhà nước, xã hội hiện thực có những kết cấu phức tạp bởi nhiều yếu tố và nhiều mối quan hệ liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của con người. Trong đó, sản xuất vật chất giữ vai trò quan trọng nhất, là cơ sở khách quan quyết định đến mọi quan hệ, hiện tượng xã hội và tôn giáo. Theo C. Mác, căn nguyên sâu xa nhất của sự tồn tại của tôn giáo là do những bất hợp lý trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người.

Theo C.Mác, tôn giáo chỉ thay đổi khi bản thân tồn tại xã hội được thay đổi. Giải quyết vấn đề tôn giáo chỉ thực hiện được khi bản thân hiện thực nảy sinh tôn giáo được thay đổi, cải tạo. Theo C.Mác, chỉ khi nào con người được giải phóng, xây dựng được một xã hội đặt dưới sự kiểm soát một cách tự giác, có kế hoạch, sản xuất phát triển tới trình độ cao và những điều kiện vật chất khác để con người có thể làm chủ được tự nhiên, xã hội và bản thân mình, thì khi đó tôn giáo mới mất đi. Nhưng đó phải là một quá trình phát triển rất lâu dài và khó khăn, gian khổ.

Vì vậy, theo Mác - Lênin muốn khắc phục những ảnh hưởng xấu của tôn giáo, giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải tạo lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, thất học... Trong xã hội ấy người dân được sống ấm no, hạnh phúc, không còn kỳ vọng trông chờ đến “sự đền bù hư ảo” của tôn giáo. Phải đấu tranh xóa bỏ thứ “thuốc phiện”, “thứ rượu tinh thần” ấy và “đấu tranh chống tôn giáo là gián tiếp đấu



tranh chống cái thế giới mà lạc thú tinh thần của nó là tôn giáo”<sup>43</sup> nghĩa là đấu tranh xóa bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo để tôn giáo thực sự trở thành nhu cầu tinh thần của nhân dân, chứ không phải là chống tôn giáo, chống niềm tin của quần chúng nhân dân.

Theo Ph.Ăngghen, tôn giáo chỉ mất đi khi xóa bỏ chế độ tư hữu và thực hiện chế độ chiếm hữu xã hội về tư liệu sản xuất; xã hội sử dụng tư liệu sản xuất có kế hoạch; con người có thể tự quyết định được hành động của mình, “khi nào con người không chỉ mưu sự, mà lại còn làm cho thành sự nữa, thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo mới sẽ mất đi và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa”<sup>44</sup>.

Theo chủ nghĩa Mác, để thay đổi, cải tạo xã hội ấy, nguồn gốc làm nảy sinh tôn giáo không thể là một sớm, một chiều, một giai đoạn mà phải là một quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ gắn liền với cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Cũng không thể làm điều đó bằng cách đánh tan, xóa bỏ những thành kiến với tôn giáo bằng việc tuyên truyền, giáo dục hay mệnh lệnh hành chính đơn thuần. Sự phát triển của tôn giáo trong xã hội hiện đại cho thấy, cơ sở tồn tại và điều kiện mất đi của nó rất phức tạp. Vì con người ngày nay vẫn chưa xử lý được một cách thỏa đáng và hợp lý mối quan hệ đối lập giữa cái chủ quan và khách quan, giữa lý tưởng và hiện thực, giữa tất nhiên và ngẫu nhiên, giữa hữu hạn và vô hạn, giữa đau khổ và vui sướng, giữa tình cảm và lý trí, giữa mục đích và kết quả,... Ngày nay, con người vẫn phải đối mặt với những nỗi bất hạnh cá nhân, những cảm giác trống rỗng, thiếu hụt và mất cân bằng về tâm lý trước dịch bệnh hiểm nghèo, hiểm họa thiên tai, chiến tranh, sự chênh lệch giàu nghèo, rui ro, sự khác nhau về trình độ nhận thức. Đó là những cơ sở cho tôn giáo tiếp tục tồn tại và phát triển.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội nên sự biến đổi của nó luôn gắn liền với sự biến đổi của lịch sử nhân loại dựa trên những điều kiện kinh tế-xã hội nhất định. C.Mác đã chỉ ra cơ sở tồn tại và biến đổi của tôn giáo theo nguyên tắc xã hội nào tôn giáo ấy với luận điểm nổi tiếng Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo. Đồng tình với quan điểm trên L.Phơibách cho rằng: “Con người sáng tạo ra tôn giáo”, nhưng Mác đã bổ sung làm rõ cơ sở xã hội của nó. Theo Ông, con người sáng tạo ra tôn giáo không phải là những con người trù tượng mà là

<sup>43</sup> C. Mác-Ph. Ăngghen: *toàn tập*, Sđd, Tập 1, tr.570.

<sup>44</sup> C. Mác-Ph. Ăngghen: *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, tập 20, tr.438-439.

những con người của hiện thực “là thế giới những con người, là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo”<sup>45</sup>. Cái “Nhà nước ấy, xã hội ấy” chính là những đặc điểm địa lý tự nhiên, truyền thống lịch sử, cơ sở kinh tế, đặc trưng xã hội, văn hoá, phong tục, tập quán, tâm lý, lối sống của mỗi dân tộc, quốc gia, khu vực sản sinh ra tôn giáo. Đây là vấn đề có tính phương pháp luận quan trọng để lý giải về sự khác nhau giữa tôn giáo ở nơi này với tôn giáo ở nơi khác, giữa tôn giáo phương Đông và tôn giáo phương Tây, tôn giáo của dân tộc này với tôn giáo của dân tộc khác, tôn giáo của thời đại này với tôn giáo ở thời đại khác,...

### **1.3. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo**

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng của tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Do vậy, trong khi các nhà duy vật vô thần chỉ biết phê phán bản thân tôn giáo thì C.Mác lại không phê phán tôn giáo mà phê phán chính cái hiện thực đã làm nảy sinh tôn giáo, tức là phê phán sự áp bức, bất công, bạo lực... trong xã hội đã làm cho con người phải tìm đến với tôn giáo. Muốn hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phương pháp giải quyết phải linh hoạt gắn liền với quá trình xây dựng xã hội mới. Trong xã hội mới đời sống vật chất và tinh thần của người dân nói chung, đồng bào có đạo nói riêng phải được đảm bảo, trình độ, nhận thức của người dân được nâng cao thì những tiêu cực của tôn giáo sẽ bị hạn chế.

Cùng với xây dựng xã hội mới, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khi giải quyết vấn đề tôn giáo còn phải có quan điểm lịch sử cụ thể. Từ chỗ khẳng định quan điểm duy vật lịch sử trong việc nhận thức vai trò của tôn giáo, theo C.Mác ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quyết định. Do vậy, C.Mác đã chỉ ra phương thức ứng xử với tôn giáo trong từng thời kỳ lịch sử, mà quan trọng nhất là muốn thay đổi ý thức xã hội thì trước hết phải thay đổi tồn tại xã hội. Mặc dù có tính độc lập tương đối nhưng mọi hiện tượng trong đời sống tinh thần, xét đến cùng, đều có nguồn gốc từ đời sống vật chất. Để chống cái tiêu cực của tôn giáo, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ rõ, những người mácxít và nhà nước XHCN cần phải hiểu rõ tôn giáo và

<sup>45</sup> C. Mác-Ph. Ăngghen: *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, tập 1, tr.569.

ứng xử đúng với tôn giáo trong tiến trình xây dựng CNXH. Điều đó cũng có nghĩa là giải quyết tôn giáo trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Phải căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước, từng vùng và đặc điểm của từng tôn giáo trong từng giai đoạn lịch sử nhất định để đề ra chính sách và giải pháp phù hợp, nhưng phải tuân theo quan điểm chung là "Không thể đả kích vào tôn giáo dưới mọi hình thức thù địch cũng như dưới hình thức khinh bạo chung cũng như riêng, nghĩa là nói chung không được đả kích tôn giáo"<sup>46</sup>.

Khi giải quyết vấn đề tôn giáo, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là lưu ý phân biệt rõ hai mặt tư tưởng và chính trị, nghĩa là giải quyết mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị theo nguyên tắc giải phóng chính trị khỏi tôn giáo. C.Mác và Ph. Ăngghen lưu ý, mặt tư tưởng trong tôn giáo là thể hiện nhu cầu, tình cảm của người dân. Vì vậy, Đảng của giai cấp công nhân phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của quần chúng, không được xúc phạm đến đức tin tôn giáo của nhân dân, vì xúc phạm niềm tin tôn giáo là nguyên cơ làm kích động thêm sự chú ý của người dân đối với tôn giáo. Vì là nhu cầu tinh thần của con người như mọi nhu cầu khác nên cần tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Quyền ấy không chỉ thể hiện về mặt pháp lý mà còn được thể hiện trên thực tiễn thường xuyên và lâu dài của Đảng và Nhà nước XHCN.

Mặt chính trị của tôn giáo chính là phản ánh việc các thế lực cực đoan lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do vậy, giải phóng chính trị khỏi tôn giáo, trước hết là "giải phóng nhà nước khỏi tôn giáo", nhà nước và tôn giáo phân ly "không phải là giải phóng con người hiện thực khỏi tôn giáo"<sup>47</sup>. Sự giải phóng ấy nhằm xóa bỏ sự lợi dụng tôn giáo trong đời sống xã hội, nghĩa là "giải phóng chính trị khỏi tôn giáo vẫn để cho tôn giáo có hiệu lực, mặc dù không ở dưới dạng một tôn giáo có đặc quyền"<sup>48</sup>. Sự giải phóng ấy "không thủ tiêu tính tôn giáo hiện thực của con người cũng như nó không mong muốn thủ tiêu tính tôn giáo đó"<sup>49</sup>. Điều đó cũng có nghĩa vai trò tôn giáo trong con người vẫn tồn tại và tính hướng thiện của tôn giáo vẫn được nhìn nhận trong xã hội.

Kế thừa và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin nêu rõ lập trường, quan điểm, phương pháp ứng xử đối với tôn giáo trong thời kỳ CNXH là: (1) Tôn giáo sẽ còn tồn tại trong thời kỳ xây dựng CNXH; (2) Nhà nước

<sup>46</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.23.

<sup>47</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H.1995, t.1, tr.546

<sup>48</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H.1995, t.1, tr.546

<sup>49</sup>. C.Mác và Ph.Ăngghen *toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, H.1995, t.1, tr.539

XHCN công nhận quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân. Bất kì ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mình thích hoặc không thừa nhận một tôn giáo nào. Người có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng về quyền lợi, mọi sự phân biệt quyền lợi giữa những công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau đều hoàn toàn không thể dung thứ được<sup>50</sup>; (3) Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Nhà nước XHCN phải tuân thủ nguyên tắc: Đảng Cộng sản không xóa bỏ tín ngưỡng, tôn giáo; Không xúc phạm đến niềm tin tôn giáo; Không đồng nhất tôn giáo với thế lực xấu lợi dụng tôn giáo chống để CNXH; Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Tôn giáo phải được xem là việc tư nhân đối với nhà nước, nhưng không phải là việc tư nhân đối với các Đảng cầm quyền. Công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, phải coi tín đồ các tôn giáo là một lực lượng của cách mạng. Vì vậy, cần phải tập hợp, đoàn kết họ lại trong cuộc đấu tranh cách mạng không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo; chỉ rõ sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nguồn gốc, cơ sở tồn tại và biến đổi của tôn giáo, có thể rút ra một số vấn đề quan tâm trong nhận thức về tôn giáo ở Việt Nam như sau:

*Một là*, sự hình thành và phát triển của tôn giáo ở Việt Nam gắn liền với lịch sử dân tộc, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội, do vậy tôn giáo tồn tại, phát triển dựa trên những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa nhất định. Việt Nam đang trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, trong đó phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh mở cửa hội nhập quốc tế trong bối cảnh của toàn cầu hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh đó nhìn lại tình hình tôn giáo trong giai đoạn đổi mới đất nước cho thấy tôn giáo phát triển về mọi mặt ở hầu hết các chỉ số: Tính đến hết tháng 11/2020, Nhà nước ta đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 41 tổ chức thuộc 16 tôn giáo khác nhau; với trên 26 triệu tín đồ, chiếm 27% dân số cả nước, trong đó có trên 58 nghìn chức sắc, khoảng 148 nghìn chức việc; có trên 29 nghìn cơ sở thờ tự. So với năm 2019, số lượng tín đồ tăng trên 15 nghìn người; chức sắc tăng gần 700 người; chức việc tăng trên 1 nghìn người; cơ sở thờ tự tăng trên 140 cơ sở. Điều này cho thấy cơ sở xã hội hiện nay đang là điều kiện để tôn giáo phát triển.

---

<sup>50</sup>. V. I Lenin *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 12, tr.171.

Các tôn giáo ở Việt Nam không chỉ ảnh hưởng sâu trong đời sống của một bộ phận người dân (27% dân số), mà một số tôn giáo còn có hệ thống tổ chức bền vững và mang tính quốc tế rõ nét. Do vậy, Việt Nam cần hoàn thiện tốt hơn cơ chế, chính sách để tôn giáo ổn định, phát triển phù hợp với bối cảnh đất nước, đồng thời thúc đẩy tôn giáo đóng góp nguồn lực vào phát triển của đất nước.

Hai là, tôn giáo ở Việt Nam luôn vận động cùng với sự biến đổi, phát triển của đất nước. Điều này thể hiện rất rõ không chỉ phát triển ở các chỉ số về tổ chức, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, mà còn mở rộng phạm vi địa bàn (63/63 tỉnh, thành phố) và phạm vi hoạt động. Tôn giáo ngày càng tham gia sâu hơn vào hoạt động xã hội, tham gia làm thành viên của các tổ chức chính trị, xã hội (đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp). Điều đó cũng có nghĩa tôn giáo có thể thích ứng được với các bối cảnh xã hội, tự điều chỉnh để phù hợp với tồn tại xã hội, phù hợp với môi trường mới của đất nước. Do vậy, Nhà nước cần có những cơ chế, chính sách tốt hơn tạo điều kiện cho tôn giáo thích ứng với xã hội mới và gắn bó, đồng hành cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH.

Như vậy, quan điểm của chủ nghĩa Mác, Lênin về vấn đề tôn giáo, về sự tồn tại, biến đổi của tôn giáo chính là quan điểm nền tảng mà Đảng, Nhà nước kiên định trong xây dựng chủ trương, chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Phương pháp ứng xử với tôn giáo của các nhà kinh điển chính là cơ sở lý luận, phương pháp luận để Đảng và Nhà nước giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, thúc đẩy tôn giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc trong các giai đoạn cách mạng cũng như quá trình xây dựng CNXH.

## **2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO**

### **2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân**

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xem tự do tôn giáo, tín ngưỡng là quyền căn bản của con người, nhưng quyền đó phải gắn chặt và đồng hành cùng với lợi ích của quốc gia - của dân tộc Việt Nam. Do vậy, quyền ấy chỉ có giá trị đích thực khi nó gắn với độc lập dân tộc, nước không được độc lập thì tôn giáo không được tự do<sup>51</sup>. Người dân chỉ thực sự được thực hiện và thực hiện một cách trọn vẹn quyền ấy khi đất nước không còn chiến tranh, đất nước không còn chế độ thực dân, đế quốc, Tổ quốc được hòa bình. Chỉ trong môi trường đó tổ chức tôn

<sup>51</sup>. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia. H. 2000, tập 5, tr.333

giáo mới có điều kiện để chăm lo quyền lợi cho tín đồ, tín đồ mới được tự do bày tỏ đức tin tôn giáo, tín ngưỡng mà mình tin theo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, đấu tranh cho độc lập dân tộc chính là đấu tranh cho quyền độc lập của các tôn giáo, của tín đồ, chức sắc tôn giáo; giải phóng dân tộc chính là giải phóng tôn giáo. Chính vì vậy, đấu tranh giành độc lập cho nước nhà cũng là trách nhiệm của cá nhân và tổ chức tôn giáo. Trong thư gửi cho tăng, ni và tín đồ Phật giáo Người đã viết “Hiến pháp ta luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phải phát triển một cách thuận tiện. Nước có độc lập thì đạo Phật mới được mở mang... Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh cả xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ, đại bi của Đức Phật Thích ca kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi các khổ ải nô lệ”<sup>52</sup>.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân cần phải được tôn trọng và bảo đảm dựa trên cơ sở tôn trọng đức tin tôn giáo của mỗi người và không có ai được xâm phạm quyền, ép buộc, cản trở quyền đó. Do đó, dù thế giới quan khác nhau, niềm tin khác nhau, thế giới quan cộng sản khác với thế giới quan tôn giáo, song không vì thế mà đối đầu, nghi kỵ, ngược lại phải tôn trọng niềm tin của mỗi người<sup>53</sup>. Trong đó, Người lấy điểm tương đồng, mẫu số chung để thực hiện, đây chính là lý do mà ngay phiên họp đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tuyên bố “Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết”. Tư tưởng này vừa là lời cam kết của người đứng đầu nhà nước với người dân về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, vừa trở thành quan điểm xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng, vừa bác bỏ luận điệu vu khống người Cộng sản đàn áp tôn giáo. Tư tưởng này cũng là định hướng cho cán bộ làm công tác tôn giáo, chấn chỉnh những sai lầm tả khuynh đối với tôn giáo đang diễn ra ở một số địa phương trong thời điểm lúc bấy giờ và cả sau này.

Tư tưởng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn liền với việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của tín đồ tôn giáo. Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên và chính quyền phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào có đạo, làm cho họ phần xác no ấm, phần hồn thông dong. Phải tích cực tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống, ra sức

<sup>52</sup>. Dẫn theo, Trần Tam Tinh: *Thập giá và lưỡi gương*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1988, tr. 78.

<sup>53</sup>. Xem Trần Tam Tinh: *Thập giá và Lưỡi gương*, Nxb Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 1988, tr.73.

cùng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho xã viên, đồng thời phải đảm bảo tín ngưỡng tự do. Nhưng hoạt động tôn giáo không được cản trở đến sản xuất, không trái với chính sách, pháp luật của nhà nước. Tự do tín ngưỡng phải trong khuôn khổ luật pháp, chứ không phải là tự do vô chính phủ<sup>54</sup>. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được thể hiện nhất quán trong luật pháp và thực thi trong thực tiễn.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn trọng niềm tin tôn giáo đã tạo tiền đề để các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam xây dựng tôn chỉ mục đích, đường hướng hành đạo gắn bó đồng hành cùng dân tộc, đậm chất nhân văn như: Đạo Pháp Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội (Phật giáo); Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào” (Công giáo); “Sống Phúc âm phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc” (Tin lành); “Nước vinh đạo sáng” (Cao đài); “Chấn hưng nền đạo gắn bó với dân tộc; phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Phật giáo Hòa hảo)... Điều đó khẳng định tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấm thâu trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam.

## 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo, đoàn kết tôn giáo dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh về *đoàn kết tôn giáo, đoàn kết toàn dân* theo tinh thần “*Đoàn kết Lương - Giáo*”<sup>55</sup>. Tư tưởng đoàn kết tôn giáo đã được các nhà cách mạng tiền bối nêu lên, nhưng họ mới chỉ dừng lại ở sự mong muốn xóa bỏ sự bất hòa giữa những người theo tôn giáo và người không theo tôn giáo vào thời điểm đó. Chỉ đến Hồ Chí Minh, nội hàm của khái niệm đoàn kết người theo tôn giáo và người không theo tôn giáo mới mang ý nghĩa sâu sắc, đó còn là đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân. Người luôn xem đồng bào các tôn giáo là một thành phần không thể tách rời của cộng đồng dân tộc và là một lực lượng quan trọng của cách mạng. Sự khẳng định người có tôn giáo là một bộ phận của dân tộc và là chủ thể của cách mạng<sup>56</sup> đã đưa nội hàm khái niệm đoàn kết lương - giáo lên một tầm cao mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Điều đó không chỉ có tác dụng khuyến khích đồng bào các tôn giáo tích cực tham gia cách mạng mà còn đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc gây chia rẽ tôn giáo, chia rẽ đoàn kết dân tộc.

<sup>54</sup>. Trần Tam Tĩnh, *Thiên chúa và Hoàng đế*, Ủy ban đoàn kết Công giáo yêu nước, TP. Hồ Chí Minh, tr.65

<sup>55</sup>. Lương ở đây chỉ người không theo tôn giáo, Giáo chỉ những người theo tôn giáo.

<sup>56</sup>. Nhà Nguyễn và các Văn thân xem người Công giáo là “*đối tượng*” của cách mạng, còn các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu cũng chỉ xem người Công giáo là một trong “*mười hạng đồng tâm*” mà thôi.

Để thực hiện đoàn kết tôn giáo, Người luôn cố gắng làm cho đồng bào hiểu rằng, đức tin tôn giáo và lý tưởng cộng sản không mâu thuẫn, mà có nhiều điểm tương đồng và vạch rõ âm mưu của kẻ thù gây chia rẽ dân tộc với tôn giáo, nhất là giữa Cộng sản với người Công giáo: “Mục đích Chính phủ ta theo đuổi là chiến đấu vì nền độc lập và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Song, để đạt tới hạnh phúc đó cho mọi người thì cần phải xây dựng CNXH. Nếu Đức Chúa Giêsu sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước những nỗi khổ đau của người đương thời, chắc Ngài sẽ là một người XHCN đi theo con đường cứu khổ loài người”<sup>57</sup>. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết lương giáo phải dựa trên cơ sở lấy mục tiêu độc lập dân tộc làm mẫu số chung. Đoàn kết không những phải rộng rãi, mà còn lâu dài. Đó là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự nhân dân thì phải đoàn kết với họ<sup>58</sup>. Người luôn tìm những điểm tương đồng, những giá trị đạo đức, văn hóa và triết lý của tôn giáo để vận động, đoàn kết đồng bào tôn giáo đi theo cách mạng, giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước.

Mặc dù không sử dụng thuật ngữ tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, nhưng tinh thần của Người lại thể hiện rất rõ tinh thần đó kính Chúa yêu nước - với phương châm Phụng sự Thiên Chúa, Phụng sự Tổ quốc. Cũng chính Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đưa tinh thần này vào thực tiễn trong công tác đối với tôn giáo. Người đã nâng cao sự nhận thức về đoàn kết dân tộc trong đồng bào tôn giáo khi đưa mối quan hệ biện chứng giữa kính Chúa, yêu nước dựa trên tinh thần của Kinh thánh, rồi chuyển tải nó cho phù hợp với thời đại và niềm tin tôn giáo của người tín đồ, chức sắc Việt Nam. Tư tưởng ấy của Hồ Chí Minh đơn giản nhưng lại có tính thuyết phục, không cần lý luận nhiều, mà đi vào thực tế, đời sống và niềm tin tôn giáo của một bộ phận nhân dân. Quan điểm có thực mới được đạo, nhân dân có được no cơm ấm áo, thì mới có dịp phụng thờ, chăm lo cho tôn giáo của mình. Muốn làm được điều đó thì tín đồ tôn giáo không thể tách rời nhiệm vụ với đất nước và nhiệm vụ với tôn giáo. Do vậy, Kính Chúa - Yêu nước có mối quan hệ biện chứng, gắn bó mật thiết với nhau dựa trên mục tiêu chung là độc lập dân tộc và tự do tôn giáo.

### **2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhìn nhận vai trò của hàng giáo sĩ tôn giáo**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo vào hoàn cảnh xã hội Việt Nam, nhằm mục tiêu dân tộc độc lập và tôn giáo

<sup>57</sup>. Dẫn theo, Trần Tam Tinh: *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1988, tr.74.

<sup>58</sup>. Hồ Chí Minh *toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1996, t.7, tr.438



tự do khi chỉ ra sự tương đồng trong lý tưởng của chức sắc tôn giáo với lý tưởng của cách mạng, đó là miêu cầu hạnh phúc cho nhân loại. Mục tiêu của các tôn giáo là xây dựng Thiên đàng, Niết bàn ngay trên trần thế, song Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động khai thác yếu tố hợp lý trong các tôn giáo, dẹp bỏ những dị biệt nhỏ, giữ lại những yếu tố tương đồng lớn nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết hướng đến mục tiêu phụng sự lợi ích của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Mục đích cao cả của Phật Thích ca và Chúa Giê-su đều giống nhau. Phật Thích ca và Chúa Giê-su đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng. Lý tưởng đó rất tương đồng với lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Người đã sớm có nhận thức về vai trò của đạo đức tôn giáo đối với một bộ phận người dân, đặt biệt là Người luôn kính trọng và ca ngợi những vị chức sắc tôn giáo: "Chúa Giêsu dạy: đạo đức là bác ái, Phật Thích ca dạy: đạo đức là từ bi, Khổng tử dạy: đạo đức là nhân nghĩa", "Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao ? họ đều muốn mưu phúc lợi cho loài người, mưu hạnh phúc cho xã hội... Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"<sup>59</sup>.

Năm 1946 trong lần gặp với đại biểu là chức sắc, tín đồ Phật giáo, Công giáo Cao đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cao vai trò của tôn giáo trong công cuộc giải phóng dân tộc, Người đã nói dân tộc giải phóng thì tôn giáo mới được giải phóng, lúc này chỉ có quốc gia mà không phân biệt tôn giáo nữa, mỗi người đều là công dân của nước Việt Nam có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc.

Đối với chức sắc tôn giáo Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy được vai trò lãnh tụ tinh thần của họ đối với tín đồ, do vậy theo Người cần củng cố tinh thần yêu nước của các tầng lớp đó, đưa các nhân sĩ, chức sắc tôn giáo cùng gánh trách nhiệm kháng chiến cứu nước, tạo nên một bầu không khí tin cậy, đoàn kết vì mục tiêu chung. Đặt biệt người quan tâm đến đời sống của các vị chức sắc tôn giáo với cả tình cảm chân thành. Với tư tưởng đó người đã tập hợp được đông đảo tín đồ, chức sắc tham gia cách mạng, đóng góp quan trọng vào công cuộc giải phóng dân tộc. Hòa thượng Thích Đôn Hậu đã phát biểu: "Tôi đã hiểu vì sao Người là một lãnh tụ sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam mà Người đã thu hút được tất cả các thành phần khác trong xã hội để đứng xung quanh mình làm

<sup>59</sup>. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 225.

việc lớn cho đất nước... Tôi là một tu sĩ có tham gia cách mạng, tôi nguyện suốt đời đi theo con đường yêu nước, yêu dân mà Chủ tịch đã vạch ra... Nhớ ơn Người, không có gì quý hơn thực hiện lời dạy bảo của Người”<sup>60</sup>.

Kế thừa và vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đưa việc vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo trở thành quan điểm xuyên suốt trong công tác tôn giáo qua các thời kỳ cách mạng và công cuộc xây dựng đất nước.

### **3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO**

#### **3.1. Công tác vận động đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc**

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào tôn giáo là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc. Người coi công tác vận động chức sắc, tín đồ là một công tác trọng yếu trong công tác dân vận. Người chỉ rõ cần tranh thủ sự ủng hộ của hàng giáo sĩ, mời họ tham gia cách mạng với một thái độ thực sự cầu thị, chân tình, tin cậy lẫn nhau; tạo điều kiện để các giáo sĩ vừa hoàn thành nhiệm vụ với giáo hội, tín đồ vừa hoàn thành nghĩa vụ của người công dân, khơi dậy tinh thần dân tộc, yêu nước của chức sắc, tín đồ tôn giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn lấy lợi ích chung của dân tộc và tôn giáo để vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo theo cách mạng. Người luôn cố gắng làm cho chức sắc và tín đồ tôn giáo hiểu đức tin tôn giáo và lý tưởng cộng sản không hề mâu thuẫn và chỉ ra âm mưu của kẻ thù luôn tìm cách để chia rẽ đoàn kết tôn giáo, dân tộc. Cơ sở để đoàn kết tôn giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh là sự đồng thuận với nhau vì mục tiêu độc lập dân tộc. Người cho rằng, đồng bào có tôn giáo hay không có tôn giáo đều là con Lạc cháu Hồng, đều là người lao động, sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp lớn, lâu dài. Vì thế người có đạo và người không có đạo phải đoàn kết, toàn dân tộc phải đoàn kết thì cách mạng mới thành công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa tinh thần vì Dân tộc, vì Đạo pháp, Kính Chúa, Yêu nước trong công tác vận động chức sắc tôn giáo, để trở thành phương châm hành động, đường lối sống đạo của các tôn giáo ở Việt Nam. Hai sứ mệnh đó đều ngang nhau, tín đồ, chức sắc tôn giáo cần thiết phải thực hiện cả hai sứ mệnh đó, bởi họ vừa là tín đồ vừa là công dân, họ đóng vai trò kép trong xã hội. Theo Người, lòng yêu nước và đức tin tôn giáo không mâu thuẫn nhau, trái lại gắn bó

<sup>60</sup>. Dẫn theo, Nguyễn Thanh Xuân (2018), Tư tưởng Hồ Chí Minh về “Tôn giáo đồng hành cùng dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, Tạp Chí Công tác tôn giáo, số 5, trang 7.

chặt chẽ với nhau trên tinh thần Thượng đế và Tổ quốc muôn năm. Yêu nước phải thể hiện ở những hành động cụ thể, nghĩa là phải tham gia kháng chiến, kiến quốc, lao động sản xuất nâng cao đời sống vật chất thì mới có thể Kính Chúa một cách trọn vẹn. Kính Chúa mà không biết yêu Nước, không thể hiện bằng hành động vì mục tiêu chung thì chưa biết Kính Chúa. Với Người hai nhiệm vụ đó của chức sắc, tín đồ tôn giáo rất thiêng liêng, cao cả. Người mong đồng bào tôn giáo hết lòng hết sức cùng toàn dân kiên quyết đấu tranh cho nước nhà thống nhất, giữ vững hòa bình; mong chức sắc tôn giáo hướng dẫn và tổ chức cho tín đồ thực hiện nghĩa vụ công dân, cùng dân tộc thực hiện mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, cũng là giải phóng tôn giáo. Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng bào tôn giáo là một phần không thể thiếu của dân tộc, tổ chức tôn giáo là một bộ phận của xã hội, ai lầm đường lạc lối thì hướng dẫn, giải thích để đưa họ trở về chính đạo.

Để tư tưởng trên đi vào cuộc sống một cách thiết thực, có thể lôi cuốn được đông đảo chức sắc, tín đồ tham gia Người đặc biệt coi trọng công tác vận động các chức sắc và các nhân sĩ, trí thức tôn giáo yêu nước. Với tinh thần cầu thị, thái độ chân thành và nghệ thuật ứng xử tuyệt vời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảm hóa, tập hợp được nhiều nhân sĩ, trí thức tham gia kháng chiến, ủng hộ cách như các ông: Nguyễn Mạnh Hà, Ngô Tử Hạ, Vũ Đình Tụng, Hồ Đắc Ghi, Nguyễn Thành Vĩnh, các linh mục Phạm Bá Trục, Nguyễn Bá Luật, đặc biệt các giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn,... có tác dụng to lớn trong việc động viên, khích lệ tín đồ tham gia kháng chiến, kiến quốc và hạn chế việc lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng. Trong cách mạng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Thánh Tin lành Bắc Bộ đã gửi thư động viên tín đồ miền Nam như sau “Trải một năm qua, anh em đã bị đau khổ bởi nạn chiến tranh xảy ra trên đất nước chúng ta. Trong giai đoạn khó khăn chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ luôn luôn tin tưởng vào tiền đề Tổ quốc và nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ ta, chúng ta cần phải sẵn sàng sáng suốt không để mất cơ hội. Chúng tôi mong Anh em cương quyết và khôn ngoan để được xứng đáng làm một người công dân của Tổ quốc, về phần chúng tôi ghi nhớ Anh em và cùng cầu nguyện thêm cho anh em”; Hội thánh Cao đài Trung Bắc Việt Nam gửi tín đồ Cao đài Nam Bộ “Đạo Cao đài nhất là ở Nam bộ đã từng ghi được nhiều thành tích vẻ vang trong công cuộc tranh đấu khiến chúng tôi phần chần hân hạnh hoan hô tinh thần chiến đấu của quý đạo hữu. Chúng tôi tin rằng rằng

dưới sự tranh đấu của suốt của Hội thánh Nam Bộ, toàn thể quý đạo hữu đã thắt chặt tinh thần đoàn kết với toàn dân, giúp Chính phủ Việt Nam đạt trọn mục đích: Hoàn toàn độc lập. Nam Bộ là đất Việt Nam”<sup>61</sup>.

Phương pháp vận động chức sắc, tín đồ đi theo cách mạng của Người hết sức phong phú. Vận động chức sắc, trí thức tôn giáo tham gia vào các đoàn thể kháng chiến, Ban Chấp hành Liên Việt ủng hộ kháng chiến. Dùng những tài liệu xác thực về việc giặc tàn sát người dân, tín đồ, phá hoại nhà thờ đền, chùa để tuyên truyền để đồng bào tôn giáo thấy được sự tàn ác của kẻ địch. Lấy điều răn, giới cấm, đạo đức tôn giáo để khích lệ tinh thần yêu nước của tín đồ; đề nghị chức sắc, nhà tu hành đứng ra kêu gọi tín đồ đoàn kết chống giặc, bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ niềm tin tôn giáo; nêu gương những người tôn giáo yêu nước. Tuyệt đối không được tỏ thái độ bài xích tôn giáo, trái lại tôn trọng niềm tin tôn giáo và gần gũi với tín đồ tôn giáo. Tổ chức các hội nghị cán bộ vận động Công giáo, Cao đài,... để trao đổi kinh nghiệm. Mở những cuộc hội họp mời các chức sắc, người có uy tín tôn giáo tham gia đóng góp ý kiến, tổ chức ra những hội tôn giáo kháng chiến, hội ủng hộ kháng chiến. Giúp đỡ họ có phương tiện làm việc, tiền, đồ dùng văn phòng. Vận động họ trong những buổi hội họp ra tuyên ngôn đoàn kết kháng chiến để động viên tinh thần tín đồ. Chỉ cho tín đồ thấy chỉ có kháng chiến thì mới giành được độc lập, nước nhà mới hòa bình, tôn giáo mới tự do.

Trong công tác vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tôn trọng mà còn quan tâm đến niềm tin tôn giáo: Mùa xuân năm 1941, người đã vẽ ảnh Phật treo trên vách đá để tín đồ Phật giáo thể hiện lòng thành kính. Khi cách mạng vừa thành công, nước nhà vừa độc lập Người đã đến thăm Chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá. Năm 1960, Người đi thăm Chùa Hương trực tiếp chỉ thị cho chính quyền địa phương bên Đục làng Yên Vĩ phải sửa lại những con thuyền, làm thêm cầu phao và đắp một đường mới và đưa khách và các tăng ni, Phật tử đi lại được tự do an toàn... Những cuộc viếng thăm trên chính là thể hiện tình cảm, sự tôn trọng niềm tin, quan tâm đến đời sống tôn giáo của tín đồ Phật giáo. Đây cũng chính là điểm gặp gỡ giữa “Đạo pháp và Dân tộc” một chủ nghĩa nhân văn đích thực của một danh nhân văn hóa.

### **3.2. Nhìn nhận và phát huy giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo**

Trong ứng xử với tôn giáo Người luôn nhìn nhận và phát huy những giá trị tích cực của các tôn giáo và lấy đó làm điểm chung để đoàn kết tôn giáo,

<sup>61</sup>. Báo Cứu Quốc số 357 ngày 26/9/1946.

dân tộc. Người đã chỉ rõ mặc dù thế giới quan của những người cách mạng khác với thế giới quan của tôn giáo, song không vì thế mà đối đầu, nghi kỵ, ngược lại phải tôn trọng niềm tin của mỗi người. Chủ tịch Hồ Chí Minh không khai thác những khác biệt, trái ngược về thế giới quan giữa chủ nghĩa duy vật và tôn giáo mà đi tìm những giá trị nhân văn nơi các tôn giáo để cổ vũ, khích lệ chức sắc và đồng bào các tôn giáo phát huy những giá trị đó vào xây dựng đạo đức xã hội.

Đặc biệt Người đánh giá cao lòng bác ái, đức hy sinh của những vị sáng lập ra các tôn giáo, sáng lập chân thiện mỹ trong các triết lý của các tôn giáo. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng mỗi học thuyết tôn giáo đều có giá trị của nó. Nếu như học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân thì tôn giáo của Chúa Giê-su lại có ưu điểm là lòng bác ái cao cả, Chủ nghĩa Mác có ưu điểm phương pháp làm việc một cách biện chứng thì chủ nghĩa Tôn Dật Tiên lại có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với xã hội Việt Nam đương thời. Họ đều có ưu điểm chung là đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho xã hội.

Người cho rằng lòng yêu nước và đức tin tôn giáo không mâu thuẫn nhau, trái lại gắn bó chặt chẽ với nhau trên tinh thần Thượng đế và Tổ quốc muôn năm. Hồ Chí Minh coi việc *Phụng sự Đức Chúa Phụng sự Tổ quốc* là nhiệm vụ thiêng liêng của tín. Không những coi trọng giá trị đạo đức tôn giáo, mà Người coi các biểu tượng tôn giáo chính là văn hóa, là niềm tin của tín đồ. Trong kháng chiến, các cơ sở tôn giáo được Người rất quan tâm chỉ đạo không nên vì tiêu thổ kháng chiến mà phá gác chuông nhà thờ, trừ khi tín đồ nhận rõ việc đó là bảo vệ địa phương và đồng ý. Trước khi làm việc ấy phải làm lễ rước thánh giá đi nơi khác cho trọng thể.

Để công tác vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo một cách thuận lợi và bền vững, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có sáng kiến thiết lập các tổ chức tôn giáo yêu nước nhằm thu hút những tín đồ tự nguyện đứng vào hàng ngũ Việt Minh kháng chiến, kiến quốc. Cụ thể: Ủy ban Liên hiệp tôn giáo, Hội Công giáo cứu quốc và Liên đoàn Công giáo Việt Nam lập năm 1945, Hội Phật tử Cứu quốc Liên khu 3, Công giáo kháng chiến Nam bộ, Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ, Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến Liên khu III, IV, Tả Ngạn, rồi Ủy ban Liên lạc Công giáo Việt Nam (1955). Tất cả các tổ chức trên đều nằm trong Mặt trận Việt Minh, Liên Việt và sau này là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ các mô hình tổ chức trên đã đáp ứng được nguyện

vọng của những chức sắc, tín đồ tôn giáo yêu nước, trở thành nơi quy tụ đông đảo người có tôn giáo tham gia Mặt trận Việt Minh, kháng chiến cứu quốc, ủng hộ chính sách của chính phủ.

### **3.3. Kiên quyết chống việc lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân**

Chủ tịch Hồ Chí Minh tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, tôn trọng những giá trị nhân văn của các tôn giáo, tôn trọng những đóng góp của tôn giáo cho cách mạng, nhưng Người cũng kiên quyết chống lại việc lợi dụng tôn giáo, lợi dụng lòng tin của tín đồ để phá hoại sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc Việt Nam. Người nhận thức rõ các thế lực thực dân, đế quốc luôn tìm cách chia rẽ khối đoàn kết tôn giáo, lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng dưới nhiều hình thức khác nhau, lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tranh thủ và lôi kéo chức sắc, tín đồ quay lưng và chống lại sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trước âm mưu đó, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải làm cho quần chúng hiểu rõ Đảng và Nhà nước Việt Nam không chống tôn giáo, mà chỉ chống những cá nhân, tổ chức lợi dụng tôn giáo xâm hại lợi ích nhân dân, dân tộc. Người luôn giáo dục cán bộ rằng bản chất của tín đồ là tốt, nếu có ai đó thiếu kiên định không đi cùng dân tộc, thì chỉ là do bọn xấu lôi kéo nên phải có thái độ khoan hồng, độ lượng với những người lầm đường lạc lối.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất rõ ràng trong ứng xử với chức sắc, tín đồ tôn giáo cố ý đi ngược lại lợi ích dân tộc, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước thì nghiêm trị và giải thích rõ cho tín đồ hiểu chính quyền xử lý những người phản quốc, hại dân không phải vì tôn giáo và để chính đồng bào tôn giáo giúp chính phủ chống lại bọn phản quốc.

Đối với một số chức sắc tôn giáo còn thành kiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo cán bộ phải xóa bỏ đi thành kiến của họ với cách mạng. Theo Người họ phần nhiều là yêu nước, nhưng do sự phản tuyên truyền của địch, hiểu lầm Việt Minh đàn áp tôn giáo nên họ sợ cộng tác, tỏ thái độ thờ ơ với Chính phủ. Phải chỉ rõ cho họ thấy âm mưu của địch, chỉ rõ tính chất và mục đích của Việt Minh và Chính phủ là giải phóng đất nước, mang lại lợi ích cho nhân dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh đấu tranh vạch rõ âm mưu lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị xấu không phải là xúc phạm tôn giáo, mà là gạt bỏ những yếu tố tiêu cực làm ảnh hưởng đến giá trị thiêng liêng của tôn giáo.

Người luôn phê phán hành vi buôn thần bán thánh, kiên quyết đấu tranh với bọn phản động biến tôn giáo thành công cụ thực hiện ý đồ chính trị. Người lên án nghiêm khắc việc lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ, dụ dỗ cưỡng ép đồng bào di cư “Chính phủ sẽ nghiêm trị những kẻ lừa bịp cưỡng bức đồng bào phải lìa bỏ quê hương, sa vào một đời sống tối tăm cực khổ về phần xác cũng như phần hồn”<sup>62</sup>. Đồng thời luôn ân cần thăm hỏi, quan tâm động viên đồng bào. Trong thư gửi đồng bào tôn giáo di cư năm 1954, Người đã dùng lời lẽ rất chia sẻ, cảm thông nỗi đau cùng với họ khi bị lợi dụng, phải bỏ quê hương đi xa và sẵn sàng hoan nghênh đón tiếp nếu họ muốn trở về “Số phận của những giáo hữu ấy khiến tôi rất đau lòng và chắc đồng bào cũng thương xót. Tôi rất mong đồng bào cầu Chúa phù hộ những giáo hữu ấy đủ sức đấu tranh, đòi trở về quê cha đất tổ”<sup>63</sup>.

Trong công tác đấu tranh với những biểu hiện sai trái của tôn giáo, Người luôn căn dặn cán bộ phải kiên trì, sát dân, hiểu dân để vận động dân. Phải giải thích để đồng bào hiểu âm mưu thâm độc của kẻ thù lợi dụng tôn giáo, lợi dụng niềm tin của người dân để phản nước, hại dân, làm hại tôn giáo. Chỉ có cách mạng mới là con đường giải phóng nhân dân khỏi áp bức, bóc lột, trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tư tưởng trên của Người là cơ sở lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng quan điểm về chống địch lợi dụng tôn giáo trong các giai đoạn cách mạng và xây dựng đất nước.

Có thể nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết tinh của tinh thần dân tộc – tôn giáo, Người không chỉ là chiến sĩ cách mạng kiệt xuất mà còn hội đủ các đức từ bi của Phật, lòng bái ái của Chúa, tình nhân nghĩa của Khổng Tử, phương pháp làm việc biện chứng của Mác và tinh thần cách mạng của Lênin. Nói về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tôn giáo Hòa thượng Thích Thiện Châu trụ trì Trúc lâm Thiền Viện ở Paris Pháp khi về tham dự Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ IV đã nói “Có thể nói Việt Nam ta có Vua Bụt Trần Nhân Tông, thống nhất các hệ phái trong nước... Trong tôi Bác Hồ là Bồ Tát, là vị La Hán bởi người đã dành tất cả cho mọi người không giữ gì cho riêng mình cả. Cuộc đời và sự nghiệp của Bác Hồ như đón sen giữa rừng hoa dân tộc Việt Nam, hội tụ tài đức của đất nước”<sup>64</sup>.

<sup>62</sup> . GS.TS Lê Hữu Nghĩa và PGS.TS Nguyễn Đức Lữ (2003), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo, NXB Tôn giáo, Trang 111 Sđd.

<sup>63</sup> . GS.TS Lê Hữu Nghĩa và PGS.TS Nguyễn Đức Lữ (2003), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo, NXB Tôn giáo, Trang 113 Sđd.

<sup>64</sup> . GS.TS Lê Hữu Nghĩa và PGS.TS Nguyễn Đức Lữ (2003), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo, NXB Tôn giáo, Trang 76 Sđd.

#### 4. VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là kim chỉ nam để qua các giai đoạn cách mạng, Đảng, Nhà nước Việt Nam đề ra chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, tín ngưỡng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Chủ trương, chính sách về tôn giáo thời kỳ sau luôn có sự kế thừa thời kỳ trước và luôn có những đổi mới để phù hợp với tình hình thực tế cũng như ngày một đáp ứng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, đưa hoạt động tôn giáo vào quản lý theo luật. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là cơ sở phương pháp luận để quán triệt và phát triển nhận thức trong công tác tôn giáo ở Việt Nam, cụ thể:

*Một là*, tôn giáo tồn tại, phát triển dựa trên những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa nhất định. Việt Nam đang trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng... Bối cảnh đất nước đã và đang tác động đến sự vận động phát triển của các tôn giáo cả trên phương diện tổ chức các hoạt động tôn giáo và gia tăng ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Các tôn giáo tồn tại ở Việt Nam hàng trăm năm, luôn biến đổi cùng với sự biến đổi, phát triển của từng vùng, của đất nước. Là một hiện tượng xã hội tôn giáo có thể thích ứng với các điều kiện xã hội, có sự điều chỉnh để phù hợp với môi trường mới của đất nước và tiếp tục phát huy ảnh hưởng đến một bộ phận nhân dân. Giá trị đạo đức, văn hóa của tôn giáo có nhiều yếu tố phù hợp với đạo đức xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức xã hội đối với người dân. Do vậy, tôn giáo sẽ còn ảnh hưởng đến sự phát triển đất nước theo cả hai chiều: tích cực và tiêu cực. Trong công tác tôn giáo phải nhìn thấu đáo cả hai chiều tác động này để có giải pháp phù hợp nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội.

*Hai là*, tôn giáo luôn có chức năng phản biện xã hội nhằm chỉ ra những hạn chế bất cập của đời sống hiện thực. Đây là sự phản biện mang tính tích cực để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Một mặt nó kiểm chứng tính đúng đắn, tính phù hợp của các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đã triển khai để tiếp tục thực hiện; mặt khác thúc đẩy chính quyền các cấp cần xem xét, điều chỉnh những chủ trương, chính sách chưa phù hợp nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn cuộc sống của người dân, tạo sự đồng thuận, hài hòa giữa các thành viên trong xã hội.

*Ba là*, để phát huy ảnh hưởng tích cực của tôn giáo trong phát triển bền vững cần khai thác những mặt tương đồng giữa chủ nghĩa xã hội với giá trị đạo đức, văn hóa của tôn giáo, nhằm phát huy các giá trị tốt đẹp của giáo lý tôn giáo



trong đời sống xã hội, chủ động đối thoại và hợp tác với tổ chức tôn giáo để xây dựng và thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, sống tốt đời, đẹp đạo.

Quan triệt quan điểm trên Đảng, Nhà nước đã nhìn nhận tôn giáo là một nguồn lực xã hội góp phần vào phát triển bền vững đất nước. Do vậy, cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện để tôn giáo đóng góp nguồn lực cho phát triển đất nước. Xem xét để gỡ bỏ những vướng mắc về luật pháp tạo hành lang pháp lý nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực của tôn giáo trong việc đóng góp vào hoạt động kinh tế, xã hội, nhất là trong công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, từ thiện như các tổ chức xã hội khác.

*Bốn là*, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các thế lực thù địch thường sử dụng tôn giáo chống phá chế độ, phá hoại khối đoàn kết tôn giáo, dân tộc; sử dụng tôn giáo vào mục đích chính trị. Để hạn chế vấn đề này, công tác tôn giáo cần phải xóa bỏ việc lợi dụng tôn giáo của các phần tử cực đoan vào các hoạt động, ảnh hưởng tiêu cực đến đồng thuận xã hội và đoàn kết dân tộc. Coi trọng công tác vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo nâng cao cảnh giác, chủ động trong công tác phòng chống việc lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân trong đó có đồng bào các tôn giáo./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Tôn giáo và Tín ngưỡng*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Đức Lữ (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2018), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về “Tôn giáo đồng hành cùng dân tộc và chủ nghĩa xã hội””, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 5.

- Nguyễn Thanh Xuân (2020), “Tiếp cận và thực hiện quan điểm Mác Lênin về tôn giáo của một số nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam trước đây”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 3.

## **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Nhìn nhận những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trong giai đoạn hiện nay?

2. Nhìn nhận nguyên tắc “cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới” trong giải quyết vấn đề tôn giáo theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam hiện nay?

3. Việc thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhìn nhận vai trò của hàng giáo sĩ tôn giáo trong công tác tôn giáo ở Việt Nam hiện nay như thế nào?

## Chuyên đề 2

# QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

## Phần 1

### QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

#### 1. QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI

##### 1.1. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 1945-1975

###### 1.1.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945-1975

Giai đoạn 1945-1975 là thời kỳ lịch sử đặc biệt mà dân tộc ta phải tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng: Cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một mặt, đây là giai đoạn chịu những ảnh hưởng rất lớn bởi những nhận thức cực đoan đối với tôn giáo trên thế giới và trong nước từ trước những năm 1945. Mặt khác, đây còn là thời kỳ mà các hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực phản động để chống phá cách mạng Việt Nam diễn ra rất gay gắt trong cả nước.

###### 1.1.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 1945-1975

Chủ trương, chính sách tôn giáo giai đoạn này được thể hiện ở 6 nội dung mang tính chiến lược:

*Một là*, khẳng định quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo là quyền của nhân dân.

*Hai là*, khẳng định tín đồ tôn giáo là lực lượng cách mạng (lực lượng quần chúng đông đảo).

*Ba là*, khẳng định Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy.

*Bốn là*, chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo.

*Năm là*, nghiêm trị những phần tử lợi dụng tôn giáo chống phá đất nước.

Các quan điểm trên được thể hiện ở một số văn bản:

Ngày 3/9/1945, chỉ một ngày sau Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình, ngay phiên họp đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “*Thực dân và phong kiến tìm cách chia rẽ*

*đồng bào lương với đồng bào giáo để cai trị, tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết”.*

Trong Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam cũng đã khẳng định quyền tự do tín ngưỡng là một trong năm quyền cơ bản của công dân: Điều 7 Hiến pháp 1946: *“Quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước và đi ra nước ngoài”.* Với việc tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của công dân, Hiến pháp năm 1946 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách đối với tôn giáo trong phạm vi cả nước.

Năm 1951, trước âm mưu chia rẽ “đạo đời” của các thế lực thù địch, Đảng ta đã nhanh chóng tuyên bố chủ trương lương - giáo đoàn kết. Điều đó được thể hiện rõ trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (1951): *“Đoàn kết dân tộc, lập thành Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, gồm tất cả mọi lực lượng chống đế quốc và bọn phản quốc, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, khuynh hướng chính trị. Mặt trận đó phải dựa trên cơ sở liên minh công nông”*<sup>65</sup>.

Ngày 31 tháng 12 năm 1959, Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 1959. Trong đó quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân được ghi rõ: *“Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào”.*

Cùng với việc khẳng định những nguyên tắc cơ bản đối với tôn giáo trong Hiến pháp, Nhà nước đã thể chế hoá quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo qua những văn bản quy phạm pháp luật như Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14 tháng 6 năm 1955 - Sắc lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà về vấn đề tôn giáo do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành. Trong chương I, mang tính nguyên tắc - Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, Sắc lệnh 234 nêu rõ:

*“Điều 1. Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mỗi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.*

*Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo (như nhà thờ, chùa, thánh thất, trường giáo lý...”.*

*Khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho tín đồ có lòng yêu nước, nghĩa vụ của người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền dân chủ và pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

---

<sup>65</sup> Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, toàn tập, tập 12, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 56.

*Điều 2. Các nhà tu hành và các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi của người công dân và phải làm mọi nghĩa vụ của người dân.*

*Điều 3. Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải tuân theo pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, như các ngoại kiều khác...*

Có thể nói Sắc lệnh số 234 là văn bản quy phạm pháp luật riêng cho tôn giáo sớm nhất ở Việt Nam. Đặc biệt, có nhiều điểm mà sau này đến thời kỳ đổi mới vẫn còn nguyên giá trị, đúng hơn đến khi đổi mới mới có điều kiện để thực hiện.

Như vậy, giai đoạn 1945 - 1975 đất nước liên tục chiến tranh, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật mới hình thành, nhưng Đảng, Nhà nước Việt Nam đã đề ra chủ trương, chính sách cơ bản về quyền tự do tôn giáo của nhân dân.

Chủ trương, chính sách về tôn giáo thời kỳ này đã đáp ứng cơ bản nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, đoàn kết được đồng bào các tôn giáo trong lực lượng kháng chiến, hạn chế các phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng, tạo niềm tin của phần lớn chức sắc, tín đồ các tôn giáo vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và đặt nền tảng cho việc hoàn thiện chủ trương chính sách về tôn giáo lâu dài của Việt Nam.

## **1.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 1976 - 1990**

### **1.2.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1976 - 1990**

Giai đoạn 1976 - 1990 không phải là một giai đoạn dài nhưng đầy khó khăn. Đất nước thống nhất, chuyển từ cách mạng dân tộc dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa trên quy mô cả nước với vô vàn thách thức: trải qua các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội do hậu quả của chính sách kinh tế quan liêu bao cấp; chiến tranh biên giới liên tiếp nổ ra, đời sống nhân dân nghèo và lạc hậu. Đến năm 1986, bắt đầu bước vào công cuộc đổi mới đất nước thì lại vấp phải sự sụp đổ của hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, khiến Đảng, Nhà nước Việt Nam phải chống đỡ, chèo lái để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và tiếp tục con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn tìm cách phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân ta, lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để thực hiện kế hoạch hậu chiến chống Việt Nam.

### **1.2.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 1976 - 1990**

Tiếp tục kế thừa quan điểm nhất quán về tôn giáo giai đoạn trước là: tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo; nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo chống Nhà nước.

Năm 1976 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đại hội đầu tiên sau khi đất nước thống nhất, Đảng ta đã khẳng định: “Chính sách của Đảng về vấn đề tôn giáo là tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo, đoàn kết đồng bào có đạo và không có đạo, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, chống những hoạt động làm hại đến lợi ích của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội”<sup>66</sup>.

Năm 1977 Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 297-NQ-HĐBT ngày 11 tháng 11 năm 1977 về một số chính sách đối với tôn giáo. Từ đây các tôn giáo ở hai miền Nam - Bắc đều được quản lý thống nhất theo một văn bản pháp quy chung trên phạm vi cả nước. Đây là một Nghị quyết rất quan trọng tạo ra khung pháp lý điều chỉnh các hoạt động tôn giáo ở nước ta và 5 nguyên tắc trong Nghị quyết sau này đã trở thành 5 nguyên tắc cơ bản trong chính sách tôn giáo hiện nay:

1. Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của nhân dân.
2. Các nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo đều được hưởng mọi quyền lợi và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân.
3. Các tôn giáo và mọi công dân theo đạo hoặc không theo đạo đều bình đẳng trước pháp luật.
4. Các tôn giáo phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật và chủ trương, chính sách, thể lệ của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động của mình.
5. Những kẻ lợi dụng tôn giáo để phá hoại nền độc lập của Tổ quốc, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, chống lại các chính sách và pháp luật của Nhà nước sẽ bị pháp luật nghiêm trị.

Ở giai đoạn này, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được thể hiện trong Hiến pháp năm 1980 “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc

<sup>66</sup> Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, toàn tập, tập.37,NxbCTQG, H;2004, tr. 1035.

không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Năm 1986, Đại hội VI mở đầu sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là đổi mới tư duy. Tuy nhiên, so với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, đổi mới trên lĩnh vực tôn giáo diễn ra chậm hơn. Các văn kiện Đại hội VI chỉ thể hiện ở mức độ nhất định trong cách tiếp cận mới về vấn đề tôn giáo và điều đó đã thể hiện: “Trong việc phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, cần có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp cho xã hội mới, cụ thể hoá và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng”.

## **2. QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

### **2.1. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 1990 - 2002**

#### **2.1.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1990-2002**

Vào thập niên 80 của thế kỷ XX, sau sự kiện CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, nhiều nước XHCN khác trên thế giới rơi vào khủng hoảng. Việt Nam cũng lâm vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Trước tình hình đó, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đổi mới tư duy, Đảng ta đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986).

Đại hội Đảng VI được xem là bước ngoặt quan trọng đối với vận mệnh đất nước, Đại hội đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội. Trên tinh thần đổi mới toàn diện đó và sau gần 5 năm đổi mới, Đảng ta đã đặt ra vấn đề đổi mới tư duy, nhận thức về vấn đề tôn giáo.

#### **2.1.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 1990 - 2002**

*Kế thừa và rút kinh nghiệm về công tác tôn giáo thời kỳ trước, giai đoạn này chủ trương, chính sách về tôn giáo đã có bước phát triển về nhận thức một cách sâu sắc, thể hiện:*

*Một là, khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân.*

*Hai là, tôn giáo có những giá trị văn hóa, đạo đức phù hợp với chế độ mới.*

*Ba là, khuyến khích chức sắc, nhà tu hành và tín đồ hoạt động từ thiện nhân đạo và tham gia các chương trình phát triển kinh tế, xã hội.*

Điều 70, Hiến pháp năm 1992: “ Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật...”

*Từ nhận thức mới tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đặt ra 3 nội dung cơ bản trên phương diện quản lý hoạt động tôn giáo:*

1. Phải đồng thời quan tâm giải quyết một cách hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2. Cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, công tác với con người.

3. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Các quan điểm trên đã được Bộ Chính trị chỉ đạo “Khuyến khích chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo hoạt động nhân đạo, từ thiện trong khuôn khổ các chủ trương chung, tham gia vào việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, các phong trào của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội”. “Những hoạt động của tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân”. Mọi công dân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và người không theo đạo, cũng như giữa các tôn giáo khác nhau.

## **2.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo giai đoạn 2003 đến nay**

Gần đây nhất Hiến pháp năm 2013 đã thay cụm từ "quyền công dân" bằng "*Quyền con người*". Điều đó khẳng định quyền con người là quyền tự nhiên, Nhà nước phải thừa nhận, tôn trọng và cam kết bảo đảm, bảo vệ quyền con người đúng như công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong lĩnh vực tôn giáo, Điều 70 Hiến pháp năm 1992 được thay bằng **Điều 24 trong Hiến pháp 2013, với nội dung: Công dân** được thay bằng **Mọi người** có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ được thay bằng **Nhà nước tôn trọng và bảo hộ** quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Với quy định này Nhà nước đã mở rộng quyền tự do tín

ngưỡng, tôn giáo của các thành phần trong xã hội (cả thành phần đã mất quyền công dân); đồng thời nhìn nhận giá trị văn hóa của các cơ sở tôn giáo.

*Điều 24 Hiến pháp 2013 ghi nhận:*

“1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”.

Trong thời kỳ này chủ trương, chính sách về tôn giáo được thể hiện trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (4/2006) ghi rõ: “Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước”<sup>67</sup>.

Về mặt nội dung, đoạn trích trên của văn kiện đề cập đến ba vấn đề chính: *Một là*, Đảng ta khẳng định và đưa ra một chính sách nhất quán từ trước qua các kỳ Đại hội đó là chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân; *Hai là*, tiếp tục khẳng định chủ trương đoàn kết tôn giáo, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo trong chủ trương đại đoàn kết dân tộc; *Ba là*, đấu tranh chống các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc và tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Ba vấn đề trên mặc dù chưa bao hàm hết mọi phương diện của vấn đề tôn giáo và quan điểm chính sách pháp luật về tôn giáo song trước hết cho thấy, Đảng cộng sản Việt Nam dành sự quan tâm nhiều đến vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng qua chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo, chủ trương về đại đoàn kết tôn giáo và đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo và dân tộc.

---

<sup>67</sup> Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện ĐHĐBTQ lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, HN-2006, trang 42-43



Như vậy những vấn đề về tôn giáo, tín ngưỡng và quan điểm chính sách tôn giáo theo tinh thần Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm 8 nội dung chủ yếu sau:

- 1) Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật.
- 2) Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo.
- 3) Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo.
- 4) Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”.
- 5) Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ.
- 6) Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo.
- 7) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo.
- 8) Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo.

Những nhận thức và chủ trương, chính sách nói trên đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết tốt vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo những năm qua.

Tiếp tục các quan điểm, chủ trương, chính sách tôn giáo của Đại hội X, quan điểm chính sách tôn giáo của Đại hội XI Đảng cộng sản Việt Nam (01/2011) không chỉ được đề cập đến trong Báo cáo Chính trị của Đại hội mà còn được thể hiện ở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ xung, phát triển năm 2011).

Nhìn một cách tổng thể cả Cương lĩnh và Báo cáo Chính trị đã đề cập đến 6 vấn đề cơ bản về tôn giáo sau:

- 1) Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.
- 2) Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức, tốt đẹp của các tôn giáo.
- 3) Động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4) Quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật.

5) Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

6) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng.

Từ 8 vấn đề cơ bản của Báo cáo Chính trị Đại hội X và 6 vấn đề của Báo cáo Chính trị Đại hội XI (gồm cả Cương lĩnh - bổ sung và phát triển), chúng ta thấy cho rằng có 5 nội dung chung, khá nhất quán đó là: Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân; Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức, tốt đẹp của các tôn giáo; Động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ (gọi chung là vấn đề các tổ chức tôn giáo); Đấu tranh chống các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc và tôn giáo. Thực ra trên cả 5 vấn đề này mặc dù thống nhất về nội dung tư tưởng, quan điểm chính sách pháp luật song cách diễn đạt ít nhiều có sự khác nhau. Riêng vấn đề đấu tranh chống các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ở cả hai Báo cáo Chính trị Đại hội X và XI đều đề cập đến, song ở Đại hội XI còn có sự bổ sung mới đó là tư tưởng về “*chủ động phòng ngừa*” và “*kiên quyết đấu tranh*” với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc. Từ tổng kết thực tiễn những vụ việc phức tạp trong tôn giáo, những điểm nóng tôn giáo trong cả nước thời gian qua Đảng ta đã chỉ ra rằng trong đấu tranh giải quyết vấn đề tôn giáo không thể bị động đối phó để đến khi vụ việc phức tạp diễn ra rồi mới giải quyết mà phải “*chủ động phòng ngừa*” để các vụ việc ấy không diễn ra, các thế lực thù địch không có cơ để lợi dụng chống lại Đảng, nhà nước. Tương tự như vậy là tư tưởng chỉ đạo trong việc đấu tranh “*kiên quyết*”, đấu tranh mạnh mẽ, không khoan nhượng với các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng làm phương hại đến lợi ích của dân tộc và lợi ích của nhân dân. Sau khi có Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo (2004) và Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Đảng ta dành sự quan tâm nhiều hơn và ưu tiên trước hết đến việc “*tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo*” để thể chế hóa Pháp lệnh và lấy

đó làm cơ sở pháp lý cho việc nhận thức và giải quyết vấn đề tôn giáo, ban hành các chính sách cụ thể đối với lĩnh vực tín ngưỡng và tôn giáo trong những năm tới. Như vậy từ quan điểm này, Đảng cũng đã chỉ rõ sự cần thiết cấp bách cả trong việc hoàn thiện về “*luật pháp*” và cả trong việc hoàn thiện về “*chính sách*” đối với tín ngưỡng, tôn giáo.

Một vấn đề mới được bổ sung khác trong 5 nội dung nói trên chính là việc Đảng ta đã bổ sung và dành cho “*các tổ chức tôn giáo*” một sự quan tâm hơn. Nếu như Báo cáo Chính trị Đại hội X mới chỉ dừng lại ở việc nêu: “*Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ*”, thì ở Báo cáo Chính trị Đại hội XI bổ sung. Đó là “*động viên các tổ chức tôn giáo*” và hơn thế nữa là “*quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo*” hoạt động không chỉ theo quy định của pháp luật mà còn theo hiến chương và điều lệ của các tổ chức tôn giáo ấy.

Những thành tựu của của việc giải quyết vấn đề tôn giáo từ Đại hội X đến Đại hội XI thời gian qua cho thấy đời sống tâm linh, tinh thần của đồng bào các tôn giáo vận hành theo tinh thần của 6 nội dung cơ bản nói trên đang khởi sắc.

Đại hội XII (2016) của Đảng khẳng định: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật.

Một bước tiến quan trọng và thể hiện nỗ lực trong công tác thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước thành văn bản pháp pháp luật về tôn giáo đó là sự ra đời Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng tôn giáo. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị cao nhất điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, tạo hành lang pháp lý ổn định. Như vậy, có thể khẳng định văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản đã hoàn thiện, về nội dung Luật có nhiều điểm mới, tiến bộ, thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch, cụ thể hoá quyền con người theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

*Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập trực tiếp các nội dung về tôn giáo và công tác tôn giáo một cách toàn diện, có trọng điểm. Trong 10 văn bản trình bày ở 02 tập của văn kiện, có 04 văn bản đề cập trực tiếp các nội dung liên quan đến tôn giáo:*

Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều nội dung bổ sung, cập nhật, kế thừa, tiếp thu những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà lãnh đạo, quản lý, quản trị về tôn giáo, các nhà khoa học và tín đồ, chức sắc của các tôn giáo, cụ thể như sau:

*Một là, quan điểm tiếp tục phát huy vai trò, tác động tích cực của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó, Đảng ta nhấn mạnh yếu tố văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo*

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ghi rõ: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước”<sup>68</sup>.

Các quan niệm về các nguồn lực của các tôn giáo đều thống nhất ở những điểm sau: khẳng định vai trò của tôn giáo, coi những tác động tích cực của các tôn giáo là một trong những nguồn lực quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đều thừa nhận các nguồn lực của các tôn giáo ở hai phương diện: nguồn lực tinh thần và nguồn lực vật chất, trong đó nhấn mạnh nhiều hơn ở nguồn lực tinh thần - đó là các giá trị về văn hóa, đạo đức tôn giáo; các nguồn lực của các tôn giáo đã tham gia vào tất cả các quá trình, lĩnh vực trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó ưu thế, đóng góp tiêu biểu ở các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo.

Quan điểm của Đảng về “các nguồn lực của các tôn giáo” xác định là những nguồn lực của các tôn giáo, tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận nêu trên. Các nguồn lực của các tôn giáo rất đa dạng: nguồn lực con người có tôn giáo; nguồn lực từ cơ sở vật chất, nguồn vốn, khả năng vận động; những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo.... Những nguồn lực này được sử dụng vào việc “Đời”, ích nước, lợi dân thì đó là một trong những nguồn lực cần phát huy trong phát triển đất nước.

Tại Đại hội lần này, Đảng ta tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh đến những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Phát huy những “nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng”, “giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo” vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng

<sup>68</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. Tr. 171

đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội, phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan.

*Hai là, thực hiện đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Đây là mục tiêu trong thực hiện công tác tôn giáo. Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, chính tinh thần đoàn kết để dựng nước và giữ nước, người có đạo khác nhau, giữa người có đạo và không có đạo ở Việt Nam luôn có sự tôn trọng, chung sống hòa hợp. Thế nên, Đảng ta đặt mục tiêu của công tác tôn giáo là đoàn kết tôn giáo trong mục tiêu chung đại đoàn kết toàn dân tộc là phù hợp, kế thừa, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phản ánh đúng ý chí, khát vọng của người Việt Nam hiện nay, trong đó có đồng bào có đạo.

*Ba là, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi người*

Đây là sự khái quát đầy đủ chủ trương nhất quán của Đảng ta đối với vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo. Bảo đảm ở đây bao hàm cả sự tôn trọng, quan tâm, tạo điều kiện về mặt pháp lý lẫn thực tế đối với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Đối tượng bảo đảm ở đây được mở rộng là “con người”, không những là tổ chức, “nhân dân”, “công dân” ở trong nước mà còn là tổ chức, cá nhân người nước ngoài có tôn giáo khi họ sinh sống, học tập, làm việc ở Việt Nam cũng như người Việt ở nước ngoài khi về quê hương.

*Bốn là, sự chủ động trong tiến hành công tác tôn giáo*

Chủ động lắng nghe, giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân là quan điểm, thực tiễn sinh động khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, vai trò lãnh đạo đất nước không thể thay thế được của Đảng Cộng sản Việt Nam. Công tác tôn giáo cũng vậy, cần có sự chủ động để kịp thời phát huy những tác động tích cực, hạn chế, phê phán, đấu tranh, xử lý các biểu hiện tiêu cực liên quan đến tôn giáo.

Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định sự chủ động nhằm giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ: Giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng; Phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hai nhiệm vụ này cần được tiến hành song song, đề cao tính chủ động của hệ thống chính trị, nhất là các cơ quan chức năng là hết sức cần thiết.

Như vậy, những nội dung liên quan đến tôn giáo, công tác tôn giáo được đề cập trong văn kiện Đại hội XIII thể hiện Đảng ta đã kế thừa, bổ sung, tiếp thu những đóng góp quý báu từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nhất là nguyện vọng của đồng bào có đạo, phù hợp với thực tiễn sinh động của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta. Đây là cơ sở định hướng trong nhận thức và thực hiện có hiệu quả công tác tôn giáo, tiếp tục phát huy “các nguồn lực của các tôn giáo” cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đồng thời đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta.

Hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta có nhiều đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, trong đó có đổi mới tư duy về tôn giáo đó là: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta”.

**\* Về nhận thức, quan điểm: Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta qua 13 kỳ Đại hội Đảng (trong đó có 8 kỳ Đại hội của thời kỳ đổi mới) là:**

*Một là:* Xác định tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Tôn giáo sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo qui định của pháp luật.

*Hai là:* Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo, cũng như hoạt động lợi dụng, sử dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

*Ba là:* Tôn trọng, phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của tôn giáo.

*Bốn là:* Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Bản chất của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, bởi vì quần chúng cách mạng có một bộ phận không nhỏ theo các tôn giáo và có tín ngưỡng. Do vậy, phải động viên các chức sắc, tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

*Năm là:* Quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo Hiến chương, Điều lệ của mình đã được Nhà nước công nhận.

*Sáu là:* Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với đường lối, quan điểm của Đảng trong giai đoạn mới. Đồng thời, phải xây dựng được tổ chức và lực lượng làm công tác tôn giáo nói chung và quản lý Nhà nước về tôn giáo nói riêng ở các cấp đáp ứng được nhu cầu cách mạng và tình hình mới.

## **II. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO HIỆN NAY**

Ngày 18/11/2016, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật); ngày 30/12/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định số 162). Ngày 01/01/2018, Luật và Nghị định số 162 đồng thời có hiệu lực thi hành. Đây là các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta hiện nay. Ngoài ra, còn có các văn bản pháp luật chuyên ngành ở những góc độ khác nhau cũng có các quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nội dung liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Chuyên đề pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo; pháp luật đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay sẽ tập trung giải quyết các nội dung của pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo, đất đai, xây dựng ở nước ta hiện nay.

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**

#### ***1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng***

##### ***a) Phạm vi điều chỉnh***

Pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay quy định phạm vi điều chỉnh bao gồm: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; tổ chức tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo<sup>69</sup>.

##### ***b) Đối tượng áp dụng***

Đối tượng áp dụng của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam là các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

#### ***1.2. Các chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo***

##### ***a) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người***

<sup>69</sup> Điều 1 Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Điều 1 Nghị định số 162.

- Trải qua mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc, pháp luật của Nhà nước Việt Nam nói chung, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng đều có những quy định cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, lịch sử của đất nước. Việc quy định này đều bắt nguồn từ văn bản gốc đó chính là các bản Hiến pháp, để sau đó trên cơ sở của các bản Hiến pháp, nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành sẽ cụ thể hoá, làm căn cứ pháp lý thực hiện trên thực tiễn. Ở lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cũng không nằm ngoài ngoại lệ đó. Trong tất cả các bản Hiến pháp từ Hiến pháp năm 1946 đến nay, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân đều được Nhà nước quan tâm, ghi nhận. Quyền cơ bản của công dân trong đó có quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở các bản Hiến pháp sau bao giờ cũng tiến bộ và tiệm cận với các Điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Đặc biệt các bản Hiến pháp gần đây, nội dung này được minh chứng cụ thể hơn. Hiến pháp năm 2013 quy định: *"1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật"*<sup>70</sup>. Hiến pháp năm 1992 quy định *"Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào"*<sup>71</sup>. Như vậy, có thể thấy chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo quy định tại Hiến pháp năm 1992 là "công dân" đã thay đổi sang chủ thể là "mọi người" trong Hiến pháp năm 2013. Chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được mở rộng không chỉ cho những ai là công dân Việt Nam mà còn cho nhiều chủ thể khác như công dân Việt Nam bị hạn chế quyền công dân, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam và cả người không quốc tịch đang ở Việt Nam. Và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của tất cả mọi người, quyền này không bị giới hạn bởi quốc tịch, giới tính, độ tuổi. Việc quy định này thể hiện đúng bản chất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền con người.

Để cụ thể hóa quyền này tại Hiến pháp năm 2013, khoản 1 Điều 6 của Luật đã quy định chủ thể thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo chính là "Mọi người"<sup>72</sup>.

<sup>70</sup> Xem Điều 24 Hiến pháp năm 2013.

<sup>71</sup> Xem Điều 70 Hiến pháp năm 1992.

<sup>72</sup> Điều 6, Luật tín ngưỡng, tôn giáo.



- Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cũng quy định mỗi người (mỗi cá nhân) có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo; quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

- Đối với người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo hoặc học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Việc giám hộ cho người chưa thành niên sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

- Đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành còn có các quyền như thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

- Đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (người bị quản lý, giam giữ) có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo<sup>73</sup>. Đây là một quy định mới của Luật, thể hiện tính nhân văn sâu sắc cũng như trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Để có căn cứ thực hiện nội dung này, Quốc hội đã giao cho Chính phủ quy định chi tiết quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị quản lý, giam giữ.

Thực hiện quy định này, Điều 4 Nghị định số 162 đã quy định về nội dung này và giao cho các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn cách thức quản lý kinh sách, thời gian, địa điểm sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cho người bị quản lý, giam giữ tại cơ sở quản lý, giam giữ.

#### *b) Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định mang tính nguyên tắc về các quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Các quyền này bao gồm<sup>74</sup>: Hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo; tổ chức sinh hoạt tôn giáo; xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho; các quyền khác theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

<sup>73</sup> Khoản 5, Điều 6, Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Điều 4 Nghị định số 162.

<sup>74</sup> Điều 7 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

*c) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam*

Các quyền của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam bao gồm<sup>75</sup>: Được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

*d) Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*

Bên cạnh việc thực hiện các quyền nêu trên, các tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng có những nghĩa vụ phải thực hiện, đó là tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan<sup>76</sup>.

Đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

***1.3. Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo***

Theo thông lệ, mỗi một lĩnh vực của đời sống, kinh tế, văn hoá, xã hội đều có các quy định của pháp luật điều chỉnh và trong các pháp luật ấy đều có các quy định cụ thể các quyền, nghĩa vụ của người tham gia cũng như các hành vi bị nghiêm cấm hay nói cách khác là giới hạn của các quyền ở lĩnh vực đó được thực hiện những gì và những gì không được thực hiện và những nội dung nào nếu chạm vào thì bị nghiêm cấm. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay cũng quy định không ngoài ngoại lệ đó. Về nội dung này, pháp luật về tín

<sup>75</sup> Điều 8 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

<sup>76</sup> Điều 9 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

ngưỡng, tôn giáo<sup>77</sup> quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm không được phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo: Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

## **2. Hoạt động tín ngưỡng**

### **2.1. Hoạt động tín ngưỡng**

#### *a) Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đã đưa ra nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng đó là: Hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng khi thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, bảo vệ môi trường. Việc tổ chức hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm và bảo vệ môi trường<sup>78</sup>.

#### *b) Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng*

Cơ sở tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác.<sup>79</sup>

Cơ sở tín ngưỡng phải có người đại diện hoặc ban quản lý để chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra tại cơ sở<sup>80</sup>. Người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng phải đáp ứng các điều kiện như: Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín trong cộng đồng dân cư.

Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức để cộng đồng dân cư bầu, cử. Căn cứ vào kết quả

<sup>77</sup> Điều 5 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>78</sup> Điều 10 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>79</sup> Khoản 4 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>80</sup> Điều 11 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

bầu, cử, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản công nhận người đại diện hoặc thành viên ban quản lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu, cử.

Đối với cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý nhà thờ dòng họ là công việc nội bộ của dòng họ vì vậy không phải áp dụng theo các quy định nêu trên.

### *c) Đăng ký hoạt động tín ngưỡng*

Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội<sup>81</sup>.

Về nguyên tắc hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải đăng ký trừ cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ dòng họ. Đối với các cơ sở tín ngưỡng khác phải đăng ký hoạt động tín ngưỡng, cụ thể<sup>82</sup>:

- Việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải thực hiện đăng ký chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng, trừ trường hợp tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi quy định<sup>83</sup>.

- Đối với cơ sở tín ngưỡng đã thông báo hoạt động tín ngưỡng hằng năm trước ngày 01/01/2018, chậm nhất là 30 ngày kể từ 01/01/2018, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm đăng ký hoạt động tín ngưỡng với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do. Đối với các hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đăng ký đã được chấp thuận thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm đăng ký bổ sung.

Như vậy, có thể nhận thấy việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng thay đổi theo hướng chỉ đăng ký lần đầu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, những nội dung không có trong văn bản đăng ký sẽ đăng ký bổ sung. Đây là quy định mới, tiên bộ, phù hợp với xu hướng cải cách hành chính hiện nay ở Việt Nam.

## **2.2. Tổ chức lễ hội tín ngưỡng**

### *a) Lễ hội tín ngưỡng định kỳ*

<sup>81</sup> Khoản 2 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>82</sup> Điều 12 và khoản 6 Điều 67 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>83</sup> Điều 14 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Lễ hội tín ngưỡng là hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng<sup>84</sup>.

Tùy theo quy mô tổ chức lễ hội, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức lễ hội đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>85</sup>.

Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy quy mô tổ chức của lễ hội) có trách nhiệm bảo đảm về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng theo nội dung thông báo.

*b) Lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi*

Trước khi tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian, địa điểm<sup>86</sup> thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

### **3. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung**

#### ***3.1. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung***

Sinh hoạt tôn giáo là việc bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo<sup>87</sup>.

Sinh hoạt tôn giáo của mỗi cá nhân tại cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp hoặc tại tư gia là quyền của mỗi người và không phải đăng ký. Nhưng khi tập trung đông người để sinh hoạt tôn giáo thì phải đăng ký theo quy định của pháp luật.

#### *a) Chủ thể được thực hiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định về chủ thể được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung gồm<sup>88</sup>:

<sup>84</sup> Khoản 3 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>85</sup> Điều 13 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>86</sup> Điều 14 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>87</sup> Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

<sup>88</sup> Điều 16 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

- Tổ chức tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ của tổ chức tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức;
- Những người theo tôn giáo nhưng chưa có tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc công nhận là tổ chức tôn giáo.

*b) Về điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung*

Nhóm tín đồ, nhóm người theo tôn giáo phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể<sup>89</sup>:

- Đối với tổ chức tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- + Có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo;
- + Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

+ Nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật.

- Những người theo tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung khi đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên và các điều kiện sau đây:

- + Có giáo lý, giáo luật;
- + Tên của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

*c) Trình tự thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung. Theo đó tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người

<sup>89</sup> Điều 17 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

đại diện của nhóm người theo tôn giáo trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

Về hồ sơ, thẩm quyền, thời hạn trả lời đăng ký được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 17 của Luật, cụ thể:

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức đăng ký; tên tôn giáo; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện; nội dung, địa điểm, thời gian sinh hoạt tôn giáo, số lượng người tham gia;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

+ Sơ yếu lý lịch của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

### ***3.2. Thay đổi người đại diện, địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung***

Trong quá trình sinh hoạt tôn giáo tập trung, nhóm sinh hoạt tôn giáo vì nhiều lý do, điều kiện (khách quan hoặc chủ quan) sẽ có sự thay đổi về người đại diện, địa điểm sinh hoạt tôn giáo. Để các hoạt động này được đảm bảo thực hiện trong thực tiễn, một mặt tạo điều kiện cho nhóm sinh hoạt tôn giáo khi có nhu cầu thay đổi có căn cứ pháp lý để thực hiện, mặt khác cũng là cơ sở để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung cho mọi người, Điều 5, 6 của Nghị định số 162 đã quy định về việc thay đổi người đại diện, thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Đây chính là biện pháp của Chính phủ để thực hiện hiệu quả các quy định của Luật trong thực tiễn.

#### ***a) Về việc thay đổi người đại diện***

Điều 5 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định nếu nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có nhu cầu thay đổi người đại diện thì trước khi thay đổi có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng

ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*b) Về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung*

Điều 6 Nghị định số 162 quy định hai trường hợp thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, đó là thay đổi trong địa bàn một xã và thay đổi địa bàn từ xã này đến địa bàn xã khác.

Trường hợp thay đổi trong địa bàn một xã thì trước khi thay đổi địa điểm, người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp thay đổi đến địa bàn xã khác thì trước khi thay đổi địa điểm, người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm mới.

Trong thời hạn 15 ngày (đối với trường hợp thay đổi trong địa bàn một xã) và 20 ngày (đối với trường hợp thay đổi đến địa bàn xã khác) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ. Trường hợp nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung chuyển địa điểm sinh hoạt tôn giáo đến địa bàn xã khác, người đại diện của nhóm còn có trách nhiệm gửi kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

Về hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện, hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đã được Điều 5, 6 của Nghị định số 162 quy định cụ thể.

#### **4. Đăng ký hoạt động tôn giáo**

Hoạt động tôn giáo là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo<sup>90</sup>.

Đăng ký hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là quy định mới so với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trước đây.

*a) Điều kiện đăng ký hoạt động tôn giáo*

---

<sup>90</sup> Khoản 11 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.



Để được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức phải đáp ứng đủ các điều kiện<sup>91</sup>, đó là:

- Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi;
- Có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật;
- Tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc;
- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;
- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở;
- Nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật.

#### *b) Thẩm quyền, thời hạn đăng ký hoạt động tôn giáo*

Tùy thuộc vào địa bàn hoạt động, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức được thực hiện các hoạt động như tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý; bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc; sửa chữa, cải tạo trụ sở; tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo; tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

Khi thực hiện các hoạt động nêu trên, tổ chức phải tuân thủ các quy định của Luật, quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **5. Tổ chức tôn giáo**

Tổ chức tôn giáo là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo<sup>92</sup>.

<sup>91</sup> Điều 18 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>92</sup> Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

### **5.1. Công nhận tổ chức tôn giáo**

#### **a) Điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo**

Một trong những điều kiện tiên quyết để một tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo đó là tổ chức phải hoạt động tôn giáo ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Ngoài ra tổ chức còn phải đáp ứng các điều kiện khác như:

- Có hiến chương theo quy định tại Điều 23 của Luật;
- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;
- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương;
- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Như vậy, nếu pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trước đây quy định điều kiện về thời gian để một tổ chức từ khi được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đến khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo và cuối cùng là công nhận tổ chức tôn giáo là 23 năm thì hiện nay Luật quy định thời điểm này bắt đầu từ khi tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đến công nhận tổ chức tôn giáo là từ đủ 05 năm hoạt động ổn định, liên tục trở lên (đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung không còn là một điều kiện để tiến tới được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo và sau đó là công nhận tổ chức tôn giáo). Đây là quy định rất mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức sau một thời gian hoạt động được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có đủ các điều kiện theo luật định để đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo.

#### **b) Thẩm quyền, thời hạn công nhận**

Luật quy định tùy thuộc vào địa bàn hoạt động, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động trong một tỉnh hoặc Bộ Nội vụ quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### **5.2. Hiến chương và sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo**

Theo quy định của Luật, hiến chương của tổ chức tôn giáo phải đảm bảo các nội dung cơ bản theo quy định tại Điều 23 của Luật, cụ thể:

- Tên của tổ chức;
- Tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động;
- Địa bàn hoạt động, trụ sở chính;
- Tài chính, tài sản;
- Người đại diện theo pháp luật, mẫu con dấu;
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, cách thức phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, chuyển chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành;
- Điều kiện, thẩm quyền, cách thức giải thể tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Việc tổ chức hội nghị, đại hội; thể thức thông qua quyết định, sửa đổi, bổ sung hiến chương; nguyên tắc, phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ của tổ chức;
- Quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức tôn giáo trực thuộc, giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Tổ chức tôn giáo khi sửa đổi hiến chương, tùy thuộc vào địa bàn hoạt động của tổ chức sẽ đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu tổ chức có địa bàn hoạt động trong một tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương nếu tổ chức có địa bàn hoạt động trong phạm vi nhiều tỉnh.

### **5.3. Tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo**

#### *a) Về tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo<sup>93</sup>*

Tổ chức phải có tên bằng tiếng Việt; không được trùng với với tên tổ chức tôn giáo khác hoặc tổ chức khác đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

Tên của tổ chức tôn giáo được sử dụng trong quan hệ với tổ chức, cá nhân khác và được pháp luật bảo vệ. Tổ chức tôn giáo thay đổi tên, trụ sở phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận. Luật chưa có quy định về trình tự, thủ tục thay đổi tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

<sup>93</sup> Điều 25, Điều 26 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Để đảm bảo thực hiện nội dung này trong thực tiễn, Nghị định số 162 đã quy định về trình tự, thủ tục thay đổi tên, thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

*b) Trình tự, thủ tục thay đổi tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Điều 7 và 8 của Nghị định số 162 đã quy định về trình tự, thủ tục thay đổi tên, thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cụ thể:

*- Đối với việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc<sup>94</sup>:*

Trước khi thay đổi tên, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Nội vụ). Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Nội vụ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*- Đối với việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc<sup>95</sup>:*

Điều 8 Nghị định số 162 quy định việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được chia làm hai trường hợp đó là việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh và việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

#### **5.4. Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo**

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định về vấn đề pháp nhân của tổ chức tôn giáo, theo đó đối với tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo sau ngày Luật có hiệu lực, thời điểm tổ chức được công nhận là pháp nhân phi

<sup>94</sup> Điều 7, Nghị định số 162.

<sup>95</sup> Điều 8, Nghị định số 162.

thương mại chính là thời điểm tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận về tổ chức.

Đối với các tổ chức được công nhận trước ngày Luật có hiệu lực, thời điểm tổ chức trở thành pháp nhân phi thương mại là thời điểm Luật có hiệu lực. Các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm điều chỉnh hiến chương tại đại hội gần nhất theo quy định tại Điều 23 và đăng ký hiến chương sửa đổi theo quy định tại Điều 24 của Luật.

### **5.5. Giải thể tổ chức tôn giáo**

#### *a) Các trường hợp giải thể*

Luật đưa ra các quy định mang tính nguyên tắc về giải thể tổ chức tôn giáo (giải thể về cơ cấu tổ chức) mà chưa có các quy định về trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức tôn giáo giải thể trong các trường hợp<sup>96</sup>:

- Theo quy định của hiến chương;
- Không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục;
- Hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

#### *b) Về cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải thể hoặc đề nghị giải thể*

Theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải thể hoặc đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo gồm:

- Tổ chức tôn giáo đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tự giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo có quyền giải thể tổ chức tôn giáo.

Trước khi giải thể, tổ chức tôn giáo phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản. Tài sản của tổ chức bị giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

### **5.6. Trình tự, thủ tục giải thể**

Nghị định số 162 đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, cụ thể:

<sup>96</sup> Điều 31 Luật tín ngưỡng, tôn giáo

*a) Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo theo quy định của hiến chương<sup>97</sup>:*

Tổ chức tôn giáo tự giải thể theo quy định của hiến chương có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức đề nghị; lý do và dự kiến thời điểm giải thể;
- Bản kê khai tài sản, tài chính;
- Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có);

Tổ chức tôn giáo tự giải thể có trách nhiệm thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên năm số báo viết hoặc báo điện tử liên tiếp ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, ở địa phương đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

Thẩm quyền chấp thuận giải thể: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; Bộ Nội vụ chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với tổ chức tôn giáo tự giải thể, thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức giải thể là thời điểm tổ chức phải nộp lại bản chính quyết định công nhận tổ chức tôn giáo; giấy chứng nhận của cơ quan công an về việc tổ chức đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

*b) Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật<sup>98</sup>*

- Trước 60 ngày dự kiến giải thể tổ chức tôn giáo theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật, Bộ Nội vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ

<sup>97</sup> Điều 10 Nghị định số 162.

<sup>98</sup> Điều 11 Nghị định số 162/2012/NĐ-CP.

chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh cho tổ chức tôn giáo dự kiến bị giải thể.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo bị giải thể; cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể kèm theo kết luận của cơ quan nhà nước có chức năng thanh tra về tín ngưỡng, tôn giáo về việc tổ chức không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo.

- Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản giải trình đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 162.

Sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải trình, nếu tổ chức tôn giáo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị giải thể thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật, tổ chức tôn giáo bị giải thể có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự. Hết thời hạn trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo; bãi bỏ và thu hồi các văn bản sau đây: Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo; danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Bên cạnh đó, Nghị định số 162 cũng quy định trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể tổ chức tôn giáo; chấm dứt hoạt động, quyền khiếu nại của tổ chức tôn giáo.

### **5.7. Tổ chức tôn giáo trực thuộc**

#### *a) Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Tổ chức tôn giáo trực thuộc là tổ chức thuộc tổ chức tôn giáo, được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo.

Liên quan đến tổ chức tôn giáo trực thuộc cần lưu ý một số nội dung sau:

\* Thống nhất cách hiểu về thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc<sup>99</sup>:

<sup>99</sup> Điều 27 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; chia, tách tổ chức tôn giáo trực thuộc thành nhiều tổ chức tôn giáo trực thuộc mới; sáp nhập tổ chức tôn giáo trực thuộc vào một tổ chức tôn giáo trực thuộc khác; hợp nhất các tổ chức tôn giáo trực thuộc thành một tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

- Sau khi chia, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia chấm dứt tồn tại; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia được chuyển giao cho các tổ chức tôn giáo trực thuộc mới;

- Sau khi tách, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị tách và tổ chức tôn giáo trực thuộc được tách thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình phù hợp với mục đích hoạt động;

- Sau khi sáp nhập, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mà tổ chức đó được sáp nhập vào;

- Sau khi hợp nhất, các tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm tổ chức tôn giáo trực thuộc mới được thành lập; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

\* Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 28 của Luật, cụ thể:

- Hiến chương của tổ chức tôn giáo có quy định về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật;

- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

\* Thẩm quyền, thời hạn chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc

Luật quy định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách,



sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

*b) Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Đối với các tổ chức tôn giáo trực thuộc, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức tôn giáo đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương;
- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Như vậy, các tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận cho thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tôn giáo sẽ có văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Để tổ chức tôn giáo trực thuộc trở thành pháp nhân phi thương mại, tổ chức tôn giáo phải thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Nội vụ đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, thành) và quy định cụ thể hồ sơ gồm các văn bản, giấy tờ cần thiết.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*c) Giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Tương tự như tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật.

*Về thẩm quyền giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc:* Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc; cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ

chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Các trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc bao gồm:

- Giải thể theo hiến chương;
- Không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục;
- Hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

Trước khi giải thể, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản. Tài sản của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

Về trình tự, thủ tục giải thể, Điều 10, 11 Nghị định số 162 đã quy định cụ thể. Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định về trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc; chấm dứt hoạt động, quyền khiếu nại của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

#### **5.8. Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc**

*a) Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc trong tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc*

\* Điều kiện phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo hiến chương của tổ chức tôn giáo. Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng điều kiện như:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo;
- Không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tội phạm hình sự.

\* Phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc; bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Vấn đề phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc đã được quy định tại Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, văn bản này chưa có sự phân biệt rõ ràng thế nào là chức sắc, thế nào là chức việc, trong cách giải thích về chức sắc có cả chức việc vì vậy cả hai nội dung này được đưa vào điều chỉnh trong cùng một điều luật. Quá trình xây dựng Luật, hai nội dung này đã được phân biệt, làm rõ nội hàm và quy định tại hai điều với hai cách thực hiện khác nhau, cụ thể:

*Về phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc*<sup>100</sup>: Điều 33 của Luật quy định, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả phong phẩm hoặc suy cử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử.

Như vậy, đối với phong phẩm hoặc suy cử chức sắc: Chỉ có tổ chức tôn giáo có quyền thực hiện; phong phẩm hoặc suy cử chức sắc là công việc nội bộ của tổ chức vì vậy tổ chức tự thực hiện (sau khi đối chiếu với điều kiện theo quy định của Luật) và sau khi có kết quả thì thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 33 của Luật.

*Về bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc*: Điều 34 quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi có kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc, các tổ chức này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Như vậy, đối với bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc quy trình đã có sự thay đổi so với quy trình phong phẩm hoặc suy cử chức sắc. Ở đây có ba chủ thể được thực hiện quyền này gồm có tổ chức tôn giáo; tổ chức tôn giáo trực thuộc và tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Mặt khác, trước khi thực hiện bổ nhiệm, bầu cử, suy cử các tổ chức phải gửi hồ sơ đăng ký của người dự kiến lãnh đạo tổ chức đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sau khi hồ sơ được chấp thuận, những người dự kiến đó sẽ được các tổ chức thực hiện bổ nhiệm, bầu cử, suy cử và khi có kết quả sẽ phải thông báo cho các cơ quan liên quan.

*b) Thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định về việc thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành. Tuy nhiên nội hàm của vấn đề này đã được làm mới

<sup>100</sup> Điều 33 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

từ thẩm quyền, văn bản thông báo đến thời hạn cũng như việc chuyển đổi với các trường hợp đặc biệt.

Điều 35 của Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nơi đi và nơi đến chậm nhất là 20 ngày.

Đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chuyển có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến chuyển đến. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mới được tiếp tục thực hiện việc chuyển theo quy định.

#### *c) Cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc phải theo hiến chương của tổ chức để tránh sự tùy tiện khi thực hiện. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cách chức, bãi nhiệm.

Đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi cách chức, bãi nhiệm chức việc sẽ thực hiện theo quy định của tổ chức và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **5.9. Cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo**

#### *a) Cơ sở đào tạo tôn giáo*

- Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc và bổ sung làm mới các quy định về cơ sở đào tạo tôn giáo, Luật đã có nhiều sự thay đổi đối với nội dung này như: Đổi tên gọi từ “Trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo” thành “Cơ sở đào tạo tôn giáo”; bổ sung điều kiện thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khẳng định cơ sở đào tạo tôn giáo không thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và giao cho cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp để hướng dẫn chương trình, nội dung môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

Điều 37, 38, 39 và 40 của Luật đã quy định cụ thể từ điều kiện; trình tự, thủ tục, thẩm quyền; hoạt động của cơ sở đào tạo; hướng dẫn chương trình, nội dung môn học về lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam dành cho các cơ sở đào tạo tôn giáo. Hiện nay, các cơ sở đào tạo tôn giáo đang tích cực thực hiện hai môn học này.

*- Về giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo*

Cơ sở đào tạo tôn giáo giải thể trong trường hợp, cụ thể:

+ Theo quyết định của tổ chức tôn giáo;  
+ Hết thời hạn 03 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, cơ sở đào tạo tôn giáo không tổ chức được hoạt động đào tạo;

+ Hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động đào tạo tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

Tổ chức tôn giáo có quyền giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có quyền giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật.

Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo đến Bộ Nội vụ chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày giải thể.

Về trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo; trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo; chấm dứt hoạt động, quyền khiếu nại của cơ sở đào tạo tôn giáo: Điều 12, 13 của Nghị định số 162 đã quy định cụ thể.

*b) Lớp bồi dưỡng về tôn giáo*

Việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được quy định, cụ thể:

- Nếu là mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi mở lớp (Sở Nội vụ).

- Nếu là mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho đối tượng khác thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở lớp.

**6. Hoạt động tôn giáo, hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo**

**6.1. Về hoạt động tôn giáo**

*a) Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo*

Luật quy định tất cả các tổ chức từ tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đều phải thông

báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật (tùy thuộc vào địa bàn hoạt động tôn giáo của tổ chức) chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày 01/01/2018, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày 01/01/2018 các tổ chức có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo chỉ thực hiện một lần. Đối với hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì người đại diện tổ chức có trách nhiệm thông báo bổ sung.

Đây là quy định mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cả cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi thực hiện thông báo danh mục hoạt động tôn giáo.

*b) Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Luật đã tách hội nghị thường niên và đại hội để điều chỉnh ở các điều luật khác nhau. Nếu là hội nghị thường niên thì tổ chức chỉ cần thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị;

Nếu là đại hội, tổ chức phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tổ chức. Luật bổ sung thêm đối tượng được tổ chức đại hội là tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

Bên cạnh đó, Luật bổ sung quy định về việc tổ chức hội nghị liên tôn giáo, hội nghị có yếu tố nước ngoài về tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Đối với các hội nghị này, trước khi thực hiện các tổ chức có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương (Bộ Nội vụ).

Về thời hạn cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời đề nghị tổ chức đại hội được nâng lên 25, 30, 45 ngày tùy thuộc vào chủ thể đứng ra đề nghị. Việc nâng thời hạn xem xét dài hơn cũng là để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thời gian phối hợp nghiên cứu, thẩm định các hồ sơ, văn bản.

*c) Cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp*

Luật đã gộp cả hai nội dung cuộc lễ, giảng đạo để điều chỉnh trong cùng một điều luật với hai khoản khác nhau, bổ sung quy định nếu giảng đạo ngoài

địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký, chức sắc, chức việc, nhà tu hành phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Về thẩm quyền chấp thuận cuộc lễ, giảng đạo:* Thay vì phải được sự chấp thuận của một trong hai cơ quan là Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thì hiện nay thẩm quyền này Luật giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Nội vụ.

*Về thời hạn* cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời tổ chức tôn giáo khi tổ chức cuộc lễ; trả lời chức sắc, chức việc, nhà tu hành khi thực hiện giảng đạo được nâng lên 25 hoặc 30 ngày tùy thuộc vào thẩm quyền chấp thuận là của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Nội vụ. Ngoài ra, Luật cũng quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có trách nhiệm hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự cho cuộc lễ, giảng đạo.

*d) Hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài*

Đây là một trong những mục quy định có nhiều nội dung mới, được các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đánh giá là điểm sáng, tiến bộ của Luật. Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Luật đã có nhiều đổi mới, bổ sung, cụ thể:

*- Sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam*

Điều 47 của Luật quy định người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung có thể sinh hoạt tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác. Để thực hiện nhu cầu này, người đại diện có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt tôn giáo tập trung. Như vậy, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam không chỉ được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo mà còn được thuê, mượn địa điểm hợp pháp để thực hiện quyền này.

*- Hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam*

Chủ thể được mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam còn được thực hiện “*hoạt động tôn giáo*”. Để tránh các cá nhân mạo danh chức sắc tôn giáo nước ngoài, Luật quy định thành phần hồ sơ bổ sung “*Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời*”.

Về thẩm quyền chấp thuận được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn

giáo ở một tỉnh; Bộ Nội vụ nếu mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo.

*- Việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo*

Luật cũng quy định tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo. Tuy nhiên, khi thực hiện quyền này, tổ chức phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3 và chức sắc, nhà tu hành phải tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 48 của Luật.

*- Việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo của nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung*

Khác với quy định của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Luật quy định nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung được trực tiếp mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo khi có nhu cầu. Khi thực hiện quyền này, nhóm người nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật đến Bộ Nội vụ. Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài khi giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung phải tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 48 của Luật.

*- Người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam*

Trên cơ sở các quy định của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Luật quy định người nước ngoài có thể gửi hồ sơ đăng ký học tại các cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam. Tuy nhiên, khi đã vào học người nước ngoài phải là người cư trú hợp pháp ở Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, tự nguyện đăng ký học và được cơ sở đào tạo tôn giáo đề nghị với Bộ Nội vụ.

*- Tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài*

Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị. Quy định này nhằm đảm bảo được sự quản lý thống nhất, có tổ chức cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Điều 50 của Luật cũng quy định cụ thể về hồ sơ, thời hạn trả lời tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khi các tổ chức này cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia các hoạt động.

*- Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài*

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo quy định các trường hợp phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài bao gồm tổ chức tôn giáo Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp



tại Việt Nam; tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho công dân Việt Nam ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định điều kiện của người được phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; trách nhiệm của tổ chức tôn giáo có người được phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử hoặc phong phạm, suy cử phẩm vị cho người nước ngoài; trách nhiệm đăng ký của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đối với trường hợp công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc. Các nội dung này đã được Điều 17, 18 của Nghị định số 162 quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện.

*- Hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ*

Luật quy định quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế nhưng phải theo hiến chương của tổ chức tôn giáo và phù hợp với pháp luật Việt Nam; khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan.

*- Gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài*

Đây là quy định mới của Luật, mặc dù trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức tôn giáo đã xuất hiện các hoạt động này nhưng Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo trước đây chưa quy định. Để phù hợp với tình hình thực tiễn, Luật quy định trước khi gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định khi chấm dứt gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày chấm dứt.

**6.2. Hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo**

*a) Hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm*

Luật quy định, tổ chức tôn giáo được thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật.

*b) Hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo*

Điều 55 của Luật quy định tổ chức tôn giáo được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **7. Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; quản lý nhà nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo**

### **7.1. Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo**

#### *a) Việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo*

Đây là quy định mới của Luật nhằm cụ thể tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo gồm tài sản được hình thành từ các nguồn nào. Theo quy định tại Điều 56 của Luật quy định tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo bao gồm tài sản được hình thành từ đóng góp của thành viên tổ chức, từ quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Các tài sản này phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Luật cũng quy định cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng.

Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, góp vốn tài sản bằng quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Như vậy, việc chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, góp vốn tài sản bằng quyền sử dụng đất sẽ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Hiện nay, pháp luật đất đai không cho phép cơ sở tôn giáo được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng đất; không được thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất<sup>101</sup> cũng như không được nhận tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất.

#### *b) Hoạt động quyên góp, tài trợ*

- Hoạt động quyên góp: Đây là hoạt động mà trên thực tế các cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thường xuyên thực hiện. Để đảm bảo hoạt động này của các cơ sở, tổ chức được thuận lợi, Điều 19 của Nghị định số 162 quy định:

Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và từ thiện xã

<sup>101</sup> Điều 181 Luật Đất đai năm 2013.

hội trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tùy địa bàn quyền góp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân các cấp về việc tổ chức quyền góp, trong đó nêu rõ mục đích, địa bàn, cách thức, thời gian quyền góp; phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyền góp.

Hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyền góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và từ thiện xã hội. Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyền góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyền góp.

- Việc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài: Đây là hoạt động thường xuyên của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Khoản 5 Điều 56 của Luật giao cho Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Thực hiện quy định này, Điều 23 của Nghị định quy định: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, đồ dùng tôn giáo thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại.

*c) Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo*

Để đảm bảo phù hợp với pháp luật chuyên ngành, Luật quy định đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

*d) Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ*

Luật quy định việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thực hiện như quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu

bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng. Việc tu bổ, phục hồi cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc các cơ sở này thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

Điều 16 Nghị định số 162 quy định đối với việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 58 của Luật. Việc cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng mà không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình thì được miễn giấy phép xây dựng.

Nhằm giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận diện về công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ và thực hiện được các quy định này, Nghị định số 162 đã dành một điều để giải thích các từ ngữ này.

*đ) Di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo*

Việc di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về xây dựng.

**7.2. Quản lý nhà nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo**

*a) Nội dung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo*

Điều 60 của Luật quy định về nội dung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm: Xây dựng chính sách, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và quan hệ quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

*b) Trách nhiệm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo*

Luật đã quy định cụ thể về trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo<sup>102</sup>, cụ thể:

<sup>102</sup> Điều 61 Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Điều 22 Nghị định số 162/2012/NĐ-CP.

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong phạm vi cả nước;

- Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tôn giáo; các hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng chưa được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về lễ hội tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương.

- Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giúp Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Bên cạnh đó, Điều 22 của Nghị định số 162 đã duy danh Bộ Nội vụ là cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương (không phải Ban Tôn giáo Chính phủ).

Đặc biệt, Điều này còn quy định cụ thể, rõ ràng về việc thực hiện các quy định của Luật và Nghị định, những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định. Những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cùng cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân quyết định trừ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng; quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được quy định tại các Điều 13, 14 và Điều 15 của Luật.

*c) Thanh tra chuyên ngành, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, xử lý vi phạm trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo*

Để bảo đảm có đầy đủ công cụ pháp lý nhằm thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này, đồng thời bảo đảm quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Luật quy định về thanh tra chuyên ngành tôn giáo; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; xử lý vi phạm trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và một số biện pháp chế tài khác như đình chỉ, giải thể.

### III. PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

#### 1. Pháp luật đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo

##### 1.1. Khái quát về đất cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng

Đất cơ sở tôn giáo, đất cơ sở tín ngưỡng thuộc nhóm đất phi nông nghiệp.

##### 1.1.1. Đất cơ sở tôn giáo

- Đất cơ sở tôn giáo gồm đất thuộc chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào chính sách tôn giáo của Nhà nước, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết định diện tích đất giao cho cơ sở tôn giáo.

##### 1.1.2. Đất cơ sở tín ngưỡng

- Đất tín ngưỡng bao gồm đất có công trình đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ.

- Việc sử dụng đất tín ngưỡng phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc xây dựng, mở rộng các công trình đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ của cộng đồng phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### 1.2. Quy định pháp luật về đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo

Luật Đất đai năm 2013, ngoài việc điều chỉnh quy định về chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý về đất đai, chế độ quản lý và sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất,... còn có các điều khoản quy định về đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất gồm có nhiều đối tượng, trong đó có cơ sở tôn giáo: Cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và các cơ sở khác của tôn giáo.

Như vậy, cơ sở tôn giáo được xác định là một trong những đối tượng được sử dụng đất. Người đứng đầu cơ sở tôn giáo chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất đã giao cho cơ sở tôn giáo<sup>103</sup>.

<sup>103</sup> Khoản 4 Điều 7 Luật Đất đai năm 2013.

- Về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất tín ngưỡng, tôn giáo: Điều 7 Luật Đất đai năm 2013 quy định người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra đối với việc sử dụng đất đã giao, công nhận cho cộng đồng dân cư.

Đối với việc sử dụng đất đã giao cho cơ sở tôn giáo, người đứng đầu cơ sở tôn giáo sẽ chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất của cơ sở tôn giáo.

- Đất của cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thuộc nhóm đất phi nông nghiệp<sup>104</sup> và cơ sở tôn giáo sử dụng đất phi nông nghiệp khi Nhà nước giao đất không phải trả tiền sử dụng đất<sup>105</sup>.

- Với mục đích đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, Điều 12, Luật đất đai năm 2013 quy định bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm: Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai; vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố; không sử dụng đất, sử dụng đất không đúng mục đích; không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi thực hiện quyền của người sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định của Luật này; sử dụng đất, thực hiện giao dịch về quyền sử dụng đất mà không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định về quản lý đất đai; không cung cấp hoặc cung cấp thông tin về đất đai không chính xác theo quy định của pháp luật; cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định giao đất và thu hồi đất đối với cơ sở tôn giáo<sup>106</sup>.

- Tại khoản 2 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng đang sử dụng đất mà không phải là đất do Nhà nước giao, cho thuê và có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

<sup>104</sup> Điểm g khoản 4 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013.

<sup>105</sup> Khoản 5 Điều 54 Luật Đất đai năm 2013.

<sup>106</sup> Điểm b khoản 1 Điều 59; điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp. So với Luật đất đai năm 2003 thì quy định mới này giúp địa phương tháo gỡ những vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ đất đổi với đất do cơ sở tôn giáo đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh doanh phi nông nghiệp; cơ sở hoạt động từ thiện; không phải là đất do được Nhà nước giao mà có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho hợp pháp hoặc khai hoang trước ngày 01/7/2004.

- Tại khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất: Cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi có đủ các điều kiện sau đây:

- + Được Nhà nước cho phép hoạt động;
- + Không có tranh chấp;
- + Không phải là đất nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho sau ngày 01/7/2004.

So với Luật Đất đai năm 2003 thì Luật Đất đai năm 2013 bỏ 2 điều kiện là “có văn bản đề nghị của tổ chức tôn giáo có cơ sở tôn giáo, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhu cầu sử dụng đất của cơ sở tôn giáo” và bổ sung thêm điều kiện không tranh chấp.

- Đối với quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khoản 1 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cơ sở tôn giáo. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền cho cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Về thời hạn sử dụng đất: Điều 125 Luật Đất đai năm 2013 quy định về đất sử dụng ổn định lâu dài trong các trường hợp đó là đất cơ sở tôn giáo quy định tại Điều 159 của Luật Đất đai và đất tín ngưỡng.

Theo quy định tại Điều 159, Luật Đất đai năm 2013 quy định về đất cơ sở tôn giáo gồm: Đất thuộc chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm Phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào chính sách tôn giáo của Nhà nước, quy hoạch,



kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết định diện tích đất giao cho cơ sở tôn giáo; thuộc loại đất sử dụng ổn định lâu dài và cơ sở tôn giáo nhận quyền sử dụng đất thông qua việc Nhà nước giao đất.

- Về nhận quyền sử dụng đất:

Điều 169 Luật Đất đai năm 2013 quy định người nhận quyền sử dụng đất được quy định gồm nhiều đối tượng, trong đó có:

+ Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được nhận quyền sử dụng đất thông qua việc Nhà nước giao đất.

+ Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo được nhận quyền sử dụng đất thông qua việc Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang được sử dụng ổn định.

+ Cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo được nhận quyền sử dụng đất theo: Kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận; quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành.

- Tại Điều 170 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nghĩa vụ chung của người sử dụng đất, trong đó có các cơ sở tôn giáo: Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về sử dụng độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện kê khai đăng ký đất đai; làm đầy đủ thủ tục khi chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo vệ đất; tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan; tuân theo các quy định của pháp luật về việc tìm thấy vật trong lòng đất; giao lại đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất, khi hết thời hạn sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn sử dụng”.

- Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Khoản 2 Điều 173 Luật Đất đai quy định: Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ chung quy định tại Điều 166 và Điều 170 của Luật Đất đai.

Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

- Tại Điều 181 và Điều 191 Luật Đất đai năm 2013 quy định cơ sở tôn giáo có quyền và nghĩa vụ chung quy định tại Điều 166 và Điều 170 của Luật đất đai 2013; không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng đất; không được thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

## **2. Pháp luật về xây dựng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo**

### **2. 1. Một số khái niệm**

- *Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác.

- *Cơ sở tôn giáo* gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.

- *Về công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ*, Điều 3 Nghị định 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định số 162/2017/NĐ-CP) quy định:

+ Công trình tín ngưỡng là công trình xây dựng để làm cơ sở tín ngưỡng.

+ Công trình tôn giáo là công trình xây dựng để làm cơ sở tôn giáo, tượng đài, bia và tháp tôn giáo.

+ Công trình phụ trợ là công trình không sử dụng cho việc thờ tự của cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo gồm nhà ở, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, tường rào khuôn viên thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và các công trình tương tự khác.

- *Về cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ*, Điều 16 Nghị định 162/2017/NĐ-CP quy định:

+ Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 58 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

+ Khi cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng mà không làm thay đổi kết cấu chịu lực,

không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình thì được miễn giấy phép xây dựng.

- *Về tượng đài, công trình mỹ thuật ngoài trời* sẽ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

- *Về di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh*, Điều 4 Luật Di sản Văn hóa (Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 23-7-2013 của Văn phòng Quốc hội) quy định:

+ Di tích lịch sử văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học;

+ Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.

## ***2.2. Một số quy định cụ thể của pháp luật về xây dựng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo***

a) *Về lập dự án đầu tư xây dựng:*

- Điều 52 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 quy định về lập dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình nhưng không có công trình xây dựng sử dụng cho mục đích tôn giáo.

- Dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trong các trường hợp sau:

+ Công trình xây dựng sử dụng cho mục đích tôn giáo;

+ Công trình xây dựng quy mô nhỏ và công trình khác do Chính phủ quy định.

- Nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân khi xây dựng không phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) *Về hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng mới*

Điều 95 Luật xây dựng 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 quy định cụ thể như sau:

- *Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới đối với nhà ở riêng lẻ gồm:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;

+ Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

+ Bản vẽ thiết kế xây dựng;  
 + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.

- *Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với công trình không theo tuyến gồm:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;  
 + Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;  
 + Bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư;  
 + Bản vẽ thiết kế xây dựng;  
 + Bản sao hoặc mã số chứng chỉ hành nghề của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình được cấp theo quy định<sup>107</sup>.

- *Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với xây dựng công trình theo tuyến gồm:*

+ Các tài liệu quy định gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng; bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; bản vẽ thiết kế xây dựng; bản sao hoặc mã số chứng chỉ hành nghề của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình được cấp theo quy định;

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự phù hợp với vị trí và phương án tuyến;

+ Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

- *Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với xây dựng công trình tôn giáo gồm:*

+ Các tài liệu: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng; bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; bản vẽ thiết kế xây dựng; bản sao hoặc mã số chứng chỉ hành nghề của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình được cấp theo quy định;

<sup>107</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020.

+ Văn bản có ý kiến về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>108</sup>.

Ngoài ra Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng còn quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 43 của Nghị định này và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng gồm:*

+ Các tài liệu: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng; bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; bản vẽ thiết kế xây dựng; bản sao hoặc mã số chứng chỉ hành nghề của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình được cấp theo quy định;

+ Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quảng cáo.

*c) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình*

Điều 96 Luật xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 quy định cụ thể như sau:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình;
- Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ, ảnh chụp hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình, nhà ở riêng lẻ đề nghị được cải tạo;
- Đối với công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa<sup>109</sup>.

*d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình*

Điều 97 Luật xây dựng năm 2014 quy định cụ thể như sau:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình;

<sup>108</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020.

<sup>109</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020.

- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật;

- Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến;

- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện;

- Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm:

- + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

- + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

*đ) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tín ngưỡng*

Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định này;

- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm:

- + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

- + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình;

- + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện;

- + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.

- Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và khoản 3 Điều này Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mẫu bản vẽ thiết kế để hộ gia đình, cá nhân tham khảo khi tự lập thiết kế xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 79 của Luật Xây dựng năm 2014. Và ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích công đồng.

*g) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh*

Đối với các công trình này, hồ sơ đề nghị ngoài các tài liệu quy định như hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng còn phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá theo quy định của pháp luật về văn hoá.

### ***2.3. Về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng***

Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 quy định:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ công trình quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng thuộc chức năng và phạm vi quản lý của cơ quan này<sup>110</sup>;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý<sup>111</sup>;

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp;

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng không thu hồi giấy phép xây dựng đã cấp không đúng quy định thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp quyết định thu hồi giấy phép xây dựng.

### ***2.4. Về quyền và nghĩa vụ của người đề nghị cấp giấy phép xây dựng***

Điều 106 Luật Xây dựng quy định:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng có các quyền sau:

<sup>110</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020.

<sup>111</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020.

- + Yêu cầu cơ quan cấp giấy phép xây dựng giải thích, hướng dẫn và thực hiện đúng các quy định về cấp giấy phép xây dựng;
- + Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc cấp giấy phép xây dựng;
- + Được khởi công xây dựng công trình theo quy định của Luật này.
- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng có các nghĩa vụ sau:
  - + Nộp đầy đủ hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép xây dựng;
  - + Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
  - + Thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc<sup>112</sup>.
  - + Thực hiện đúng nội dung của giấy phép xây dựng./.

## **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Nhìn nhận quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người?
2. Những vấn đề cần quan tâm trong công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam?
3. Những điểm mới của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay so với Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo?
4. Hãy cho biết tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam không?
5. Tổ chức tôn giáo trực thuộc trở thành pháp nhân phi thương mại khi nào?
6. Đối với người sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sẽ bị hạn chế các quyền gì theo quy định của pháp luật về đất đai hiện nay?

---

<sup>112</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020.



### Chuyên đề 3

## HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM GÓP PHẦN THÚC ĐẨY NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VÀ ĐẤU TRANH NHÂN QUYỀN

### 1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

#### 1.1. Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân

Đối ngoại Đảng là mối quan hệ của Đảng ta với các đảng phái, các tổ chức chính trị ở các nước trên thế giới; cũng đồng thời là mối quan hệ giữa các lãnh đạo Đảng ta với lãnh đạo các đảng, các chính khách, các tổ chức chính trị của các nước. Đối ngoại Đảng do lãnh đạo Đảng, lãnh đạo các ban của Đảng, của các tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương tiến hành trong quan hệ song phương với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tại các diễn đàn, tổ chức chính trị đa phương.

Ngoại giao Nhà nước là mối quan hệ giữa Nhà nước ta với các nhà nước khác; giữa lãnh đạo của Nhà nước ta với lãnh đạo các nước, các tổ chức chính thức của các nước, các tổ chức quốc tế, các diễn đàn đa phương; là hoạt động chính thức của người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ, Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan quan hệ đối ngoại khác.

Đối ngoại nhân dân là hoạt động đối ngoại có sự tham gia rộng rãi của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở các cấp không nhân danh Đảng, Nhà nước và Chính phủ; của các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ, nhà báo, đồng bào các tôn giáo, các dân tộc, các doanh nhân thuộc các thành phần kinh tế; của các tổ chức từ thiện, nhân đạo, bảo vệ môi trường; của nhân dân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân có nhiệm vụ chung là triển khai đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng; hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng. Mục tiêu chung là vì lợi ích quốc gia - dân tộc, duy trì môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp phát triển, bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn ổn định chính trị, an ninh và an toàn cho nhân dân, nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Từ góc độ của mình, cả ba kênh đối ngoại này đều thực hiện các chức năng: nghiên cứu, kiến nghị và triển khai đường lối, chính

sách đối ngoại; tạo dựng và phát triển mối quan hệ hữu nghị, cùng có lợi với các đối tác; tổ chức thông tin đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới, đấu tranh với các âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch.

Tuy nhiên, mỗi kênh đối ngoại có những thế mạnh và đặc thù của mình. Đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân có tính ổn định, lâu dài của Đảng ta và nhân dân ta với các chính đảng và nhân dân các nước, các vùng lãnh thổ, có nội dung phong phú, đa dạng, có phương thức hoạt động đặc thù, không gò bó, không lễ nghi, công thức mà ngoại giao Nhà nước không có điều kiện để làm, hoặc nếu làm thì không thuận lợi bằng. Đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân tạo nên nền tảng vững chắc để ngoại giao Nhà nước thực hiện các chức năng đặc thù của mình là: đàm phán, ký kết, gia nhập, thực hiện các điều ước quốc tế về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia; hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế, chính trị, xã hội và các lĩnh vực khác; đồng thời, là kênh chính thức đấu tranh bảo vệ chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ ổn định chính trị và sự nghiệp phát triển đất nước trong quan hệ với các nước và tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế.

### **1.2. Hoạt động quan hệ quốc tế của các tôn giáo**

Các tôn giáo trong xã hội hiện đại có quy mô tổ chức lớn, có mối quan hệ quốc tế rộng rãi (như có hàng tỷ tín đồ, hàng triệu giáo sỹ và những người chuyên hoạt động tôn giáo, có hàng chục vạn cơ sở thờ tự,...) nên như một lẽ tự nhiên, ngoài những mối quan hệ trong nội bộ, quốc gia mà các tôn giáo đang hiện diện, các tôn giáo còn có một mối quan hệ quốc tế đa dạng, phong phú. Công cuộc truyền giáo của các tôn giáo từ môi trường địa lý, môi trường văn hóa này sang các môi trường địa lý và văn hóa khác càng làm cho quan hệ quốc tế các tôn giáo thêm có ý nghĩa, không chỉ có tính chất giao lưu đơn thuần mà còn hỗ trợ lẫn nhau về tinh thần, vật chất, thần học và chia sẻ với nhau về ứng xử với những vấn đề lớn, nhỏ của xã hội.

Hiện nay chưa có khái niệm “hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo”. Theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế được quy định tại mục 2, chương VI “Hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài”. Do đó, có thể hiểu: “Hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo là hoạt động tôn giáo có liên quan đến yếu tố nước ngoài”.

Hoạt động quan hệ quốc tế các tổ chức tôn giáo được thực hiện chủ yếu dưới 3 hình thức:

(1) Hoạt động “thuần túy tôn giáo”: là những hoạt động mang tính chất giao lưu giữa các tôn giáo, bao gồm các hoạt động như: trao đổi đoàn thăm viếng lẫn nhau; thảo luận về giáo lý, giáo luật, lễ nghi phụng tự, về phương thức sinh hoạt tôn giáo, về đào tạo, trao đổi về thần học và kinh sách; các hoạt động duy trì cơ cấu tổ chức giáo hội và liên đới cộng đồng tôn giáo.

(2) Hoạt động xã hội của các cá nhân, tổ chức tôn giáo: chủ yếu tập trung vào các hoạt động bác ái, từ thiện, viện trợ; các hoạt động tại các diễn đàn quốc tế với các chủ đề hòa bình, bình đẳng, tiến bộ xã hội, dân số và gia đình, môi trường và kinh tế, đạo đức xã hội và nghèo đói do các tổ chức chính trị - xã hội, Liên Hiệp Quốc,... tổ chức.

(3) Hoạt động tôn giáo chứa đựng nội dung chính trị hoặc hoạt động chính trị mang màu sắc tôn giáo: Thông qua các hình thức hoạt động trên, ngoài hoạt động giao lưu vốn có, các tôn giáo muốn tăng cường thêm lực lượng, củng cố đội ngũ, đề cao uy tín và ảnh hưởng, thâm nhập ngày một sâu hơn vào đời sống xã hội, đẩy mạnh công cuộc truyền giảng, can thiệp vào các công việc Nhà nước và sự kiện quốc tế.

### **1.3. Đối ngoại tôn giáo**

Tất cả các hoạt động quốc tế nói trên của các tôn giáo diễn ra có thể khác nhau về quy mô, về địa bàn, về lĩnh vực và về lực lượng, nhưng nó đều được định hướng một cách cụ thể bởi nhiều thành phần khác nhau trong các định chế khác nhau: tổ chức giáo hội, quốc gia, Liên Hợp quốc. Dưới góc độ quản lý Nhà nước, những định hướng cho hoạt động quốc tế các tôn giáo được cho là Đối ngoại tôn giáo hay nói một cách khác Đối ngoại tôn giáo là hoạt động quốc tế các tôn giáo và liên quan đến tôn giáo có định hướng cụ thể. Hoạt động quốc tế các tôn giáo gồm 3 nhóm chính như đã trình bày trên, còn “liên quan đến tôn giáo” gồm hoạt động của các chính khách các Nhà nước, các tổ chức quốc tế, Liên hợp quốc có liên quan đến tôn giáo (như gặp gỡ, tiếp xúc giữa các chính khách, đại diện các Nhà nước, các tổ chức quốc tế với các tổ chức tôn giáo, những người đứng đầu các tôn giáo để thăm viếng hữu nghị, tăng cường hiểu biết giữa Đạo và Đời, giữa Thế quyền và Giáo quyền, tìm tiếng nói chung về một vấn đề chính trị - xã hội nào đó...).

## **2. CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TÔN GIÁO**

### **2.1. Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới**

Đường lối đối ngoại đổi mới của Nhà nước ta được khởi xướng từ Đại hội VI, năm 1986. Qua các kỳ Đại hội Đảng, đường lối đối ngoại tiếp tục được phát triển cho phù hợp với tình hình mới.

Nghị quyết Đại hội VII ghi: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

Đại hội IX đã kiểm điểm quá trình thực hiện đường lối đối ngoại do Đại hội VIII đề ra một lần nữa khẳng định *đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế*. Một trong những điểm mới trong chủ trương đối ngoại được nêu trong Văn kiện Đại hội IX là thay câu “Việt Nam *muốn* làm bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế” thành “Việt Nam *sẵn sàng* là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Điều này vừa khẳng định vị thế lớn mạnh, sự phát triển không ngừng của Đảng và Nhà nước ta; vừa thể hiện thái độ, trách nhiệm cao trong quan hệ với các nước; sẵn sàng là đối tác tin cậy của các nước, nghiêm chỉnh thực hiện mọi luật lệ và cam kết chung khi thiết lập quan hệ đối tác.

Trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị hội nhập sâu rộng, đường lối đối ngoại của Đại hội XI đã có một số phát triển mới, quan trọng để phù hợp với nhiệm vụ và tình hình mới. Một trong các điểm mới đó là: *Lợi ích quốc gia - dân tộc* vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc cao nhất của các hoạt động đối ngoại; từ chủ trương “là bạn và đối tác tin cậy” của Đại hội IX, Đại hội XI bổ sung thêm “*Việt Nam là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế*”. Báo cáo chính trị của Đại hội XI cũng đề ra các định hướng cụ thể và một trong những định hướng đó là “*tiếp tục coi trọng và nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao nhân dân*”.

Kế thừa quan điểm chỉ đạo về đối ngoại của các kỳ Đại hội trước đây, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra chủ trương có tính bước ngoặt về đường lối đối ngoại trong điều kiện mới. Về mục tiêu và nhiệm vụ của đối ngoại, Đại hội XII đã xác định *mục tiêu tối thượng là bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi*. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định phương châm và định hướng lớn của hoạt động đối ngoại là “*Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế*” và đề ra các định hướng lớn trong công tác đối ngoại trong 5 năm tới. Một trong các định hướng mà Đại hội XII đề ra là “*mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại Đảng,*

*ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân” và “tăng cường sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh”.*

Báo cáo chính trị Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh “*Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa*” và khẳng định lại cam kết của Việt Nam “*tiếp tục là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế*”. Những nguyên tắc mang tính định hướng này không những không thay đổi từ Đại hội XII mà còn bổ sung nhiều sắc thái cho việc triển khai chính sách đối ngoại trong 5 năm tới. Đặt trong bối cảnh rộng lớn đó, kỳ Đại hội XIII có nhiều bước phát triển mới đáng chú ý liên quan đến chính sách đối ngoại. *Điểm đầu tiên và đáng chú ý nhất* là sự nhấn mạnh đến vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước. *Thứ hai* là nhấn mạnh nhu cầu xây dựng một nền ngoại giao “toàn diện, hiện đại” - bao gồm 3 trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân cũng như sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa những trụ cột trên. *Thứ ba*, nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam, nhấn mạnh đến vai trò và sự tham gia của Việt Nam trong Asean, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mekong và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế khác.

Để đáp ứng được nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân, Ban Bí thư đã ban hành chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06/7/2011 về *tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới* với quan điểm “Đối ngoại nhân dân là bộ phận cấu thành của công tác đối ngoại chung của Đảng và Nhà nước ta. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn dân mà nòng cốt là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức nhân dân”. Chỉ thị số 04-CT/TW đề ra nhiệm vụ: “Huy động sự tham gia của các tổ chức và tầng lớp nhân dân vào các hoạt động chống lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đấu tranh bảo vệ độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đất nước”.

Hoạt động đối ngoại của các tổ chức, cá nhân tôn giáo cũng là một kênh trong hoạt động đối ngoại nhân dân. Việc hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tôn giáo thực hiện tốt hoạt động đối ngoại sẽ góp phần vào việc đẩy mạnh đối ngoại nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

## **2.2. Chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại tôn giáo**

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với hoạt động đối ngoại tôn giáo được thể hiện rất rõ trong các Nghị quyết của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Ngay từ Sắc lệnh đầu tiên về Tôn giáo (Sắc lệnh số 234/SL) do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và ban hành ngày 14-6-1955, tại Điều 3 đã ghi rõ: “Các nhà tu hành ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải tuân theo luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà như các ngoại kiều khác”.

Sau ngày thống nhất đất nước, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị quyết số 297/CP ngày 11-11-1977 về *một số chính sách đối với tôn giáo* thay thế Sắc lệnh 234/SL ngày 14-6-1955. Nghị quyết 297/CP được ban hành nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đảng về tôn giáo trong giai đoạn này là chính sách nhất quán tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo làm phương hại đến lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Nghị quyết 297/CP quy định về hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo như sau:

(1) Các tổ chức tôn giáo hoặc người hoạt động tôn giáo trong nước muốn quan hệ với các tổ chức tôn giáo hoặc các tổ chức khác hoặc với người nước ngoài thì phải tuân theo những quy định của Nhà nước về quan hệ với người nước ngoài.

(2) Giáo hội Thiên chúa được quan hệ với Vatican về mặt tôn giáo, nhưng phải tôn trọng chủ quyền quốc gia và pháp luật của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Khi một giáo sĩ Việt Nam được Vatican lựa chọn phong từ chức giám mục trở lên thì giáo hội Công giáo phải báo cáo để được chấp thuận trước của Chính phủ nước ta.

Trong thời kì đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về công tác tôn giáo. Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo đã đề ra nhiệm vụ đối với hoạt động

đôi ngoại tôn giáo như sau: “*Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đấu tranh làm thất bại những luận điệu, tuyên truyền xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta*”.

Nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI đã ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/6/2004 khẳng định một nguyên tắc nhất quán: “Quan hệ giữa Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế về vấn đề có liên quan đến tôn giáo phải dựa trên những nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế”. Chương V về “Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc” của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quy định cụ thể về các yếu tố liên quan đến các hoạt động quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo: mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam hoặc triển khai chủ trương của tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam; tham gia hoạt động tôn giáo, cử người tham gia khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam.

Trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 18/11/2016 và có hiệu lực ngày 01/01/2018, hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo được quy định tại chương VI “*Hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài*”. Đây là một trong những mục quy định có nhiều nội dung mới, được các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đánh giá là điểm sáng, tiến bộ của Luật. Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh, Luật tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều đổi mới, bổ sung các quyền cụ thể:

- Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa điểm hợp pháp; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo.

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo.

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài.

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo hiến chương của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam; khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan.

- Luật quy định các trường hợp phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài bao gồm tổ chức tôn giáo Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho công dân Việt Nam ở Việt Nam; việc tổ chức tôn giáo gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài.

Các hồ sơ đề nghị tham gia hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo được thực hiện theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo được mở rộng, giao lưu, hợp tác với các tổ chức, cá nhân tôn giáo nước ngoài.

Như vậy có thể thấy rằng những quy định liên quan đến hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo tại các văn bản quy phạm pháp luật đã từng bước được cải tiến phù hợp với tiến trình đổi mới, góp phần tích cực trong việc thực hiện đường lối đối ngoại và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt trong xu thế mở cửa hiện nay, với chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta thì việc giao lưu, mở rộng mối quan hệ giữa các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở trong nước với các tổ chức tương ứng ở nước ngoài là hoạt động cần thiết trong kênh đối ngoại nhân dân.

### **3. HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TÔN GIÁO ĐÓNG GÓP VÀO ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN**

#### **3.1. Quan hệ quốc tế của các tôn giáo Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, trong đó có một số tôn giáo ra đời do sự du nhập từ bên ngoài: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Baha'i và một số tôn giáo nội sinh: Cao đài, Phật giáo Hòa hảo.... Dù ra đời do sự du nhập từ bên ngoài vào hay là tôn giáo nội sinh nhưng trong quá trình tồn tại và phát triển các tôn giáo Việt Nam ít nhiều đều có mối quan hệ quốc tế.



### ***3.1.1. Quan hệ quốc tế của Phật giáo Việt Nam***

Phật giáo được truyền vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Trong quá trình phát triển, Phật giáo Việt Nam có nhiều mối quan hệ với Phật giáo các nước trên thế giới, nhất là ở khu vực Châu Á và Đông Nam Á, trong đó phải kể đến Trung Quốc, Lào, Campuchia, Srilanka, Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ, Nhật Bản.... Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Phật giáo các nước thường xuyên trao đổi đoàn thăm viếng lẫn nhau, trao đổi học thuật, đào tạo tăng tài, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo về Phật giáo nhằm thắt chặt mối quan hệ hợp tác. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là thành viên sáng lập của Hội Liên hữu Phật giáo thế giới, Liên minh Phật giáo toàn cầu; là thành viên của Tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình, Ủy ban tổ chức quốc tế Đại lễ VESAK, Liên Hợp quốc,...

Phật giáo Việt Nam còn có các quan hệ cá nhân hoặc trong nội bộ sơn môn, pháp phái với tăng ni, phật tử người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài. Trong những năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử nhiều đoàn thăm viếng, thuyết giảng Phật pháp cho bà con Việt Kiều; xây dựng cơ sở thờ tự, cử sự trụ trì nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của kiều bào; thành lập các Hội Phật tử Việt Nam tại nơi có nhiều đồng bào Việt Nam sinh sống nhằm gìn giữ truyền thống văn hóa dân tộc, duy trì tiếng Việt cho các thế hệ con cháu sinh ra tại các nước và hướng đồng bào về quê hương, đất nước.

### ***3.1.2. Quan hệ quốc tế của Công giáo Việt Nam***

Trong cơ cấu của hệ thống Công giáo hoàn vũ, Giáo hội Công giáo Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ với Tòa thánh Vatican; chịu sự chỉ đạo của Vatican trong các hoạt động tôn giáo; các chức sắc như Tổng giám mục, Hồng y, Giám mục, Giám mục phụ tá, Giám quản Việt Nam do Giáo hoàng phong và bổ nhiệm. Với tư cách là Giáo hội địa phương, Giáo hội Công giáo Việt Nam hoạt động theo đường hướng mục vụ của Vatican, hàng năm đều có tường trình với Tòa thánh về tình hình giáo hội địa phương. Theo Giáo luật, cứ 5 năm 1 lần, các giám mục Việt Nam đều phải đi Roma để viếng mộ hai Thánh tông đồ Phêrô, Phaolô và yết kiến Giáo hoàng để báo cáo tình hình giáo hội địa phương (Adlimina). Bên cạnh đó, Giáo hội Công giáo Việt Nam thường xuyên tham gia sinh hoạt tôn giáo với Hội thánh toàn cầu như tham dự Thượng Hội đồng giám mục Thế giới hay châu lục, hoặc họp với các Ủy ban của Giáo hoàng.

Giáo hội Công giáo Việt Nam còn có mối quan hệ với Giáo hội Công giáo các nước châu Âu (Giáo hội Công giáo Pháp); với khu vực Bắc Mỹ, nhất là với

Hội đồng giám mục Hoa Kỳ; với Giáo hội Công giáo ở châu Á như Philippin, Hàn Quốc... Giáo hội Công giáo Việt Nam có mối quan hệ đặc biệt với Giáo hội Công giáo Pháp do xuất phát từ nguồn gốc lịch sử, từ quá trình truyền bá và phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam. Hiện nay, nhiều dòng tu, nhiều cá nhân giáo sỹ Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng của các dòng tu, giáo sỹ Pháp theo hệ thống và lợi ích tổ chức, tinh thần tôn giáo và tình cảm cá nhân.

Cộng đồng người Việt Nam theo đạo Công giáo ở nước ngoài khá đông và thường xuyên trợ giúp cho các giáo phận, giáo xứ Công giáo ở trong nước xây sửa cơ sở thờ tự, tổ chức các sinh hoạt, hoạt động tôn giáo, hoạt động từ thiện, xã hội; tham gia giảng dạy trong các đại chủng viện, tu viện; tham gia các hội nghị, hội thảo do giáo hội trong nước tổ chức. Giáo hội Công giáo Việt Nam cũng thường xuyên cử các giáo sỹ trong nước tham dự các sinh hoạt tôn giáo, hướng dẫn mục vụ cho các giáo dân, cộng đồng Công giáo Việt Nam ở nước ngoài.

### ***3.1.3. Quan hệ quốc tế của Tin Lành Việt Nam***

Tin lành ở Việt Nam do tổ chức Liên hiệp Phúc Âm Truyền giáo (The Christian and Missionary Alliance - CMA) truyền vào Việt Nam khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Sau năm 1954, ra đời 02 tổ chức Tin lành Việt Nam: Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam). Ngoài ra, trong thời gian trước năm 1975, rất nhiều hệ phái Tin lành được hình thành từ các hệ phái Tin lành Mỹ.

Là tôn giáo ngoại nhập, cùng với quá trình ra đời, hình thành và phát triển, đạo Tin lành Việt Nam có mối quan hệ với các trung tâm Tin lành lớn ở Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ. Trong đó, Tin lành Mỹ có quan hệ chi phối và đa chiều nhất với Tin lành Việt Nam; hầu hết các hệ phái Tin lành Việt Nam đều có “mẫu hội” ở Mỹ. Đạo Tin lành còn có mối quan hệ với Tin lành ở khu vực châu Á, Thái Bình Dương, mà trước hết là Tin lành Hàn Quốc (40% dân số Hàn Quốc theo đạo Tin lành với khoảng 46 triệu tín đồ). Trong quá trình chủ động hội nhập nền kinh tế quốc tế, nhất là việc mở rộng liên doanh với Hàn Quốc, không ít chức sắc Tin lành Hàn Quốc đến Việt Nam để truyền đạo, phát triển tín đồ.

Mối quan hệ quốc tế rộng rãi của đạo Tin lành thể hiện rõ trên các phương diện chủ yếu sau: *Một là*, hoạt động “thuần túy tôn giáo” mang tính chất giao lưu giữa các tổ chức đạo Tin lành (như: trao đổi đoàn thăm viếng lẫn nhau; thảo luận về giáo lý, giáo luật, lễ nghi phụng tự, phương thức sinh hoạt tôn giáo; trao đổi về đào tạo, kinh sách,...); *Hai là*, hoạt động xã hội của các cá nhân, tổ chức

đạo Tin lành (chủ yếu tập trung vào các hoạt động bác ái, từ thiện, viện trợ; các hoạt động tại các diễn đàn quốc tế với các chủ đề hòa bình, bình đẳng, tiến bộ xã hội, dân số và gia đình, môi trường và kinh tế, đạo đức xã hội và nghèo đói do các tổ chức chính trị - xã hội, Liên Hợp quốc tổ chức); *Ba là*, hoạt động tôn giáo chứa đựng nội dung chính trị hoặc hoạt động chính trị mang màu sắc tôn giáo. Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch đã tìm mọi cách thông qua các đạo luật, “quốc tế hóa” vấn đề Tin lành để can thiệp, chống phá Việt Nam. Chúng hỗ trợ và chỉ đạo một số phần tử cực đoan, phản động liên quan đến đạo Tin lành chống chế độ, gây ra các vụ bạo loạn chính trị và các điểm nóng tôn giáo như vụ bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên và Tây Bắc thời gian qua.

#### ***3.1.4. Quan hệ quốc tế của Hồi giáo Việt Nam***

Hồi giáo ở Việt Nam có khoảng 80 ngàn tín đồ, gồm 02 dòng: Chăm Bani và Chăm Islam. Mọi quan hệ quốc tế của Hồi giáo ở Việt Nam chủ yếu được xác lập thông qua khối Chăm Islam.

Cộng đồng Chăm Hồi giáo Việt Nam có mối quan hệ gần gũi với Cộng đồng Hồi giáo ở các nước Đông Nam Á. Những mối quan hệ này rất đa dạng. Có mối quan hệ đã có từ thời xa xưa do quan hệ huyết thống, dòng tộc như mối quan hệ với cộng đồng Hồi giáo ở Campuchia. Có mối quan hệ được hình thành do cùng tôn giáo hòa lẫn với quan hệ dòng tộc như quan hệ với cộng đồng Hồi giáo ở Malaysia,... Hiện nay, mối quan hệ giữa cộng đồng Hồi giáo Việt Nam với Cộng đồng Hồi giáo các nước Đông Nam Á vẫn được duy trì và ngày càng phát triển. Chính phủ các nước Malaysia, Indonesia, Brunei, Thái Lan nhiều lần mời tín đồ Hồi giáo Việt Nam tham dự các cuộc thi đọc Kinh Koran của khu vực và thế giới. Đại sứ quán Malaysia, Indonesia tại Việt Nam thông qua “Ngân hàng Phát triển Hồi giáo” (Islam Development Bank - IDB) tài trợ các xuất học bổng cho các sinh viên là tín đồ Hồi giáo đi học về tôn giáo và các môn học kỹ thuật khác tại các nước này. Hội nghị Bộ trưởng phụ trách Hồi giáo các nước ASEAN đã được tổ chức để bàn về vấn đề Hồi giáo trong khối, có mời Việt Nam tham gia...

Cộng đồng Hồi giáo Việt Nam ngày càng nhận được sự quan tâm từ Chính phủ, các tổ chức Hồi giáo trên thế giới. Đại sứ quán các nước Hồi giáo tại Việt Nam (Libi, Ả rập Xê-út, Ai cập, Indonesia,...) có nhiều hoạt động quan tâm đến Hồi giáo Việt Nam, như: Sứ quán Libi đã từng có lần gợi ý giúp xây dựng một vài thánh đường Hồi giáo ở Việt Nam; cộng đồng Chăm Hồi giáo Việt Nam

đã tổ chức nhiều đoàn đi hành hương tại Thánh địa Mecca (Ả rập Xê - út) và do tổ chức Hội giáo thế giới tài trợ; hàng năm, nhân tháng Ramadan, Chính phủ, một số tổ chức Hội giáo đã tài trợ bằng hiện vật, cử chức sắc Hội giáo sang để hỗ trợ và hướng dẫn Cộng đồng Hội giáo Việt Nam,...

Tóm lại, mối quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Có thể nói mối quan hệ ấy ngày càng được vươn rộng ra khắp thế giới, tới hầu hết các trung tâm tôn giáo ở khu vực và thế giới, được hỗ trợ bởi xu thế toàn cầu hóa trong các hoạt động tôn giáo của các tôn giáo trên thế giới và phương thức “đa dạng, thâm nhập” trong hoạt động quốc tế của các tôn giáo nước ngoài. Ngay trong lòng ASEAN, là thành viên ASEAN, Việt Nam đã đang và sẽ là đối tác với các nước có tỉ lệ người theo tôn giáo rất cao (như Thái Lan 97% theo Phật giáo, Indonesia 87 % theo Hồi giáo, Philippin 85% theo Công giáo, Malaysia, Brunei đa số theo Hồi giáo; Lào, Myanmar là những nước mà Phật giáo là tôn giáo truyền thống và áp đảo về tỷ lệ. Đó sẽ là tiền đề cho những mối quan hệ tôn giáo giữa Việt Nam với những nước trong khối ASEAN.

### **3.2. Đóng góp của hoạt động quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo đối với công tác đối ngoại nhân dân**

Hoạt động quốc tế của các tổ chức tôn giáo góp phần thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế theo tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo thể hiện rõ nhất trong việc trao đổi đoàn thăm viếng lẫn nhau; chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tham dự hội nghị, hội thảo, đối thoại về tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ngoài; đón các đoàn, tổ chức tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động tôn giáo; phối hợp thực hiện các dự án tại Việt Nam do các tổ chức phi chính phủ (NGOs) có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo tài trợ.

#### ***3.2.1. Tổ chức, cá nhân tôn giáo Việt Nam tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài***

Thời gian qua, với chính sách tôn giáo ngày càng cởi mở và được sự quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện của Nhà nước, hoạt động quốc tế của các tôn giáo Việt Nam ngày càng đa dạng, phong phú cả về cấp độ, số lượng và phạm vi hoạt động. Kể từ năm 2011 đến năm nay, đã có khoảng gần 2.000 lượt cá nhân

tôn giáo xuất cảnh tham gia khóa đào tạo ở nước ngoài, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến tôn giáo, thi đọc kinh Quran...

Hiện nay có khoảng 300 tăng ni sinh Phật giáo đang du học tại Ấn Độ, Nhật Bản, Srilanka, Trung Quốc, Pháp, Thái Lan, Myanmar, Mỹ, Đài Loan (Trung Quốc), nhiều tăng ni sinh tốt nghiệp tiến sỹ Phật học đã về nước và tham gia công tác tại các Ban chuyên môn, Viện Nghiên cứu Phật học của Trung ương Giáo hội và các Tỉnh, Thành hội Phật giáo...; 250 linh mục, tu sỹ được đào tạo tại các nước Pháp, Italia, Philipin, Úc, Thụy Sĩ, Áo, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha; nhiều mục sư thuộc các hệ phái Tin lành được đào tạo tại Hoa Kỳ, Hồng Kông,...

Các tổ chức tôn giáo thường xuyên cử đoàn, cá nhân tham dự hội nghị, hội thảo, giao lưu, tăng cường các mối quan hệ với các tổ chức tôn giáo trên thế giới. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cử đoàn đi giao lưu, thăm viếng Phật giáo các nước Lào, Campuchia, Trung Quốc, Myanmar, Ấn Độ,...; tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới tại Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc; tham dự Đại lễ Phật đản được tổ chức tại trụ sở Liên Hợp quốc; cử đoàn đi hoằng pháp tại một số nước ở châu Âu (Nga, Ucraina, Ba Lan, Séc, Đức, Hungary,...) vào các ngày lễ lớn như Lễ Phật đản, Lễ Vu lan, Tết Nguyên đán,... Giáo hội Công giáo cử đoàn tham dự hội nghị, đại hội hoặc các sự kiện tôn giáo do Tòa thánh Vatican tổ chức, các tu sỹ thuộc các tỉnh dòng Việt Nam tham dự đại hội, hội nghị, hoạt động tôn giáo của dòng quốc tế,... Các hệ phái Tin lành cử đoàn đi nước ngoài tham dự các hội nghị, hội thảo, đại hội của nhiều tổ chức tin lành thế giới, như: Đại hội Bap-tít châu Á Thái Bình Dương tại Malaysia, Hội thảo Menonite Thế giới tại Kenya, Hội đồng Bồi linh Liên hiệp Tin lành Việt Nam, Hội đồng Empower21 và Phục Hưng Liên hiệp Toàn cầu tại Indonesia, Hội nghị Truyền giáo Quốc tế,... Tín đồ Hồi giáo tham dự các cuộc thi đọc Kinh Quran quốc tế tại Brunei, Malaysia, Thái Lan, Indonesia; chức sắc Hồi giáo tham dự Hội nghị, hội thảo quốc tế,...

Các tổ chức tôn giáo Việt Nam tích cực cử đoàn tham dự hội nghị, diễn đàn tôn giáo ở khu vực và trên thế giới. Từ năm 2005 đến nay, Nhà nước Việt Nam đã tạo điều kiện cho Đoàn chức sắc tôn giáo Việt Nam 05 lần tham dự Hội nghị “Đối thoại Liên tín ngưỡng khu vực Á - Âu” (ASEM), 06 lần tham dự Hội nghị “Đối thoại Liên tín ngưỡng khu vực châu Á - Thái Bình Dương”. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo còn cử đại diện tham dự các hội nghị, đối thoại: Diễn đàn Thanh niên Liên tín ngưỡng châu Á - Thái Bình Dương, Hội nghị Thượng đỉnh

các nữ lãnh đạo trẻ của các tôn giáo, Hội nghị ASEM về đối thoại tín ngưỡng và văn hóa của các nhà lãnh đạo tôn giáo... Việc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế là dịp tốt để chức sắc, tín đồ các tôn giáo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về kiến thức, thực tiễn trong hoạt động tôn giáo, thông tin về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với Việt Nam.

### ***3.2.2. Tổ chức, cá nhân tôn giáo Việt Nam mời tổ chức tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam để hoạt động tôn giáo***

Cùng với việc cử các đoàn, cá nhân ra nước ngoài tham dự các hoạt động tôn giáo quốc tế, các tổ chức tôn giáo Việt Nam cũng đã đón nhiều đoàn, cá nhân, tổ chức tôn giáo và liên quan đến tôn giáo vào Việt Nam để trao đổi, giao lưu, hướng dẫn đạo tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam, địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài, tham dự các sự kiện tôn giáo do các tổ chức tôn giáo Việt Nam tổ chức,... Từ năm 2011 đến nay, các cơ quan chức năng Việt Nam đã tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo ở trong nước đón gần 500 đoàn khách nước ngoài với hơn 3.000 lượt người vào Việt Nam để hoạt động tôn giáo.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đón đoàn Phật giáo các nước Lào, Campuchia, Ấn Độ, Myanmar, Sri Lanca,... vào Việt Nam để thăm viếng giao lưu, hướng dẫn tu thiền cho tăng ni, phật tử, tham dự hội nghị, hội thảo,... Giáo hội Công giáo Việt Nam đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam để hoạt động mục vụ, thăm viếng giao lưu; Bề trên, Cố vấn Bề trên Tổng quyền, các tu sỹ nước ngoài thuộc các dòng quốc tế thăm các dòng tương ứng và tham gia các hoạt động tôn giáo ở Việt Nam,... Mục sư Tin lành nước ngoài vào Việt Nam để tham dự các hoạt động tôn giáo do các hệ phái Tin lành Việt Nam tổ chức: tham dự đại hội, hội nghị, giảng kinh thánh tại các khóa bồi dưỡng giáo lý, tham dự lễ kỷ niệm (100 năm Tin lành truyền vào Việt Nam, 500 năm Ngày Cải Chánh giáo hội),...

Trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, mối quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo trong nước ngày càng mở rộng, uy tín của các tổ chức tôn giáo trong nước được nâng cao trên trường quốc tế, các tổ chức tôn giáo ở trong nước đã đăng cai và tổ chức thành công nhiều hoạt động quốc tế tôn giáo lớn tại Việt Nam, như: Hội nghị Liên Hội đồng giám mục Á Châu do Hội đồng Giám mục Việt Nam đăng cai tổ chức với sự có mặt 122 đại biểu gồm Hồng y, Tổng Giám mục, Giám mục và đại biểu thuộc Hội đồng Giám mục các nước châu Á, một số

châu lục và đại diện Tòa thánh Vatican; Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc VESAK năm 2019 với sự tham dự của 3.000 đại biểu, trong đó có 1.650 đại biểu khách quốc tế đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, 250 kiều bào là tăng ni từ 40 quốc gia, trên dưới 20.000 lượt tăng ni, Phật tử tham dự các hoạt động bên lề của đại lễ; Tổng hội Dòng Đa minh được tổ chức tại Xuân Lộc, Đồng Nai với sự tham dự của 142 đại biểu gồm bề trên tổng quyền, bề trên giám tỉnh và đại diện của các tỉnh dòng trên thế giới, đây là lần đầu tiên một dòng tu quốc tế lớn tổ chức Tổng tu hội tại Việt Nam...

### ***3.2.3. Sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam***

Với chủ trương hội nhập quốc tế rộng mở, Việt Nam ngày càng thu hút nhiều doanh nhân, doanh nghiệp nước ngoài, người nước ngoài vào làm việc, học tập và sinh sống, trong đó có một bộ phận là tín đồ tôn giáo. Người nước ngoài có tín ngưỡng, tôn giáo nhìn chung đều có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo và mong muốn được sinh hoạt tôn giáo theo cộng đồng. Xuất phát từ nhu cầu thực tế, chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tín đồ người nước ngoài được sinh hoạt tôn giáo cùng với tín đồ Việt Nam hoặc tập trung thành nhóm tại địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo. Ở TP. Hồ Chí Minh có gần 50 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của tín đồ Tin lành, Công giáo là người nước ngoài, người nước ngoài là tín đồ Hồi giáo sinh hoạt tôn giáo cùng với tín đồ Việt Nam tại các Thánh đường Hồi giáo. Ở TP. Hà Nội, tín đồ người nước ngoài theo đạo Công giáo được tham dự thánh lễ hàng tuần (thứ bảy, chủ nhật) tại nhà thờ Cửa Bắc; nhóm tín đồ Công giáo người Hàn Quốc dự thánh lễ hàng tuần tại nhà nguyện Đức Mẹ Phartima trong khuôn viên trụ sở Tòa Tổng giám mục Hà Nội; nhóm tín đồ người Hàn Quốc theo đạo Tin lành được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại nhà thờ Tin lành, số 2 Ngõ Trạm và tại một số địa điểm đã được chính quyền TP. Hà Nội cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; tín đồ Hồi giáo là nhân viên đại sứ quán các nước Hồi giáo (Lybi, Malaysia, Pakistan, Brunei, UAE,...) sinh hoạt tôn giáo tại Thánh đường 12 Hàng Lược. Tín đồ người nước ngoài sống và làm việc tại các khu công nghiệp được chính quyền địa phương tạo điều kiện tập trung thành nhóm để sinh hoạt tôn giáo: nhóm tín đồ Tin lành người Hàn Quốc sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được sinh hoạt tôn giáo tại nhà thờ Chi hội Tin lành Vũng Tàu; tín đồ Tin lành người Hàn Quốc làm việc tại khu kinh tế Dung Quất được sinh

hoạt tôn giáo tại nhà thờ Tin lành ở xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi,... Các nhóm tín đồ người nước ngoài được phép mời chức sắc nước ngoài vào Việt Nam hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm hợp pháp. Kể từ khi thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo đến nay, đã có hơn 125 chức sắc người nước ngoài được vào Việt Nam giảng Kinh thánh cho các nhóm tín đồ tại địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

#### ***3.2.4. Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGOs) có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo tại Việt Nam***

Trong số các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGOs) đang hoạt động ở Việt Nam, có nhiều tổ chức có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo. Hoạt động của các tổ chức này là một mặt trong hoạt động quốc tế của các tổ chức tôn giáo. Các NGOs có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo ngoài tính chất là một tổ chức phi chính phủ, còn mang trong mình những đặc điểm riêng như: do tổ chức giáo hội lập ra hoặc bảo trợ; kinh phí do tín đồ tôn giáo đóng góp hoặc trích từ các quỹ tôn giáo; có xu hướng tài trợ thông qua các tổ chức tôn giáo trong nước; mong muốn viện trợ riêng cho tôn giáo để phục vụ mục đích tôn giáo.

Việt Nam có chủ trương trân trọng hoạt động viện trợ cho Việt Nam từ cộng đồng quốc tế, trong đó có các NGOs tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo, khuyến khích sự trợ giúp vật chất của họ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đồng thời đảm bảo nguyên tắc bảo vệ an ninh, chủ quyền đất nước, đảm bảo thực hiện tốt chính sách tôn giáo. Nhà nước đã ban hành một số chính sách, quy định liên quan đến hoạt động của các NGOs nói chung, trong đó có các NGOs tôn giáo.

Về viện trợ phát triển, hiện nay, Việt Nam có quan hệ với khoảng 950 tổ chức phi chính phủ nước ngoài, trong đó có gần 70 tổ chức có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo. Các NGOs có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo hoạt động tại Việt Nam đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của Việt Nam thông qua các chương trình/dự án trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, giải quyết các vấn đề xã hội... phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Bên cạnh các hoạt động của các NGOs có nguồn gốc tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo đã có văn phòng đại diện tại Việt Nam, các cơ quan nhà nước còn tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo Việt Nam được đón các đoàn vào



Việt Nam hoạt động từ thiện, như: Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) mời đoàn y, bác sỹ từ Úc sang khám chữa bệnh từ thiện cho đồng bào nghèo tại các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Lạng Sơn; Ủy ban Bác ái xã hội - Caritas Thanh Hóa đón và phối hợp với Hội trợ giúp làng quê Việt Nam ở Mỹ và Canada thực hiện chương trình khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho giáo xứ Mỹ Hưng và Yên Bình, tỉnh Yên Bái,...

Tất cả những hoạt động quốc tế nói trên luôn được Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi, làm cho các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam gần gũi hơn với bạn bè đồng đạo quốc tế, thắt chặt tình hữu nghị giữa tín đồ các tôn giáo Việt Nam với tín đồ các tôn giáo trên thế giới, góp phần giới thiệu hình ảnh và thành tựu công cuộc đổi mới của Việt Nam với bạn bè quốc tế, đóng góp tích cực cho ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế, và cùng với các biện pháp ứng xử phù hợp của Nhà nước góp phần đấu tranh có hiệu quả với những hành động cực đoan của một số lực lượng thiếu thiện chí với Việt Nam xuyên tạc chính sách tôn giáo đúng đắn của Nhà nước Việt Nam nhằm gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo, cản trở công cuộc đổi mới của Việt Nam.

#### **4. CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI TÔN GIÁO CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀO ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH NHÂN QUYỀN**

##### **4.1. Hoạt động của Mỹ và một số nước phương Tây đối với lĩnh vực nhân quyền, tôn giáo tại Việt Nam**

- Mỹ tiếp tục quan tâm, gây sức ép với Việt Nam về vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo. Nổi lên một số hoạt động đáng chú ý:

(1) Chính quyền Mỹ liên tiếp đưa ra các sáng kiến và chính sách về tự do tôn giáo: Tổ chức “Hội nghị Bộ trưởng về tự do tôn giáo quốc tế” năm 2018 và 2019, 2020; thành lập “Liên minh tự do tôn giáo quốc tế” vào tháng 02/2020; thành lập “Ủy ban các quyền không thể thay đổi” vào tháng 7/2019, trong đó, báo cáo công bố tháng 7/2020 của Ủy ban này khẳng định quyền tự do tôn giáo là “quyền không thể thay đổi và nền tảng của Mỹ”; ban hành Sắc lệnh hành pháp thúc đẩy tự do tôn giáo quốc tế (tháng 6/2020) chỉ đạo toàn bộ hệ thống chính phủ Mỹ đặt ưu tiên thúc đẩy tự do tôn giáo quốc tế, gắn vấn đề này với các chương trình hỗ trợ phát triển, yêu cầu Đại sứ Mỹ tại các nước xây dựng kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy các nước liên quan đạt tiến bộ trong xoá bỏ vi phạm tự do tôn giáo.

Tại buổi họp báo công bố Báo cáo nhân quyền thường niên năm 2020 ngày 30/3/2021 của Bộ Ngoại giao Mỹ, Ngoại trưởng Blinken tái khẳng định Chính quyền Biden cam kết đưa nhân quyền trở lại là trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Mỹ và nhấn mạnh các biện pháp để thúc đẩy nhân quyền của Mỹ

(2) Tại các cơ chế báo cáo định kỳ của Ủy ban Tự do tôn giáo Quốc tế Mỹ (USCIRF), Bộ Ngoại giao Mỹ về tình hình nhân quyền, tự do tôn giáo, bên cạnh việc ghi nhận tình hình tôn giáo Việt Nam có tiến triển tích cực, các báo cáo tiếp tục nêu một số nội dung nhận định thiếu khách quan, sai lệch về tình hình tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam.

(3) Các cơ quan đại diện ngoại giao của Mỹ tại Việt Nam tăng cường các hoạt động tiếp xúc, thu thập thông tin về tình hình về tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam.

- Các nước phương Tây tiếp tục quan tâm đến tình hình tự do tôn giáo của Việt Nam nhưng mức độ và cường độ ít hơn. Các nước phương Tây vẫn tiếp tục quan tâm về tình hình nhân quyền Việt Nam; gắn việc phê chuẩn EVFTA, EVIPA với việc ta thực hiện các cam kết quốc tế về nhân quyền và tự do tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam.

## **4.2. Công tác đối ngoại tôn giáo của các cơ quan nhà nước đóng góp tích cực vào công tác nhân quyền**

### ***4.2.1. Tăng cường mối quan hệ, hợp tác với Lào, Campuchia, Trung Quốc góp phần ổn định an ninh khu vực***

Việt Nam với Lào, Campuchia, Trung Quốc là những nước láng giềng có mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Việc tăng cường hợp tác trên lĩnh vực tôn giáo với các nước láng giềng sẽ tạo điều kiện cho các bên trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong giải quyết các vấn đề tôn giáo ảnh hưởng đến an ninh trật tự của mỗi nước như: hoạt động của Pháp luân công; vấn đề di dịch cư tự do, truyền đạo trái phép, hoạt động tôn giáo liên quan đến vùng đồng bào dân tộc ở khu vực biên giới Việt Nam với Lào, Campuchia.... Xác định tầm quan trọng này, ta đã thiết lập kênh hợp tác với Cục sự vụ Tôn giáo Quốc gia Trung Quốc thông qua hoạt động trao đổi đoàn, trao đổi kinh nghiệm về công tác tôn giáo, kinh nghiệm trong việc xử lý vấn đề Pháp luân công. Ký Thỏa thuận hợp tác với Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước, Bộ Lễ nghi và Tôn giáo Campuchia, thường xuyên trao đổi đoàn cấp cao, tổ chức lớp tập huấn về công tác tôn giáo cho Bạn, đặc biệt là tổ chức thành công Hội nghị trao

đổi kinh nghiệm về công tác tôn giáo giữa các tỉnh biên giới Việt Nam với Lào, Campuchia. Tại Hội nghị này, các bên đã thống nhất phối hợp xử lý các vụ việc phức tạp nảy sinh ở khu vực biên giới, phối hợp với Lào đấu tranh âm mưu lập Vương quốc Mông, với Campuchia đấu tranh với tổ chức “Khmers Kampuchea Krom” lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá Việt Nam, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, ổn định và phát triển.

#### ***4.2.2. Mở rộng hợp tác với các nước trên lĩnh vực tôn giáo, nhân quyền, tạo sự ủng hộ của bạn bè quốc tế trên lĩnh vực tôn giáo***

Đây là công tác trọng yếu, cốt lõi để triển khai chính sách, pháp luật về tôn giáo của Việt Nam ra bên ngoài, qua hợp tác quốc tế để giải quyết vấn đề trong nước, vận động bạn bè quốc tế ủng hộ Việt Nam, đáp ứng chiến lược an ninh bảo vệ Tổ quốc từ xa. Với tinh thần tích cực chủ động, các chương trình hợp tác trên lĩnh vực tôn giáo đã được triển khai tại nhiều nước trong khu vực và thế giới, đối thoại với các chính khách, chuyên gia, học giả và đặc biệt là các nhà lãnh đạo các tổ chức tôn giáo. Tập trung vào các hoạt động: triển khai Đề án “Hỗ trợ cho các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và tham gia các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng trong nước” giúp đỡ cộng đồng người Việt thực hành tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo tại Đông Âu, Pháp, Hungary, Úc và Niu-di-lân, kết quả đã phát huy được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo Việt Nam, các tín đồ, chức sắc trong và ngoài nước hoạt động tôn giáo, đáp ứng được nhu cầu tâm linh của kiều bào, duy trì và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, hạn chế việc thiếu thông tin dễ bị lôi kéo, kích động vào các cực đoan chống đối; trao đổi kinh nghiệm về công tác quản lý trên lĩnh vực Công giáo, Chính thống giáo tại Mehico, Cu Ba, Nga; nghiên cứu thực tế về đạo Tin Lành tại Hàn Quốc và Hoa Kỳ; tổ chức đối thoại về vấn đề tôn giáo với cơ quan, các tổ chức, cá nhân tại Hoa Kỳ, Bỉ và Thụy Sĩ; nghiên cứu về Hồi giáo và văn hóa Hồi giáo tại Ai Cập, Iran, Ixrael, Thổ Nhĩ Kỳ, Kazakhstan; tìm kiếm cơ hội hợp tác để xuất khẩu sản phẩm Halal của Việt Nam sang các nước Hồi giáo; thiết lập quan hệ trên lĩnh vực tôn giáo với hầu hết các nước trong ASEAN như Lào, Campuchia, Singapore, Malaysia, Myanmar, Philippine, Brunei, Thái Lan; quan hệ với Vatican tiếp tục được duy trì và nâng cấp quan hệ. Ngoài ra Việt Nam còn cử nhiều đoàn tham dự nhiều Hội nghị, Hội thảo và các Diễn đàn quốc tế liên quan đến tôn giáo. Trong các chuyến nghiên cứu, tìm hiểu, trao đổi, giao lưu, ta đều có các cuộc tiếp xúc với các cơ quan của Chính phủ, lãnh đạo các tôn

giáo. Đây là cơ hội tốt để thông tin về tình hình, chính sách tôn giáo Việt Nam, thiết lập cơ chế đối thoại để bạn bè các nước hiểu và ủng hộ Việt Nam trên trường quốc tế.

#### ***4.2.3. Thực hiện tốt chính sách chăm lo đời sống tâm linh cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, vận động kiều bào hướng về xây dựng đất nước***

Việc đảm bảo các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của bà con Việt Kiều mà còn góp phần củng cố đoàn kết cộng đồng, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc, hướng về quê hương đất tổ. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, nhiều đoàn được cử sang các nước Đông Âu hoặc kết hợp những chuyến công tác nước ngoài khác để gặp gỡ cộng đồng người Việt tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của bà con, trao đổi với chính quyền sở tại đề nghị giúp đỡ cộng đồng người Việt được tự do sinh hoạt tôn giáo, tâm linh. Nhiều ngôi chùa Việt Nam đã được xây dựng ở Đông Âu; có 07 Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp, Nga, Đức, Séc, Ba Lan, Hungary, Ucraina; một Ban đại diện tăng sinh du học ở Ấn Độ và gần đây Chính phủ Lào đã cho phép thành lập Ban điều phối công tác phật sự tại Lào; Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động Phật giáo tại 22 quốc gia và vùng lãnh thổ, cử nhiều nhà sư ra nước ngoài hướng dẫn bà con Việt kiều sinh hoạt tôn giáo. Với những địa bàn có vụ việc phức tạp, mâu thuẫn nội bộ, tập trung biện pháp vận động kiều bào tiến bộ làm hạt nhân trong quá trình giải quyết xử lý và lên tiếng phản bác không để thế lực xấu lợi dụng chống đối. Hàng năm, tổ chức gặp gỡ kiều bào về Việt Nam đón Tết cổ truyền, thăm thân hoặc tham dự các sự kiện tôn giáo, tín ngưỡng nhằm động viên, tạo sự phấn khởi, thêm gắn bó với quê hương, đất nước.

#### ***4.2.4. Tăng cường tuyên truyền đối ngoại, từng bước làm thất bại luận điệu chống Việt Nam trên lĩnh vực tôn giáo***

Trong năm qua, ta đã tích cực, chủ động triển khai toàn diện công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại tôn giáo với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Hàng năm, các cơ quan chức năng của Việt Nam tiếp xúc với hàng chục đoàn khách nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam. Qua các cuộc tiếp xúc, đối thoại, ta đều khẳng định chính sách nhất quán tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Đảng nhà nước Việt nam, nêu bật những thành tựu trên lĩnh vực tôn giáo ta đã đạt được, kiên quyết phê phán luận điệu

xuyên tạc, bóp méo tình hình thực tế khách quan về tôn giáo của các tổ chức cá nhân thiểu thiện chí nước ngoài và hoạt động chống phá Việt Nam trên lĩnh vực tôn giáo.

Một trong các hình thức tuyên truyền đạt hiệu quả cao là lập các diễn đàn tuyên truyền đối ngoại về chủ trương, chính sách, thành tựu tín ngưỡng, tôn giáo qua các phóng sự trên kênh truyền hình đối ngoại của VTV, trang thông tin điện tử bằng tiếng Anh của Ban Tôn giáo Chính phủ, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế với sự tham dự của các giáo sư, học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Ban Tôn giáo Chính phủ đã từng phối hợp với Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam tổ chức 04 cuộc hội thảo quốc tế về tôn giáo với sự tham dự của hàng trăm đại biểu đại diện các cơ quan Trung ương, địa phương, các nhà nghiên cứu, chức sắc các tôn giáo, các cơ quan ngoại giao ở Hà Nội; phối hợp với Viện Liên kết toàn cầu (IGE) tổ chức hội thảo tại 03 miền Bắc, Trung, Nam. Sau khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực ngày 01/01/2018, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức thành công Hội nghị giới thiệu pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Hà Nội, các chức sắc, đại diện điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài tại Việt Nam. Các hội thảo quốc tế về tôn giáo đã đạt kết quả tốt, góp phần tuyên truyền cho bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn về tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam, khẳng định những thành tựu của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người.

Các Bộ, ngành của Việt Nam tăng cường phối hợp trao đổi thông tin, tham gia hiệu quả các cuộc Đối thoại nhân quyền với Úc, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Na Uy, EU; đón làm việc với Báo cáo viên đặc biệt về tự do tôn giáo của Liên Hợp quốc, Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Mỹ, Đại sứ lưu động về tự do tôn giáo Mỹ; xây dựng và bảo vệ tại Liên hiệp quốc “Báo cáo quốc gia theo cơ chế kiểm điểm định kì” (UPR) và “Báo cáo thực thi Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị” (ICCPR), trả lời khuyến nghị của các cơ quan của Liên hiệp quốc. Công tác phối hợp đã phát huy hiệu lực của cả hệ thống chính trị trong công tác nhân quyền, nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại, không để bị lợi dụng can thiệp, thâm nhập “chuyển hóa”, “tự chuyển hóa” nội bộ.

## **5. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN ĐỐI NGOẠI TÔN GIÁO**

### **5.1. Dự báo tình hình trong thời gian tới**

Thời gian tới đây tình hình thế giới sẽ có rất nhiều thay đổi. Thế giới đầy nhanh quá trình toàn cầu hóa, công nghiệp hóa và sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin giúp cho các quốc gia gần nhau hơn. Thế giới đang có sự biến đổi nhanh chóng và sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có tôn giáo. Sự biến đổi của tôn giáo có xu hướng chính trị hóa và tham gia tích cực vào đời sống chính trị của thế giới.

Tôn giáo đang diễn biến theo khuynh hướng đa dạng hoá với tình trạng: bảo thủ và đổi mới, thoái trào và phục hưng, xung đột và hoà giải, liên hợp và phân ly, cạnh tranh và hợp tác với nhiều loại, nhiều kiểu, nhiều hình thức, tính chất, đặc điểm và nhiều cách thức tổ chức khác nhau. Là một hình thái ý thức xã hội, tôn giáo luôn biến động, đổi thay theo tồn tại xã hội. Xu hướng đa dạng hoá tôn giáo được thể hiện rõ ở xu hướng phân ly, tách biệt từ những tôn giáo lớn.

Trong những năm tới, các nước sẽ mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; các luồng di cư ngày càng nhiều, chủ yếu từ các quốc gia chậm phát triển đến các nước tiên tiến. Điều đó tạo ra sự đan xen và hội nhập văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc. Trong điều kiện như vậy các tôn giáo có cơ hội thâm nhập và lan tỏa đến khắp nơi và các mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam cũng ngày càng phát triển phong phú và đa dạng hơn. Các tổ chức tôn giáo từ bên ngoài sẽ tìm mọi cách xâm nhập, tạo ảnh hưởng vào trong nước ngày càng nhiều, theo đó các “hiện tượng tôn giáo mới” sẽ tiếp tục lây lan, phát triển mạnh.

Tình hình trong nước thời gian tới sẽ cũng có nhiều thay đổi quan trọng. Đất nước đi sâu vào trong quá trình đổi mới theo cơ chế thị trường và đầy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời chính sách mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế, Việt Nam càng có điều kiện hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều đó đưa lại sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của đất nước. Và đây cũng chính là tiền đề để các tổ chức tôn giáo ở trong nước tăng cường mở rộng hơn nữa các mối quan hệ quốc tế.

Một số quốc gia và tổ chức quốc tế tiếp tục thực hiện âm mưu “chính trị hóa tôn giáo”, chống Việt Nam về dân chủ, nhân quyền và tôn giáo; lợi dụng vấn đề tôn giáo, những sơ hở thiếu sót của Việt Nam trong quá trình thực hiện chính sách để kích động khiêu khích gây ra điểm nóng tôn giáo; phối hợp trong - ngoài nuôi dưỡng bạo loạn lật đổ, lưu vong, số chống đối trong nước để chống Việt Nam, sử dụng diễn đàn đa phương và đặt điều kiện trong quan hệ song

phương ép ta về nhân quyền và tôn giáo, vận động “luật hóa” các hoạt động chống đối Việt Nam.

## **5.2. Một số yêu cầu đặt ra đối với công tác tuyên truyền đối ngoại tôn giáo**

Tình hình thực tế đặt ra yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại tôn giáo, coi trọng, chủ động và kịp thời tuyên truyền, vận động dư luận, tranh thủ tối đa sự ủng hộ quốc tế, cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

*Một là:* Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại về chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, kiên quyết bảo vệ sự tôn nghiêm của pháp luật; các cơ quan truyền thông cần phối hợp để tuyên truyền về những thành quả mà Việt Nam đã đạt được trong nhiều năm qua, trong đó có vấn đề thực hiện chính sách tôn giáo ở Việt Nam, làm cơ sở phản bác lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, chống phá nước ta.

*Hai là:* Đổi mới công tác tuyên truyền đối nội cũng như đối ngoại để các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước hiểu đúng và đầy đủ về tình hình tôn giáo Việt Nam, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo. Chủ động tuyên truyền qua các phương tiện phát thanh, truyền hình, báo viết, báo điện tử, dựng phim tư liệu về đời sống tôn giáo Việt Nam; đưa tin bài, hình ảnh về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng bà con Việt Nam sinh sống ở nước ngoài.

*Ba là:* Đổi mới phương thức, nâng cao tính chủ động trong đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”. Tổ chức đấu tranh có hiệu quả, dựa trên cơ sở khoa học đối với các luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch. Thực tế, nhiều bài viết đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trên các loại hình báo chí thiếu sắc bén, tính thuyết phục chưa cao... Nguyên nhân vẫn do chính người viết chưa nghiên cứu kỹ, chưa hiểu sâu sắc bản chất vấn đề, chưa chủ động tiếp cận, thu thập đầy đủ và xử lý thông tin để có thể phản bác một cách khoa học, có luận cứ đối với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

*Bốn là:* mở rộng phạm vi, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại. Công tác này hướng vào ba đối tượng: cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài định cư ở Việt Nam và nhân dân các nước trên thế giới. Hiện nay có khoảng 5,3 triệu người Việt Nam sinh sống và làm việc ở nước ngoài (80% kiều bào có tín ngưỡng, tôn giáo); khoảng 90.000 người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Đây là lực lượng đông đảo, là cầu nối

giúp thông tin về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam để bạn bè trên thế giới hiểu và ủng hộ Việt Nam trên trường quốc tế.

*Năm là:* Phát huy vai trò của Cơ quan đại diện ngoại giao và Đại diện thường trú của báo, đài phát thanh, truyền hình của Việt Nam ở nước ngoài trong việc tuyên truyền thành tựu tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền, tôn giáo.

*Sáu là:* Đa dạng hóa công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền với các hình thức và sâu rộng ở nhiều cấp độ, bao gồm: thông qua giáo dục chính thức (nhà trường) và giáo dục không chính thức (truyền thông, mạng xã hội,...), tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn,...; đồng thời, tăng cường xã hội hóa các ấn phẩm tuyên truyền về thành tựu bảo đảm trên lĩnh vực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, giới thiệu các ấn phẩm này ra nước ngoài, tăng cường hội thảo, hội nghị quốc tế ở các cấp nhằm vận động, tuyên truyền về chính sách, pháp luật về tôn giáo cho chính giới và các nhà khoa học quốc tế. Đa dạng hóa các hình thức giáo dục và tuyên truyền, nhất là tuyên truyền, đấu tranh qua hệ thống mạng xã hội./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

- *Chỉ thị số 04-CT/TW về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới*, Bộ Chính trị, ngày 06/7/2011.

- *Nghị quyết số 36-NQ/TW về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*, Bộ Chính trị, ngày 26/3/2004.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Hãy nêu vai trò, sự đóng góp của hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở Việt Nam đối với công tác đối ngoại nhân dân?
2. Hãy phân tích sự đóng góp tích cực của công tác đối ngoại tôn giáo trong công tác đấu tranh nhân quyền?
3. Vị trí, vai trò của đối ngoại tôn giáo trong tình hình mới?
4. Những thuận lợi, thách thức của đối ngoại tôn giáo trong thời kỳ hội nhập quốc tế?



## PHẦN THỨ BA

# KỸ NĂNG THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

### Chuyên đề 1

## KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG, TIẾP CẬN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

### 1. KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG THÔNG TIN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

#### 1.1. Thông tin

##### 1.1.1. Khái niệm

Từ điển Oxford English cho rằng thông tin là điều mà người ta đánh giá hoặc nói đến; là tri thức, tin tức. Một số từ điển thì đơn giản đồng nhất thông tin với kiến thức - Thông tin là điều mà người ta biết, hoặc thông tin là sự chuyển giao tri thức làm tăng thêm sự hiểu biết của con người...

Khái niệm “Thông tin” được ghi nhận tại Điều 2, Luật Tiếp cận thông tin 2016 giải thích: “Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”.

Vậy, khái niệm thông tin được hiểu: là việc truyền tin, báo tin cho người khác biết; được thể hiện qua nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: con số, chữ viết, âm thanh, hình ảnh, ngôn ngữ,...

##### 1.1.2. Vai trò của thông tin trong hoạt động thông tin, tuyên truyền

- Thông tin có vai trò quan trọng trong hoạt động thông tin, tuyên truyền. Trong đời sống con người, nhu cầu thông tin là một nhu cầu rất cơ bản. Nhu cầu đó không ngừng tăng lên cùng với sự gia tăng các mối quan hệ trong xã hội. Mỗi người sử dụng thông tin lại tạo ra thông tin mới. Các thông tin đó lại được truyền cho người khác trong quá trình thảo luận, truyền đạt mệnh lệnh, trong thư từ và tài liệu, hoặc qua các phương tiện truyền thông khác. Thông tin được tổ chức tuân theo một số quan hệ logic nhất định, trở thành một bộ phận của tri thức, đòi hỏi phải được khai thác và nghiên cứu một cách hệ thống.

- Thông tin giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện nay, bởi thông tin là phương tiện để thống nhất mọi hoạt động của tổ chức nhằm đạt một mục tiêu chung. Không có thông tin thì tổ chức đó không thực hiện được bất kỳ sự điều phối hay thay đổi nào cả. Thông tin là cơ sở để các nhà quản lý đưa ra quyết định phù hợp lưu trữ, chuyển giao thông tin thu nhận được. Thông tin còn giúp các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với môi trường bên ngoài, gắn kết giữa các cấp quản trị của doanh nghiệp. Với sự phát triển mạnh mẽ như hiện nay, thông tin đã rút ngắn khoảng cách giữa các quốc gia, đơn vị tổ chức doanh nghiệp, đem tới nhiều lợi ích cho con người.

- Hiện nay, thông tin là một trong các nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia. Với khả năng thay thế các nguồn tài nguyên khác, khả năng truyền với tốc độ rất cao, đem lại ưu thế cho người nắm giữ nó, thông tin đã thực sự trở thành cơ sở cho nhiều hoạt động xã hội như nghiên cứu, giáo dục, xuất bản, tiếp thị và cả hoạt động chính trị nữa. Mối quan tâm của xã hội đối với việc sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin đã mở rộng từ các lĩnh vực truyền thống như thư viện, lưu trữ sang các tổ chức, các cơ quan, các ngành. Thông tin trong những năm gần đây đã trở thành hàng hóa. Điều đó đã thúc đẩy hình thành một bộ phận mới trong nền kinh tế quốc dân, đó là khu vực dịch vụ thông tin. Khu vực này ngày càng tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ thông tin đa dạng đóng góp một tỷ trọng đáng kể trong nền kinh tế quốc dân.

## **1.2. Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

### **1.2.1. Khái niệm thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

- Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là hoạt động thông tin, tuyên truyền có mục đích của chủ thể nhằm phổ biến, giải thích rộng rãi để thuyết phục mọi người hiểu, tán thành ủng hộ và làm theo những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nhân văn tốt đẹp trong xã hội và đúng pháp luật.

- Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có thể hiểu là tin, dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

### ***1.2.2. Phân loại thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo***

- Căn cứ vào cấp quản lý có 4 loại: (1) Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo từ trên xuống: là do cấp trên thông tin về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo xuống cấp dưới trong tổ chức có phân cấp; (2) Thông tin báo cáo về tín ngưỡng, tôn giáo của cấp dưới lên; (3) Thông tin trao đổi giữa bộ, ngành và địa phương trong thực hiện chức năng nhiệm vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo; (4) Thông tin từ tổ chức tôn giáo và từ người đại diện, ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng.

- Phân loại theo tính chất đặc điểm sử dụng có 2 loại: (1) Thông tin tra cứu về tín ngưỡng, tôn giáo: đưa đến cho người nhận những nội dung có tính chất quy ước, những căn cứ để ra các quyết định; (2) Thông tin thông báo về tín ngưỡng, tôn giáo: mang đến cho người tiếp nhận sự xác nhận, hiểu biết về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để chủ động đề xuất biện pháp quản lý.

- Căn cứ vào tính chất pháp lý có 3 loại: (1) Thông tin chính thức về tín ngưỡng, tôn giáo: được công nhận một cách chính thức trong tổ chức, bao gồm: chỉ thị, mệnh lệnh được truyền đạt từ trên xuống bằng văn bản hay cuộc họp; thư góp ý, đơn từ khiếu nại, đề nghị của các nhóm, cá nhân; (2) Thông tin theo chiều ngang về tín ngưỡng, tôn giáo: nhằm mở rộng phạm vi thông tin, tin tức về tín ngưỡng, tôn giáo sang các bộ phận để phối hợp hoạt động giữa các bộ phận của các tổ chức; (3) Thông tin không chính thức về tín ngưỡng, tôn giáo là không qua các kênh chính thức. Dư luận là một dạng đặc trưng của loại thông tin này, không tuân theo hệ thống thứ bậc truyền thông chính thức. Tin tức về tín ngưỡng, tôn giáo được lan truyền nhanh chóng từ bộ phận này sang bộ phận khác, có thể vượt ra ngoài phạm vi của tổ chức, đôi khi có thể phát ra những tin đồn nhằm gây nguy hại cho tổ chức. Để giảm tối thiểu hiện tượng này, nhà quản lý có kế hoạch định kỳ cung cấp thông tin chính thống về tín ngưỡng, tôn giáo qua các kênh sẽ định hướng dư luận.

- Phân loại thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo: Căn cứ vào tính chất thì thông tin có các sau như: thông tin khách quan các vụ việc về tín ngưỡng, tôn giáo; thông tin định hướng hoạt động về tín ngưỡng, tôn giáo; thông tin những hoạt động lợi dụng, núp bóng về tín ngưỡng, tôn giáo, gây ảnh hưởng đến xã hội; thông tin xuyên tạc về tín ngưỡng, tôn giáo, gây chia rẽ, mất đoàn kết giữa các tôn giáo.

***1.2.3. Một số nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo***

- Thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng: (1) vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo; (2) nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng; (3) công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị.

Trong các Chỉ thị, Nghị quyết tiếp theo của Đảng về vấn đề tôn giáo tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, theo đó những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy. Đặc biệt, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa IX của Đảng đã tổng kết và phát triển tư duy lý luận của Đảng về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Theo đó, nhận thức mới về vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tập trung ở những nội dung chủ yếu sau: *Một là*, thừa nhận sự tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; *Hai là*, tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; *Ba là*, thừa nhận và khuyến khích phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của tôn giáo trong công cuộc xây dựng xã hội mới; *Bốn là*, giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và Nhân dân.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quy định về các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 1/3/2005 về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 “Về nhà, đất liên quan đến tôn giáo”, tạo hành lang pháp lý ổn định, nhất quán để ghi nhận, bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân.

Hiến pháp năm 2013 có những sửa đổi rất quan trọng về chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ là của “công dân” Việt Nam mà là của “mọi người”, ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của con người. Cụ thể hóa, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật tín ngưỡng, tôn giáo, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và Nghị định 162/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Thông tin về việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

Tính đến năm 2021, Nhà nước đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho 41 tổ chức thuộc 16 tôn giáo, ngoài ra còn có hàng nghìn điểm

nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được chính quyền cấp đăng ký hoạt động. Các tổ chức tôn giáo được phép thành lập cơ sở đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo. Tính đến nay, hầu hết cơ sở thờ tự của các tôn giáo đã được sửa chữa, nhiều cơ sở thờ tự được xây mới; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất cơ sở tôn giáo đang sử dụng được thực hiện theo đúng pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được tạo điều kiện in ấn, phát hành kinh sách, đồ dùng việc đạo phục vụ hoạt động tôn giáo. Hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo ngày càng được mở rộng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số cũng được bảo đảm tốt... Lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo hàng năm thu hút đông đảo các tín đồ và quần chúng nhân dân tham gia. Các tổ chức tôn giáo được tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt tôn giáo, tham gia các hoạt động nhân đạo - xã hội, hợp tác quốc tế... Hoạt động tôn giáo diễn ra ổn định, an toàn, trang trọng, theo đúng nghi thức tôn giáo, đảm bảo quy định của pháp luật. Khối đoàn kết đồng bào các tôn giáo được củng cố trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã xuất hiện những làng văn hóa, khu phố văn hóa, với nét sinh hoạt đạo - đời hòa hợp, nhiều khu dân cư ở vùng đồng bào tôn giáo đã trở thành điểm sáng về phòng chống tội phạm ma túy và các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự. Chức sắc và đồng bào theo đạo đã tích cực tham gia phòng chống tệ nạn, xã hội, thông qua các lời răn dạy, các giáo lý, tín điều và nếp sống đạo đức tôn giáo, đóng góp sức người, sức của với khả năng lớn nhất của mình cho sự nghiệp phát triển chung của quê hương, đất nước. Những thành tựu về việc thực hiện chính sách, pháp luật về tôn giáo đã làm cho đồng bào tôn giáo nhận thức sâu sắc hơn về quyền, trách nhiệm của mình, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng với công cuộc đổi mới của đất nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phản bác các luận điệu xuyên tạc, kích động, vu cáo của thế lực xấu về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Chức sắc, chức việc các tôn giáo có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, chung tay xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, tham gia các phong trào: “Xây dựng họ đạo tiên tiến, gia đình giáo dân tiêu biểu”; “Khu dân cư không tệ nạn xã hội”; “Xây dựng chùa cảnh tinh tiến, chùa cảnh gương mẫu” và đặc biệt là tham gia cuộc vận động “Treo cờ Tổ quốc tại các cơ sở tôn giáo và nhà riêng của các tín đồ vào các ngày lễ lớn của dân tộc và địa phương” do Ban Tôn giáo Chính phủ phát động. Đồng thời xây

dựng đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, tuyên truyền, vận động quần chúng tín đồ tham gia các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trên cả nước đã có nhiều tín đồ tôn giáo là tấm gương điển hình tiên tiến, xây dựng sáng tạo các mô hình kinh tế chất lượng cao đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương. Thời gian gần đây, chức sắc, chức việc các tôn giáo tích cực phối hợp với chính quyền cơ sở vận động quần chúng tín đồ chấp hành nghiêm công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, tạm dừng tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội tập trung đông người tại các cơ sở thờ tự tôn giáo; đồng thời vận động quần chúng tín đồ tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Thông tin về những vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo:

Ý thức được vai trò của vấn đề tôn giáo trong phát triển đất nước, ngay từ sau khi đất nước được giải phóng, trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của đất nước. Để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là những vụ việc, vấn đề phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo Ban Tôn giáo Chính phủ tích cực, chủ động tham mưu và chỉ đạo đối với những vấn đề nổi cộm, nảy sinh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo thông qua các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất. Ban Tôn giáo Chính phủ có nhiều văn bản gửi đến các ban, ngành có liên quan, đến chính quyền các cấp và đến cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo để giải quyết, tháo gỡ vụ việc. Để ổn định dư luận, Ban Tôn giáo Chính phủ có những bài viết, trả lời phỏng vấn trên truyền hình, phát thanh, trên báo, tạp chí, website của Ban và của ngành thông tin về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo, về vụ việc, vấn đề phức tạp nảy sinh như: sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo Việt Nam; hiện tượng mê tín dị đoan cũng như hoạt động truyền đạo trái pháp luật có xu hướng gia tăng, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, biên giới; một số tôn giáo lạ, tà đạo đã nhen nhóm phát triển nhanh như “Vàng Chứ” trong dân tộc Mông, “Thìn Hùng” trong dân tộc Dao ở Tây Bắc, “Tin lành Đê-ga” ở Tây Nguyên và một số giáo phái khác ở Tây Nam Bộ; đồng bào bỏ những phong tục, tín ngưỡng truyền thống, bỏ việc thờ cúng ông bà, tổ tiên để theo đạo mới; di cư tự do làm cuộc sống yên bình của người dân bị xáo trộn nghiêm trọng; tán phát

tài liệu, lôi kéo người khác tham gia sinh hoạt các hội, nhóm tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hành nghề mê tín, dị đoan, lợi dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Hoặc những vụ việc xảy ra ở Formosa Hà Tĩnh; vụ việc liên quan đến Giám mục Nguyễn Thái Hợp (giáo phận Vinh); giáo xứ Thái Hà (Hà Nội); việc xảy ra tại chùa Ba Vàng (Uông Bí, Quảng Ninh); Câu lạc bộ Tình người; hoạt động khám, chữa bệnh của bà Đỗ Thị Huệ theo “Đạo Ngọc Phật Hồ Chí Minh”; hoạt động của “Hội thánh của Đức Chúa Trời mẹ”... Tất cả những vụ việc trên đều được Ban Tôn giáo Chính phủ tham mưu, chỉ đạo định hướng dư luận có cái nhìn chính xác, khách quan góp phần ngăn chặn hành vi của các đối tượng lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật. Đây cũng là phương cách để bảo vệ bảo vệ đất nước, bảo vệ xã hội, bảo vệ nhân dân và bảo vệ các tôn giáo chân chính đang hoạt động bình thường trên đất nước Việt Nam.

- Thông tin về những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây mất đoàn kết trong dân tộc, tôn giáo. Thông tin, truyền thông về tín ngưỡng, tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong việc phòng, chống những thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động chia rẽ nhân dân làm mất an ninh trật tự và an ninh quốc gia.

Những năm qua, nhiều tin, bài của các báo - đài ở trung ương và địa phương và của các tôn giáo đã giúp chức sắc, tín đồ hiểu rõ âm mưu thâm độc của kẻ xấu lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, nhân quyền để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá cách mạng, trên cơ sở đó cảnh giác với những luận điệu tuyên truyền sai trái của chúng. Báo - đài cũng chuyển những kiến nghị chính đáng của đồng bào tôn giáo lên các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, các cấp ủy đảng, chính quyền để giải quyết nhu cầu tôn giáo chính đáng một cách kịp thời, đúng pháp luật. Vận động đồng bào tham gia phòng ngừa, tố giác kẻ xấu, nhất là ở các địa bàn phức tạp như: Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, vùng biên giới. Các báo cũng phản ánh những tâm tư, nguyện vọng của đồng bào có đạo; bày tỏ quan điểm rõ ràng trước những luận điệu sai trái của các thế lực xấu đang đàn trên báo điện tử, đài phát thanh nước ngoài.

Âm mưu lợi dụng tôn giáo các thế lực thù địch là chia rẽ giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, giữa tôn giáo với không tôn giáo, đặc biệt giữa đồng bào tôn giáo với Đảng, Nhà nước và cách mạng. Chúng dùng nhiều thủ đoạn kích động, lừa mị và o ép, khoét sâu mâu thuẫn về tư tưởng, kích động mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân để lừa gạt, lôi kéo, giành giật đồng bào về phía chúng,

đẩy dân đôi đầu với chính quyền, với Đảng. Chúng lợi dụng toàn cầu hóa, rêu rao nhân quyền, lợi dụng tôn giáo thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chúng tăng cường phát triển đạo Tin lành ở các vùng dân tộc miền núi, trong đồng bào Mông, Dao, âm mưu thành lập “Vương quốc người Mông”. Đối với vùng Tây Nguyên, chúng kêu gọi tách “Tin lành người Thượng” ra khỏi “Tin lành người Kinh”, lập ra “Tin lành Đê-ga”... Các thế lực thù địch luôn luôn tìm cách khai thác mọi sơ hở của ta để kích động quần chúng lạc hậu vi phạm pháp luật, làm rối loạn trật tự xã hội, gây bạo loạn tạo cơ để nước ngoài can thiệp.

#### **1.2.4. Những khó khăn, tồn tại trong công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay**

- Khi có vụ việc phức tạp về tín ngưỡng, tôn giáo xảy ra thì không ít cơ quan chức năng, tờ báo, tạp chí, đài phát thanh - truyền hình tỏ ra thụ động trong việc đưa tin, viết bài mang tính định hướng cũng như phương thức giải quyết. Sự chủ động phối, kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin và lấy thông tin về các vụ việc phức tạp về tôn giáo chưa chặt chẽ. Vì vậy, chất lượng thông tin, tuyên truyền còn thấp. Không ít cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông còn né tránh việc tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo trong đấu tranh với các luận điệu sai trái. Ở một số nơi xảy ra điểm nóng về tín ngưỡng, tôn giáo, chưa chỉ được rõ nguyên nhân cơ bản xảy ra điểm nóng, biện pháp khắc phục; việc lý giải, phân tích, giải thích chưa đúng bản chất của vụ việc nên thông tin thiếu tính thuyết phục.

- Trong công tác thông tin, tuyên truyền chủ yếu là đưa thông tin về gương người tốt việc tốt, ít thông tin có tính phản biện sắc sảo, phân tích có lý, thuyết phục. Thông tin được đánh giá là đã đáp ứng đúng thời điểm còn ít, không thu hút được sự quan tâm, theo dõi, lắng nghe của quần chúng nhân dân. Trong đó, hạn chế lớn nhất là về độ không chính xác và thiếu thực tế của thông tin về chính sách, pháp luật tôn giáo. Thậm chí còn có nhiều ý kiến khắt khe đánh giá khá nghiêm trọng về tình trạng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo còn thiếu thực tế. Vậy rất cần phải có giải pháp khắc phục ngay để đáp ứng sự hài lòng của công chúng quan tâm, nhất là chức sắc, chức việc, đồng bào các tôn giáo trong khi trình độ công chúng, cả người có tôn giáo và không có tôn giáo ngày một cao, nhu cầu dân chủ trong thông tin ngày càng nhiều.



- Hầu hết các cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình không có người làm nhiệm vụ chuyên trách riêng về thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo.

### ***1.2.5. Ý nghĩa, tầm quan trọng của thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo***

Cần phải khẳng định rằng: công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo có vai trò quan trọng. Với trên 27 triệu tín đồ tôn giáo nên nhu cầu thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo rất lớn là một nhu cầu rất cơ bản. Nhu cầu đó không ngừng tăng lên cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và gia tăng của các hoạt động sầm uất của tín ngưỡng, tôn giáo các mối quan hệ trong xã hội.

Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo ngày nay không chỉ thỏa mãn nhu cầu hiểu biết về tín ngưỡng, tôn giáo, nhu cầu giải trí, nhu cầu tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo. Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng trở thành nguồn lực to lớn, tạo ra cơ hội và thách thức lớn cho mỗi người khi tham gia vào lĩnh vực về tín ngưỡng, tôn giáo. Xã hội cần thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cho cá nhân học tập, nghiên cứu, thậm chí kinh doanh, cho Nhà nước quản lý xã hội. Nhà nước cần thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo để xây dựng chủ trương, chính sách, xây dựng hệ thống pháp luật... Hệ quả của việc thiếu thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo làm cho cá nhân lúng túng, học tập, nghiên cứu khó khăn khi tiếp cận về tín ngưỡng, tôn giáo; Nhà nước quản lý kém hiệu quả; chính sách dễ bị sai lầm, thiếu sót; hệ thống luật có nguy cơ chất lượng thấp. Công tác thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo gặp khó khăn thì thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo bị nhiễu, dễ xuất hiện tin đồn, xuyên tạc, bịa đặt, gây tác hại xấu cho nhiều cá nhân và xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo vai trò rất quan trọng, thực hiện hiệu quả chức năng 2 chiều của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, tạo đồng thuận xã hội: cung cấp thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo nhanh, chính xác, kịp thời, đầy đủ sẽ làm tăng cường độ tin cậy của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, số liệu thống kê của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, công tác thống kê; thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo đầy đủ, khái quát, có chiều sâu; nâng cao dân trí về thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo; thay đổi cách tiếp nhận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo của người dân: tiếp nhận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có phê phán, không dễ tin vào tin đồn, sự vu cáo, bịa đặt, xuyên tạc; nâng cao năng lực phân tích, đánh giá thông tin về tín

ngưỡng, tôn giáo, nhận thức về công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức; cải tiến phương pháp công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, nâng cao kỹ năng công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức. Mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia vào lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo đều cần thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tin tức, hoạt động của các tôn giáo; thông điệp của tôn giáo; các vấn đề của cộng đồng tôn giáo...

Bất cứ hoạt động nào của con người cũng có tính mục đích, chí ít là mục đích mưu sinh, sau đó là mục đích khoa học, nghệ thuật, chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo... Vì vậy, công tác thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo càng thể hiện rõ tính mục đích của nó. Để đạt được mục đích của thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thì công tác thông tin, tuyên truyền phải luôn tìm mọi cách, mọi phương tiện và cách thức thực hiện tối ưu hóa trong quan hệ giữa sự kiện, thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo với đông đảo công chúng, dư luận xã hội nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo là thành phần chính.

Để thực hiện tốt được vai trò của thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo đạt hiệu quả thì trong quá trình thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo cần phải nắm vững những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng định hướng, kỹ năng tiếp cận, kỹ năng xử lý thông tin trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

## **2. KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG THÔNG TIN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

### **2.1. Cơ sở định hướng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

#### **2.1.1. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tôn giáo tồn tại và phát triển lâu dài trong lịch sử. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội nên để thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi tồn tại xã hội. Đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong tôn giáo là một quá trình lâu dài, gắn liền với công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và trí tuệ cho con người. Trong chủ nghĩa xã hội, tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng là một nguyên tắc nhất quán, xuyên suốt, lâu dài. “Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mình thích, hoặc không thừa nhận một tôn giáo”. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thừa nhận và đảm bảo cho mọi công dân có hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định muốn đoàn kết với đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo trước hết phải tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của họ. Đoàn kết lương giáo, đoàn kết những người theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo tôn giáo khác nhau. Người giáo dục mọi người và Người gương mẫu tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của đồng bào. Ngay sau ngày khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ mới làm là tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết. Theo Hồ Chí Minh, người có tín ngưỡng, đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không mâu thuẫn nhau mà mỗi một người vừa là người dân yêu nước, vừa là một tín đồ chân chính. Người nói, người Công giáo tốt phải là người công dân tốt, kính Chúa và yêu Nước là nhiệm vụ không thể tách rời, có hết lòng phụng sự Tổ quốc mới làm sáng danh Chúa. Người thường nhắc, nước độc lập thì tôn giáo mới được tự do, vì vậy mọi người phải làm cho nước nhà độc lập trước.

### ***2.1.2. Đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo***

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 03/9/1945 tại phiên họp Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận đồng bào có đạo. Kế thừa quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo, trong các giai đoạn cách mạng, Đảng, Nhà nước ta đều quan tâm đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng, Nhà nước ta ban hành nhiều chủ trương, chính sách về tôn giáo và cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 1992 và 2013 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Đây là điều rất cần thiết nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm tính tương thích với luật pháp quốc tế.

Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với tôn giáo, cụ thể như sau: Một là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hai là, Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Ba là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Bốn là, công tác tôn giáo có trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Năm là, vấn đề theo đạo và truyền đạo. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ.

### **2.1.3. Đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia đa tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam với hơn 26,5 triệu người là tín đồ các tôn giáo, chưa kể hàng chục triệu người có tín ngưỡng dân gian. Sự phân bố tôn giáo ở nước ta cũng khác nhau. Có những nơi tín đồ tôn giáo sống thành từng cộng đồng tương đối tập trung, có vùng tín đồ tôn giáo sống xen kẽ với nhau, hoặc xen với quần chúng không theo tôn giáo. Các tôn giáo ở nước ta xuất hiện theo từng điều kiện lịch sử, với mức độ khác nhau. Các tôn giáo đều có mối quan hệ quốc tế và ít nhiều có những tác động qua lại qua những quan hệ đó. Do truyền thống đoàn kết dân tộc, do yêu cầu bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ nên tín ngưỡng, tôn giáo nước ta có tính dung hợp, đan xen, hòa đồng mang dấu ấn riêng như dễ chấp nhận các vị thần, thánh của các tôn giáo. Hành vi tâm linh tôn giáo ở Việt Nam mang tính thực tế. Niềm tin tôn giáo được củng cố qua các nghi thức hành lễ, thờ tự. Sức mạnh tôn giáo là chính hành động, là giáo dục chứ không phải ở giáo lý. Điều đó làm cho tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta về cơ bản không có xung đột đức tin và chiến tranh tôn giáo. Tính trội của yếu tố nữ trong hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam khá rõ nét. Thờ cúng Tổ tiên và những người có công với làng, nước là một nét đặc sắc của tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống nước ta. Mỗi gia đình đều thờ cúng ông bà, mỗi họ đều thờ cúng Tổ tiên. Tập tục thờ cúng Thành Hoàng làng, Thần bản... là bằng chứng nhân dân rất coi trọng những người có công dựng nước, giữ nước. Trong lịch sử cận, hiện đại nước ta, các thế lực chính trị phản động trong và ngoài nước thường lợi dụng tôn giáo và vấn đề tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị và đã để lại những hậu quả nhất định.

### **2.1.4. Thực trạng tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay**

Việt Nam đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 41 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo với hơn 26,5 triệu tín đồ chiếm hơn  $\frac{1}{4}$  dân số cả nước; hơn 58.000 chức sắc, hơn 148.000 chức việc, hơn 29.800 cơ sở thờ tự tôn giáo; khoảng 45.000 cơ sở tín ngưỡng, trong đó có hơn 3.000 di tích gắn với cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, một số di tích được Unesco công nhận là di sản thế giới; lễ hội liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Tín đồ các tôn giáo đại bộ phận là nông dân và nhân dân lao động sống tập trung ở những vùng quan trọng về kinh tế, quốc phòng, một bộ phận ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Do những thành tựu của công cuộc đổi mới đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo được cải thiện, có mặt được nâng lên,

nhieu cơ sở thờ tự được tu bổ, xây mới khang trang đẹp đẽ. Đời sống tín ngưỡng, tôn giáo được cải thiện, đồng bào tôn giáo tăng thêm niềm tin vào Đảng và Nhà nước, nhận thức rõ lợi ích của quốc gia, dân tộc và lợi ích của công cuộc đổi mới, gắn bó lợi ích của bản thân và lợi ích của tôn giáo mình. Đời sống tín ngưỡng, tôn giáo được cải thiện, đồng bào tôn giáo tăng thêm niềm tin vào Đảng và Nhà nước, nhận thức rõ lợi ích của quốc gia, dân tộc và lợi ích của công cuộc đổi mới, gắn bó lợi ích của bản thân và lợi ích của tôn giáo mình. Tín ngưỡng, tôn giáo có vị trí, vai trò quan trọng đối với đời sống tinh thần của một bộ phận rất đông đảo nhân dân. Ở Việt Nam hiện nay, tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều hoạt động rất sôi động, tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa xã hội; quyền con người, quyền về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được mở rộng.

Về chức sắc tôn giáo: giữ vai trò quan trọng trong hoạt động tôn giáo và có ảnh hưởng lớn tới tín đồ. Đa số chức sắc được đào tạo khá cơ bản về giáo lý, có văn hóa, có điều kiện và phương tiện hoạt động nên đa số các chức sắc yên tâm làm việc đạo, có tinh thần dân tộc, đồng tình với đường hướng tốt đời đẹp đạo, mong muốn được hoạt động tôn giáo bình thường trong khuôn khổ luật pháp. Tuy nhiên, có một số người mang tư tưởng định kiến, hẹp hòi, vọng ngoại, thái độ cực đoan, có hoạt động lôi kéo, kích động chống Đảng, Nhà nước.

## **2.2. Các nguyên tắc trong định hướng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

- Cơ quan cung cấp thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Đây sẽ là những thông tin chính thống và tin cậy nhất liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Khi có vụ việc liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) sẽ thông tin đến các bộ, ban, ngành Trung ương, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức, cơ sở tôn giáo và quần chúng nhân dân trong nước; thậm chí cung cấp thông tin ra bên ngoài. Tùy theo mức độ quan trọng của thông tin, Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) sẽ lựa chọn hình thức thông tin như: gửi văn bản, các buổi làm việc trực tiếp, trực tuyến, các buổi tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, họp báo, thông tin trên website, đăng trên phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí để định hướng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong hoạt động thông tin về

tín ngưỡng, tôn giáo. Lực lượng nòng cốt làm công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là các đơn vị chuyên trách về công tác tôn giáo, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức tôn giáo. Cộng đồng tôn giáo vừa là đối tượng vừa là nguồn lực của công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Gắn kết chặt chẽ giữa thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao... của đất nước. Trong hoạt động thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải bám sát, phục vụ triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại... của đất nước, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Hiện đại hóa phương tiện, chú trọng áp dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin để mở rộng địa bàn, đối tượng, nâng cao chất lượng, hiệu quả thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung và hình thức thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, đa dạng hóa phương thức thực hiện hoạt động thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện tốt phương châm “chính xác, kịp thời, sinh động, phù hợp từng đối tượng về tín ngưỡng, tôn giáo”.

- Xã hội hóa công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo theo lộ trình hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước để huy động thêm nguồn lực trí tuệ và tài chính cả trong nước và ở nước ngoài. Tranh thủ bạn bè quốc tế và các hãng truyền thông có uy tín của nước ngoài thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo để quảng bá hình ảnh đất nước.

- Tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm về nguồn nhân lực và tài chính cho công tác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo.

### **3. KỸ NĂNG TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

#### **3.1. Tại sao phải tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

Thông tin trong đó có thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Việc tiếp cận thông tin luôn luôn là nhu cầu rất cao của con người trong mọi thời kỳ lịch sử với những mục đích khác nhau, có thể để học hỏi nhằm thay đổi tình trạng hiểu biết của mình hay để giải quyết một vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo trong cuộc sống. Quyền tiếp cận thông tin của người dân là một trong những quyền quan trọng của con người. Con người có quyền tiếp cận thông tin trong đó có thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo

qua các kênh khác nhau và lựa chọn cách tiếp cận thông tin qua kênh nào tùy thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố trình độ dân trí.

Đối với việc tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, có thể thấy thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng trở thành nguồn lực to lớn, thông tin tích cực chính thống sẽ thúc đẩy xã hội phát triển; lan tỏa tinh thần nhân văn, bác ái, yêu thương, chia sẻ giữa người với người; hạn chế sự kỳ thị, hẹp hòi. Việc tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo giúp cho cá nhân học tập, nghiên cứu nâng cao nhận thức và giúp cho Nhà nước quản lý xã hội, xây dựng chủ trương chính sách, xây dựng hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo... Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền thể hiện rõ tính mục đích của nhà nước nhằm định hướng chức sắc tôn giáo, đồng bào có đạo và quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng xã hội lành mạnh.

### **3.2. Phát hiện sớm vấn đề, lựa chọn chủ đề về tín ngưỡng, tôn giáo**

Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo luôn phong phú, đa dạng, nhiều chiều. Đối tượng của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo chính là các sự kiện và vấn đề đã đang diễn ra trên mọi nội dung, khía cạnh của tín ngưỡng, tôn giáo và cũng liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, đời sống bình dân cũng như đời sống riêng của mỗi con người liên quan đến vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Đối tượng tác động của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền cũng rất phong phú, đa dạng. Đó là đồng bào tôn giáo, bao gồm chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo; cán bộ làm công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị; những người quan tâm đến tôn giáo như nhà nghiên cứu, người kinh doanh, người hoạt động chính trị; quần chúng nhân dân không phân biệt tuổi tác, nghề nghiệp, giai cấp, trình độ, giới tính, địa bàn sinh sống, mức sống... Vì vậy, việc phát hiện sớm vấn đề, lựa chọn chủ đề thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là việc cần thiết trong kỹ năng tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền.

Chủ đề thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có thể nói một cách ngắn gọn là ý đồ, ý định, ý tưởng của chủ thể thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo muốn chuyển tải đến đối tượng thụ hưởng thông qua thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Như vậy, chủ đề thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc về chủ quan, nhưng không phải là chủ quan thuần túy mà là kết quả nhận thức những vấn đề của thực tiễn công việc và mục đích của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Chủ

đề thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo tốt thường gắn với những vấn đề bức xúc, những trở ngại, suy nghĩ hay mong đợi của đối tượng thụ hưởng thông tin.

Chủ đề về tín ngưỡng, tôn giáo là vấn đề được lựa chọn để thông tin, có thể ví dụ các chủ đề rộng về tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện như: chủ trương, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; đạo đức tôn giáo; giới thiệu giáo lý, giáo luật của tôn giáo; nguồn lực tôn giáo; gương điển hình của các tôn giáo.... Với nghĩa hẹp, chủ đề về tín ngưỡng, tôn giáo là phạm vi nội dung được thể hiện trong thông tin, có thể là một nét, một khía cạnh,... trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của con người, của một tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo, của một nhóm xã hội, trên địa bàn cụ thể nào đó. Ví dụ, sự kiện về “Câu lạc bộ Tình người”, từ khi mới xuất hiện, dư luận báo chí phê phán chỉ trích từ cách hoạt động của Câu lạc bộ và cách quản lý của các cơ quan liên quan, đến việc đặt vấn đề trách nhiệm của mọi người với giá trị đạo đức, truyền thống của dân tộc, với sự đúng sai và vi phạm pháp luật. Một loạt những chủ đề thông tin đã được đưa ra từ cơ quan chức năng tuyên truyền, chỉ đạo định hướng có mục đích thì một loại đề tài cụ thể cho chủ đề “Câu lạc bộ Tình người” cũng xuất hiện mang tính định hướng và đáp ứng được nhu cầu thông tin chính thống của quần chúng nhân dân.

### **3.3. Công tác chuẩn bị cho tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

Trong công tác chuẩn bị cho việc tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo thì đầu tiên, quan trọng là phải tìm hiểu và nghiên cứu thực tế về tín ngưỡng, tôn giáo. Quá trình tìm hiểu và nghiên cứu thực tế nếu được coi trọng sẽ giúp mọi người có thêm thông tin, tài liệu về đề tài tín ngưỡng, tôn giáo mình quan tâm giúp cho việc chọn chủ đề thuyết phục hơn. Trước khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, thì phải chuẩn bị kỹ chủ đề, đề tài về tín ngưỡng, tôn giáo, xây dựng bộ câu hỏi về thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần lấy để những thông tin khai thác được đúng, trúng.

Khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần phải hiểu được đối tượng cung cấp thông tin là ai, cơ quan nào để có thể định hướng được thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần lấy và khai thác được nhiều thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Cụ thể: cấp Trung ương, có thể lấy thông tin từ Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, ngoài ra còn có các cơ quan khác như: Ban Dân vận, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an, Quân đội... Ở địa phương có các Ban Tôn giáo, UBND các cấp...



Khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, cũng phải trang bị những hiểu biết về Luật Tiếp cận thông tin để hiểu được quyền tiếp cận đến đâu khi tiếp cận thông tin và được phép tiếp cận những thông tin gì, ai là người được quyền cung cấp thông tin... tránh những vi phạm đáng tiếc xảy ra. Quyền tiếp cận thông tin bao gồm: quyền được xem các tác phẩm, tài liệu, hồ sơ, được ghi chép, trích dẫn, sao chụp các tài liệu, hồ sơ đó, được thu thập thông tin dưới dạng các đĩa mềm, thẻ nhớ hoặc bất kỳ dạng thiết bị điện tử nào. Tại Điều 2, Luật Tiếp cận thông tin 2016 có ghi: “Tiếp cận thông tin là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin”. Vì thế, khi tiếp cận thông tin thì chủ thể phải chuẩn bị cho mình những thiết bị, dụng cụ hỗ trợ cho việc tiếp cận thông tin, lấy được thông tin được thuận lợi như máy ảnh, máy ghi âm, máy ghi hình, máy quét... để có thể chụp ảnh, ghi hình, sao chép lại thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo một cách đầy đủ, chi tiết.

#### **3.4. Các hình thức tiếp cận thông tin trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo**

Việc tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cũng diễn ra với nhiều hình thức như: nghiên cứu tư liệu, quan sát, phỏng vấn.

- Nghiên cứu tư liệu: thông thường khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo thì việc đầu tiên chủ thể phải nghiên cứu tư liệu liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Nghiên cứu tư liệu về tín ngưỡng, tôn giáo còn là việc thu thập, phân tích, xem xét các thông tin trong văn bản để rút ra những thông tin, tư liệu cần thiết cho hoạt động tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Phương pháp nghiên cứu văn bản không chỉ đơn thuần là việc sao chép, trích dẫn mà là một thao tác trí tuệ. Trong hoạt động thu thập tư liệu về tín ngưỡng, tôn giáo thì việc nghiên cứu văn bản thường là cơ sở đầu tiên để tiến hành các phương pháp khác. Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo rút từ tài liệu văn bản giấy trắng mực đen thường ít thiên vị và có độ tin cậy cao. Các loại văn bản quản lý hành chính nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo có tính chất chuẩn mực tương đối vì đã được những cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền phê duyệt. Các loại báo cáo sơ kết, tổng kết về tín ngưỡng, tôn giáo... ít nhiều cũng được các cá nhân, đơn vị, cơ quan có trách nhiệm soạn thảo và kiểm tra. Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo rút ra từ sách báo có nhiều tác dụng trong việc đào sâu, mở rộng thông tin, làm bài báo sâu sắc và thuyết phục bạn đọc hơn. Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cũng có thể khai thác thông tin trên internet, với công cụ tìm kiếm tiện lợi, dễ dàng tìm được một văn

bản theo ý muốn. Đó chính là nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo không lồ, cực kỳ phong phú, đa dạng, là phương tiện truyền thông hiện đại.

- Quan sát: là khả năng cảm thụ hiện thực của con người về tín ngưỡng, tôn giáo nhờ vào các cơ quan cảm giác chủ yếu như thị giác và thính giác thông qua sự tiếp xúc nghe nhìn, có thể tổng hợp thành các dạng cơ bản như: quan sát quang cảnh, hiện trạng, quan sát con người, quan sát đồ vật... Trong tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, quan sát được coi là một phương pháp không thể thiếu để thu thập những thông tin nóng hổi, sống động về tín ngưỡng, tôn giáo. Tiến hành các hoạt động quan sát, phải tiếp cận trực tiếp với hiện thực về tín ngưỡng, tôn giáo. Hình thức tiếp cận này thường để lại cảm xúc ấn tượng về con người, sự kiện tín ngưỡng, tôn giáo mà họ đã quan sát, tiếp xúc. Trong quá trình giao tiếp, quan sát về tín ngưỡng, tôn giáo những biểu hiện tâm lý sẽ giúp điều chỉnh nhịp độ cuộc giao tiếp và đánh giá mức độ tin cậy của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Hoạt động quan sát về tín ngưỡng, tôn giáo chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan. Hiện thực về tín ngưỡng, tôn giáo qua quan sát luôn gắn liền với sự nhìn nhận, xem xét và trạng thái tâm lý của mỗi con người. Hoạt động quan sát về tín ngưỡng, tôn giáo bị giới hạn bởi thời gian, không gian. Mặc dù có các phương tiện kỹ thuật trợ giúp nhưng cũng khó quan sát được các sự kiện về tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra trong phạm vi rộng lớn về không gian và thời gian dài.

- Phỏng vấn: là cuộc giao tiếp, đối thoại về tín ngưỡng, tôn giáo có tính chất động, vì vậy khi thực hiện cần linh hoạt, mềm dẻo. Tùy theo hoàn cảnh, điều kiện mà có thể thỏa thuận với người trả lời về hình thức giao tiếp, hoàn cảnh, địa điểm giao tiếp... để phỏng vấn về tín ngưỡng, tôn giáo có thể thực hiện được nhanh, tiết kiệm thời gian và công sức. Bằng cách thức phỏng vấn chủ thể về tín ngưỡng, tôn giáo có thể tái hiện được sự kiện đã xảy ra hoặc xảy ra bất ngờ qua lời kể của các đối tượng được phỏng vấn. Thông tin thu thập về tín ngưỡng, tôn giáo được qua cách thức phỏng vấn có tính chất khách quan từ nguồn tin trực tiếp, tạo độ tin cậy giá trị cho thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Cách thức phỏng vấn có thể làm chủ thể an tâm hơn với những thông tin thu thập được về tín ngưỡng, tôn giáo vì những người trả lời phỏng vấn phải có trách nhiệm với những gì mình phát ngôn. Nếu khai thác một cách khéo léo có thể nắm giữ trong tay những thông tin độc quyền về tín ngưỡng, tôn giáo. Đó là những thông tin riêng về tín ngưỡng, tôn giáo không có mặt trong các bản báo

cáo, tổng kết... Phong vấn là một phương pháp tinh vi, đặc biệt, trong việc khám phá thế giới nội tâm của đối tượng, khơi gợi và tìm kiếm được những thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có trong đầu và trái tim của người trả lời. Tất nhiên muốn có được những thông tin đó về tín ngưỡng, tôn giáo phải có nghệ thuật thuyết phục lòng người.

### **3.5. Các cách thức tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

Khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần phải hiểu rõ và sử dụng quyền của mình để có cách thức tiếp cận thông tin đúng với quy định của Nhà nước.

- Khi tiếp cận thông tin trong đó có thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ quan nhà nước: tại Điều 10, Luật Tiếp cận thông tin 2016 quy định về các cách thức tiếp cận thông tin của công dân bao gồm: tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai; yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin. Thông tin pháp luật quy định phải công khai là thủ tục hành chính và quy trình giải quyết các công việc của cơ quan nhà nước... Luật Tiếp cận thông tin quy định, tùy trường hợp cụ thể mà trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin của công dân và cách thức cơ quan nhà nước cung cấp thông tin cũng sẽ có sự thay đổi. Trường hợp cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin: đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay. Với thông tin phức tạp, cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc phải có ý kiến của cơ quan khác thì chậm nhất là 10 ngày làm việc. Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin. Đối với trường hợp cung cấp thông tin qua mạng điện tử, được thực hiện bằng các cách thức như: gửi tập tin đính kèm thư điện tử; cung cấp mã truy cập một lần. Trường hợp cung cấp thông tin thông qua dịch vụ bưu chính, fax: đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin. Riêng đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

- Khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo của các tổ chức, cá nhân: thông tin là tài sản có giá trị đặc biệt của mỗi cá nhân, tổ chức và thậm chí cả quốc gia. Việc bảo vệ thông tin riêng cũng như thông tin cá nhân là vấn đề thời sự không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Nhiều quốc gia có các đạo luật riêng về vấn đề này. Điều 38 của Bộ luật Dân sự quy định “Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ” hay “Thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật”. Vì vậy, khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo của các tổ chức, cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào thì cũng phải tôn trọng và được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân theo đúng quy định được pháp luật ban hành.

### **3.6. Kỹ năng khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

Luật Tiếp cận thông tin quy định những loại thông tin công dân không được tiếp cận, gồm: thông tin thuộc bí mật Nhà nước; thông tin nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng - an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về các cuộc họp nội bộ của cơ quan; các tài liệu do cơ quan soạn thảo cho công việc nội bộ... Hay đối với thông tin cá nhân, Bộ luật Dân sự quy định “Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ” hay “Thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật”. Trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cũng có các loại thông tin thuộc bí mật Nhà nước, bí mật công tác, thuộc cá nhân và nhiều thông tin ảnh hưởng xấu đến Nhà nước, đến quốc gia, đến xã hội, cộng đồng... Vì vậy, khi khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, phải hiểu được những thông tin nào mình được quyền tiếp cận, khai thác và những thông tin nào mình không được quyền khai thác.

Khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là quá trình đòi hỏi phải có kỹ năng nghiệp vụ tinh thông để có thể khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo một cách chính xác nhất, đầy đủ nhất. Không phải lúc nào cũng có thể khai thác thông tin một cách thành công. Trong phạm vi cuốn tài liệu, xin chia sẻ một số kỹ năng cần lưu ý trong quá trình thực hiện các phương pháp để khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Thông thường, có thể sử dụng 3 phương pháp cơ bản để có được thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo.

Trước hết là, đọc và nghiên cứu tài liệu - có thể đọc các bản báo cáo, kỷ yếu, tư liệu lịch sử về tín ngưỡng, tôn giáo, đọc và tìm kiếm trên mạng internet. Cần xem xét văn bản với thói quen của nhà điều tra. Nếu văn bản dùng làm căn cứ, chứng cứ trong những sự việc quan trọng thì nhất thiết phải có hoặc cần phải đối chiếu với văn bản gốc để đảm bảo tính chính xác cao. Chú ý thời gian ra đời của văn bản. Cần trọng với các tài liệu bí mật của Nhà nước, đó là những tài liệu, thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, khoa học, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố.

Thứ hai, là khi sử dụng khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo bằng phương pháp quan sát để đạt hiệu quả cao. Khi quan sát phải có sự phân tích, thẩm định, nhận xét thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Quan sát kèm theo sự cảm nhận của người quan sát sẽ quyết định việc thu thập thông tin và thẩm định thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo chính xác hơn.

Thứ ba là khi sử dụng phương pháp phỏng vấn thông qua hệ thống câu hỏi để tìm kiếm thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo từ đối tượng và những nhân vật liên quan hoặc nhân vật nắm giữ thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần biết lựa chọn đối tượng, chuẩn bị hệ thống câu hỏi, các phương tiện kỹ thuật thích hợp để thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ cho chủ đề thông tin của mình. Để chuẩn bị cho khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần biết những chi tiết thuộc chủ đề và bản thân đối tượng mà bạn phỏng vấn, khai thác. Nên xác định thời gian để thuận lợi cho cuộc khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, người được phỏng vấn nên đề nghị thời gian, chọn không gian quen thuộc của người được phỏng vấn. Nên mang theo máy ghi âm và sổ ghi chép.

#### **4. KỸ NĂNG THU THẬP THÔNG TIN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

##### **4.1. Khái niệm**

Thu thập nguyên nghĩa là tìm kiếm, góp nhặt và tập hợp lại. Thu thập thông tin là quá trình tập hợp thông tin theo những tiêu chí cụ thể nhằm làm rõ những vấn đề, nội dung liên quan đến lĩnh vực nhất định. Thu thập thông tin là quá trình xác định nhu cầu thông tin, tìm nguồn thông tin, thực hiện tập hợp thông tin theo yêu cầu nhằm đáp ứng mục tiêu đã được định trước. Thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là quá trình tập hợp thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo theo những tiêu chí cụ thể nhằm làm rõ những vấn đề, nội dung liên

quan đến lĩnh vực về tín ngưỡng, tôn giáo. Thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là quá trình xác định nhu cầu thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, tìm nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện tập hợp thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo theo yêu cầu nhằm đáp ứng mục tiêu đã được định trước. Người làm thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo phải am hiểu tôn giáo và luôn nâng cấp mình, có kỹ năng truyền thông tinh tế.

#### **4.2. Vai trò của thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

Thu thập và xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ trực tiếp cho quá trình lập kế hoạch và ra quyết định về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền. Lập kế hoạch và ra quyết định về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền là công việc phức tạp và khó khăn nhưng nó lại có ý nghĩa tiên quyết đối với các nhà quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo. Để có được những kế hoạch và những quyết định đúng đắn về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền, các nhà quản lý cần rất nhiều thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Nhờ có thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo mà các nhà quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo có thể giải quyết đúng đắn và hiệu quả các vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền. Trong các hoạt động này, quá trình thu thập và xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có liên hệ với mật thiết với nhau. Thông tin thu thập về tín ngưỡng, tôn giáo thiếu sẽ không giúp nhận diện được bản chất, quy luật của vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền. Thông tin thu thập về tín ngưỡng, tôn giáo đầy đủ nhưng thiếu kỹ năng xử lý cũng sẽ làm giảm ý nghĩa của thông tin, không đem lại cơ sở khoa học vững chắc cho quá trình lập kế hoạch và ra quyết định về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền, việc thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có vai trò quan trọng giúp cho việc nhận thức các vấn đề liên quan tới tín ngưỡng, tôn giáo và việc thiết kế quy trình trong hoạt động thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện hiệu quả; xây dựng các phương án cho việc xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền; tạo ra chuỗi dữ liệu làm cơ sở cho việc xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên

truyền; giải quyết các vấn đề liên quan tới về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

Nếu bị hạn chế về năng lực và kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin và hiệu quả khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Sự quá tải, sự đa dạng về thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo dẫn đến những khó khăn trong quá trình thu thập và xử lý. Sự hạn chế về kỹ năng thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo biểu hiện trên nhiều phương diện như thiếu kỹ năng lựa chọn phương pháp thu thập thông tin, kỹ năng triển khai áp dụng các phương pháp thì việc xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo sẽ bị giảm bớt hiệu quả nếu chủ thể thu thập thông tin không có các kiến thức về thống kê, thiếu kỹ năng phân tích thông tin, kỹ năng sử dụng các phương tiện tin học trong xử lý số liệu.

#### **4.3. Yêu cầu của tổ chức thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

Việc thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Bảo đảm nhu cầu thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo: mỗi tổ chức, cá nhân có nhu cầu khác nhau đối với vấn đề bảo đảm thông tin cho công việc của mình. Trong sự đa dạng của thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, việc xác định đúng nhu cầu thông tin sẽ giúp cho việc thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có trọng tâm, bảo đảm thu thập các thông tin cần thiết, khắc phục tình trạng thu thập thông tin dàn trải, thiếu các thông tin cần thiết theo yêu cầu công việc cần giải quyết.

- Xác định các kênh và nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Trên cơ sở xác định nhu cầu thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, việc xác định kênh và nguồn thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo là bước tiếp theo của quá trình thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trên thực tế có thể phân loại theo những cách tiếp cận khác nhau nhưng tổng thể có thể được chia thành thông tin thứ cấp và sơ cấp. Thông tin thứ cấp là nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo sẵn có để cung cấp. Thông tin sơ cấp là thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo mới, được thu thập thông qua các phương pháp, kỹ thuật nhất định. Thu thập thông tin qua nguồn thứ cấp gồm: thông tin các hồ sơ tài liệu, văn bản và thông tin từ sách báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Để thu thập thông tin từ hồ sơ, tài liệu, văn bản có hiệu quả, quá trình thu thập nguồn thông tin cần chú ý đến các bước: xác định

thông tin cần thu thập để giải quyết vấn đề; xem xét đối với vấn đề đó thì hồ sơ, tài liệu, văn bản nào có thông tin này? xác định hồ sơ, tài liệu, văn bản được lưu trữ và quản lý ở đâu? tiếp cận hồ sơ, tài liệu, văn bản và xác định những thông tin cần thiết phục vụ quá trình giải quyết công việc.

Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo từ sách báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác là một nguồn thông tin quan trọng. Việc khai thác thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo từ sách báo, tạp chí và các phương tiện truyền thông cần bảo đảm các yêu cầu: bảo đảm tính chính xác và có độ tin cậy cao vì thông tin chính xác luôn là yêu cầu đầu tiên và quan trọng nhất; bảo đảm tính khách quan khi được sử dụng nguồn thông tin này, tuyệt đối không được bóp méo, xuyên tạc nội dung của tài liệu thứ cấp mà phải tôn trọng tính chính xác của tài liệu thứ cấp; bảo đảm tính pháp lý vì phải tuân thủ các quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nghĩa là chỉ được sử dụng nguồn tài liệu tham khảo đó khi được phép của tác giả hoặc cơ quan quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Thiết lập hình thức và chế độ thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm: việc đọc và ghi chép; sao chụp một phần hoặc toàn bộ văn bản, tài liệu; xây dựng bảng hỏi, câu hỏi phỏng vấn, thảo luận nhóm để thu thập thông tin; thống kê số liệu, tính tỷ lệ, tính xác suất; quan sát, so sánh và đối chiếu thông tin.

- Yêu cầu với thông tin thu thập: thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải phù hợp với nhu cầu thông tin, phù hợp với công việc cần giải quyết, có tính hợp pháp, có giá trị sử dụng; thông tin phải chính xác, phản ánh đúng bản chất của đối tượng, được cung cấp bởi những chủ thể đáng tin cậy, đã được kiểm chứng hoặc có cơ sở để tiến hành kiểm chứng; thông tin phải đầy đủ, phản ánh được các mặt, các phương diện của đối tượng, giúp nhận diện đúng vấn đề; thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải kịp thời, có tính mới, phản ánh đối tượng ở thời điểm hiện tại, không phải là những thông tin cũ, thông tin đã lạc hậu; thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải có tính hệ thống và tổng hợp, phải phản ánh được đúng về đối tượng, sự vật, sự việc liên quan; thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo đơn giản dễ hiểu, có thể dễ dàng sử dụng, phục vụ cho yêu cầu công việc; thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải đảm bảo yêu cầu bí mật, sử dụng trong phạm vi quy định như các thông tin về bí quyết công nghệ, các thông tin chưa được phép công bố trên diện rộng, các thông tin theo quy định là bí mật nhà nước.



## **5. KỸ NĂNG XỬ LÝ THÔNG TIN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN**

### **5.1. Các nguyên tắc trong xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

Con người nhận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo thông qua các giác quan: âm thanh qua thính giác; hình ảnh và văn bản qua thị giác; trạng thái, nhiệt độ, cảm xúc qua xúc giác; mùi vị qua khứu giác. Để giải thích và hiểu được các tín hiệu nhận được từ các giác quan, con người phải phát triển và học các hệ thống ngôn ngữ phức hợp, nó bao gồm một “bộ chữ cái” các tín hiệu và các tác nhân kích thích cùng với các quy tắc sử dụng chúng. Điều đó cho phép người ta nhận ra các đối tượng mà họ nhìn thấy, hiểu được các thông báo về tín ngưỡng, tôn giáo mà họ đọc hoặc nghe, cảm nhận được các tín hiệu nhận được qua xúc giác và khứu giác. Các vật mang thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo chuyển tải tín hiệu tới người nhận có thể là sóng điện từ, sóng ánh sáng, sóng âm và các tác nhân kích thích hóa và điện hóa. Cho đến trước khi máy tính điện tử ra đời, các tín hiệu truyền đi thông qua các vật mang tin trên là những tín hiệu được lưu trữ và xử lý dưới dạng tương đồng, dựa trên công nghệ in, chụp ảnh và điện thoại. Với công nghệ thông tin hiện đại, thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo được biểu diễn dưới dạng các tín hiệu số nhị phân, dựa trên kỹ thuật số. Đó có thể coi là bước chuyển biến mang ý nghĩa lịch sử vào cuối thế kỷ 20 trong cách thức mà con người sáng tạo, tiếp cận và sử dụng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nguyên tắc thống nhất hài hòa, bổ sung, hoàn thiện ba loại thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo (thông tin thuận và ngược chiều, thông tin khách quan, thông tin chức năng), ba nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo (được cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp; thu thập từ tiếp xúc và khảo sát thực tế; thu thập được từ truyền thông đại chúng và mạng toàn cầu). Điều này đòi hỏi, việc xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải chú ý đến tính đầy đủ của thông tin. Không thể xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu quả dựa trên thông tin một chiều, thông tin chưa đầy đủ. Việc bảo đảm chất lượng nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo sẽ bảo đảm cho quá trình xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu quả, nhận diện được bản chất của sự việc và đưa ra quyết định đúng đắn.

Nguyên tắc thận trọng khi tham khảo, sử dụng với thông tin dự báo về tín ngưỡng, tôn giáo, thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo từ nước ngoài, thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo có sai biệt với thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo chính thức.

Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình xử lý có tính đa dạng nhưng không ít trường hợp thiếu những thông tin hữu ích, thông tin chính thống về tín ngưỡng, tôn giáo. Chính vì vậy, việc xử lý thông tin phải xác định được nguồn gốc thông tin, có sự so sánh, đối chiếu các nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo với thông tin chính thức về tín ngưỡng, tôn giáo, tránh tình trạng sa vào xử lý nguồn thông tin chưa được kiểm chứng đầy đủ, chưa có cơ sở để giải thích về sự mâu thuẫn giữa nguồn thông tin đó với thông tin chính thống về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nguyên tắc loại bỏ các yếu tố bình luận lẫn trong thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, các dư luận xã hội về tín ngưỡng, tôn giáo chưa kiểm chứng. Quá trình xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phải nắm được hạt nhân của thông tin. Thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo trong không ít trường hợp được đưa cùng với những yếu tố bình luận, dư luận xã hội, những nhận xét của người đưa tin. Vì vậy, để xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo hiệu quả cần loại bỏ những yếu tố bình luận, nhận xét, những yếu tố mang tính dư luận xã hội để xác định đúng nội dung cốt lõi, yếu tố khác quan trọng trong thông tin được cung cấp.

## **5.2. Kỹ năng xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

- Kỹ năng xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo tức thời.

Trong giao tiếp con người phải xử lý nhiều thông tin thu nhận được về tín ngưỡng, tôn giáo. Thứ nhất, nhanh chóng xác định thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo đã thu nhận được để phân loại, sắp xếp thông tin. Thứ hai, kết hợp những thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo vừa thu nhận được với những thông tin đã có đó từ các nguồn khác nhau để có cơ sở giải quyết vấn đề. Thứ ba, xác định đối tượng tiếp nhận câu trả lời, quyết định, biện pháp giải quyết là cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp, dân cư... để đưa ra các phương án giải quyết phù hợp, hiệu quả. Thứ tư, bổ sung những thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cần thiết thông qua việc tiếp tục đối thoại, trao đổi nêu thông tin thu nhận và thông tin đã biết chưa đủ cơ sở để giải quyết. Thứ năm, đưa ra cách giải quyết, câu trả lời, quyết định cho trường hợp, tình huống cần giải quyết.

- Kỹ năng xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy trình.

Là tập hợp và hệ thống hóa thông tin theo từng vấn đề, lĩnh vực. Tóm tắt thông tin và phân loại theo các nhóm như: thông tin kinh tế, thông tin chính trị - xã hội, thông tin quá khứ, hiện tại, thông tin dự báo... Tóm tắt những thông tin

về tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản, những thông tin mới, thông tin có điểm khác biệt với những thông tin trước. Phân tích và kiểm tra độ chính xác của các thông tin, tính hợp lý của các tài liệu, số liệu về tín ngưỡng, tôn giáo. Xác định độ tin cậy của các nguồn tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Lý giải được sự mâu thuẫn giữa các thông tin. Chọn ra những thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo đầy đủ hơn, có độ tin cậy cao hơn, chỉnh lý chính xác tài liệu, số liệu.

- Xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo định tính.

Trước hết phải đọc để xem nội dung về tín ngưỡng, tôn giáo có phù hợp với ý định đã đưa ra, thông tin có đầy đủ, chi tiết hay chỉ ở bề mặt, người phỏng vấn có sử dụng các kỹ thuật định tính một cách thích hợp? Các bước cơ bản trong xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo định tính: (1) Đọc, nghiên ngẫm thông tin để xác định được những chủ đề nổi bật và phát triển những giải thích tạm thời; (2) Mã hóa dữ kiện, lập bản chỉ dẫn các dữ kiện (indexing): khi xử lý thông tin cần sắp xếp các dữ kiện, đọc các dữ kiện, bước tiếp theo là mã hoá, làm bản chỉ dẫn về các dữ kiện theo những đề mục, phạm trù nhất định. Đây là cách tổ chức và phân loại các dữ kiện về tín ngưỡng, tôn giáo để sau này có thể so sánh các trường hợp, tìm ra các khuôn mẫu chung lý giải các vấn đề; (3) Trình bày các dữ kiện: là làm một bản liệt kê tóm tắt những điều liên quan đến chủ đề phân tích; (4) Cô đọng thông tin: thực hiện bước này khi việc thu thập thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo kết thúc và sau khi mã hóa, nghiên ngẫm tư liệu. Mục tiêu của giai đoạn này là để có một cái nhìn, nắm ý nghĩa tổng quát của tư liệu và phân biệt được các chủ đề trung tâm với các chủ đề phụ, phân biệt cái chủ yếu và không chủ yếu; (5) Giải thích thông tin: là cho thấy mô hình phân tích là thích hợp và nó nói lên cái gì; (6) Tổng hợp kết quả, cung cấp thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, rút ra thông tin cuối cùng về đối tượng, sự vật, sự việc.

- Xử lý thông tin định lượng về tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm các công việc chính: (1) sắp xếp, mô tả các dữ kiện; (2) tìm tương quan giữa các biến số; (3) giải thích khoảng cách giữa các kết quả đạt được và kết quả chờ đợi; (4) xác định thông tin cuối cùng; (5) cung cấp thông tin; (6) bảo quản, lưu trữ thông tin.

### **5.3. Ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

Công nghệ thông tin được coi là một trong các trụ cột nâng cao chất lượng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo và đặc biệt quan trọng trong bối cảnh ứng dụng Chính phủ điện tử và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong những

năm qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin diễn ra mạnh mẽ nhất là trong công tác xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo như: chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ; ứng dụng phiếu điều tra điện tử, như trên trang web của Ban Tôn giáo Chính phủ có phiếu điều tra xã hội học giúp rút ngắn thời gian thu thập thông tin về những người; điều hành tác nghiệp và giám sát điều tra nhằm giám sát một cách kịp thời và giải đáp các vướng mắc trong quá trình xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng website trang Thông tin điện tử phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh của Ban Tôn giáo Chính phủ như nguồn thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo sát với thực tế để phổ biến và khai thác dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong phần mềm về dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền hoặc được ủy quyền của Ban Tôn giáo Chính phủ chia sẻ với các bộ ngành, cơ quan có liên quan, với các địa phương và cơ sở tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo về các thủ tục hành chính liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Ứng dụng công nghệ thông tin về văn bản điện tử để luân chuyển trên môi trường điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ; trong các phần mềm như: Voffice Eoffice...

Trong hoạt động thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo khá nhiều và phổ biến.

#### **5.4. Bài học kinh nghiệm và một số lỗi cần tránh trong xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo**

Khi xử lý thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo rất dễ phát sinh những sai sót do thiếu hụt kiến thức hoặc nhận định cụ thể. Để tránh điều này, trước khi đưa ra quyết định nên tóm tắt lại sơ bộ thông tin bằng cách trả lời những câu hỏi như: ai là mối quan tâm chính? những đối tượng có liên quan? tác động, ảnh hưởng là gì? có thể tìm kiếm thêm nguồn tin ở đâu?...

Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, khi tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo, cần bình tĩnh, tỉnh táo sàng lọc thông tin, tự trang bị kiến thức về pháp luật, xã hội và nhận diện rõ các thông tin xuyên tạc, giả mạo. Cụ thể: (1) kiểm chứng cơ sở nguồn tin về tín ngưỡng, tôn giáo, xem thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo đó đến từ nguồn nào; (2) kiểm tra tên của các tài liệu, tên miền của trang mạng đăng tải thông tin, thường nguồn phát của thông tin xuyên tạc, giả mạo thường là những trang mạng có tên miền nước

ngoài (.com, .org), không có đuôi tên miền Việt Nam “.vn”; (3) kiểm tra tác giả, đọc kỹ nội dung để suy ngẫm xác định thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo thật hay giả; tin tức về tín ngưỡng, tôn giáo giả hay bị lỗi chính tả hoặc có bố cục lộn xộn, các hình ảnh, video trong tin về tín ngưỡng, tôn giáo giả thường bị chỉnh sửa, cắt ghép, thay đổi nội dung, ngày tháng của sự kiện thường bị thay đổi. Tìm các tin, bài viết trên các trang chính thống, uy tín có nội dung tương tự để đối chiếu hoặc tham vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực về tín ngưỡng, tôn giáo.

Trong thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo cần tiếp cận thông tin chính thống từ các cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, các cơ quan tổ chức đoàn thể có tư cách pháp nhân, các chuyên gia về tín ngưỡng, tôn giáo.

Lựa chọn thông tin đăng tải, chia sẻ dưới mọi hình thức. Nên tiếp cận các luồng thông tin chính thống; không tham gia đăng tải, chia sẻ, bình luận thông tin sai sự thật, hình ảnh phản cảm, trái với thuần phong mỹ tục và văn hóa của dân tộc hoặc bôi nhọ, xúc phạm danh dự của tổ chức tôn giáo và cá nhân tôn giáo; không thông tin trái với quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động vi phạm pháp luật hoặc thông tin chưa rõ nguồn gốc, chưa xác định được tính chính xác của thông tin.

Với trách nhiệm trong công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo tốt nhất nên có người chuyên trách về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Đây sẽ là những chuyên gia trong xử lý và thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo. Điều này sẽ làm hạn chế những sai sót, tăng hiệu quả chính xác, kịp thời trong việc thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo./..

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Afanaxiep (1975), *Thông tin xã hội và định hướng xã hội*, Nhà xuất bản Matxcova.
- Ban Tôn giáo Chính phủ (2018), *Hỏi đáp pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.
- Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2019), *Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền miệng*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hương, Trần Quang (2005), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- *Kỹ năng mềm*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2019.
- *Kỹ năng phỏng vấn*, Nhà xuất bản Thông tấn, 2009.

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Trong thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay cần đề cao kỹ năng nào, tại sao?

3. Phân tích tình huống khi tiếp cận để lấy thông tin tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo? (Có tình huống cụ thể).

3. Sự cần thiết phải chọn lọc thông tin liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo để định hướng thông tin, tuyên truyền?

4. Bằng kinh nghiệm thực tế, Anh (Chị) hãy cho biết thêm một số trường hợp mắc lỗi trong tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương nơi Anh (Chị) công tác?

## Chuyên đề 2

### KỸ NĂNG VẬN ĐỘNG CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH, TÍN ĐỒ TÔN GIÁO

#### 1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

Trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn liên quan tới tôn giáo, xuất phát từ cách tiếp cận và mục tiêu không giống nhau, nên có nhiều khái niệm khác nhau về tôn giáo, tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo. Ở chương trình này chúng ta thống nhất sử dụng những khái niệm trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- *Tôn giáo* là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức.

- *Tổ chức tôn giáo* là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo.

- *Tổ chức tôn giáo trực thuộc* là tổ chức thuộc tổ chức tôn giáo, được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo.

- *Tín đồ* là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận.

- *Chức sắc* là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức.

- *Chức việc* là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức.

- *Nhà tu hành* là tín đồ xuất gia, thường xuyên thực hiện nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật và quy định của tổ chức tôn giáo.

- *Sinh hoạt tôn giáo* là việc bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo.

- *Hoạt động tôn giáo* là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo.

- *Vận động* (ở góc độ xã hội) là sự tác động có mục đích đối với từng đối tượng và con người cụ thể, trong từng thời điểm và địa bàn cụ thể. Vận động có mục đích, đối tượng, nội dung, phương pháp, điều kiện, cách thức, không gian và thời gian,...

## 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH, TÍN ĐỒ CÁC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Nói về đặc điểm chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo có nhiều quan điểm khác nhau, với những cách chia đặc điểm khác nhau xuất phát từ góc độ chuyên môn và cách tiếp cận để nghiên cứu. Trong nội dung bài này chúng ta nghiên cứu đặc điểm các đối tượng trên qua sự kết hợp cách tiếp cận từ cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta và thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam.

### 2.1. Đặc điểm của tín đồ tôn giáo ở Việt Nam

#### 2.1.1. Tín đồ tôn giáo tự nguyện chịu sự chi phối của thần quyền, giáo lý, giáo luật và lễ nghi của tôn giáo

Trong vai trò công dân, mỗi người phải chịu trách nhiệm về vai trò công dân theo quy định của pháp luật (thế quyền). Với công dân không có tôn giáo, trong đời sống và hoạt động xã hội, họ chỉ chịu sự chi phối và thực hiện vai trò công dân trước pháp luật (thế quyền). Với công dân có tôn giáo, trong vai trò là công dân họ phải đảm bảo thực hiện đúng pháp luật (thế quyền), trong vai trò là tín đồ tôn giáo, họ còn chịu sự chi phối của một tổ chức giáo hội nhất định theo các quy định riêng của mỗi tổ chức giáo hội đặt ra (thần quyền).

Trong đời sống xã hội, chi phối của nhà nước thế tục (thế quyền) đối với công dân qua hệ thống pháp luật và những quy chuẩn xã hội mang tính bắt buộc, áp đặt. Thái độ của công dân trước pháp luật và quy chuẩn xã hội là thái độ bắt buộc thực hiện nghĩa vụ.

Đối với tôn giáo, quan hệ giữa tín đồ tôn giáo với Giáo hội được đặt trên nền tảng tự nguyện thực hiện niềm tin tâm linh. Người tín đồ tôn giáo tự nguyện đặt mình dưới sự điều khiển của Đấng Tối cao tâm linh và tự nguyện thực hiện tất cả những gì Đấng Tối cao đặt ra (thần quyền). Vì tự nguyện tin và theo nên trong tôn giáo các tín đồ phục tùng hoạt động của Giáo hội vô điều kiện, không có sự “*lách luật, vi phạm luật*” tôn giáo trong tín đồ thuần thành (ngoại trừ những kẻ xưng là tôn giáo, nhưng lợi dụng tôn giáo để trục lợi hoặc phá tôn giáo).

Nhận thức rõ đặc điểm này của tín đồ các tôn giáo để có ứng xử phù hợp trong quá trình vận động họ. Nhằm giúp tín đồ các tôn giáo hoàn thành nghĩa vụ công dân, làm tốt “*việc đời*” còn tham gia và đóng góp tích cực qua lòng thành với “*việc đạo*”. Để những người không theo tôn giáo hiểu về người có tôn giáo mà tôn trọng niềm tin tâm linh, tôn trọng hoạt động của người có tôn giáo.



### ***2.1.2. Tín đồ các tôn giáo tích cực góp phần làm phong phú nền văn hóa xã hội***

Tín đồ tôn giáo trước hết là công dân, gắn bó với dân tộc, với cộng đồng xã hội, mang bản sắc văn hoá của cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Khi trở thành tín đồ tôn giáo, họ tự nguyện tham gia sinh hoạt tôn giáo nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh, nhu cầu tinh thần, hoạt động đó đồng nghĩa với việc họ tiếp nhận văn hóa tôn giáo, đồng thời có tiếp biến để sáng tạo thêm những giá trị văn hóa làm phong phú thêm đời sống của cá nhân và cộng đồng.

Đức tin và sinh hoạt tâm linh tôn giáo khi đã thành nếp quen trong cuộc sống hàng ngày của mỗi tín đồ, đồng nghĩa với việc hình thành một nếp sống đạo đức, quan hệ xã hội, tạo thành một nét văn hóa mới trong mỗi cộng đồng tôn giáo, bổ sung làm phong phú thêm cho nếp sống văn hóa ở mỗi miền quê.

Trong xã hội Việt Nam hiện nay, với nhiều tôn giáo khác nhau, nhiều nét văn hóa tôn giáo đã trở thành nếp sống đẹp làm phong phú cho văn hóa của xã hội, như: Phật giáo phát triển đời sống văn hóa nhân văn qua đề cao trung thực, nhân quả, tình thương yêu sự sống, xây dựng đạo đức tốt lành qua tâm từ bi, sinh hoạt lễ hội tạo nét đẹp qua mùa Phật đản mừng ngày sinh của Đức Phật Thích Ca,... Công giáo xây dựng tình người cao đẹp qua thực hiện tình thương yêu bác ái, sinh hoạt lễ hội có mùa Noel mừng Thiên chúa giáng sinh,... Nhiều những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp được tinh thần tôn giáo xây dựng trong cộng đồng xã hội, nhiều ngày lễ trọng trong các tôn giáo trở thành những ngày hội, góp phần tạo nên sự phong phú cho văn hóa cộng đồng. Ngày nay nhiều ngày lễ trọng của các tôn giáo không chỉ là nét văn hóa riêng của từng tôn giáo, mà trở thành nét văn hóa độc đáo có ảnh hưởng sâu rộng tới xã hội, làm phong phú thêm đời sống văn hóa xã hội, Lễ Noel của tôn giáo thờ Thiên Chúa nhưng nhiều nơi náo nức đón chờ; lễ Phật đản của Phật giáo mà nhiều người trang nghiêm, hân hoan mong đến,...

Đặc điểm này rất cần quan tâm trong công tác vận động đồng bào tôn giáo và công tác tôn giáo. Không chỉ tạo điều kiện cho các hoạt động của tín đồ các tôn giáo theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật mà còn phát huy nguồn lực tôn giáo theo quan điểm của Đảng về xây dựng đạo đức, lối sống tốt đẹp trong xã hội.

### ***2.1.3. Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam đa số là nông dân, có tinh thần yêu nước, sống “tốt đời đẹp đạo”***

Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam gồm nhiều thành phần xã hội (chưa có thống kê từng thành phần dân cư là tín đồ tôn giáo). Tuy nhiên, từ thống kê dân số năm 2019 ở trên cho thấy đa số dân số Việt Nam là dân nông thôn và thực tế các tôn giáo ở Việt Nam thuộc khu vực nông thôn chiếm tỉ lệ đa số là nông dân và nhân dân lao động với phẩm chất hiền lành chất phác, luôn mang trong mình truyền thống yêu nước và tinh thần gắn bó với dân tộc. Người nông dân Việt Nam khi tin theo tôn giáo, do nhiều nguyên nhân số tín đồ tôn giáo ở Việt Nam có thể chưa hiểu sâu về giáo lý tôn giáo mà họ tin theo, nhưng niềm tin tôn giáo rất rõ nét qua việc tham gia thực hành các nghi lễ tôn giáo khá thường xuyên với lòng sùng kính. Tin theo tôn giáo và luôn giữ phẩm chất và truyền thống yêu nước, họ thực hiện hài hòa phương châm “tốt đời đẹp đạo”.

Tín đồ tôn giáo đa số là nông dân hiền lành, có lòng yêu nước, luôn gắn bó với đất nước, gắn bó giữa đời và đạo là một đặc điểm tốt nổi bật trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam. Song trong thực tiễn, do điều kiện, một số tín đồ các tôn giáo hiểu biết về giáo lý còn những hạn chế, họ có thể bị lôi kéo bởi những đối tượng lợi dụng tôn giáo, nhất là tín đồ ở những vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn. Trước hiện tượng này người làm công tác tôn giáo, người vận động tôn giáo cần nhận diện rõ để có hướng xử lý phù hợp, không chủ quan áp đặt ý chí, xúc phạm niềm tin tôn giáo, ép buộc phải bỏ đạo, tạo ra sự đối đầu, phản kháng. Trong thực tế không ít trường hợp tín đồ tôn giáo đã có những phản ứng, khi gặp phải những vấn đề vướng mắc giữa đạo (tự nguyện) và đời (bắt buộc) mà họ chưa đủ có cách thức để giải quyết thỏa đáng. Khi xảy ra trường hợp này, người làm công tác tôn giáo, người làm công việc vận động và tuyên truyền trong tôn giáo cần bình tĩnh xem xét giải quyết, vận động thuyết phục để họ nhận diện rõ xấu, tốt, đúng sai trên các cơ sở, nguyên tắc chung và sự vận dụng linh hoạt trong hoàn cảnh cụ thể. Không chủ quan, xem nhẹ, nếu không đủ kinh nghiệm, năng lực và thẩm quyền xử lý sẽ để lại hệ lụy khó lường do tác động chi phối từ niềm tin, tác động của tôn giáo.

Hiện nay có trên 80 hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới với số lượng tín đồ khá đông, một số cuồng tín tin theo sự hướng dẫn của trường các điểm nhóm, hoạt động trái thuần phong mỹ tục, gây hoang mang bức xúc trong xã hội. Đây là

đặc điểm rất cần lưu ý để thực hiện vận động tín đồ tôn giáo hoạt động tuân thủ pháp luật, đúng phương châm sống “tốt đời đẹp đạo”.

## **2.2. Đặc điểm của chức sắc tôn giáo**

Ngoài những đặc điểm của tín đồ tôn giáo ở Việt Nam, chức sắc tôn giáo có riêng một số đặc điểm, trong khuôn khổ của bài chúng ta nghiên cứu hai đặc điểm đặc trưng của chức sắc, nhà tu hành tôn giáo ở Việt Nam như sau:

### **2.2.1. Chức sắc, nhà tu hành tôn giáo có vai trò quan trọng trong mỗi tổ chức tôn giáo**

Chức sắc là những người được tổ chức tôn giáo phong phẩm, suy tôn, bổ nhiệm... Họ có cơ hội được học và thực hành mang tính chuyên nghiệp về tôn giáo họ tin theo. Bởi thế họ có sự hiểu biết sâu sắc, có niềm tin vững vàng, có hoạt động đúng với quy chuẩn tôn giáo họ theo.

Chức sắc, nhà tu hành tôn giáo là tinh túy của tổ chức tôn giáo vì:

- Số lượng ít, là người được chọn lọc trong Giáo hội. Báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2020 cho thấy, tất cả các tôn giáo ở Việt Nam có hơn 58 nghìn chức sắc trên 26,5 triệu tín đồ, chiếm 0,21%. Như vậy trong 10.000 tín đồ có 21 vị là chức sắc.

- Là những người có trình độ, hiểu biết triết lý tôn giáo.

- Đại diện cho tôn giáo về tâm linh, có đông đảo tín đồ tin, nghe theo.

- Chức sắc, chức việc được quần chúng tín đồ kính tín, được xã hội nể trọng.

Mỗi tổ chức tôn giáo có đội ngũ chức sắc, nhà tu hành riêng. Quy chuẩn của các tôn giáo khác nhau về chức sắc, nhà tu hành cũng khác nhau. Mỗi tôn giáo tiêu chuẩn chức sắc, nhà tu hành, được quy định bởi giáo lý, giáo luật, Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đó, theo thứ bậc, phẩm cấp, tên gọi khác nhau.

### **2.2.2. Chức sắc tôn giáo là trụ cột của mỗi Giáo hội, người trực tiếp duy trì đường hướng hành đạo của tổ chức tôn giáo và chăm lo đời sống tôn giáo của tín đồ**

Chức sắc, nhà tu hành tôn giáo ở nước ta sinh hoạt trong các tổ chức của Giáo hội, tỉ lệ cao là những người có trình độ, có sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý, luật lệ, lễ nghi tôn giáo.

Để củng cố tổ chức của Giáo hội, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đã và đang mở các trường chuyên đào tạo trong tôn giáo, như: Đại chủng viện của Công giáo; Viện Thánh kinh thần học của Tin lành; Học viện Phật học của Phật giáo,...nhằm bổ sung nhân sự cho tổ chức Giáo hội các tôn giáo, và thúc đẩy

triển khai đường hướng, phương châm hành đạo của mỗi tôn giáo theo Hiến chương và điều lệ nhà nước đã phê duyệt. Nội dung đào tạo ngoài chuyên môn tôn giáo, các kiến thức xã hội, pháp luật trong và ngoài nước còn phải học hai môn lịch sử Việt Nam, Giáo dục công dân theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Trong sự phát triển chung của các tôn giáo, gần đây ở Việt Nam số lượng chức sắc, nhà tu hành chuyên nghiệp của các tôn giáo đang có sự gia tăng về số lượng, chất lượng từ việc nâng cao trình độ giáo lý, đến trình độ văn hoá và khoa học xã hội nói chung.

Chức sắc của từng tôn giáo có khác nhau, ví dụ:

- *Giáo hội Công giáo (mang tính toàn cầu)*: phân biệt chức sắc theo chức thánh gồm: Giáo hoàng, Giám mục, Linh mục, Phó tế. Ngoài các chức vụ này còn có thêm tước vị Hồng y. Những người được nhận các chức vụ nói trên là nhận các chức Thánh để thực hiện các hoạt động mục vụ và bí tích của Giáo hội. (cụ thể còn nhiều các quy định khác).

- *Giáo hội Phật giáo*: chức sắc được phân biệt với nhà tu hành chuyên nghiệp không tham gia hệ thống chức sắc, và nhà tu hành còn ở địa vị đại chúng (là Đại đức với tăng, Sư cô với ni). Chức sắc trong Phật giáo có Thượng tọa, Hòa thượng đối với tăng, Ni sư, Ni trưởng đối với ni (Pháp chủ hay Chủ tịch... là vị trí chức việc).

Đại đa số chức sắc tôn giáo ở Việt Nam có tinh thần dân tộc, đồng thuận với phương châm hành đạo gắn bó giữa đạo và đời, sống “*tốt đời, đẹp đạo*”, hoạt động theo đường hướng hành đạo tiến bộ, trong khuôn khổ luật pháp. Chức sắc các tôn giáo dù hoạt động tôn giáo theo niềm tin tâm linh khác nhau, nhưng đều có điểm chung nhất là vì hạnh phúc của con người, vì bình an của xã hội. Các tổ chức tôn giáo gần đây đều có đường hướng hành đạo gắn bó với công cuộc xây dựng phát triển đất nước như: Phật giáo với đường hướng: “*Đạo pháp dân tộc và chủ nghĩa xã hội*”; Công giáo với đường hướng: “*Sống Phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*”; Đạo Tin lành với đường hướng: “*Sống phúc âm, phụng sự Thiên chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc*”; đạo Cao Đài: “*Nước vinh - Đạo sáng*”; Phật giáo Hòa Hảo: “*Vì Đạo pháp vì dân tộc*”; Tịnh độ cư sĩ Phật hội: *Phước- Huệ song tu*, “*Tu học hành thiện, ích nước lợi dân*”...

Đường hướng hành đạo của các tôn giáo gắn bó với dân tộc và sự phát triển của đất nước, thể hiện tích cực của các tổ chức tôn giáo, nhờ ở vai trò rường cột của chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo. Quan tâm tới những đặc điểm trên của chức sắc, nhà tu hành tôn giáo để có sự tranh thủ, tác động trong công tác vận động tôn giáo phù hợp với trình độ, nhu cầu, phù hợp đối tượng để đạt hiệu quả cao.

### **2.3. Đặc điểm của chức việc tôn giáo**

Chức việc tôn giáo là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức. Tại vị trọn đời hay theo nhiệm kỳ tùy quy định của mỗi loại chức việc và quy định của mỗi tôn giáo. Ví dụ trong Phật giáo, chức việc trong “trị sự” theo nhiệm kỳ đại hội các cấp; chức việc “chứng minh” tại vị trọn đời, trừ trường hợp vi phạm giới luật bị miễn nhiệm. Các tôn giáo khác nhau có những quy định khác nhau.

Trong các tôn giáo cả nước hiện có hơn 26,5 triệu tín đồ tôn giáo; có hơn 148.000 chức việc; hơn 58.000 chức sắc. So với số tín đồ, chức việc chiếm 0,55%, bình quân 10.000 tín đồ có 55 vị chức việc. Số chức việc nhiều gấp 2,5 lần chức sắc. Chức việc các tôn giáo khác nhau thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của từng tôn giáo khác nhau, song có đặc điểm chung.

#### ***2.3.1. Chức việc tôn giáo là người chịu trách nhiệm trong bộ máy hoạt động tôn giáo***

Để phân biệt với chức sắc trong tổ chức tôn giáo, chức việc là những người tham gia trong bộ máy của tổ chức Giáo hội các cấp. Mỗi tổ chức Giáo hội tôn giáo có bộ máy khác nhau theo mô hình hoạt động và đặc thù riêng của mỗi tôn giáo, được Hiến chương, Điều lệ hoặc Điều quy riêng của tôn giáo quy định và được pháp luật công nhận.

Với cương vị được bầu cử, suy cử hoặc bổ nhiệm, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của tổ chức tôn giáo. Mỗi tôn giáo cơ cấu tổ chức khác nhau, hệ thống chức việc tùy theo số lượng và cấp độ.

#### ***Ví dụ về cơ cấu tổ chức để bố trí chức việc:***

- Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Công giáo (mang tính toàn cầu), gồm có ba cấp hành chính, chính thức là:

\* Giáo triều Vatican: tập trung quyền lực cao nhất, nơi có Giáo Hoàng và bộ máy chức việc điều hành hoạt động của Giáo triều.

\* Giáo phận (địa phận, hay còn gọi là giáo hội địa phương): có bộ máy chức việc điều hành hoạt động của Giáo phận.

\* Giáo xứ (hay còn gọi là giáo hội cơ sở): có bộ máy chức việc điều hành hoạt động của Giáo xứ.

- *Cơ cấu tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN)* (Phật giáo không có tổ chức toàn cầu như Công giáo) hiện tại có ba cấp là:

\* Cấp Trung ương: có Hội đồng Chứng minh Trung ương đứng đầu là Pháp chủ GHPGVN, giúp việc cho Hội đồng Chứng minh có Văn phòng của Hội đồng Chứng minh; Hội đồng Trị sự Trung ương đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN. Giúp việc cho Hội đồng Trị sự có Văn phòng và 13 Ban chuyên môn.

\* Cấp tỉnh: có Ban Chứng minh và Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh.

\* Cấp huyện: có Ban Chứng minh và Ban Đại diện GHPGVN cấp huyện.

(Tùy địa phương mà có hình thức cơ cấu cơ quan giúp việc theo mô hình cấp trung ương, khác số cơ quan giúp việc).

Mỗi một cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc tổ chức Giáo hội tôn giáo có đội ngũ chức việc theo quy định riêng của từng tôn giáo, đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất tôn giáo và tuân thủ đúng pháp luật.

### ***2.3.2. Chức việc tôn giáo là người đại diện cho quan hệ của tổ chức tôn giáo với các cơ quan nhà nước và xã hội***

Các tổ chức các tôn giáo ở Việt Nam và Nhà nước ở Việt Nam có quan hệ khá chặt chẽ. Việc thành lập tổ chức tôn giáo phải được pháp luật Nhà nước cho phép và công nhận. Nội dung Hiến chương, Điều lệ, Điều quy của mỗi tôn giáo phải được Nhà nước chấp thuận, không trái với quy định của pháp luật, không gây ảnh hưởng cản trở tới hoạt động xã hội và hoạt động các tôn giáo khác, không gây mất đoàn kết tôn giáo.

Bộ máy hành chính Giáo hội tôn giáo hoạt động trên địa bàn Việt Nam phải được pháp luật Việt Nam chấp thuận. Sau mỗi kỳ Đại hội, hoặc có sự bổ sung, điều chuyển chức việc mới của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam, các tổ chức tôn giáo phải thông báo danh sách chức việc của tôn giáo từng cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cùng cấp.

Hoạt động tôn giáo căn cứ vào quy định tại Hiến chương, Điều lệ, Điều quy của từng tôn giáo đã được nhà nước chấp thuận. Những hoạt động đột xuất chưa có trong đăng ký thường niên phải xin phép, những hoạt động vượt đăng ký

thường niên phải có văn bản đăng ký bổ sung. Hoạt động của các tôn giáo hàng năm có thông tin báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cùng cấp,...

Trong quan hệ nhà nước với tôn giáo thông qua tổ chức tôn giáo các cấp, chức việc tôn giáo là người đại diện cho quan hệ của tổ chức tôn giáo với các cơ quan nhà nước và xã hội. Với vai trò quan trọng đó các tổ chức tôn giáo có tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể với từng vị trí chức việc trong tổ chức tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo thực hiện tu tập, đào tạo nâng cao trình độ và năng lực, có hình thức riêng để lựa chọn chức việc lãnh đạo, đủ năng lực và phẩm chất, đáp ứng được vai trò lãnh đạo trong tổ chức tôn giáo. Ngoài ra Giáo hội của các tôn giáo cũng có chế tài để xử lý các chức sắc, chức việc khi họ vi phạm quy định của Giáo luật và pháp luật

#### **2.4. Những lưu ý về sự khác nhau trong đặc điểm của chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ của những tôn giáo cụ thể**

Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ của những tôn giáo ở Việt Nam có những đặc điểm chung như đã nêu, song mỗi tôn giáo có những nét riêng mà người làm công tác tôn giáo, thực hiện vận động tôn giáo cần phải nắm được để tránh những sơ suất:

##### **2.4.1. Khác nhau về đức tin, trình độ, lối sống,...**

Mỗi một tôn giáo có niềm tin khác nhau, thậm chí có những tôn giáo có niềm trái ngược nhau, ví dụ:

Trong niềm tin của Công giáo, Tin lành và một số tôn giáo thờ Đức Chúa Trời thì Đức Chúa toàn năng, Chúa sinh ra muôn loài, Chúa cho là được, Chúa chi phối và định đoạt cuộc sống của con người và muôn loài.

Trong Phật giáo không cho rằng thế giới là do một vị thần sinh ra, thế giới có từ vô thủy vô chung, hình thành và phát triển theo quy luật thành trụ hoại không. Phật giáo không thừa nhận thế giới thần linh chi phối con người mà thừa nhận con người chịu chi phối của quy luật nhân quả, nghiệp báo. Hạnh phúc của con người do con người tự quyết định.

Ở Việt Nam hiện tại có 16 tôn giáo, trong đó 10 tôn giáo ngoại nhập, có đức tin khác nhau, 06 tôn giáo nội sinh được hình thành trên cơ sở kế thừa, tiếp biến niềm tin của các tôn giáo ngoại nhập. Đứng trước sự khác biệt niềm tin của các tôn giáo, người vận động tôn giáo cần hiểu và khéo léo không đề cập tới sự khác biệt của niềm tin giữa các tôn giáo, mà đề cập tới cái chung, nhờ có niềm mà đồng bào các tôn giáo vượt qua nhiều khó khăn, cùng nhau đoàn kết xây

dựng cuộc sống an vui, hạnh phúc. Vừa hợp với triết lý tôn giáo vừa đúng với phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Trong các tôn giáo, do khác nhau về đức tin, thì quan niệm, nhận thức về xã hội, lối sống của người theo từng tôn giáo cũng có sự khác nhau. Cùng thờ Đức Chúa nhưng người theo Công giáo có thể dùng rượu, nhưng người theo Tin Lành thì không khuyến khích uống rượu. Khác niềm tin tôn giáo, trình độ và lối sống càng khác nhau, trong quá trình thực hiện công tác tôn giáo cần hiểu rõ sự khác biệt này để có sự ứng xử cho phù hợp. Không xúc phạm tới niềm tin tôn giáo, không để khó xử khi tiếp xúc với chức sắc, chức việc tín đồ tôn giáo.

Khác nhau từ tên tổ chức tôn giáo, tới danh xưng tên họ, tới giáo phẩm chức sắc, vị trí chức việc,... Để nhớ được tất cả nét riêng của từng tôn giáo phải tích cực nghiên cứu, tìm hiểu kỹ, có trí nhớ tốt, có thời gian gắn bó lâu dài, có thời gian để tiếp xúc trao đổi và làm việc,...

Trước thực tế đó, trong vận động tôn giáo, phải hiểu rõ về danh xưng, phẩm trật, phẩm vị của chức sắc, chức việc, nhà tu hành tôn giáo để tiếp cận, trao đổi các vấn đề được thuận lợi, có biểu cảm và ngôn ngữ đúng đắn, phù hợp với từng tôn giáo, tránh gọi phẩm vị của tôn giáo (Phật giáo) nhầm sang (Công giáo, Tin Lành) là điều tối kỵ trong công tác vận động.

#### ***2.4.3. Khác nhau về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lối sống và thờ phượng***

Tôn giáo vào Việt Nam, do sự tiếp biến bởi phong tục tập quán, lối sống, ngôn ngữ của cư dân bản địa. Các tôn giáo khác nhau có nhiều khác nhau, cùng chung một tôn giáo đến các địa phương khác nhau cũng có sự khác biệt. Cần nhận diện để hạn chế sơ suất trong công tác vận động tôn giáo, ví dụ:

Trong Phật giáo ở Việt Nam, dâng cúng tịnh tài hoặc lễ vật thờ Phật hoặc kính sư ở miền Bắc dùng từ “*cúng dường*”, miền Nam dùng từ “*cúng dàng*”. Cùng là Phật giáo nhưng sư Nam tông Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long không ăn phi thời (ăn ngày một bữa trưa, trước 12 giờ), không ngồi chung ghế, chung chiếu với phụ nữ... Trong khi Phật giáo Bắc tông ngày có thể ăn nhiều bữa, trong sinh hoạt một số giới ở Nam tông không có ở Bắc tông.

Trong hai tôn giáo ở cùng trên một địa phương cũng có sự khác nhau. Công giáo trong gia đình có người chết thì không biểu hiện thương cảm, buồn đau bởi người thân của họ đã được Chúa gọi về bên Chúa, Phật giáo thì tỏ ra thương cảm, buồn khổ, nghi lễ tang ma tùy gia cảnh nhưng khá rườm rà. Nếu khác địa



phương, khác vùng miền thì sự khác biệt giữa các tôn giáo, hoặc trong một tôn giáo còn rất nhiều. Người làm công tác vận động tôn giáo cần biết để có ứng xử cho phù hợp trong từng hoàn cảnh.

### **3. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH, TÍN ĐỒ TÔN GIÁO HIỆN NAY**

#### **3.1. Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Từ khi có Đảng, Cương lĩnh của Đảng đã khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo nguồn sức mạnh để thực hiện thắng lợi sự nghiệp dựng nước, giữ nước và xây dựng phát triển đất nước.

Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”. Lời dạy thật giản dị của Bác Hồ, nhưng từ lâu đã trở thành lẽ sống, phương châm và khẩu hiệu hành động của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Để thực hiện đại đoàn kết trong cộng đồng Việt Nam, đồng bào các tôn giáo có ý nghĩa hết sức quan trọng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo, trên cơ sở lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm mục tiêu chung.

Đồng bào các tôn giáo có quyền và nghĩa vụ công dân như mọi công dân Việt Nam khác trong làm ăn, sinh sống, học tập, tham gia cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng hợp pháp, công tác xã hội và cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, xuất phát từ mục tiêu quan trọng của cách mạng nước ta hiện nay là không ngừng củng cố, tăng cường sức mạnh qua khối đại đoàn kết toàn dân tộc; mặt khác, quan điểm trên còn xuất phát từ thực tiễn, các thế lực thù địch đã và đang thường xuyên lợi dụng vấn đề tôn giáo, gắn tôn giáo với vấn đề dân tộc, nhân quyền, dân chủ để chống phá cách mạng Việt Nam. Do đó, quan điểm đoàn kết toàn dân, không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng; không phân biệt giữa người không theo tôn giáo

với những người theo các tôn giáo khác nhau; đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được coi là một nguyên tắc trong công tác tôn giáo.

### **3.2. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng**

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “Về công tác tôn giáo” đã chỉ rõ: “*Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng*”, “*Công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng*”.

Quan điểm trên của Đảng xuất phát từ vai trò của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, trong đó quần chúng tín đồ tôn giáo là một bộ phận lớn, là đối tượng của công tác tôn giáo - một lĩnh vực mang tính đặc thù, nhạy cảm, được thể hiện trên một số mặt sau:

Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo là công dân có niềm tin tôn giáo, họ phải chịu sự điều chỉnh tác động của tổ chức tôn giáo qua hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo. Tôn giáo ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn đã cho thấy hoạt động tôn giáo luôn có mặt tích cực và hạn chế. Công tác tôn giáo thực hiện có kết quả khi vận động người có tôn giáo nhận thức và tự giác thực hiện hoạt động sao cho hạn chế tiêu cực và phát huy tích cực.

Tôn giáo có tính quần chúng, nhưng là “*quần chúng đặc biệt*” - quần chúng có niềm tin tâm linh, có sự khác biệt nhất định trong quan niệm về thế giới và con người so với quần chúng không có tôn giáo. Niềm tin tôn giáo có nhiều nội dung khác quan điểm duy vật, nhưng mang tính bền vững.

Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng, sinh hoạt tôn giáo là nhu cầu không thể thiếu vắng trong đời sống của người tín đồ. Nhu cầu đó, được thể hiện trên những nội dung cụ thể (nhu cầu về chức sắc, chức việc, nơi thờ tự, kinh sách, thực hiện các lễ nghi tôn giáo...) và liên quan trực tiếp tới công tác quản lý nhà nước.

Trong lịch sử cũng như hiện tại, tôn giáo vẫn luôn bị các đối tượng xấu lợi dụng phục vụ cho các mục đích phi tôn giáo của họ, các thế lực thù địch lợi dụng, sử dụng vào mục đích chính trị chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Ở đâu làm tốt công tác vận động tín đồ, chức sắc tôn giáo, thì ở đó các thế lực xấu sẽ khó lợi dụng được và ngược lại. Ở những nơi không

làm tốt công tác vận động quần chúng tôn giáo, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, sẽ là điều kiện, thậm chí tạo cơ cho các thế lực xấu lợi dụng, kích động gây phức tạp về an ninh trật tự.

Mỗi tôn giáo đều bao gồm các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và đông đảo tín đồ và sinh hoạt tôn giáo là sinh hoạt của một cộng đồng người có chung niềm tin tâm linh. Do đó tính quần chúng trong sinh hoạt tôn giáo rất cao. Quần chúng tôn giáo có nét đặc thù riêng, họ có niềm tin tôn giáo, có đời sống tâm linh. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo thuộc lĩnh vực quản lý chuyên về một lĩnh vực nhạy cảm (liên quan đến niềm tin của con người) bởi nhiều đối tượng khác nhau với nhiều nét đặc thù. Vận động để chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, thì việc quản lý của nhà nước mới đạt kết quả tốt. Vì vậy, công tác vận động quần chúng tôn giáo luôn là giải pháp phải được ưu tiên, coi trọng trong xử lý các vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Đồng bào các tôn giáo ở Việt Nam có tinh thần yêu nước, đoàn kết, gắn bó với dân tộc, có nhiều đóng góp qua các thời kỳ của cách mạng. Làm tốt công tác vận động quần chúng tín đồ tôn giáo là để tập hợp đồng bào các tôn giáo thành lực lượng của cách mạng nhằm thực hiện các mục tiêu do Đảng đề ra, hạn chế sự lôi kéo, kích động của các thế lực thù địch và các phần tử xấu. Có thể xem vận động đoàn kết là gốc của mọi mặt công tác đối với tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

### **3.3. Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào các tôn giáo, chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần, đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Công tác vận động quần chúng cần được thực hiện bằng nhiều hình thức, phương pháp, nhằm phát huy được thế mạnh riêng biệt của từng tôn giáo và truyền thống yêu nước của đồng bào có đạo, thông qua các phong trào “*phụng đạo, yêu nước*”, “*tốt đời, đẹp đạo*”...

Công tác vận động quần chúng tôn giáo cần phát huy những yếu tố tích cực trong tôn giáo, phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, phát huy các giá trị văn hoá, đạo đức tôn giáo... làm lành mạnh đời sống tôn giáo và đời sống xã hội, đồng thời còn tạo thêm yếu tố đồng thuận củng cố khối đại đoàn kết, hạn chế những tiêu cực có thể xảy ra.

Công tác vận động quần chúng tôn giáo muốn đi vào chiều sâu, có hiệu quả thiết thực cần phải giúp đồng bào có tôn giáo không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện cho các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng về tôn giáo của quần chúng có đạo ngày càng được đáp ứng đầy đủ hơn.

Vận động quần chúng tôn giáo, phòng chống và đấu tranh với âm mưu lợi dụng tôn giáo, gây mất ổn định xã hội. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo là hai mặt có tác dụng tương hỗ, đòi hỏi phải nhận thức được đâu là nhu cầu, nguyện vọng tôn giáo chính đáng của quần chúng cần phải quan tâm, đáp ứng và đâu là yếu tố lợi dụng tôn giáo vì những mục đích xấu cần phải lên án, xử lý theo pháp luật.

### **3.4. Quan điểm phát huy nguồn lực tôn giáo cho sự phát triển đất nước**

Chi thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị Khóa XII, chính thức quan điểm của Đảng, khẳng định về nguồn lực tôn giáo. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021) ghi rõ: *“Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước”*.

Nguồn lực tôn giáo thường được thể hiện ở hai phương diện:

- Nguồn lực tinh thần đó là những giá trị văn hóa, đạo đức do hoạt động tôn giáo mà hình thành.

- Nguồn lực vật chất, là trí thức, lực lượng lao động (tín đồ), kiến trúc, hội họa, nguồn vốn xã hội do lao động, sáng tạo từ cộng đồng tôn giáo làm ra, do tích lũy và huy động từ khả năng của cộng đồng tôn giáo.

Hai loại nguồn lực này được thể hiện ở sự kết hợp hai dạng hoạt động: hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội, thúc đẩy lẫn nhau trong cùng một chủ thể là tổ chức tôn giáo. Ở bất cứ thời kỳ nào từ khi có tôn giáo, các tổ chức tôn giáo luôn duy trì và phát triển song song hai loại hình hoạt động này. Nếu hoạt động tôn giáo tách biệt khỏi hoạt động xã hội thì tôn giáo chỉ là hoạt động thuần túy "đạo". Trong khi tất cả các tôn giáo đều hướng tới hoạt động nhập thế, vì “đời” và không tách rời con người và xã hội.

Trong xu thế đổi mới, Việt Nam đã nhìn nhận và đổi mới một cách căn bản về tôn giáo và công tác tôn giáo, từ nhận thức đến chủ trương, chính sách, từ nội dung công tác đến tổ chức thực hiện. Trong nhận thức đối với tôn giáo Đảng, Nhà nước Việt Nam đã xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.

Công tác tôn giáo phải tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người nhằm mục tiêu đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển. Nhìn nhận và phát huy những giá trị tích cực về đạo đức và văn hóa của tôn giáo, những đóng góp của tôn giáo đối với xã hội - đó chính là phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước.

#### **4. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH, TÍN ĐỒ TÔN GIÁO**

##### **4.1. Nội dung công tác vận động quần chúng tôn giáo**

Vận động tôn giáo nhằm thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng với nhiều nội dung khác nhau. Trong khuôn khổ của bài này, chúng ta tìm hiểu một số nội dung chính của công tác vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo ở Việt Nam.

##### ***4.1.1. Vận động để đồng bào các tôn giáo hiểu và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao lòng yêu nước, ý thức công dân***

Nắm được chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thể hiện lòng yêu nước, ý thức, trách nhiệm công dân với Tổ quốc là trách nhiệm, nghĩa vụ đồng thời là quyền lợi của mỗi công dân Việt Nam trong đó có chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo.

Để chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các thông tin liên quan tới kinh tế xã hội đến được với nhân dân, chính quyền các cấp phải thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước, địa phương và cơ sở cho nhân dân.

Đối với đồng bào các tôn giáo việc tuyên truyền, thông tin những nội dung trên càng có ý nghĩa, nhất là các chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động tôn giáo. Vừa thể hiện trách nhiệm trước nhân dân, vừa để đồng bào có tôn giáo biết về chủ trương và những quy định đối với hoạt động tôn giáo để chủ động tham gia thực hiện, vừa thể hiện sự quan tâm tới đối tượng đồng bào có tôn giáo.

Từ nội dung thông tin tuyên truyền, khơi dậy truyền thống yêu nước, ý thức trách nhiệm đồng hành cùng dân tộc. Giáo dục để đồng bào các tôn giáo nhận thức rõ công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới – xã hội chủ nghĩa ở nước ta phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người. Mục tiêu: “*dân giàu,*

*nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”, phù hợp với đạo lý của tôn giáo. Từ đó tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia tích cực của đồng bào tôn giáo vào các hoạt động vì lợi ích chung, vì sự phát triển của đất nước.

Phát huy dân chủ, nắm bắt nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của chức sắc, tín đồ tôn giáo để xem xét, điều chỉnh chủ trương, chính sách, pháp luật cho phù hợp. Tuyên truyền, vận động giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân. Tôn trọng tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc, đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; tạo sự đồng thuận, đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo.

Tuyên truyền, giáo dục cho tín đồ, chức sắc tôn giáo nhận rõ những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, gán vấn đề tôn giáo với vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng Việt Nam; những hoạt động vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tôn giáo mưu lợi ích cá nhân của những đối tượng xấu, trên cơ sở đó xây dựng ý thức tự giác đấu tranh, góp phần giữ vững sự ổn định xã hội.

#### ***4.1.2. Vận động đồng bào tôn giáo chủ động và tích cực thực hiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế - xã hội***

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo. Thông qua triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm giúp cho dân hiểu và chủ động thực hiện các chương trình, dự án, mô hình... phát triển kinh tế - xã hội cụ thể như xóa đói giảm nghèo; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, các mô hình sản xuất, kinh doanh... để áp dụng vào mô hình kinh tế gia đình, địa phương, nhằm góp phần nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân cả nước. Đặc biệt quan tâm tới khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi đồng bào có nhiều thiệt thòi vì khoảng cách địa lý, địa hình...

Cùng với phát triển kinh tế, quan tâm phát triển văn hoá, giáo dục, y tế... giúp cho nhân dân, từng bước cải thiện cuộc sống, nâng cao dân trí, củng cố niềm tin của quần chúng tôn giáo với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Động viên, khuyến khích quần chúng tôn giáo tham gia tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự ở từng địa phương, cơ sở.

Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, quan tâm tới vùng có đông tín đồ tôn giáo. Các cấp cử cán bộ thường xuyên tổ chức tiếp xúc, trao đổi với tín đồ, chức sắc tôn giáo, qua đó để nắm tâm tư, nguyện vọng của quần chúng tôn giáo. Đồng thời, thông tin những chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, cơ sở để tín đồ, chức sắc tôn giáo hiểu, đồng tình và ủng hộ.

Kịp thời nắm bắt những vấn đề bức xúc nảy sinh trong cộng đồng tôn giáo để có biện pháp giải quyết phù hợp, quan tâm giải quyết những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp, nhất là trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của chức sắc, tín đồ theo quy định của pháp luật.

#### ***4.1.3. Vận động đồng bào các tôn giáo tham gia các phong trào thi đua yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc***

Vận động chức sắc, nhà tu hành, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia các phong trào thi đua yêu nước của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội như: phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, sống tốt đạo, đẹp đời”*, *“Xây dựng xứ, họ đạo tiên tiến”*, *“Phong trào giữ gìn an ninh, trật tự”*; *phong trào xây dựng nông thôn mới; xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước làng xã, thôn xóm văn hoá và gia đình văn hoá...*

Vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo tham gia tích cực các hoạt động từ thiện, nhân đạo; phát huy truyền thống *“lá lành đùm lá rách”*, giúp đỡ người tàn tật, trẻ mồ côi, cơ nhỡ, các gia đình khó khăn, gặp thiên tai, hoạn nạn, người già cô đơn không nơi nương tựa; tham gia tích cực các phong trào *“đền ơn, đáp nghĩa”*, *“vì người nghèo”*... thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước, đề cao đạo lý của dân tộc đối với những người có công với Tổ quốc, với nhân dân.

Phát huy nguồn lực tôn giáo qua các hoạt động thiết thực như: thành lập các trung tâm trợ giúp người khó khăn, chăm sóc người bệnh, người già cô đơn, nuôi trẻ mồ côi, các lớp dạy nghề, trông trẻ, lớp mẫu giáo... tham gia tích cực vào công tác phòng, chống các tai, tệ nạn xã hội theo đúng quy định của pháp luật, giúp cho, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo *“gắn bó đạo với đời”* thực hiện *“tốt đời, đẹp đạo”*.

#### **4.1.4. Vận động để đồng bào các tôn giáo chủ động và tích cực tham gia có hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo**

Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, để đồng bào các tôn giáo chủ động hoạt động và hoạt động có hiệu quả trong khuôn khổ của pháp luật. Từng bước hoàn thiện cơ chế nhà nước pháp quyền, quản lý nhà nước về tôn giáo được luật hóa qua những quy định, công khai, rõ ràng, cụ thể. Theo quy định của pháp luật, nhiều hoạt động tôn giáo do chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo thực hiện là đối tượng của quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo. Thế nhưng chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo cũng là chủ thể trong quản lý đó khi tham gia vào quá trình quản lý, giám sát hoạt động quản lý, hoạt động xã hội với vai trò công dân, thực hiện “dân làm chủ”.

Trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, cần chú ý quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho cho đồng bào các tôn giáo nắm vững pháp luật nhất là Luật tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo hoạt động, sinh hoạt tôn giáo theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng pháp luật. Quan tâm cải cách thủ tục hành chính, giáo dục đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm với công việc cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp.

Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để quan tâm giải quyết, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của chức sắc, tín đồ; kịp thời giải quyết, xử lý những vấn đề phát sinh, các vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thông qua vận động, thuyết phục để quần chúng tín đồ hiểu và thấy được đúng, sai, tự sửa chữa, khắc phục.

Biểu dương, khen thưởng kịp thời những nhân tố tích cực, gương người tốt, việc tốt; đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Vận động quần chúng tham gia đấu tranh, giáo dục với những người có hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; lợi dụng tôn giáo để lôi kéo quần chúng tín đồ gây rối trật tự trị an, đòi hỏi những điều mà luật pháp không cho phép; lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ.

#### **4.1.5. Vận động những người có uy tín, tích cực trong tôn giáo**

Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tôn giáo để vận động đồng bào các tôn giáo thực hiện hoạt động tôn giáo theo tinh thần nhập thế, kết hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh



tế, văn hoá, xã hội... các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động theo phương châm “*lợi đạo ích đời*”.

Thông qua hoạt động tôn giáo kết hợp với các phong trào hoạt động xã hội, phát hiện những gương điển hình tiêu biểu trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo. Những tấm gương tiêu biểu đó là đại diện điển hình của hoạt động tôn giáo nhập thế, đồng thời là nhân tố tích cực giúp cho công tác vận động đồng bào tôn giáo thuận lợi hơn. Mặt khác từ những nhân tố tích cực đó mà bồi dưỡng, đào tạo, giới thiệu những người có uy tín tham gia vào các cơ quan dân cử: Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành đoàn thể các cấp để tăng thêm sức thu hút của các tổ chức chính trị - xã hội, với đồng bào có tôn giáo.

Chú trọng công tác xây dựng cốt cán trong tôn giáo; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là người có đạo thực sự gương mẫu, có uy tín, hết lòng vì nhiệm vụ được giao, vì sự tiến bộ của đồng bào có tôn giáo.

Thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, động viên chức sắc, tín đồ, tổ chức tôn giáo, nhân các ngày lễ trọng của các tôn giáo; xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa chính quyền với chức sắc và các tổ chức giáo hội. Thực hiện ứng xử bình đẳng giữa các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận.

Quan tâm động viên phong trào và tổ chức yêu nước trong đồng bào tôn giáo như: Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước...

#### **4.2. Hình thức vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo**

Từ thực tiễn và kinh nghiệm công tác tôn giáo, trong quá trình cách mạng, do đặc điểm, phong tục, truyền thống văn hóa và sự khác biệt của mỗi một tôn giáo, nên hình thức vận động tôn giáo khác nhau, không dập khuôn, khô cứng, máy móc thiếu hiệu quả trong công tác vận động. Trong khuôn khổ của bài chúng ta tìm hiểu một số hình thức vận động sau:

##### **4.2.1. Hình thức vận động qua tuyên truyền giáo dục**

Tuyên truyền cung cấp thông tin, truyền đạt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, kế hoạch của chính quyền địa phương, cơ sở để các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo hiểu rõ và đồng tình, ủng hộ. Chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương, hàng năm đều mở các lớp, hội nghị tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kiến thức Quốc phòng - An ninh cho chức sắc tôn giáo. Thông qua các buổi thuyết giảng tại các cơ sở thờ tự, nhà thờ, thánh đường... họ sẽ để

tuyên truyền, vận động đông đảo tín đồ tôn giáo cùng thực hiện. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức Giáo hội nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ, lễ trọng, lễ buộc của tôn giáo như: (bảo đảm an ninh, trật tự, cháy nổ, giao thông, an toàn thực phẩm, tuyên truyền), và cho đồng bào tôn giáo trong khuyến khích các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo, xoá đói, giảm nghèo,... để các tôn giáo tích cực đóng góp cho xã hội. Như đại Dịch Covid -19 đang diễn biến phức tạp; các tôn giáo đã ủng hộ kinh phí, nhu yếu phẩm, vật tư Y tế, nhân lực... với kinh phí hàng nghìn tỷ đồng.

Thông qua tuyên truyền, đồng bào có tôn giáo được nâng cao hiểu biết về mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, qua tuyên truyền họ biết về vai trò, nghĩa vụ của họ trong xã hội, tinh thần trách nhiệm của công dân, lòng tự trọng của con người được phát huy, ý thức tích cực trong họ được điều chỉnh. Mỗi chức sắc, tín đồ tôn giáo sẽ chủ động, tự giác thực hiện theo sự hiểu biết và nhận thức họ tiếp thu qua tuyên truyền.

Đòi hỏi công tác tuyên truyền phải kịp thời, đầy đủ và trung thực. Không thể để phản tuyên truyền xảy ra do thiếu trung thực, nhất là đồng bào các tôn giáo có niềm tin tâm linh và đạo đức tôn giáo.

#### **4.2.2. Hình thức vận động qua đấu tranh**

Đối với đồng bào có tôn giáo, tuyệt đại đa số là những người thuần túy tôn giáo, chân chất trong niềm tin tâm linh với ước nguyện cuộc sống an lành theo tinh thần của đáng tối cao trong tôn giáo họ theo, đồng bào các tôn giáo vẫn sống hòa đồng, đoàn kết tôn trọng nhau vì một mẫu số chung là Tổ quốc, đồng bào và hạnh phúc con người.

Tuy nhiên trong thực tiễn, một số thời điểm có hiện tượng lấy danh nghĩa đòi quyền lợi của Giáo hội, vì những mâu thuẫn khác nhau. Đã có những cá nhân triệt để khai thác sơ hở việc chưa hoàn thiện của chính sách, pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, lợi dụng để lôi kéo, tập hợp chức sắc, tín đồ tôn giáo, từ đó lợi dụng người có niềm tin tôn giáo, lợi dụng đoàn kết trong cộng đồng tôn giáo. Nâng quan điểm, xuyên tạc, kích động, lôi kéo đồng bào có tôn giáo đấu tranh đòi “*quyền lợi*”, đòi công bằng, dân chủ,... gây phức tạp về an ninh trật tự; ảnh hưởng đến đời sống đức tin của đông đảo tín đồ tôn giáo.

Trước thực tế đó, thực hiện công tác vận động chức sắc tôn giáo; đặc biệt là những vị chức sắc giữ vị trí chủ chốt trong bộ máy hành chính đạo, chỉ rõ những

âm mưu, thủ đoạn đang lợi dụng tôn giáo để lôi kéo quần chúng tham gia gây rối; đề nghị họ phê phán, cái sai của những người lợi dụng tôn giáo, giả danh tôn giáo, không vì mục đích tốt đẹp của Giáo hội mà vì quyền lợi bản vị, hẹp hòi của cá nhân, nhằm tạo sự đồng thuận trong tôn giáo; đồng thời có định hướng tuyên truyền tác động để đồng bào có tôn giáo hiểu rõ bản chất sự việc, tự họ tránh xa luận điệu của kẻ xấu. Tổng kết kinh nghiệm cho thấy, trong vận động đấu tranh với những người xấu lợi dụng tôn giáo, hiệu quả cao là việc để chính người mắc sai lầm công khai nói về sai lầm trước cộng đồng tôn giáo và xã hội.

#### **4.2.3. Hình thức vận động qua động viên, khen thưởng**

Thực hiện đúng pháp luật là trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xã hội. Thực hiện tốt và hiệu quả hơn quy định của pháp luật là đạo đức văn hóa tốt đẹp trong con người. Trong xã hội nói chung pháp luật đưa ra các quy định chung cho xã hội mà mỗi người biết những gì được làm và những gì không được làm để tự giác thực hiện, không làm ảnh hưởng tới lợi ích xã hội và cá nhân khác.

Trong thực tế có người vì mưu lợi cá nhân đã lợi dụng việc chưa hoàn thiện của pháp luật hoặc cố làm sai so với quy định của pháp luật. Ngược lại, có không ít người vì tình thương con người “*thương người như thể thương thân*”, vì đạo đức “*lành cho sạch, rách cho thơm*”, “*Giấy rách giữ lấy lề*”, họ đã không làm sai luật mà còn làm tốt hơn cả quy định của luật thông qua các hoạt động từ thiện, tương trợ,... Những tấm gương đó rất nhiều trong đời sống xã hội, đặc biệt trong đồng bào các tôn giáo, những người có niềm tin ở “*nhân quả*”, tin ở “*soi xét của Đấng tối cao*”.

Công tác vận động thông qua khen thưởng có vai trò ý nghĩa quan trọng công tác tôn giáo. Nhiều giáo sỹ chức sắc, tôn giáo có công lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tấm gương mẫu mực, tận tụy tham gia các hoạt động thiện nguyện về Y tế, giáo dục, dạy nghề, nuôi dưỡng trẻ em nghèo... đã được Chính quyền tôn vinh, khen thưởng với nhiều danh hiệu cao quý, tạo sự lan tỏa về tinh thần bác ái, nhân văn trong xã hội. Do vậy đòi hỏi người làm công tác tôn giáo cần có kỹ năng nhận biết, đề xuất khen thưởng một người để tạo được sự ủng hộ hàng vạn người.

#### **4.2.4. Hình thức vận động tranh thủ cảm hóa cá biệt**

Trong đời sống xã hội nói chung và đời sống tôn giáo nói riêng, hình thức vận động qua cảm hóa cá biệt có vai trò quan trọng. Đặc biệt trong những

lĩnh vực nhạy cảm, khó khăn như tôn giáo. Tranh thủ cá biệt, vận động cá biệt là một phương pháp trong công tác tôn giáo, là việc làm khó khăn, thông qua uy tín, vị trí, vai trò của cá nhân để tuyên truyền vận động.

Trong đồng bào các tôn giáo, do đức tin tôn giáo, do đời sống tôn giáo ít nhiều có khoảng cách với đời sống thế tục, mà một bộ phận chức sắc, cá nhân tôn giáo có lối sống không thích gần cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước,... Trong số này có nhiều biểu hiện, tựu chung có hai dạng: 1) Những người có niềm tin và thực hành tôn giáo sâu, thường có uy tín cao trong tổ chức và cộng đồng tôn giáo của họ, nhưng họ không gần gũi với chính quyền (những người ôn hòa thì họ không thể hiện qua lời nói hoặc hành động cực đoan công khai); 2) những người giữ khoảng cách tôn giáo, không tiếp cận, làm việc với chính quyền (họ có tính cực đoan) thì lên tiếng chỉ trích, lôi kéo người có đạo xa lánh thế tục,.. hai đối tượng này là những cá biệt, có tác động khá lớn trong cộng đồng tôn giáo vì họ giữ giới và sống đời sống tôn giáo chuẩn chỉ.

Tranh thủ vận động được đối tượng cá biệt này cần tâm huyết, cần kiên trì và sự chuẩn mực để thuyết phục, cảm hóa họ.

**Tóm lại:** trong thực tiễn công tác vận động tôn giáo, khó có một hình thức riêng biệt nào cho kết quả cao. Cần kết hợp các hình thức vận động, vừa tuyên truyền, giáo dục thuyết phục, tranh thủ cá nhân. Xây dựng điển hình tập hợp quần chúng tín đồ trong các phong trào thi đua yêu nước, vận động trực tiếp qua thăm hỏi, gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại, trao đổi. Vận động tập trung và vận động cá biệt; vận động bằng phương pháp kinh tế, hành chính, quản lý...

### **4.3. Phương pháp vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo**

Quần chúng tôn giáo có đặc thù là niềm tin tâm linh đối với họ rất thiêng liêng. Bề trên tâm linh của họ là người rất đáng kính trọng, môi trường tôn giáo tâm linh của họ là môi trường thiêng liêng,.. Trong sự nhìn nhận của một số người có tôn giáo, người không có tôn giáo là người không có đức tin, người làm công tác chính quyền số đông là người không có tôn giáo, nên họ luôn giữ khoảng cách nhất định. Như vậy, trong công tác vận động quần chúng tôn giáo cần phải hiểu sự khác biệt và khoảng cách đó để có phương pháp phù hợp trong tiếp xúc và vận động đồng bào có tôn giáo; đồng thời vạch rõ âm mưu lợi dụng tôn giáo. Chính những phương pháp, kinh nghiệm vận động hiệu quả, đã xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội, phát huy nguồn lực của tôn giáo để xây dựng và phát triển đất nước.

### **4.3.1. Không lạm dụng “Chủ nghĩa vô thần khoa học”**

Người cán bộ làm công tác vận động tôn giáo có lập trường và tư tưởng cách mạng. Tuy nhiên trước các đối tượng tôn giáo và đồng bào tôn giáo, không nên hoặc rất khéo léo khi nói về “*Chủ nghĩa vô thần khoa học*”. Đây là vấn đề cần xác định rõ để tránh ngộ nhận về phân biệt, xúc phạm hoặc phủ nhận tôn giáo.

Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; nghiêm cấm sự phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Không chống tôn giáo, nhưng kiên quyết chống sự lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phi tôn giáo, đi ngược với truyền thống văn hóa dân tộc.

### **4.3.2. Tôn trọng niềm tin tôn giáo**

Tôn trọng đức tin tôn giáo của người có đạo, tránh xúc phạm tới tình cảm tôn giáo của họ; cần có sự hiểu biết nhất định về giáo lý, giáo luật, lễ nghi của từng tôn giáo trong công tác vận động, tuyên truyền đối với đồng bào có tôn giáo.

Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo để có ứng xử hài hòa, có phương pháp vận động phù hợp.

Bài học về phương pháp ứng xử, vận động tôn giáo của Hồ Chủ tịch hết sức sâu sắc: Hồ Chủ tịch lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho tư tưởng cách mạng, nhưng Người luôn quan tâm tới niềm tin tâm linh của đồng bào các tôn giáo. Tiếp xúc với từng tôn giáo, Người đều thể hiện sự chân thành, đúng mực qua ngôn ngữ, cử chỉ phù hợp với mỗi tôn giáo. Tôn trọng niềm tin và ứng xử đúng mực với tôn giáo là nền tảng cho phương pháp vận động tôn giáo hiệu quả.

### **4.3.3. Vận động tôn giáo là một phần trong vận động toàn dân**

Vì mục tiêu chung xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong phong trào chung của toàn dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các tổ chức, giới, đoàn thể, tôn giáo... phát huy thế mạnh riêng, khơi dậy những tiềm năng riêng để thể hiện sự cống hiến tích cực và hiệu quả nhất. Với sự nghiệp chung đó, với phương pháp khéo léo đó, đồng bào các tôn giáo sẽ cùng nhau đoàn kết để thể hiện rõ nguồn lực tôn giáo của mình cống hiến cho công cuộc bảo vệ, xây dựng phát triển đất nước.

Phương pháp này thực hiện được khi trở thành phong trào chung, thống nhất nói và làm. Công tác vận động quần chúng tôn giáo hiệu quả phải đồng bộ thông qua việc thực hiện tốt chính sách kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và hệ thống pháp luật; bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân.

#### **4.4. Một số kinh nghiệm trong công tác vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền**

Trong thực tiễn công tác tôn giáo, mỗi người bằng năng lực, phẩm chất và những nét riêng được thể hiện và đạt kết quả trong công tác vận động tôn giáo.

Thành công có ở rất nhiều người, nhưng kinh nghiệm trong công tác vận động tôn giáo thì thật không dễ học và thực hiện. Tuy nhiên qua quá trình công tác, qua đúc rút kinh nghiệm từ một số người có bề dày trong công tác tôn giáo, xin chất lọc một số kinh nghiệm trong vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo như sau:

##### **4.4.1. Khiêm tốn, chân thành, đúng mực**

Người có đức tin tôn giáo thường sâu sắc, khi mới tiếp xúc với người lạ, với chính quyền, họ thường ít nói, sống khép mình và quan sát người tiếp xúc qua cử chỉ, lời nói, thái độ,... Trong khi người làm công tác tôn giáo có ba trạng thái:

(1) Người ít tiếp xúc, chưa hiểu về tôn giáo, chưa có kinh nghiệm giao tiếp, trước mặt các chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo thường e dè.

(2) Người có đào tạo, có tìm hiểu về tôn giáo, có địa vị xã hội trong quan hệ với tôn giáo, nhưng không có thực tiễn về tôn giáo, trước đối tượng tôn giáo tỏ ra tự tin, ứng xử tỏ ra có quyền uy, bề trên;

(3) Người hiểu về tôn giáo, có thực tiễn về tôn giáo, nắm vững những vấn đề cần trao đổi, vận động. Luôn điềm tĩnh, chủ động và làm chủ trong giao tiếp với đối tượng tôn giáo; giữ nguyên tắc, có thể nào, không hứa với chức sắc, giáo sĩ tôn giáo.

Để công tác vận động có hiệu quả, người cán bộ phải có kiến thức, có thái độ chân thành thân thiện, đúng mực gần gũi với đối tượng tôn giáo. Đối tượng tôn giáo nhìn vào người mà họ giao tiếp để họ cân nhắc có nên tin hay không nên tin.

Người làm công tác tôn giáo, khi tiếp xúc, làm việc với các đối tượng tôn giáo, có thể chưa hiểu nhiều về tôn giáo, có thể không có vị trí cao trong xã hội nhưng khiêm tốn, chân thành, đúng mực, sẽ tạo được niềm tin cho người có tôn

giáo. Khi đã tin họ sẵn sàng nghe và theo, nếu không thì ngược lại. Đó là kinh nghiệm rất quý của nhiều thế hệ đã đúc kết.

#### **4.4.2. Hiểu biết về tôn giáo, nắm vững chủ trương, pháp luật**

Nội dung này vừa là yêu cầu vừa là kinh nghiệm, trước đối tượng tôn giáo không thể xuê xoa, nói sai, nói nửa vời.

Người làm công tác tôn giáo phải hiểu biết về đặc điểm tổ chức, lịch sử hình thành, giáo lý, lễ nghi của từng tôn giáo cụ thể; nắm vững đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

#### **4.4.3. Có đạo đức, có nhân cách tốt**

Tôn giáo có chuẩn mực đạo đức riêng, họ rất tôn trọng đạo đức và nhân cách con người. Người làm công tác tôn giáo phải có đạo đức trung thực, có nhân cách tốt, tác phong chuẩn mực gương mẫu, có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng.

#### **4.4.4. Hiểu rõ từng tôn giáo, đặc điểm riêng của từng vùng miền, nhất là đồng bào dân tộc**

Trong công tác vận động tôn giáo, nắm chắc đặc điểm từng tôn giáo là một lợi thế tốt. Tuy nhiên cần nắm vững đặc điểm phong tục tập quán, nếp sống của đồng bào tôn giáo ở các vùng miền. Người miền núi nhất là người dân tộc thiểu số thường ít nói, nhưng khi tin họ luôn nghe theo hết sức chân thành. Đến với người miền núi và đặc biệt là dân tộc thiểu số không cần nói nhiều. Nói ngắn gọn, rõ, dễ hiểu và quan trọng nhất là nói phải đi đôi với làm, không được để mắc sai lầm, một lần sai lầm trước họ là rất khó lấy lại niềm tin.

#### **4.4.5. Một số trao đổi trong vận động, xử lý “điểm nóng” liên quan đến tôn giáo**

*Thứ nhất*, để xử lý “điểm nóng” có liên quan đến tôn giáo, việc đầu tiên là phải xác định vụ việc có phải là “điểm nóng”. Khi có dấu hiệu “điểm nóng” phải tìm hiểu kỹ và phân tích rõ nguyên nhân. Tìm ra đúng nguyên nhân, bản chất vụ việc mới có thể xác định được phương pháp xử lý phù hợp.

*Thứ hai*, xử lý “điểm nóng” tôn giáo, bảo đảm phải đúng lý, đúng pháp luật phù hợp với những quy định của tôn giáo (Hiến chương, Điều lệ, Điều quy... của tổ chức giáo hội đã được Nhà nước chấp thuận). Kết hợp “*luật Nhà nước*”, “*luật tôn giáo*” xem vụ việc có vi phạm “*luật*” không. Nếu có vi phạm

“*luật*” chỉ cụ thể đối tượng đã vi phạm theo quy định cụ thể ở “*luật*” nào. Chỉ được vi phạm quy định của “*luật*” sẽ thuận lợi cho việc xử lý.

*Thứ ba*, tạo dư luận, vận động quần chúng đồng tình ủng hộ việc xử lý, vận dụng khéo léo nguyên tắc “*dùng đạo để giải quyết việc đạo*”, phát huy vai trò của cốt cán, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo. Thực hiện phương châm: không đẩy vụ việc bé thành to; bình thường thành phức tạp; Không để sơ hở tạo cơ cho kẻ xấu lợi dụng, kích động, gây rối.

*Thứ tư*, tiến hành xử lý “*điểm nóng tôn giáo*” phải có sự phối hợp, tham gia của các ban ngành, đoàn thể, đảm bảo thống nhất đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều tiết của chính quyền.

*Tóm lại*, cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động đồng bào có đạo. Công tác vận động quần chúng tôn giáo là nền tảng, là chỗ dựa cho quản lý nhà nước về tôn giáo. Đó chính là việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng cơ sở chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội ở mỗi địa phương và trong phạm vi cả nước, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./.

## **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

1. Trong các kỹ năng vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo, kỹ năng nào cần phải được quan tâm, chú trọng nhất, tại sao?
2. Có thể áp dụng một kỹ năng vận động cho tất cả các đối tượng không? Lấy ví dụ?



### **Chuyên đề 3**

## **NHẬN DIỆN VÀ ĐÁU TRANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG LỢI DỤNG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VI PHẠM PHÁP LUẬT**

Tín ngưỡng, tôn giáo là hiện tượng tồn tại lâu đời sống xã hội loài người. Cho đến nay, không một dân tộc, quốc gia nào trên thế giới không có một hay nhiều tôn giáo và số người theo các tôn giáo trên thế giới đã là hàng tỷ người. Trong quá trình tồn tại và phát triển, tín ngưỡng, tôn giáo đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc đến cuộc sống của con người, đến đời sống chính trị - xã hội của nhiều quốc gia, dân tộc. Thời gian qua, ở Việt Nam đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp về an ninh trật tự, xã hội liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, có sự lợi dụng của thế lực xấu bên ngoài để lôi kéo, tập hợp và kích động tín đồ và quần chúng nhân dân gây ra “điểm nóng” bức xúc trong dư luận xã hội.

### **I. QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA**

Trên phạm vi quốc tế, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận trong một số văn bản chính trị, pháp lý của Liên hợp quốc như: Hiến chương của Liên hợp quốc năm 1945, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 đã đề cập đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Từ các văn bản của Liên hợp quốc mà các quốc gia đã xây dựng văn bản pháp luật để quy định tính pháp lý về hoạt động tôn giáo của mỗi quốc gia, nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo an ninh trật tự công cộng.

**1.1.** Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị được phê chuẩn năm 1966, tại Điều 18 ghi rõ: “Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Tuy nhiên quyền tự do này vẫn bị giới hạn bởi những quy định của pháp luật và những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn trật tự công cộng, sức khỏe, hoặc đạo đức của công chúng hoặc những quyền tự do cơ bản của người khác”.

**1.2.** Công ước Châu Âu năm 1990 quy định: Tại Điều 9 “Tự do thể hiện tôn giáo cùng các niềm tin tôn giáo chỉ trở thành đối tượng bị hạn chế, được luật pháp dự kiến, tạo thành các biện pháp cần thiết trong một xã hội dân chủ, đối

với an ninh cộng đồng, bảo vệ trật tự, sức khỏe đạo đức chung hoặc bảo vệ quyền của những người khác”.

**1.3.** Hiến pháp năm 1947 của Cộng hòa Italia quy định “Các tôn giáo khác Công giáo có quyền lập tổ chức theo điều lệ của mình nhưng không được trái với trật tự pháp lý của Nhà nước. Quan hệ giữa các tổ chức tôn giáo đó và Nhà nước do luật pháp quy định trên cơ sở thỏa thuận với những cơ quan đại diện cho các tôn giáo đó”. Các giám mục Italia khi nhậm chức cũng tuyên thệ trung thành với quốc gia. Lời thề có nhắc tới nghĩa vụ tôn trọng và giáo dục tín đồ tôn trọng chính phủ theo những quy định của Hiến pháp, không tham gia, không hoạt động và không giúp đỡ những nhóm người có thể gây tác hại cho quốc gia và trật tự công cộng.

**1.4.** Luật năm 1905 của Cộng hòa pháp quy định: “Việc tụ tập để thực hiện các ghi lễ tôn giáo phải báo cáo và chịu sự kiểm soát của cơ quan chính quyền có chức năng giữ gìn trật tự công cộng. Cấm việc hội họp có tính chất chính trị ở nơi chuyên dùng vào việc thờ cúng và thực hành ghi lễ tôn giáo”. Tại Điều 27 quy định: “ Các nghi lễ, các cuộc rước tôn giáo tiến hành bên ngoài khu vực nhà thờ và việc kéo chuông phải tuân theo những quy định của chính quyền tỉnh, thành phố”. Tại Điều 35 của Luật cũng quy định “Giáo sỹ công khai bằng lời nói hoặc bằng văn bản kêu gọi, khước từ thi hành pháp luật của nhà nước sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm”.

**1.5.** Luật pháp của Cộng hòa Bỉ quy định, trách nhiệm hình sự đối với giáo sỹ có hành vi và lời nói xúc phạm tới Chính phủ, luật pháp, sắc lệnh của nhà vua cũng như đối với các hoạt động của chính quyền.

**1.6.** Hiến pháp năm 1946 của Nhật Bản quy định: “Quyền tự do tôn giáo được đảm bảo cho tất cả mọi người. Không một đoàn thể tôn giáo nào được nhận đặc quyền của Nhà nước, cũng như sử dụng quyền lực chính trị. Không một ai bị cưỡng bức tham gia bất kỳ một hành vi, một nghi lễ hay một hoạt động tôn giáo nào”. Sau sự kiện giáo phái Chân lý Aum khủng bố trong hệ thống đường xe điện ngầm ở Tokyo năm 1995 bằng chất độc sarin gây chết người hàng loạt. Hạ viện Nhật Bản đã thông qua đạo luật để tạo điều kiện cho Chính phủ có quyền giám sát và điều tiết các tổ chức tôn giáo nhiều hơn. Quy định cụ thể: “Nếu có việc tình nghi tới mức phải đình chỉ hoạt động của một tổ chức tôn giáo nào đó, hay nếu được Bộ Văn hóa Giáo dục cho phép, nhà cầm quyền có yêu cầu đoàn thể tôn giáo đó phải báo cáo về hoạt động của mình và có quyền

chất vấn các thủ lĩnh của tổ chức tôn giáo đó”. Các tổ chức tôn giáo đều phải đăng ký ở Bộ Văn hóa Giáo dục và sau khi được chấp thuận mới được hoạt động tại nơi đặt Văn phòng của tổ chức đó. Khi đăng ký tư cách pháp nhân, tổ chức tôn giáo phải đăng ký địa điểm sinh hoạt tôn giáo, các công trình kiến trúc trên địa điểm đó và tài sản của tổ chức và theo quy định của luật, các tài liệu cần thiết để Bộ Văn hóa Giáo dục xem xét việc đăng ký cho một tổ chức tôn giáo gồm: đơn xin đăng ký, tài liệu thuyết trình chứng minh là tổ chức tôn giáo.

**1.7. Hiến pháp Liên bang Malaixia quy định:** Hồi giáo là tôn giáo của Liên bang, song cũng cho phép “mỗi công dân đều có quyền tin theo một tôn giáo và có quyền truyền bá tôn giáo của mình”. Tuy nhiên, Hiến pháp Malaixia cũng quy định: “Luật pháp của mỗi bang và Liên bang phải kiểm soát hoặc hạn chế việc truyền bá bất kỳ một học thuyết tôn giáo hay tín ngưỡng nào đối với những người đang theo Hồi giáo”.

Như vậy, các quốc gia trên thế giới đều quan tâm đến công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo. Tại các nước phát triển tôn giáo cũng phải tuân thủ pháp luật và phải chịu sự quản lý của nhà nước trong các hoạt động tôn giáo. Luật pháp của các quốc gia nêu trên đều có quy chuẩn pháp lý để quy định việc hoạt động thờ tự và tụ tập cầu nguyện của các tổ chức tôn giáo đều phải công khai để đại diện các cơ quan chính quyền dễ dàng hiện diện tại đó và đều có cơ quan quản lý, hướng dẫn, họ có thể hạn chế thực hiện quyền này nếu thấy đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sự bình yên hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ quyền và tự do cơ bản của người khác và các loại hình tổ chức tôn giáo hoặc hoạt động tôn giáo làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội... đều không được phép hoạt động. Mỗi quốc gia giao cho cơ quan khác nhau để quản lý như: Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục Văn hóa... hoặc có thể là các cơ quan thuộc Chính phủ chuyên quản lý các vấn đề tôn giáo. Như ở Cộng hòa Liên bang Đức, luật pháp hiện hành quy định: “Giáo hội có trách nhiệm phải báo cáo trước cho Chính phủ bang biết về việc bổ nhiệm linh mục”.

## **II. HOẠT ĐỘNG LỢI DỤNG TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO GÂY PHỨC TẠP VỀ AN NINH TRẬT TỰ, CHIA RẼ ĐOÀN KẾT TÔN GIÁO**

**1. Lợi dụng khai thác thông tin tình hình về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam để phê phán, xuyên tạc về chính sách, pháp luật và cổ súy cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật**

Các thế lực thù địch đi sâu tuyên truyền, gieo rắc tâm lý cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội không chấp nhận tôn giáo, xóa bỏ tôn giáo; công dân theo đạo không được xét, kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam”; cố gắng tạo ra khoảng cách cũng như dùng các thủ đoạn làm tăng sự đối kháng giữa tôn giáo với đời sống hiện thực để kích động tôn giáo chống lại Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, vấn đề dân chủ nhân quyền và tự do tôn giáo đang có nhiều quan điểm khác nhau. Một số nước lớn trên thế giới mạo nhận là người bảo vệ dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, dùng nhiều thủ đoạn, chiêu bài để can thiệp, phê phán công việc nội bộ của các nước khác, trong đó có Việt Nam. Vấn đề dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo đang trở thành vấn đề được quốc tế quan tâm và cũng đang là đòi hỏi chính đáng của con người để vươn tới giá trị tự do của nhân loại. Trong những năm qua, nhân quyền và tự do tôn giáo được dư luận quốc tế đặc biệt quan tâm, không ít các học giả phương Tây rêu rao chiêu bài “quyền con người, quyền tự do tôn giáo cao hơn chủ quyền” nhằm bao biện cho các hành vi can thiệp vào công việc nội bộ của các nước nhỏ, nước đang phát triển mà cụ thể là những nước có thể chế chính trị khác biệt so với các quốc gia phương tây như: Mỹ và EU. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch cũng đang lợi dụng vấn đề tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, áp dụng giá trị tự do tôn giáo của Mỹ và EU vào Việt Nam, họ kiến nghị, hoạt động tôn giáo không cần quản lý, vì đó là “nhân quyền” nhằm thúc đẩy các tôn giáo hoạt động trái pháp luật nhà nước, để phá hoại và can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, nhằm chia rẽ Đảng, Nhà nước với chức sắc, tín đồ tôn giáo và quần chúng nhân dân. Về âm mưu và chiến lược “Diễn biến hòa bình”, vấn đề tôn giáo, dân chủ, nhân quyền được chúng sử dụng như một vũ khí lợi hại; chúng ra sức lợi dụng những bất cập trong đời sống xã hội như các vấn đề về môi trường, phòng chống dịch bệnh Covid -19,... để tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước ta, nhằm lôi kéo kích động chức sắc, tín đồ tuân hành, biểu tình gây phức tạp về an ninh trật tự, gây lo lắng bức xúc trong dư luận xã hội.

## **2. Thế lực xấu bên ngoài lợi dụng các hoạt động tôn giáo thuần túy, để xuyên tạc vu cáo Việt Nam vi phạm tự do tôn giáo**

Trong những năm qua, Hoa Kỳ ban hành nhiều đạo luật về vấn đề tôn giáo, quy định các chế tài chống lại các nước mà họ cho là “vi phạm quyền tự do tôn giáo”. Các báo cáo về tự do tôn giáo quốc tế vẫn sử dụng thông tin thiếu

khách quan để nhận xét, đánh giá về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam; khi tiếp xúc với Việt Nam luôn đặt vấn đề “cải thiện quyền con người” đòi “tự do tôn giáo”; thậm chí có công hàm kiến nghị với nhà nước với quan điểm, tôn giáo là nhu cầu tinh thần nên không cần phải quản lý hoạt động tôn giáo; không cần cấp phép công nhận điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo; không bắt tù nhân liên quan đến tôn giáo và phải xử lý công chức chậm trễ thực thi công vụ... một số quan chức chức Mỹ và EU và Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ khi vào Việt Nam tiếp xúc với các nhóm, phái tôn giáo, chức sắc, cá nhân tôn giáo thiếu thiện chí, có tư tưởng định kiến với Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp để thu thập thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động tôn giáo; khuyến khích cá nhân tôn giáo thiếu thiện chí phát biểu, xuyên tạc chính sách, pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo là bước thụt lùi; bóp nghẹt hoạt động tôn giáo, dẫn đến cơ chế xin cho; hình thành nên các tổ chức tôn giáo thân hữu với chính quyền... vu cáo chính quyền gây khó khăn, công khai đòi phục hồi các tổ chức tôn giáo cũ... phủ nhận kết quả và thành tựu thực hiện chính sách tôn giáo của Việt Nam, để kiến nghị đưa Việt Nam trở lại những nước cần quan tâm đặc biệt về tôn giáo (CPC); năm 2010 Hạ viện Mỹ đưa ra dự luật thúc đẩy tự do dân chủ tại Việt Nam trong năm 2010 (mang số H.R.1410); và trong 5 năm qua Ủy ban tự do tôn giáo quốc tế Mỹ vẫn sử dụng thông tin thiếu thiện chế về tự do tôn giáo ở Việt Nam để vu cáo, xuyên tạc về chính sách, pháp luật của Việt Nam; mới đây ngày 21/4/2021, Ủy ban tự do tôn giáo quốc tế Mỹ, công bố báo cáo thường niên về tình hình tôn giáo thế giới năm 2020, rất đáng tiếc báo cáo vẫn sử dụng thông tin sai lệch về tự do tôn giáo ở Việt Nam. Chính quyền Mỹ liên tiếp đưa ra các “sáng kiến” và chính sách mới về vấn đề tự do tôn giáo như: thành lập “Liên minh tự do tôn giáo quốc tế” (tháng 02/2020); khi tiếp xúc với Việt Nam, phía Mỹ luôn khuyến Việt Nam, thực hiện điều ước quốc tế về quyền con người, tại Điều 18, Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị; tặng chấp thuận đơn đăng ký công nhận nhóm tôn giáo và đất đai tôn giáo và cho rằng hoạt động tôn giáo hạn chế quản lý...

### **3. Lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền, xuyên tạc nói xấu Đảng, Nhà nước nhằm chia rẽ đoàn kết tôn giáo**

Trong thế giới phẳng, việc thế lực xấu xây dựng các tổ chức lấy danh xưng tôn giáo cùng với việc thiết lập các trang mạng xã hội như: Youtube, facebook, blog... để phát tán, đăng tải các video, hình ảnh, bài viết tiêu cực, giật

gân dề thu hút người truy cập, “like” “Shar” hàng ngày, hàng giờ với danh nghĩa các tôn giáo để đả kích, nói xấu chế độ, kích động gây mâu thuẫn giữa quần chúng tín đồ tôn giáo với chính quyền. Họ đi sâu vào những mặt trái của xã hội để quy kết, hạ thấp uy tín của Đảng, Nhà nước Việt Nam; triệt để lợi dụng không gian mạng tiến hành nhiều hoạt động chống phá Việt Nam trên các mặt của đời sống kinh tế, văn hóa xã hội, ra sức tìm mọi cách khai thác lợi dụng những sơ hở thiếu sót của Nhà nước Việt Nam trong thực hiện chính sách đầu tư, phát triển kinh tế; khoét sâu mâu thuẫn nhằm chia rẽ nhân dân với nhân dân, chia rẽ nhân dân với Đảng, Nhà nước, chia rẽ tôn giáo với chính quyền... Với luận điệu chính trị, phản động nguy hiểm như: “chính quyền bao che cho doanh nghiệp, tàn phá môi trường, bỏ quên quyền lợi của người dân”, kêu gọi tẩy chay bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; xuyên tạc trên một số Websibe phản động, bầu cử là “màn kịch dân chủ” “Đảng đã chia các ghế”... phản đối một số nội dung trong dự thảo Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và Luật An ninh mạng. Nhiều trang mạng, đài báo hải ngoại đã xuyên tạc, bóp méo sự thật “Luật An ninh mạng là bóp nghẹt tự do, dân chủ”, kích động biểu tình, tạo dư luận xấu trong cộng đồng thế giới, ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam trong quan hệ hợp tác quốc tế... trong các vấn đề nêu trên, đã có nhiều trường hợp bị cơ quan chức năng xử lý hình chính, thậm chí xử lý hình sự, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

#### **4. Lợi dụng những những vấn đề phức tạp trong đời sống xã hội như: vấn đề khiếu kiện đất đai của người dân; vấn đề ô nhiễm môi trường; công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, kích động chức sắc, tín đồ gây phức tạp về an ninh trật tự**

Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tôn giáo là lĩnh vực nhạy cảm dễ thu hút sự quan tâm chú ý của dư luận trong nước và quốc tế. Với âm mưu chống phá của các thế lực xấu, trong những năm qua các đối tượng phản động, chống đối chính trị ở ngoài nước, móc nối với một số phần tử cực đoan trong tôn giáo cấu kết với các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Đảng và Nhà nước Việt Nam, tổ chức các cuộc “hội luận”, “họp báo”, soạn thảo và tán phát các tài liệu có nội dung xuyên tạc, bịa đặt để tuyên truyền chống Đảng và Nhà nước Việt Nam, nhất là trên các lĩnh vực dân chủ và nhân quyền. Họ đẩy mạnh xuyên tạc Đảng và Nhà nước Việt Nam “đàn áp tôn giáo”, Việt Nam “không có tự do tôn giáo”; lợi dụng những vấn đề phức tạp trong xã hội như: thu hồi đất đai, đền bù,

giải tỏa; vấn đề ô nhiễm môi trường; công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thu phí BOT... để dụ dỗ, lôi kéo những người đi khiếu kiện kích động tham gia tuần hành, chống chính quyền; chúng gắn tôn giáo ở Việt Nam với “dân chủ, nhân quyền”, ra sức đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chính sách, pháp luật về tôn giáo, vu cáo Việt Nam không có tự do tôn giáo.

Thủ đoạn của chúng khi những người đi khiếu kiện tụ tập đông người sẽ trưng các băng zôn, khẩu hiệu phê phán chính quyền, “bao che cho doanh nghiệp, tàn phá môi trường, bỏ quên quyền lợi người dân” hoặc những khẩu hiệu kích động “giờ tôi biết tôi tin vào ai”; thậm chí ở vụ việc lợi dụng khiếu kiện đền bù sự cố môi trường biển do Công ty Fomosa gây ra, có khoảng 2.000 giáo dân ở xã Thạch Bằng, xã Thạch Kim, (huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh, tháng 5/2017) đã mang băng rôn, khẩu hiệu, loa thùng kéo đến trụ sở UBND huyện Lộc Hà, gây rối an ninh trật tự, làm cho UBND huyện bị đình trệ hoạt động, trong nhiều giờ; đồng thời chúng chuẩn bị phương tiện tổ chức ghi âm, ghi hình các hoạt động để truyền ra bên ngoài, tạo thế “nội công, ngoài kích” để bọn phản động lưu vong, phối hợp truyền truyền bình luận trên các trang mạng, diễn đàn, hội luận... chống Đảng, Nhà nước, với những chiêu thức thể hiện rất đơn sơ, rất bình thường, tạo nhóm, tạo trang, chia sẻ trên các mạng xã hội để tiếp cận nhiều người sử dụng mạng xã hội... với mục tiêu làm cho người dân, đặc biệt là một bộ phận tín đồ ngoan đạo “cuồng đạo” hoang mang, dao động, không rõ thực hư, like, (comment) bình luận, chia sẻ không rõ bản chất vụ việc, do thiếu thông tin nên đã tạo ra lượng lớn tín đồ quần chúng tham gia, khuếch tán, lan tỏa các hoạt động kích động chống phá của thế lực xấu và tin tưởng vào số chức sắc cực đoan, điều này thực sự nguy hiểm và gây phức tạp trong đời sống tôn giáo.

### **5. Lợi dụng các vụ việc khiếu kiện về quy hoạch đất đai, thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng... để lôi kéo, kích động giáo dân tuần hành, gây phức tạp về an ninh trật tự**

Thực tế trong những năm qua, lợi dụng một số vụ việc phức tạp liên quan đến đất đai tôn giáo như: Vụ việc tại số 42 Nhà Chung, số 178 Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội; vụ việc tại Giáo xứ Cồn Dầu, Thành phố Đà Nẵng và vụ việc xả thải gây ô nhiễm môi trường biển miền Trung của công ty Fomosa; vụ việc gây rối tại Bình Thuận; vấn đề đất đai ở Thủ Thiêm, TP. Hồ Chí Minh... Thực tế có nhiều vấn đề trong quy hoạch phát triển kinh tế đất nước, phải thu hồi đất đai. Bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, dù thể chế chính trị khác nhau, nhưng trong

quá trình phát triển, đặc biệt là trong quá trình đô thị hóa cũng đều vấp phải những khó khăn về giải phóng mặt bằng, đền bù, giải tỏa đất đai và sẽ dẫn đến khiếu kiện, khiếu nại. Tuy nhiên, có nhiều vụ việc không liên quan đến đất đai tôn giáo, nhưng thế lực xấu kích động một số chức sắc tôn giáo có tư tưởng định kiến với Đảng, Nhà nước và chế độ lôi kéo tín đồ tham gia biểu tình đòi đất, đòi lại tài sản cho Giáo hội... Trong các diễn biến của các vụ việc, số thế lực xấu triệt để khai thác thông tin thiếu khách quan, để tuyên truyền, bình luận phê phán đổ lỗi cho chính quyền. Bên cạnh đó, chúng tập hợp thông tin sai sự thật phản ánh kiến nghị đến các tổ chức quốc tế và Đại sứ quán một số nước tại Việt Nam quan tâm đến vấn đề tôn giáo để kiến nghị can thiệp; đồng thời đưa thông tin ra bên ngoài, tạo dư luận xấu về tình hình tự do tôn giáo và chính sách tôn giáo của Việt Nam. Một số chức sắc cực đoan trong tôn giáo do bị lợi dụng, kích động và nhận thức về pháp luật hạn chế đã lợi dụng tòa giảng để nói xấu chính quyền, kích động giáo dân tuần hành, chống người thi hành công vụ, gây bức xúc trong tín đồ tôn giáo và quần chúng nhân dân. Đặc biệt là mỗi khi Nhà nước ban hành hoặc bổ sung những văn bản pháp luật mới để điều chỉnh các hoạt động tôn giáo cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, phù hợp với tâm tư, tình cảm, nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo thì chúng lại đẩy lên chiến dịch phủ nhận, bãi bỏ văn bản pháp luật này, hoặc xuyên tạc. Chúng tâng bốc ca ngợi quyền tự do tôn giáo của các nước tư bản, tôn giáo được tự do hoạt động, không phải đăng ký xin phép chính quyền... Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, trong những số này có người do chưa nhận thức hết bản chất và hậu quả và có những người do cố tình, có ý đồ riêng muốn các hoạt động tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của nhà nước. Họ phải hiểu rằng, tổ chức tôn giáo là một tổ chức mang tính xã hội, mà đã là một tổ chức thì ở bất cứ quốc gia nào khi thành lập, hoạt động đều phải chịu sự quản lý của nhà nước, dù họ là ai thì họ không thể đại diện cho hơn 27 triệu tín đồ tôn giáo Việt Nam, có vì mục tiêu của họ không.

#### **6. Lợi dụng các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật; lợi dụng một số chức sắc, tín đồ tôn giáo có tư tưởng định kiến, bất mãn với Nhà nước và chế độ để kích động gây phức tạp về an ninh trật tự**

Do đặc điểm rất riêng và thực tế hoạt động tôn giáo tại Việt Nam, trước đây các thế lực xấu lợi dụng tôn giáo để phục vụ mục đích chính trị của chúng. Ngày nay, thế lực xấu vẫn không từ bỏ việc lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng



Việt Nam. Lợi dụng tính nhạy cảm của vấn đề tôn giáo, Họ cho rằng Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (trước đây) và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay là sự “đàn áp tôn giáo” bằng pháp luật của Nhà nước Việt Nam, không tạo điều kiện cho các tôn giáo phát triển; từ đó, khoét sâu mâu thuẫn giữa các tôn giáo với chính quyền các cấp. Đồng thời, móc nối, câu kết với một số tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài thành lập hoặc tích cực tham gia các hội, nhóm trái pháp luật, mang danh nghĩa tôn giáo để tập hợp, phát triển lực lượng chống đối. Một số chức sắc cực đoan lợi dụng các vấn đề chính trị - xã hội phức tạp để kích động tín đồ xuống đường biểu tình, gây mất ổn định chính trị - xã hội. Điển hình như, lợi dụng sự cố môi trường ở các tỉnh miền Trung do Formosa gây ra, một số chức sắc cực đoan trong Công giáo thuộc Giáo phận Vinh đã tổ chức, kích động giáo dân tổ chức nhiều cuộc biểu tình, tuần hành dưới danh nghĩa “bảo vệ môi trường”, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại các địa phương. Bên cạnh hoạt động vi phạm pháp luật về đất đai, trong hoạt động tôn giáo cũng xảy ra các vụ việc chưa tuân thủ các quy định của pháp luật, như thuyên chuyển, bỏ nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành trong các tôn giáo; việc thành lập các cơ sở tôn giáo trực thuộc chưa được sự chấp thuận của chính quyền. Một số cơ sở đào tạo của tôn giáo chưa nghiêm túc triển khai môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam, là môn chính thức trong chương trình giảng dạy. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại việc “đào tạo kép”, cụ thể là đào tạo chức sắc ở trong nước kết hợp với cử chức sắc ra nước ngoài đào tạo trái phép vẫn diễn ra ở một số tôn giáo,...

Số đối tượng cực đoan trong các tôn giáo cũng như các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Nhà nước Việt Nam ở trong nước và nước ngoài đã triệt để lợi dụng các vụ tranh chấp, khiếu kiện về đất đai liên quan đến tôn giáo để kích động các hoạt động chống đối. Bên cạnh đó, tại một số cơ sở tôn giáo xuất hiện hiện tượng thương mại hóa hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, lợi dụng lòng tin của người dân để trục lợi, phát triển các hoạt động tâm linh mang màu sắc mê tín, như hoạt động dâng sao giải hạn, bói toán, xem quẻ, cúng oan gia trái chủ, Câu Lạc bộ tình người,...

Hoạt động lợi dụng tôn giáo và vấn đề tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội là hoạt động hết sức nguy hiểm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây chia rẽ giữa các tôn giáo, giữa tôn giáo với chính quyền, giữa quần chúng giáo dân và những người không theo tôn giáo, tạo ra những yếu tố phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ

bùng nổ thành xung đột xã hội. Thủ đoạn của chúng không chỉ âm mưu tác động vào tâm lý, tư tưởng của một bộ phận quần chúng, tín đồ mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến yên bình của người dân, tác động xấu đến đời sống xã hội, gây chia rẽ trong nội bộ tổ chức tôn giáo. Trên thực tế, đã xảy ra một số vụ mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ nhân dân có liên quan tới tôn giáo do tác động bởi hoạt động nói trên. Sự ổn định chính trị - xã hội ở một số nơi, một số lúc đã bị ảnh hưởng gây tâm lý bức xúc và phản ứng của tín đồ đối với chính quyền; gây chia rẽ giữa chính quyền với tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chúng ta khẳng định, dù thế lực xấu có chống phá trên các mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, nhân dân ta, chức sắc, tín đồ tôn giáo ở Việt Nam luôn tin tưởng tưởng với kinh nghiệm bản lĩnh chính trị, Đảng, Nhà nước Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín lãnh đạo đất nước ngày càng phát triển và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được đảm bảo tốt hơn. Điều này đã được các quốc gia quan tâm đến tình hình tự do tôn giáo của Việt Nam ghi nhận và khẳng định rõ về chính sách tôn giáo nhất quán Đảng, Nhà nước Việt Nam. Điển hình như, trong cuộc gặp giữa Nguyên Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng với Giáo hoàng Benedicto XVI và Thủ tướng Vatican, Hồng y Tarcisio Bertone vào năm 2007, phía Vatican cho rằng: “Việt Nam là một hình mẫu về chính sách tôn giáo gắn với sự phát triển của cộng đồng” và Thứ trưởng Ngoại giao Ettore Balestrero của Vatican cũng từng nói: “Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực và thực hiện nhất quán và không ngừng hoàn thiện chính sách tôn trọng và bảo đảm tự do tôn giáo của mọi người” hoặc như ông A. Herrador Cố vấn chính trị phái đoàn EU tại Việt Nam đã phát biểu tại hội thảo giữa Ban Tôn giáo Chính phủ với Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam, tháng 9/2014 tại Hà Nội đã nêu rõ quan điểm “Thời gian qua Việt Nam đã có những bước phát triển rất quan trọng trong việc bảo đảm tự do tôn giáo, tín ngưỡng”.

### **III. MỘT SỐ LẬP LUẬN PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYỀN TẠC VỀ TÌNH HÌNH TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**

#### **1. Nhận diện và phê phán các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, xuyên tạc về tình hình tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam**

Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, trong đó có lĩnh vực tôn giáo. Các nhận định nêu trên không đúng cả phương diện lý luận và thực tiễn. Vì theo luật pháp

của mỗi quốc gia như phân tích nêu trên, tổ chức tôn giáo là tổ chức mang tính xã hội mà đã là tổ chức thì ở bất kỳ quốc gia nào khi thành lập và hoạt động phải chịu sự quản lý của nhà nước.

Nếu lấy mốc thời gian năm 2006, khi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia cần quan tâm đặc biệt về vấn đề tôn giáo để so sánh với thời điểm hiện nay sẽ thấy sự thay đổi mạnh mẽ trong đời sống tôn giáo tại Việt Nam. Nếu không có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thì không thể có 41 tổ chức tôn giáo được công nhận và đăng ký hoạt động như hiện nay, từ chỗ chỉ có 03 tôn giáo đã được công nhận từ trước là: Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Giáo hội Công giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam; thì trong những năm qua, nhà nước Việt Nam đã lần lượt xem xét và công nhận thêm các tổ chức cho các tôn giáo như: các Ban đại diện cộng đồng Hội giáo; 10 Hội thánh Cao đài, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo; 11 Hội thánh Tin lành... Trong hai năm 2019-2020, mặc dù dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp, nhưng chính quyền các cấp vẫn quan tâm hướng dẫn, chấp thuận cho các tổ chức tôn giáo sửa chữa, nâng cấp gần 500 cơ sở tôn giáo và xây mới hơn 600 cơ sở. Chính quyền các cấp quan tâm chấp thuận để các tổ chức tôn giáo mở các học viện, đại chủng viện, các lớp cao đẳng, trung cấp của các tổ chức tôn giáo được mở ra tại nhiều tỉnh, thành phố, đáp ứng nhu cầu đào tạo của tôn giáo; đặc biệt trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo đã quy định rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo tại các cơ sở thờ tự... Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 04 học viện Phật giáo, (trong đó có Học viện Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, được Chính phủ chấp thuận cho đào tạo Tiến sỹ); 32 trường trung cấp, 08 lớp Cao đẳng Phật học với hàng ngàn tăng, ni sinh theo học. Giáo hội Công giáo Việt Nam có 07 Đại chủng Viện và 09 cơ sở đào tạo với hàng ngàn chủng sinh. Hội thánh Tin lành Việt Nam đã mở các khóa đào tạo học viên ở Viện Thánh kinh thần học ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh với số lượng chủng sinh ngày càng tăng trong 3 năm qua (2019, 2020, 2021) là gần 900 người...

Các cá nhân, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam một mặt đánh giá cao những tiến bộ tích cực của sự đổi mới về chính sách, pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo trong những năm qua đã mang lại đời sống tôn giáo sinh động, đa dạng, cởi mở. Mặt khác với tư cách là người hưởng thụ chính sách và phản biện xã hội, thì số liệu về kết quả thực hiện chính sách nêu trên, các tôn giáo bày tỏ niềm vui và

tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Tại cuộc Hội thảo quốc tế tại Washington D.C vào tháng 5 năm 2015 với chủ đề: “Tôn giáo và pháp quyền - so sánh Việt Nam và Hoa Kỳ”, Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam sau khi trình bày về chính sách tôn giáo ở Việt Nam và phát biểu tại Hội nghị: “Nhu vậy, rõ ràng là Nhà nước Việt Nam đã có những bước tiến dài trong việc thể chế hóa các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng và các hoạt động của các tổ chức tôn giáo. Việc ban hành hàng loạt quy định, nghị định, chỉ thị, thông tư và nhất là Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo đã thể hiện quyết tâm xây dựng nhà nước pháp quyền (XHCHN) trên lĩnh vực quản lý tôn giáo. Việc làm này đã nhận được sự tán đồng và sự ủng hộ từ chức sắc, tín đồ tôn giáo và nhân dân nói chung. Từ nhiều năm nay, đường hướng hành đạo: sống Phúc âm giữa lòng Dân tộc của Công giáo; Nước Vinh đạo sáng của đạo Cao Đài, hay Phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc của Tin lành,.. đã và đang thực hiện có hiệu quả”.

Xét ở nội dung tổng thể các hoạt động phi nghĩa không tạo sự đồng tình ủng hộ của đông đảo chức sắc và tín đồ các tôn giáo mà còn tạo ra sự lạc lõng trong khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo ở nước ta. Trước những âm mưu hoạt động của các thế lực xấu ra sức chống phá Việt Nam, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp đã phát huy hiệu lực hiệu quả và sức mạnh tổng hợp. Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, tập trung đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển khi tế các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào có đạo... Các chính sách đó đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của đồng bào có đạo làm cho quần chúng, tín đồ và chức sắc tôn giáo yên tâm, phấn khởi thực hiện việc đạo, việc đời. Công tác đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc về nhân quyền và tự do tôn giáo cũng đạt kết quả tích cực; chúng ta đã linh hoạt vận động nhiều biện pháp đấu tranh, tăng cường công tác thông tin, truyền truyền để chức sắc, tín đồ và quần chúng nhân dân, nâng cao cảnh giác, hiểu rõ âm mưu thủ đoạn hoạt động của đối tượng xấu, tổ chức cảm hóa, thuyết phục số “lùng chùng” chưa có chính kiến; tấn công vô hiệu hóa số chống đối nhà nước đi ngược lợi ích của Giáo hội và chức sắc, tín đồ; củng cố chứng cứ kiên quyết xử lý số vi phạm pháp luật; tập trung đối thoại, lắng nghe giải quyết những kiến nghị chính đáng

và những bức xúc ngay tại cơ sở... đã góp phần ngăn chặn các thế lực bên ngoài lợi dụng tôn giáo chống Việt Nam về dân chủ nhân quyền.

Từ khi đất nước thống nhất, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn ứng xử phù hợp với các tôn giáo nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc trong các chức sắc, tín đồ các tôn giáo; vận động họ sống tốt đời, đẹp đạo. Trong các văn bản của Đảng, Nhà nước xác định tôn giáo đang và sẽ tồn tại với dân tộc, phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo để xây dựng và phát triển đất nước; trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đồng bào tôn giáo là lực lượng hưởng ứng rất sớm các phong trào thi đua yêu nước, phòng chống thiên tai dịch bệnh, các tôn giáo đã đóng góp hàng trăm tỷ cho công tác phòng chống dịch Covid 19; các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam kêu gọi các tổ chức tôn giáo đồng đạo trên thế giới ủng hộ Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền, biển đảo của Tổ quốc, hối thúc các lãnh đạo Quốc gia thực hiện theo luật pháp quốc tế và luật biển năm 1982; vận động tín đồ tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, nhiệm kỳ 202102026, cam kết với các cấp chính quyền để tín đồ tham gia đầy đủ nghĩa vụ của công dân... Điều này khẳng định chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đã củng cố niềm tin của đồng bào có đạo với Đảng, Nhà nước. Chính quyền các cấp đã phát huy hiệu lực, hiệu quả, chủ động thông tin, tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở trong và ngoài nước hiểu và thực hiện đúng pháp luật; chủ động tuyên truyền đối ngoại “về dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo” để các nước và các tổ chức quốc tế, giảm thiểu nhìn nhận khác biệt, ủng hộ Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

## **2. Việc xuyên tạc về chính sách, pháp luật nhất quán về tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước Việt Nam không phù hợp với công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết là thủ đoạn cũ, “bình cũ, rượu mới”**

Như đã phân tích nêu trên, luận điệu xuyên tạc về tự do tôn giáo ở Việt Nam không có gì mới, nhưng nguy hiểm ở chỗ họ cứ tuyên truyền, đánh vào tâm lý, cứ nói mãi điều không có thật, người ta sẽ tin là có thật, nên đã làm cho nhiều tổ chức, đặc biệt là người ở ngoài nước, không có thông tin chính thống dẫn đến ngộ nhận, nhìn nhận sai lệch, mặc cảm, thiếu thiện chí, thậm chí có những lời nói việc làm chống Việt Nam. Vậy, ta hãy nhìn nhận về chính sách, pháp luật của nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành văn bản pháp luật, đảm bảo quyền tự do tôn giáo của mọi như thế nào trong từng giai đoạn cách mạng của đất nước.

Ở Việt Nam, từ khi Đảng ta khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng đã luôn thực hiện nhất quán chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với từng thời kỳ lịch sử. Nhờ đó, củng cố được sự đoàn kết giữa những người có và không có tôn giáo và giữa các tôn giáo khác nhau trong khối đại đoàn kết dân tộc. Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, trong sáu vấn đề cấp bách trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, vấn đề mang tính nguyên tắc trong chính sách tôn giáo của Việt Nam “Tôi đề nghị Chính phủ tuyên bố tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết”. Ngày 14/6/1955, Người ký Sắc lệnh số 234/SL về vấn đề tôn giáo gồm 5 chương và 16 điều, quy định chi tiết và cụ thể về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Sắc lệnh này được đồng bào có đạo nhiệt liệt hoan nghênh ủng hộ và được khẳng định trong luật pháp của nhà nước, tại Chương I của Sắc lệnh nêu rõ “Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào....Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là quyền lợi của nhân dân. Chính phủ luôn tôn trọng và giúp đỡ nhân dân thực hiện. Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo phải tuân theo pháp luật của nhà nước như mọi tổ chức khác của nhân dân. Việc bảo vệ tự do tín ngưỡng bắt buộc phải trừng trị những kẻ đội lốt tôn giáo gây rối loạn”. Người từng kêu gọi các tôn giáo hãy xóa bỏ hiềm khích, đoàn kết cùng toàn dân lo cho nền độc lập của nước nhà vì “Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải nỗ lực đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà. Nhiệm vụ của toàn thể chúng ta là phải giữ vững nền độc lập, toàn thể đồng bào ta không chia lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến để giữ gìn non sông, tổ quốc và cũng để giữ gìn tín ngưỡng tự do”.

Sau khi đất nước thống nhất, ngày 11/11/1977, Hội đồng nhà nước đã ban hành Nghị quyết số 297-CP với năm nguyên tắc: (i). Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân. (ii). Bảo đảm bình đẳng trước pháp luật giữa người có tín ngưỡng và người không có tín ngưỡng. (iii). Bảo hộ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân của người theo đạo và không theo đạo (iv). Định chế các hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật; (v). Chế tài những hành động lợi dụng tôn giáo phương hại đến lợi ích của đất nước của dân tộc.

Quan điểm về công tác tôn giáo được Đảng, Nhà nước ta thể hiện trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng và được khẳng định trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980 và Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung 2013, khẳng định rõ về quyền tự do tôn giáo; Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng chủ thể là “mọi người” không phân biệt, dù họ có bị mất quyền công dân thì vẫn có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, thể hiện tại Điều 24 như: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo...”. Đảng ta xác định, tôn giáo tiếp tục tồn tại lâu dài cùng với sự phát triển của xã hội, đoàn kết tôn giáo, hoà hợp dân tộc là yêu cầu quan trọng đối với quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, ban hành nhiều chủ trương, chính sách pháp luật về công tác tôn giáo như: Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, trong đó xác định “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi, căn cứ vào thực tiễn đời sống tín ngưỡng, tôn giáo; Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 25/ NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác tôn giáo; trong đó quan điểm về chính sách tôn giáo đối với tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định và phát triển đó là: “Tín ngưỡng, tôn giáo là tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật”.

Thể chế các chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo bằng các văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý ổn định để các tôn giáo hoạt động. Quốc hội khoá XI đã ban hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo quy định về các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/ NĐ-CP ngày 01/3/2005 Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo và Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ thực hiện nhất quán chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước

về đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Pháp lệnh bao hàm các nội dung điều chỉnh ngày càng thông thoáng và phù hợp với Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết. Năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 1940/CT-TTg về nhà đất liên quan đến tôn giáo... Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/NĐ-CP quy định chi tiết biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP). Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo Tin Lành để giải quyết những vấn đề tồn tại và mới phát sinh liên quan đến sinh hoạt tôn giáo của người dân theo đạo Tin Lành, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và người Mông, người Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm bình thường hóa sinh hoạt tôn giáo của đạo Tin Lành, làm cho người dân theo tín ngưỡng, tôn giáo yên tâm gắn bó với cộng đồng.

Quốc hội khóa XIV, thông qua Luật tín ngưỡng, tôn giáo, ngày 18/11/2016, có hiệu lực ngày 01/1/2018. Luật được ban hành, đã thể hiện trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật và mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Trong đó, tại Điều 8 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo cũng quy định, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, được sinh hoạt tôn giáo và quy định chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại các cơ sở tôn giáo; Chính phủ ban hành Nghị định số 162/NĐ-CP, ngày 30/12/2017, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc biệt trong quá trình soạn thảo xây dựng Luật và Nghị định, cơ quan soạn thảo đã chủ động tổ chức hội thảo lấy kiến khoảng hơn 70 tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam... và chuyên gia tư vấn của nước ngoài; công bố trên cổng thông tin của Chính phủ và của Ban Tôn giáo Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân và tín đồ các tôn giáo góp ý. Mới đây, tại Văn kiện đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định “tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật, chủ động giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng, đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng,



tôn giáo để chia rẽ phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao năng lực và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo”.

Đây là những văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp những nội dung cơ bản trong các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta, tạo sự đồng thuận trong chức sắc tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên của Liên hợp quốc và là thành viên của hầu hết các công ước quốc tế về quyền con người. Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Nhà nước Việt Nam đã thể hiện đầy đủ sự quan tâm đến lợi ích chính đáng của đồng bào có đạo; đồng thời thể hiện thái độ rõ ràng, dứt khoát đối với mọi hành vi, vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo như: nghiêm cấm việc xâm phạm các quyền tự tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ép buộc công dân theo tôn giáo hoặc bỏ tôn giáo mà họ tin theo hoặc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước; kích động bạo lực tuyên truyền chiến tranh...

### **3. Thực hiện chính sách, pháp luật về tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, phản bác luận điệu xuyên tạc của thế lực xấu**

Có thể khẳng định, sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, trong đó có lĩnh vực tôn giáo. Nếu lấy mốc thời gian năm 2006, khi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia cần quan tâm đặc biệt về vấn đề tôn giáo để so sánh với thời điểm hiện nay sẽ thấy sự thay đổi mạnh mẽ trong đời sống tôn giáo tại Việt Nam. Nếu không có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thì không thể có 41 tổ chức tôn giáo được công nhận và đăng ký hoạt động như hiện nay, từ chỗ chỉ có 03 tôn giáo đã được công nhận từ trước là: Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Giáo hội Công giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam; thì trong những năm qua, nhà nước Việt Nam đã lần lượt xem xét và công nhận thêm các tổ chức cho các tôn giáo như: các Ban đại diện cộng đồng Hồi giáo; 10 hội thánh cao đài, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo; 11 Hội thánh Tin lành... Trong hai năm 2019-2020, mặc dù dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp, nhưng chính quyền các cấp vẫn quan tâm hướng dẫn, chấp thuận cho các tổ chức tôn giáo, sửa chữa, nâng cấp gần 500 cơ sở tôn giáo và xây mới hơn 600 cơ sở; các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam. Chính quyền các cấp quan tâm chấp thuận để các tổ chức tôn giáo mở các học viện, đại chủng viện, các lớp cao đẳng, trung cấp của các tổ chức

tôn giáo được mở ra tại nhiều tỉnh, thành phố, đáp ứng nhu cầu đào tạo của tôn giáo; đặc biệt trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo đã quy định rõ hơn về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam ... Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 04 học viện Phật giáo, (trong đó có Học viện Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, được Chính phủ chấp thuận cho đào tạo Tiến sỹ); 32 trường trung cấp, 08 lớp Cao đẳng Phật học với hàng ngàn tăng, ni sinh theo học. Giáo hội Công giáo Việt Nam có 07 Đại chủng Viện và 09 cơ sở đào tạo với hàng ngàn chủng sinh. Hội thánh Tin lành Việt Nam đã mở các khóa đào tạo học viên ở Viện Thánh kinh thần học ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh với số lượng chủng sinh ngày càng tăng trong 3 năm qua (2019, 2020, 2021) là gần 900 người.

Đặc biệt, trong đại dịch Covid -19, các tôn giáo đã thể hiện sự đồng hành, gắn bó với đất nước và nhân dân; tổ chức quyên góp và ủng hộ hàng nghìn tỷ đồng; hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm thiết yếu và các trang thiết bị y tế cần thiết cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chính quyền các cấp. Tại một số địa phương, các tổ chức tôn giáo đã phối hợp với chính quyền, tình nguyện cho mượn cơ sở tôn giáo làm nơi cách ly, lấy mẫu xét nghiệm và điều trị Covid-19; chỉ đạo các phòng khám, các phòng thuốc nam, Tuệ Tĩnh đường... chủ động phối hợp với lực lượng y tế của chính quyền địa phương sẵn sàng chăm sóc cho bệnh nhân Covid-19; vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tham gia đóng góp ủng hộ Quỹ vaccine phòng Covid-19 do Thủ tướng Chính phủ thành lập với số tiền hàng chục tỉ đồng; tổ chức quyên góp, ủng hộ các thiết bị y tế thiết yếu cho các vùng dịch; ủng hộ tiền mặt và cung cấp hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu cho các “siêu thị 0 đồng”, “gian hàng 0 đồng”; “tủ lạnh cộng đồng”, “cây ATM gạo” “Bếp yêu thương”... và hàng trăm nghìn suất ăn miễn phí để giúp đỡ, hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn, không phân biệt có tôn giáo hay không có tôn giáo.

Bên cạnh đó, các tôn giáo ở Việt Nam cũng đã thể hiện tinh thần quốc tế, lòng nhân ái của người Việt Nam, ủng hộ cho các nước để phòng, chống dịch: Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ủng hộ bà con Việt kiều và chư tăng Phật giáo tại Campuchia 500 triệu đồng, ủng hộ bà con Việt kiều và chư tăng Phật giáo tại Lào 500 triệu đồng; trao tặng 133 máy thở và 50 máy tạo oxy trị giá gần 14 tỷ đồng ủng hộ Chính phủ và nhân dân Ấn Độ; trao tặng 2.000 bộ kit thử Covid-19 cho Chính phủ và nhân dân Nepal, trị giá 600 triệu đồng. Ban Caritas -Tổng

Giáo phận TP. Hồ Chí Minh có thư ngỏ gửi giáo sỹ, giáo dân Công giáo vận động đóng góp cho chương trình ủng hộ 4.000.000 khẩu trang y tế cho Tòa Giám mục Phnôm Pênh (Campuchia)... nhằm chung tay đẩy lùi dịch bệnh. Các hoạt động này cũng đã góp phần vào công tác đối ngoại nhân dân, thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong 8 năm thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và 03 năm thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo đã có gần 21.800 cơ sở thờ tự được sửa chữa, xây mới. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp hàng trăm hecta đất để xây dựng cơ sở thờ tự của các tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Công tác báo chí, xuất bản liên quan đến tôn giáo cũng được nhà nước Việt Nam quan tâm đáp ứng nhu cầu hoạt động với hàng ngàn bản in mỗi năm.

Hoạt động quốc tế của cá nhân, tổ chức tôn giáo góp phần thúc đẩy ngoại giao nhân dân trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế. Cùng với sự phát triển theo xu thế chung của thế giới và phù hợp với đường lối đối ngoại của Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tôn giáo mở rộng mối quan hệ với các tôn giáo trên thế giới, với hình thức ngày càng phong phú, thông qua trao đổi đoàn, thảo luận về giáo lý, giáo luật, lễ nghi; phương thức sinh hoạt; đào tạo, trao đổi về thần học và kinh sách; các hoạt động duy trì cơ cấu tổ chức giáo hội và liên đới cộng đồng tôn giáo; các hoạt động bác ái, từ thiện, viện trợ; các hoạt động tại các diễn đàn quốc tế với các chủ đề hòa bình, bình đẳng, tiến bộ xã hội, dân số và gia đình, môi trường và kinh tế, đạo đức xã hội và nghèo đói... đã góp phần giới thiệu hình ảnh, đất nước con người Việt Nam đến với bạn bè thế giới. Theo thống kê trong 4 năm qua, (từ 2015 -2019) đã có 175 tổ chức, với 690 đoàn ra nước ngoài học tập, dự hội nghị, hội thảo, tham gia các diễn đàn tôn giáo thế giới và khu vực; đăng cai, phối hợp tổ chức các Hội nghị, diễn đàn tôn giáo trong khuôn khổ Liên Hợp quốc, ASEAN, quốc tế... đã có khoảng 327 tổ chức, cá nhân tôn giáo nước ngoài, với 1.726 người nhập cảnh Việt Nam để hoạt động tôn giáo, nội dung hoạt động hướng dẫn khóa tu, giảng đạo và tham gia hội nghị, sự kiện của các tôn giáo ở Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều quan chức cấp cao của Vatican sang Việt Nam như: Hồng y C.Sepe, Hồng y Ivan Dias, Bộ trưởng Bộ loan tin mừng ...; Tổng giám mục Leopoldo Girelli, Đại diện không thường trú của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam đã thực hiện 8 chuyến thăm mục vụ tại các giáo phận Bắc, Trung, Nam... Tại các diễn đàn song phương, đa phương các tổ chức tôn giáo Việt Nam đã thể hiện rõ tinh thần yêu chuộng hòa bình và lòng tự

hào dân tộc, tích cực ủng hộ và đóng góp sáng kiến vào các tuyên bố chung, góp phần xây dựng thế giới hòa bình, giảm xung đột, bạo lực và chiến tranh vì lý do tôn giáo, sắc tộc.

Hoạt động hợp tác đào tạo, bồi dưỡng chức sắc được các tổ chức tôn giáo duy trì thường xuyên với hàng trăm tăng ni sinh Phật giáo tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại các nước Ấn Độ, Nhật Bản, Srilanka, Trung Quốc, Pháp, Thái Lan, Myanmar, Mỹ, Trung Quốc; gần 250 linh mục, tu sỹ Công giáo được đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành tôn giáo tại các nước Pháp, Italia, Philipin, Úc, Thụy Sĩ, Áo, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha; hơn 20 mục sư, mục sư nhiệm chức thuộc các hệ phái Tin lành đã được công nhận tư cách pháp nhân được đào tạo về thần học tại Hoa Kỳ, Hồng Kông... Hầu hết các tiến sĩ là chức sắc, tu sỹ tôn giáo đều được đào tạo ở nước ngoài.

Trong quá trình đổi mới, hội nhập của Việt Nam, hoạt động quốc tế của các tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Hoạt động quốc tế của các tôn giáo gia tăng về số lượng, phong phú về đối tác, đa dạng về nội dung, hình thức góp phần giới thiệu hình ảnh, đất nước con người Việt Nam ra thế giới; nổi bật như các hoạt động: Giáo hội Tin lành đã tổ chức thành công lễ kỷ niệm 500 năm cải chánh đạo Tin lành và kỷ niệm 100 năm Tin lành vào Việt Nam năm 2011; Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ 11 năm 2009; giáo hội Công giáo tổ chức Tổng hội Dòng Đa minh thế giới tại Đồng Nai), với đại biểu của hơn 80 Quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia; Hội đồng giám mục Châu Á Giáo hội Phật giáo tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hợp quốc năm 2019 tại chùa Tam Chúc, tỉnh Hà Nam với sự tham dự của 1.650 đại biểu đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ)... các hoạt động tôn giáo quốc tế tổ chức tại Việt Nam đều thành công tốt đẹp, đạt được mục tiêu, tuân thủ pháp luật, an toàn, trang trọng, giàu bản sắc dân tộc Việt Nam, gây ấn tượng với bạn bè quốc tế về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của Việt Nam, khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quy tụ kiều bào có tín ngưỡng, tôn giáo trong nước và ngoài nước đoàn kết để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và đặc biệt là ngoại giao văn hoá - tôn giáo, góp phần tích cực trong hội nhập, phát triển và giữ gìn văn hóa dân tộc, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Mặc dù đất nước ta còn nhiều khó khăn và phải trải qua các cuộc kháng chiến lâu dài, tàn khốc mà đến nay vẫn còn hậu quả nặng nề. Song có thể khẳng định

những thành tựu về thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đã chứng minh sự thay đổi về đời sống, tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng tiến bộ và tích cực đã làm sáng tỏ chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước làm cho chức sắc, tín đồ củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước, đã góp phần ổn định chính trị xã hội, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế đất nước. và khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc trong đồng bào tín đồ các tôn giáo. Những chuyển biến trong đời sống tôn giáo trong những năm qua đã góp phần giới thiệu với cộng đồng quốc tế về hình ảnh đất nước Việt Nam đổi mới, hòa bình, ổn định và phát triển; phản bác luận điệu xuyên tạc, thổi phồng, bóp méo của những tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí và chứng minh rằng, những luận điệu đó chỉ là những tiếng nói lạc lõng, với âm mưu đen tối của thế lực xấu nhằm phá hoại công cuộc xây dựng và phát triển.

Cho đến hôm nay, những quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta đã làm chuyển biến và hướng các tôn giáo về mục tiêu của cách mạng là xây dựng đất nước “Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, văn minh” đã thể hiện sự đúng đắn của đường lối, quan điểm chỉ đạo về công tác tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, trong tổ chức thực hiện, còn có hiện tượng nhận thức nóng vội, làm cho vấn đề trở nên phức tạp, Đảng, Nhà nước đã kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn để công tác tôn giáo trở lại nề nếp và đúng hướng, để các tôn giáo luôn đồng hành với dân tộc và chính quyền các cấp.

#### **IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM**

Việc đấu tranh ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược lâu dài, là trách nhiệm của các cấp các ngành và của cả hệ thống chính trị, trong đó cơ quan quản lý nhà nước có vai trò quan trọng và đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và tập trung tham mưu làm tốt các nội dung cơ bản như sau:

**Thứ nhất:** Rà soát tham mưu xây dựng, sửa đổi văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với công ước Quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết; phù hợp với các văn bản pháp luật chuyên ngành; hạn chế xung đột pháp luật; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước; tăng cường tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, tín đồ tôn giáo hiểu và nâng cao cảnh giác, không nghe, không tin luận điệu xuyên tạc của thế lực xấu lợi dụng tôn giáo nhằm chống phá Việt Nam.

**Thứ hai:** Quan tâm giải quyết nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng theo đúng quy định của pháp luật. Các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện và

ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo tuyên truyền mê tín dị đoan, phát triển các nhóm, phái tôn giáo mới trái quy định, hoạt động phức tạp, xâm lấn ở nhiều tỉnh, thành phố gây phức tạp trong xã hội, gây mất đoàn kết giữa các tôn giáo, tạo bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chủ động thông tin tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện truyền thông để vạch rõ âm mưu, thủ đoạn, bản chất lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo của đối tượng xấu, đối tượng cơ hội, các việc làm vi phạm pháp luật, giáo luật của số chức sắc cực đoan lợi dụng tôn giáo.

**Thứ ba:** Các cơ cơ chức năng chủ động phối hợp chặt chẽ, có cơ chế biện pháp đấu tranh, phản bác, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo chống Việt Nam, hạn chế sơ hở để các thế lực xấu lợi dụng chống phá. Vì cuộc đấu tranh về dân chủ, nhân quyền và lợi dụng tôn giáo là cuộc đấu tranh chính trị lâu dài, phức tạp.

**Thứ tư:** Định kỳ sơ kết rút kinh nghiệm về những việc đã làm được, có giải pháp khắc phục những hạn chế thiếu sót trong xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật, đảm bảo thực hiện ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, củng cố niềm tin của chức sắc tôn giáo và đồng bào có đạo với Đảng, Nhà nước, làm thất bại âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống Việt Nam về “ dân chủ, nhân quyền và tôn giáo”. Chủ động thông tin, đối ngoại, cung cấp kết quả, thành tựu trong thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn chức sắc tôn giáo khi tham dự các cơ chế đối thoại, hội nghị, hội thảo quốc tế, khu vực thực hiện đúng chính sách, pháp luật Việt Nam, bảo vệ lợi ích quốc gia; tranh thủ, vận động các tôn giáo đồng đạo và chính giới các nước ủng hộ Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Hướng dẫn số 14-HD/BTGTW về công tác tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo*, Ban Tuyên giáo Trung ương, ngày 19/7/2021.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Kỹ năng nhận diện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (mang yếu tố tâm linh) với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có yếu tố mê tín dị đoan, vi phạm pháp luật?
2. Kỹ năng đấu tranh với hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật (cần quan tâm tới nội dung gì, tại sao?)